

HIEN KIEP KINH Q1

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiền Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiền Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh.

No. 425

南無阿彌陀佛.

Nam-mô A Di Đà Phật.

誦念賢劫經.

Tụng niệm Hiền Kiếp Kinh.

香讚.

Hương tán:

Ca ngợi hương .

爐香乍熱. 法界蒙薰. 諸佛海會悉遙聞.

Lô hương sạ nhiệt. Pháp giới mông huân. Chư Phật hải hội tất dao văn.

Lư hương vừa đốt, cõi Pháp thêm thơm. Các Phật các hội từ xa đều biết.

隨處結祥雲. 誠意方殷. 諸佛現全身.

Tùy xứ kết tường vân. Thành ý phương ân. Chư Phật hiện toàn thân.

Tùy xứ kết mây lành. Thành ý ân sâu. Các Phật hiện toàn thân.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩.

Nam mô Hương Vân Cái Bồ-tát Ma-ha-tát.

戒香定香與慧香 . 解脫解脫知見香 .

Giới hương Định hương dữ Tuệ hương. Giải thoát giải thoát Tri-kiến hương.

Hương Giới, hương Định và hương Tuệ. Hương Giải thoát, Giải thoát Thấy biết.

光明雲臺遍法界 . 供養十方三寶前 .

Quang minh Vân đài biến Pháp giới. Cúng dường thập phương Tam-bảo tiền.

Đài quang chiếu sáng khắp Pháp giới. Cúng dường trước Tam Bảo mười phương .

南無香供養菩薩摩訶薩

Nam-mô Hương cúng dường Bồ-tát Ma-ha-tát.

一心頂禮盡虛空遍法界十方三世一切常住三寶.

Nhất tâm đỉnh lễ Tận hư không biến Pháp giới Thập Phương Tam thể nhất thiết Thường Trụ

Tam Bảo.

讚佛揭:

Tán Phật kệ:

Bài ca ngợi Phật

如來妙色身 . 世間無與等 . 無比不思議 . 是故今頂禮 .

Như Lai diệu sắc thân. Thế gian vô dũ đẳng. Vô tỉ bất tư nghị. Thị cố kim đỉnh lễ.

Thân Như Lai diệu sắc. Thế gian không sánh bằng. Không suy bàn tính toán. Vì thế nay đỉnh lễ.

如來色無盡 . 智慧亦復然 . 一切法常住 . 是故我皈依 .

Như Lai sắc vô tận. Trí tuệ diệc phục nhiên. Nhất thiết Pháp thường trụ. Thị cố Ngã quy y.

Thân Như Lai vô tận. Trí tuệ cũng như nhau. Tất cả Pháp thường trụ. Vì thế con đi theo.

大智大願力 . 普度於眾生 . 令舍熱惱身 . 生彼清涼國 .

Đại trí đại nguyện lực. Phổ độ ư chúng sinh. Linh xả nhiệt não thân. Sinh bỉ thanh lương quốc.

Trí lớn lực nguyện lớn. Cứu độ khắp chúng sinh. Giúp bỏ thân phiền não. Sinh về Nước sạch mát.

我今淨三業 . 皈依及禮讚 . 願共諸眾生 . 同生安樂剎 .

Ngã kim tịnh Tam-Nghiệp. Quy y cập lễ tán. Nguyện cộng chư chúng sinh. Đồng sinh An lạc sát.

Con nay ba Nghiệp sạch. Đi theo lễ ca ngợi. Nguyện cùng các chúng sinh. Cùng sinh nước An Lạc.

唵 . 怕日囉勿 .

Yêm. Phạ nhật la vật.

天上天下無如佛 . 十方三世亦無比 .

Thiên thượng Thiên hạ vô như Phật. Thập phương Thế giới diệc vô tỉ.

Trên Trời dưới đất không ai như Phật. Mười phương Thế giới cũng không bằng.

世間所有我盡見 . 一切無有如佛者 .

Thế gian sở hữu ngã tận kiến. Nhất thiết vô hữu như Phật Giả.

Phật thấy rõ hết mọi việc Thế gian. Tất cả ‘Không Có’ giống như Phật Giả.

一心頂禮本師釋迦牟尼佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật .

一心頂禮極樂世界阿彌陀佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Cực lạc Thế giới A Di Đà Phật .

一心頂禮賢劫經 .

Nhất tâm đỉnh lễ Hiền Kiếp Kinh

一心頂禮賢劫千佛

Nhất tâm đỉnh lễ Hiền Kiếp Thiên Phật.

一心頂禮九十九百千萬億佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Cửu thập cửu bách thiên vạn ức Phật.

一心頂禮十 方三世一切諸佛 .

Nhất tâm đỉnh lễ Thập phương Tam-thế nhất thiết chư Phật .

一心頂禮喜王菩薩.

Nhất tâm đảnh lễ Hi Vương Bồ Tát.

一心頂禮清淨大海眾菩薩.

Nhất tâm đảnh lễ Thanh tịnh Đại hải chúng Bồ Tát.

開經揭.

Khai Kinh kệ.

Bài kệ mở Kinh.

無上甚深微妙法 . 百千萬劫難遭遇 .

Vô Thượng thâm thâm vi diệu Pháp . Bách thiên vạn Kiếp nan tao ngộ .

Pháp Bình Đẳng thâm sâu màu nhiệm . Trăm nghìn vạn Kiếp khó gặp được .

我今見聞得受持 . 願解如來真實義 .

Ngã kim kiến văn đắc thụ trì . Nguyên giải Như Lai chân thực nghĩa .

Con nay nghe thấy liền ghi nhớ . Nguyên hiểu nghĩa chân thực của Phật .

淨口業真言 :

Tịnh Khẩu-Nghiệp chân ngôn :

唵 . 修唎修唎 , 摩訶修唎 , 修修唎 , 薩婆訶 .

Yêm . Tu lị tu lị , ma ha tu lị , tu tu lị , tát bà ha .

淨身業真言 :

Tịnh Thân-Nghiệp chân ngôn :

唵 . 修哆唎 , 修哆唎 , 修摩唎 , 修摩唎 , 薩婆訶 .

Yêm . Tu đa lị , tu đa lị , tu ma lị , tu ma lị , tát bà ha .

淨意業真言 :

Tịnh Ý-Nghiệp chân ngôn :

唵 . [□*縛] 日囉怛訶賀斛 .

Yêm . Phục nhật la đất ha hạ hộc .

淨三業真言 :

Tịnh Tam-Nghiệp chân ngôn :

唵 . 娑[□*縛] , 娑[□*縛] , 秣 馱 娑[□*縛] , 達摩娑[□*縛] , 婆[□*縛] 秣 度憾 .

Yêm . Sa phục , sa phục , thuật đà sa phục , đạt ma sa phục , bà phục thuật độ hám .

安土地真言 :

An thổ địa chân ngôn :

南無三滿哆沒馱喃 . 唵 . 度嚕度嚕 , 地尾 , 薩婆訶 .

Nam mô tam mãn đa một đà nam . Yêm . Độ lỗ độ lỗ , địa vĩ , tát bà ha .

普供養真言 :

Phổ cúng dường chân ngôn :

唵 . [言我] [言我] 嚕三婆[□*縛] 伐日囉斛 .

Yêm . Nga nga nãng tam bà phục , phạt nhật la hộc .

南無賢劫經。

Nam-mô Hiền Kiếp Kinh.

南無賢劫千佛

Nam-mô Hiền Kiếp Thiên Phật.

喜王菩薩復白佛言：唯然世尊！

Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn：Duy nhiên Thế Tôn！

Hi Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng：Tuy nhiên Thế Tôn！

今此會中寧有大士得此定意者乎？

Kim thử hội trung ninh hữu Đại-sĩ đắc thử Định ý giả hô？

Nay trong hội này chắc chắn có Bồ Tát được Định ý này chăng？

入斯八千四百諸度無極耶。及八萬四千度無極法。

Nhập tư bát thiên tứ bách chư Độ vô cực da. Cập bát vạn tứ thiên Độ vô cực Pháp.

Nhập vào 8 nghìn 4 trăm các Pháp Tối Niết Bàn đó. Cùng với 8 vạn 4 nghìn Pháp Tối Niết Bàn.

入八萬四千諸三昧門乎？

Nhập bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn hô？

Nhập vào 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội chăng？

佛告喜王菩薩。今此會中有菩薩大士。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát！Kim thử hội trung hữu Bồ-tát Đại-sĩ.

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát！Nay ở trong Hội này có Bồ Tát Đại Sĩ.

得此定意諸度無極。復得入斯八萬四千諸三昧門。不但此諸開士。

Đắc thử Định ý chư Độ vô cực. Phục đắc nhập tư Bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn. Bất đãn thử chư Khai-sĩ.

Được Định ý này các Pháp Tối Niết Bàn. Lại được nhập vào 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội.

Không chỉ có các Bồ Tát này.

及當來學斯賢劫中成最正覺。一千如來是也除四如來也。

Cập Đương-lai học tư Hiền Kiếp trung thành Tối Chính-giác. Nhất thiên Như Lai thị dã trừ tư Như Lai dã.

Cùng với người học thời sắp tới ở trong Kiếp Hiền đó thành Tối Chính Giác. Nghìn Như Lai là như thế cũng ngoại trừ 4 Như Lai.

前逮無上正真為最正覺者也。亦逮是三昧。

Tiền逮 Vô-thượng Chính-chân vi Tối Chính-giác giả dã. Diệc逮 thị Tam-muội.

Trước kia bắt lấy Bình Đẳng Chân Chính cũng là Tối Chính Giác. Cũng bắt lấy Tam Muội đó.

喜王菩薩復白佛言。善哉世尊。唯以加哀。

Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn：Thiện tai！Thế Tôn！Duy dĩ gia ai.

Hi Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng：Thiện thay！Thế Tôn！Chỉ được tăng thêm thương xót.

當宣此諸菩薩名字姓號。多所哀念多所安隱。

Đương tuyên thử chư Bồ-tát danh tự tính hiệu. Đa sở ai niệm đa sở an ổn.

Cần đọc tên hiệu họ của các Bồ Tát này. Được nhiều thương nhớ được nhiều yên ổn.

愍傷諸天及十方人。護於正典當令道法而得久存。

Mẫn thương chư Thiên cập Thập phương nhân. Hộ ư chính điển đương linh Đạo Pháp nhi đắc cứu tồn.

Thương xót các Trời cùng với người 10 phương. Bảo vệ Kinh điển đúng đang giúp cho Đạo Pháp mà được tồn tại lâu dài.

為將來學諸菩薩施。顯示光明行無上正真之道而因成就。

Vị Tương-lai học chư Bồ-tát thí. Hiện thị Quang-minh hành Vô-thượng Chính-chân chi đạo nhi nhân thành tựu.

Vì người học thời Tương lai Bồ thí các Bồ Tát. Hiện ra rõ Quang sáng thực hành Đạo Bình Đẳng Chân Chính mà nhân đó thành công.

佛告喜王菩薩！諦聽諦聽善思念之！當為汝說千佛名號。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Để thính ! Để thính thiện tư niệm chi ! Đương vì Nhữ thuyết thiên Phật danh hiệu.

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Nghe Tuệ ! Nghe Tuệ tư duy Tuệ tu Tuệ ! Đang vì Ngài nói tên hiệu nghìn Phật.

喜王菩薩與諸大眾受教而聽。

Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo nhi thính.

Hi Vương Bồ Tát cùng với các Đại Chúng nhận lời giáo huấn mà lắng nghe.

爾時世尊便歎詠說諸佛名字。

Nhĩ thời Thế Tôn tiện thán vịnh thuyết chư Phật danh tự.

Khi đó Thế Tôn liền ca ngợi nói tên hiệu của các Phật.

善思議 諸佛音 唯念安

Thiện Tư Nghị. Chư Phật Âm. Duy Niệm An.

離垢稱 大名聞 明珠髻

Ly Cấu Xưng. Đại Danh Văn. Minh Châu Kế.

堅師子 獨遊步 捨所念

Kiên Sư Tử. Độc Du Bộ. Xả Sở Niệm.

及智積 意善住 無極像

Cập Trí Tích. Ý Thiện Trụ. Vô Cực Tượng.

無量覺 言妙顏 慧光曜

Vô Lượng Giác. Ngôn Diệu Nhan. Tuệ Quang Diệu.

消強意 能擁護 至誠英

Tiêu Cường Ý. Năng Ủng Hộ. Chí Thành Anh.

蓮華界 眾諸安 聖慧業

Liên Hoa Giới. Chúng Chư An. Thánh Tuệ Nghiệp.

將功勳 無思議 淨梵施

Tướng Công Huân. Vô Tư Nghị. Tịnh Phạm Thí.

寶事業 處天華 善思惟

Bảo Sự Nghiệp. Xứ Thiên Hoa. Thiện Tư Duy.

無限法 名聞音 以辦積

Vô Hạn Pháp. Danh Văn Âm. Dĩ Biện Tích.

自在門 十種力 有十力

Tự Tại Môn. Thập Chủng Lực. Hữu Thập Lực.

大聖德 無所越 遊寂然

Đại Thánh Đức. Vô Sở Việt. Du Tịch Nhiên.

在於彼 無數天 須彌光

Tại Ư Bì. Vô Số Thiên. Tu Di Quang.

極重藏 因越度 而獨步

Cực Trọng Tạng. Nhân Việt Độ. Nhi Độc Bộ.

威神勝 大部界 以止護

Uy Thần Thắng. Đại Bộ Giới. Dĩ Chỉ Hộ.

將三界 有功勳 宣名稱

Tướng Tam Giới. Hữu Công Huân. Tuyên Danh Xưng.

日光明 師子英 時節王

Nhật Quang Minh. Sư Tử Anh. Thời Tiết Vương.

師子藏 示現有 光遠照

Sư Tử Tạng. Thị Hiện Hữu. Quang Viễn Chiếu.

止師子 有所施 莫能勝

Chỉ Sư Tử. Hữu Sở Thí. Mạc Năng Thắng.

為最幢 喜悅稱 堅精進

Vi Tối Tràng. Hỷ Duyệt Xưng. Kiên Tinh Tiến.

無損減 有名稱 無恐怖

Vô Tồn Giảm. Hữu Danh Xưng. Vô Khủng Bô.

無著天 大燈明 世光曜

Vô Trước Thiên. Đại Đăng Minh. Thế Quang Diệu.

微妙音 執功勳 除闇冥

Vi Diệu Âm. Chấp Công Huân. Trừ Ám Minh.

無等倫

Vô Đẳng Luân.

佛告喜王菩薩！當歎頌斯諸菩薩。

Phật cáo Hi-Vương Bồ-tát ! Đương tán tụng tư chư Bồ-tát.

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Cần ca ngợi tụng các Bồ Tát đó.

等於賢劫中當成佛者。所有名號。

Đẳng ư Hiền Kiếp trung đương thành Phật giả. Sở hữu danh hiệu :

Cùng ở trong Kiếp Hiền họ đang thành Phật. Có được tên hiệu :

拘留孫 含牟尼 其迦葉

Câu Lưu Tôn. Hàm Mâu Ni. Kỳ Ca Diệp.

釋迦文 慈氏佛 師子焰

Thích Ca Văn. Từ Thị Phật. Sư Tử Diệm.

柔仁佛 及妙華 善星宿

Nhu Nhân Phật. Cập Diệu Hoa. Thiện Tinh Tú.

及導師 大豐多 大力佛

Cập Đạo Sư. Đại Phong Đa. Đại Lực Phật.

星宿王 其藥氏 寂然英

Tinh Tú Vương. Kỳ Dược Thị. Tịch Nhiên Anh.

大光明 牟尼佛 等過品

Đại Quang Minh. Mâu Ni Phật. Đẳng Quá Phẩm.

具足品 等二事 而照明

Cụ Túc Phẩm. Đẳng Nhị Sự. Nhi Chiếu Minh.

日藏佛 月光曜 善明佛

Nhật Tạng Phật. Nguyệt Quang Diệu. Thiện Minh Phật.

無憂佛 摠含曜 照執華

Vô Ưu Phật. Tổng Hàm Diệu. Chiếu Chấp Hoa.

功勳光 因現義 定光施

Công Huân Quang. Nhân Hiện Nghĩa. Định Quang Thí.

興盛佛 好導師 頂光明

Hưng Thịnh Phật. Hào Đạo Sư. Đỉnh Quang Minh.

威神首 難勝氏 德幢佛

Uy Thần Thủ. Nan Thắng Thị. Đức Tràng Phật.

靜閑居 梵音響 順次堅

Tĩnh Nhân Cư. Phạm Âm Hưởng. Thuận Thứ Kiên.

無本氏 造光佛 大山氏

Vô Bản Thị. Tạo Quang Phật. Đại Sơn Thị.

智金剛 億無畏 寶蓮華

Trí Kim Cương. Úc Vô Úy. Bảo Liên Hoa.

力人將 華光氏 以棄愛

Lực Nhân Tướng. Hoa Quang Thị. Dĩ Khí Ái.

大威佛 梵氏佛 無量佛

Đại Uy Phật. Phạm Thị Phật. Vô Lượng Phật.

龍施佛 龍施進 堅固步

Long Thí Phật. Long Thí Tiến. Kiên Cố Bộ.

無虛見 施精佛 解縛佛

Vô Hư Kiến. Thí Tinh Phật. Giải Phục Phật.

不退沒 師子幢 迦法勝

Bất Thoái Môt. Sư Tử Tràng. Ca Pháp Thắng.

喜王佛 號妙御 受名稱

Hỉ Vương Phật. Hiệu Diệu Ngự. Thụ Danh Xưng.

德豐多 眾香手 離垢光

Đức Phong Đa. Chúng Hương Thủ. Ly Cấu Quang.

師子頰 號寶稱 滅除穢

Sư Tử Giáp. Hiệu Bảo Xưng. Diệt Trừ Uế.

無量佛 號總持 雄人月

Vô Lượng Phật. Hiệu Tổng Trì. Hùng Nhân Nguyệt.

善見佛 逮嚴佛 明珠光

Thiện Kiến Phật. Đãi Nghiêm Phật. Minh Châu Quang.

山頂英 號法事 了義理

Sơn Đỉnh Anh. Hiệu Pháp Sự. Liễu Nghĩa Lý.

情性調 寶品佛 念勝根

Tình Tính Điều. Bảo Phẩm Phật. Niệm Thắng Căn.

樂欲度 住立覺 了別黨

Lạc Dục Độ. Trụ Lập Giác. Liễu Biệt Đảng.

超越尊 首最佛 兩音聲

Siêu Việt Tôn. Thủ Tối Phật. Vũ Âm Thanh.

善思惟 有善意 離垢稱

Thiện Tư Duy. Hữu Thiện Ý. Ly Cấu Xưng.

大名聞 明珠淨 堅師子

Đại Danh Văn. Minh Châu Tịnh. Kiên Sư Tử.

住長樹 捨思惟 智慧頂

Trụ Trường Thọ. Xả Tư Duy. Trí Tuệ Đỉnh.

善住立 有志意 無量意

Thiện Trụ Lập. Hữu Chí Ý. Vô Lượng Ý.

妙顏色 聖慧光 誓堅固

Diệu Nhan Sắc. Thánh Tuệ Quang. Thệ Kiên Cố.

吉祥善 有妙英 人蓮華

Cát Tường Thiện. Hữu Diệu Anh. Nhân Liên Hoa.

所在安 慧造佛 功勳布

Sở Tại An. Tuệ Tạo Phật. Công Huân Bố.

光暉佛 梵天施 寶事佛

Quang Huy Phật. Phạm Thiên Thí. Bảo Sự Phật.

妙好華 天神錠 善思義

Diệu Hảo Hoa. Thiên Thần Đĩnh. Thiện Tư Nghĩa.

治自在 名聞意 積辯才

Trì Tự Tại. Danh Văn Ý. Tích Biện Tài.

金剛幢 光曜炎 第十佛

Kim Cương Tràng. Quang Diệu Viêm. Đệ Thập Phật.

諸佛號 各如是 無越樂

Chư Phật Hiệu. Các Như Thị. Vô Việt Lạc.

遊寂靜 有勢王 閑天佛

Du Tịch Tĩnh. Hữu Thế Vương. Nhàn Thiên Phật.

山幢佛 炎重聖 光亦然

Sơn Tràng Phật. Viêm Trọng Thánh. Quang Diệc Nhiên.

寶藏佛 不樂越 勝大界

Bảo Tạng Phật. Bất Lạc Việt. Thắng Đại Giới.

三世護 號德稱 月炎光

Tam Thế Hộ. Hiệu Đức Xưng. Nguyệt Viêm Quang.

晃明照 臨以時 行首藏

Hoảng Minh Chiếu. Lâm Dĩ Thời. Hạnh Thủ Tạng.

所奉行 而示現 焰照佛

Sở Phụng Hành. Nhi Thị Hiện. Diệm Chiếu Phật.

光明尊 紫金山 師子施

Quang Minh Tôn. Tử Kim Sơn. Sư Tử Thí.

莫能幢 人中王 光炎稱

Mạc Năng Tràng. Nhân Trung Vương. Quang Viêm Xưng.

堅精進 無損稱 離於畏

Kiên Tinh Tiến. Vô Tổn Xưng. Ly Ư Ủy.

無著天 大燈明 饒益世

Vô Trước Thiên. Đại Đăng Minh. Nhiều Ích Thế.

微美香 特德尊 損於冥

Vi Mỹ Hương. Đặc Đức Tôn. Tổn Ư Minh.

第等倫 得自在 師子誓

Đệ Đẳng Luân. Đắc Tự Tại. Sư Tử Thệ.

名寶稱 消滅穢 執甘露

Danh Bảo Xưng. Tiêu Diệt Uế. Chấp Cam Lộ.

意中月 日無畏 以莊嚴

Ý Trung Nguyệt. Nhật Vô Ủy. Dĩ Trang Nghiêm.

意珠光 首英項 造法本
Ý Châu Quang. Thủ Anh Hạng. Tạo Pháp Bản.
第一義 決眾理 施所願
Đệ Nhất Nghĩa. Quyết Chúng Lý. Thí Sở Nguyện.
寶品身 重根劫 欲濟度
Bảo Phẩm Thân. Trọng Căn Kiếp. Dục Tế Độ.
樂意住 分別部 師子音
Lạc Ý Trụ. Phân Biệt Bộ. Sư Tử Âm.
號戲樂 柔男子 清和佛
Hiệu Hí Lạc. Nhu Nam Tử. Thanh Hòa Phật.
龍光佛 華山氏 龍忻豫
Long Quang Phật. Hoa Sơn Thị. Long Hân Dự.
香甚豪 名稱佛 勢大天
Hương Thâm Hào. Danh Xung Phật. Thế Đại Thiên.
功勳鬘 饒益龍 嚴飾目
Công Huân Man. Nhiêu Ích Long. Nghiêm Súc Mục.
善行道 至成佛 愍傷氏
Thiện Hành Đạo. Chí Thành Phật. Mẫn Thương Thị.
了慧佛 無量氏 顯明佛
Liễu Tuệ Phật. Vô Lượng Thị. Hiển Minh Phật.
號至誠 日光曜 以決意
Hiệu Chí Thành. Nhật Quang Diệu. Dĩ Quyết Ý.
無限佛 顏貌像 照明佛
Vô Hạn Phật. Nhan Mạo Tượng. Chiếu Minh Phật.
寶英氏 決狐疑 師子顧
Bảo Anh Thị. Quyết Hồ Nghi. Sư Tử Cố.
至安穩 號柔(歹*(葛-白+日)) 善脅佛
Chí An Ổn. Hiệu Nhu Viêt. Thiện Hiệp Phật.
不虛覺 妙華英 帝石根
Bất Hư Giác. Diệu Hoa Anh. Đế Thạch Căn.
號大威 造作現 無量佛
Hiệu Đại Uy. Tạo Tác Hiện. Vô Lượng Phật.
名稱寶 天隨氏 解義矣
Danh Xung Bảo. Thiên Tùy Thị. Giải Nghĩa Hĩ.
具足意 稱高藏 無憂佛
Cụ Túc Ý. Xung Cao Tạng. Vô Ưu Phật.
離垢氏 梵天佛 總持豪

Ly Cầu Thị. Phạm Thiên Phật. Tổng Trì Hào.

目華佛 離行體 號法光

Mục Hoa Phật. Ly Hành Thể. Hiệu Pháp Quang.

無毀現 德喜悅 三界奉

Vô Hủy Hiện. Đức Hỷ Duyệt. Tam Giới Phụng.

名開葉 寶光氏 寶英佛

Danh Khai Diệp. Bảo Quang Thị. Bảo Anh Phật.

上名聞 造光佛 無量威

Thượng Danh Văn. Tạo Quang Phật. Vô Lượng Uy.

以隨時 師子身 明意佛

Dĩ Tùy Thời. Sư Tử Thân. Minh Ý Phật.

難勝氏 功德體 名稱英

Nan Thắng Thị. Công Đức Thể. Danh Xung Anh.

得力勢 遊無限 離垢月

Đắc Lực Thế. Du Vô Hạn. Ly Cầu Nguyệt.

普現義 勇猛佛 功福富

Phổ Hiện Nghĩa. Dũng Mãnh Phật. Công Phúc Phú.

月燈光 至德曜 意離垢

Nguyệt Đăng Quang. Chí Đức Diệu. Ý Ly Cầu.

善寂然 號善天 永捨垢

Thiện Tịch Nhiên. Hiệu Thiện Thiên. Vĩnh Xả Cầu.

以無勝 執殊供 無量氏

Dĩ Vô Thắng. Chấp Thù Cung. Vô Lượng Thị.

最好曜 無卑藏 無所住

Tối Hảo Diệu. Vô Ti Tạng. Vô Sở Trụ.

以復覺 日尊重 俗之光

Dĩ Phục Giác. Nhật Tôn Trọng. Tục Chi Quang.

日善佛 福豐饒 興威氏

Nhật Thiện Phật. Phúc Phong Nhiêu. Hưng Uy Thị.

號無量 意吉祥 行帝王

Hiệu Vô Lượng. Ý Cát Tường. Hành Đế Vương.

消罷勞 施無熱 施名聞

Tiêu Bại Lao. Thí Vô Nhiệt. Thí Danh Văn.

施興華 施齊士 金剛佛

Thí Hưng Hoa. Thí Tề Sĩ. Kim Cương Phật.

將大施 號意寂 順香手

Tướng Đại Thí. Hiệu Ý Tịch. Thuận Hương Thủ.

鉤鑠氏 號善施 無所卑
Câu Tỏa Thị. Hiệu Thiện Thí. Vô Sở Ti.
廉恪佛 月晃昱 炎英佛
Liên Khắc Phật. Nguyệt Hoảng Dục. Viêm Anh Phật.
大吉祥 寂然慧 號吉義
Đại Cát Tường. Tịch Nhiên Tuệ. Hiệu Cát Nghĩa.
甚山頂 甚調良 蓮華氏
Thậm Sơn Đỉnh. Thậm Điều Lương. Liên Hoa Thị.
無著稱 遊聖慧 離于冥
Vô Trước Xung. Du Thánh Tuệ. Ly Vu Minh.
充滿佛 所在安 郡無損
Sung Mãn Phật. Sở Tại An. Quận Vô Tổn.
名稱天 勤現行 月氏佛
Danh Xung Thiên. Cần Hiện Hành. Nguyệt Thị Phật.
多功勳 寶月佛 師子幢
Đa Công Huân. Bảo Nguyệt Phật. Sư Tử Tràng.
樂於慧 無所損 號不戲
Lạc Ư Tuệ. Vô Sở Tổn. Hiệu Bất Hí.
樂功德 無著佛 名聞氏
Lạc Công Đức. Vô Trước Phật. Danh Văn Thị.
蓮華葉 辦大藏 稱明珠
Liên Hoa Diệp. Biện Đại Tạng. Xung Minh Châu.
號金剛 無量壽 淨明珠
Hiệu Kim Cương. Vô Lượng Thọ. Tịnh Minh Châu.
大根本 超眾惡 名稱月
Đại Căn Bản. Siêu Chúng Ác. Danh Xung Nguyệt.
忻喜光 無所犯 寶意月
Hân Hỷ Quang. Vô Sở Phạm. Bảo Ý Nguyệt.
號寂然 明王施 妙道御
Hiệu Tịch Nhiên. Minh Vương Thí. Diệu Đạo Ngự.
猶自在 寶結佛 以離畏
Do Tự Tại. Bảo Kết Phật. Dĩ Ly Úy.
寶藏佛 若干月 離垢稱
Bảo Tạng Phật. Nhược Can Nguyệt. Ly Cấu Xung.
號寂滅 天恭敬 閑淨天
Hiệu Tịch Diệt. Thiên Cung Kính. Nhàn Tịnh Thiên.
善威佛 寶愛敬 寶品佛

Thiện Uy Phật. Bảo Ái Kính. Bảo Phẩm Phật.

寶遊步 師子黨 勝不淨

Bảo Du Bộ. Sư Tử Đẳng. Thắng Bất Tịnh.

善意佛 光照世 寶威神

Thiện Ý Phật. Quang Chiếu Thế. Bảo Uy Thân.

離樂氏 號憶智 好清淨

Ly Lạc Thị. Hiệu Úc Trí. Hảo Thanh Tịnh.

化外業 以香手 意炎佛

Hóa Ngoại Nghiệp. Dĩ Hương Thủ. Ý Viêm Phật.

山幢幡 善妙意 堅固燈

Sơn Tràng Phan. Thiện Diệu Ý. Kiên Cố Đẳng.

威神強 號珠鎧 人堅佛

Uy Thần Cường. Hiệu Châu Khải. Nhân Kiên Phật.

安住月 號梵音 師子月

An Trụ Nguyệt. Hiệu Phạm Âm. Sư Tử Nguyệt.

威神首 號善生 莫能勝

Uy Thần Thủ. Hiệu Thiện Sinh. Mạc Năng Thắng.

月氏佛 慈眾諸 日大趣

Nguyệt Thị Phật. Từ Chúng Chư. Nhật Đại Thú.

山光暉 至德頂 大名聞

Sơn Quang Huy. Chí Đức Đỉnh. Đại Danh Văn.

號法稱 施光佛 炎曜施

Hiệu Pháp Xưng. Thí Quang Phật. Viêm Diệu Thí.

作至誠 修命業 以善時

Tác Chí Thành. Tu Mệnh Nghiệp. Dĩ Thiện Thời .

善甚重 決了意 志念行

Thiện Thâm Trọng. Quyết Liễu Ý. Chí Niệm Hạnh.

明珠香 勝忻喜 師子光

Minh Châu Hương. Thắng Hân Hỉ. Sư Tử Quang.

號照明 上名聞 善山氏

Hiệu Chiếu Minh. Thượng Danh Văn. Thiện Sơn Thị.

晃昱珠 號光勢 勢無卑

Hoảng Dục Châu. Hiệu Quang Thế. Thế Vô Ti.

勤修焰 明珠月 在世尊

Cần Tu Diệm. Minh Châu Nguyệt. Tại Thế Tôn.

吉祥手 寶忻樂 閑靜明

Cát Tường Thủ. Bảo Hân Lạc. Nhân Tĩnh Minh.

好寂道 光嚴哀 所到寂
Hào Tịch Đạo. Quang Nghiêm Ai. Sở Đáo Tịch.
世善樂 號無憂 順十所
Thế Thiện Lạc. Hiệu Vô Ưu. Thuận Thập Sở.
忻樂力 勢力首 勢威王
Hân Lạc Lực. Thế Lực Thủ. Thế Uy Vương.
大勢至 功勳藏 言至誠
Đại Thế Chí. Công Huân Tạng. Ngôn Chí Thành.
上安穩 炎明佛 大光氏
Thượng An Ổn. Viêm Minh Phật. Đại Quang Thị.
德光明 號寶首 光演香
Đức Quang Minh. Hiệu Bảo Thủ. Quang Diễn Hương.
造燈明 吉像手 善華葉
Tạo Đăng Minh. Cát Tượng Thủ. Thiện Hoa Diệp.
珍寶佛 江海氏 執持地
Trân Bảo Phật. Giang Hải Thị. Chấp Trì Địa.
意義理 意清徹 功德輪
Ý Nghĩa Lý. Ý Thanh Triệt. Công Đức Luân.
寶舍宅 行至義 於世月
Bảo Sở Trạch. Hạnh Chí Nghĩa. Ư Thế Nguyệt.
音柔和 梵英心 面威重
Âm Nhu Hòa. Phạm Anh Tâm. Diện Uy Trọng.
意吉利 堅固施 號福光
Ý Cát Lợi. Kiên Cố Thí. Hiệu Phúc Quang.
大威曜 寶氏佛 號名聞
Đại Uy Diệu. Bảo Thị Phật. Hiệu Danh Văn.
至重願 無量稱 光不虛
Chí Trọng Nguyện. Vô Lượng Xưng. Quang Bất Hư.
消天嫉 勝根元 眾金剛
Tiêu Thiên Tật. Thắng Căn Nguyên. Chúng Kim Cương.
英善品 妙華群 意證明
Anh Thiện Phẩm. Diệu Hoa Quần. Ý Chứng Minh.
無清行 善思稱 以照曜
Vô Thanh Hành. Thiện Tư Xưng. Dĩ Chiếu Diệu.
神祇品 寂功勳 超越義
Thần Kỳ Phẩm. Tịch Công Huân. Siêu Việt Nghĩa.
住無畏 建立慈 至要藏

Trụ Vô Úy. Kiến Lập Từ. Chí Yếu Tạng.
明珠行 威解脫 善光明
Minh Châu Hạnh. Uy Giải Thoát. Thiện Quang Minh.
至味佛 善度脫 等威神
Chí Vị Phật. Thiện Độ Thoát. Đẳng Uy Thần.
聖慧勝 梵以生 至誠音
Thánh Tuệ Thắng. Phạm Dĩ Sinh. Chí Thành Âm.
善覺佛 勢力施 師子步
Thiện Giác Phật. Thế Lực Thí. Sư Tử Bộ.
號華英 慧事業 慧與華
Hiệu Hoa Anh. Tuệ Sự Nghiệp. Tuệ Dữ Hoa.
功德藏 布名聞 除卑賤
Công Đức Tạng. Bố Danh Văn. Trừ Ti Tiện.
無恐怖 意光明 於斯梵
Vô Khủng Bố. Ý Quang Minh. Ư Tư Phạm.
自望天 愛事業 真誠天
Tự Vọng Thiên. Ái Sự Nghiệp. Chân Thành Thiên.
明珠藏 功德室 積聖慧
Minh Châu Tạng. Công Đức Thất. Tích Thánh Tuệ.
莫能喻 喜悅喜 堅固願
Mạc Năng Dụ. Hỷ Duyệt Hỷ. Kiên Cố Nguyện.
所施天 梵柔仁 意所趣
Sở Thí Thiên. Phạm Nhu Nhân. Ý Sở Thú.
得消惡 火赫焰 大威神
Đắc Tiêu Ác. Hỏa Hách Diệm. Đại Uy Thần.
思夷華 鳴吼佛 善計數
Tư Di Hoa. Minh Hống Phật. Thiện Kế Số.
根無憶 大愛敬 善安意
Căn Vô Úc. Đại Ái Kính. Thiện An Ý.
光重曜 弘微妙 主所生
Quang Trọng Diệu. Hoảng Vi Diệu. Chủ Sở Sinh.
精所至 善決義 有境界
Tinh Sở Chí. Thiện Quyết Nghĩa. Hữu Cảnh Giới.
善多佛 迦陀願 救於世
Thiện Đa Phật. Ca Đà Nguyện. Cứu Ư Thế.
福光氏 寶音佛 金剛將
Phúc Quang Thị. Bảo Âm Phật. Kim Cương Tướng.

號富有 師子力 離垢目
Hiệu Phú Hữu. Sư Tử Lực. Ly Cấu Mục.
身解脫 覺清徹 聖慧步
Thân Giải Thoát. Giác Thanh Triệt. Thánh Tuệ Bộ.
威堅固 大光明 日晃曜
Uy Kiên Cố. Đại Quang Minh. Nhật Hoảng Diệu.
體離垢 分別威 無損耗
Thể Ly Cấu. Phân Biệt Uy. Vô Tồn Hao.
柔軟業 月光氏 雷施佛
Nhu Nhuyễn Nghiệp. Nguyệt Quang Thị. Lôi Thí Phật.
行寂然 號無怒 多有鐙
Hành Tịch Nhiên. Hiệu Vô Nộ. Đa Hữu Đăng.
晃曜田 清淨國 超出上
Hoảng Diệu Điền. Thanh Tịnh Quốc. Siêu Xuất Thượng.
蓮華上 光首佛 寶清淨
Liên Hoa Thượng. Quang Thủ Phật. Bảo Thanh Tịnh.
號極賢 寶上氏 善安明
Hiệu Cực Hiền. Bảo Thượng Thị. Thiện An Minh.
江海施 梵天英 善寶蓋
Giang Hải Thí. Phạm Thiên Anh. Thiện Bảo Cái.
好妙焰 隨時義 明達想
Hảo Diệu Diệm. Tùy Thời Nghĩa. Minh Đạt Tưởng.
功德暉 宣音佛 盛滿月
Công Đức Huy. Tuyên Âm Phật. Thịnh Mãn Nguyệt.
蓮華光 善專精 錠明王
Liên Hoa Quang. Thiện Chuyên Tinh. Đĩnh Minh Vương.
電焰英 光明王 號晃昱
Điện Diệm Anh. Quang Minh Vương. Hiệu Hoảng Dục.
稱無損 蓮華藏 供養至
Xung Vô Quyên. Liên Hoa Tạng. Cúng Dưỡng Chí.
四禪業 無所得 強勢兵
Tứ Thiên Nghiệp. Vô Sở Đắc. Cường Thế Binh.
功德藏 獨遊步 無礙佛
Công Đức Tạng. Độc Du Bộ. Vô Ngại Phật.
覺意靜 慧光明 號天聖
Giác Ý Tĩnh. Tuệ Quang Minh. Hiệu Thiên Thánh.
御光明 應所趣 華英佛

Ngự Quang Minh. Ứng Sở Thú. Hoa Anh Phật.

羅云氏 大篤信 星宿王

La Vân Thị. Đại Đốc Tín. Tinh Tú Vương.

醫王佛 功福平 所覆蓋

Y Vương Phật. Công Phúc Bình. Sở Phúc Cái.

宣暢王 日光明 法藏氏

Tuyên Sướng Vương. Nhật Quang Minh. Pháp Tạng Thị.

善意佛 德根念 損兵刃

Thiện Ý Phật. Đức Căn Niệm. Tồn Binh Nhận.

號智積 善住立 善了行

Hiệu Trí Tích. Thiện Trụ Lập. Thiện Liễu Hạnh.

梵天音 龍雷電 和音佛

Phạm Thiên Âm. Long Lôi Điện. Hòa Âm Phật.

神通英 聖智品 吉安祥

Thần Thông Anh. Thánh Trí Phẩm. Cát An Tường.

梵平等 妙目療 號布龍

Phạm Bình Đẳng. Diệu Mục Liệu. Hiệu Bồ Long.

至誠英 明了佛 無怯弱

Chí Thành Anh. Minh Liễu Phật. Vô Khiếp Nhược.

寶音聲 柔軟響 號師子

Bảo Âm Thanh. Nhu Nhuyễn Hưởng. Hiệu Sư Tử.

號琦薩 若干辯 勇慧氏

Hiệu Kỳ Tát. Nhược Can Biện. Dũng Tuệ Thị.

蓮華積 號華開 行步至

Liên Hoa Tích. Hiệu Hoa Khai. Hạnh Bộ Chí.

積功德 顏貌貴 主威曜

Tích Công Đức. Nhan Mạo Quý. Chủ Uy Diệu.

月鑿明 威神王 覺王佛

Nguyệt Đẳng Minh. Uy Thần Vương. Giác Vương Phật.

無盡氏 覺達月 號悅豫

Vô Tận Thị. Giác Đạt Nguyệt. Hiệu Duyệt Dự.

智郡上 號最上 逮威施

Trí Quận Thượng. Hiệu Tối Thượng. Đãi Uy Thí.

智慧氏 音柔音 導師元

Trí Tuệ Thị. Âm Nhu Âm. Đạo Sư Nguyên.

聲無礙 施尊藏 豪慧佛

Thanh Vô Ngại. Thí Tôn Tạng. Hào Tuệ Phật.

獨遊步 大晃曜 應根香
Độc Du Bộ. Đại Hoảng Diệu. Ứng Căn Hương.
善光明 布威稱 好顏王
Thiện Quang Minh. Bồ Uy Xưng. Hảo Nhan Vương.
號吉利 師子兵 所止宿
Hiệu Cát Lợi. Sư Tử Binh. Sở Chỉ Tú.
名聞伏 和妙藏 福光明
Danh Văn Phục. Hòa Diệu Tạng. Phúc Quang Minh.
住良性 證明王 積聖慧
Trụ Lương Tính. Đấng Minh Vương. Tích Thánh Tuệ.
尊天佛 大主元 解了行
Tôn Thiên Phật. Đại Chủ Nguyên. Giải Liễu Hạnh.
號金結 閑靜教 號難勝
Hiệu Kim Kết. Nhàn Tĩnh Giáo. Hiệu Nan Thắng.
悅喜人 安明氏 紫金光
Duyệt Hỷ Nhân. An Minh Thị. Tử Kim Quang.
號妙好 功勳根 法饒益
Hiệu Diệu Hảo. Công Huân Căn. Pháp Nhiều Ích.
功德多 豐多氏 號虛空
Công Đức Đa. Phong Đa Thị. Hiệu Hư Không.
微妙慧 覺解微 一切威
Vi Diệu Tuệ. Giác Giải Vi. Nhất Thiết Uy.
如藥佛 解脫英 智藏佛
Như Dược Phật. Giải Thoát Anh. Trí Tạng Phật
積聖慧 可敬畏 降伏流
Tích Thánh Tuệ. Khả Kính Úy. Hàng Phục Lưu.
解無礙 集至誠 善音響
Giải Vô Ngại. Tập Chí Thành. Thiện Âm Hưởng.
威重帝 應如念 號稱法
Uy Trọng Đế. Ứng Như Niệm. Hiệu Xưng Pháp.
解威神 尊化身 言柔軟
Giải Uy Thần. Tôn Hóa Thân. Ngôn Nhu Nhuyễn.
師子髮 捐重擔 拔眾根
Sư Tử Phát. Quyên Trọng Đám. Bạt Chúng Căn.
敬師子 法伴侶 遊安穩
Kính Sư Tử. Pháp Bạn Lữ. Du An Ổn.
無怒覺 顏色盛 威神王

Vô Nộ Giác. Nhan Sắc Thịnh. Uy Thần Vương.
號諸覺 善明佛 住立義
Hiệu Chư Giác. Thiện Minh Phật. Trụ Lập Nghĩa.
覺光明 神妙音 威悅眾
Giác Quang Minh. Thần Diệu Âm. Uy Duyệt Chúng.
行不虛 消壞瞋 顏貌尊
Hành Bất Hư. Tiêu Hoại Sân. Nhan Mạo Tôn.
善紫金 調和佛 解脫結
Thiện Tử Kim. Điều Hoà Phật. Giải Thoát Kết.
住於法 號往歸 棄自大
Trụ Ư Pháp. Hiệu Vãng Quy. Khí Tự Đại.
聖慧藏 梵天遊 號梅檀
Thánh Tuệ Tạng. Phạm Thiên Du. Hiệu Chiên Đàn.
無愁感 清淨身 號佛英
Vô Sầu Thích. Thanh Tịnh Thân. Hiệu Phật Anh.
蓮華佛 威無量 天光曜
Liên Hoa Phật. Uy Vô Lượng. Thiên Quang Diệu.
聖智華 號作斯 功德慧
Thánh Trí Hoa. Hiệu Tác Tư. Công Đức Tuệ.
梵天居 寶牽佛 帝王氏
Phạm Thiên Cư. Bảo Khiên Phật. Đế Vương Thị.
無損佛 至尊教 水帝王
Vô Tổn Phật. Chí Tôn Giáo. Thủy Đế Vương.
星明氏 無所害 琉璃藏
Tinh Minh Thị. Vô Sở Hại. Lưu Ly Tạng.
號天華 揚名稱 弓身光
Hiệu Thiên Hoa. Dương Danh Xung. Cung Thân Quang.
極善明 一切動 甚貴光
Cực Thiện Minh. Nhất Thiết Huân. Thâm Quý Quang.
珍寶佛 元首氏 妙丈夫
Trân Bảo Phật. Nguyên Thủ Thị. Diệu Trọng Phu.
號月所 無量光 快意念
Hiệu Nguyệt Sở. Vô Lượng Quang. Khoái Ý Niệm.
炎明佛 視無厭 師子佛
Viêm Minh Phật. Thị Vô Yếm. Sư Tử Phật.
好樂慧 山根本 寂然德
Hào Lạc Tuệ. Sơn Căn Bản. Tịch Nhiên Đức.

積勢力 宜義帝 暢善聲
Tích Thế Lực. Nghi Nghĩa Đế. Sướng Thiện Thanh.
號快華 住於義 威德王
Hiệu Khoái Hoa. Trụ Ở Nghĩa. Uy Đức Vương.
慧無等 號無限 音響佛
Tuệ Vô Đẳng. Hiệu Vô Hạn. Âm Hưởng Phật.
名殊勝 善光明 安穩斯
Danh Thù Thắng. Thiện Quang Minh. An Ổn Tư.
解說佛 心思義 號極貴
Giải Thuyết Phật. Tâm Tư Nghĩa. Hiệu Cực Quý.
宣暢音 晃昱業 等虛空
Tuyên Sướng Âm. Hoảng Dục Nghiệp. Đẳng Hư Không.
身名聞 利寂然 無瑕穢
Thân Danh Văn. Lợi Tịch Nhiên. Vô Hà Uế.
號清淨 意習行 蓮華佛
Hiệu Thanh Tịnh. Ý Tập Hành. Liên Hoa Phật.
順品第 善光曜 妙辯才
Thuận Phẩm Đệ. Thiện Quang Diệu. Diệu Biện Tài.
號盡極 善周遍 重根元
Hiệu Tận Cực. Thiện Chu Biến. Trọng Căn Nguyên.
離怖畏 慧清白 安住佛
Ly Bó Úy. Tuệ Thanh Bạch. An Trụ Phật.
宣辯才 最明目 覺名聞
Tuyên Biện Tài. Tối Minh Mục. Giác Danh Văn.
常空佛 月寂然 無恐懼
Thường Không Phật. Nguyệt Tịch Nhiên. Vô Khủng Cụ.
大顯現 梵天氏 好音響
Đại Hiện Hiện. Phạm Thiên Thị. Hảo Âm Hưởng.
大聖慧 度邊際 普無際
Đại Thánh Tuệ. Độ Biên Tế. Phổ Vô Tế.
覺了意 樹根元 行極順
Giác Liễu Ý. Thụ Căn Nguyên. Hành Cực Thuận.
清除音 寂功德 有力勢
Thanh Trừ Âm. Tịch Công Đức. Hữu Lực Thế.
號強首 敬聖佛 以逮德
Hiệu Cường Thủ. Kính Thánh Phật. Dĩ Đãi Đức.
號明味 雷震吼 雨音聲

Hiệu Minh Vị. Lôi Chấn Hồng. Vũ Âm Thanh.

眼愛敬 仁賢氏 明極快

Nhân Ái Kính. Nhân Hiền Thị. Minh Cực Khoái.

極富有 合集德 而寂然

Cực Phú Hữu. Hợp Tập Đức. Nhi Tịch Nhiên.

號悅豫 法幢幡 至聖響

Hiệu Duyệt Dự. Pháp Tràng Phan. Chí Thánh Hường.

心虛空 法祠音 功德佛

Tâm Hư Không. Pháp Từ Âm. Công Đức Phật.

分別音 德光明 有威神

Phân Biệt Âm. Đức Quang Minh. Hữu Uy Thần.

達根元 有意念 有捷辯

Đạt Căn Nguyên. Hữu Ý Niệm. Hữu Tiệp Biện.

寂然輪 仁善王 若干月

Tịch Nhiên Luân. Nhân Thiện Vương. Nhược Can Nguyệt.

曰遠聞 無垢塵 德至誠

Viết Viễn Văn. Vô Cấu Trần. Đức Chí Thành.

殊妙華 德幢幡 群辯才

Thù Diệu Hoa. Đức Tràng Phan. Quần Biện Tài.

好珍寶 懷悅豫 敬愛月

Hảo Trân Bảo. Hoài Duyệt Dự. Kính Ái Nguyệt.

無卒暴 師子力 自在王

Vô Tót Bạo. Sư Tử Lực. Tự Tại Vương.

悅無量 平等業 無瞋恚

Duyệt Vô Lượng. Bình Đẳng Nghiệp. Vô Sân Khú.

滅垢穢 頌宣宜 慧無愚

Diệt Cấu Uế. Ban Tuyên Nghi. Tuệ Vô Ngụ.

玄妙佛 善仁賢 而應住

Huyền Diệu Phật. Thiện Nhân Hiền. Nhi Ứng Trụ.

十慧寂 言談帝 號丈夫

Thập Tuệ Tịch. Ngôn Đàm Đế. Hiệu Trọng Phu.

有深意 行無量 有法力

Hữu Thâm Ý. Hạnh Vô Lượng. Hữu Pháp Lực.

至供養 華光明 在三世

Chí Cúng Dưỡng. Hoa Quang Minh. Tại Tam Thế.

間靜供 日曜藏 天奉事

Gian Tĩnh Cung. Nhật Diệu Tạng. Thiên Phụng Sự.

幢幡佛 有解脫 至真髮
Tràng Phan Phật. Hữu Giải Thoát. Chí Chân Phát.
演甘露 極殊異 堅雄心
Diễn Cam Lộ. Cực Thù Dị. Kiên Hùng Tâm.
真珍寶 光明品 遊玄妙
Chân Trân Bảo. Quang Minh Phẩm. Du Huyền Diệu.
言辭淨 震光明 積功德
Ngôn Từ Tịnh. Chấn Quang Minh. Tích Công Đức.
演光曜 無損首 師子步
Diễn Quang Diệu. Vô Tổn Thủ. Sư Tử Bộ.
超出難 布施華 顏悅豫
Siêu Xuất Nan. Bố Thí Hoa. Nhan Duyệt Dự.
紅蓮華 好愛慧 淨玄珠
Hồng Liên Hoa. Hảo Ái Tuệ. Tịnh Huyền Châu.
清無虛 慧聖明 謙卑行
Thanh Vô Hư. Tuệ Thánh Minh. Khiêm Ti Hành.
除幢幡 善思惟 好脫門
Trừ Tràng Phan. Thiện Tư Duy. Hào Thoát Môn.
曉了明 聞如海 總持寶
Hiểu Liễu Minh. Văn Như Hải. Tổng Trì Bảo.
成智識 可悅意 暢音聲
Thành Trí Thức. Khả Duyệt Ý. Sướng Âm Thanh.
見無業 好所樂 斷垢塵
Kiến Vô Nghiệp. Hào Sở Lạc. Đoạn Cấu Trần.
行極邊 多化異 天布響
Hành Cực Biên. Đa Hóa Dị. Thiên Bố Hưởng.
寶游步 紅蓮華 象香首
Bảo Du Bộ. Hồng Liên Hoa. Tượng Hương Thủ.
伏怨敵 富多聞 恨善郡
Phục Oán Địch. Phú Đa Văn. Hận Thiện Quận.
妙華光 師子響 月遊住
Diệu Hoa Quang. Sư Tử Hưởng. Nguyệt Du Trụ.
定壞冥 無所動 忍細步
Định Hoại Minh. Vô Sở Động. Nhẫn Tế Bộ.
福燈度 囑累音 而最上
Phúc Đăng Độ. Chúc Lũy Âm. Nhi Tối Thượng.
精進力 住術意 發寂然

Tĩnh Tiên Lục. Trụ Thuật Ý. Phát Tịch Nhiên.

妙善月 覺意華 吉祥善

Diệu Thiện Nguyệt. Giác Ý Hoa. Cát Tường Thiện.

所言快 慧勢力 威方便

Sở Ngôn Khoái. Tuệ Thế Lực. Uy Phương Tiện.

鐙火光 行步強 天音聲

Đăng Hỏa Quang. Hành Bộ Cường. Thiên Âm Thanh.

順寂然 若干日 以隨時

Thuận Tịch Nhiên. Nhược Can Nhật. Dĩ Tùy Thời.

安樂佛 戒光明 修建立

An Lạc Phật. Giới Quang Minh. Tu Kiến Lập.

無塵埃 安住和 有聖慧

Vô Trần Ai. An Trụ Hòa. Hữu Thánh Tuệ.

轉增益 香光明 因順時

Chuyển Tăng Ích. Hương Quang Minh. Nhân Thuận Thời.

音暉曜 柔軟業 無罣礙

Âm Huy Diệu. Nhu Nhuyễn Nghiệp. Vô Quải Ngại.

寂幢幡 趣最道 行玄妙

Tịch Tràng Phan. Thú Tối Đạo. Hạnh Huyền Diệu.

愛敬寶 法所遊 而言天

Ái Kính Bảo. Pháp Sở Du. Nhi Ngôn Thiên.

無極慈 善知友 步寂然

Vô Cực Từ. Thiện Tri Hữu. Bộ Tịch Nhiên.

無量土 明曜山 賢所歎

Vô Lượng Thổ. Minh Diệu Sơn. Hiền Sở Thán.

興發道 斯威神 所現光

Hưng Phát Đạo. Tư Uy Thần. Sở Hiện Quang.

報善行 逮極善 離憂戚

Báo Thiện Hạnh. Đãi Cực Thiện. Ly Ưu Thích.

寶光明 所行道 功福行

Bảo Quang Minh. Sở Hành Đạo. Công Phúc Hạnh.

德如海 若干品 降伏魔

Đức Như Hải. Nhược Can Phẩm. Hàng Phục Ma.

除害非 所宿止 入外學

Trừ Hại Phi. Sở Tú Chỉ. Nhập Ngoại Học.

無壞意 能思遠 因所誠

Vô Hoại Ý. Năng Tư Viễn. Nhân Sở Thành.

取重解 斯愛敬 道幢幡
Thủ Trọng Giải. Tư Ái Kính. Đạo Tràng Phan.
聖慧響 號須深 斯梵天
Thánh Tuệ Hưởng. Hiệu Tu Thâm. Tư Phạm Thiên.
樂隱佛 神足英 勝根地
Lạc Ẩn Phật. Thần Túc Anh. Thắng Căn Địa.
所執持 日恭恪 月宮生
Sở Chấp Trì. Nhật Cung Khắc. Nguyệt Cung Sinh.
迦益華 賢所施 持精明
Ca Ích Hoa. Hiền Sở Thí. Trì Tinh Minh.
福所哀 好樂力 善音說
Phúc Sở Ai. Hào Lạc Lực. Thiện Âm Thuyết.
法貴佛 梵天響 其快善
Pháp Quý Phật. Phạm Thiên Hưởng. Kỳ Khoái Thiện.
無缺漏 覺舉號 大弘廣
Vô Khuyết Lậu. Giác Cử Hiệu. Đại Hoảng Quảng.
名聞稱 英妙意 暢神音
Danh Văn Xưng. Anh Diệu Ý. Sướng Thần Âm.
師音樹 棄愚癡 降甘露
Sư Âm Thọ. Khí Ngu Si. Giáng Cam Lộ.
仁賢月 辯無量 宣名稱
Nhân Hiền Nguyệt. Biện Vô Lượng. Tuyên Danh Xưng.
應性行 供養度 而懷憂
Ứng Tính Hạnh. Cúng Dưỡng Độ. Nhi Hoài Ưu.
愛樂安 虛俗志 樂所趣
Ái Lạc An. Hư Tục Chí. Lạc Sở Thú.
歸所行 破眾業 青蓮華
Quy Sở Hành. Phá Chúng Nghiệp. Thanh Liên Hoa.
調華佛 永無底 宣辯才
Điều Hoa Phật. Vĩnh Vô Đẽ. Tuyên Biện Tài.
號光曜 斯逮致 有功勳
Hiệu Quang Diệu. Tư Đãi Trí. Hữu Công Huân.
御精進 天竟域 最上行
Ngự Tinh Tiến. Thiên Cảnh Vực. Tối Thượng Hạnh.
習好樂 功福意 巨明曜
Tập Hào Lạc. Công Phúc Ý. Tuyên Minh Diệu.
德無量 集威神 師子步

Đức Vô Lượng. Tập Uy Thần. Sư Tử Bộ.

妙無動 行晃曜 龍音響

Diệu Vô Động. Hành Hoảng Diệu. Long Âm Hưởng.

執持輪 尊勢象 樂哀世

Chấp Trì Luân. Tôn Thế Tượng. Lạc Ai Thế.

法音佛 樂無底 號名稱

Pháp Âm Phật. Lạc Vô Đẽ. Hiệu Danh Xung.

兩幢佛 兩德行 美好香

Vũ Tràng Phật. Vũ Đức Hạnh. Mỹ Hảo Hương.

號虛空 音響辭 天帝王

Hiệu Hư Không. Âm Hưởng Từ. Thiên Đế Vương.

弘明珠 善財業 燈火焰

Hoảng Minh Châu. Thiện Tài Nghiệp. Đăng Hỏa Diệm.

斷根王 閑寂靜 主安穩

Đoạn Căn Vương. Nhàn Tịch Tĩnh. Chủ An Ổn.

師子音 流寶名 建立義

Sư Tử Âm. Lưu Bảo Danh. Kiến Lập Nghĩa.

建示現 所有華 眉間光

Kiến Thị Hiện. Sở Hữu Hoa. My Gian Quang.

無邊際 辯才王 (邱-丘+半)伴慧

Vô Biên Tế. Biện Tài Vương. Bán Bạt Tuệ.

由自在 師子髮 遊晃煜

Do Tự Tại. Sư Tử Phát. Du Hoảng Dục.

德燈焰 月暉曜 無所愁

Đức Đăng Diệm. Nguyệt Huy Diệu. Vô Sở Sầu.

郡土地 心覺解 殊勝法

Quận Thổ Địa. Tâm Giác Giải. Thù Thắng Pháp.

安光教 應美香 其有力

An Quang Giáo. Ứng Mỹ Hương. Kỳ Hữu Lực.

智慧華 其音強 順安穩

Trí Tuệ Hoa. Kỳ Âm Cường. Thuận An Ổn.

義理氏 好愛喜 得致勝

Nghĩa Lý Thị. Hào Ái Hi. Đắc Trí Thắng.

執衣鉢 行寂然 人師子

Chấp Y Bát. Hành Tịch Nhiên. Nhân Sư Tử.

有名稱 號樓由

Hữu Danh Xung. Hiệu Lô Do.

是賢劫中有斯千佛興現出世。度脫十方一切眾生。

Thị Hiền Kiếp trung hữu tư thiên Phật hưng hiện xuất thế. Độ thoát Thập phương nhất thiết chúng sinh.

Trong Kiếp Hiền đó có nghìn Phật đây hưng khởi xuất hiện ở đời. Độ thoát tất cả chúng sinh 10 phương.

是千佛等各有名號皆如是像。

Thị thiên Phật đẳng các hữu danh hiệu giai như thị tượng.

Nghìn Phật đó cùng với từng người có tên hiệu đều như hình tượng đó.

若有人聞受持諷誦。執學心懷專精了識。

Nhược hữu nhân văn thụ trì phúng tụng. Chấp học tâm hoài chuyên tinh liễu thức.

Nếu có người nghe nhận giữ đọc tụng. Chăm giữ học tâm nhớ chuyên cần tinh thông nhận thức rõ.

行無放逸和同供養。棄眾惡趣勤苦之患。

Hành vô phóng dật hòa đồng cúng dường. Khí chúng ác thú cần khổ chi hoạn.

Thực hành không phóng túng hòa đồng cúng dường. Bỏ các hướng ác cần khổ hoạn nạn.

長得安穩住于禁戒。諸所將信順喜經道。

Trưởng đắc an ổn trụ vu Cấm-giới. Chư sở tương tín thuận hỷ Kinh đạo.

Tăng thêm được yên ổn, ở trong Giới cấm. Tất cả được Đức tin vui thuận theo Kinh Đạo.

應行清淨值具足果。此深妙忍根元法忍。

Ứng hành Thanh tịnh trực cụ túc quả. Thử thâm diêu Nhẫn căn nguyên Pháp-nhẫn.

Thuận theo thi hành Thanh tịnh đầy đủ quả quý giá. Nhẫn thâm sâu vi diêu này, nguồn gốc của Pháp Nhẫn vốn có.

護一切世若干億劫。犯諸惡行不知罪福果之報應。

Hộ nhất thiết thế nhược can ức Kiếp. Phạm chư ác hạnh bất tri tội Phúc quả chi báo ứng.

Bảo vệ tất cả Thế gian rất nhiều triệu Kiếp. Phạm các hạnh ác không biết tội Phúc quả của báo ứng.

聞諸佛名除一切罪無復眾患。

Văn chư Phật danh trừ nhất thiết tội vô phục chúng hoạn.

Nghe danh hiệu các Phật trừ diệt tất cả tội, các hoạn nạn không trở lại.

假使有持是諸佛名一切尊號。致得神足一心定意。

Giả sử hữu trì thị chư Phật danh nhất thiết tôn hiệu. Trí đắc Thần-túc Nhất tâm Định ý.

Nếu như có giữ tất cả tên hiệu tôn kính của các Phật đó. Dem tới được Thần thông biến hóa Nhất tâm Định ý.

若有凡庶逮得見聞自在值此。斯眾導師御行經典。

Nhược hữu phàm thứ đãi đắc kiến văn Tự-tại trực thử. Tư chúng Đạo-sư ngự hành Kinh điển.

Nếu có người Phàm dân nghèo nắm lấy được nghe nhìn thấy, tự do trực tiếp điều này. Nếu các Đạo sư điều khiển thực hành Kinh điển.

懷來億載無量功祚。所解說義暢達音慧。

Hoài lai ức tải vô lượng công tộ. Sở giải thuyết nghĩa sớng đạt âm tuệ.

Nhớ tới triệu lần công Phúc vô lượng. Nếu giảng giải nghĩa thông suốt âm Trí tuệ.

因得值見斯三昧定。性行清淨心無猶豫。

Nhân đắc trực kiến tư Tam-muội Định. Tính hạnh Thanh tịnh tâm vô do dự.

Nhân do được trực tiếp nhìn thấy Tam Muội Định đó. Tính hạnh Thanh tịnh tâm không do dự.

所興發慧不著三界。以逮總持存在心懷。

Sở hưng phát tuệ bất trước Tam-giới. Dĩ đãi Tổng-trì tồn tại tâm hoài.

Nếu hưng phát Trí tuệ, không nương nhờ 3 Cõi giới. Do nắm lấy Tổng trì tâm nhớ tồn tại.

是等當行此三昧定。

Thị đẳng đương hành thử Tam-muội Định.

Như thế đang thực hành Tam Muội Định này.

懺悔文。

Sám hối văn.

Bài văn sám hối.

我弟子至心懺悔。自從無始至於今日，未識佛時，未聞法時未，遇僧時。

Ngã đệ-tử ... chí tâm sám hối. Tự tông vô thủy chí ư kim nhật. Vị thức Phật thời, vị văn Pháp thời, vị ngộ Tăng thời.

Con đệ tử thành tâm sám hối. Từ xa xưa tới nay, khi chưa nhận biết được Phật, khi chưa được nghe Pháp, khi chưa gặp được Tăng.

不知善惡，不信因果，遇不善緣，近惡知識，動身口意，無惡不為。

Bất tri Thiện-ác, bất tín Nhân-quả, ngộ bất Thiện-duyên, cận ác Tri-thức, động thân khẩu ý, vô ác bất vi.

Không biết Thiện ác, không tin Nhân quả, gặp các Duyên ác, gần Tri thức ác, Thân Miệng Ý manh động, ác nào cũng làm.

身業不善行殺盜婬。口業不善妄言綺語惡口兩舌。

Thân-nghiệp bất thiện hành Sát-Đạo-Dâm. Khẩu-nghiệp bất thiện vọng ngôn ý ngữ ác khẩu lưỡng thiệt.

Nghiệp Thân không thiện thực hành giết hại, trộm cướp, dâm tà. Nghiệp Miệng không thiện nói dối, nói cường điệu xuyên tạc, nói ác, nói hai lời.

意業不善起貪瞋癡。殺父殺母殺阿羅漢，破和合僧，出佛身血。

Ý-nghiệp bất thiện khởi Tham-Sân-Si. Sát phụ sát mẫu sát A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, xuất Phật thân huyết.

Nghiệp Ý không thiện phát khởi Tham lam, Thù hận, Ngu si. Giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá sự hòa hợp của chúng Tăng, chia rẽ rời bỏ Phật.

焚燒塔寺誹謗大乘。侵損常住污梵誣僧，犯諸禁戒。

Phản thiêu Tháp-Tự, phỉ báng Đại-thừa. Xâm tổn Thường-trụ, ô phạm vu Tăng, phạm chư cấm Giới.

Đốt thiêu Chùa Tháp, phi báng Kinh Đại Thừa. Xâm hại Thường trụ, ô uế nơi Thanh tịnh, vu khống Tăng, phạm vào các Giới cấm.

作不律儀自作教他見聞隨喜，如是罪無量無邊。今日披陳發露懺悔。

Tác bất luật nghi, tự tác giáo tha, kiến văn tùy hi. Như thị đặng tội vô lượng vô biên. Kim nhật phi trần phát lộ sám hối.

Làm không theo luật nghi thức, tự làm dạy người khác làm, nghe thấy vui theo. Các tội như thế là vô lượng vô biên. Ngày nay giải bày tỏ lộ ra sám hối.

惟願三寶同賜哀憐。令我罪根一念霜融悉皆清淨。

Duy nguyện Tam-Bảo đồng tứ ai lân. Linh Ngã tội Căn nhất niệm sương dung, tất giai Thanh tịnh.

Chỉ mong Phật Pháp Tăng cùng ban cho thương cảm. Giúp cho các Căn tội Nghiệp của con, một nhớ đọc sương mù tan, tất cả đều Thanh tịnh.

南無求懺悔菩薩摩訶薩。

Nam-mô Cầu sám hối Bồ-tát Ma-ha-tát.

懺悔揭。

Sám hối kê.

Bài kê Sám hối.

往昔所造諸惡業。皆由無始貪瞋癡。

Vãng tích sở tạo chư ác Nghiệp. Giai do vô thủy Tham Sân Si.

Xa xưa tạo thành các Nghiệp ác. Do Tham Sân Si có từ lâu.

從身口意之所生。今對佛前求懺悔。

Tòng thân khẩu ý chi sở sinh. Kim đối Phật tiền giai Sám hối.

Được sinh ra theo Thân Khẩu Ý. Nay trước Phật xin Sám hối.

罪從心起相心懺。心若滅時罪亦亡。

Tội tòng tâm khởi tương tâm Sám. Tâm nhược diệt thời tội diệt vong.

Sám hối tội lỗi do Tâm tạo. Tội cũng mất khi mà Tâm mất.

心滅罪亡兩句空。是則為名真懺悔。

Tâm diệt tội vong lưỡng câu không. Thị tác vi danh chân Sám hối.

Tâm Tội mất hết hai đều Rỗng không. Mới là chân thực việc Sám hối.

稽首四方安樂國。接引眾生大導師。

Khê thủ Tây Phương An Lạc quốc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

Phục lễ Tây Phương nước An Lạc. Tiếp Dẫn chúng sinh Đại Đạo Sư.

我今發願願往生。唯願慈悲哀攝受。

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sinh. Duy nguyện Từ Bi ai nhiếp thụ.

Nay Con phát nguyện nguyện vãng sinh. Xin nguyện xót thương tiếp nhận.

三皈依。

Tam Quy y.

Ba Quy y.

自皈依佛,當願眾生.體解大道,發無上心.

Tự Quy y Phật, đương nguyện chúng sinh. Thể giải Đại Đạo, phát Vô-thượng tâm.

Tự Quy y Phật, đương nguyện chúng sinh. Hiểu rõ Đạo Lớn, phát tâm Bình Đẳng.

自皈依法,當願眾生.深入經藏智慧如海.

Tự Quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí tuệ như hải.

Tự Quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh. Thâm nhập Kinh Tạng, Trí Tuệ như biển.

自皈依僧,當願眾生.統理大眾一切無礙.

Tự Quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Thống lý Đại Chúng, nhất thiết vô ngại.

Tự Quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh. Dẫn dắt Đại Chúng, tất cả không trở ngại.

和南聖眾.

Hoà nam Thánh chúng.

Hoà cùng các Thánh.

禮佛經功德殊勝.無邊勝福皆回向.普法界願諸眾生.

Lễ Phật-Kinh Công Đức thù thắng. Vô biên thắng Phúc giai hồi hướng. Phổ nguyện Pháp giới chư chúng sinh.

Lễ Phật, Kinh Công Đức đặc biệt. Được Phúc vô biên đều hồi hướng. Nguyện các chúng sinh khắp Pháp giới.

普願沉溺諸眾生.速往無量光佛刹.十方三世一切佛.

Phổ nguyện trầm溺 chư chúng sinh. Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát. Thập phương Tam-thế nhất thiết Phật.

Nguyện khắp chúng sinh đang trầm luân. Nhanh tới đất Phật Vô Lượng Quang. Mười phương Ba Đồi tất cả Phật.

一切菩薩摩訶薩.文殊普賢觀自在.摩訶般若波羅密.

Nhất thiết Bồ-tát Ma Ha Tát. Văn Thù-Phổ Hiền-Quan Tự Tại. Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.

Tất cả Bồ Tát Đại Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Thế Âm. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

自皈依佛,兩足尊.自皈依法,離欲尊.自皈依僧,眾中尊.

Tự Quy y Phật, lưỡng túc Tôn. Tự Quy y Pháp, ly dục Tôn. Tự Quy y Tăng, Chúng trung Tôn.

Tự Quy y Phật, đủ Phúc Đức Trí Tuệ. Tự Quy y Pháp, ly rời dục. Tự Quy y Tăng, thành người tôn quý.

自皈依佛,不墮地獄.自皈依法,不墮餓鬼.自皈依僧,不墮畜生.

Tự Quy y Phật, bất đoạ Địa-ngục. Tự Quy y Pháp bất đoạ Nga-quỷ. Tự Quy y Tăng bất đoạ Súc-sinh.

Tự Quy y Phật, không đoạ Địa ngục. Tự Quy y Pháp, không đoạ Quỷ đói. Tự Quy y Tăng, không đoạ Súc sinh.

南無西方極樂世界.三十六萬億.一十一萬.九千五百.同名同號.大慈大悲.接引導師阿彌陀佛.

Nam-mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Tam Thập Lục Vạn Úc. Nhất Thập Nhất Vạn. Cửu Thiên Ngũ Bách. Đồng Danh Đồng Hiệu. Đại Từ Đại Bi. Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

眾生無邊誓願度. 煩惱無盡誓願斷. 法門無量誓願學. 佛道無上誓願成.

Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học. Phật Đạo Vô-thượng thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ vô biên Chúng sinh. Thệ nguyện đoạn tất cả Phiền não. Thệ nguyện học vô lượng môn Pháp. Thệ nguyện thành Đạo Phật Bình Đẳng .

自性眾生誓願度. 自性煩惱誓願斷. 自性法門誓願學. 自性佛道誓願成.

Tự Tính chúng sinh thệ nguyện độ. Tự Tính phiền não thệ nguyện đoạn. Tự Tính Pháp Môn thệ nguyện học. Tự Tính Phật đạo thệ nguyện thành.

Thệ nguyện độ Tự Tính chúng sinh. Thệ nguyện đoạn Tự Tính Phiền não. Thệ nguyện học Tự Tính các Pháp. Thệ nguyện thành Tự Tính Đạo Phật.

願消三障諸煩惱. 願得智慧真明了. 普願災障悉消除. 世世常行菩薩道.

Nguyện tiêu Tam-chướng chư Phiền não. Nguyện đắc Trí Tuệ chân minh liễu. Phổ nguyện Tai Chướng tất tiêu trừ. Thế thế thường hành Bồ-tát Đạo.

Nguyện tiêu Ba Chướng và Phiền não. Nguyện được Trí Tuệ chân sáng tỏ. Nguyện mọi Tai Chướng tiêu trừ hết. Đòi đòi thường hành Đạo Bồ Tát.

願生西方淨土中. 九品蓮華為父母. 花開見佛悟無生. 不退菩薩為半侶.

Nguyện sinh Tây Phương Tịnh Độ trung. Cửu Phẩm Liên Hoa vi Phụ Mẫu. Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sinh. Bất Thoái Bồ-tát vi bạn lữ.

Nguyện sinh trong nước Cực Lạc. Chín Phẩm Đài Sen là Cha Mẹ. Hoa nở thấy Phật hiểu Không Sinh. Bồ Tát Không lui là Chúng Bạn.

願以此功德. 消除宿現業. 增長諸福慧.

Nguyện dĩ thử công đức. Tiêu trừ túc hiện Nghiệp. Tăng trưởng chư Phúc Tuệ.

Nguyện đem Công Đức này, tiêu trừ Nghiệp trước nay. Tăng thêm các Phúc Tuệ.

園成勝善根. 所有刀兵劫. 及與飢饉等.

Viên thành thắng thiện Căn. Sở hữu đao binh Kiếp. Cập dữ cơ cận đặng.

Đầy đủ các Căn thiện. Nếu có Kiếp đao binh. Cùng với Kiếp đói khổ.

皆悉盡消除. 人各習禮讓. 讀誦受持人.

Giai tất tận tiêu trừ. Nhân các tập lễ nhượng. Độc tụng thụ trì Nhân.

Đều tất tiêu trừ hết. Người tập từng lễ nhịn. Người ghi nhớ đọc tụng.

展轉流通者. 現眷咸安樂. 先亡獲超升.

Triển chuyển lưu thông giả. Hiện quyến hàm an lạc. Tiên vong hoạch siêu thăng.

Người phát triển lưu thông. Gia đình được an lạc. Người mất được siêu thăng.

風雨常調順. 人民悉康寧. 法界諸含識.

Phong vũ thường điều thuận. Nhân dân tất khang ninh. Pháp Giới chư hàm Thức.

Mưa gió thường hoà thuận. Nhân dân được an Khang. Pháp Giới và các Thức.

同證無上道。

Đồng chứng Vô-thượng Đạo.

Cùng chứng Đạo Bình Đẳng.

願以此功德.莊嚴佛淨土.上報四重恩.

Nguyện dữ thử Công-đức. Trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Thượng báo Tứ Trọng Ân.

Nguyện đem Công Đức này. Trang nghiêm Đất Phật Tịnh. Trên báo Bốn Ân Lớn (ân Trời Đất, ân Quốc Vương, ân Thầy, ân Chúng sinh).

下濟三涂苦.若有見聞者.悉發菩提心.

Hạ tế Tam Đồ Khổ. Nhược hữu kiến văn giả. Tất phát Bồ-đề tâm.

Dưới cứu Ba Đường Khổ (Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh). Nếu có người thấy nghe. Biết phát tâm Bồ Đề.

盡此一報身.同生極樂國.

Tận thử nhất báo thân. Đồng sinh Cực Lạc quốc.

Cuối hết báo thân này. Cùng sinh nước Cực Lạc.

十方三世一切佛.一切菩薩摩訶薩.摩訶般若波羅密.

Thập Phương Tam-thế nhất thiết Phật. Nhất thiết Bồ-tát Ma Ha Tát. Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

Mười phương Ba Đời tất cả các Phật. Tất cả các Bồ Tát Đại Bồ Tát. Trí Tuệ Lớn tới Niết Bàn.

願以此功德.普及於一切.我等與眾生.皆共成佛道.

Nguyện dữ thử Công-đức. Phổ cập ư nhất thiết. Ngã đẳng dữ chúng sinh. Giai cộng thành Phật đạo.

Nguyện đem Công Đức này. Ban khắp cho tất cả. Chúng con và chúng sinh. Đều được thành Đạo Phật.

收經揭:

Thu Kinh kệ.

Bài kệ thu Kinh.

三涂永急常離苦.六趣休隨汨沒因.河沙含識悟真如.萬類有情登彼岸.

Tam-đồ vĩnh tức thường ly Khổ. Lục Thú hưu tùy Mịch một nhân. Hà sa hàm Thức ngộ Chân-như. Vạn loại Hữu-tình đăng bỉ Ngạn

Ba Đường Ác dứt thường hết Khổ. Sáu Đạo nơi nghỉ hết nổi chìm. Hà sa các Thức hiểu ‘Chân Như’. Vạn loại Có tình đều thành Phật.

南無阿彌陀佛.

Nam-mô A Di Đà Phật.

賢劫經卷第一(亦名毘陀劫三昧晉曰賢劫定意經)

Hiền-Kiếp Kinh quyển đệ nhất (diệt danh Bạt-đà Kiếp Tam-muội, Tấn viết Hiền Kiếp Định ý Kinh).

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ nhất (Cũng có tên Kiếp Bạt Đà Tam Muội, Đồi Tần tên là Kiếp Hiền Định ý)

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tần Nguyệt Thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

問三昧品第一

Vấn Tam-muội phẩm đệ nhất.

Phẩm thứ nhất hỏi Tam Muội.

聞如是。一時佛在舍衛國祇樹給孤獨園。

Văn như thị. Nhất thời Phật tại Xá-Vệ quốc Kỳ-Thụ Cấp-Cô-Độc viên.

Nghे được như thế. Một thời Phật ở tại vườn Kỳ Thụ Cấp Cô Độc nước Xá Vệ.

終竟三歲。始初三年。悉具衣服。所化已周。

Chung cánh tam tuế, thủy sơ tam niên. Tất cụ y phục sở hóa dĩ châu.

Ba năm cuối cùng, từ đầu của 3 năm. Đều đầy đủ quần áo giáo hóa đã vòng quanh.

著衣執鉢遊維耶離。與大聖眾無數百千諸比丘俱。

Trước y chấp bát du Duy-da-ly. Dữ Đại Thánh chúng vô số bách thiên chư Tì-kheo câu.

Mặc áo cầm bát đi tới Duy Du La. Cùng với các Đại Thánh vô số trăm nghìn các Tì Kheo cùng tham dự.

菩薩八十億。爾時世尊處在閑居。安然庠序從燕室興。

Bồ-tát bát thập ức. Nhĩ thời Thế Tôn xử tại nhàn cư. An nhiên tường tự tông yên thất hưng.

Bồ Tát 80 triệu. Khi đó Thế Tôn ở tại nơi thanh vắng. Yên ổn yên lành từ phòng nghỉ yên tĩnh thức dậy.

慧王菩薩。喜王開士。精專獨處亦尋起出奉迎如來。

Tuệ-vương Bồ-tát, Hỷ-vương Khai-sĩ. Tinh chuyên độc xử diệc tầm khởi xuất phụng nghênh Như Lai.

Tuệ Vương Bồ-tát, Hỷ Vương Khai-sĩ. Chuyên tinh ở một mình cũng lần theo khởi hành cung kính nghênh đón Như Lai.

嚴治場地敷設眾座。彼時四輩諸比丘比丘尼清信士清信女。

Nghiêm trì trường địa phu thiết chúng tòa. Bĩ thời tứ bối chư Tì-kheo Tì-kheo-ni Thanh Tín-sĩ Thanh Tín-nữ.

Nghiêm trang sửa trị nơi Đạo tràng kiến thiết sắp đặt các chỗ ngồi. Lúc đó 4 Bậc đệ tử : Nam Tì kheo, nữ Tì Kheo, Nam Phật Tử, nữ Phật Tử.

天龍鬼神阿須倫迦留羅真陀羅摩休勒及人非人。咸來雲集。

Thiên Long Quỷ Thần, A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-huru-lặc cập nhân phi nhân. Hàm lai vân tập.

Trời Rồng Quỷ Thần, A Tu La, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-huru-lặc cùng với Người không phải Người. Toàn bộ tới tập trung từng đoàn.

一切諸會蒙眾菩薩光明所照皆得安和。諸會菩薩一切大聖。

Nhất thiết chư hội môn chúng Bồ-tát Quang-minh sở chiếu, giai đắc an hoà. Chư hội Bồ-tát nhất thiết Đại Thánh.

Tất cả các Hội được các Quang minh của các Bồ Tát chiếu soi đều được yên ổn bình hòa. Các Hội Bồ Tát tất cả Đại Thánh.

神智暢達逮得總持。已成三昧具足五通。

Thần trí sường đạt逮 đắc Tổng-trì. Dĩ thành Tam-muội cụ túc ngũ Thông.

Thần trí thông tỏ nắm được Tổng trì. Đã thành Tam Muội, đầy đủ 5 Thần thông.

目覩眾生一切心念。悉分別知所思道俗。

Mục đồ chúng sinh nhất thiết tâm niệm. Tất phân biệt tri sở tư Đạo-tục.

Mắt nhìn thấy tất cả tâm suy nghĩ của chúng sinh. Đều biết phân biệt biết được suy nghĩ của Đạo tục.

不懷妄想。普布弘訓布施和意。

Bất hoài vọng tưởng. Phổ bố hoàng huấn Bồ-thí hòa ý.

Không mong nhớ ảo tưởng. Bồ cáo khắp cả giáo huấn rộng lớn Bồ thí ý hòa.

自持戒忍精進一心智慧善權靡不開化。逮不退轉。

Tự trì Giới-Nhẫn Tinh-tiến nhất tâm Trí tuệ thiện quyền mị bất khai hóa. Đãi Bất-thoái-chuyển.

Tự giữ Giới Nhẫn nhục Tinh tiến Nhất tâm Trí tuệ thiện quyền đều khai hóa tất cả. Nắm được

Không thoái lui.

頒宣道法慈愍群生。不抱瞋害，不慕利養。

Ban tuyên Đạo Pháp Từ mẫn quần sinh. Bất bảo sân hại, bất mộ lợi dưỡng.

Ban bố Đạo Pháp từ tâm thương xót chúng sinh. Không ôm ấp thù hận sát hại, không quyền luyến lợi dưỡng.

所演經句不冀衣食，無所著故。

Sở diễn Kinh cú bất ký y thực, vô sở trước cố.

Kinh kệ được phô diễn không mong được quần áo đồ ăn, do không có nương nhờ.

逮深法忍無所從生。度諸所生。皆為一切無請之友。

Đãi thâm Pháp-nhẫn vô sở tòng sinh. Độ chư sở sinh, giai vị nhất thiết vô thỉnh chi hữu.

Nắm được Pháp Nhẫn thâm sâu không có sinh. Vượt qua các nơi sinh, đều vì tất cả không thỉnh cầu bạn hữu.

為師子吼十方啟受。濟諸終始使度彼岸。

Vi Sư tử hống Thập phương khải thụ. Tế chư chung thủy sử độ bỉ Ngạn.

Làm Sư Tử gầm 10 phương bắt đầu nhận. Cứu giúp các việc trước sau khiến cho tới được Niết Bàn.

勇猛無畏越眾魔事。消諸陰蓋無罣礙業。

Dũng mãnh vô úy việt chúng Ma-sự. Tiêu chư Uẩn cái vô quái ngại Nghiệp.

Dũng mãnh không sợ vượt qua các việc của Ma. Tiêu trừ các Uẩn tối không lười nhác Nghiệp không có trở ngại.

了本清淨不疑諸法。積功累德不可稱載。

Liễu bản Thanh tịnh bất nghi chư Pháp. Tích Công lũy Đức bất khả xưng tải.

Hiểu rõ vốn dĩ Thanh tịnh không nghi hoặc các Pháp. Tích lũy công Đức không thể đo lường.

深入玄妙無極道元。意和面悅先發問訊。

Thâm nhập huyền diệu vô cực Đạo nguyên. Ý hòa diện duyệt tiên phát vấn tẩn.

Thâm nhập vào gốc Đạo huyền diệu không có giới hạn. Ý hòa nhã mặt vui vẻ trước tiên phát khởi thăm hỏi.

言談庠序除去慍色。棄捐偽諂歌頌正真。

Ngôn đàm tường tự trừ khứ Uẩn-sắc. Khí quyên ngụy siểm ca tụng Chính-chân.

Nói năng mạch lạc trừ bỏ các sắc thái giận hờn. Trừ bỏ dối trá siểm nịnh ca ngợi Chân Chính.

無際心行逮致聖忍。辯才不斷遊無限會。

Vô tế tâm hành đãi trí Thánh nhẫn. Biện tài bất đoạn du vô hạn hội.

Tâm hành không có biên giới nắm được đem tới Nhẫn của Thánh. Hùng biện không cắt đoạn du hành tới gặp nhau không có giới hạn.

強而有勢心如虛空。功勳普流行如金剛。

Cường nhi hữu thế tâm như hư không. Công huân phổ lưu hạnh như Kim cương.

Mạnh mà có thế lực tâm như Khoảng không. Công trạng lưu truyền khắp cả hạnh như Kim Cương.

無所不入。所至到處未曾有難。

Vô sở bất nhập. Sở chí đáo xứ vị tăng hữu nan.

Không đâu không thâm nhập. Đến được nơi tới chưa từng có khó khăn.

識無數劫周遊所歷。所說方便。一切諸法猶如幻化野馬影響。

Thức vô số Kiếp châu du sở lịch. Sở thuyết Phương-tiện. Nhất thiết chư Pháp do như huyền hóa dã mã ảnh hưởng.

Biết vô số Kiếp lịch trình vòng quanh đi tới. Phương tiện được nói. Tất cả các Pháp giống như ảo hóa, ngựa hoang dã, hình bóng, âm hưởng.

如夢所見水中之月芭蕉泡沫, 眾變無數。

Như mộng sở kiến thủy trung chi Nguyệt ba tiêu bào mạt, chúng biến vô số.

Nhìn thấy được như giấc mộng, Trăng trong nước, chuỗi tiêu, bọt nước, vô số các biến hóa.

黎庶沒溺無所歸依。往反五處而救濟之。

Lê thứ một nịch vô sở quy y. Vãng phản ngũ xứ nhi cứu tế chi.

Dân nghèo chìm nổi không nơi dựa theo về. Qua lại 5 nơi mà cứu giúp chúng.

明達眾生所趣善惡。隨心所喜演真功勳。

Minh đạt chúng sinh sở thú thiện ác. Tùy tâm sở hỉ diễn chân công huân.

Chúng sinh sáng tỏ được hướng thiện ác. Tùy tâm được vui diễn công trạng chân thực.

常懷愍傷無鹿害心。積無量德莊嚴佛土。

Thường hoài mẫn thương vô thô hại tâm. Tích vô lượng Đức trang nghiêm Phật thổ.

Thường mong thương xót tâm không thô thiển làm hại. Tích vô lượng Đức Đất Phật trang nghiêm.

無限弘誓成就無際。諸佛境界覺意常定未曾忘歸。

Vô hạn hoằng thệ thành tựu vô tế. Chư Phật cảnh giới giác ý thường định vị tăng vong quy.

Thệ nguyện lớn không có giới hạn thành công không có biên giới. Ý giác ngộ cảnh giới của các Phật thường yên định chưa quên mất trở về.

歸歎十方現在諸佛。體解眾結塵積自大。

Quy thán Thập phương Hiện-tại chư Phật. Thể giải chúng kết trần tích tụ đại.

Trở về ca ngợi các Phật thời Hiện tại 10 phương. Hiểu toàn thể các oán kết Trần tích chứa tụ đại.

志樂聖慧神通自娛。

Chí nhạo Thánh-tuệ Thần-thông tự ngu.

Ý chí ham thích Tuệ của Thánh, Thần thông tự vui đùa.

以善權業遊億百千江沙佛土。十方所講皆遙聞見。

Dĩ thiện quyền Nghiệp du ức bách thiên Giang sa Phật thổ. Thập phương sở giảng giai dao văn kiến.

Dùng thiện quyền Nghiệp du hành trăm nghìn Đất Phật nhiều như cát sông. Mười phương được giảng giải đều nghe nhìn thấy từ xa.

明智所修悉能履之。兩法甘露潤澤一切。

Minh trí sở tu tất năng lý chi. Vũ Pháp Cam-lộ nhuận trạch nhất thiết.

Tu được Trí sáng biết có thể thực hiện. Mưa Pháp Tịnh Giới thấm nhuận tất cả.

道意無量一切普備。其名曰慈氏菩薩。溥首菩薩。

Đạo ý vô lượng nhất thiết phổ bị. Kỳ danh viết Từ-thị Bồ-tát, Phổ-thủ Bồ-tát.

Ý Đạo vô lượng đầy đủ khắp tất cả. Tên họ là : Từ-thị Bồ-tát, Phổ-thủ Bồ-tát.

光勢音菩薩。兩音菩薩。善德百千菩薩。

Quang-thế -âm Bồ-tát, Vũ-âm Bồ-tát, Thiện-đức bách-thiên Bồ-tát.

Quang-thế -âm Bồ-tát, Vũ-âm Bồ-tát, Thiện-đức bách-thiên Bồ-tát.

華嚴菩薩。自大菩薩。明焰成菩薩。暢音菩薩。

Hoa-nghiêm Bồ-tát, Tự-đại Bồ-tát, Minh-diệm-thành Bồ-tát, Sương-âm Bồ-tát.

Hoa-nghiêm Bồ-tát, Tự-đại Bồ-tát, Minh-diệm-thành Bồ-tát, Sương-âm Bồ-tát.

奉無數億劫行菩薩。覺意雷音王菩薩。

Phụng -vô số-ức-kiếp hành Bồ-tát, Giác-ý lôi-âm Vương Bồ-tát.

Phụng -vô số-ức-kiếp hành Bồ-tát, Giác-ý lôi-âm Vương Bồ-tát.

見正邪菩薩。淨紫金菩薩。其心堅重菩薩。

Kiến-chính-tà Bồ-tát, Tịnh-tử-kim Bồ-tát, Kỳ-tâm kiên-trọng Bồ-tát.

Kiến-chính-tà Bồ-tát, Tịnh-tử-kim Bồ-tát, Kỳ-tâm kiên-trọng Bồ-tát.

威光王菩薩。照四千里菩薩。越所見菩薩。

Uy-quang Vương Bồ-tát, Chiếu-tứ thiên-ly Bồ-tát, Việt-sở-kiến Bồ-tát.

Uy-quang Vương Bồ-tát, Chiếu-tứ thiên-ly Bồ-tát, Việt-sở-kiến Bồ-tát.

辯積菩薩。慧王菩薩。不虛見菩薩。

Biện-tích Bồ-tát, Tuệ-vương Bồ-tát, Bất-hư -kiến Bồ-tát.

Biện-tích Bồ-tát, Tuệ-vương Bồ-tát, Bất-hư -kiến Bồ-tát.

颯陀和等八大正士。又有眾香手菩薩。無量真寶菩薩。

Bạt-đà-hòa đẳng bát Đại Chính-sĩ. Hựu hữu Chúng-hương-thủ Bồ-tát, Vô-lượng chân-bảo Bồ-tát.

Bạt-đà-hòa đẳng bát Đại Chính-sĩ. Hựu hữu Chúng-hương-thủ Bồ-tát, Vô-lượng chân-bảo Bồ-tát.

智積菩薩，大淨菩薩，師子吼菩薩，音王菩薩。

Trí-tích Bồ-tát, Đại-tịnh Bồ-tát, Sư-tử-hống Bồ-tát, Âm-vương Bồ-tát.

Trí-tích Bồ-tát, Đại-tịnh Bồ-tát, Sư-tử-hống Bồ-tát, Âm-vương Bồ-tát.

淨珠嚴行菩薩。師子步暢音菩薩。無量辯無畏菩薩。

Tịnh-châu nghiêm-hạnh Bồ-tát, Sư-tử bộ sướng-âm Bồ-tát, Vô-lượng biện vô-úy Bồ-tát.

Tịnh-châu nghiêm-hạnh Bồ-tát, Sư-tử bộ sướng-âm Bồ-tát, Vô-lượng biện vô-úy Bồ-tát.

如是等菩薩八十億俱。

Như thị đẳng Bồ-tát bát thập ức câu.

Cùng với các Bồ Tát như thế 80 triệu tham dự.

於是三千大千世界。天下正主四大天王。

Ư thị Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới, Thiên-hạ chính chủ tứ Đại Thiên-vương.

Lúc đó Ba nghìn Đại thiên Thế giới, Chúa cao nhất của Thiên hạ 4 Đại Thiên Vương.

釋梵自在天王。大梵天王。諸龍王諸鬼神王。

Thích-Phạm Tự-tại Thiên-vương, Đại Phạm Thiên-vương. Chư Long-vương chư Quỷ Thần Vương.

Thích-Phạm Tự-tại Thiên-vương, Đại Phạm Thiên-vương. Các Long-vương các Quỷ Thần Vương.

諸阿須倫王。諸迦留羅王。諸真陀羅王。

Chư A-tu-luân Vương, chư Ca-lưu-la Vương, chư Chân-đà-la Vương.

Các A Tu La Vương, các Ca-lưu-la Vương, các Chân-đà-la Vương.

諸摩休勒王。諸撻查耆王。皆往詣佛所。

Chư Ma-hưu-lặc Vương, chư Kiền-đạp-hòa Vương, giai vãng nghệ Phật sở.

Các Ma-hưu-lặc Vương, các Kiền-đạp-hòa Vương, đều vãng tới nơi Phật ở.

各以華香供養散佛上。還坐一面或坐或住。

Các dĩ hoa hương cúng dưỡng tán Phật thượng. Hoàn tọa nhất diện hoặc tọa hoặc trụ.

Họ dùng hoa hương cúng dưỡng rắc lên trên Phật. Trở về ngồi một bên hoặc ngồi hay ở lại.

爾時喜王菩薩觀眾會集。即從坐起更正衣服。

Nhĩ thời Hi-vương Bồ-tát đồ chúng hội tập. Tức tòng tòa khởi cánh chính y phục.

Khi đó Hi Vương Bồ-tát nhìn thấy chúng tập trung trong hội. Tức thì rời khỏi chỗ ngồi đứng dậy chỉnh lại quần áo.

長跪叉手白佛。願有所問聽乃敢宣陳。

Trưởng quy xoa thủ bạch Phật. Nguyên hữu sở vấn thính nãi cảm tuyên trần.

Quy lâu chấp tay bạch Phật. Mong nguyện nếu được nghe hỏi, mới dám nói giải bày.

佛言：恣汝所啟問！佛當事事分別宣之。

Phật ngôn : Tử Nhữ sở khả vấn ! Phật đương sự sự phân biệt tuyên chi.

Phật nói rằng : Ngài tự do được bắt đầu hỏi ! Phật đang từng việc phân biệt đọc nói.

喜王即問：何謂菩薩常備道心斷除非法？

Hỉ-vương tức vấn : Hà vị Bồ-tát thường bị Đạo tâm đoạn trừ phi Pháp ?

Hỉ Vương liền hỏi : Thế nào gọi là Bồ Tát thường đầy đủ tâm Đạo cắt trừ bỏ Pháp sai trái ?

奉行等業消除眾結。修三品：一經行，二住立，三坐定。

Phụng hành đẳng Nghiệp tiêu trừ chúng kết. Tu tam phẩm : Nhất kinh hành, nhị trụ lập, tam tọa Định.

Cung kính hành Nghiệp Bình đẳng tiêu trừ các oán kết. Tu 3 phẩm : Một là đi, hai là đứng ở lại, ba là ngồi yên Định.

化諸不調從是超越。令其精進而無瑕穢。何謂菩薩成就具足？

Hóa chư bất điều tòng thị siêu việt. Linh kỳ Tinh-tiến nhi vô hà ố. Hà vị Bồ-tát thành tựu cụ túc ?

Hóa giải các việc không hòa hợp từ đó vượt qua. Giúp họ Tinh tiến mà không có dấu vết ô ố.

Thế nào gọi là Bồ Tát thành công đầy đủ ?

曉知眾生心性所行。言常至誠入諸佛業不論諍訟。

Hiểu tri chúng sinh tâm tính sở hành. Ngôn thường chí thành nhập chư Phật Nghiệp bất luận tranh tụng.

Hiểu biết tâm tính hành được của chúng sinh. Nói thường chí thành tâm, nhập vào các Nghiệp của Phật không luận bàn tranh cãi.

隨其眾生音聲言辭，入誠諦慧。

Tùy kỳ chúng sinh âm thanh ngôn từ, nhập thành đế tuệ.

Thuận theo lời nói âm thanh của chúng sinh, nhập vào Trí tuệ thành thực.

今現在世覩見十方一切諸佛而無罣礙。

Kim Hiện-tại thế đở kiến Thập phương nhất thiết chư Phật nhi vô quái ngại.

Hiện nay đời Hiện tại nhìn thấy các Phật 10 phương mà không có trở ngại.

見真妙法乃致諸佛至聖誓願。愍念俗法。雖遊世俗永無所著。

Kiến chân Diệu-pháp nãi trí chư Phật chí Thánh thệ nguyện. Mẫn niệm tục Pháp. Tuy du thế tục vĩnh vô sở trước.

Nhìn thấy Pháp vi diệu chân thực, mới đem tới thệ nguyện tới bậc Thánh lớn của các Phật.

Thương nhớ Pháp Phạm tục. Tuy du hành tới Đời Phạm tục vĩnh viễn không có nương nhờ.

修行禪定一心三昧。不從此教而有所生。從泥洹法不取滅度。

Tu hành Thiền-định nhất tâm Tam-muội. Bất tòng thử giáo nhi hữu sở sinh. Tòng Nê-hoàn Pháp bất thủ Diệt-độ.

Tu hành Thiền định Nhất tâm Tam Muội. Không từ giáo Pháp này mà có được sinh. Theo Pháp Thanh tịnh Niết Bàn không cầm giữ Niết Bàn.

不以不具諸佛至願而中懈廢乃復現求緣覺之法。

Bất dĩ bất cụ chư Phật chí nguyện nhi trung giải phé nãi phục hiện cầu Duyên-giác chi Pháp. Không coi là chưa đầy đủ nguyện lớn của các Phật mà ở trong đó lười nhác phá bỏ, mới lại hiện ra cầu Pháp Bạc Duyên Giác.

不以此乘而退轉墮落取滅度也。意修無量不可限慧。

Bất dĩ thử Thừa nhi thoái chuyển đọa lạc thủ Diệt-độ dã. Ý tu vô lượng bất khả hạn tuệ.

Không lấy Bạc này mà thoái lui đọa lạc cầm giữ Niết Bàn. Ý tu vô lượng Trí tuệ không có giới hạn.

心未曾亂。入於若干諸種境界。造無限業。

Tâm vị tăng loạn. Nhập ư nhược can chư chủng cảnh giới. Tạo vô hạn Nghiệp.

Tâm chưa từng tán loạn. Nhập vào rất nhiều các loại cảnh giới. Tạo lập Nghiệp vô hạn.

若有所問。以辯才慧悉為宣暢。攝取無量清淨佛土。

Nhược hữu sở vấn. Dĩ biện tài tuệ tất vi tuyên sướng. Nhiếp thủ vô lượng Thanh tịnh Phật thổ.

Nếu có được hỏi. Dùng Trí tuệ hùng biện biết là nói đọc thông suốt. Thu lấy vô lượng Đất Phật Thanh tịnh.

逮得無餘智慧聖達。開化眾生心無所著。

Đãi đắc vô dư Trí tuệ Thánh đạt. Khai hóa chúng sinh tâm vô sở trước.

Nắm được hết cả thông tỏ Trí tuệ Bạc Thánh. Khai hóa chúng sinh tâm không có nương nhờ.

不有人想頌宣經典。不住顛倒顯示滅度。

Bất hữu nhân tưởng ban tuyên Kinh điển. Bất trụ điên đảo hiển thị Diệt-độ.

Không có tưởng nhớ người nói đọc Kinh điển. Không ở trong đảo lộn hiện ra rõ Niết Bàn.

不永寂滅修行得道。亦無所猗如有所好。

Bất vĩnh tịch-diệt tu hành đắc Đạo. Diệt vô sở ý như hữu sở hảo.

Không vĩnh viễn Vắng lặng tu hành được Đạo. Cũng không ý lại nếu có được tốt đẹp.

慕於內行以棄有無。今天中天惟見愍念。

Mộ ư nội hành dĩ khí hữu vô. Kim thiên trung thiên duy kiến mẫn niệm.

Quyến luyến với hành động ở bên trong do vứt bỏ Có Không có. Ngày nay ở giữa Trời chỉ nhìn thấy thương nhớ.

性雖不敏不敢重啟垂哀宣布。

Tính tuy bất mẫn bất cảm trọng khai thùi ai tuyên bố.

Tính tuy không thông minh không dám bắt đầu trình trọng thương xót tuyên bố.

爾時喜王菩薩歎歌此頌。

Nhĩ thời Hi-vương Bồ-tát thán ca thử tụng.

Khi đó Hi Vương Bồ Tát ca ngợi bằng bài tụng này.

諮問殊妙月 救世演光明

Tư vấn thù diệu Nguyệt. Cứu thế diễn Quang-minh.

Xin hỏi Trăng đặc diệu. Cứu Đòi phát ánh Trăng.

諸菩薩所行 漸行至成就

Chư Bồ-tát sở hạnh. Tiệm hành chí thành tựu.

Hạnh của các Bồ Tát. Hành dần tới thành công.

入無量限眾 諸天人樂法

Nhập vô lượng hạn chúng. Chư Thiên-nhân nhạo Pháp.

Nhập vào Chúng nhiều vô hạn. Các người Trời ham Pháp.

聞最得道行 無數人發意

Văn tối đắc Đạo hạnh. Vô số nhân phát ý.

Nghe nhiều được Đạo hạnh. Vô số người phát ý.

信樂微妙勳 問普名聞度

Tín nhạo vi diệu huân. Vấn phổ danh văn độ.

Tin ham công trạng vi diệu. Hỏi khắp tên nghe độ thoát.

無量稱智心 見勝無餘證

Vô lượng xưng trí tâm. Kiến thắng vô dư chứng.

Tâm trí nói vô lượng. Nhìn được chứng hết cả.

十方散說行 尊解脫功德

Thập phương tán thuyết hạnh. Tôn Giải-thoát Công-đức.

Mười phương khen nói hành. Kính Giải thoát công Đức.

佛勳最無倫 大聖訓慧行

Phật huân tối vô luân. Đại Thánh huấn tuệ hạnh.

Công Phật cao không thường. Đại Thánh dạy tuệ hạnh.

念俗結黑冥 速演道光耀

Niệm tục kết hắc minh. Tốc diễn Đạo Quang-diệu.

Nhớ tục kết đen tối. Nhanh diễn Đạo sáng rực.

疾覩三千界 行道講如是

Tật đở Tam-thiên giới. Hành đạo giảng như thị.

Nhanh thấy Ba nghìn Cõi. Hành Đạo giảng như thế.

相好猶眾華 持道無量音

Tướng-Hảo do chúng hoa. Trì đạo vô lượng âm.

Tướng Hảo giống các hoa. Giữ Đạo âm vô lượng.

三昧等須彌 菩薩行如是

Tam-muội đẳng Tu-Di. Bồ-tát hạnh như thị.

Tam Muội bằng Tu Di. Hạnh Bồ Tát như thế.

無等倫無諂 不我無三垢

Vô đẳng luân vô siểm. Bất ngã vô tam cấu.

Không bằng không siểm nịnh. Không tôi không 3 Bản.

最寂眾所歎 問人中尊行

Tối tịch chúng sở thán. Vấn nhân trung tôn hành.

Vắng lớn được chúng khen. Hỏi người đang kính hành.

意堅言和妙 所說不闕漏

Ý kiên ngôn hòa diệu. Sở thuyết bất khuyết lậu.

Ý vững lời hòa diệu. Nếu nói không thiếu sai.

聖正士燒塵 如佛道告我

Thánh Chính-sĩ thiêu Trần. Như Phật đạo cáo Ngã.

Thánh Chính sĩ đốt Trần. Như Đạo Phật bảo tôi.

歸命入佛道 晝夜勤無異

Quy mệnh nhập Phật đạo. Trú dạ cần vô dị.

Quy mệnh vào Đạo Phật. Ngày đêm gắng không khác.

聞此順法最 常正如道訓

Văn thử thuận Pháp tối. Thường chính như Đạo huấn.

Nghe nó thuận Pháp cao. Thường đúng như Đạo dạy.

若持常定意 神足辯智慧

Nhược trì thường định ý. Thần túc biện trí huệ.

Nếu thường giữ Định ý. Thần biến Trí huệ hay.

見十方諸佛 問聖致寂然

Kiến Thập phương chư Phật. Vấn Thánh trí Tịch-nhiên.

Thấy các Phật 10 phương. Hỏi Thánh tới Vắng vẻ.

講慧無等倫 曉無數定門

Giảng Tuệ vô đẳng luân. Hiểu vô số Định-môn.

Nói không sánh bằng Tuệ. Hiểu vô số môn Định.

所說不懈倦 故問十方行

Sở thuyết bất giải quyện. Cố vấn Thập phương hành.

Nếu nói không mệt mỏi. Cố hỏi đi 10 phương.

不問入樂處 不諮境界限

Bất vấn nhập lạc xứ. Bất tư cảnh giới hạn.

Không hỏi vào nơi vui. Không bàn cảnh giới hạn.

妙勝大聖頂 惟宣十方行

Diệu thắng Đại Thánh đỉnh. Duy tuyên Thập phương hành.

Đỉnh Đại Thánh diệu đẹp. Chỉ nói đi 10 phương.

佛告喜王菩薩：善哉，善哉！

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát：Thiện tai, thiện tai！

Phật bảo Hi Vương Bồ-tát：Thiện thay, thiện thay！

所問甚深愍念一切。有三昧名了諸法本。菩薩若行此三昧定。

Sở vấn thậm thâm mẫn niệm nhất thiết. Hữu Tam-muội danh liễu chư Pháp bản. Bồ-tát nhược hành thử Tam-muội Định.

Hỏi rất thâm sâu thương nhớ tất cả. Có Tam Muội tên là Biết rõ các Pháp vốn có. Bồ Tát nếu được Tam Muội Định này.

得是功勳，輒逮此行威神巍巍。

Đắc thị công huân triếp đãi thử hành uy thần nguy nguy.

Được công trạng đó liền nắm Hành này Uy Thần to lớn.

具足成就二千一百諸度無極事。

Cụ túc thành tựu nhị thiên nhất bách chư độ vô cực sự.

Thành công đầy đủ 2 nghìn một trăm sự việc của Pháp tới Niết Bàn.

致八萬四千諸三昧門八萬四千諸總持門。體解眾生遍入諸行。

Trí bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn bát vạn tứ thiên chư Tổng-trì môn. Thể giải chúng sinh biến nhập chư hành.

Đem tới 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội, 8 vạn 4 nghìn các môn nhận giữ nhớ không quên tất cả các Pháp. Chúng sinh hiểu tổng thể biến ra khắp nhập vào các hành.

疾逮無上正真之道成最正覺。佛言：喜王！

Tật đãi Vô-thượng Chính-chân chi đạo thành Tối Chính-giác. Phật ngôn : Hỉ-vương !

Nhanh nắm lấy Đạo Bình Đẳng Chân Chính thành Tối Chính Giác. Phật nói rằng : Hỉ Vương !

何謂了諸法本三昧？若有菩薩行六堅法。

Hà vị liễu chư Pháp bản Tam-muội ? Nhược hữu Bồ-tát hạnh lục kiên Pháp.

Thế nào gọi là biết rõ các Pháp Tam Muội vốn có ? Nếu có Bồ Tát hành 6 Pháp kiên cố.

身口心慈言行相應。不違三乘不失要誓。

Thân Khẩu Tâm Từ ngôn hành tương ứng. Bất vi Tam-thừa bất thất yếu thệ.

Thân Miệng Tâm Từ nói làm tương ứng. Không ngược lại 3 Bậc không mất thệ nguyện trọng yếu.

知三乘行如所造業開示人民。言亦如是。

Tri Tam-thừa hành, như sở tạo Nghiệp khai thị nhân dân. Ngôn diệc như thị.

Biết hành 3 Bậc, như được tạo ra Nghiệp, khai sáng nhân dân. Nói cũng như thế.

身清行淨口言柔和猶如甘露。

Thân Thanh hạnh Tịnh khẩu ngôn nhu hòa do như Cam-lộ

Thân hành Thanh tịnh Miệng Thanh tịnh lời nói nhu hòa giống như Cam Lộ.

心念解明猶如日光。常行愍哀恒懷慈心。

Tâm niệm giải minh do như Nhật quang . Thường hành mẫn ai hằng hoài Từ tâm.

Tâm nhớ hiểu sáng giống như ánh mặt Trời. Thường hành thương xót thường nhớ tâm Từ.

無有害意不捨大悲。無戀一切不慕貪婬。

Vô hữu hại ý bất xả Đại Bi. Vô luyến nhất thiết bất mộ tham dâm.

Không có ý tổn hại không buông bỏ Đại Bi. Không luyến tiếc tất cả, không quyến luyến tham dâm.

身行清明志樂法宜。不失篤信尚至誠。不廢己願及一切。

Thân hành thanh minh chí nhạo Pháp nghi. Bất thất đốc tín thượng chí thành. Bất phế kỷ nguyện cập nhất thiết.

Thân hành Thanh tịnh sáng, ý chí ham Pháp thích hợp. Không mất Đức tin mà còn chí thành tâm. Không phá bỏ nguyện của bản thân cùng với tất cả.

分別寂滅不永寂滅。度脫眾生隨其本行。

Phân biệt Tịch-diệt bất vĩnh Tịch-diệt. Độ thoát chúng sinh tùy kỳ bản hạnh.

Phân biệt Vắng lặng, không vĩnh viễn Vắng lặng. Độ thoát chúng sinh hạnh vốn có đó.

曉了罪福不亂世俗。未曾貪身不務馳騁。

Hiểu liễu tội Phúc bất loạn thế tục. Vị tăng tham thân bất vụ trì sính.

Hiểu biết rõ tội Phúc không hỗn loạn Đời thường. Chưa từng tham thân không chạy theo vụ việc. 憇眾苦惱欲度脫之。勸眾施安不造危殆。

Mẫn chúng khổ não dục độ thoát chi. Khuyên chúng thí an bất tạo nguy ãi.

Thương chúng sinh khổ não muốn độ thoát hết. Khuyên chúng sinh yên vui Bồ thí, không tạo ra nguy hiểm.

化諸自大自大消伏。懈者使勤轉進道教。

Hóa chư tự đại, tự đại tiêu phục. Giải giả sử cần chuyển tiến Đạo giáo.

Tan biến các tự đại, tiêu trừ hàng phục tự đại. Người lười sai khiến chuyển thành cần cù tiến bộ Đạo giáo.

修法藏無上慧。不立想人，心無弊礙。

Tu Pháp tạng Vô-thượng Tuệ. Bất lập tưởng nhân, tâm vô tệ ngại.

Tu hành Pháp tạng Tuệ Bình Đẳng. Không lập dựng tưởng nhớ người tâm không hư hỏng trở ngại.

不計所有拔諸根本。斷除家業志定無為。

Bất kế sở hữu bạt chư căn bản. Đoạn trừ gia Nghiệp chí định Vô-vi.

Không tính kế được Có, rút bỏ các Căn vốn có. Cắt trừ bỏ Nghiệp gia đình chí tâm yên Định Rỗng không.

剖判諸想無所悵望。不捨正受常求智慧。

Phẫu phán chư tưởng vô sở hi vọng. Bất xả Chính-thụ thường cầu Trí tuệ.

Phân tích phán đoán các tưởng nhớ không có hi vọng. Không buông bỏ Thụ nhận đúng thường cầu Trí tuệ.

離俗言談志惟逮住。講度世業無俗計念。

Ly tục ngôn đàm chí duy ãi trụ. Giảng độ thế Nghiệp vô tục kế niệm.

Rời xa đàm luận Phạm tục, ý chí chỉ nắm giữ ở lại. Nói độ thoát Nghiệp đời nhớ tính kế không còn Phạm tục.

意不忽忘消除蔭蔽。常思經法心不慌，人所應宜。

Ý bất hốt vong tiêu trừ âm tế. Thường tư Kinh Pháp tâm bất hoảng, nhập sở ưng nghi.

Ý không lơ là quên mất, tiêu trừ Uẩn che phủ. Thường nhớ Kinh Pháp tâm không hoảng hốt, thích hợp được nhập vào.

不失節立所行法。曉知世無所犯負。

Bất thất tiết lập sở hành Pháp. Hiểu tri thế vô sở phạm phụ.

Không mất khí tiết hành Pháp được tạo lập. Hiểu biết đời không có vi phạm gánh vác.

具諸業以六度行。棄無信多懷誠信。

Cụ chư Nghiệp dĩ Lục-độ hành. Khí vô tín đa hoài thành tín.

Đầy đủ các Nghiệp do hành 6 Pháp tới Niết Bàn. Vứt bỏ không có Đức tin, nhớ nhiều tin chân thành.

篤佛道常念佛法。勤悔過樂助功德。

Đốc Phật đạo thường niệm Phật Pháp. Cần hồi quá nhạo trợ Công-đức.

Hết lòng tin Đạo Phật thường nhớ Phật Pháp. Cần cù sám hối tội cũ ham trợ giúp công Đức.

施眾生因勸諸佛轉法輪。應嗟歎聖不諛諂。

Thí chúng sinh nhân khuyến chư Phật chuyển Pháp-luân. Ứng ta thán Thánh bất du siểm.

Bổ thí chúng sinh nhân do khuyến các Phật nói chuyển Pháp Luân. Thuận theo thương xót ca ngợi Thánh không nịnh bợ xúc siểm.

積功累德常精進。心不懈廢習勤修。遵行道業菩薩法。

Tích Công lũy Đức thường Tinh-tiến. Tâm bất giải phế tập cần tu. Tuân hành đạo Nghiệp Bồ-tát Pháp.

Tích lũy công Đức thường Tinh tiến. Tâm không lười nhác phá bỏ học tập tu chuyên cần. Tuân hành Nghiệp Đạo Pháp Bồ Tát.

好布施眾念憐傷。常抱弘意。

Hiếu Bồ-thí chúng niệm lân thương. Thường bao hoàng ý.

Thích Bồ thí nhớ thương xót chúng sinh. Thường ôm ấp ý rộng lớn.

求止業不缺止度順如教。身口心淨無沾污，如是至誠。

Cầu chỉ Nghiệp bất khuyết chỉ độ thuận như giáo. Thân Khẩu Tâm tịnh vô triêm ô, như thị chí thành.

Cầu Nghiệp dừng lại không thiếu dừng vượt qua thuận theo như giáo lý. Thân Miệng Tâm Thanh tịnh không thâm nhiễm ô uế, chí thành như thế.

所依言教奉不違廢。不住欲界不徇色界寂無色界。

Sở y ngôn giáo phụng bất vi phế. Bất trụ Dục-giới, bất ý Sắc-giới, tịch Vô-sắc giới.

Dựa theo lời dạy cung kính không ngược lại phá bỏ. Không ở trong Cõi Dục, không ý lại Cõi Sắc, vắng vẻ Cõi không có Sắc.

從其所行可怙果報而信樂之。堅住大乘而不退轉入愚冥處。

Tòng kỳ sở hành khả hữ quả báo nhi tín nhạo chí. Kiên trụ Đại-Thừa nhi Bất-thoái-chuyển nhập ngu minh xứ.

Từ đó nếu làm có thể hỗ trợ quả báo mà tin vui sướng. Vững ở trong Đại Thừa mà Không thoái lui nhập vào nơi ngu tối.

若在慳悋心不習此等心供養。教化眾生令無諛諂。

Nhược tại xan lận tâm bất tập thử đẳng tâm cúng dường. Giáo hóa chúng sinh linh vô du siểm.
Nếu sống gian lận tâm không tập luyện việc này tâm bình đẳng cúng dường. Giáo hóa chúng sinh giúp cho không có siểm nịnh.

不欺諸佛不抱害心向眾菩薩。不亂聖業虛妄之言。

Bất khi chur Phật bất bảo hại tâm hướng chúng Bồ-tát. Bất loạn Thánh Nghiệp hư vọng chi ngôn.
Không lừa dối các Phật, tâm không ôm ấp tổn hại, hướng về các Bồ Tát. Nghiệp Thánh không hỗn loạn lời nói hão huyền.

見諸精進若懈怠者而無二心。不嫉他供具足弘誓。

Kiến chur Tinh-tiến nhược giải đãi giả nhi vô nhị tâm. Bất tật tha cung cụ túc hoàng thệ.
Nhìn thấy các Tinh tiến nếu người lười nhác mà tâm không có hai. Không đố kỵ cung cấp khác, thệ nguyện to lớn đầy đủ.

棄捐憍慢瞋恚之想愚顛邪行以消無明。常省己身不訟彼短。

Khí quyên kiêu mạn sân khuể chi tưởng ngu điên tà hành dĩ tiêu Vô-minh. Thường tỉnh kỷ thân bất tụng bỉ đoản.

Vứt bỏ kiêu mạn thù hận giận hờn tưởng nhớ ngu si đảo lộn hành sai trái, dùng để tiêu trừ ngu tối. Thường giảm bớt thân của tự mình không kiện tụng thiếu sót của họ.

慚愧自責不如佛法。枝身行道又知止足。棄捨親族。

Tàm quý tự trách bất như Phật Pháp. Chi thân hành đạo hựu tri chỉ túc. Khí xả thân tộc.

Xấu hổ tự khiển trách không như Pháp Phật. Chân tay thân hành Đạo mà biết đủ dừng lại. Buông bỏ thân thích họ hàng.

厭於衰耗不務利養。若有所得以分與人。

Yếm ư suy hao bất vụ lợi dưỡng. Nhược hữu sở đắc dĩ phân dữ nhân.

Chán gét suy hao không vụ lợi dưỡng. Nếu có được gì mang phân chia cho người.

戒無所犯不習眾人睡眠之尤。

Giới vô sở phạm bất tập chúng nhân thụ miên chi ưu.

Không có phạm Giới, không luyện theo thói quen của mọi người, ngủ say là tốt nhất.

這被鹿言常能含忍。恒慎口言常立道化。歎詠精進常悅和心。

Giá bị thô ngôn thường năng hàm nhẫn. Hằng thận khẩu ngôn thường lập Đạo hóa. Thán vịnh Tinh-tiến thường duyệt hòa tâm.

Bị lời nói thô lỗ đó thường có thể nhẫn tất cả. Miệng nói thường thận trọng thường lập dựng Đạo giáo hóa. Ca ngợi Tinh tiến tâm thường vui hòa hợp.

與諸解脫親近相習。勤數諮問修學閑居。

Dữ chur Giải-thoát thân cận tương tập. Cần sắc tư vấn tu học nhàn cư.

Với các Giải thoát thân thiết cùng nhau học tập. Thường xuyên thăm hỏi tu học nơi im vắng.

不捨獨燕常行節限。功勳之德樂習空義。

Bất xả độc yến thường hành tiết hạn. Công huân chi Đức nhạo tập không nghĩa.

Không buông bỏ nghi yên lặng một mình, thường hành tiết lượng. Công trạng và Đức ham tập luyện nghĩa Rỗng không.

不慕有為不猗陰身。不樂諸種不受衰入。

Bất mộ Hữu-vi bất y Uẩn thân. Bất nhạo chư chủng bất thụ suy nhập.

Không quyến luyến Pháp Có hình không y vào thân Sắc Uẩn. Không ham thích các loại, không nhận suy bại thâm nhập.

不志財利不住境界。去於顛倒心行堅強。

Bất chí tài lợi bất trụ cảnh giới. Khứ u điên đảo tâm hành kiên cường.

Không chí tâm tới tài lợi, không ở trong cảnh giới. Trừ bỏ với đảo lộn tâm tu hành kiên cường. 修聖賢行觀明心本。得眾枯地休息眾行。

Tu Thánh Hiền hạnh quan minh tâm bản. Đắc chúng khô địa hưu tức chúng hành.

Tu hạnh Thánh Hiền quan sát tâm sáng vốn có. Được các nơi khô ráo, ngừng nghỉ các hành động.

施無悌望,戒無所念。忍無所想。精進不失。

Thí vô hi vọng, Giới vô sở niệm. Nhẫn vô sở tưởng, Tinh-tiền bất thất.

Không cầu mong Bồ thí, không có nhớ Giới. Không có tưởng nhớ Nhẫn, không mất Tinh tiến.

禪無所生,智慧無導。奉正真法諸度無極入平等住。

Thiền vô sở sinh, Trí tuệ vô đạo. Phụng Chính-chân Pháp chư Độ vô cực nhập Bình-đẳng trụ.

Không có sinh Thiền, không có dẫn dắt Trí tuệ. Cung kính Pháp Chân Chính, Pháp tới Niết Bàn, nhập vào Bình đẳng ở lại.

不稱己德不毀他功。不依生死不得泥洹。

Bất xưng kỷ Đức bất hủy tha công. Bất y sinh tử bất đắc Nê-hoàn.

Không nói Đức của bản thân không phá hủy công Đức của người khác. Không dựa vào sinh chết không được Thanh tịnh Niết Bàn.

是為解脫。消雪情愛建立真諦。

Thị vi Giải-thoát. Tiêu tuyết Tình ái kiến lập Chân-đế.

Đó là Giải thoát. Tiêu chảy băng tuyết Tình ái, thiết lập Chân chính.

面常和悅捨其慍色而先問訊。恭敬長幼中年之士。

Diện thường hòa duyệt xả kỳ uẩn sắc nhi tiên vấn tẩn. Cung kính trường ấu trung niên chi Sĩ.

Mặt thường vui vẻ buông bỏ sắc giận hờn đó mà thăm hỏi làm đầu. Cung kính người lớn trẻ em trung niên và các người có học.

心常諮讚。懷仁恩宜無所嫉害。不在言說。

Tâm thường tư tán. Hoài nhân ân nghi vô sở nhiều hại. Bất tại ngôn thuyết.

Tâm thường hỏi thăm ca ngợi. Phù hợp nhớ ân nhân hòa ân nghĩa không có gây hại. Không ở tại lời nói.

常歎寂然惓怕之行。所在和同合眾別離。等心怨友無憎愛矣。

Thường thán Tịch-nhiên đàm phạ chi hành. Sở tại hòa đồng hợp chúng biệt ly. Đẳng tâm oán hữu vô tăng ái hĩ.

Thường ca ngợi Vắng vẻ lo lắng sợ hãi mà tu hành. Hòa đồng tại nơi ở đóng lại các biệt ly. Tâm Bình đẳng, bạn hữu oán trách không có yêu ghét.

求于總持哀愍眾生如父如母如身如子如師和上尊長無異。

Cầu vu Tổng-trì ai mãi chúng sinh như Phụ như Mẫu như thân như tử như Sư Hòa-thượng tôn trưởng vô dị.

Cầu Pháp Tổng trì thương xót chúng sinh như Cha như Mẹ như bản thân như con như Thầy Hòa thượng người già không có khác.

奉佛菩薩充滿順風。供奉如來好樂嚴淨。

Phụng Phật Bồ-tát sung mãn thuận phong. Cúng sự Như Lai hảo lạc nghiêm tịnh.

Cung kính Phật Bồ Tát, tràn đầy xuôi theo gió. Việc cúng dường Như Lai ham thích trang nghiêm Thanh tịnh.

不挾怯弱敬重三寶。所在遊居無所稽積。

Bất hiệp khiếp nhược kính trọng Tam-Bảo. Sở tại du cư vô sở súc tích.

Không hẹp hòi khiếp nhược kính trọng Phật Pháp Tăng. Tại nơi du hành tới ở không có tích chứa.

度衣限食不貪身命。性常清淨恒行乞食。

Độ y hạn thực bất tham thân mệnh. Tính thường Thanh tịnh hằng hành khát thực.

Quần áo theo phép tắc ăn uống hạn lượng không tham thân mệnh. Tính thường Thanh Tịnh thường làm xin ăn.

不捨止足棄於眾會。不慕家業不樂捨居。

Bất xả chỉ túc khí ư chúng Hội. Bất mộ gia Nghiệp bất lạc xả cư.

Không buông bỏ dừng đầy đủ, bỏ tới các Hội. Không quyến luyến gia Nghiệp, không vui sướng buông bỏ nơi ở.

不在校飾無有虛偽。言辭可愛聞莫不歡。

Bất tại hiệu sức vô hữu hư vọng. Ngôn từ khả ái văn mạc bất hoan.

Không làm trang điểm không có lừa dối. Lời nói êm ái nghe đều vui mừng.

勸助眾人使發道意。無惑所行行入順教。

Khuyến trợ chúng nhân sử phát Đạo ý. Vô hoặc sở hành hành nhập thuận giáo.

Khuyến trợ giúp mọi người dùng để phát ý Đạo. Nơi làm không có hoặc loạn, được nhập vào thuận theo giáo lý.

數數諮歎諸佛至真。心習道法敬重聖眾。

Sắc sắc tư thân chư Phật chí Chân. Tâm tập đạo Pháp kính trọng Thánh chúng.

Thường hỏi ca ngợi Chân Chính lớn của các Phật. Tâm luyện tập Đạo Pháp kính trọng các Thánh. Tôn trọng Huệ Minh tập theo Trí Đạt. Hộ trợ Thiền tư khai hóa tinh tiến.

Tôn thuận Tuệ minh tập theo Trí Đạt. Hộ trợ Thiền-tư khai hóa Tinh-tiến.

Tôn kính thuận theo Trí sáng luyện tập theo Trí thông tỏ. Bảo vệ các suy nghĩ Tinh lặng khai hóa Tinh tiến.

常宣道德恒遵行法。信功德本開化眾生。好樂篤信講導眾苦。

Thường tuyên đạo Đức hằng tuân hành Pháp. Tín Công-đức bản khai hóa chúng sinh. Hào lạc đốc tín giảng đạo chúng khổ.

Thường nói Đạo Đức thường tuân theo thi hành Pháp. Tin công Đức vốn có, khai hóa chúng sinh. Ham thích đốc lòng tin giảng dạy dẫn dắt các Khổ.

威儀清淨常立弘仁。而有慚愧畏難羞恥。

Uy nghi Thanh tịnh thường lập hồng nhân. Nhi hữu tâm quý úy nan tu sĩ.

Uy nghi Thanh tịnh thường lập dựng nhân từ rộng lớn. Mà có hổ thẹn xấu hổ sợ khổ.

棄捐惡人不賢之黨。習究竟業，志行脫門。

Khí quyên ác nhân bất hiền chi đảng. Tập cứu cánh Nghiệp chí hành thoát môn.

Rời bỏ người ác đồ đảng của người không hiền lành. Luyện tập Nghiệp cuối cùng, quyết chí hành môn Giải thoát.

求賢聖行，奉四意止。習平等斷，興發諸根。

Cầu Hiền Thánh hạnh, phụng tứ ý chỉ. Tập Bình đẳng đoạn hưng phát chư căn.

Cầu hạnh của Thánh Hiền, cung kính 4 Ý dừng lại. Luyện tập Bình đẳng cắt bỏ hưng khởi các Căn.

遵修諸力，觀察覺意。不捨道行，度于寂滅。

Tuân tu chư lực, quan sát giác ý. Bất xả Đạo-hạnh, độ vu Tịch-diệt.

Tuân theo tu các lực, quan sát ý cảm giác. Không bỏ Đạo hạnh vượt qua Vắng lặng.

炤耀所觀心無妄想。欣樂法典不犯精舍。

Chiếu diệu sở quan tâm vô vọng tưởng. Hân nhạo Pháp điển bất phạm tinh xá.

Quan sát được sáng rực, tâm không có tưởng nhớ hi vọng. Vui ham thích Pháp Kinh điển không vi phạm nơi quán trọ.

無所羞無所慚。不顛倒無慾想。慕菩薩行。

Vô sở tu vô sở tàm. Bất điên đảo vô dục tưởng. Mộ Bồ-tát hạnh.

Không xấu hổ không hổ thẹn. Không đảo lộn không tưởng nhớ tham dục. Ngưỡng mộ hạnh Bồ Tát.

佛道曠然而無邊際。患厭邪行。

Phật đạo khoáng nhiên nhi vô biên tế. Hoạn yếm Tà-hành.

Đạo Phật minh mông như thể mà không có biên giới. Chán hoạn nạn hành sai trái.

消滅往古無數劫時所習邪業。修身自淨而無沾污。

Tiêu diệt往昔 vô số Kiếp thời sở tập tà Nghiệp. Tu thân tự tịnh nhi vô nhiễm ô.

Tiêu diệt được tập quán Nghiệp sai trái vô số Kiếp thời xa xưa. Tu thân tự Thanh tịnh mà không nhiễm ô uest.

志寂行律尊承重教，而無瑕疵。

Chí tịch hành luật tôn thừa trọng giáo, nhi vô hà tì

Ý chí vắng vẻ thực hành luật tôn kính vâng theo kính trọng giáo Pháp mà không có dấu vết.

所行隨時捐棄非時。曉了從宜往來周旋。孝順二親。

Sở hành tùy thời quyên khí phi thời. Hiểu liễu tông nghi vãng lai chu toàn. Hiếu thuận nhị thân.

Nếu hành thuận theo thời, vứt bỏ không phải thời. Hiểu biết rõ theo nghi thức vãng tới vòng quanh trở về. Hiếu thuận cha mẹ.

又知節限衣食供具。暢達神通鮮明定意。

Hựu tri tiết hạn y thực cúng cụ. Sướng đạt Thần-thông tiên minh Định ý.

Lại biết tiết lượng quần áo lương thực đồ cúng dưỡng. Thông suốt Thần thông Định ý sáng sạch. Không毀正行度脫眾生。奉受如來所宣經典。

Bất hủy Chính-hạnh độ thoát chúng sinh. Phụng thụ Như Lai sở tuyên Kinh điển.

Không phá hủy Đức hạnh đúng độ thoát chúng sinh. Cung kính nhận Kinh điển được Như Lai nói.

將護隨順淨眾瑕穢。導諸佛子施眾菩薩諸佛遊居。

Tương hộ tùy thuận tịnh chúng hà uest. Đạo chư Phật tử thí chúng Bồ-tát chư Phật du cư.

Sẽ bảo vệ thuận đi theo, Thanh tịnh các thiếu sót ô uest. Hướng dẫn các Phật Tử, Bồ thí các Bồ Tát, du hành tới nơi ở của các Phật.

修眾明智從仁和行。樂奉正真。

Tu chúng minh trí tòng nhân hòa hạnh. Nhạo phụng Chính-chân.

Tu các Trí sáng thực hành theo nhân hòa. Ham thích cung kính Chân Chính.

勸化一切使志好導。多樂道義觀護三世。

Khuyến hóa nhất thiết sử chí hiếu đạo. Đa nhạo Đạo nghĩa đồ hộ Tam-thế.

Khuyến giáo hóa tất cả khiến cho ý chí hướng dẫn tốt đẹp. Ham thích nhiều nghĩa của Đạo nhìn thấy bảo vệ 3 Cõi giới.

惟好淨業國土報應嚴淨之元。常樂痂瘡如敬二親。

Duy hiếu tịnh Nghiệp quốc độ báo ứng nghiêm tịnh chi nguyên. Thường nhạo già vị như kính nhị thân.

Chỉ thích Nghiệp Thanh tịnh Đất nước báo ứng vốn dĩ trang nghiêm Thanh tịnh. Thường ham thích vết thương đóng vẩy như kính cha mẹ.

以逮總持用為遊觀。得致三昧則是浴池。

Dĩ đãi Tổng-trì dụng vi du quan. Đắc trí Tam-muội tắc thị dục trì.

Do nắm Tổng trì do là xem xét du hành. Được đem tới Tam Muội chắc là ao đầm.

清白之法為所生母。以得堅住一切無為。

Thanh bạch chi Pháp vi sở sinh mẫu. Dĩ đắc kiên trụ nhất thiết Vô-vi.

Pháp thanh bạch là nơi mẹ sinh. Do được vững chắc ở lại tất cả Rỗng không Vắng vẻ..

專心定意雖有所度為無所度。無縛無脫無相不相。

Chuyên tâm Định ý tuy có được vượt qua hay không vượt qua. Không kết buộc không tháo gỡ

không có hình tướng chẳng còn hình tướng.

所遵導化亦無眾好。建立佛土以得總持。

Sở tuân đạo hóa diệc vô chúng hảo. Kiến lập Phật thổ dĩ đắc Tổng-trì.

Nếu tuân theo hướng dẫn giáo hóa cũng không có các loại tốt đẹp. Thiết lập Đát Phật do được Tổng trì.

(邱-丘+半)伴諸覺所說清明。度魔境界戰鬥勇猛。

Bán bạn chư giác sở thuyết thanh minh. Độ Ma cảnh giới chiến đấu dũng mãnh.

Đồng hành cùng các cảm giác nếu nói Thanh tịnh sáng. Chiến đấu dũng mãnh vượt qua cảnh giới của Ma.

殺害眾塵刈除不善。志願淨光魔不能壞。

Sát hại chúng Trần ngại trừ bất thiện. Chí nguyện tịnh quang Ma bất năng hoại.

Sát hại các Trần cắt bỏ không thiện. Chí nguyện sáng Thanh tịnh Ma không thể phá hoại.

所宣道慧而無窮盡。世莫能稱。

Sở tuyên Đạo tuệ nhi vô cùng tận. Thế mạc năng xưng.

Nếu đọc nói Trí tuệ Đạo mà không cùng tận. Đời không thể đọc nói.

外眾邪業所不能知。過聲聞法緣覺之等。

Ngoại chúng tà Nghiệp sở bất năng tri. Quá Thanh-văn Pháp Duyên-giác chi đẳng.

Các Nghiệp sai trái bên ngoài nếu không thể biết. Vượt qua Pháp Thanh Văn Duyên Giác.

所可歸仰立一切智。解眾生趣所導真諦。好喜樂法。

Sở khả quy ngưỡng lập nhất thiết Trí. Giải chúng sinh thú sở đạo Chân-đế. Hiểu thiện nhạo Pháp.

Nếu có thể ngưỡng mộ đi theo về lập dựng tất cả Trí tuệ. Tháo bỏ thú hưởng của chúng sinh nếu chân thực hướng dẫn.

欲開眾生樂眾垢者令慕無為。以導法船度于彼岸。

Dục khai chúng sinh, lạc chúng cấu giả linh mộ Vô-vi. Dĩ Đạo Pháp thuyền độ vu bỉ Ngạn.

Muốn khai sáng chúng sinh ham thích các cấu bản giúp cho luyến mộ Rỗng không Vắng vẻ.

Dùng thuyền Đạo Pháp hướng dẫn tới được Niết Bàn.

載筏相濟，愍傷諸天頌宣一法。所立之處無所侵欺。

Tải phiệt tương tế, mẫn thương chư Thiên ban tuyên nhất Pháp. Sở lập chi xứ vô sở xâm khi.

Bè vận tải cùng với cứu giúp thương xót các Trời nói đọc một Pháp. Nếu lập dựng được nơi ở xâm phạm lừa dối không có.

欲布施淨其心化悅解諸好戲使務道徑。

Dục Bố-thí tịnh kỳ tâm hóa duyệt, giải chư hảo hí sử vụ đạo kính.

Muốn Bố thí Thanh tịnh tâm họ hóa ra vui vẻ, thoát ra các thú thích vui đùa khiến cho trực tiếp phục vụ Đạo.

若欲博聞，恭敬謙順不為放恣。

Nhược dục bác văn, cung kính khiêm thuận bất vi phóng tú.

Nếu muốn nghe nhiều rộng, cung kính khiêm nhường thuận theo không làm phóng túng.

得三昧定志行高妙超須彌山。

Đắc Tam-muội Định chí hành cao diệu siêu Tu-di sơn.

Được Tam Muội Định, ý chí thực hành cao vi diệu vượt qua núi Tu Di.

樂于五根觀察眾無。心好精進遊不退轉。

Lạc vu ngũ Căn quan sát chúng vô. Tâm hiếu Tinh-tiến du Bất-thoái-chuyển.

Năm Căn vui sướng quan sát chúng không có. Tâm vui thích Tinh tiến du hành Không thoái lui.

是則名曰：無從生忍。新學菩薩所當奉行。

Thị tắc danh viết : Vô tòng sinh nhẫn. Tân học Bồ-tát sở đương phụng hành.

Đó chắc tên là : Nhẫn nhịn không theo sinh. Bồ Tát mới học cần phải cung kính tu hành.

眾正士等執持慧懂務求尊聖。

Chúng Chính-sĩ đẳng chấp trì Tuệ sung vụ cầu Tôn Thánh.

Các chúng sinh Chính sĩ cầm giữ mong mỏi Trí tuệ, phục vụ cầu Phật Thánh.

以勇力士了無吾我住一切智。普解眾生所當度脫。諸天所諮嗟。

Dĩ dũng Lực-sĩ liễu vô ngô ngã trụ nhất thiết Trí. Phổ giải chúng sinh sở đương độ thoát. Chư Thiên sở tư ta.

Do Lực sĩ dũng mãnh biết rõ không có tôi ta, ở lại trong tất cả Trí tuệ. Giải thoát khắp cả chúng sinh cần được độ thoát. Được các Trời thăm hỏi thương xót.

龍神所奉仰，人民所承事。疾得造立若干品業。

Long Thần sở phụng ngưỡng, Nhân dân sở thừa sự. Tật đắc tạo lập nhược can phẩm Nghiệp.

Được Rồng Thần cung kính ngưỡng mộ, được Nhân dân làm tiếp công việc. Nhanh được tạo lập rất nhiều phẩm bậc Nghiệp.

諸不學者咸共歸命。諸菩薩等僉共讚歎。

Chư bất học giả hàm cộng quy mệnh. Chư Bồ-tát đẳng thêm cộng tán thán.

Các vị Không học tất cả đều vâng lệnh theo trở về. Các Vị Bồ Tát đều cùng ca ngợi.

一切法主悉共宣暢。諸根寂定以為城郭。

Nhất thiết Pháp chủ tất cộng tuyên sướng. Chư căn Tịch Định dĩ vi thành quách.

Tất cả Chủ Pháp cùng đọc nói thông suốt tất cả. Các Căn im vắng Định dùng làm thành lũy.

善權方便導利一切。逮得精思決眾狐疑。

Thiện quyền Phương-tiện đạo lợi nhất thiết. Đãi đắc tinh tư quyết chúng hồ nghi.

Thiện quyền Phương tiện hướng dẫn lợi ích tất cả. Năm được nhớ tinh thông bỏ các nghi ngờ.

斷諸猶豫去於塵勞。過度濟脫無數眾生。

Đoạn chư do dự khứ ư trần lao. Quá độ tế thoát vô số chúng sinh.

Cắt bỏ các do dự vứt bỏ Phiền toái. Vượt qua cứu tế Giải thoát vô số chúng sinh.

若有病者為設眾藥。療治諸病消除瘡痛。

Nhược hữu bệnh giả vi thiết chúng dược. Liệu trị chư bệnh tiêu trừ sang thống.

Nếu người có bệnh làm ra các thuốc. Chữa trị các bệnh tiêu trừ đau thương.

常好思惟通大精進造建無畏。欲師子吼。

Thường hảo tư duy thông đại Tinh-tiến tạo kiến vô úy. Dục Sư tử hống.

Thường thích tư duy thông suốt Tinh tiến lớn tạo dựng không sợ hãi. Muốn nói Pháp Bình đẳng Thanh tịnh.

入分別辯敷演義理。神足變化樂聞眾法。

Nhập phân biệt biện phụ diễn nghĩa lý. Thần-túc biến hóa nhạo văn chúng Pháp.

Biện luận nhập vào phân biệt phô diễn nghĩa lý. Thần thông Biến hóa ham thích nghe các Pháp.

淨其道眼照至泥洹。棄眾惡趣度於欲界色界無色界。

Tịnh kỳ Đạo-nhãn chiếu chí Nê-hoàn. Khí chúng ác thú độ ư Dục-giới Sắc-giới Vô Sắc-giới.

Trí tuệ Đạo của họ Thanh tịnh chiếu soi tới Thanh tịnh Niết Bàn. Bỏ các thú hưởng ác vượt qua Cõi Dục giới, Cõi Sắc giới, Cõi không có Sắc giới.

建諸佛土興發如是。如幻三昧坐師子床。

Kiến chư Phật thổ hưng phát như thị. Như huyền Tam-muội tọa Sư tử sàng.

Kiến thiết các Đất Phật phát triển mạnh như thế. Tam Muội như ảo ngồi giường Sư Tử.

具足成就至阿惟顏。未曾忘失眾德之本。

Cụ túc thành tựu chí A-duy-nhan. Vị tăng vong thất chúng Đức chi bản.

Thành công đầy đủ Không thoái lui. Chưa từng quên mất các Đức vốn có.

化悅懈廢拔諸欲僻。建立勤修念濟懶墮。

Hóa duyệt giải phé bạt chư dục tích. Kiến lập cần tu niệm tế lại đọa.

Hóa ra vui vẻ phá bỏ lười nhác rút bỏ các ham muốn xa lánh. Thiết lập tu chuyên cần nhớ cứu giúp lười nhác.

將導眾生等化三乘。棄捐居業一切所有。

Tương đạo chúng sinh đẳng hóa Tam-thừa. Khí quyên cư Nghiệp nhất thiết sở hữu.

Đang hướng dẫn chúng sinh cũng như dạy Pháp 3 Bậc. Vứt bỏ Nghiệp sống tất cả Có được.

具一切智得無量門御第一義。

Cụ nhất thiết Trí đắc vô lượng môn ngự đệ nhất Nghĩa.

Đầy đủ tất cả Trí tuệ được vô lượng môn Pháp điều khiển Nghĩa bậc nhất.

其於法律解通空行。則斷諍訟，好信佛道無上誓願。

Kỳ ư Pháp luật giải thông không hành. Tắc đoạn tranh tụng hảo tín Phật đạo Vô-thượng thệ nguyện.

Nếu với luật Pháp hiểu thông tỏ hành Rỗng không. Chắc là cắt bỏ tranh cãi, Tin thích Đạo Phật thệ nguyện Bình Đẳng.

雖在眾念不懷邪想。等見三世不墮邪觀。

Tuy tại chúng niệm bất hoài Tà-tưởng. Đẳng kiến Tam-thế bất đọa Tà-quan.

Tuy nhớ ở trong chúng, không nhớ tưởng nhớ sai trái. Bình đẳng nhìn thấy 3 Đời không đọa xuống Nhìn thấy sai trái.

善權方便普入一切。興顯大道不輕得度。

Thiện quyền Phương-tiện phổ nhập nhất thiết. Hưng hiển Đại-đạo bất khinh đắc độ.

Thiện quyền Phương tiện đều nhập vào tất cả. Hiện ra được Đạo lớn không coi thường được vượt qua.

樂于法師猶如犢子不厭其母。雖從法師不貪利養。

Nhạo vu Pháp-sư do như độc tử bất yếm kỳ mẫu. Tuy tòng Pháp-sư bất tham lợi dưỡng.

Thích tới nơi Thầy Pháp giống như con bê không chán bỏ mẹ nó. Tuy đi theo Thầy Pháp không tham lợi dưỡng.

觀察說法不慢眾會。不斷法施所問仁和。

Quan sát thuyết Pháp bất mạn chúng hội. Bất đoạn Pháp-thí sở vấn nhân hòa.

Quan sát kĩ nói Pháp không kiêu mạn nơi Hội chúng. Không cất bỏ Bồ thí Pháp nhân hòa được hỏi.

敬三寶本決眾疑網。奉行慇懃而不休廢。

Kính Tam-Bảo bản quyết chúng nghi võng. Phụng hành ân cần nhi bất hưu phế.

Cung kính Phật Pháp Tăng bỏ các lưới nghi hoặc. Thực hành cung kính ân cần mà không ngừng nghi phá bỏ.

終不違失聖明之業。依攝脫門和悅調定。

Chung bất vi thất Thánh minh chi Nghiệp. Y nhiếp thoát môn hòa duyệt điều Định.

Cuối cùng không ngược lại mất Nghiệp sáng của bậc Thánh. Dựa theo thu lấy môn Giải thoát vui vẻ điều hòa yên Định.

消化塵垢心無所著。思當所念興隆三事諸菩薩業。

Tiêu hoá trần cấu tâm vô sở trước. Tư đương sở niệm hưng long tam sự chư Bồ-tát Nghiệp.

Hóa tan Phiền não tâm không nương nhờ. Nhớ điều cần nhớ phát triển 3 việc Nghiệp của các Bồ Tát.

以此三事顯示眾會甘美道味。若欲變化頒宣道業音如雷鳴。

Dĩ thử tam sự hiển thị chúng hội cam mỹ Đạo-vị. Nhược dục biến hóa ban tuyên đạo Nghiệp âm như lôi minh.

Dùng 3 việc này hiện ra trong Hội chúng hương vị Đạo ngon ngọt. Nếu muốn biến hóa nói đọc Nghiệp Đạo âm thanh như sấm như tiếng chim hót.

訓誘生死十二緣起。開通止門向泥洹門。

Huấn dụ sinh tử thập nhị Duyên khởi. Khai thông chỉ môn hướng Nê-hoàn môn.

Dạy dụ dẫn sinh chết phát khởi 12 Nhân duyên. Khai thông môn dừng lại hướng tới môn Thanh tịnh Niết Bàn.

愍入弘路其身安隱心永無患。眾聖所愛未曾違失。

Mẫn nhập hồng lộ kỳ thân an ẩn tâm vĩnh vô hoạn. Chúng Thánh sở ái vị tăng vi thất.

Thương xót nhập vào đường đi rộng lớn, thân họ yên ổn ẩn núp, tâm vĩnh viễn không có hoạn nạn. Được các Thánh yêu quý chưa từng làm trái mất.

堅固平等如來功勳無能迴轉。習恩德本消滅無福。

Kiên cố Bình-đẳng Như Lai công huân vô năng hồi chuyển. Tập ân Đức bản tiêu diệt vô Phúc.

Kiên cố Bình đẳng, công trạng của Như Lai không thể chuyển trở về. Luyện tập ân Đức vốn có tiêu diệt không có Phúc.

示眾善元學于聖慧。恃怙畢竟鮮明之業。

Thị chúng thiện nguyên, học vu Thánh-tuệ. Thị hử tất cánh tiên minh chi Nghiệp.

Hiện ra các Thiện vốn có, học được Trí tuệ của Thánh. Giúp đỡ dựa vào cuối cùng Nghiệp sáng sủa.

所行相好不自侵欺。遵修佛道顯耀慧品。

Sở hành Tướng-Hảo bất tự xâm khi. Tuân tu Phật đạo hiển diệu Tuệ phẩm.

Nếu thực hành Tướng Hảo không tự xâm hại lừa dối. Tuân theo tu Đạo Phật hiện ra rõ phẩm bậc Trí tuệ sáng chói.

講說佛土諮問答報。所難無際生清白法。

Giảng thuyết Phật thổ tư vấn đáp báo. Sở nan vô tế sinh thanh bạch Pháp.

Giảng giải Đất Phật thăm hỏi trả lời. Nếu khó không có giới hạn, sinh Pháp sáng sủa.

不厭佛道不棄少智。與難學俱愛敬和同。

Bất yếm Phật đạo bất khí thiếu Trí. Dữ nan học câu ái kính hòa đồng.

Không chán Đạo Phật Trí tuệ ít không bỏ. Cùng với học khó đều cùng yêu kính hòa đồng.

趣勇猛寶心存在行。欲有所說將護都講好喜若干。

Thú dũng mãnh bảo tâm tồn tại hạnh. Dục hữu sở thuyết tương hộ đô giảng hiểu hi nhược can.

Dũng mãnh hướng tới báu vật tâm tồn tại trong hạnh. Muốn có được nói sẽ bảo vệ đều giảng giải rất nhiều vui thích tốt đẹp.

一切報應以示眾生使無所犯曉了諸法行善方便。

Nhất thiết báo ứng dĩ thị chúng sinh sử vô sở phạm hiểu liễu chư Pháp hành thiện Phương-tiện.

Tất cả báo ứng do hiện ra cho chúng sinh khiến cho không vi phạm, hiểu biết rõ các Pháp thi hành Phương tiện thiện.

心念吉祥所見審諦。常自省己可悅他人。

Tâm niệm cát tường sở kiến thẩm đế. Thường tự tỉnh kỷ khả duyệt tha nhân.

Tâm nhớ tốt lành nếu nhìn thấy tỉ mỉ chân thực. Thường tự tiết giảm bản thân, người khác có thể vui vẻ.

裂壞羅網消去無明。離于諸行蠲除諸識。

Liệt hoại la võng tiêu khứ Vô-minh. Ly vu chư Hành quyên trừ chư Thức.

Rách hỏng lưới võng tiêu tan mất Ngu tối. Rời xa các Hành trừ bỏ các Thức.

刈於名色，寂滅六入。斷去眾受，截于痛痒。

Ngải ư Danh-sắc Tịch-diệt Lục-nhập. Đoạn khứ chúng Thụ tiết vu thống dương.

Cắt bỏ Danh Sắc, 6 Nhập Vắng lặng. Cắt bỏ các Thụ, cưa đứt đau ngứa.

消化恩愛而捨所受，盡於所有。拔害所生度老病死。

Tiêu hoá ân ái nhi xả sở thụ, tận ư sở hữu. Bạt hại sở sinh độ lão bệnh tử.

Tiêu tan ân ái mà buông bỏ được nhận lấy, hết tận sở hữu. Rút bỏ tàn hại được sinh, vượt qua già bệnh chết.

永散苦惱無有眾難。已離苦罪心無所著。

Vĩnh tán khổ não vô hữu chúng nạn. Dĩ ly khổ tội tâm vô sở trước.

Vĩnh viễn tan khổ não không có các ách nạn. Tội khổ đã rời xa tâm không có nương nhờ.

所行究暢長濟三厄。所觀無穢宣布法典。

Sở hành cứu sướng trưởng tế tam ách. Sở quan vô uế tuyên bố Pháp điển.

Nếu thi hành thông suốt tới cùng, tăng cường cứu giúp 3 nạn ách. Nếu quan sát không có ô uế tuyên bố Pháp Kinh điển.

獨歩男子洗浴眾垢消去貪身。聞法執持攝御諸法。

Độc bộ nam tử tẩy dục chúng cấu tiêu khứ tham thân. Văn Pháp chấp trì nhiếp ngự chư Pháp.

Con trai đi bộ một mình, rửa sạch các cấu bẩn, tiêu tan bỏ tham thân. Nghe Pháp cầm giữ thu lấy điều khiển các Pháp.

學道不倦入眾德元未曾迴旋。積不可計功勳真義。懷來佛道光顯法目。

Học đạo bất quyên nhập chúng Đức nguyên vị tăng hồi toàn. Tích bất khả kể công huân chân nghĩa. Hoài lai Phật đạo quang hiển Pháp mục.

Học Đạo không mệt mỏi, nhập vào các Đức vốn có, chưa từng xoay vòng trở lại. Tích chứa không thể tính toán công trạng nghĩa chân thực. Mong tới Đạo Phật quang sáng hiện ra rõ danh mục Pháp.

諮嗟聖眾降伏外學。歎詠法訓行菩薩業。

Tư ta Thánh chúng hàng phục ngoại học. Thán vịnh Pháp huấn hành Bồ-tát Nghiệp.

Thăm hỏi các Thánh hàng phục học bên ngoài. Ca ngợi Pháp dạy thực hành Nghiệp Bồ Tát.

不戲樂用消化日利。使遠罪福學行猶日。

Bất hí lạc dụng tiêu hoá nhật lợi. Sử viễn tội Phúc học hành do nhật.

Không đùa cợt vui sướng do tiêu tan lợi hàng ngày. Khiến cho tội Phúc rời xa học hành giống như ban ngày.

恭敬國王開導眾聖。積清白因致不死果。

Cung kính Quốc-vương khai Đạo chúng Thánh. Tích thanh bạch nhân trí bất tử quả.

Cung kính Quốc Vương khai sáng hướng dẫn các Thánh. Tích lũy thanh bạch nhân đó đem tới quả không chết.

所行威儀識其宿命。所生之處常念不忘。

Sở hành uy nghi thức kỳ túc mệnh. Sở sinh chi xứ thường niệm bất vong.

Nếu thi hành uy nghi nhận thức được mệnh Kiếp trước. Ở nơi được sinh thường nhớ không quên.

患厭愚法好諸如來。功德真正而建立之。

Hoạn yếm ngu Pháp, hảo chư Như Lai. Công-đức chân chính nhi kiến lập chi.

Chán hoạn nạn Pháp ngu si, vui thích các Như Lai. Công Đức chân chính mà thiết lập được.

無量道勳所執法教歸一切智。

Vô lượng đạo huân sở chấp Pháp giáo, quy nhất thiết Trí.

Công trạng của Đạo vô lượng, nếu cầm lấy giáo Pháp, tất cả Trí tuệ đi theo trở về.

若以頌宣致安住典書寫經文。皆棄恐懼不墮邊際。

Nhược dĩ ban tuyên trí an trụ điển thư tả Kinh văn. Giai khí khủng úy bất đọa biên tế.

Nếu do nói đọc đem tới yên ở nơi Kinh điển, viết chép Kinh văn. Đều vứt bỏ sợ hãi, không đọa ở rìa biên giới tuyên.

堅住不動有所講說。一切世間咸共諷誦。

Kiên trụ bất động hữu sở giảng thuyết. Nhất thiết Thế-gian hàm cộng phúng tụng.

Vững ở trong không động nếu có nói giảng. Tất cả Thế gian tất cả cùng nhau đọc to tụng.

過去諸佛悉說是法。常得親近，現在諸佛當來諸佛。

Quá-khứ chư Phật tất thuyết thị Pháp. Thường đắc thân cận Hiện-tại chư Phật Đương-lai chư Phật.

Các Phật Quá khứ nói tất cả Pháp đó. Thường được thân thiết các Phật Hiện tại các Phật thời Sắp tới.

所願具足無上功祚。入於一切眾生所行。

Sở nguyện cụ túc Vô-thượng công tộ. Nhập ư nhất thiết chúng sinh sở hành.

Mong nguyện được đầy đủ Bình Đẳng công Phúc. Nhập vào hành vi của tất cả chúng sinh.

耀聲聞乘現緣覺乘，奉持佛法。

Diệu Thanh-văn thừa hiện Duyên-giác thừa, phụng trì Phật Pháp.

Bậc Thanh Văn sáng lạn, hiện ra Bậc Duyên Giác, cung kính giữ Phật Pháp.

而不忘失一切行門。則生佛乎？宣暢真正速成正慧。

Nhi bất vong thất nhất thiết hành môn. Tác sinh Phật hồ ? Tuyên sướng chân chính tốc thành Chính-tuệ.

Mà không quên mất tất cả môn thực hành. Chắc là Phật sinh chăng ? Đọc thông suốt chân chính nhanh thành Trí tuệ đúng.

諮問佛德覆護三世。開化寂然危害之難。

Tư vấn Phật Đức phúc hộ Tam-thế. Khai hóa Tịch-nhiên nguy hại chi nạn.

Thăm hỏi Đức của Phật che chở bảo vệ 3 Đời. Khai hóa Vắng vẻ nguy hại ách nạn.

逮權方便分別地種。入於水種火種三昧建立風種。

Đãi quyền Phương-tiện phân biệt địa chủng. Nhập ư thủy chủng hỏa chủng Tam-muội kiến lập phong chủng.

Nắm lấy quyền Phương tiện phân biệt chủng loại Đất. Nhập vào loại nước loại lửa Tam Muội thiết lập loại gió.

又以空種至脫道門。淨空種慧導利三界。

Hựu dĩ không chủng chí thoát đạo môn. Tịnh Không chủng Tuệ đạo lợi Tam-giới.

Mới lại do loại Rỗng không được thoát khỏi môn Đạo. Loại Rỗng không Thanh tịnh Trí tuệ chỉ dẫn lợi 3 Cõi giới.

不含眾患消除諸結令無有餘。棄捐諸著沒眾陰蓋令心擔怕。

Bất hàm chúng hoạn tiêu trừ chư kết linh vô hữu dư. Khí quỳên chư trước một chúng Uẩn-cái linh tâm đảm phạ.

Không chứa đựng các hoạn nạn, tiêu trừ các oán kết giúp cho không còn thừa lại. Vứt bỏ các nương nhờ, các vòng Uẩn chìm nổi làm tâm khiếp đảm.

曉修身行遊居永安。亦了他人所行存沒所立之處。

Hiểu tu Thân hạnh du cư vĩnh an. Diệt liễu tha nhân sở hành tồn một sở lập chi xứ.

Hiểu tu hạnh Thân vĩnh viễn yên ổn ở nơi du hành tới. Cũng biết người khác nếu hành động còn chìm nổi lập dựng được nơi ở.

若演文字不猗言辭。棄捐吾我心已離此諸所依欲。

Nhược diễn văn tự bất y ngôn từ. Khí quyên Ngô Ngã, tâm dĩ ly thử chư sở y dục.

Nếu diễn văn chữ nghĩa không y lại vào lời nói. Vứt bỏ tôi ta, tâm đã ly rời việc này các ham muốn được dựa vào.

雖在其中察如臭犬。

Tuy tại kỳ trung sát như xú khuyển.

Tuy sống ở trong đó xem như chó hôi bẩn.

入於微妙稍稍開寤懈廢眾勞。越度諸流不壞他黨。

Nhập ư vi diệu sảo sảo khai ngộ giải phế chúng lao. Việt độ chư lưu bất hoại tha đảng.

Nhập vào vi diệu dần dần bắt đầu thức tỉnh, phá bỏ lười nhác các mệt mỏi. Vượt qua các dòng chảy, không tan hoại đồ đảng khác.

善進道法而無所著。恭恪善師捨於睡眠過諸礙岸。

Thiện tiến Đạo Pháp nhi vô sở trước. Cung khác thiện Sư, xả ư thụy miên quá chư ngại ngại.

Thiện Tinh tiến Đạo Pháp mà không có nương nhờ. Cung kính Thầy thiện, buông bỏ ngủ say, vượt qua các bên trở ngại.

斷狐疑散貪婬捨懈倦。將護吾我光導眾生。

Đoạn hồ nghi tán tham dâm xả giải quyên. Tương hộ Ngô Ngã quang đạo chúng sinh.

Cắt bỏ nghi hoặc tiêu tan tham dâm, buông bỏ mệt mỏi. Sẽ bảo vệ tôi ta sáng suốt hướng dẫn chúng sinh.

不立在命不貪求法。所語不多言辭清和。

Bất lập tại mệnh bất tham cầu Pháp. Sở ngữ bất đa ngôn từ thanh hòa.

Không lập dựng ở nơi mệnh không tham cầu Pháp. Nếu nói không nhiều lời nói trong sáng hòa nhã.

常諦思惟宣當速行。仁明道業不用生心。

Thường đế tư duy tuyên đương tốc hành. Nhân minh Đạo-Nghiệp bất dụng sinh tâm.

Thường tư duy đúng nói cần nhanh thực hành. Đạo Nghiệp nhân từ sáng không do tâm sinh.

喜樂閑居行於眾中。不懷怯弱不求他短。

Hỉ lạc nhàn cư hành ư chúng trung. Bất hoài khiếp nhược bất cầu tha đoản.

Vui sướng ở nơi vắng vẻ thực hành ở trong chúng. Không lo âu khiếp nhược không cầu người khác đoản mệnh.

自惟身行常奉佛道。應遵平等。不久遊居在一土地。

Tự duy thân hành thường phụng Phật đạo. Ứng tuân Bình-đẳng, bất cửu du cư tại nhất thổ địa.

Chỉ tự thân thực hành thường cung kính Đạo Phật. Cần tuân theo Bình đẳng, nơi ở du hành tới không lâu, ở tại một vùng đất.

釋諸所貪所在皇平。滅身眾冥心不羸劣。

Thích chư sở tham sở tại hoàng bình. Diệt thân chúng minh tâm bất luy liệt.

Phóng thích các tham ở nơi bằng phẳng lớn. Diệt trừ các u tối của thân, tâm không mệt nhọc.
所修方便將養意念，亦無所思。

Sở tu Phương-tiện tương dưỡng ý niệm, diệt vô sở tư.

Nếu tu Phương tiện đang nuôi dưỡng ý niệm, cũng không có nhớ.

不以識著求于解脫。心常專惟興發梵行。等遵慈心。

Bất dĩ thức trước cầu vu Giải-thoát. Tâm thường chuyên duy hưng phát Phạm-hạnh. Đẳng tuân Từ tâm.

Không vì nhận thức nương nhờ cầu được Giải thoát. Tâm tuy thường chuyên nhất, hưng phát Phạm hạnh. Bình đẳng tuân theo tâm Từ.

悲哀布恩。常以行喜。和顏悅色以法樂之。

Bi ai bố ân, thường dĩ hành hỉ. Hòa nhan duyệt sắc dĩ Pháp lạc chi.

Bi thương bày ân, thường vui do thi hành. Nhan sắc vui vẻ, vui sướng do Pháp.

依蒙觀護救眾墮害。常以戒禁因濟於人。

Y mông quan hộ cứu chúng đọa hại. Thường dĩ Giới-cấm nhân tế ư nhân.

Dựa vào được nhìn thấy bảo vệ cứu các rơi xuống tổn hại. Thường vì cấm Giới nhân do cứu giúp người.

入三昧定以是智慧暢入諸法。

Nhập Tam-muội Định, dĩ thị Trí tuệ sướng nhập chư Pháp.

Nhập vào Tam Muội Định, lấy Trí tuệ thông suốt đó nhập vào các Pháp.

曉了文字思惟究暢。解諸結縛令不恐懼。

Hiểu liễu văn tự tư duy cứu sướng. Giải chư kết phược linh bất khủng úy.

Hiểu biết rõ văn tự tư duy thông suốt tới cùng. Tháo bỏ các kết buộc giúp cho không sợ hãi.

入諸音聲獲致利義。恒好敷演道法所施。

Nhập chư âm thanh hoạch trí lợi nghĩa. Hằng hiểu phu diễn Đạo-Pháp sở thí.

Thâm nhập vào các âm thanh thu được đem tới nghĩa ích lợi. Thường thích phô diễn Bồ thí được Đạo Pháp.

樂佛法眾不厭燕處。志存於道無有上下。

Nhạo Phật Pháp chúng bất yếm yên xứ. Chí tồn ư đạo vô hữu thượng hạ.

Ham thích các Pháp Phật, không chán nơi nghỉ yên tĩnh. Ý chí còn ở trong Đạo không có cao thấp.

不缺諸法顯揚隨順不欺眾生。志樂堅強以為具足。

Bất khuyết chư Pháp hiển dương tùy thuận bất khi chúng sinh. Chí nhạo kiên cường dĩ vi cụ túc.

Không thiếu các Pháp hiện ra rõ thuận theo không lừa dối chúng sinh. Ý chí ham thích kiên cường lấy làm đầy đủ.

夙夜精進而不休懈。是則名曰了諸法本三昧正定。

Túc dạ Tinh-tiến nhi bất hưu giải. Thị tắc danh viết : Liễu chư Pháp bản Tam-muội Chính-định.

Sớm tối Tinh tiến mà không ngừng bỏ lười nhác. Nó chắc tên là : Biết rõ Tam Muội Định đúng vốn có của các Pháp.

菩薩行是遍入一切眾生境界，奉一切智。

Bồ-tát hành thị biến nhập nhất thiết chúng sinh cảnh giới, phụng nhất thiết Trí.

Bồ Tát thực hành nó biến ra nhập vào cảnh giới của tất cả chúng sinh, cung kính tất cả Trí tuệ.

佛爾時說是頌曰：

Phật nhĩ thời thuyết thị tụng viết：

Phật khi đó nói bài tụng là：

行清淨 大聖道 心信樂

Hạnh Thanh tịnh. Đại Thánh-đạo. Tâm tín nhạo.

Hạnh Thanh tịnh. Đạo Đại Thánh. Tâm tín thích.

無惑業 自覺意 辯才要

Vô hoặc Nghiệp. Tự giác ý. Biện tài yếu.

Nghiệp không mê. Ý tự giác. Trọng hùng biện.

是三昧 安住施 降諸魔

Thị Tam-muội. An trụ thí. Hàng chư Ma.

Tam Muội đó. Cho ở yên. Các Ma thua.

除諸垢 斷因緣 生死欲

Trừ chư cấu. Đoạn Nhân-duyên. Sinh tử dục.

Bỏ các bản. Cắt Nhân duyên. Muốn sinh chết.

智名稱 富德勳 護三界

Trí danh xưng. Phú Đức huân. Hộ Tam-giới.

Tên là Trí. Công Đức nhiều. Hộ 3 Cõi.

度無極 增慧聖 道方便

Độ vô cực. Tăng Tuệ Thánh. Đạo Phương-tiện.

Tối Niết Bàn. Tăng Tuệ Thánh. Đạo Phương tiện.

賢明種 消恩情 度眾患

Hiền minh chủng. Tiêu ân tình. Độ chúng hoạn.

Gieo Hiền sáng. Tan ân tình. Vượt các nạn.

佛所歎 是三昧 安住施

Phật sở thán. Thị Tam-muội. An trụ thí.

Được Phật khen. Tam Muội đó. Cho ở yên.

入微妙 本際門 以覺了

Nhập vi diệu. Bản tế môn. Dĩ giác liễu.

Vào vi diệu. Môn bản tế. Do giác rõ.

無瞋恨 斷苦惱 入永安

Vô sân hận. Đoạn khổ não. Nhập vĩnh an.

Không thù hận. Cắt khổ não. Vào vĩnh yên.

是三昧 諸佛行 心中解

Thị Tam-muội. Chư Phật hạnh. Tâm trung giải.
Tam Muội đó. Hạnh các Phật. Hiểu trong tâm.
覺意華 受聖文 攝善權
Giác ý hoa. Thụ Thánh văn. Nhiếp thiện quyền.
Hoa ý giác. Nhận văn Thánh. Thu thiện quyền.
諸安住 覺念鬘 說是勝
Chư an trụ. Giác niệm man. Thuyết thị thắng.
Ở lại yên. Nhớ thấy tua. Nói được nó.
三昧定 覺意華 脫照門
Tam-muội Định. Giác ý hoa. Thoát chiếu môn.
Tam Muội Định. Hoa Ý giác. Môn soi thoát.
猶月盛 耀眾星 道所照
Do Nguyệt thịnh. Diệu chúng tinh. Đạo sở chiếu.
Giống Trăng rằm. Sáng chúng tinh. Soi được Đạo.
遍三界 是法超 歎喻月
Biên Tam-giới. Thị Pháp siêu. Thán dụ Nguyệt.
Lan 3 Cõi. Pháp đó hơn. Khen nói Trăng.
三達療 令清淨 在閑居
Tam đạt liệu. Linh Thanh tịnh. Tại nhàn cư.
Chữa 3 thông. Giúp Thanh tịnh. Ở nơi vắng.
靜樹下 棄利養 乃諛諂
Tĩnh thụ hạ. Khí lợi dưỡng. Nãi du siểm.
Dưới cây Tĩnh. Bỏ lợi dưỡng. Vớ siểm nịnh.
積行求 是三昧 捐他非
Tích hạnh cầu. Thị Tam-muội. Quyên tha phi.
Cầu tích hạnh. Tam Muội đó. Bỏ sai khác.
不蔽善 不以利 歎身德
Bất tế thiện. Bất dĩ lợi. Thán thân Đức.
Không che thiện. Không do lợi. Khen Đức thân.
被三衣 常乞食 親求是
Phi tam y. Thường khát thực. Thân cầu thị.
Mặc 3 áo. Thường xin cơm. Giúp cầu nó.
行三昧 純行禁 習賢聖
Hành Tam-muội. Thuần hạnh cấm. Tập Hiền Thánh.
Hành Tam Muội. Toàn hạnh cấm. Học Hiền Thánh.
問明智 常獨歎 以諮講
Vấn minh trí. Thường độc thán. Dĩ tư giảng.
Hỏi Trí sáng. Thường mình khen. Do hỏi giảng.

奉行要 疾逮是 三昧定
Phụng hành yếu. Tật đãi thị. Tam-muội Định.
Nên kính hành. Nhanh nắm nó. Tam Muội Định.
眾生等 勞諸味 遠眾會
Chúng sinh đẳng. Lao chư vị. Viễn chúng hội.
Các chúng sinh. Làm hương vị. Xa Hội chúng.
樂寂然 常求是 妙三昧
Nhạo Tịch-nhiên. Thường cầu thị. Diệu Tam-muội.
Ham Vắng vẻ. Thường tìm nó. Diệu Tam Muội.
勿諛諂 慕斯藏 依慚愧
Vật du siểm. Mộ tư tạng. Y tâm quý.
Đừng siểm nịnh. Mến tạng đó. Nhờ hổ thẹn.
食解味 禪床臥 居觀寂
Thực giải vị. Thiền sàng ngọa. Cư quan tịch.
Ăn biết vị. Tĩnh nằm giường. Xem nhà vắng.
樂無我 常歡悅 講明哲
Lạc Vô-ngã. Thường hoan duyệt. Giảng minh triết.
Vui không tôi. Thường vui vẻ. Dạy sáng suốt.
意永安 忍他罵 猶空響
Ý vĩnh an. Nhẫn tha mạ. Do không hưởng.
Ý vĩnh yên. Nhịn người mắng. Như Rỗng kêu.
在真業 心不怨 欲逮得
Tại chân Nghiệp. Tâm bất oán. Dục đãi đắc.
Sống Nghiệp đúng. Tâm không oán. Muốn nắm được.
是三昧 當信知 罪福報
Thị Tam-muội. Đương tín tri. Tội Phúc báo.
Tam Muội đó. Cần tin hiểu. Tội Phúc báo.
勿習倒 惡趣業 常修空
Vật tập đảo. Ác-thú Nghiệp. Thường tu Không.
Đừng học ngược. Nghiệp Đạo ác. Thường tu Rỗng.
賢聖元 夙夜勤 精進力
Hiền Thánh nguyên. Túc dạ cần. Tinh-tiến lực.
Gốc Thánh Hiền. Ngày đêm siêng. Lực Tinh tiến.
逮三昧 至慧門 俱捨斯
Đãi Tam-muội. Chí Tuệ môn. Câu xả tư.
Nắm Tam Muội. Môn Tuệ lớn. Đều bỏ nó.
無益路 志平等 道真實

Vô ích lộ. Chí bình đẳng. Đạo chân thực.

Đường không lợi. Ý Bình đẳng. Đạo chân thực.

立無生 觀法義 行是者

Lập Vô-sinh. Đồ Pháp nghĩa. Hành thị giả.

Dụng Không sinh. Thấy nghĩa Pháp. Người đó hành.

佛哀念

Phật ai niệm.

Phật thương nhớ.

行品第二

Hành phẩm đệ nhị.

Phẩm thứ hai Hành.

佛言：是喜王菩薩以逮得是了諸法本三昧。

Phật ngôn : Thị Hỉ-vương Bồ-tát dĩ đãi đắc thị liễu chư Pháp bản Tam-muội.

Phật nói rằng : Hỉ Vương Bồ Tát đó do nắm được nó biết rõ Tam Muội vốn có của các Pháp.

解一切法無有顛倒。諸法無動不可傾故。

Giải nhất thiết Pháp vô hữu điên đảo. Chư Pháp vô động bất khả khuynh cố.

Hiểu tất cả Pháp không có đảo lộn. Các Pháp không có động do không thể nghiêng.

所行志慕救脫五趣。降化眾魔自然為伏。

Sở hành chí mộ cứu thoát Ngũ-thú. Hàng hóa chúng Ma tự nhiên vi phục.

Nếu thực hành ý chí mến mộ cứu thoát 5 thú hướng. Giáo hóa hàng hóa các Ma tự nhiên thuận phục.

為天下人。眾生愛敬智者欽仰。

Vì Thiên-hạ nhân. Chúng sinh ái kính trí giả khâm ngưỡng.

Vì người Thiên hạ. Chúng sinh yêu kính, người Trí khâm phục ngưỡng mộ.

求暢諸法及與非法。其德明慧，猶月盛滿眾星中明。

Cầu sướng chư Pháp cập dữ phi Pháp. Kỳ Đức minh tuệ do Nguyệt thịnh mãn chúng Tinh trung minh.

Cầu thông suốt các Pháp cùng với Pháp sai. Đức đó sáng Trí tuệ như Trăng đêm rằm sáng tỏ giữa các Sao.

在生死久眾生所知。勸化一切，志性清淨。

Tại sinh tử cửu chúng sinh sở tri. Khuyển hóa nhất thiết, chí tính Thanh tịnh.

Lâu dài ở trong sinh chết biết được chúng sinh. Khuyên giáo hóa tất cả, Tính ý chí Thanh tịnh.

捨諸所受。則為三千大千世界之所救護。

Xả chư sở thụ. Tắc vi Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới chi sở cứu hộ.

Bỏ các nhận được. Chắc là vì cứu hộ được Ba nghìn Đại thiên Thế giới.

成致道地。分別無我覺無所歸。

Thành trí Đạo địa. Phân biệt vô ngã giác vô sở quy.

Thành công đem tới Bạc Đạo. Phân biệt không có tôi, cảm thấy không có đi theo về.

見三難界而化導之為眾生護。逮得恭恪不以自大。越諸陰蓋。

Kiến tam nạn giới nhi hóa đạo chi vị chúng sinh hộ. Đãi đắc cung khác bất dĩ tự đại, việt chư Âm-cái.

Nhìn thấy 3 Cõi giới hoạn nạn mà giáo hóa hướng dẫn vì bảo vệ chúng sinh. Nắm được cung kính không lấy làm tự đại.

曉了諸佛其所頒宣。演說滅度應時之宜。

Hiểu liễu chư Phật kỳ sở ban tuyên. Diễn thuyết Diệt-độ ưng thời chi nghi.

Hiểu biết rõ các Phật nếu được nói đọc. Diễn thuyết Niết Bàn thích hợp theo thời.

以復逮致三十二相。有利無利若苦若樂。

Dĩ phục đãi trí Tam thập nhị Tướng. Hữu lợi vô lợi nhược khổ nhược lạc.

Do lại nắm lấy đem tới 32 Hình tướng. Có lợi không có lợi nếu khổ hoặc vui.

有名無名歎毀之事。

Hữu danh vô danh thán hủy chi sự.

Có tên không có tên việc ca ngợi hủy báng.

以解是世所有八法悉無所著。救諸眾生慰以甘露。

Dĩ giải thị thế sở hữu bát Pháp tất vô sở trước. Cứu chư chúng sinh úy dĩ Cam-lộ.

Do hiểu Đòi đó có được 8 Pháp, đều không có nương nhờ. Cứu các chúng sinh dùng Cam Lộ an ủi.

顯示滅度開悟一切。去其惱熱斷斯罣礙。未曾猗着迷惑六根。

Hiển thị Diệt-độ khai ngộ nhất thiết. Khứ kỳ não nhiệt đoạn tư quái ngại. Vị tăng ý khán mê hoặc Lục-căn.

Hiện ra rõ Niết Bàn khai sáng hiểu tất cả. Bỏ đi Phiền não của họ, cắt bỏ trở ngại đó. Chưa từng ý vào nhìn thấy mê hoặc 6 Căn.

入十六文字總持之門識其所至。

Nhập thập lục văn tự Tổng-trì chi môn thức kỳ sở chí.

Nhập vào 16 môn Tổng trì văn tự nhận thức tới được đó.

能頒宣斯便捷總持。何謂十六？一曰：無，二曰：度。

Năng ban tuyên tư tiện đãi Tổng-trì. Hà vị thập lục？Nhất viết：Vô, nhị viết：Độ.

Có thể nói đọc nó liền nắm được Tổng trì. Thế nào gọi là 16？Một là Không có, hai là Vượt qua.

三曰：行，四曰：不，五曰：持，六曰：礙，七曰：作。

Tam viết：Hạnh, tứ viết：Bất, ngũ viết：Trì, lục viết：Ngại, thất viết：Tác.

Ba là Hạnh, bốn là Không phải, năm là Giữ gìn, sáu là Trở ngại, Bảy là Làm.

八曰堅。九曰勢。十曰生。十一曰攝。十二曰盡。

Bát viết：Kiên, cửu viết：Thế, thập viết：Sinh, thập nhất viết：Nhiếp, thập nhị viết：Tận.

Tám là Vững chắc, chín là Thế lực, mười là Sinh, mười một là Thu lấy, mười hai là Tận cùng.

十三曰蓋。十四曰已。十五曰住。十六曰燒。

Thập tam viết : Cái, thập tứ viết : Dĩ, thập ngũ viết : Trụ, thập lục viết : Thiêu.

Mười ba là Lọng che, mười bốn là Xong, mười lăm là Ổ lại, mười sáu là Thiêu đốt.

是十六事文字之教。

Thị thập lục sự văn tự chi giáo.

Mười sáu việc đó văn tự dạy bảo.

若解行是十六文字之教。逮得無量總持門地。

Nhược giải hành thị thập lục văn tự chi giáo. Đãi đắc vô lượng Tổng-trì môn địa.

Nếu hiểu thực hành dạy bảo 16 văn tự đó. Nắm được vô lượng môn trí tuệ Tổng trì.

解一切法而得自在。擇求一切眾生慧意。

Giải nhất thiết Pháp nhi đắc Tự-tại. Trạch cầu nhất thiết chúng sinh tuệ ý.

Hiểu tất cả Pháp mà được Tự tại. Lựa tìm ý Tuệ của tất cả chúng sinh.

消眾塵勞悉宣佛道。受大勢力暢達真法。度脫黎庶開化導利。

Tiêu chúng Trần-lao tất tuyên Phật đạo. Thụ đại thể lực sướng đạt chân Pháp. Độ thoát lê thứ khai hóa đạo lợi.

Tiêu tan các Phiền toái biết nói Đạo Phật. Nhận thể lực lớn thông tỏ Pháp chân chính. Độ thoát dân nghèo khai hóa hướng dẫn lợi ích.

其音和雅猶如哀鸞。逮得普住平等之地。

Kỳ âm hòa nhã do như ai loan. Đãi đắc phổ trụ Bình đẳng chi địa.

Nếu âm thanh hòa nhã giống như chim Loan thương cảm. Nắm được Trí tuệ Bình đẳng đều ở lại.

為師子吼致妙巍巍。忍度無極具足大哀。

Vì Sư tử hồng trí diệu nguy nguy. Nhẫn độ vô cực cụ túc đại ai.

Vì nói Pháp Bình đẳng Thanh tịnh đem tới uy nghi lớn. Nhẫn nhục tới Niết Bàn đầy đủ thương xót lớn.

越魔境界。備通哀音至真之聲。去自大得忍辱。

Việt Ma cảnh giới. Bị thông ai âm chí chân thanh. Khứ tự đại đắc Nhẫn-nhục.

Vượt qua cảnh giới Ma. Đầy đủ Thần thông tiếng nói thương cảm tới âm thanh chân thực. Bỏ tự đại được Nhẫn nhục.

了深奧義禪定無非。所至到處宣無上法。

Liễu thâm áo nghĩa Thiền-định vô phi. Sở chí đáo xứ tuyên Vô-thượng Pháp.

Biết rõ nghĩa thâm sâu xa thăm chẳng qua chỉ là Thiền Định. Nếu tới nơi cần tới nói Pháp Bình Đẳng.

攝取一切眾要經典力勢難及。

Nhiếp thủ nhất thiết chúng yếu Kinh điển lực thể nan cập.

Thu lấy cảm giữ tất cả các Kinh điển chủ yếu thể lực khó theo kịp.

分別一切諸法道門。知眾生行之所歸趣。

Phân biệt nhất thiết chư Pháp Đạo môn. Tri chúng sinh hành chi sở quy thú.

Phân biệt tất cả các môn Đạo Pháp. Biết được thú hướng trở về hành động của chúng sinh.

識念無數所更歷劫。常持諸法滅一切病。

Thức niệm vô số sở cánh lịch Kiếp. Thường trì chư Pháp diệt nhất thiết bệnh.

Nhớ nhận thức được vô số Kiếp đã qua. Thường giữ các Pháp diệt trừ tất cả bệnh.

淨除結網逮斷狐疑。速成正覺諮嗟光顯。普入一切諸法聖慧。

Tịnh trừ kết võng逮 đoạn hồ nghi. Tóc thành Chính-giác tư ta quang hiển. Phổ nhập nhất thiết chư Pháp Thánh tuệ.

Diệt trừ sạch lưới kết buộc đoạn trừ được nghi hoặc. Nhanh thành Chính Giác hỏi thăm thương xót hiện ra tỏ ánh sáng. Đề nhập vào tất cả các Pháp Tuệ của Thánh.

能以方便擿去惱熱。講說諸法己身奉行。

Năng dĩ Phương-tiện trích khứ não nhiệt. Giảng thuyết chư Pháp kỹ thân phụng hành.

Có thể dùng Phương tiện gạt bỏ Phiền não. Giảng giải các Pháp tự bản thân cung kính thi hành.

服甘露食裂眾猶豫。捨所居土顯無蓋哀以覆眾生。

Phục Cam-lộ thực liệt chúng do dự. Xả sở cư độ hiển vô cái ai dĩ phúc chúng sinh.

Ăn bang thực phẩm Thanh tịnh phá vỡ các do dự. Buông bỏ được nơi ở, hiện ra rõ không có thương đau che phủ dùng che cho chúng sinh.

念於宿命所更生處。志泥洹德曉眾愚駭。

Niệm ư túc mệnh sở canh sinh xứ. Chí Nê-hoàn Đức hiểu chúng ngu ngại.

Nhớ mệnh Kiếp trước được thay đổi nơi sinh. Ý chí ở trong Đức của Thanh tịnh Niết Bàn hiểu các ngu tối ngờ ngần.

諸行所趣獲至尊慧。攝一切想建立諸住。

Chư hành sở thú hoạch chí tôn Tuệ. Nhiếp nhất thiết tưởng kiến lập chư trụ.

Hướng của các hành vi thu hoạch Trí tuệ kính trọng lớn. Thu lấy tất cả tưởng nhớ thiết lập các Bậc Ở lại.

不失道地超若干變。達諸言聲而却一切。

Bất thất đạo địa siêu nhược can biến. Đạt chư ngôn thanh nhi khước nhất thiết.

Không mất Trí tuệ Đạo vượt qua rất nhiều biến hóa. Thông tỏ các lời nói âm thanh mà rút bỏ tất cả.

結解所在周滿佛土。遠離五陰而不自大。

Kết giải sở tại châu mãn Phật thổ. Viễn ly Ngũ-âm nhi bất tự đại.

Khắp nơi giải bỏ oán kết vòng khắp các Đất Phật. Rời xa 5 Uẩn mà không tự đại.

疾了言辭，用是之故便降伏魔。

Tật liễu ngôn từ, dụng thị chi cố tiện hàng phục Ma.

Nhanh biết rõ lời nói do sử dụng nó liền hàng phục Ma.

棄諸外學見不可計。十方國土現在諸佛。

Khí chư ngoại học kiến bất khả kê. Thập phương Quốc thổ Hiện-tại chư Phật.

Bỏ các học bên ngoài nhìn thấy không thể tính kê được. Mười phương Đất nước các Phật Hiện tại.

聞所說法受持不忘。如其所願得是三昧而自娛樂。

Văn sở thuyết Pháp thụ trì bất vong. Như kỳ sở nguyện đắc thị Tam-muội nhi tự ngu lạc.

Nghe Pháp được nói nhận giữ không quên. Như mong nguyện của họ được Tam Muội đó mà tự vui chơi.

若有菩薩得是三昧。則當謂之逮一切智。所以者何？

Nhược hữu Bồ-tát đắc thị Tam-muội. Tác đương vị chi đãi nhất thiết Trí. Sở dĩ giả hà ?

Nếu có Bồ Tát được Tam Muội đó. Chắc cần coi là nắm lấy tất cả Trí tuệ. Có là sao ?

以致此定。發意之頃。一生補處成最正覺。

Dĩ trí thử Định phát ý chi khoảnh. Nhất-sinh-bổ-xứ thành Tồi Chính-giác.

Do đem tới Định này nhanh chóng phát ý. Một lần sinh thành Phật thành Tồi Chính Giác.

從一本起二。二至三。三至四。

Tòng nhất bản khởi nhị, nhị chí tam, tam chí tứ.

Từ một bản thân khởi sinh thành 2, hai thành 3, 3 thành 4.

從其發意輒得佛道。所以者何？又斯定者則一切智。

Tòng kỳ phát ý triếp đắc Phật đạo. Sở dĩ giả hà ? Hựu tư Định giả tác nhất thiết Trí.

Theo đó phát ý liền được Đạo Phật. Có là sao ? Mới lại Định đó chắc là tất cả Trí tuệ.

爾時世尊說此頌曰：

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng viết：

Khi đó Thế Tôn nói bài tụng này：

無量無訓漏 而無有等倫

Vô lượng vô huấn lậu. Nhi vô hữu đẳng luân.

Không dạy thiếu sót lớn. Mà không có gì bằng.

所出無所歸 以脫諸所趣

Sở xuất vô sở quy. Dĩ thoát chư sở thú.

Nếu đến không theo về. Do mất các thú hưởng.

降化無所著 殊勝興無限

Hàng hóa vô sở trước. Thù thắng hưng vô hạn.

Hàng hóa không nương nhờ. Đặc biệt được vô hạn.

執持斯景摸 十方之妙行

Chấp trì tư cảnh mạc. Thập phương chi diệu hạnh.

Cầm giữ tìm cảnh sai. Hành diệu của 10 phương.

棄諍以娛樂 心患眾垢塵

Khí tránh dĩ ngu lạc. Tâm hoạn chúng cấu trần.

Bỏ cãi được vui đùa. Tâm loạn các Trần bản.

人中上喜真 言辭甚流利

Nhân trung thượng hỉ chân. Ngôn từ thậm lưu lợi.

Người ở giữa cao vui thực. Lời nói rất lưu loát.

勝遵無著勳 捐捨所生冥

Thắng tuân vô trước huân. Quyên xả sở sinh minh.

Tuân theo đẹp không nhờ công. Buông bỏ được sinh tối.

總持是法曰 建立在十方
TỔNG-trì thị Pháp viết. Kiến lập tại Thập phương.
TỔNG trì Pháp đó viết. Thiết lập ở 10 phương.
曉了過解說 勸樂度彼岸
Hiểu liễu quá giải thuyết. Khuyến nhạo độ bi Ngạn.
Hiểu rõ qua giảng giải. Khuyến ham tới Niết Bàn.
天人所重敬 所施濟第一
Thiên Nhân sở trọng kính. Sở Thí tế đệ nhất.
Được Người Trời kính trọng. Nếu cho giúp bậc nhất.
諸行度無極 勇猛而宣德
Chư hạnh độ vô cực. Dũng mãnh nhi tuyên Đức.
Các hạnh tới Niết Bàn. Dũng mãnh mà nói Đức.
所修奉章句 至於十力種
Sở tu phụng chương cú. Chí ư Thập-lực chủng.
Nếu tu kính câu chương. Tới được 10 loại Lực.
捐雜難往來 乃能致本無
Quyên tạp nan vãng lai. Nãi năng trí bản vô.
Bỏ nhỏ khó vãng tới. Năng đem tới gốc không.
隨心之所好 而開化眾人
Tùy tâm chi sở hiếu. Nhi khai hóa chúng nhân.
Tùy tâm mà được tốt. Mà khai hóa mọi người.
得行遊正路 所宿止無垢
Đắc hạnh du chính lộ. Sở túc chi vô cầu.
Được Hạnh đi đường đúng. Nếu ở dừng Thanh tịnh.
以斯施眼明 所行遊無行
Dĩ tư thí nhãn minh. Sở hành du vô hạnh.
Do cho đó mắt sáng. Nếu đi chơi không hạnh.
意強多愍愛 視人如赤子
Ý cường đa mẫn ái. Thị nhân như xích tử.
Ý mạnh yêu thương nhiều. Nhìn người như con trẻ.
人尊諸所至 勸教眾邪業
Nhân Tôn chư sở chí. Khuyến giáo chúng tà Nghiệp.
Nhân Tôn tới các nơi. Khuyến dạy các Nghiệp sai.
永無所破壞 而眾中暢吼
Vĩnh vô sở phá hoại. Nhi Chúng trung sướng hồng.
Vĩnh không có phá hoại. Mà trong Chúng nói thông.
於是造立行 無有眾等倫

Ư thị tạo lập hạnh. Vô hữu chúng đấng luân.
Vì thế tạo lập hạnh. Không có nhiều ngang bằng.
得護於十方 及他諸不逮
Đắc hộ ư Thập phương. Cập tha chư bất đãi.
Được giữ ở 10 phương. Cùng họ và không bắt.
勸樂人無底 長永修閑定
Khuyến lạc nhân vô đở. Trường vĩnh tu nhàn Định.
Vui khuyến người không đáy. Lâu dài tu Định vắng.
仁捨其家業 興法如甘露
Nhân xả kỳ gia Nghiệp. Hưng Pháp như Cam-lộ.
Ngài bỏ gia Nghiệp đó. Được Pháp như Cam Lộ.
奉持是經典 歸於最勝德
Phụng trì thị Kinh điển. Quy ư tối thắng Đức.
Kính giữ Kinh điển đó. Đi theo Đức tối cao.
積累多功勳 訓講無數人
Tích lũy đa công huân. Huấn giảng vô số nhân.
Tích lũy nhiều công trạng. Giảng dạy vô số người.
勸悅眾愚等 終不久戲逸
Khuyến duyệt chúng ngu đấng. Chung bất cửu hí dật.
Vui khuyến các Chúng ngu. Rốt đùa cợt không lâu.
諦解於六趣 寂勝而覺善
Đề giải ư Lục-thú. Tịch thắng nhi giác thiện.
Biết thực trong 6 Đạo. Vắng lớn mà thấy thiện.
好和安眾人 在此功德行
Hiếu hòa an chúng nhân. Tại thử Công-đức hành.
Thích yên vui mọi người. Sống hành công Đức này.
得殊特名勳 如月遊無塵
Đắc thù đặc danh huân. Như Nguyệt du vô trần.
Được công danh đặc biệt. Như Trăng bơi không vết.
度脫天人眾 居前無所畏
Độ thoát Thiên Nhân chúng. Cư tiền vô sở úy.
Độ thoát Chúng Trời người. Đứng trước không sợ hãi.
名稱普流勝 施殊妙甘露
Danh xưng phổ lưu thắng. Thí thù diệu Cam-lộ.
Nói tên lưu truyền khắp. Cho Cam Lộ đặc diệu.
遊此所當行 疾致得佛道
Du thử sở đương hành. Tật trí đắc Phật đạo.
Chơi làm đương được nó. Nhanh lầy được Đạo Phật.

立於所應住 在十方佛所

Lập ở sở ứng trụ. Tại Thập phương Phật sở.

Đứng ở nơi cần ở. Ở nơi Phật 10 phương.

頒宣所當說 以化諸天人

Ban tuyên sở đương thuyết. Dĩ hóa chư Thiên Nhân.

Đọc nói nếu cần nói. Do dạy các Trời Người.

所講甚微妙 亦宣至真行

Sở giảng thậm vi diệu. Diệc tuyên chí chân hạnh.

Nếu giảng sâu vi diệu. Cũng nói được Hạnh thực.

奉修是行業 常樂甘露法

Phụng tu thị hạnh Nghiệp. Thường nhạo Cam-lộ Pháp.

Kính tu hạnh Nghiệp đó. Thường thích Pháp Cam Lộ.

以降伏魔力 仁和安立之

Dĩ hàng phục Ma lực. Nhân hòa an lập chi.

Dùng hàng phục lực Ma. Nhân hòa đứng yên ổn.

超度眾苦趣 歸至佛正路

Siêu độ chúng khổ thú. Quy chí Phật chính lộ.

Vượt qua các hướng khổ. Về được đứng Đạo Phật.

所到極善處 棄捐周旋徑

Sở đáo cực thiện xứ. Khí quyên chu toàn kính.

Nếu tới nơi cực thiện. Vứt bỏ được vật lộn.

行勇猛方便 成就執持德

Hành dũng mãnh Phương-tiện. Thành tựu chấp trì Đức.

Hành Phương tiện dũng mãnh. Thành công cầm giữ Đức.

佛言：若有菩薩學斯定意。十方諸佛皆擁護之。

Phật ngôn：Nhược hữu Bồ-tát học tư Định ý. Thập phương chư Phật giai ủng hộ chi.

Phật nói rằng：Nếu có Bồ Tát học Định ý đó. Các Phật 10 phương đều ủng hộ họ.

以慧照心使得開明。不為陰蓋所見覆蔽。

Dĩ Tuệ chiếu tâm sử đắc khai minh. Bất vi Âm-cái sở kiến phúc tế.

Dùng Trí tuệ chiếu soi tâm khiến cho được khai sáng. Không bị vòng Uẩn nếu nhìn thấy che phủ.

速得神通所覩無極。諸菩薩眾悉共將養。

Đãi đắc Thần-thông sở đồ vô cực. Chư Bồ-tát chúng tất cộng tương dưỡng.

Bắt được Thần thông nếu nhìn thấy vô hạn. Các Bồ Tát chúng tất cả cùng nhau cúng dưỡng.

使得成就一生補處。眾聲聞黨普來嗟歎。

Sử đắc thành tựu Nhất-sinh-bổ-xứ. Chúng Thanh-văn đảng phổ lai ta thán.

Khiến cho được thành công một lần sinh thành Phật. Đồ đảng của các Thanh Văn đều tới ca ngợi.

欲使早成十方蒙度。上第七天梵具足王。

Dục sử tảo thành Thập phương môg độ. Thượng đệ thất Thiên Phạm cụ túc Vương.

Muốn làm cho sớm thành công, 10 phương được cứu độ. Trên tầng Trời thứ 7 đầy đủ các Phạm Vương.

典諸梵天身自遙護。遣諸天眾悉來將順。

Điển chư Phạm Thiên thân tự dao hộ. Khiển chư Thiên chúng tất lai tương thuận.

Các Phạm Thiên mẫu mực thân tự bảo vệ từ xa. Sai khiến các chúng Thiên đều tới cùng ưng thuận.

忉利天上帝釋王宿命有德。

Đao-Lợi Thiên thượng Thiên Đế Thích Vương túc mệnh hữu Đức.

Ngọc hoàng Thượng Đế trên Trời Đao Lợi Kiếp trước có Đức.

識其至心學斯定者。遣諸天人悉下宿衛使行安隱無妄犯者。

Thức kỳ chí tâm học tư Định giả. Khiển chư Thiên Nhân tất hạ túc vệ sử hạnh an ổn vô vọng phạm giả.

Tâm lớn nhận thức được điều đó học Định này. Sai khiến các Người Trời biết hạ xuống bảo vệ yên ổn.

其四天王身自臨之。亦遣官屬護于法師。

Kỳ Tứ Thiên Vương thân tự lâm chi. Diệc khiển quan thuộc hộ vu Pháp-sư.

Bốn Thiên Vương đó thân tự tới nơi. Cũng sai khiến thuộc hạ bảo hộ Thầy Pháp đó.

四千里外令無伺求得其便者。

Tứ thiên lý ngoại linh vô tư cầu đắc kỳ tiện giả.

Ngoài 2 nghìn km làm cho không rình mò tìm được Phương tiện của họ.

令其正法安徐講誦開化一切生死五趣。

Linh kỳ chính Pháp an từ giảng tụng khai hóa nhất thiết sinh tử Ngũ-thú.

Giúp cho Pháp đúng đó yên ổn từ từ tụng giảng khai hóa tất cả 5 Đạo sinh chết.

四輩宗之供養無厭聽受無倦。為人說經得同學意靡不坦然。

Tứ bối tông chi cúng dưỡng vô yếm thính thụ vô quyện. Vi nhân thuyết Kinh đắc đồng học ý mị bất thản nhiên.

Môn phái 4 Đệ Tử cúng dưỡng không chán nghe nhận không mệt mỏi. Vì người nói Kinh được ý cùng học tất cả đều thản nhiên.

各得其所無怨望者。雖懷嫉心欲有所亂。

Các đắc kỳ sở vô oán vọng giả. Tuy hoài tật tâm dục hữu sở loạn.

Họ được ở nơi đó không trông ngóng oán thù. Tuy tâm hoài nghi ghen ghét muốn có được nào loạn.

不能辦之。又是菩薩常自忍辱心懷仁和。

Bất năng biện chi. Hựu thị Bồ-tát thường tự Nhẫn-nhục tâm hoài nhân hòa.

Không thể thực hiện được. Mới lại Bồ Tát đó thường tự Nhẫn nhịn tâm mong nhớ nhân hòa.

若向瞋者不念其惡。若有逆人欲來危害。

Nhược hướng sân giả bất niệm kỳ ác. Nhược hữu nghịch nhân dục lai nguy hại.

Nếu hướng tới thù hận không nhớ ác đó. Nếu có người ngược lại muốn đến làm nguy hại.

不與共諍，惟避捨去不與相見。

Bất dữ cộng tránh, duy tị xả khứ bất dữ tương kiến.

Không cùng nhau tranh đấu, chỉ tránh xa buông bỏ không cùng nhau gặp gỡ.

既路相見如不相覩。慈念十方皆降歸佛。

Ký lộ tương kiến như bất tương đồ. Từ niệm Thập phương giai hàng quy Phật.

Đã gặp nhau trên đường như nhìn không thấy nhau. Mười phương đều hàng phục đi theo Phật.

勿有惡心誹謗法師，念法無惡。

Vật hữu ác tâm phi báng Pháp-sư, niệm Pháp vô ác.

Đừng có tâm ác phi báng thầy Pháp, nhớ Pháp không ác.

惟愍其人用懷毒心墮于惡趣三塗之難。傷之愚惑橫生毒害還自危身。

Duy mẫn kỳ nhân dụng hoài độc tâm đọa vu ác thú Tam-đồ chi nạn. Thương chi ngu hoặc hoạnh sinh độc hại hoàn tự nguy thân.

Chỉ thương xót người đó, vì tâm nhớ độc ác đọa xuống hướng ác nạn ách của 3 Đạo ác. Thương đau ngu si nghi hoặc sinh ngang trái độc hại trở về tự nguy ách thân mệnh.

猶如樹木風起相揩忽然火生還自燒形。

Do như thụ mộc phong khởi tương giai hốt nhiên hỏa sinh hoàn tự thiêu hình.

Giống như cây gỗ gió nổi lên cọ sát lẫn nhau bỗng nhiên sinh ra lửa trở về tự đốt cháy thân hình.

毒蛇含毒日日增多還自害身。

Độc xà hàm độc nhật nhật tăng đa hoàn tự hại thân.

Rắn độc tất cả độc hàng ngày tăng nhiều trở về tự hại thân mệnh.

鐵生眾垢自葬其形。愚闇閉塞心不開解。不念菩薩法師之恩。

Thiết sinh chúng cấu tự táng kỳ hình. Ngu ám bế tắc tâm bất khai giải. Bất niệm Bồ-tát Pháp-sư chi ân.

Thép sinh ra gỉ sét bản tự chôn vùi hình thể của nó. Ngu tối bế tắc tâm không khai sáng. Không nhớ ân Đức của Bồ Tát Thầy Pháp.

反生害心逆其師父。欲危滅之貪妬懷嫉。

Phản sinh hại tâm nghịch kỳ sư phụ. Dục nguy diệt chi tham đồ hoài tật.

Sinh ra phản kháng hại tâm đối nghịch Thầy Cha. Muốn diệt nguy ách tham lam hoài nghi đồ kị.

一時自可放心自大。不顧大難甚憐傷。

Nhất thời tự khả phóng tâm tự đại. Bất cố đại nạn thậm lân thương.

Nhất thời tự có thể buông thả tâm tự đại. Không nhìn ra nạn lớn rất là thương xót.

諸天鬼神虛空天神。阿須倫迦留羅真陀羅摩休勒。

Chư Thiên Quỷ Thần hư không Thiên Thần. A-tu-luân, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc.

Các Trời Quỷ Thần Thiên Thần trong khoảng không. A Tu La, Ca-lưu-la, Chân-đà-la, Ma-hưu-lặc.

悉往作禮稽首歸命。欲見無厭數數奉迎。

Tất vãng tác lễ khể thủ quy mệnh. Dục kiến vô yếm sắc sắc phụng nghêh.

Đều vãng tới phục đất làm lễ đi theo. Muốn nhìn thấy không chán thường xuyên cung kính nghêh đốn.

聽受經典問義受解。思惟奉行曾無懈倦。

Thính thụ Kinh điển vấn nghĩa thụ giải. Tư duy phụng hành tăng vô giải quyet.

Nghe nhận Kinh điển hỏi nghĩa nhận giải thích. Tư duy cung kính từng không có mệt mỏi.

諸神愛敬奉事供養。尊重道德如孝子與父母別。

Chư Thần ái kính phụng sự cúng dưỡng. Tôn trọng Đạo-Đức như hiếu tử dữ phụ mẫu biệt.

Các Thần yêu kính cung kính việc cúng dưỡng. Tôn trọng Đạo Đức như con hiếu ly biệt cha mẹ.

積年彌久飢虛無已。諸天神明人與非人。

Tích niên di cửu cơ hư vô dĩ. Chư Thiên Thần-minh nhân dữ phi nhân.

Đã nhiều năm càng lâu dài đói khát thiếu không có. Thần minh của các Trời, Người cùng với không phải Người.

愛重至德無窮竟已。皆是菩薩精進至心。

Ái trọng chí Đức vô cùng cánh dĩ. Giai thị Bồ-tát Tinh-tiến chí tâm.

Yêu quý kính trọng Đức lớn đã tới vô cùng. Đều là Bồ Tát Tinh tiến tâm lớn.

學是三昧慈愍所致。故有是德。

Học thị Tam-muội Từ mẫn sở trí. Cố hữu thị Đức.

Học Tam Muội đó đem tới được tâm Từ thương xót. Cố có Đức đó.

佛告喜王菩薩！若有菩薩積功累德。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Nhược hữu Bồ-tát tích Công lũy Đức.

Phật cáo Hi Vương Bồ Tát ! Nếu có Bồ Tát tích lũy Công Đức.

開化無數百千眾生。歡悅踊躍，這等無異。

Khai hóa vô số bách thiên chúng sinh. Hoan duyệt dũng dục giá đẳng vô dị.

Khai hóa vô số trăm nghìn chúng sinh. Vui mừng phấn chấn điều đó bằng nhau không khác.

不以戲笑，因斯逮得殊特功勳。名德遠著十方咨嗟。

Bất dĩ hí tiếu, nhân tư đãi đắc thù đặc công huân. Danh Đức viễn trước Thập phương tư ta.

Không lấy làm đùa cợt nhân do đó bắt được công trạng đặc biệt. Danh Đức nơi xa nương nhờ, 10 phương bàn luận.

行如須彌安然不動。明如日月普曜天下。

Hạnh như Tu-Di an nhiên bất động. Minh như Nhật Nguyệt phổ diệu Thiên-hạ.

Hạnh như núi Tu Di yên ổn như thế không động. Sáng như mặt Trời mặt Trăng soi rọi khắp Thiên hạ.

德重如地主生萬物。道尊位高生諸道品。

Đức trọng như địa chủ sinh vạn vật. Đạo tôn vị cao sinh chư Đạo-phẩm.

Đức nặng như đất chủ yếu sinh vạn vật. Đạo kính trọng địa vị cao sinh các phẩm bậc Đạo.

六度無極。菩薩法藏心如虛空而無所著。

Lục độ vô cực. Bồ-tát Pháp tạng tâm như hư không nhi vô sở trước.

Sáu Pháp tới Niết Bàn. Pháp tạng Bồ Tát tâm như khoảng không mà không có nương nhờ.

獨步三界無所罣礙。猶如飛鳥飛行虛空無有足跡。

Độc bộ Tam-giới vô sở quái ngại. Do như phi điều phi hành hư không vô hữu túc tích.

Một mình đi bộ trong 3 Cõi giới không có trở ngại. Giống như chim bay bay đi trong khoảng không không có vết chân.

猶如蓮華不著塵水。十方諸佛悉令菩薩行斯定意。

Do như Liên hoa bất trước trần thủy. Thập phương chư Phật tất linh Bồ-tát hành tư định ý.

Giống như hoa Sen không nương nhờ đất nước. Mười phương các Phật giúp tất cả Bồ Tát tu hành Định ý đó.

今佛故宣。汝等精進勿得疑惑。

Kim Phật cố tuyên. Nhữ đẳng Tinh-tiến vật đắc nghi hoặc.

Nay Phật cố đọc nói. Các Ngài Tinh tiến không được nghi hoặc.

若有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。及諸凡庶九十六術六十二見。

Nhược hữu Tì-kheo Tì-kheo-ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di. Cập chư Phàm thứ cử thập lục thuật, lục thập nhị kiến.

Nếu có nam Tì Kheo nữ Tì Kheo, nam Phật Tử nữ Phật Tử. Cùng với người phàm dân nghèo 96 thuật 62 nhìn thấy.

蝸蜚蠕動歧行喘息。

Quyên phi trùng nhuyễn động kì hành suyễn tức.

Bọ gậy sâu ăn lúa trùng mềm chuyển động ngoằn ngoèo thở gấp.

人與非人學是三昧，若聞歡喜各得如願。

Nhân dữ phi nhân học thị Tam-muội, nhược văn hoan hỉ các đắc như nguyện.

Người cùng với không phải Người học Tam Muội đó, nếu nghe được vui mừng họ được như ý nguyện.

然後會當逮是三昧。於是頌曰：

Nhiên hậu hội đương đãi thị Tam-muội. Ư thị tụng viết：

Sau khi gặp cần bắt lấy Tam Muội đó. Vì thế bài tụng viết：

常光顯 佛正法 信根樂

Thường quang hiển. Phật chính Pháp. Tín Căn lạc.

Quang thường hiện. Đứng Pháp Phật. Căn Tin vui.

第一慧 行如犀 無吾我

Đệ nhất Tuệ. Hạnh như tê. Vô Ngô Ngã.

Tuệ bậc nhất. Hạnh như hạt bầu. Không tôi ta.

持是寂 妙三昧 得自在

Trì thị tịch. Diệu Tam-muội. Đắc Tự-tại.

Giữ Vắng đó. Tam Muội diệu. Được Tự tại.

覺忍辱 覆三世 猶如蓋

Giác Nhẫn-nhục. Phúc Tam-thế. Do như cái.

Biết Nhẫn nhục. Phức 3 Đòi. Như chiếc Lọng
化建立 無數人 習是慧
Hóa kiến lập. Vô số nhân. Tập thị Tuệ.
Thiết lập dạy. Vô số người. Học Tuệ đó.
猶如海 消吾我 塵勞厄
Do như hải. Tiêu Ngô Ngã. Trần lao ách.
Giống như biển. Bỏ tôi ta. Ách Phiền não.
說佛道 諸滅度 以斷穢
Thuyết Phật đạo. Chư Diệt-độ. Dĩ đoạn uế.
Nói Đạo Phật. Các Niết Bàn. Dùng trừ uế.
化三世 疾修行 是寂然
Hóa Tam-thế. Tật tu hành. Thị Tịch-nhiên.
Dạy 3 Đòi. Nhanh tu hành. Vắng vẻ đó.
識身命 及他人 志存念
Thức thân mệnh. Cập tha nhân. Chí tồn niệm.
Hiểu thân mệnh. Cùng người khác. Chí còn nhớ.
諸佛道 立存念 一切業
Chư Phật đạo. Lập tồn niệm. Nhất thiết Nghiệp.
Các Đạo Phật. Còn nhớ vững. Tất cả Nghiệp.
及逮是 妙三昧 多開導
Cập đãi thị. Diệu Tam-muội. Đa khai đạo.
Cùng nắm nó. Tam Muội diệu. Mở nhiều Đạo
御本際 常講安 滅苦惱
Ngự bản tế. Thường giảng an. Diệt khổ não.
Ngự bản tế. Thường yên giảng. Diệt khổ não.
化布施 甘露味 奉行斯
Hóa Bố-thí. Cam-lộ vị. Phụng hành tư.
Dạy Bố thí. Vị Cam Lộ. Kính hành nó.
佛種性 好至明 顯耀辭
Phật chủng tính. Hiếu chí minh. Hiển diệu từ
Tính giống Phật. Thích sáng lớn. Chử sáng hiện.
稱流布 普功祚 在眾中
Xưng lưu bố. Phổ Công-tộ. Tại chúng trung.
Nói lưu chuyển. Khắp công Đức. Ở trong Chúng.
甚巍巍 如月滿 秋盛明
Thậm nguy nguy. Như Nguyệt mãn. Thu thịnh minh.
Rất uy nghi. Như Trăng rằm. Sáng mùa thu.

諸眷屬 財名德 在生死
Chư quyến thuộc. Tài danh Đức. Tại sinh tử.
Các quyến thuộc. Tài danh Đức. Trong sinh chết.
佛所知 其辯才 猶水王
Phật sở tri. Kỳ biện tài. Do thủy vương.
Phật biết được. Hùng biện đó. Như Vua nước.
習三昧 逮斯功 法自然
Tập Tam-muội. Đãi tư công. Pháp tự nhiên.
Học Tam Muội. Bất công đó. Pháp tự nhiên.
無無我 不久達 敷演義
Vô vô ngã. Bất cửu đạt. Phu diễn nghĩa.
Không tôi, không. Hiểu không lâu. Phô diễn nghĩa.
如是周 三千世 真諦行
Như thị châu. Tam thiên thế. Chân đế hành.
Vòng như thế. Ba nghìn Nước. Hành chân thực.
是三昧 思惟計 三千世
Thị Tam-muội. Tư duy kế. Tam-thiên thế.
Tam Muội đó. Nghĩ tính kế. Ba nghìn Nước.
眾生滿 如江沙 若學歸
Chúng sinh mãn. Như giang sa. Nhược học quy.
Đầy chúng sinh. Như cát sông. Nếu học theo.
甘露道 所獲慧 過於此
Cam-lộ đạo. Sở hoạch tuệ. Quá ưu thử.
Đạo Cam Lộ. Thu được Tuệ. Vượt hơn nó.
毒不行 及刀火 無蟲蛇
Độc bất hành. Cập đao hỏa. Vô trùng xà.
Không hành ác. Cùng đao lửa. Không rắn trùng.
無杖畏 王羅刹 不能害
Vô trượng úy. Vương La-sát. Bất năng hại.
Không sợ gậy. Vua La Sát. Không năng hại.
以和心 精修是 不失財
Dĩ hòa tâm. Tinh tu thị. Bất thất tài.
Dùng tâm hòa. Tu luyện nó. Không mất tiền.
不亡家 無病憂 無罪患
Bất vong gia. Vô bệnh ưu. Vô tội hoạn.
Không mất nhà. Không lo bệnh. Không tội nạn.
若持是 四句法 目不盲

Nhược trì thị. Tứ cú Pháp. Mục bất manh.
Nếu giữ nó. Bốn câu Pháp. Mắt không mù.
不重聽 六十二 億佛勸
Bất trọng thính. Lục thập nhị. Úc Phật khuyến.
Tai không nặng. Sáu mươi hai. Triệu Phật khuyên.
設有學 思惟是 若常奉
Thiết Hữu-học. Tư duy thị. Nhược thường phụng.
Nếu Có học. Suy nghĩ nó. Nếu thường kính.
斯總持 精進行 是三昧
Tư Tổng-trì. Tinh-tiến hành. Thị Tam-muội.
Tổng trì đó. Hành Tinh tiến. Tam Muội đó.
若有欲 速成道 樂第一
Nhược hữu dục. Tốc thành đạo. Lạc đệ nhất.
Nếu muốn được. Nhanh thành Đạo. Vui bậc nhất.
功德田 當學是 經典本
Công-đức điền. Đương học thị. Kinh điển bản.
Ruộng Công Đức. Cần học nó. Kinh điển gốc.
一切致 寂然無
Nhất thiết trí. Tịch-nhiên vô.
Tới tất cả. Vắng vẻ không.

四事品第三

Tứ-sự phẩm đệ tam.

Phẩm thứ 3 Bốn việc.

菩薩有四事。疾逮斯定。何謂四？

Bồ-tát hữu Tứ-sự, tât đăi tư Định. Hà vị Tứ？

Bồ Tát có 4 việc, nhanh bắt được Định đó. Thế nào là Bốn？

一曰：布施。不懷望想福施一切。

Nhất viết：Bố-thí. Bất hoài vọng tưởng Phúc thí nhất thiết.

Một là：Bố thí. Cho tất cả không mong tưởng nhớ hi vọng Phúc.

二曰：持戒。不犯諸禁以志大道。

Nhị viết：Trì giới. Bất phạm chư cấm dĩ chí Đại-đạo.

Hai là：Giữ Giới. Không phạm các Giới cấm vì ý chí Đạo lớn.

三曰：常抱慈心。怨憎親友無有二心。

Tam viết：Thường bảo Từ tâm. Oán tăng thân hữu vô hữu nhị tâm.

Ba là：Thường ôm ấp tâm Từ. Bạn hữu thân thích oán ghét không có 2 tâm.

四曰：察於三界眾生之類悉我親族未曾外之。是為四。

Tứ viết : Sát ư Tam-giới chúng sinh chi loại tất ngã thân tộc vị tăng ngoại chi. Thị vi Tứ.

Bốn là : Xem kĩ tất cả loài chúng sinh của 3 Cõi giới đều là thân tộc của bản thân, chưa từng là người ngoài. Đó là Bốn.

菩薩復有四事。疾速斯定。何謂為四？

Bồ-tát phục hữu Tứ-sự, tât đãi tư Định. Hà vi vi Tứ ?

Bồ Tát lại có 4 việc, nhanh bắt được Định đó. Thế nào là Bốn ?

一曰：常行大慈加於眾生。

Nhất viết : Thường hành Đại Từ gia ư chúng sinh.

Một là : Thường hành Đại Từ tăng thêm giúp chúng sinh.

二曰：常行大悲。見於三塗眾生苦惱。為之雨淚欲拔濟之。

Nhị viết : Thường hành Đại Bi. Kiến ư Tam-đồ chúng sinh khổ não. Vi chi vú lệ dục bạt tế chi.

Hai là : Thường hành Đại Bi. Nhìn thấy chúng sinh khổ não trong 3 Đạo ác. Là rơi lệ muốn rút bỏ cứu giúp họ.

三曰：觀眾迷惑展轉五趣不能自免。顯示正路志德自出。

Tam viết : Đồ chúng mê hoặc triển chuyển Ngũ-thú bất năng tự miễn. Hiện thị chính lộ chí Đức tự xuất.

Ba là : Nhìn thấy chúng sinh mê hoặc luân chuyển trong 5 Đạo không có thể tự miễn trừ. Hiện rõ đường đúng, nhớ Đức tự ra khỏi.

四曰：察眾三流往反終始曾無斷絕身苦心惱。

Tứ viết : Sát chúng tam lưu vãng phản, chung thủy tăng vô đoạn tuyệt, thân khổ tâm não.

Bốn là : Xem kĩ chúng sinh qua lại 3 dòng chảy, đầu đuôi từng chưa cắt đứt, thân khổ tâm Phiền não.

故愍念之為宣罪福生死之本無為之根。是為四。

Cố mẫn niệm chi vi tuyên tội Phúc, sinh tử chi bản, Vô-vi chi căn. Thị vi Tứ.

Cố thương nhớ vì nói tội Phúc sinh chết vốn có. Rỗng Lặng là gốc. Đó là Bốn.

菩薩復有四事, 得斯定意。何謂為四？

Bồ-tát phục hữu Tứ-sự đắc tư Định ý. Hà vi vi Tứ ?

Bồ Tát lại có 4 việc, nhanh bắt được Định đó. Thế nào là Bốn ?

一曰：觀眾邪迷六十二見。猶豫沈吟墮於羅網。

Nhất viết : Quan chúng tà mê lục thập nhị kiến. Do dự trầm ngâm đọa ư la võng.

Một là : Xem 62 nhìn thấy sai trái mê muội của chúng sinh. Như vui vẻ trầm ngâm đọa vào lưới võng.

如鳥自投, 貪小小利不覺自害。

Như điều tự đầu, tham tiểu tiểu lợi bất giác tự hại.

Như chim tự chui đầu, tham lợi bé tí không cảm thấy tự làm hại.

二曰：九十六種迷惑之徑自造癡冥。猶如蜚蛾自投燈火。

Nhị viết : Cửu thập lục chủng mê hoặc chi kính tự tạo si minh. Do như phi nga tự đầu đăng hỏa.

Hai là : 96 loại mê hoặc tự thẳng tới tạo ra ngu tối. Giống như thiêu thân tự đâm đầu vào lửa.

已溺三塗五趣周旋輪轉無際不能脫身。

Dĩ nịch Tam-đồ Ngũ-thú chu toàn luân chuyển vô tế bất năng thoát thân.

Đã chìm nổi trong 3 Đạo ác 5 thú hưởng luân chuyển vòng quanh không giới hạn không thể thoát thân.

惟有諸佛眾大菩薩，乃能濟之。

Duy hữu chư Phật chúng Đại Bồ-tát, nãi năng tế chi.

Duy chỉ có các Phật chúng Đại Bồ Tát mới năng cứu giúp.

三曰：外眾蓋業符呪害人。菩薩愍之如狂溺水然後乃悔當何所及。

Tam viết : Ngoại chúng cái Nghiệp phù chú hại nhân. Bồ-tát悯 chi như cuồng nịch thủy, nhiên hậu nãi hồi đương hà sở cập.

Ba là : Ngoài các Nghiệp che úp bùa chú hại người. Bồ Tát thương xót như cuồng dại chìm trong nước, sau đó mới hồi hận làm sao cho kịp.

四曰：如射獵師彈射眾鳥。羅網捕魚積其罪蓋。

Tứ viết : Như xạ liệp sư đạn xạ chúng điểu. La võng bô ngư tích kỳ tội cái.

Bốn là : Như người dạy săn bắn đạn bắn các loại chim. Võng lưới vây bắt cá tích lũy vòng tội đó. Vô số ức tải đọa Tam-ác thú. Xả thân chi an nhi vãng cứu chi.

Qua vô số vạn triệu đọa xuống 3 Đạo ác. Bỏ thân được yên mà vãng tới cứu giúp.

為宣罪福生死之患。示無為業。

Vi tuyên tội Phúc sinh tử chi hoạn. Thị Vô-vi Nghiệp.

Vi nói tội Phúc hoạn nạn của sinh chết. Đó là Nghiệp Rỗng Lặng.

或復顯之無上正真各使得安。是為四。

Hoặc phục hiển chi Vô-thượng Chính-chân các sử đắc an. Thị vi Tứ.

Hoặc lại hiện rõ Bình Đẳng Chân Chính làm cho họ được yên. Đó là Bốn.

菩薩復有四事。疾速斯定。何謂為四。

Bồ-tát phục hữu Tứ-sự, đãi đắc tư Định. Hà vị vi Tứ ?

Bồ Tát lại có 4 việc, nhanh bắt được Định đó. Thế nào là Bốn ?

一曰作佛形像坐蓮華上。若摸畫壁繒(疊*毛)布上。

Nhất viết : Tác Phật hình tượng tọa Liên hoa thượng. Nhược mạc họa bích tăng điệp bố thượng.

Một là : Làm hình tượng Phật ngồi trên hoa Sen. Nếu mô phỏng vẽ lên tường tăng bạt dù lọng ô giấy trắng vải.

使端政好。令眾歡喜由得道福。

Sử đoan chính hảo, linh Chúng hoan hi do đắc Đạo Phúc.

Làm cho đoan chính tốt đẹp, giúp cho Chúng vui mừng như được Đạo Phúc.

二曰：取是經卷書著竹帛若長妙素。令其文字上下齊正。

Nhị viết : Thủ thị Kinh quyển thư trước trúc bạch, nhược trường điệu tố. Linh kỳ văn tự thượng hạ tề chính.

Hai là :Cầm lấy quyển Kinh chép lên thanh tre lụa, hay là giấy trắng đẹp dài. Làm cho văn tự đó trên dưới tề chỉnh.

三曰：諷誦是經晝夜精進。不捨經文使其通利。

Tam viết : Phúng tụng thị Kinh trú dạ Tinh-tiến. Bất xả Kinh văn sử kỳ thông lợi.

Ba là : Đọc to tụng Kinh đó ngày đêm Tinh tiến. Không buông rời Kinh văn khiến cho họ thông suốt.

無一躓礙聽者得解。

Vô nhất chí ngại thính giả đắc giải.

Không một lần vấp ngã trở ngại, người nghe được giải thoát.

四曰：持是三昧諸佛本末一一分別為人暢義。

Tứ viết : Trì thị Tam-muội chư Phật bản mạt nhất nhất phân biệt, vị nhân sướng nghĩa.

Bốn là : Giữ Tam Muội nguồn ngọn của các Phật đó, từng loại phân biệt, vì người thông suốt nghĩa.

善開菩薩無上正真。使一切眾咸共諮受。

Thiện khai Bồ-tát Vô-thượng Chính-chân. Sử nhất thiết chúng hàm cộng tư thụ.

Thiện khai mở Bồ Tát Bình Đẳng Chân Chính. Sai khiến tất cả chúng sinh toàn bộ cùng nhau hỏi nhận.

不生疑心各得開達。是為四。

Bất sinh nghi tâm các đắc khai đạt. Thị vi Tứ.

Không sinh tâm nghi hoặc họ được khai thông. Đó là Bốn.

佛於是頌曰：

Phật ư thị tụng viết：

Phật khi đó nói bài tụng：

聞是經 樂至德 若有人

Văn thị Kinh. Lạc chí Đức. Nhược hữu nhân.

Nghe Kinh đó. Vui Đức lớn. Nếu có người.

求此道 善哉學 斯四句

Cầu thử Đạo. Thiện tai học. Tư Tứ-cú.

Cầu Đạo này. Thiện thay học. Bốn câu đó.

故獲致 十力種 八十億

Cố hoạch trí. Thập-lực chủng. Bát thập ức.

Cố thu được. Mười loại Lực. Tâm mười triệu.

人中王 諸六十 姪安住

Nhân trung Vương. Chư lục thập. Cai an trụ.

Vua nhân gian. Và sáu chục. Vạn vạn ở yên.

常咸護 斯學人 能諷誦

Thường hàm hộ. Tư học nhân. Năng phúng tụng.

Thường bảo vệ. Người học đó. Năng đọc tụng.

是三昧 若聞是 獲善利
Thị Tam-muội. Nhược văn thị. Hoạch thiện lợi.
Tam Muội đó. Nếu nghe nó. Được thiện lợi.
已得聽 能信樂 是等成
Dĩ đắc thính. Năng tín nhạo. Thị đẳng thành.
Đã được nghe. Năng tin thích. Vì thế thành.
不疑道 等皆見 生死無
Bất nghi Đạo. Đẳng giai kiến. Sinh tử vô.
Không nghi Đạo. Đều cùng thấy. Không sinh chết.
行佛道 得聞是 樂功勳
Hành Phật đạo. Đắc văn thị. Lạc công huân.
Hành Đạo Phật. Được nghe nó. Vui công trạng.
不懈怠 一切智 如觀掌
Bất giải đãi. Nhất thiết Trí. Như quan chương.
Không lười nhác Tất cả Trí. Như xem tay.
書寫持 是經典 識念住
Thư tả trì. Thị Kinh điển. Thức niệm trụ.
Viết chép giữ. Kinh điển đó. Nhớ biết ở.
百千劫 辯才英 得至佛
Bách thiên Kiếp. Biện tài anh. Đắc chí Phật.
Trăm nghìn Kiếp. Tài hùng biện. Được thành Phật.
彼說斯 最定意 王子月
Bỉ thuyết tư. Tối Định ý. Vương tử Nguyệt.
Phật nói nó. Định ý cao. Nguyệt Vương Tử.
詳得聞 棄國土 作沙門
Tường đắc văn. Khí Quốc thổ. Tác Sa-môn.
Yên được nghe. Bỏ Đất nước. Làm Sa Môn.
晝夜勤 聽受法 最後世
Trú dạ cần. Thính thụ Pháp. Tối hậu thế.
Ngày đêm siêng. Nghe nhận Pháp. Đời cuối cùng.
命向終 便往生 他佛國
Mệnh hướng chung. Tiện vãng sinh. Tha Phật quốc.
Sắp hết mệnh. Liên vãng sinh. Đất Phật khác.
若江沙 復過是 諸天咸
Nhược giang sa. Phục quá thị. Chư Thiên hàm.
Như cát sông. Lại vượt nó. Hết các Trời.
供養佛 從其所 聞三昧

Cúng dưỡng Phật. Tòng kỳ sở. Văn Tam-muội.
Cúng dưỡng Phật. Từ nơi Phật. Nghe Tam Muội.
三劫中 成佛道 有佛名
Tam Kiếp trung. Thành Phật đạo. Hữu Phật danh.
Trong 3 Kiếp. Thành Đạo Phật. Được tên Phật.
無厭寶 定光佛 所開化
Vô yếm bảo. Định Quang Phật. Sở khai hóa.
Quý không chán. Định Quang Phật. Khai hóa được.
彼聞是 得德果 是故聞
Bỉ văn thị. Đắc Đức quả. Thị cố văn.
Họ nghe nó. Được quả Đức. Vì thế nghe.
勿懈怠 為十方 常所救
Vật giải đãi. Vị Thập phương. Thường sở cứu.
Đừng lười nhác. Vì 10 phương. Thường được cứu.
今我屬 慇懃累 仁賢者
Kim Ngã thuộc. Ân cần lũy. Nhân hiền giả.
Nay thuộc Ta. Nhiều ân cần. Ngài Hiền giả.
言柔和 是增法 道珍藏
Ngôn nhu hòa. Thị tăng Pháp. Đạo trân tạng.
Lời nhu hòa. Pháp cao đố. Kho báu Đạo.

法師品第四

Pháp-sur phẩm đệ tứ.
Phẩm thứ tư Thầy Pháp.

佛語喜王菩薩！乃往過去無央數劫不可稱計。
Phật ngữ Hỷ-vương Bồ-tát！Nãi vãng Quá-khứ vô ương số Kiếp bất khả xưng kê.
Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Vãng tới Quá khứ không thể đọc đếm vô lượng số Kiếp.
爾時有佛號：辯嚴淨雷音吼如來至真等正覺。
Nhĩ thời hữu Phật hiệu：Biện Nghiêm Tịnh Lôi Âm Hống Như Lai chí Chân Đẳng Chính-giác.
Khi đó có Phật tên hiệu：Biện Nghiêm Tịnh Lôi Âm Hống Như Lai được Chân Đẳng Chính Giác.
彼佛世時有一法師。名無量德辯幢英變音。
Bỉ Phật thế thời hữu nhất Pháp-sur. Danh Vô-lượng-đức biện-tràng anh-biến-âm.
Ở thời Phật đó có một Thầy Pháp. Tên là Vô-lượng-đức biện-tràng anh-biến-âm.
曾聞如來說是三昧定。學是三昧而分別說用化眾生。
Tằng văn Như Lai thuyết thị Tam-muội Định. Học thị Tam-muội nhi phân biệt thuyết dụng hóa chúng sinh.

Tùng nghe Như Lai nói Tam Muội Định đó. Học Tam Muội đó mà phân biệt nói dùng để giáo hóa chúng sinh.

齊無數億百千諸天人民以度一切。有王太子名淨福報眾音。

Tề vô số ức bách thiên chư Thiên Nhân dân dĩ độ nhất thiết. Hữu Vương Thái-tử danh Tịnh-phúc báo-chúng-âm.

Vô số triệu trăm nghìn các Trời Nhân dân cùng lúc do độ thoát tất cả. Có Thái Tử của Vương tên là Tịnh-phúc báo-chúng-âm.

聞是三昧心中欣然。則百千賈妙好衣以覆法師。

Văn thị Tam-muội tâm trung hân nhiên. Tắc bách thiên cổ diệu hảo y dĩ phúc Pháp-sư.

Nghe Tam Muội đó trong tâm vui mừng. Chắc là lấy trăm nghìn quần áo tốt đẹp vì diệu dùng che lên Thầy Pháp.

口發是言：普使三界厄一切眾生皆悉興立得是三昧。

Khẩu phát thị ngôn : Phổ sử Tam-giới ách nhất thiết chúng sinh giai tất hưng lập đắc thị Tam-muội.

Miệng phát ra lời nói rằng : Sai khiến khắp cả 3 Cõi giới, tất cả chúng sinh tai ách, đều biết hưng vượng lập dựng được Tam Muội đó.

以是德本。見八十億江沙諸佛。

Dĩ thị Đức bản. Kiến bát thập ức giang sa chư Phật.

Do Đức đó vốn có. Nhìn thấy 80 triệu các Phật nhiều như cát sông.

造立眾行奉平等法。在諸佛所聞是三昧。

Tạo lập chúng hạnh phụng Bình-đẳng Pháp. Tại chư Phật sở văn thị Tam-muội.

Tạo lập các hạnh cung kính Pháp Bình đẳng. Ở nơi các Phật ở nghe Tam Muội đó.

皆以頌宣。悉能堪任奉是定意。

Giai dĩ ban tuyên. Tất năng kham nhâm phụng thị Định ý.

Đều đem ra đọc nói. Đều có thể chịu nhận cung kính Định ý đó.

所生之處常識宿命。在於無量德淨佛剎，成最正覺。

Sở sinh chi xứ thường thức túc mệnh. Tại ư Vô Lượng Đức Tịnh Phật sát thành Tối Chính-giác.

Ở nơi được sinh thường hiểu biết Kiếp trước. Ở Đất nước của Vô Lượng Đức Tịnh Phật thành Tối Chính Giác.

淨福報眾音王太子者。則今現在西方阿彌陀佛是也。

Tịnh-phúc-báo-chúng-âm Vương Thái-tử giả. Tắc kim Hiện-tại Tây phương A Di Đà Phật thị dã.

Thái Tử của Tịnh-phúc-báo-chúng-âm Vương. Chắc nay cũng chính là A Di Đà Phật Hiện tại Tây phương.

其法師教化度脫眾生者。則大月如來是也。

Kỳ Pháp-sư giáo hóa độ thoát chúng sinh giả. Tắc Đại Nguyệt Như Lai thị dã.

Thầy Pháp đó giáo hóa độ thoát chúng sinh. Chắc cũng chính là Đại Nguyệt Như Lai.

其王太子。供養自歸無量。德辯幢英變音法師。

Kỳ Vương Thái-tử cúng dường tự quy Vô-lượng-đức-biến tràng-anh biên-âm Pháp-sư.

Thái Tử của Vương đó cúng dường tự đi theo Thầy Pháp Vô-lượng-đức-biện tràng-anh biến-âm. 乃能終竟至七萬劫消眾罪蓋。用聞說是三昧定故。

Nãi năng chung cánh chí thất vạn Kiếp tiêu chúng tội cái. Dụng văn thuyết thị Tam-muội Định cố.

Mới có thể cuối cùng được tiêu trừ các vòng tội của 7 vạn Kiếp. Sử dụng nghe nói cố được Tam Muội Định đó.

為其太子除眾僧債。雪諸罣礙敷演道品。

Vị kỳ Thái-tử trừ chúng Tăng tẩn. Tuyết chư quái ngại phu diễn đạo phẩm.

Vì Thái Tử đó ngoại trừ người tiếp khách của các Tăng. Rửa sạch các trở ngại phô diễn phẩm Đạo.

在在所生逮無量門總持之行。發意一時彈指之頃不離佛法。

Tại tại sở sinh đãi vô lượng môn Tổng-trì chi hành. Phát ý nhất thời đàn chỉ chi khoảnh bất ly Phật Pháp.

Khắp nơi được sinh bắt lấy vô lượng môn hành Tổng-trì. Phát ý nhất thời trong giây lát không rời xa Phật Pháp.

佛言：時復有佛號曰：面悅離垢月首藏威如來至真等正覺。

Phật ngôn : Thời phục hữu Phật hiệu viết : Diện Duyệt Ly Cấu Nguyệt Thủ Tạng Uy Như Lai chí Chân Đẳng Chính-giác.

Phật nói rằng : Khi đó lại có Phật tên hiệu là : Diện Duyệt Ly Cấu Nguyệt Thủ Tạng Uy Như Lai được Chân Đẳng Chính Giác.

出現在世講是三昧。有長者子名曜淨廣心。

Xuất hiện tại thế giảng thị Tam-muội. Hữu Trưởng-giả tử danh Diệu-tịnh quảng-tâm.

Xuất hiện ở đời giảng Tam Muội đó. Có con trai của Trưởng giả tên là Diệu-tịnh quảng-tâm.

聞說斯法以家之信不貪居業出為沙門。捨七萬婬女。

Văn thuyết tư Pháp dĩ gia chi tín bất tham cư Nghiệp xuất vi Sa-môn. Xả thất vạn cung nữ.

Nghe nói Pháp đó do Đức tin của gia tộc không tham Nghiệp sống Xuất gia làm Sa Môn. Bỏ 7 vạn cung nữ.

寶多若斯有四寶藏及眾珍琦。若布積地。

Bảo đa nhược tư hữu tứ Bảo tạng cập chúng trân kỳ. Nhược bố tích địa.

Có 4 kho báu rất nhiều vật quý cùng với các châu báu. Nếu phân bố chứa trên đất.

各遍三十萬有千八百遊觀之處。未曾舉足妄蹈于地。

Các biển tam thập vạn hữu thiên bát bách du quan chi xứ. Vị tăng cử túc vọng đạo vu địa.

Nó biển tỏa ra 30 vạn có một nghìn 8 trăm nơi du chơi quan sát. Chưa từng nhắc chân đạp loạn trên đất.

不用繫心棄國捐王行作沙門。已作沙門萬六千歲。

Bất dụng hệ tâm khí quốc quyên Vương hành tác Sa-môn. Dĩ tác Sa-môn vạn lục thiên tuế.

Không dùng tâm ràng buộc bỏ Nước quên Vương thực hành làm Sa Môn. Đã làm Sa Môn một vạn 6 nghìn tuổi.

一心經行常修精進未曾廢息。初不生心念為懈怠也。

Nhất tâm kinh hành thường tu Tinh-tiến vị tăng phế tức. Sơ bất sinh tâm niệm vì giải đãi dã.
Đi đứng nhất tâm thường tu Tinh tiến chưa từng nghỉ phá bỏ. Ban đầu tâm nhớ không sinh vì
cũng lười nhác.

除其左右飯食澡手洗口。未嘗睡眠恒自覺悟。

Trừ kỳ tả hữu phạn thực tảo thủ tẩy khẩu. Vị thường thụ miên hằng tự giác ngộ.

Trừ bỏ phải trái đồ ăn cơm rửa tay xúc miệng. Không cầm giữ nương nhờ Pháp không có được
Pháp, thường tự giác ngộ.

亦不極坐竟萬六千歲。即時悉受佛所說法。

Diệc bất cực tọa cánh vạn lục thiên tuế. Tức thời tất thụ Phật sở thuyết Pháp.

Cũng không mệt mỏi ngồi tới một vạn 6 nghìn năm. Tức thời nhận lấy tất cả Pháp được Phật nói.
諷誦通利音響和雅逮得總持。名普入諸聲。

Phúng tụng thông lợi âm hưởng hòa nhã đãi đắc Tổng-trì. Danh Phổ nhập chư thanh.

Đọc tụng thông suốt âm hưởng hòa nhã bắt được Tổng trì. Tên là Nhập khắp cả vào các âm
thanh.

皆令稽首為佛作禮。六十六姪諸天之眾。從其諮受為之給使。

Giai linh khể thủ vị Phật tác lễ. Lục thập lục cai chư Thiên chi chúng. Tông kỳ tư thụ vi chi cấp
sử.

Đều giúp cho phục đầu vì Phật làm lễ. 66 vạn vạn các chúng Cõi Trời. Theo đó hỏi thu nhận làm
việc cung cấp sai khiến.

身心精進隨時之安。不失所養奉事如來。

Thân tâm Tinh-tiến tùy thời chi an. Bất thất sở dưỡng phụng sự Như Lai.

Thân tâm Tinh tiến theo thời được yên ổn. Không mất được cúng dường cung kính việc của Như
Lai.

今現南方得成正覺。名一切德嚴。

Kim hiện Nam phương đắc thành Chính-giác. Danh Nhất Thiết Đức Nghiêm.

Nay ở phương Nam được thành Chính Giác. Tên hiệu Nhất Thiết Đức Nghiêm.

世界曰：德淨，於彼土地成最正覺。

Thế-giới viết : Đức Tịnh, ở đất Tịnh thành Tối Chính-giác.

Thế giới là Đức Tịnh, ở đất Tịnh đó thành Tối Chính Giác.

爾時世尊說此頌曰：

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử tụng viết：

Khi đó Thế Tôn đọc bài tụng đó nói rằng：

我憶宿命時 無數江沙劫

Ngã ức túc mệnh thời. Vô số giang sa Kiếp.

Ta nhớ thời Kiếp trước. Kiếp số như cát sông.

佛號辯嚴淨 雷音吼如來

Phật hiệu Biện Nghiêm Tịnh. Lô Âm Hống Như Lai.

Tên Phật Biện Nghiêm Tịnh. Lôi Âm Hống Như Lai.

有比丘持法 時在師子座

Hữu Tì-kheo trì Pháp. Thời tại Sư tử tọa.

Có Tì Kheo giữ Pháp. Lúc ngồi tòa Sư Tử.

講說是三昧 王太子聞之

Giảng thuyết thị Tam-muội. Vương Thái-tử văn chi.

Giảng thuyết Tam Muội đó. Thái Tử của Vua nghe.

好究竟衣被 以供養法師

Hảo cứu cánh y bị. Dĩ cúng dưỡng Pháp-sư.

Vui cuối cùng đem áo. Dùng cúng dưỡng Thầy Pháp.

普見諸佛尊 得佛阿彌陀

Phổ kiến chư Phật tôn. Đắc Phật A Di Đà.

Thấy khắp cả các Phật. Thành Phật A Di Đà.

其前世有罪 往宿之所犯

Kỳ tiền thế hữu tội. Vãng túc chi sở phạm.

Kiếp trước đó có tội. Xa xưa có vi phạm.

聞說斯慧味 皆盡無有餘

Văn thuyết tư Tuệ vị. Giai tận vô hữu dư.

Nghe nói vị Tuệ đó. Điều hết tận không còn.

有佛離垢月 說是三昧定

Hữu Phật Ly Cấu Nguyệt. Thuyết thị Tam-muội Định.

Có Phật Ly Cấu Nguyệt. Nói Tam Muội Định đó.

長者子聞之 敬尊便出家

Trưởng-giả tử văn chi. Kính tôn tiện Xuất-gia.

Con của Trưởng giả nghe. Kính trọng liền Xuất gia.

於萬六千歲 奉進是三昧

Ư vạn lục thiên tuế. Phụng tiến thị Tam-muội.

Với vạn 6 nghìn năm. Kính tiến Tam Muội đó.

未曾有睡眠 亦不住懈怠

Vị tăng hữu thụ miên. Diệc bất trụ giải đãi.

Chưa từng có ngủ say. Cũng không ở trong lười.

逮斯尊聖道 用聽受聞故

Đãi tư tôn Thánh đạo. Dụng thỉnh thụ văn cố.

Bất Đạo Tôn Thánh đó. Dùng tai cố nhận nghe.

不復還樂家 亦不慕恩愛

Bất phục hoàn lạc gia. Diệc bất mộ ân ái.

Không trở lại vui nhà. Cũng không mộ ân ái.

見不可計佛 皆從講諮受
Kiến bất khả kê Phật. Giai tông giảng tư thụ.
Thấy Phật không thể tính. Đều theo giảng hỏi nhận.
悉入諸道業 疾逮成佛道
Tất nhập chư đạo Nghiệp. Tật đãi thành Phật đạo.
Biết vào các Nghiệp Đạo. Nhanh được thành Đạo Phật.
諸願盡具足 其名悅人意
Chư nguyện tận cụ túc. Kỳ danh duyệt nhân ý.
Các nguyện đầy đủ hết. Tên nó Vui ý người.
逮時得佛道 誰不勤是業
Đãi thời đắc Phật đạo. Thùy bất cần thị Nghiệp.
Tới thời được Phật Đạo. Ai không siêng Nghiệp đó.
於將來之世 聞是慧印已
Ư Tương lai chi thế. Văn thị tuệ ấn dĩ.
Ở đời thời Tương lai. Đã nghe ấn Tuệ đó.
財業亦無安 出家無所貪
Tài Nghiệp diệc vô an. Xuất gia vô sở tham.
Tài Nghiệp cũng không yên. Xuất gia không có tham.
罵詈若撻打 誹謗來加之
Mạ lị nhược qua đả. Phi bàng lai gia chi.
Nhiếc mắng hay đánh đập. Tăng thêm lời phi bàng.
各各聞知法 宣布佛所說
Các các văn tri Pháp. Tuyên bố Phật sở thuyết.
Từng người nghe Pháp đó. Tuyên bố được Phật nói.
遭厄百千惱 能忍姪欲難
Tao ách bách thiên nảo. Năng nhẫn dâm dục nạn.
Gặp ách trăm nghìn nảo. Năng nhịn nạn dâm dục.
觀察塵勞患 自說成佛道
Quan sát trần lao hoạn. Tự thuyết thành Phật đạo.
Quan sát nạn Phiền nảo. Tự nói thành Đạo Phật.
夢中見於佛 自喜我正覺
Mộng trung kiến ư Phật. Tự hỉ ngã Chính-giác.
Trong mơ nhìn thấy Phật. Chính Giác tôi tự vui.
而樂斯及法 我不疑佛道
Nhi lạc tư cập Pháp. Ngã bất nghi Phật đạo.
Mà vui đó cùng Pháp. Tôi không nghi Đạo Phật.
倚求音響利 以聞斯經典

Ý cầu âm hưởng lợi. Dĩ văn tư Kinh điển.
Ý cầu âm hưởng thông. Do nghe Kinh điển đó.
自曉喻其心 不久成佛道
Tự hiểu dụ kỳ tâm. Bất cửu thành Phật đạo.
Tự hiểu rõ tâm đó. Không lâu thành Chính Giác.
聽是經要理 聞若事業
Thính thị Kinh yếu lý. Văn nhược can sự Nghiệp.
Nghe lý chính Kinh đó. Nghe rất nhiều sự Nghiệp.
無復有罣礙 所止如虛空
Vô phục hữu quái ngại. Sở chỉ như hư không.
Không lại có trở ngại. Nếu dùng như khoảng không.
於是出家 得無數利養
Ư thị dĩ xuất gia. Đắc vô số lợi dưỡng.
Vì thế do Xuất gia. Được vô số lợi dưỡng.
以用親族穢 生心相誹謗
Dĩ dụng thân tộc uế. Sinh tâm tương phi bang.
Do làm uế thân tộc. Sinh tâm cùng phi báng.
分厄除患業 依聞而存意
Phân ách trừ hoạn Nghiệp. Y văn nhi tồn ý.
Phân ách trừ Nghiệp nạn. Nghe theo mà ý còn.
反輕易他人 我以成佛道
Phản khinh dị tha nhân. Ngã dĩ thành Phật đạo.
Phản khinh dễ người khác. Tôi đã thành Đạo Phật.
得逮見成光 供養大聖主
Đắc đãi kiến thành quang. Cúng dưỡng Đại Thánh chủ.
Được bắt gặp thành quang. Cúng dưỡng Đại Thánh chủ.
行步自驚喜 謂已得佛道
Hành bộ tự kinh hỉ. Vị kỷ đắc Phật đạo.
Đi bộ vui tự sợ. Coi mình được Đạo Phật.
其有諛諂者 離道甚玄遠
Kỳ hữu du siểm giả. Ly đạo thậm huyền viễn.
Nếu có người siểm nịnh. Rời Đạo rất sâu xa.
數數懷愁憂 因輕他人故
Số số hoài愁憂. Nhân khinh tha nhân cố.
Thường lo nghĩ ưu sầu. Do nhân khinh người khác.
若有聞此經 則知得佛道
Nhược hữu văn thử Kinh. Tác tri đắc Phật đạo.
Nếu được nghe Kinh này. Chắc biết được Đạo Phật.

不久成正覺 得見阿彌陀

Bất cử thành Chính-giác. Đắc kiến A Di Đà.

Không lâu thành Chính Giác. Được thấy A Di Đà.

依倚顛倒者 亦去道迢遠

Y ý điên đảo giả. Diệc khứ Đạo quýnh viễn.

Người đảo lộn dựa dẫm. Cũng bỏ đường xa vắng.

若有不順本 佛不授彼決

Nhược hữu bất thuận bản. Phật bất thụ bĩ quyết.

Nếu vốn dĩ không thuận. Phật không cho quyết đó.

觀斯長者子 施與財寶藏

Quan tư Trưởng-giả tử. Thí dữ tài Bảo-tạng.

Xem con Trưởng giả đó. Ban cho tiền kho báu.

然後行出家 家家而行乞

Nhiên hậu hành Xuất-gia. Gia gia nhi hành khát.

Sau đó hành Xuất gia. Mà xin ăn từng nhà.

從定光如來 曾聞如斯義

Tòng Định Quang Như Lai. Tăng văn như tư nghĩa.

Theo Định Quang Như Lai. Từng nghe nghĩa như thế.

如是像三昧 精勤敬奉行

Như thị tượng Tam-muội. Tinh cần kính phụng hành.

Cảnh Tam Muội như thế. Tinh cần cung kính hành.

佛言：菩薩行道，以大慈悲護於十方。

Phật ngôn : Bồ-tát hành đạo, dĩ Đại Từ Bi hộ ư Thập phương.

Phật nói rằng : Bồ Tát hành đạo, dùng Đại Từ Bi bảo vệ ở 10 phương.

及化他人諸不逮者。以六度無極四等四恩六通善權。

Cập hóa tha nhân chư bất đãi giả. Dĩ Lục-độ vô cực Tứ-đẳng Tứ-ân Lục-thông thiện xảo.

Cùng với giáo hóa người khác và người không bắt được. Dùng Pháp tới Niết Bàn, Từ Bi Hỷ Xả, 4 ân, 6 Thần thông, thiện xảo Phương tiện.

化眾生類。所度無底使長安隱。

Hóa chúng sinh loại. Sở độ vô để sử trường an ẩn.

Giáo hóa các loại chúng sinh. Độ thoát được không có đáy làm cho yên ổn lâu dài.

各捨家業興隆道法。為雨甘露宣傳經典。

Các xả gia Nghiệp hưng long Đạo Pháp. Vị vủ Cam-lộ tuyên truyền Kinh điển.

Họ buông bỏ Nghiệp nhà hưng thịnh Đạo Pháp. Vì tưới Cam Lộ tuyên truyền Kinh điển.

猶如良醫以藥療眾風寒熱病三合之病悉為消除。

Do như lương y dĩ dược liệu chúng phong hàn nhiệt bệnh tam hợp chi bệnh tất vi tiêu trừ.

Giống như thầy thuốc dùng thuốc chữa các bệnh phong hàn, phong nhiệt, 3 hòa hợp bệnh được tiêu trừ tất cả.

心有四病：一曰貪婬。二曰瞋恚。三曰癡冥。四曰吾我。

Tâm hữu tứ bệnh : Nhất viết : Tham dâm, nhị viết : Sân khuể, tam viết : Si minh, tứ viết : Ngô ngã.

Tâm có 4 bệnh : Một là : Tham dâm, hai là : Thù hận giận hờn, ba là : Ngu tối, bốn là : Tôi ta.
以慧正義刈斯四病悉消無餘。致十種力四無所畏。

Dĩ Tuệ chính nghĩa ngải tư tứ bệnh tất tiêu vô dư. Trí thập chủng lực Tứ vô sở úy.

Dùng Trí tuệ nghĩa đúng giải cứu 4 bệnh đó tiêu trừ hết tất cả. Đem tới 10 loại Lực 4 không sợ hãi.

譬如日出眾冥消滅不知所去。以善權慧振大聖耀照于三界。

Thí như Nhật xuất chúng minh tiêu diệt bất tri sở khứ. Dĩ thiện quyền tuệ chấn Đại Thánh diệu chiếu vu Tam-giới.

Ví như mặt Trời mọc tiêu diệt các bóng tối không biết nơi mất đi. Dùng thiện quyền Tuệ chấn động quang sáng của Đại Thánh chiếu tới 3 Cõi giới.

五陰六衰十二牽連。自然為消不知所趣。

Ngũ-âm Lục-suy Thập nhị khiên liên. Tự nhiên vi tiêu bất tri sở thú.

Năm Uẩn 6 suy 12 Nhân duyên. Tự nhiên được tiêu trừ không biết nơi hướng tới.

猶月在冥消夜眾闇自然為明。菩薩如是。

Do Nguyệt tại minh tiêu dạ chúng ám tự nhiên vi minh. Bồ-tát như thị.

Như mặt Trăng ở trong đêm tối tiêu trừ các bóng tối đêm tự nhiên được sáng. Bồ Tát cũng lại như thế.

以道慧明處生死界。三垢之穢心無所著。

Dĩ đạo tuệ minh xử sinh tử giới. Tam cấu chi uế tâm vô sở trước.

Dùng Trí tuệ Đạo soi sáng nơi Thế giới sinh chết. Tham Sân Si ô uế tâm không có nương nhờ.
開化終始無窮之患。逮得三昧無所從生。度脫一切。

Khai hóa chung thủy vô cùng chi hoạn. Đãi đắc Tam-muội vô sở tông sinh. Độ thoát nhất thiết.
Đầu cuối khai hóa không cùng hoạn nạn. Bất được Tam Muội không có theo sinh. Độ thoát tất cả.

猶若大海出諸珍琦殊異之寶。

Do nhược đại hải xuất chư trân kỳ thù dị chi bảo.

Giống như biển lớn sinh ra các châu báu đặc biệt kì dị.

其人採者靡不充備各得盈滿。菩薩如是。

Kỳ nhập thái giả mị bất sung bị các đắc doanh mãn. Bồ-tát như thị.

Nếu người vào lấy tất cả đều đầy đủ họ được thỏa mãn. Bồ Tát như thế.

入大乘海擇取開士玄妙之法。嚴治道場三脫之門。

Nhập Đại-thừa hải trạch thủ Khai-sĩ huyền diệu chi Pháp. Nghiêm trị Đạo-tràng tam thoát chi môn.

Nhập vào biển Đại Thừa chọn nhặt các Pháp Bồ Tát huyền diệu. Đạo tràng nghiêm túc sửa trị 3 môn Giải thoát.

周旋三世救濟危厄。猶轉輪王典主四域天下戴仰。

Chu toàn Tam-thế cứu tế nguy ách. Do Chuyển-luân Vương điển chủ tứ vực Thiên hạ đỏi ngưỡng.

Vật lộn 3 Đồi cứu giúp nguy ách. Như Vua Chuyển Luân, chủ đất 4 khu vực Thiên hạ kính ngưỡng.

菩薩如是。周流一切生老病死。具四等心化此四病永使無餘。

Bồ-tát như thị. Châu lưu nhất thiết sinh lão bệnh tử. Cụ Tứ đẳng-tâm hóa thử tứ bệnh vĩnh sử vô dư.

Bồ Tát như thế. Lưu chuyển vòng quanh tất cả sinh già bệnh chết. Đủ Từ Bi Hỉ Xả hóa giải 4 bệnh vĩnh viễn làm cho hết sạch.

終始朽亡忽然沒盡不知所處。譬如船師度人往反而無窮極。

Chung thủy hủ vong hốt nhiên một tận bất tri sở xứ. Thí như thuyền Sư độ nhân vãng phản nhi vô cùng cực.

Đầu đuôi hồng mắt bỗng nhiên chìm hết không biết nơi ở. Ví như người lái thuyền, vượt qua người qua lại mà không cùng cực.

以菩薩藏總持之篋。敷演深要道法之真。

Dĩ Bồ-tát tạng Tổng-trì chi khiếp. Phu diễn thâm yếu Đạo Pháp chi chân.

Dùng Bồ Tát tạng Tổng trì làm chiếc rương. Phổ diễn Đạo Pháp thâm sâu trọng yếu là chân thực.

遊無數劫不以為勞。猶如二親生養其子至今長大成就為人。

Du vô số Kiếp bất dĩ vi lao. Do như nhị thân sinh dưỡng kỳ tử chí linh trường đại thành tựu vi nhân.

Qua vô số Kiếp không lấy làm lao khổ. Giống như Cha mẹ sinh dưỡng con của họ tới lúc cao lớn là người thành đạt.

菩薩如是。以法權智行大慈悲。

Bồ-tát như thị. Dĩ Pháp Quyền-Trí hành Đại Từ Bi.

Bồ Tát như thế. Dùng Pháp quyền Trí hành Đại Từ Bi.

勸化愚冥使發道心。五戒十善四等四恩。

Khuyến hóa ngu minh sử phát Đạo tâm. Ngũ-giới Thập-thiện Tứ-đẳng Tứ-ân.

Khuyến giáo hóa ngu tối khiến cho phát tâm Đạo. Năm Giới, 10 Nghiệp thiện, 4 tâm Bình đẳng, 4 ân.

六度無極。行權方便普至十方。

Lục-độ vô cực. Hành quyền Phương-tiện phổ chí Thập phương.

Sáu Pháp tới Niết Bàn. Hành quyền Phương tiện tới khắp cả 10 phương.

具足十住一生補處。無上正真成最正覺。

Cụ túc Thập-trụ Nhất-sinh-bổ-xứ. Vô-thượng Chính-chân thành Tối Chính-giác.

Đầy đủ 10 Bậc Bồ Tát ở lại, một lần sinh thành Phật. Bình Đẳng Chân Chính thành Tối Chính Giác.

度脫一切溺在生死。使心坦然反流達源。

Độ thoát nhất thiết nịch tại sinh tử. Sử tâm thân nhiên phản lưu đạt nguyên.

Độ thoát tất cả chìm nổi trong sinh chết. Làm cho tâm thanh thân lưu chuyển ngược lại thông tới nguồn.

猶如種樹漸生根芽莖節枝葉華實結茂。

Do như chủng thụ tiệm sinh căn nha hành tiết chi diệp hoa thực kết mậu.

Giống như trồng cây dần dần sinh gốc mầm thân cành lá hoa quả kết trái nhiều.

菩薩如是。從初發心便得喜意。

Bồ-tát như thị. Tông sơ phát tâm tiện đắc hỷ ý.

Bồ Tát như thế. Từ đầu tiên phát tâm liền được ý vui vẻ.

身意休息無有五陰三塗之患八難之苦備悉六度。

Thân ý hưu tức vô hữu Ngũ-âm Tam-đồ chi hoạn Bát-nạn chi khổ bị tất Lục-độ.

Thân ý nghỉ ngơi không có 5 Uẩn, hoạn nạn của 3 Đạo ác, khổ của 8 nạn đầy đủ 6 Pháp tới Niết Bàn.

施戒忍進禪思智慧。無所從生永無所猗悉無眾計。

Thí Giới Nhẫn Tiến Thiền-tư Trí tuệ. Vô sở tông sinh vĩnh vô sở y tất vô chúng kế.

Bồ Thí, giữ Giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Thiền trí, Trí tuệ. Không có theo sinh, vĩnh viễn không có ý lại, đều không có các tính kế.

不復覩我人身壽命有無之元。在所而現多所救濟。

Bất phục đồ Ngã nhân thân thọ mệnh hữu vô chi nguyên. Tại sở nhi hiện đa sở cứu tế.

Không trở lại nhìn thấy bản thân người, thân thọ mệnh, có không có được vốn có. Tại nơi ở mà hiện ra cứu giúp được nhiều.

生老病死經存在世。六事法住善權隨時導利眾生。

Sinh lão bệnh tử kinh tồn Tại-thế. Lục-sự Pháp trụ thiện quyền tùy thời đạo lợi chúng sinh.

Sinh già bệnh chết trải qua còn sống ở Đời. Pháp 6 việc ở trong quyền thiện thuận thời hướng dẫn lợi ích chúng sinh.

不使迷惑為愚癡冥罪蓋所覆。淨如虛空不畏眾難。

Bất sử mê hoặc vi ngu si minh tội cái sở phúc. Tịnh như hư không bất úy chúng nạn.

Không làm cho mê hoặc bị ngu si u tối vòng tội che phủ. Thanh tịnh như không, không sợ các nạn.

殊勝之慧不死之藥。以療一切往來之厄。

Thù thắng chi tuệ bất tử chi dược. Dĩ liệu nhất thiết vãng lai chi ách.

Trí tuệ đặc biệt thuốc không chết. Dùng điều trị tất cả tai ách vãng tới.

猶如長者生子眾多。各為興起十重高閣。

Do như Trưởng-giả sinh tử chúng đa. Các vi hưng khởi thập trọng cao các.

Giống như Trưởng giả sinh nhiều con. Họ làm hưng khởi dựng lầu các cao 10 lầu.

使諸太子遊戲閣上作眾伎樂以娛上下諸遊觀者。

Sử chư Thái-tử du hí các thượng tác chúng kỹ nhạc dĩ ngu thượng hạ chư du quán giả.

Làm cho các Thái Tử vui đùa trên gác, đánh các kĩ nhạc, do vui chơi ở trên dưới và xem vui chơi.

世尊如是。以無蓋慈無極大哀。

Thế Tôn như thị. Dĩ vô cái Từ vô cực đại ai.

Thế Tôn như thế. Do Từ không che phủ thương chưa cực đại.

行權方便化導三界眾生之類。開示階路，十住本末從初發心。

Hành quyền Phương-tiện hóa đạo Tam giới chúng sinh chi loại. Khai thị giai lộ, Thập-trụ bản末 tông sơ phát tâm.

Hành quyền Phương tiện giáo hóa hướng dẫn các loại chúng sinh của 3 Cõi giới. Khai sáng bậc đường, nguồn ngọn 10 Bậc Bồ Tát ở lại từ ban đầu phát tâm.

見者喜悅莫不發意。從一住起行菩薩道。布施救窮。

Kiến giả hỉ duyệt mạc bất phát ý. Tông Nhất-Trụ khởi hành Bồ-tát đạo, Bồ-thí cứu cùng.

Nhìn thấy vui vẻ tất cả đều phát ý. Từ Bậc Hoan Hỉ khởi hành Đạo Bồ Tát, Bồ thí cứu hết.

三界之匱貧於道者施以七財。以一切智正真之戒。

Tam-giới chi quĩ bần ư đạo giả, thí dĩ thất tài. Dĩ nhất thiết Trí Chính-chân chi Giới.

Người nghèo khó thiếu thốn của 3 Cõi giới với Đạo, dùng 7 tài vật đem cho. Dùng tất cả Trí tuệ Chân Chính và Giới.

堅住菩薩無極之慧。不中取證。

Kiên trụ Bồ-tát vô cực chi Tuệ. Bất trung thủ chứng.

Vững ở trong Bồ Tát Trí tuệ vô cùng. Không ở trong đó cầm giữ chứng nghiệm.

學仁和意篤信三寶入無極慈。立無盡哀具四等心。

Học nhân hòa ý đốc tín Tam-Bảo nhập vô cực Từ. Lập vô tận ai cụ Tứ-đẳng tâm.

Học ý nhân hòa ý đốc lòng tin Phật Pháp Tăng nhập vào Từ vô hạn. Lập dựng thương xót vô tận, đầy đủ 4 tâm Bình đẳng.

四等已具成就五通。五通已成備悉六度。

Tứ đẳng dĩ cụ thành tựu Ngũ-thông. Ngũ-thông dĩ thành bị tất Lục-độ.

Bốn Bình đẳng đã đầy đủ, thành công 5 Thần thông. Năm Thần thông đã thành công, đầy đủ tất cả 6 Pháp tới Niết Bàn.

六度已達得柔順忍。已逮斯忍名曰第二。

Lục-độ dĩ đạt đắc Nhu-thuận Nhẫn. Dĩ逮 tư Nhẫn danh viết Đệ-nhị.

Sáu Pháp tới Niết Bàn đã thông tỏ được Nhu thuận Nhẫn. Đã nắm bắt được Nhẫn đó tên là Bậc 2.

第三響忍。解一切響本悉空寂。

Đệ-tam Hưởng Nhẫn. Giải nhất thiết hưởng bản tất Không-tịch.

Bậc 3 Hưởng Nhẫn. Hiểu tất cả âm hưởng vốn dĩ tất cả Rỗng không Im lặng.

三界之音皆虛無實無一真諦。以了是義。

Tam-giới chi âm giai hư vô thực vô nhất chân đế. Dĩ liễu thị nghĩa.

Âm thanh của 3 Cõi giới đều ảo không thực, không có một chút chân thực. Do hiểu rõ nghĩa đó.

因斯漸入無所從生法忍。悉暢三界皆無根本五趣無元。

Nhân tư tiệm nhập vô sở tông sinh Pháp-nhẫn. Tất sướng Tam-giới giai vô căn bản Ngũ-thứ vô nguyên.

Nhân do nó dần nhập vào Pháp Nhẫn không có từ sinh. Biết thông suốt 3 Cõi giới vốn dĩ đều không có gốc, 5 Đạo vốn dĩ không có.

了斯慧者。乃逮無所從生法忍。

Liễu tư Tuệ giả, nãi dãi vô sở tông sinh Pháp-nhẫn.

Biết rõ Trí tuệ đó, mới bắt được Pháp Nhẫn không có từ sinh.

入諸所生心無所生。猶如虛空無憎無愛。因便受決。

Nhập chư sở sinh tâm vô sở sinh. Do như hư không vô tăng vô ái. Nhân tiện thụ quyết.

Nhập vào các nơi sinh tâm không có sinh. Giống như khoảng không không yêu không ghét. Nhân đó liền được quyết định thu nhận.

已得受決致現在定見十方佛。

Dĩ đắc thụ quyết trí Hiện-tại Định kiến Thập phương Phật.

Đã được quyết định thu nhận đem tới Định hiện tại nhìn thấy Phật 10 phương.

猶如明人其目清徹。虛空無雲夜觀星宿。

Do như minh nhân kỳ mục thanh triệt. Hư không vô vân dạ quan tinh tú.

Giống như người thông minh mắt họ trong suốt. Khoảng không không có mây, ban đêm quan sát thấy các vì sao.

東西南北仰瞻虛空。星宿無限悉知其處。菩薩如是。

Đông Tây Nam Bắc ngưỡng chiêm hư không. Tinh tú vô hạn tất tri kỳ xứ. Bồ-tát như thị.

Đông Tây Nam Bắc ngửa mặt nhìn khoảng không. Sao Trời vô hạn biết tất cả nơi ở của nó. Bồ Tát như thế.

得現在定覩於十方一切諸佛。悉知處所名號教訓。

Đắc Hiện-tại Định đở ư Thập phương nhất thiết chư Phật. Tất tri xứ sở danh hiệu giáo huấn .

Được Định Hiện tại nhìn thấy tất cả các Phật 10 phương. Biết tất cả nơi ở tên hiệu giáo huấn.

菩薩弟子眷屬多少。說法所度悉知其數。

Bồ-tát đệ-tử quyến thuộc đa thiểu. Thuyết Pháp sở độ tất tri kỳ số.

Bao nhiêu Bồ Tát Đệ Tử quyến thuộc. Nói Pháp biết tất cả số lượng họ được cứu độ.

從三昧起為人說法行眾空慧。其聞所說。

Tòng Tam-muội khởi vị nhân thuyết Pháp hành chúng không Tuệ. Kỳ văn sở thuyết.

Thức dậy từ Tam Muội vì người nói Pháp thực hành các Tuệ rỗng không. Họ nghe được nói.

皆發無上正真道意。從是積行正領國土。

Giai phát Vô-thượng Chính-chân Đạo ý. Tòng thị tích hạnh chính lĩnh Quốc-thổ.

Đều phát ý Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Từ đó tích lũy hạnh, chính thức thu nhận Đất nước.

教訓眾生見其根本。應病與藥令得服行。

Giáo huấn chúng sinh kiến kỳ căn bản. Ứng bệnh dĩ dược linh đắc phục hành.

Giáo huấn chúng sinh nhìn thấy căn bản đó. Tùy bệnh cho thuốc giúp cho được uống thuốc.

上中下心而開化之各令得所。

Thượng trung hạ tâm nhi khai hóa chi các linh đắc sở.

Tâm cao giữa thấp mà khai hóa giúp họ được nơi ở.

猶如聖王有子眾多隨才敘用。或為太子，後立國主典四天下。

Do như Thánh Vương hữu tử chúng đa tùy tài tự dụng. Hoặc vi Thái-tử, hậu lập quốc chủ điển tứ Thiên-hạ.

Giống như Thánh Vương có nhiều con trai tùy theo tài mà trọng dụng. Hoặc là Thái Tử về sau làm chủ Đất nước sai khiến 4 Thiên hạ.

或為大臣，侍其左右以自衛身。或為使者宣帝王命。

Hoặc vi Đại thần, thị kỳ tả hữu dĩ tự vệ thân. Hoặc vi sứ giả tuyên Đế-vương mệnh.

Hoặc là Đại thần, trợ giúp hai bên, người đó do tự thân bảo vệ. Hoặc là sứ giả tuyên đọc mệnh lệnh của Đế Vương.

菩薩如是教化一切。隨上中下而開導之。

Bồ-tát như thị giáo hóa nhất thiết. Tùy thượng trung hạ nhi khai đạo chi.

Bồ Tát như thế giáo hóa tất cả. Tùy theo cao giữa thấp mà khai sáng hướng dẫn.

或顯菩薩無上正真。解本際一定之慧。

Hoặc hiển Bồ-tát Vô-thượng Chính-chân. Giải bản tế nhất Định chi tuệ.

Hoặc hiện ra rõ Bồ Tát Bình Đẳng Chân Chính. Hiểu Trí tuệ của một Định vốn có giới hạn.

有佛無佛相住如故。心不入深不了是教。

Hữu Phật vô Phật tương trụ như cố. Tâm bất nhập thâm bất liễu thị giáo.

Có Phật không có Phật cùng nhau ở như cũ. Tâm không nhập thâm sâu, không hiểu rõ giáo lý.

或示緣覺誘進前之。至無窮慧乃達聖明。

Hoặc thị Duyên-giác dụ tiến tiền chi. Chí vô cùng tuệ nãi đạt Thánh minh.

Hoặc hiện ra Duyên Giác dụ dẫn tiến lên phía trước. Tối Tuệ vô cùng mới thông tỏ sáng suốt của Thánh.

本無二故，猶水眾流會歸于海合為一味。

Bản vô nhị cố, do thủy chúng lưu hội quy vu hải, hợp vi nhất vị.

Do vốn dĩ không có 2, như các dòng chảy của nước quy tụ về biển hợp lại thành một vị.

見畏生死三界之患。地獄餓鬼畜生之厄。

Kiến úy sinh tử Tam-giới chi hoạn. Địa-ngục Ngạ-quỷ Súc-sinh chi ách.

Nhìn thấy lo sợ sinh chết hoạn nạn của 3 Cõi giới. Ách nạn Địa ngục Quỷ đói Súc sinh.

畏苦厭身而求聲聞。故為宣示生死之難輪轉無際。

Úy khổ yếm thân nhi cầu Thanh-văn. Cố vị tuyên thị sinh tử chi nạn luân chuyển vô tế.

Sợ khổ chán thân mà cầu Bạch Thanh Văn. Cố vì nói hiện ra nạn ách sinh chết đó. Luân chuyển không có giới hạn.

展轉五趣而無竟已。咨嗟讚歎泥洹之快。

Triển chuyển Ngũ-thú nhi vô cánh dĩ. Tư ta tán thán Nê-hoàn chi khoái.

Chuyển rộng ra 5 Đạo mà đã không có cuối cùng. Bàn luận thương xót ca ngợi vui thích Thanh tịnh Niết Bàn.

不生不老不病不死。不飢不渴不寒不熱。

Bất sinh bất lão bất bệnh bất tử. Bất cơ bất khát bất hàn bất nhiệt.

Không sinh không già không bệnh không chết. Không đói không khát không lạnh không nóng. 無怨無結。不開不閉無憂無喜。

Vô oán vô kết, bất khai bất bế vô ưu vô hỉ.

Không oán không kết không mở không đóng không buồn không vui.

無尊無卑不連不斷。無往無反無合無散。

Vô tôn vô ti bất liên bất đoạn. Vô vãng vô phản vô hợp vô tán.

Không cao quý không thấp hèn không liên tục không đứt đoạn. Không tới không trở lại không hợp không tan.

長離眾難與道通同。因詠難易苦安之路。

Trường ly chúng nạn dữ đạo thông đồng. Nhân vịnh nạn dị khổ an chi lộ.

Tăng cao rời xa các nạn ách cùng với Đạo thông đồng. Nhân do ca ngợi khó dễ con đường khổ yên ổn.

使學無為稍稍牽前乃至大道。猶如四瀆入海一味無若干別。

Sử học Vô-vi sảo sảo khiên tiền nãi chí Đại Đạo. Do như tứ độc nhập hải nhất vị vô nhược can biệt.

Nếu học Rỗng không dần dần dẫn ra trước mới tới Đạo lớn. Giống như 4 sông đổ vào biển một vị không nhiều khác biệt.

三乘如是至竟窮達會致一至。

Tam-thừa như thị chí cánh cùng đạt hội trí nhất chí.

Ba Bậc như thế thông suốt tới tận cùng gặp nhau đem tới tột bậc.

無上正真無際本淨。逮至十住名曰勇伏。

Vô-thượng Chính-chân vô tế bản tịnh. Đãi chí Thập-trụ danh viết Dũng phục.

Bình Đẳng Chân Chính không có giới hạn vốn dĩ Thanh tịnh. Bắt được Bậc 10 ở lại, tên là Dũng mãnh hàng phục.

所以名曰勇伏者何？猶如猛將大軍之師。

Sở dĩ danh viết Dũng phục giả hà？Do như mãnh tướng Đại quân chi sư.

Nếu lấy tên là Dũng mãnh hàng phục là thế nào？Giống như Tướng dũng mãnh chỉ huy đại quân.

將諸兵眾降伏嚴敵靡不折伏。菩薩如是逮勇伏定。

Tướng chư binh chúng hàng phục nghiêm địch mị bất chiết phục. Bồ-tát như thị đãi dũng phục Định.

Tướng và quân lính hàng phục nghiêm túc, quân địch tất cả đều bị bẻ gãy hàng phục. Bồ Tát như thế bắt được Định dũng mãnh hàng phục.

周旋三界有無之上。以道炤心莫不通徹。

Chu toàn Tam-giới hữu vô chi thượng. Dĩ Đạo chiếu tâm mạc bất thông triệt.

Vật lộn 3 Cõi giới Có, Không có là cao nhất. Dùng Đạo soi sáng tâm, tất cả đều thông tỏ.

各自歸之咸發道心。坐佛樹下降伏眾魔度脫十方。

Các tự quy chi hàm phát Đạo tâm. Tọa Phật thụ hạ hàng phục chúng Ma độ thoát Thập phương.

Họ tự theo trở về đều phát tâm Đạo. Phật ngồi dưới cây hàng phục các Ma độ thoát 10 phương.

佛爾時頌曰：

Phật nhĩ thời tụng viết：

Phật khi đó đọc bài tụng：

菩薩行大慈 常自調其心

Bồ-tát hành Đại Từ. Thường tự điều kỳ tâm.

Bồ-tát hành Đại Từ. Thường tự chỉnh tâm họ.

并化他眾生 所開度常安

Tịnh hóa tha chúng sinh. Sở khai độ thường an.

Dạy hết chúng sinh khác. Khai sáng cứu thường yên.

醫療風寒熱 菩薩消三毒

Y liệu phong hàn nhiệt. Bồ-tát tiêu Tam-độc.

Thuốc chữa gió nóng lạnh. Bồ Tát tiêu 3 Độc.

日出眾冥盡 導化消牽連

Nhật xuất chúng minh tận. Đạo hóa tiêu khiên liên.

Trời sáng hết các tối. Dẫn dạy tan liên lụy.

長者十重閣 十住轉進然

Trưởng-giả thập trọng các. Thập-trụ chuyển tiến nhiên.

Trưởng giả lầu 10 tầng. Mười Bạc chuyển tiến lên.

如樹漸長茂 初發成道如

Như thụ tiệm trường mậu. Sơ phát thành Đạo như.

Như cây dần cao tốt. Như mới phát thành Đạo.

愚出為沙門 心存親里眷

Ngu xuất vi Sa-môn. Tâm tồn thân lý quyến.

Mất ngu làm Sa Môn. Tâm còn làng thân quyến.

利物負重擔 心樂在家中

Lợi vật phụ trọng đảm. Tâm lạc tại gia trung.

Vật lợi trọng trách lớn. Tâm vui ở trong nhà.

不以聞淨法 不出家無戒

Bất dĩ văn Tịnh Pháp. Bất Xuất gia vô giới.

Không vì nghe Pháp Tịnh. Không Xuất gia không Giới.

成就至佛道 是學無放逸

Thành tựu chí Phật đạo. Thệ học vô phóng dật.

Thành công tới Đạo Phật. Học không có phóng túng.

末世若學此 得聞斯經典
Mạt thế nhược học thử. Đắc văn tư Kinh điển.
Hết thời nếu học nó. Được nghe Kinh điển đó.
以供養利故 求名行誹謗
Dĩ cúng dưỡng lợi cố. Cầu danh hành phi báng.
Cố do lợi cúng dưỡng. Cầu danh hành phi báng.
在前稽首禮 歎言甚善哉
Tại tiền khê thủ lễ. Thán ngôn thậm Thiện tai.
Ở trước phục đĩnh lễ. Khen rằng rất thiện thay.
與其別去後 便當說其惡
Dữ kỳ biệt khứ hậu. Tiệ đương thuyết kỳ ác.
Với nó sau bỏ biệt. Liền đang nói ác đó.
佯愁而雨淚 自歸念其身
Dương sầu nhi vũ lệ. Tự quy niệm kỳ thân.
Ưu sầu mà rơi lệ. Tự về nhớ thân đó.
因在眾會中 傳說其惡行
Nhân tại chúng hội trung. Truyền thuyết kỳ ác hành.
Nhân ở trong hội chúng. Truyền nói hành ác đó.
不欲敬奉師 不順長聖命
Bất dục kính phụng Sư. Bất thuận trường Thánh mệnh.
Không muốn cung kính Thầy. Không thuận tăng mệnh Thánh.
己身求其勝 亂寂常調淨
Kỷ thân cầu kỳ thắng. Loạn tịch thường vị Tịnh.
Tự thân cầu được nó. Loạn vắng thường coi là sạch.
欲毀他功德 自歎勳無限
Dục hủy tha Công-đức. Tự thán huân vô hạn.
Muốn hủy công Đức khác. Tự khen công vô hạn.
知尊而懷嫉 妬他得供養
Tri tôn nhi hoài tật. Đố tha đắc cúng dưỡng.
Biết kính mà nhớ gét. Gét người được cúng dưỡng.
華香及衣被 伎樂幢幡蓋
Hoa hương cập y bị. Kĩ nhạc tràng phan cái.
Hoa hương cùng túi áo. Kĩ nhạc tràng phan cái.
供養佛舍利 自謂已見佛
Cúng dưỡng Phật Xá-lợi. Tự vị dĩ kiến Phật.
Cúng dưỡng Xá Lợi Phật. Tự coi đã thấy Phật.
若聞斯經典 乃為真供養

Nhược văn tư Kinh điển. Nãi vi chân cúng dưỡng.
Nếu nghe Kinh điển đó. Mới là thực cúng dưỡng.
捐捨一切樂 常學是要行
Quyên xả nhất thiết lạc. Thường học thị yếu hạnh.
Buông bỏ tất cả vui. Thường học hạnh chính đó.
用為奉己身 能捨斯陰蓋
Dụng vi phụng kỷ thân. Năng xả tư Âm-cái.
Dùng làm tự thân kính. Năng bỏ vòng Uẩn đó.
當恭敬於經 猶如須菩提
Đương cung kính ư Kinh. Do như Tu-bồ-đề.
Cần cung kính với Kinh. Giống như Tu Bồ Đề.
棄忽貪愛命 常習在閑居
Khí hốt tham ái mệnh. Thường tập tại nhàn cư.
Bỏ bỏ tham yêu mệnh. Thường học nơi im vắng.
勤修是道經 壽在世且盡
Cần tu thị Đạo Kinh. Thọ Tại-thê thả tận.
Cần tu Kinh Đạo đó. Thọ ở đời gần hết.
今告於喜王 聞斯所行業
Kim cáo ư Hỉ-vương. Văn tư sở hành Nghiệp.
Nay bảo cho Hỉ Vương. Nghe nó nếu hành Nghiệp.
自知伏其意 既信奉順行
Tự tri phục kỳ ý. Ký tín phụng thuận hành.
Tự biết thuận ý đó. Đã tin kính thuận hành.
常誹謗於佛 是言真不真
Thường phi báng ư Phật. Thị ngôn chân bất chân.
Thường phi báng tới Phật. Lời đó thực không thực.
在於四部眾 還自謂真諦
Tại ư Tứ bộ Chúng . Hoàn tự vị chân đế.
Ở trong 4 Bộ Chúng. Tự về coi chân thực.
其貪利養業 不樂佛正道
Kỳ tham lợi dưỡng Nghiệp. Bất nhạo Phật Chính-đạo.
Nghiệp tham lợi dưỡng đó. Không thích Đạo Phật đúng.
是等謂見敬 去解脫甚遠
Thị đẳng vị kiến kính. Khứ Giải-thoát thậm viễn.
Cũng như coi thấy kính. Tới Giải thoát rất xa.
其吾大神足 於是現大勢
Kỳ ngô đại Thần-túc. Ư thị hiện đại thê.
Thần biến lớn của Ta. Vì thể hiện thể lớn.

皆以護禁法 奉行故得道

Giai dĩ hộ cấm Pháp. Phụng hành cố đắc Đạo.

Đều do giữ Pháp cấm. Cố kính hành được Đạo.

總持尊戒法 行如愚不及

Tổng-trì tôn Giới Pháp. Hành như ngu bất cập.

Tổng trì Pháp kính Giới. Làm như ngu không theo.

悉捨於貪利 習寂在閑居

Tất xả ư tham lợi. Tập tịch tại nhàn cư.

Bỏ tất cả tham lợi. Học im tại nơi vắng.

今佛建立斯 佛所說不虛

Kim Phật kiến lập tư. Phật sở thuyết bất hư.

Nay Phật thiết lập nó. Được Phật nói không sai.

後將來末世 是經在其所

Hậu Tương-lai mạt thế. Thị Kinh tại kỳ sở.

Tương lai sau hết thời. Kinh đó tại nơi họ.

值光明無量 復見無怒覺

Trực Quang-minh vô lượng. Phục kiến vô nộ giác.

Gặp vô lượng Quang minh. Lại thấy tỉnh không giận.

六十二億佛 眾會咸共見

Lục thập nhị ức Phật. Chúng hội hàm cộng kiến.

Sáu mươi hai triệu Phật. Hội Chúng đều cùng thấy.

佛悉囑累是 然後護是法

Phật tất chúc lũy thị. Nhiên hậu hộ thị Pháp.

Biết Phật phó thác nó. Về sau giữ Pháp đó.

以是經見印 然後共將護

Dĩ thị Kinh kiến ấn. Nhiên hậu cộng tương hộ.

Dùng Kinh đó thấy ấn. Sau đó cùng nhau giữ.

時雨細微華 三千世天人

Thời vũ tế vi hoa. Tam thiên thế Thiên-nhân.

Khi rắc hoa nhỏ bé. Người Trời 3 nghìn Nước.

悉咸咨嗟之 用聞斯法故

Tất hàm tư ta chi. Dụng văn tư Pháp cố.

Đều bàn luận tất cả. Do vì nghe Pháp đó.

爾時喜王菩薩三萬人俱。聞佛所說目為淚出。

Nhĩ thời Hỷ-vương Bồ-tát tam vạn nhân câu. Văn Phật sở thuyết mục vi lệ xuất.

Khi đó Hỷ Vương Bồ Tát 3 vạn người tham dự. Nghe được Phật nói mắt bị rơi lệ.

恭恪悚慄衣毛為豎。偏出右臂從坐而起。叉手同音白佛。

Cung khác từng lật y mao vi thụ. Thiên xuất hữu tý tòng tọa nhi khởi. Xoa thủ đồng âm bạch Phật.

Cung kính sợ hãi lông áo dựng ngược. Duỗi nghiêng chân phải từ chỗ ngồi đứng dậy. Chắp tay cùng âm bạch Phật.

我等世尊！將來末俗五濁惡世不輕法師。

Ngã đẳng Thế Tôn ! Tương-lai mặt tục Ngũ-tục ác thế bất khinh Pháp-sư.

Thế Tôn Chúng con ! Tương lai đời 5 tục ác đời tục hết không khinh thường Thầy Pháp.

若有不敬欲壞普明一切智者。臨法欲盡少於學識明不能多。

Nhược hữu bất kính dục hoại phổ minh nhất thiết Trí giả. Lâm Pháp dục tận thiểu ư học thức minh bất năng đa.

Nếu có không kính trọng muốn phá hoại tất cả Trí tuệ sáng khắp cả. Pháp sắp muốn hết tận học thức ít, Trí sáng không thể nhiều.

清白政法垂欲盡時。畏法無常。法欲亂時沒其身壽。

Thanh bạch chính Pháp thùy dục tận thời. Úy Pháp Vô-thường, Pháp dục loạn thời một kỳ thân thọ.

Thanh bạch Pháp chính yếu lúc muốn hết tận. Sợ Pháp Biến đổi, lúc Pháp muốn hỗn loạn, chìm nổi thân thọ mệnh của họ.

護是如來一切智典。使永弘安獨處專學。

Hộ thị Như Lai nhất thiết Trí điển. Sử vĩnh hoằng an độc xứ chuyên học.

Giữ gìn Kinh điển tất cả Trí tuệ của Như Lai đó. Khiến cho vĩnh viễn yên ổn lớn, nơi một mình chuyên học.

一心如犀。當受將護如是像經。

Nhất tâm như tê, đương thụ tương hộ như thị tượng Kinh.

Nhất tâm như hạt bầu, đang thu nhận cùng giữ gìn Kinh Tượng như thế.

如來至道若干品藏。其有學智諸辯才印。

Như Lai chí đạo nhược can phẩm tạng. Kỳ Hữu-học Trí chư biện tài ấn.

Đạo lớn của Như Lai rất nhiều phẩm tạng. Nếu Trí tuệ của bậc Có học các ấn phẩm hùng biện.

曉了無量眾德之本。當勸化之法印印之。

Hiểu liễu vô lượng chúng Đức chi bản. Đương khuyến hóa chi Pháp ấn ấn chi.

Hiểu biết rõ vô lượng các Đức vốn có. Cần khuyến giáo hóa in ấn phẩm Pháp.

總持種性降魔官屬。解一切智所行功勳。

Tổng-trì chủng tính hàng Ma quan thuộc. Giải nhất thiết Trí sở hành công huân.

Loại tính Tổng trì hàng Ma quan lại thân thuộc. Hiểu tất cả Trí tuệ được thi hành công trạng.

受持是典書著竹帛。若在地獄為一切眾。皆忍苦患不以為厭。

Thụ trì thị điển thư trước trúc bạch. Nhược tại Địa-ngục vị nhất thiết chúng. Giai Nhẫn khổ hoạn bất dĩ vi yếm.

Nhận giữ Kinh điển đó viết lên tre lụa. Nếu ở Địa ngục vì tất cả chúng sinh. Đề Nhẫn nhịn khổ hoạn không lấy làm chán.

用是三昧故周旋三界五趣之難不以為倦。

Dùng thị Tam-muội cố chu toàn Tam-giới Ngũ-thú chi nạn bất dĩ vi quyện
Do cần Tam Muội đó vật lộn nạn của 5 Đạo ở 3 Cõi giới không lấy làm mệt mỏi.

行四等心，慈悲喜護四恩惠施，仁愛利人。

Hành Tứ-đẳng tâm, Từ Bi hi hộ Tứ-ân huệ thí, nhân ái lợi nhân.

Hành 4 tâm Bình đẳng, Từ Bi giữ gìn vui, ban huệ 4 ân, nhân ái lợi người.

等利救濟十方愚冥之輩。皆發道意。

Đẳng lợi cứu tế Thập phương ngu minh chi bối, giai phát đạo ý.

Cùng lợi ích cứu giúp bậc ngu tối 10 phương, đều phát ý Đạo.

地獄休息。餓鬼飽滿。畜生得脫生天人間。

Địa-ngục hưu tức, Nga-quỷ bão mãn, súc-sinh đắc thoát sinh Thiên Nhân gian.

Địa ngục nghỉ ngơi, Quỷ đói no đủ, Súc sinh được giải thoát sinh lên Trời Nhân gian.

天人心開樂於道法。五趣心解信敬三寶不貪世榮。

Thiên Nhân tâm khai, nhạo u Đạo Pháp. Ngũ-thú tâm giải, tín kính Tam-Bảo, bất tham thế vinh.

Người Trời tâm khai sáng, ham thích Đạo Pháp. Hiểu tâm Năm Đạo, tin kính Phật Pháp Tăng, không tham vinh hoa ở đời.

觀察三界猶如幻化影響野馬芭蕉見夢水泡水沫。

Quan sát Tam-giới do như huyền hóa, ảnh hưởng dã mã, ba tiêu kiến mộng thủy bào thủy bọt.

Quan sát kỹ 3 Cõi giới giống như ảo hóa, hình ảnh âm hưởng ngựa hoang, chuỗi tiêu thấy trong mơ bong bóng nước bọt nước.

暢一切法悉知無真，皆發道意。欲度十方危厄之難。

Sướng nhất thiết Pháp tất tri vô chân, giai phát đạo ý. Dục độ Thập phương nguy ách chi nạn.

Thông suốt tất cả Pháp biết tất cả không chân thực, đều phát ý Đạo. Muốn độ thoát nạn nguy ách 10 phương.

於是喜王菩薩心中悲喜即說頌曰。

Ư thị Hi-vương Bồ-tát tâm trung Bi hỷ tức thuyết tụng viết.

Khi đó trong tâm Hi Vương Bồ Tát buồn vui tức thì đọc bài tụng viết :

我以知是業 從意好道義

Ngã dĩ tri thị Nghiệp. Tông ý hiếu Đạo nghĩa.

Con do biết Nghiệp đó. Theo ý thích nghĩa Đạo.

不輕如是明 咨嗟於世護

Bất khinh như thị minh. Tư ta u thế hộ.

Không khinh sáng như thế. Bàn thương mà giữ đời.

捐棄其身命 求是佛至道

Quyên khí kỳ thân mệnh. Cầu thị Phật chí đạo.

Vứt bỏ thân mệnh họ. Cầu Đạo lớn Phật đó.

於後恐懼世 持是三昧定

Ư hậu khủng cụ thế. Trì thị Tam-muội Định.

Sau đời khủng hoảng sợ. Giữ Định Tam Muội đó.

若無央數劫 在於地獄中

Nhược vô ương số Kiếp. Tại ư Địa-ngục trung.

Nếu rất nhiều Kiếp số. Còn ở trong Địa ngục.

樂持是三昧 常當忍是苦

Nhạo trì thị Tam-muội. Thường đương nhẫn thị khổ.

Ham giữ Tam muội đó. Thường đang nhẫn khổ đó.

請一切眾生 說法無所冀

Thỉnh nhất thiết chúng sinh. Thuyết Pháp vô sở kí.

Mời tất cả chúng sinh. Nói Pháp không mong được.

布施眾財物 行愍諸群生

Bố-thí chúng tài vật. Hành mẫn chư quần sinh.

Bố thí các tài vật. Làm thương các chúng sinh.

假使身命肉 骨髓血脈斷

Giả sử thân mệnh nhục. Cốt tủy huyết mạch đoạn.

Giả sử thân mệnh thịt. Xương tủy huyết mạch đứt.

終不行懈怠 後世所生處

Chung bất hành giải đãi. Hậu thế sở sinh xứ.

Rốt không hành lười nhác. Đời sau được nơi sinh.

習在空閑居 棄一切所有

Tập tại không nhàn cư. Khí nhất thiết sở hữu.

Học tại nơi im vắng. Bỏ tất cả Có được.

慈遍眾生類 疾者給醫藥

Từ biến chúng sinh loại. Tật giả cấp y dược.

Từ biến khắp chúng sinh. Người đau cấp thuốc bệnh.

不曾學此業 如返邪之行

Bất tăng học thử Nghiệp. Như phản tà chi hành.

Chưa từng học Nghiệp này. Như hành sai phản nghịch.

當修是真言 從斯經中教

Đương tu thị chân ngôn. Tông tư Kinh trung giáo.

Cần tu lời thực đó. Dạy từ trong Kinh đó.

常奉無放逸 隨佛之所誨

Thường phụng vô phóng dật. Tùy Phật chi sở hối.

Thường kính không phóng túng. Theo dạy bảo của Phật.

眾生故忍之 我等之伴類

Chúng sinh cố nhẫn chi. Ngã đẳng chi bạn loại.

Chúng sinh cố Nhẫn nhẫn. Chúng con và các bạn

獨處若眾中 所宿無所畏

Độc xử nhược chúng trung. Sở tú vô sở úy.

Một mình hay trong Chúng. Nếu đêm không sợ hãi.

不貪求利養 願宣尊佛道

Bất tham cầu lợi dưỡng. Ban tuyên tôn Phật đạo.

Không tham cầu lợi dưỡng. Nói đọc kính Đạo Phật.

佛說是經時七十江河沙等眾生。

Phật thuyết thị Kinh thời thất thập giang hà sa đẳng chúng sinh.

Khi Phật nói Kinh đó 70 các loại chúng sinh nhiều như cát sông.

從不可計諸佛國來者。聞是經典皆得不退轉。

Tòng bất khả kế chư Phật quốc lai giả. Văn thị Kinh điển giai đắc Bất-thoái-chuyển.

Từ đó không thể tính đếm các Đất Phật vắng tới. Nghe Kinh điển đó đều được Không thoái lui.

當成無上正真之道。時萬菩薩皆悉逮得是三昧定。

Đương thành Vô-thượng Chính chân chi đạo. Thời vạn Bồ-tát giai tất đắc thị Tam-muội Định.

Đang thành Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Thời 1 vạn Bồ Tát đều biết bắt được Tam Muội Định đó.

其自要誓當來末世奉事法師以供養之。

Kỳ tự yếu thệ Đương-lai mạt thế phụng sự Pháp-sư dĩ cúng dưỡng chi.

Họ tự thệ nguyện chủ yếu Sắp tới thời vận hết phụng sự Thầy Pháp làm cúng dưỡng.

三十姪諸天人咸已逮立不退轉地。當成正覺。

Tam thập cai chư Thiên Nhân hàm dĩ đãi lập Bất-thoái-chuyển địa. Đương thành Chính-giác.

30 vạn vạn các người Trời tất cả đã tạo dựng bắt lấy bậc Không thoái lui. Đang thành Chính Giác.

六十姪諸天人得法眼淨。

Lục thập cai chư Thiên Nhân đắc Pháp-nhãn Tịnh.

60 vạn vạn các người Trời được Pháp Bồ Tát.

十八億人及是四輩, 諸法眼生。三塗之惡皆已滅盡。

Thập bát ức nhân cập thị Tứ-bối, chư Pháp-nhãn sinh. Tam-đồ chi ác giai dĩ diệt tận.

18 triệu người cùng với 4 bậc Đệ Tử đó sinh các Pháp Bồ Tát. Ba Đạo ác đều đã diệt trừ hết.

佛演光明照於十方。各江河沙等諸佛世界。

Phật diễn Quang-minh chiếu ư Thập phương. Các giang hà sa đẳng chư Phật Thế-giới.

Phật diễn Quang minh chiếu soi tới 10 phương. Các Thế giới Phật nhiều như cát sông.

遍無擇獄上至極界。三十三天一切眾生。

Biến vô trạch ngục thượng chí cực giới. Tam thập tam Thiên nhất thiết chúng sinh.

Biến ra khắp không lựa chọn Địa ngục lên tới đỉnh Trời. Tất cả chúng sinh của 33 tầng Trời.

皆得安隱無復眾患。

Giai đắc an ổn vô phục chúng hoạn.

Đều được yên ổn các hoạn nạn không trở lại.

從其光明各自然化生無量寶淨億姪百千蓮花。一一蓮華皆如來坐。

Tông kỳ Quang-minh các tự nhiên hóa sinh vô lượng bảo tịnh ức cai bách thiên Liên hoa. Nhất nhất Liên hoa giai Như Lai tọa.

Theo Quang minh đó từng loại tự nhiên hóa sinh vô lượng triệu vạn vạn trăm nghìn hoa Sen báu Thanh tịnh. Mỗi một hoa Sen đều có Như Lai ngồi.

其眷屬眾諸來坐會。亦復如是等無有異。

Kỳ quyến thuộc chúng chư lai tọa hội. Diệc phục như thị đẳng vô hữu dị.

Các quyến thuộc đó tới ngồi trong hội. Cũng lại như thế mà không có khác.

是諸佛邊各有喜王菩薩，長跪叉手。勸諸如來使說是三昧定。

Thị chư Phật biên các hữu Hỷ-vương Bồ-tát, trường quy xoa thủ. Khuyên chư Như Lai sử thuyết thị Tam-muội Định.

Bên cạnh các Phật đó mỗi Phật có Hỷ Vương Bồ Tát, quỳ lâu chấp tay. Khuyên các Như Lai sử dụng nói Tam Muội Định đó.

是一切佛化無央數不可計會眾生無底。

Thị nhất thiết Phật hóa vô ương số bất khả kế hội chúng sinh vô đề.

Tất cả các Phật đó hóa ra vô lượng vô số không thể tính đếm hội chúng sinh không có đáy.

悉令眾人了無邊際。無所罣礙至平等覺。

Tất linh chúng nhân liễu vô biên tế. Vô sở quái ngại chí Bình-đẳng Giác.

Đều giúp mọi người biết rõ không có giới hạn. Không lười nhác tới Bình Đẳng Giác.

法供養品第五

Pháp cúng dường phẩm đệ ngũ.

Phẩm thứ 5 Cúng dường bằng Pháp.

爾時佛告喜王菩薩！勿以衣食之施奉事如來用為第一也。

Nhĩ thời Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát！Vật dĩ y thực chi thi phụng sự Như Lai dụng vi đệ nhất dã.

Khi đó Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Đừng dùng quần áo thực phẩm đem phụng sự Như Lai sử dụng đã là bậc nhất.

欲供養佛。當以法供養而奉事之。所以者何？

Dục cúng dường Phật. Đương dĩ Pháp cúng dường nhi phụng sự chi. Sở dĩ giả hà？

Muốn cúng dường Phật. Cần dùng Pháp cúng dường mà phụng sự. Có là sao？

乃往過去無央數劫不可稱載。有佛號金龍決光。

Nãi vãng Quá-khứ vô ương số Kiếp bất khả xưng tải. Hữu Phật hiệu Kim Long Quyết Quang.

Vãng tới Quá khứ vô lượng vô biên số Kiếp không thể đọc đếm. Có Phật tên hiệu Kim Long Quyết Quang.

其壽不可限量。國名無量淨。眾會不可稱計。

Kỳ thọ bất khả hạn lượng. Quốc danh Vô Lượng Tịnh. Chúng hội bất khả xưng kế.

Phật thọ không thể hạn lượng. Tên nước là Vô Lượng Tịnh. Hội chúng không thể nói đếm.

有法師名無限量寶音。行在末世最後窮俗學是三昧。

Hữu Pháp-sư danh Vô-hạn lượng-bảo-âm. Hành tại mạt thế tối hậu cùng tục học thị Tam-muội.

Có Thầy Pháp tên là Vô-hạn lượng-bảo-âm. Tu hành ở thời vận hết sau cùng đời tục cùng cực, học Tam Muội đó.

其餘一切諸比丘眾皆共擯之。

Kỳ dư nhất thiết chư Tì-kheo chúng giai cộng tân chi.

Tất cả các chùng Tì kheo khác đó đều cùng bỏ ra đi.

時彼法師不懷怯弱不貪身命。故復勤精講斯三昧。

Thời bỉ Pháp-sư bất hoài khiếp nhược bất tham thân mệnh. Cố phục cần tinh giảng tư Tam-muội.

Thời Thầy Pháp đó không lo âu khiếp sợ không tham thân mệnh. Lại cố chuyên cần tinh luyện giảng Tam Muội đó.

入於山中服眾果實。時四天王天上諸天人。

Nhập ư sơn trung phục chúng quả thực. Thời Tứ Thiên-vương, Thiên thượng chư Thiên-nhân.

Vào ở trong núi ăn các hoa quả. Thời 4 Thiên Vương, các người Trời trên Trời.

上至二十四阿迦尼吒天皆來聽經。

Thượng chí nhị thập tứ A-ca Ni-tra Thiên-nhân giai lai thính Kinh.

Lên tới tầng 24 A-ca Ni-tra, người Trời đều tới nghe Kinh.

時無數眾咸共念之。心悉戀恨愁思欲見之。

Thời vô số chúng hàm cộng niệm chi. Tâm tất luyến hận sầu tư dục kiến chi.

Thời vô số Chúng tất cả cùng suy nghĩ. Tâm đều luyến tiếc thù hận ưu sầu, suy nghĩ muốn nhìn thấy.

欲服聲名聞其法音。時世有王名使眾無憂悅音。

Dục phục thanh danh văn kỳ Pháp-âm. Thời thế hữu Vương danh sử-chúng vô-ưu duyệt-âm.

Muốn dùng âm thanh, tên là Nghe âm Pháp đó. Thời thế có Vương tên là Sử-chúng vô-ưu duyệt-âm.

為轉輪聖王, 往詣其所聽是三昧。

Vi Chuyển-luân Thánh Vương, vãng nghệ kỳ sở thính thị Tam-muội.

Là Chuyển Luân Thánh Vương, vãng tới nơi ở của Phật nghe Tam Muội đó.

已得聞之歡悅法師。王白比丘。恣意宣傳勿懷恐懼。

Đã đắc văn chi hoan duyệt Pháp-sư. Vương bạch Tì-kheo : Tứ ý tuyên truyền vật hoài khủng úy.

Đã được nghe vui thích Thầy Pháp. Vương bạch Tì Kheo : Tùy ý tuyên truyền đừng lo âu sợ hãi.

吾自遣人共相宿衛。遣三萬人在於左右。

Ngô tự khiển nhân cộng tương tú vệ. Khiển tam vạn nhân tại ư tả hữu.

Tôi tự sai khiển người cùng nhau bảo vệ. Sai 3 vạn người ở hai bên phải trái.

今與仁此勿以畏難。吾當護衛。是佛所說甚難得聞。

Kim dĩ nhân thử vật dĩ úy nan. Ngô đương hộ vệ. Thị Phật sở thuyết thậm nan đắc văn.

Nay ban họ cho Ngài đừng lấy làm sợ khó. Tôi đang hộ vệ. Rất khó được nghe được Phật đó nói.

時轉輪王遣其千子勇猛傑異一人當千而衛護之。

Thời Chuyển-luân Vương, khiển kỳ thiên tử dũng mãnh kiệt dị nhất nhân đương thiên nhi vệ hộ chi.

Thời Chuyển Luân Vương sai 1 nghìn con trai dũng mãnh tuấn kiệt khác người của Ngài, một người địch cả 1 nghìn người mà làm hộ vệ.

三萬眾人皆以甘饍而供養之。一切施安從其所便。

Tam vạn chúng nhân giai dĩ cam thiện nhi cúng dưỡng chi. Nhất thiết thí an tòng kỳ sở tiện.

Ba vạn người đều lấy đồ ăn ngon mà đem cúng dưỡng. Tất cả làm cho yên ổn theo đó được thuận tiện.

常以和心無傷害意。而授所當一切所足。

Thường dĩ hòa tâm vô thương hại ý. Nhi thụ sở đương nhất thiết sở túc.

Thường dùng tâm hòa kính không có ý thương hại. Mà lo liệu truyền thụ tất cả được đầy đủ.

其彼法師建立威神已之力勢。於半劫中演是三昧。

Kỳ bỉ Pháp-sư kiến lập Uy-thần dĩ chi lực thế. Ư bán Kiếp trung diễn thị Tam-muội.

Nếu Thầy Pháp đó thiết lập Uy thần dùng thế lực. Ở trong nửa Kiếp diễn thuyết Tam Muội đó.

以是德本則悉和同。王諸太子及眾眷屬，更八十劫。

Dĩ thị Đức bản tắc tất hòa đồng. Vương chư Thái-tử cập chúng quyền thuộc, cánh bát thập Kiếp.

Dùng Đức vốn có đó chắc là biết hòa đồng. Các Thái Tử của Vua cùng với các quyền thuộc thêm 80 Kiếp.

見六十億三那術姪諸佛世尊。皆從諸佛逮是三昧。

Kiến lục thập ức Tam-na-thuật cai chư Phật Thế tôn. Giai tòng chư Phật đãi thị Tam-muội.

Nhìn thấy rất nhiều 60 triệu vạn các Phật Thế Tôn. Đều theo các Phật bắt lấy Tam Muội đó.

如心所願受取佛國。喜王！欲知彼時法師豈異人乎？

Như tâm sở nguyện thụ thủ Phật quốc. Hi-vương ! Dục tri bỉ thời Pháp-sư khởi dị nhân hô ?

Như tâm mong nguyện nhận cầm lấy Đất Phật. Hi Vương ! Muốn biết Thầy Pháp thời đó là người nào sao ?

莫造斯觀，則今現在阿彌陀佛是也。

Mạc tạo tư quan, tắc kim hiện-tại A Di Đà Phật thị dã.

Không phải tạo ra quan sát đó, chắc nay cũng chính là Hiện tại A Di Đà Phật.

其時國王名無憂悅音者，阿閼佛是也。

Kỳ thời Quốc Vương danh Vô-ưu duyệt-âm giả, A Súc Phật thị dã.

Quốc Vương thời đó tên là Vô-ưu duyệt-âm, cũng chính là A Súc Phật.

其王千子毘陀劫中千佛興者是也。

Kỳ Vương thiên tử Bạt-đà Kiếp trung thiên Phật hưng giả thị dã.

Một nghìn con trai của Vua đó chính là một nghìn Phật hưng khởi trong Kiếp Hiện.

佛言：喜王！爾時三萬人王使宿衛彼法師者。

Phật ngôn : Hi-vương ! Nhĩ thời tam vạn nhân Vương sử túc vệ bỉ Pháp-sư giả.

Phật nói rằng : Hi Vương ! 3 vạn người khi đó Vương sai khiến làm bảo vệ Thầy Pháp đó.

今喜王等菩薩三萬人是也彼時種德。

Kim Hi-vương đấng Bồ-tát tam vạn nhân thị dã. Bĩ thời chúng Đức.

Nay Hi Vương cũng như Bồ Tát, chính là 3 vạn người thời đó trồng Đức.

於此如願獲其果報。致安順供是三昧定諸菩薩業。

Ư thử như nguyện hoạch kỳ quả báo. Trí an thuận cúng thị Tam-muội Định chư Bồ-tát Nghiệp.

Ở nơi này như thế nguyện thu hoạch quả báo đó. Yên thuận cúng dường đem tới Tam Muội Định đó và Nghiệp Bồ Tát.

是故喜王菩薩欲學逮是三昧。

Thị cố Hi-vương Bồ-tát dục học đãi thị Tam-muội.

Vì thế Hi Vương Bồ Tát muốn học bắt lấy Tam Muội đó.

當以恭恪受持書誦分別說之至意奉行。

Đương dĩ cung khác thụ trì thư tụng phân biệt thuyết chi chí ý phụng hành.

Cần dùng cung kính nhận giữ viết tụng phân biệt nói ý lớn cung kính thi hành.

佛爾時說此頌曰：

Phật nhĩ thời thuyết thử tụng viết：

Phật khi đó đọc bài tụng này viết：

欲施一切安眾生 具足諸藏滿億千

Dục thí nhất thiết an chúng sinh. Cụ túc chư tạng mãn ức thiên.

Muốn cho tất cả chúng sinh yên. Đầy đủ các Tạng đủ triệu nghìn.

其有發心存尊道 斯功德福不可喻

Kỳ hữu phát tâm tôn tôn đạo. Tư Công-đức Phúc bất khả dụ.

Nếu có phát tâm còn kính Đạo. Phúc công Đức đó không thể nói.

正使十方眾生類 皆令成就緣覺道

Chính sử Thập phương chúng sinh loại. Giai linh thành tựu Duyên-giác đạo.

Cho dù 10 phương các chúng sinh. Đều giúp thành công Đạo Duyên Giác.

一劫之中備供養 其福不比發道心

Nhất Kiếp chi trung bị cúng dường. Kỳ Phúc bất tỉ phát Đạo tâm.

Ở trong một Kiếp cúng dường đủ. Phúc đó không bằng phát tâm Đạo.

皆使眾生成佛道 隨其所安供一劫

Giai sử chúng sinh thành Phật đạo. Tùy kỳ sở an cúng nhất Kiếp.

Đều giúp chúng sinh thành Đạo Phật. Theo đó được yên cúng một Kiếp.

其有發心在尊道 斯福甚多不可喻

Kỳ hữu phát tâm tại tôn đạo. Tư Phúc thậm đa bất khả dụ.

Nếu có phát tâm còn kính Đạo. Phúc công Đức đó không thể nói.

若有志求諸佛法 而不發起興道意

Nhược hữu chí cầu chư Phật Pháp. Nhi bất phát khởi hưng Đạo ý.

Nếu có chí cầu các Pháp Phật. Mà không phát khởi lớn ý Đạo.

不如取是四句頌 其福如順護道心
Bất như thủ thị Tứ-cú tụng. Kỳ Phúc như thuận hộ Đạo tâm.
Không bằng cầm 4 câu tụng đó. Phúc đó như thuận giữ tâm Đạo.
正使是世眾生類 皆建立之存佛道
Chính sử thị thế chúng sinh loại. Giai kiến lập chi tồn Phật đạo.
Cho dù các chúng sinh đời đó. Điều thiết lập mà còn Đạo Phật.
若聞是句而稽受 心不恐懼其福超
Nhược văn thị cú nhi khể thụ. Tâm bất khủng úy kỳ Phúc siêu.
Nếu nghe câu đó mà lễ nhận. Tâm không sợ hãi Phúc đó hơn.
億百千劫如江沙 一切珍寶滿諸刹
Ức bách thiên Kiếp như giang sa. Nhất thiết trần bảo mãn chư sát.
Triệu trăm nghìn Kiếp như cát sông. Tất cả châu báu đầy các nước.
常以供養諸菩薩 護一頌偈是殊特
Thường dĩ cúng dưỡng chư Bồ-tát. Hộ nhất tụng kệ thị thù đặc.
Thường đem cúng dưỡng các Bồ Tát. Giữ một kệ tụng đặc biệt đó.
是三昧者不可議 若能受護四句頌
Thị Tam-muội giả bất khả nghị. Nhược năng thụ hộ Tứ-cú tụng.
Tam Muội Định đó không thể bàn. Nếu năng nhận giữ tụng 4 câu.
其以護道佛功德 一切盡歎不能竟
Kỳ dĩ hộ đạo Phật Công-đức. Nhất thiết tận tán bất năng cánh.
Nếu do giữ Đạo công Đức Phật. Ca ngợi hết cả không thể hết.
臨命終時無數佛 悉自然現在其前
Lâm mệnh chung thời vô số Phật. Tất tự nhiên hiện tại kỳ tiền.
Khi sắp bỏ mệnh vô số Phật. Biết tự nhiên hiện ra trước họ.
十方佛土諸佛尊 將護四句之頌起
Thập phương Phật đồ chư Phật tôn. Tương hộ Tứ-cú chi tụng khởi.
Mười phương Đất Phật các Thế Tôn. Sẽ khởi tụng giữ 4 câu tụng.
臨壽終時無數佛 來護其心不忽忘
Lâm thọ chung thời vô số Phật. Lai hộ kỳ tâm bất hốt vong.
Khi sắp bỏ mệnh vô số Phật. Tới giữ tâm họ không lãng quên.
隨其所欲受所生 用以喜是三昧故
Tùy kỳ sở dục thụ sở sinh. Dụng dĩ hỉ thị Tam-muội cố.
Tùy muốn của họ nhận nơi sinh. Do dùng Tam Muội đó làm vui.
身常永安心以和 往至天上賢聖安
Thân thường vĩnh an tâm dĩ hòa. Vãng chí Thiên thượng Hiền Thánh an.
Thân thường vĩnh yên tâm được hòa. Vãng lên trên Trời Hiền Thánh yên.
不知苦痛至佛道 而勸助之名勇猛

Bất tri khổ thống chí Phật đạo. Nhi khuyến trợ chi danh Dũng-mãnh.

Không biết khổ đau tới Đạo Phật. Mà khuyến giúp tên là Dũng mãnh.

入億百千無量門 最勝光藏明無限

Nhập ức bách thiên vô lượng môn. Tối thắng Quang-tạng minh vô hạn.

Vào triệu trăm nghìn vô lượng môn. Quang tạng cao nhất sáng vô hạn.

我住勢力頌宣斯 當勤修是三昧定

Ngã trụ thế lực tụng tuyên tư. Đương cần tu thị Tam-muội Định.

Ta ở thế lực tụng đọc nó. Cần phải tu Tam Muội Định đó.

諸佛於此能頌宣 是故由斯奉精進

Chư Phật ư thử năng ban tuyên. Thị cố do tư phụng Tinh-tiến.

Các Phật ở đây năng đọc nói. Vì thế do đó kính Tinh tiến.

曼佛現在勤修行 無得後世復懷恨

Mạn Phật Hiện-tại cần tu hành. Vô đắc hậu thế phục hoài hận.

Nhiều Phật Hiện tại cần tu hành. Không được đời sau lại nhớ hận.

便見是法執在手 清和奉行甚清淨

Tiện kiến thị Pháp chấp tại thủ. Thanh hòa phụng hành thậm Thanh tịnh.

Liền thấy Pháp đó cầm trên tay. Thanh hòa kính hành rất Thanh tịnh.

皆是我子化無際 承佛前後行慈仁

Giai thị Ngã-tử hóa vô tế. Thừa Phật tiền hậu hành Từ nhân.

Đều là con Ta hóa vô hạn. Theo Phật trước sau hành nhân Từ.

爾時世尊說是三昧已。以是三昧而復正受。

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị Tam-muội dĩ. Dĩ thị Tam-muội nhi phục Chính-thụ.

Khi đó Thế Tôn nói xong Tam Muội đó. Do Tam Muội đó mà lại Thụ nhận đúng.

喜王亦三昧定，選擇因入七十正法。這選擇竟是三昧威神。

Hỉ-vương diệc Tam-muội Định, tuyền trạch nhân nhập thất thập Chính-Pháp. Giá tuyền trạch cánh thị Tam-muội Uy-thần.

Hỉ Vương cũng như Tam Muội Định, lựa chọn nhân do nhập vào 70 Pháp đúng. Bây giờ lựa chọn hoàn tất Uy thần của Tam Muội đó.

於時維耶離城中八萬四千人。城外亦復八萬四千人。

Ư thời Duy-da-ly thành trung bát vạn tứ thiên nhân. Thành ngoại diệc phục bát vạn tứ thiên nhân.

Khi đó 8 vạn 4 nghìn người ở trong thành Duy Da Ly. Ngoài thành cũng lại có 8 vạn 4 nghìn người.

各心念言：如來至真甚難得值。久遠世時乃有佛耳。

Các tâm niệm ngôn：Như Lai chí chân thậm nan đắc trực. Cửu viễn thế thời nãi hữu Phật nhĩ.

Tâm họ suy nghĩ nói rằng：Như Lai chân thực lớn rất khó được gặp. Thời thế xa xưa lâu dài mới lại có Phật đây.

希可見聞。多所哀念多所安隱。愍傷諸天及十方人。

Hi khả kiến văn. Đa sở ai niệm đa sở an ổn. Mẫn thương chư Thiên cập Thập phương nhân.
Hi vọng có thể nghe nhìn thấy. Được nhiều thương nhớ được nhiều yên ổn. Thương xót các Trời cùng với người 10 phương.

今在靜室而三昧定。我等方便勸助如來從三昧起。

Kim tại tĩnh thất nhi Tam-muội Định. Ngã đẳng Phương-tiện khuyến trợ Như Lai tông Tam-muội khởi.

Nay ở trong phòng tĩnh lặng mà Tam Muội Định. Phương tiện của chúng con khuyến trợ giúp Như Lai thức dậy từ Tam Muội.

於時維耶城中內外眾人。各八萬四千，先詣舍利弗。

Ư thời Duy-da thành trung nội ngoại chúng nhân. Các bát vạn tứ thiên, tiên nghệ Xá-lợi-phất.

Khi đó mọi người ở trong ngoài thành Duy Da. Họ 8 vạn 4 nghìn, trước tiên tới chỗ Xá Lợi Phất.
謂舍利弗！佛興希有。信者甚難。人命難得。

Vị Xá-lợi-phất ! Phật hưng hi hữu. Tín giả thậm nan. Nhân mệnh nan đắc.

Bảo Xá Lợi Phất ! Phật thực hiếm có. Người tin rất khó. Mệnh của người khó được.

平等正覺三昧正受。誰為我等能覺興乎？

Bình-đẳng Chính-giác Tam-muội Chính-thụ. Thùy vi Ngã đẳng năng giác hưng hô ?

Bình Đẳng Chính Giác Tam Muội Thụ nhận đúng. Ai vì chúng tôi có thể làm tỉnh giấc chẳng ?

使最正覺從三昧起。惟見愍念施一切護。

Sử Tối Chính-giác tông Tam-muội khởi. Duy kiến mẫn niệm thí nhất thiết hộ.

Làm cho Tối Chính Giác từ Tam-muội tỉnh dậy. Chỉ có nhìn thấy thương nhớ ban cho tất cả bảo vệ.

時舍利弗，聞維耶離眾人所說。即從坐起往詣佛所。

Thời Xá-lợi-phất, văn Duy-da-ly chúng nhân sở thuyết. Tức tông tọa khởi vãng nghệ Phật sở.

Khi Xá Lợi Phất nghe được mọi người của Thành Duy Da ly nói. Tức thời rời khỏi chỗ ngồi vãng tới nơi Phật ở.

住於佛前警揚其音。極力彈指手拍兩膝。

Trụ ư Phật tiền khánh dương kỳ âm. Cực lực đàn chỉ thủ phách lưỡng tất.

Ở trước nơi Phật ho khê kích thích âm thanh đó. Lực lớn trong khoảnh khắc tay đánh nhịp hai đầu gối.

欲令如來從三昧覺。因其正受。不知如來三昧所如。

Dục linh Như Lai tông Tam-muội giác. Nhân kỳ Chính-thụ, bất tri Như Lai Tam-muội sở như.

Muốn làm cho Như Lai từ Tam Muội tỉnh dậy. Nhân do Thụ nhận đúng đó, không biết Tam Muội của Như Lai được như như thế.

時舍利弗詣目連所。以是本末語目連。

Thời Xá-lợi-phất nghệ Mục-liên sở. Dĩ thị bản mạt ngữ Mục-liên.

Khi Xá Lợi Phất tới nơi Mục Liên ở. Lấy đầu đuôi việc đó kể cho Mục Liên.

維耶離城內外眾人。欲願如來從三昧起。

Duy-da-ly thành nội ngoại chúng nhân. Dục nguyện Như Lai tông Tam-muội khởi.

Mọi người trong ngoài thành Duy Da Ly. Mong muốn Như Lai từ Tam Muội thức dậy.

時目捷連以力神足。動三千大千世界。

Thời Mục-kiền-liên dĩ Lực Thần-túc. Động Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới.

Thời Mục Kiền Liên dùng lực Thần thông biến hóa. Chấn động Ba nghìn Đại thiên Thế giới.

住於梵天暢其大音。欲使如來從三昧覺。不能使起。

Trụ ở Phạm Thiên sướng kỳ đại âm. Dục sử Như Lai tòng Tam-muội giác. Bất năng sử khởi.

Ở nơi Phạm Thiên thông suốt âm thanh lớn đó. Muốn làm cho Như Lai tỉnh dậy từ Tam Muội.

Không thể làm cho thức dậy.

時舍利弗及大目連。輒詣賢者阿若拘倫。

Thời Xá-lợi-phát cập Đại Mục-liên. Triếp nghệ Hiền-giả A-nhã Câu-luân.

Lúc đó Xá Lợi Phát cùng với Đại Mục Liên. Liền tới nơi Hiền giả A-nhã Câu-luân.

及波提。披破。大稱。憍恒鉢。羅云。分耨。

Cập Ba-đề, Phi-phá, Đại-xung, Kiêu-hằng-bát, La-vân, Phần-nậu.

Cùng với Ba Đề, Phi Pháp, Đại Xung, Kiêu Hằng Bát, La Vân, Phần Nậu.

須菩提。迦旃延。迦葉。阿難。分那。餘大。

Tu-bồ-đề, Ca-chiên-diên, Ca-diệp, A-nan, Phần-na, Dư-đại.

Tu Bồ Đề, Ca Chiên Diên, Ca Diệp, A Nan, Phần Na, Dư Đại.

劫賓奴。和利。彌勒菩薩。

Kiếp-tân-nô, Hòa-lợi, Di Lặc Bồ-tát,

Kiếp Tân Nô, Hòa Lợi, Di Lặc Bồ Tát.

五千菩薩俱行詣佛所圍遶世尊。各各就立己之常位。

Ngũ thiên Bồ-tát câu hành nghệ Phật sở, vi nhiều Thế Tôn. Các các tựu lập kỷ chi thường vị.

Năm nghìn Bồ Tát cùng đi tới nơi Phật ở, vây quanh Thế Tôn. Từng người đứng sát nhau vị trí thường của bản thân.

四大天王天帝釋炎天兜術天化自在天。

Tứ Đại Thiên-vương Thiên Đế-thích, Viêm-Thiên, Đâu-thuật Thiên, Hóa Tự-tại Thiên.

Bốn Đại Thiên-vương, Ngọc Hoàng Thượng đế, Viêm-Thiên, Đâu-thuật Thiên, Hóa Tự-tại Thiên.

其欲界中不可限計諸天人等。

Kỳ Dục-giới trung bất khả hạn kế chư Thiên Nhân đẳng.

Các người Trời không thể tính đếm trong Cõi Dục giới đó.

各各嚴駕皆詣佛所稽首佛足退住一面。

Các các nghiêm giá giai nghệ Phật sở khể thủ Phật túc thoái trụ nhất diện.

Từng người ngựa xe nghiêm trang tới nơi Phật ở đĩnh lễ Phật xong lui ra đứng một bên.

各自叉手。咸歸命佛愁感戀慕。

Các tự xoa thủ, hàm quy mệnh Phật sầu cảm戀慕.

Họ tự chấp tay, tất cả mệnh trở về theo Phật sầu cảm luyện mộ.

梵天光音天清淨天離界天乃至淨身天。不可計數諸天子等。

Hiền Kiếp Kinh 1

Phạm-Thiên, Quang-âm Thiên, Thanh-tịnh Thiên, Ly-giới Thiên, nãi chí Tịnh-thân Thiên. Bất khả kể số chư Thiên-tử đấng.

Phạm-Thiên, Quang-âm Thiên, Thanh-tịnh Thiên, Ly-giới Thiên, nãi chí Tịnh-thân Thiên.

Không thể tính đếm các Thiên Tử.

一切同心稽首歸佛欲令尊興。

Nhất thiết đồng tâm khể thủ quy Phật dục linh Tôn hưng.

Tất cả đồng tâm đảnh lễ trở về theo Phật muốn làm cho Thế Tôn thức dậy.

賢劫經卷第一

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ nhất.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 1.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiển Trần Tiễn Huyền

Phiên Âm. Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

HIEN KIEP KINH Q2

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh , CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第二

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ nhị.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 2.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

諸度無極品第六

Chư Độ vô cực phẩm đệ lục.

Phẩm thứ 6 Các Pháp Tới Niết Bàn.

爾時喜王菩薩。燕坐七日無他異念。

Nhĩ thời Hi-vương Bồ-tát, yển tọa thất nhật vô tha dị niệm.

Khi đó Hi Vương Bồ tát ngồi yên nghĩ 7 ngày không suy nghĩ gì khác.

七日已後試自思惟。從燕坐起往詣高座。

Thất nhật dĩ hậu thí tự tư duy. Tòng yển tọa khởi vãng nghệ cao tòa.

Đã qua 7 ngày thử tự suy nghĩ. Từ nơi ngồi yên nghĩ đứng dậy vãng tới nơi tòa cao.

稽首禮佛及謁一切。現諸化佛并眾菩薩。

Khể thủ lễ Phật cập yết nhất thiết. Hiện chư hóa Phật tịnh chúng Bồ-tát.

Phục đảnh lễ Phật cùng với yết kiến tất cả. Hiện ra các Hóa Phật tất cả chúng Bồ Tát.

則往佛前叉手禮座。於時世尊寂然庠序。

Tắc vãng Phật tiền xoa thủ lễ tòa. Ư thời Thế Tôn tịch-nhiên tường tự.

Chắc là vãng tới trước Phật bắt chéo tay lễ tòa Pháp. Khi đó Thế Tôn im lặng cát tường.

從三昧起普觀眾會。已觀眾會默然而住稽首自歸。

Tòng Tam-muội khởi phổ quan chúng hội. Dĩ quan chúng hội mặc nhiên nhi trụ khể thủ tự quy.

Thức dậy từ Tam Muội quan sát khắp chúng hội. Xem xét chúng hội xong im lặng mà ở lại đảnh lễ tự theo trở về.

時喜王菩薩前白佛言：道法玄妙不可攀逮。

Thời Hi-vương Bồ-tát tiền bạch Phật ngôn : Đạo Pháp huyền diệu bất khả phan đãi.

Khi đó Hi Vương Bồ Tát ở phía trước bạch Phật nói rằng : Đạo Pháp huyền diệu không thể nứ kéo bắt lấy.

無上正真不可譬喻。一切菩薩比丘聖眾諸尊神天皆來集會。

Vô-thượng Chính chân bất khả thí dụ. Nhất thiết Bồ-tát Tì-kheo Thánh chúng chư Tôn Thần Thiên giai lai tập hội.

Bình Đẳng Chân Chính không thể bàn luận. Tất cả Bồ-tát Tì Kheo Thánh chúng các Thiên Tôn Thần đều tới tập hợp hội.

一切渴仰飢虛於法。會來甚久時以欲過願有所問。

Nhất thiết khát ngưỡng cơ hư ư Pháp. Hội lai thậm cửu, thời dĩ dục quá nguyện hữu sở vấn.

Tất cả khát ngưỡng đói thiếu Pháp. Tới hội thời gian khá lâu, do muốn vượt qua mong nguyện có việc hỏi.

若見聽者乃敢發言。佛告喜王。在所樂問，狐疑眾結。

Nhược kiến thính giả nãi cảm phát ngôn. Phật cáo Hi-vương : Tại sở lạc vấn, hồ nghi chúng kết.

Nếu nghe nhìn thấy, mới dám phát ngôn. Phật bảo Hi Vương : Ở đây muốn hỏi, các nghi hoặc kết buộc.

如來悉當分別說之。令心解脫無餘罣礙。

Như Lai tất đương phân biệt thuyết chi. Linh tâm Giải-thoát vô dư quái ngại.

Như Lai biết cần phân biệt nói nó. Giúp tâm Giải thoát không còn thừa trở ngại.

喜王菩薩復白佛言：唯然世尊！我向在斯獨處燕坐。

Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn : Duy nhiên Thế Tôn ! Ngã hướng tại tư độc xứ yên tọa.

Hi Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng : Như thế Thế Tôn ! Con hướng tới nơi đây nơi một mình ngồi yên nghĩ.

心自念言：斯諸菩薩積功累德習志調心。

Tâm tự niệm ngôn : Tư chư Bồ-tát tích Công lũy Đức tập chí điều tâm.

Tâm tự suy nghĩ nói rằng : Các Bồ Tát đó tích lũy công Đức luyện tập ý chí điều phục tâm.

好慕佛道諸度無極。殖眾善本以求至真。

Hiếu mộ Phật đạo chư Độ vô cực. Thực chúng thiện bản dĩ cầu chí chân.

Ham mộ Đạo Phật các Pháp Tới Niết Bàn. Trồng các thiện vốn có vì cầu được chân thực.

或有菩薩為眾生故行度無極。以成佛道。

Hoặc hữu Bồ-tát vì chúng sinh cố hành Độ vô cực. Dĩ thành Phật đạo.

Hoặc có Bồ Tát cố vì chúng sinh thực hành Tới Niết Bàn. Do thành Đạo Phật.

或以諸菩薩故行度無極。或以生死眾漏之故行度無極。

Hoặc dĩ chư Bồ-tát cố hành Độ vô cực. Hoặc dĩ sinh tử chúng lậu chi cố hành Độ vô cực.

Hoặc cố làm cho các Bồ Tát thực hành Tới Niết Bàn. Hoặc cố dùng sinh chết các Phiền não thực hành Tới Niết Bàn.

或有無漏行度無極。合集此已。

Hoặc Hữu Vô-lậu hành Độ vô cực. Hợp tập thử dĩ.

Hoặc Có không có Phiền não thực hành Tới Niết Bàn. Đã tập hợp ở nơi này.

隨其所志行度無極。長益菩薩而成正覺。

Tùy kỳ sở chí hành Độ vô cực. Trường ích Bồ-tát nhi thành Chính-giác.

Tùy theo ý chí của họ thi hành Tới Niết Bàn. Bồ Tát lợi ích tăng thêm mà thành Chính Giác.

如是弘普以成因緣。初中至竟習法典目。

Như thị hoằng phổ dĩ thành Nhân-duyên. Sơ trung chí cánh tập Pháp điển mục.

Như thế rộng lớn khắp cả do thành Nhân duyên. Đầu tiên giữa tới cuối cùng học tập danh mục Pháp Kinh điển.

諦受興發諸菩薩眾善權方便。顯隆道法惟說其意。

Đề thụ hưng phát chư Bồ-tát chúng thiện quyền Phương-tiện. Hiền long Đạo Pháp duy thuyết kỳ ý.

Thụ nhận đúng phát khởi các thiện quyền Phương tiện của các Bồ Tát. Hiện ra rõ kính trọng Đạo Pháp chỉ nói ý đó.

時世尊倍加咨歎喜王菩薩言：善哉，善哉！

Thời Thế Tôn bội gia tư thán Hi-vương Bồ-tát ngôn : Thiện tai, thiện tai !

Lúc đó Thế Tôn bội phần khen ngợi hỏi Hi Vương Bồ Tát nói rằng : Thiện thay, thiện thay !

喜王菩薩乃能發意。諮問如來如是異義殊特之慧。

Hi-vương Bồ-tát nãi năng phát ý. Tư vấn Như Lai như thị dị nghĩa thù đặc chi Tuệ.

Hi Vương Bồ Tát mới có thể phát ý. Thăm hỏi Như Lai nghĩa khác lạ Trí tuệ đặc biệt như thế.

仁以昔曾問過去百千億佛之所致。佛言：

Nhân dĩ tích tăng vấn Quá-khứ bách thiên ức Phật chi sở trí. Phật ngôn :

Ngài do trước đây từng hỏi trăm nghìn triệu Phật Quá khứ mà được đem tới. Phật nói rằng :

諦聽善思念之！喜王菩薩與諸大眾受教而聽。

Đề thính thiện tư niệm chi ! Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo nhi thính.

Nghe Tuệ tư duy Tuệ tu Tuệ ! Hi Vương Bồ Tát cùng với các Đại Chúng nhận lời giáo huấn mà lắng nghe.

佛言：菩薩有六事業。習進行法修度無極有六事。

Phật ngôn : Bồ-tát hữu lục sự nghiệp. Tập tiến hành Pháp tu Độ vô cực hữu Lục-sự.

Phật nói rằng : Bồ Tát có 6 sự nghiệp. Học tập Tinh tiến thi hành Pháp, tu hành Tới Niết Bàn có 6 việc.

光曜度無極亦有六事。世度無極亦有六事。

Quang-diệu Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Thế Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Quang sáng Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Pháp Thế gian Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

為眾生故行度無極亦有六事。住度無極亦有六事。

Vì chúng sinh cố hành Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Trụ Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Cố vì chúng sinh thực hành Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Ở lại Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

生死度無極亦有六事。有所著度無極亦有六事。

Sinh tử Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Hữu sở trước Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Sinh chết Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Có nương nhờ Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

益他人度無極亦有六事。所處度無極亦有六事。

Ích tha nhân Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Sở xử Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Lợi ích người khác Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Được nơi ở Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

道度無極亦有六事。慧度無極亦有六事。

Đạo Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Tuệ Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Đạo Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Trí tuệ Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

已修立行度無極亦有六事。有逮得度無極亦有六事。

Đã tu lập hạnh Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Hữu đãi đắc Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Đã tu hành lập dựng hạnh Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Nếu bắt được Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

有念度無極亦有六事。有離三世度無極亦有六事。

Hữu niệm Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Hữu ly Tam-thế Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Có suy nhớ Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Nếu rời bỏ Ba Đời Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

有所業度無極亦有六事。休息度無極亦有六事。

Hữu sở Nghiệp Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Hưu tức Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Có được Nghiệp Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Dừng nghỉ Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

有不置遠度無極亦有六事。有應慎度無極亦有六事。

Hữu bất trí viễn Độ vô cực diệc hữu Lục-sự. Hữu ưng thận Độ vô cực diệc hữu Lục-sự.

Nếu không bày đặt xa Tới Niết Bàn cũng có 6 việc. Nếu cần cẩn thận Tới Niết Bàn cũng có 6 việc.

有造作度無極亦有無作度無極。有意度無極。

Hữu tạo tác Độ vô cực diệc hữu vô tác Độ vô cực. Hữu ý Độ vô cực.

Nếu tạo ra làm việc Tới Niết Bàn cũng như nếu không có làm Tới Niết Bàn. Có ý Tới Niết Bàn.

有勤修度無極。有正真度無極。有健度無極。

Hữu cần tu Độ vô cực. Hữu Chính chân Độ vô cực. Hữu kiện Độ vô cực.

Nếu cần tu hành Tới Niết Bàn. Nếu Chân Chính Tới Niết Bàn. Có sức khỏe Tới Niết Bàn.

有深奧度無極。有雜度無極。有清淨度無極。

Hữu thâm áo Độ vô cực. Hữu tạp Độ vô cực. Hữu Thanh tịnh Độ vô cực.

Có thâm sâu huyền ảo Tới Niết Bàn. Có lẫn lộn Tới Niết Bàn. Có Thanh tịnh Tới Niết Bàn.

有無際度無極。有信度無極。有為眾生故行度無極。

Hữu vô tế Độ vô cực. Hữu tín Độ vô cực. Hữu-vì chúng sinh cố hành Độ vô cực.

Có không có giới hạn Tới Niết Bàn. Có Đức tin Tới Niết Bàn. Chúng sinh được Pháp có hình Tới Niết Bàn

有法故度無極。有寂樂度無極。有樂觀度無極。

Hữu Pháp cố Độ vô cực. Hữu tịch lạc Độ vô cực. Hữu lạc quan sát Độ vô cực.

Do có Pháp Tới Niết Bàn. Nếu vui vắng vẻ Tới Niết Bàn. Nếu vui quan sát kỹ Tới Niết Bàn.

有一切所入度無極。有說處度無極。有無害度無極。

Hữu nhất thiết sở nhập Độ vô cực. Hữu thuyết xử Độ vô cực. Hữu vô hại Độ vô cực.

Có tất cả nơi nhập vào Tới Niết Bàn. Có nơi nói Tới Niết Bàn. Nếu không có tổn hại Tới Niết Bàn.

有無敗度無極。有貧度無極。有不迴還度無極。

Hữu vô bại Độ vô cực. Hữu bản Độ vô cực. Hữu bất hồi hoàn Độ vô cực.

Có không có suy bại Tới Niết Bàn. Nếu nghèo Tới Niết Bàn. Có không có quay trở về Tới Niết Bàn.

有迴轉度無極。有嚴淨度無極。有堅強度無極。

Hữu hồi chuyển Độ vô cực. Hữu nghiêm tịnh Độ vô cực. Hữu kiên cường Độ vô cực.

Có chuyển về Tới Niết Bàn. Nếu nghiêm Tịnh Tới Niết Bàn. Nếu kiên cường Tới Niết Bàn

有興成度無極。有充滿度無極。有為世度無極。

Hữu hưng thành Độ vô cực. Hữu sung mãn Độ vô cực. Hữu-vi thế Độ vô cực.

Có hưng thịnh thành công Tới Niết Bàn. Nếu tràn đầy Tới Niết Bàn. Đời Pháp có hình Tới Niết Bàn.

有度世度無極。有無上度無極。有不亂度無極。

Hữu độ thế Độ vô cực. Hữu Vô-thượng Độ vô cực. Hữu bất loạn Độ vô cực.

Nếu cứu độ Thế gian Tới Niết Bàn. Nếu Bình Đẳng Tới Niết Bàn. Có không có loạn Tới Niết Bàn.

有無怨度無極。有怨敵度無極。有攝持度無極。

Hữu vô oán Độ vô cực. Hữu oán địch Độ vô cực. Hữu nhiếp trì Độ vô cực.

Có không có oán Tới Niết Bàn. Có oán địch Tới Niết Bàn. Có thu lấy giữ gìn Tới Niết Bàn.

有無攝度無極。有報應度無極。有無報度無極。

Hữu vô nhiếp Độ vô cực. Hữu báo ứng Độ vô cực. Hữu vô báo Độ vô cực.

Có không có thu lấy Tới Niết Bàn. Có báo ứng Tới Niết Bàn. Có không có báo Tới Niết Bàn.

有自然度無極。有無所有度無極。有廣普度無極。

Hữu tự nhiên Độ vô cực. Hữu vô sở hữu Độ vô cực. Hữu quảng phổ Độ vô cực.

Nếu tự nhiên Tới Niết Bàn. Có không có được Tới Niết Bàn. Nếu rộng khắp Tới Niết Bàn.

有華度無極。有無量度無極。有慕求度無極。

Hữu hoa Độ vô cực. Hữu vô lượng Độ vô cực. Hữu mộ cầu Độ vô cực.

Có hoa Tới Niết Bàn. Có vô lượng Tới Niết Bàn. Có quyền luyện cầu Tới Niết Bàn.

有所厭度無極。有妙樂度無極。有無樂度無極。

Hữu sở yếm Độ vô cực. Hữu diệu lạc Độ vô cực. Hữu vô lạc Độ vô cực.

Có được chán Tới Niết Bàn. Có vui vi diệu Tới Niết Bàn. Có không có vui Tới Niết Bàn.

有聞持度無極。有生死長度無極。有無斷度無極。

Hữu văn trì Độ vô cực. Hữu sinh tử trưởng Độ vô cực. Hữu vô đoạn Độ vô cực.

Nếu nghe giữ Tới Niết Bàn. Nếu sinh chết tăng thêm Tới Niết Bàn. Có không có cắt bỏ Tới Niết Bàn.

有樂純熟度無極。有禪度無極。有神通度無極。

Hữu lạc thuần thực Độ vô cực. Hữu Thiền Độ vô cực. Hữu Thần-thông Độ vô cực.

Nếu thuận thực vui sướng Tới Niết Bàn. Có Thiền Tới Niết Bàn. Có Thần thông Tới Niết Bàn.

有世巧便度無極。有慈愍護度無極。有行哀度無極。

Hữu thế xảo tiện Độ vô cực. Hữu Từ mẫn hộ Độ vô cực. Hữu hành ai Độ vô cực.

Có Phương tiện tinh xảo của đời Tới Niết Bàn. Có gìn giữ tâm Từ thương xót Tới Niết Bàn. Có thực hành thương tiếc Tới Niết Bàn.

有歡喜度無極。有勸邪正見度無極。有勸住無住見度無極。

Hữu hoan hỉ Độ vô cực. Hữu khuyến tà chính kiến Độ vô cực. Hữu khuyến trụ vô trụ kiến Độ vô cực.

Có vui mừng Tới Niết Bàn. Có khuyên nhìn thấy đúng sai Tới Niết Bàn. Nếu khuyên ở không ở trong nhìn thấy Tới Niết Bàn.

有勸無猗度無極。有勸意度無極。有勸忍度無極。

Hữu khuyến vô ý Độ vô cực. Hữu khuyến ý Độ vô cực. Hữu khuyến Nhẫn Độ vô cực.

Có khuyên không ý lại Tới Niết Bàn. Có ý khuyên Tới Niết Bàn. Có khuyên Nhẫn nhịn Tới Niết Bàn.

有造無造業度無極。有無餘度無極。有佛興盛度無極。

Hữu tạo vô tạo nghiệp Độ vô cực. Hữu vô dư Độ vô cực. Hữu Phật hưng thịnh Độ vô cực.

Có tạo ra không tạo ra nghiệp Tới Niết Bàn. Có không có thừa Tới Niết Bàn. Có Phật hưng thịnh Tới Niết Bàn.

有明度無極。有時住明度無極。有成就度無極。

Hữu minh Độ vô cực. Hữu thời trụ minh Độ vô cực. Hữu thành tựu Độ vô cực.

Có sáng Tới Niết Bàn. Có lúc sáng ở lại Tới Niết Bàn. Có thành công Tới Niết Bàn.

有意不忽度無極。有佛立家度無極。有出家來度無極。

Hữu ý bất hốt Độ vô cực. Hữu Phật lập gia Độ vô cực. Hữu Xuất-gia lai Độ vô cực.

Có ý không quên lãng Tới Niết Bàn. Có Phật lập dựng nhà Tới Niết Bàn. Có đến Xuất gia Tới Niết Bàn.

有愍哀博聞來度無極。有出家不斷戒度無極。

Hữu mẫn ai bác văn lai Độ vô cực. Hữu Xuất gia bất đoạn Giới Độ vô cực.

Có thương tiếc đến nghe nhiều Tới Niết Bàn. Có Xuất gia không có cắt bỏ Giới Tới Niết Bàn.

有住神通度無極。有神通意不斷度無極。有入欲度無極。

Hữu trụ Thần-thông Độ vô cực. Hữu Thần-thông ý bất đoạn Độ vô cực. Hữu nhập dục Độ vô cực.

Nếu ở trong Thần thông Tới Niết Bàn. Có Thần thông không cắt bỏ ý Tới Niết Bàn. Có nhập vào mong muốn Tới Niết Bàn.

有立度無極。有應度無極。有眾報無報度無極。

Hữu lập Độ vô cực. Hữu ứng Độ vô cực. Hữu chúng báo vô báo Độ vô cực.

Có lập dựng Tới Niết Bàn. Có ứng thuận Tới Niết Bàn. Có các báo không có báo Tới Niết Bàn.

有無樂度無極。有時進度無極。有光明無量光度無極。

Hữu vô lạc Độ vô cực. Hữu thời tiến Độ vô cực. Hữu Quang-minh vô lượng quang Độ vô cực.

Có không có vui sướng Tới Niết Bàn. Có thời Tinh tiến Tới Niết Bàn. Có Quang minh sáng vô lượng Tới Niết Bàn.

有報安光度無極。有不迴還度無極。有娛樂度無極。

Hữu báo an quang Độ vô cực. Hữu bất hồi hoàn Độ vô cực. Hữu ngu lạc Độ vô cực.

Có ánh sáng báo yên ổn Tới Niết Bàn. Có không có quay trở về Tới Niết Bàn. Có đùa vui Tới Niết Bàn.

有鮮潔度無極。有成世法度無極。有淨世度無極。

Hữu tiên khiết Độ vô cực. Hữu thành thế Pháp Độ vô cực. Hữu tịnh thế Độ vô cực.

Có tươi mát tinh khiết Tới Niết Bàn. Có thành Pháp Thế gian Tới Niết Bàn. Có đời Thanh tịnh Tới Niết Bàn.

有成種度無極。有成眷屬度無極。有不壞眷屬度無極。

Hữu thành chủng Độ vô cực. Hữu thành quyến thuộc Độ vô cực. Hữu bất hoại quyến thuộc Độ vô cực.

Được thành công chủng loài Tới Niết Bàn. Nếu thành được quyến thuộc Tới Niết Bàn. Có không có hủy hoại quyến thuộc Tới Niết Bàn.

有除塵來淨度無極。有觀土度無極。有宣誓度無極。

Hữu trừ trần lai tịnh Độ vô cực. Hữu quan thổ Độ vô cực. Hữu tuyên thệ Độ vô cực.

Có trừ bỏ ô uế được Thanh tịnh Tới Niết Bàn. Có quan sát đất Tới Niết Bàn. Có tuyên thệ Tới Niết Bàn.

有無逸度無極。有周旋度無極。有滅度度無極。

Hữu vô dật Độ vô cực. Hữu chu toàn Độ vô cực. Hữu Diệt-độ Độ vô cực.

Có không có phóng túng Tới Niết Bàn. Có vật lộn Tới Niết Bàn. Nếu hết sinh chết Tới Niết Bàn.

有豪貴度無極。有理眷屬度無極。有無所忘失度無極。

Hữu hào quý Độ vô cực. Hữu lý quyến thuộc Độ vô cực. Hữu vô sở vong thất Độ vô cực.

Có hào quý Tới Niết Bàn. Có làng xóm quyến thuộc Tới Niết Bàn. Có không có quên mất Tới Niết Bàn.

有三十二相度無極。有順時度無極。有知時度無極。

Hữu Tam thập nhị Tướng Độ vô cực. Hữu thuận thời Độ vô cực. Hữu tri thời Độ vô cực.

Có 32 Tướng Tới Niết Bàn. Có thuận thời Tới Niết Bàn. Có biết thời Tới Niết Bàn.

有分別世度無極。有順世度無極。有邊際度無極。

Hữu phân biệt thế Độ vô cực. Hữu thuận thế Độ vô cực. Hữu biên tế Độ vô cực.

Có phân biệt Đời Tới Niết Bàn. Có thuận Đời Tới Niết Bàn. Có biên giới Tới Niết Bàn.

有鬪除度無極。有金剛度無極。有造救度無極。

Hữu yên trừ Độ vô cực. Hữu Kim cương Độ vô cực. Hữu tạo cứu Độ vô cực.

Có trừ bỏ Tới Niết Bàn. Có Kim Cương Tới Niết Bàn. Có làm cứu độ Tới Niết Bàn.

有自然度無極。有伏魔度無極。有無退度無極。

Hữu tự nhiên Độ vô cực. Hữu phục Ma Độ vô cực. Hữu vô thoái Độ vô cực.

Có tự nhiên Tới Niết Bàn. Có hàng phục Ma Tới Niết Bàn. Có không có thoái lui Tới Niết Bàn.

有一時度無極。有無所著度無極。有三昧度無極。

Hữu nhất thời Độ vô cực. Hữu vô sở trước Độ vô cực. Hữu Tam-muội Độ vô cực.

Có nhất thời Tới Niết Bàn. Có không có nương nhờ Tới Niết Bàn. Có Tam Muội Tới Niết Bàn.

有訓誨度無極。有佛道度無極。有一切智度無極。

Hữu huấn hồi Độ vô cực. Hữu Phật đạo Độ vô cực. Hữu nhất thiết Trí Độ vô cực.

Có dạy bảo Tới Niết Bàn. Được Đạo Phật Tới Niết Bàn. Được tất cả Trí tuệ Tới Niết Bàn.

有無餘有餘度無極。有可止度無極。有諸佛度無極。

Hữu Vô-dư Hữu-dư Độ vô cực. Hữu khả chỉ Độ vô cực. Hữu chư Phật Độ vô cực.

Được Không có dư thừa, Có dư thừa Tới Niết Bàn. Có thể dừng lại Tới Niết Bàn. Có các Phật Tới Niết Bàn.

有方便度無極。有愁感度無極。有真陀度無極。

Hữu Phương-tiện Độ vô cực. Hữu sầu thích Độ vô cực. Hữu Chân-đà Độ vô cực.

Có Phương tiện Tới Niết Bàn. Có sầu đau Tới Niết Bàn. Được quán tính chân thực Tới Niết Bàn.

有異度無極。有四意斷度無極。有四神足試神足度無極。

Hữu dị Độ vô cực. Hữu Tứ-ý đoạn Độ vô cực. Hữu Tứ Thần-túc thí Thần-túc Độ vô cực.

Có khác biệt Tới Niết Bàn. Có 4 ý cắt bỏ Tới Niết Bàn. Có 4 Thần biến, thử 4 Thần biến Tới Niết Bàn.

有四禪度無極。有四意止度無極。有四諦度無極。

Hữu Tứ-Thiền Độ vô cực. Hữu Tứ-ý chỉ Độ vô cực. Hữu Tứ-đế Độ vô cực.

Được 4 bậc Thiền Tới Niết Bàn. Được 4 Ý dừng lại Tới Niết Bàn. Được 4 Thánh đế Tới Niết Bàn.

有信根，精進根，意根，智慧根，定根度無極。

Hữu Tín căn, Tinh-tiến căn, Ý căn, Trí-tuệ căn, Định căn Độ vô cực.

Có Căn Tin, Căn Tinh tiến, Căn Ý, Căn Trí tuệ, Căn Định Tới Niết Bàn.

有信力。精進力。意力。定力。智慧力。度無極。

Hữu Tín lực, Tinh-tiến lực, Ý lực, Định lực, Trí-tuệ lực Độ vô cực.

Có Lực Tin, Lực Tinh tiến, Lực Ý, Lực Định, Lực Trí tuệ Tới Niết Bàn.

有七覺意，八品道行度無極。有寂然度無極。

Hữu Thất giác ý, Bát phẩm đạo hạnh Độ vô cực. Hữu Tịch-nhiên Độ vô cực.

Có 7 Giác ý, 8 Đạo hạnh đúng Tới Niết Bàn. Có Vắng vẻ Tới Niết Bàn.

有觀度無極。有樂明度無極。有來解脫度無極。

Hữu quan Độ vô cực. Hữu lạc minh Độ vô cực. Hữu lai Giải-thoát Độ vô cực.

Có quan sát Tới Niết Bàn. Có vui sáng Tới Niết Bàn. Có đến Giải thoát Tới Niết Bàn.

有比丘聖眾度無極。有八部會度無極。有分別度無極。

Hữu Tì-kheo Thánh chúng Độ vô cực. Hữu Bát-bộ hội Độ vô cực. Hữu phân biệt Độ vô cực.

Có Tì Kheo Thánh chúng Tới Niết Bàn. Có hội 8 Bộ Chúng Tới Niết Bàn. Có phân biệt Tới Niết Bàn.

有繫解法度無極。有分別順理度無極。有辯才度無極。

Hữu hệ giải Pháp Độ vô cực. Hữu phân biệt thuận lý Độ vô cực. Hữu biện tài Độ vô cực.
Có Pháp buộc vào tháo ra Tới Niết Bàn. Có phân biệt lý thuận Tới Niết Bàn. Có tài hùng biện Tới Niết Bàn.

有無厭度無極。有六度度無極。有眼耳鼻口身心度無極。

Hữu vô yếm Độ vô cực. Hữu Lục-độ Độ vô cực. Hữu Nhãn Nhĩ Tị Khẩu Thân Tâm Độ vô cực.
Có không chán Tới Niết Bàn. Có 6 Pháp Bồ Tát Tới Niết Bàn. Có Mắt Tai Mũi Miệng Thân Tâm Tới Niết Bàn.

有愍他勸助度無極。有愍已度無極。有法度無極。

Hữu mẫn tha khuyến trợ Độ vô cực. Hữu mẫn dĩ Độ vô cực. Hữu Pháp Độ vô cực.
Có thương người khác khuyến trợ Tới Niết Bàn. Đã có thương xót Tới Niết Bàn. Có Pháp Tới Niết Bàn.

有宣度無極。有(邱-丘+半)伴度無極。有勸樂度無極。

Hữu tuyên Độ vô cực. Hữu bán bạn Độ vô cực. Hữu khuyến lạc Độ vô cực.
Có đọc nói Tới Niết Bàn. Có bạn ở giữa Tới Niết Bàn. Có khuyến vui sướng Tới Niết Bàn.

有三脫門度無極。有異行度無極。有解他度無極。

Hữu Tam thoát môn Độ vô cực. Hữu dị hành Độ vô cực. Hữu giải tha Độ vô cực.
Có 3 môn Giải thoát Tới Niết Bàn. Có hành khác lạ Tới Niết Bàn. Có hiểu khác Tới Niết Bàn.

有勤用意度無極。有十種力度無極。有四無所畏度無極。

Hữu cần dụng ý Độ vô cực. Hữu Thập chủng lực Độ vô cực. Hữu Tứ vô sở úy Độ vô cực.
Có ý siêng sử dụng Tới Niết Bàn. Có 10 loại Lực Tới Niết Bàn. Có 4 không sợ hãi Tới Niết Bàn.

有大哀度無極。有自在度無極。有娛樂度無極。

Hữu đại ai Độ vô cực. Hữu Tự-tại Độ vô cực. Hữu ngu lạc Độ vô cực.
Có Bi thương lớn Tới Niết Bàn. Có Tự tại Tới Niết Bàn. Có vui đùa Tới Niết Bàn.

有五眼，肉眼，天眼，慧眼，法眼，佛眼度無極。

Hữu Ngũ-nhãn, Nhục-nhãn, Thiên-nhãn, Tuệ-nhãn, Pháp-nhãn, Phật-nhãn Độ vô cực.
Có 5 loại mắt : Mắt thịt, mắt Cõi Trời, mắt Trí tuệ, mắt Bồ Tát, mắt Phật Tới Niết Bàn.

有難得自歸度無極。有十八不共諸佛之法度無極。

Hữu nan đắc tự quy Độ vô cực. Hữu thập bát bất cộng chư Phật chi Pháp Độ vô cực.
Nếu khó được tự theo trở về Tới Niết Bàn. Có 18 không cùng Pháp các Phật Tới Niết Bàn.

有純熟度無極。有自然度無極。有三界行度無極。

Hữu thuần thực Độ vô cực. Hữu tự nhiên Độ vô cực. Hữu Tam-giới hành Độ vô cực.
Có thuần thực Tới Niết Bàn. Có tự nhiên Tới Niết Bàn. Có hành 3 Cõi giới Tới Niết Bàn.

有觀清白行度無極。有法種度無極。有八等度無極。

Hữu quan thanh bạch hạnh Độ vô cực. Hữu Pháp chủng Độ vô cực. Hữu Bát-đẳng Độ vô cực.
Có nhìn thấy hành thanh bạch Tới Niết Bàn. Có loại Pháp Tới Niết Bàn. Có 8 Bình đẳng Tới Niết Bàn.

有道跡。往來。不還。無著。度無極。有緣覺度無極。

Hữu Đạo tích, Vãng lai, Bất hoàn, Vô trước Độ vô cực. Hữu Duyên-giác Độ vô cực.

Có dấu vết Đạo, vắng lai, không trở về, không nương nhờ Tới Niết Bàn. Được Duyên Giác Tới Niết Bàn.

有菩薩度無極。有盡慧度無極。有無所生慧度無極。

Hữu Bồ-tát Độ vô cực. Hữu tận tuệ Độ vô cực. Hữu vô sở sinh tuệ Độ vô cực.

Được Bồ Tát Tới Niết Bàn. Có được hết Trí tuệ Tới Niết Bàn. Có không có sinh Trí tuệ Tới Niết Bàn.

有天眼，天耳，心知，自在見過世事，知他人念，神足，漏盡，六通度無極。

Hữu Thiên-nhân, Thiên-nhĩ, Tâm tri, Tự-tại kiến quá thế sự, tri tha nhân niệm, Thần-túc, Lục-tận, Lục-thông Độ vô cực.

Có mắt Cõi Trời, Tai Cõi Trời, Tâm hiểu biết, Tự tại nhìn thấy việc thời Quá khứ, biết suy nghĩ của người khác, Thần thông biến hóa, hết Phiền não, 6 Thần thông Tới Niết Bàn.

有威儀度無極。有建立慧度無極。有愍傷度無極。

Hữu Uy nghi Độ vô cực. Hữu kiến lập tuệ Độ vô cực. Hữu mẫn thương Độ vô cực.

Có Uy nghi Tới Niết Bàn. Có thiết lập Trí tuệ Tới Niết Bàn. Có thương đau Tới Niết Bàn.

有行空度無極。有捐捨度無極。有曉了方便度無極。

Hữu hành không Độ vô cực. Hữu quyền xả Độ vô cực. Hữu hiểu liễu Phương-tiện Độ vô cực.

Có thực hành Rỗng không Tới Niết Bàn. Có buông bỏ Tới Niết Bàn. Có hiểu biết rõ Phương tiện Tới Niết Bàn.

有滅度無極。有變化度無極。有流布教度無極。

Hữu Diệt-độ Độ vô cực. Hữu biến hóa Độ vô cực. Hữu lưu bố giáo Độ vô cực.

Được hết sinh chết Tới Niết Bàn. Có biến hóa Tới Niết Bàn. Có truyền bá dạy Tới Niết Bàn.

有分舍利度無極。是諸比丘菩薩所行。

Hữu phần Xá-lợi Độ vô cực. Thị chư Tì-kheo Bồ-tát sở hành.

Có phần Xá Lợi Tới Niết Bàn. Đó là thực hành được của các Bồ Tát Tì Kheo.

二千一百寂然度無極。菩薩大士若逮解是。

Nhị thiên nhất bách Tịch-nhiên Độ vô cực. Bồ-tát Đại-sĩ nhược đãi giải thị.

Hai nghìn 1 trăm Vắng vẻ Tới Niết Bàn. Bồ Tát Đại sĩ nếu nắm lấy hiểu nó.

皆致得一切諸法殊特玄妙無際之行。無等無倫懷來聖哲。

Giai trí đặc nhất thiết chư Pháp thù đặc huyền diệu vô tế chi hành. Vô đẳng vô luân hoài lai Thánh triết.

Đều đem tới tất cả các Pháp đặc biệt huyền diệu hành không có giới hạn. Bình Đẳng không gì bằng, mong tới sáng suốt của Thánh.

無所恃仰消一切塵。無所至湊斷諸狐疑。

Vô sở thị ngưỡng tiêu nhất thiết trần. Vô sở chí thấu đoạn chư hồ nghi.

Không có ý lại mong chờ tiêu tan tất cả Phiền não. Không có thấu suốt lớn cắt bỏ các nghi hoặc.

是二千一百，其中別一百度無極。

Thị nhị thiên nhất bách, kỳ trung biệt nhất bách Độ vô cực.

Đó là 2 nghìn 1 trăm, trong số đó đặc biệt một trăm Tới Niết Bàn.

主除四大去六衰令無有餘。獨步三界往來周旋。遍入三世。

Chủ trừ Tứ-Đại khứ Lục-suy linh vô hữu dư. Độc bộ Tam-giới vãng lai chu toàn. Biển nhập Tam-thế.

Chủ yếu trừ bỏ 4 Đại vứt đi 6 suy bại giúp cho không còn dư thừa. Đi bộ một mình trong 3 Cõi giới qua lại vật lộn. Biển lan ra nhập vào 3 Đời.

猶如日月不畏眾冥。成就萬物百穀草木。

Do như Nhật Nguyệt bất úy chúng minh. Thành tựu vạn vật bách cốc thảo mộc.

Giống như mặt Trời mặt Trăng không sợ các tối. Thành công vạn vật trăm loài ngũ cốc cây cỏ. 仰天之茂皆因地生。菩薩如是。

Ngưỡng Thiên chi mậu giai nhân địa sinh. Bồ-tát như thị.

Tươi tốt ngẩng lên Trời đều sinh nhân do Đất. Bồ Tát như thế.

二千一百諸度無極。及是百度無極。

Nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Cập thị bách Độ vô cực.

Hai nghìn một trăm loại Tới Niết Bàn. Cùng với 1 trăm đó Tới Niết Bàn.

其二千一百諸度無極。貪婬怒癡等分四事。

Kỳ nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Tham dâm nộ si đẳng phần Tứ-sự.

Hai nghìn 1 trăm các loại đó Tới Niết Bàn. Tham dâm thù hận ngu si cũng như phần 4 việc.

各二千一百。合八千四百。八千四百各別有十事。

Các nhị thiên nhất bách. Hợp bát thiên tứ bách. Bát thiên tứ bách các biệt hữu Thập-sự.

Từng loại 2 nghìn 1 trăm. Hợp thành 8 nghìn 4 trăm. Tám nghìn 4 trăm từng loại đặc biệt có 10 việc.

合八萬四千。以能具足度無極。

Hợp bát vạn tứ thiên. Dĩ năng cụ túc Độ vô cực.

Hợp lại thành 8 vạn 4 nghìn. Do có thể đầy đủ Tới Niết Bàn.

便已備悉八萬四千眾要上業。八萬四千諸總持門自然達矣。

Tiện dĩ bị tất bát vạn tứ thiên chúng yếu thượng Nghiệp. Bát vạn tứ thiên chư Tổng-trì môn tự nhiên đạt hĩ.

Liên xong đầy đủ tất cả 8 vạn 4 nghìn các Nghiệp chủ yếu ở trên. Tám vạn 4 nghìn các môn ghi nhớ giữ hết tự nhiên thông suốt cả

便通諸佛五百聖功品第各別。以娛樂化一切眾生。

Tiện thông chư Phật ngũ bách Thánh công phẩm đệ các biệt. Dĩ ngu lạc hóa nhất thiết chúng sinh.

Liên thông suốt công Đức của các Phật 5 trăm Thánh, phẩm bậc thứ hạng từng loại khác biệt. Do vui đùa giáo hóa tất cả chúng sinh.

曉成一切所行境界。隨時發起摩不濟安至無極慧本際法身。

Hiểu thành nhất thiết sở hành cảnh giới. Tùy thời phát khởi mị bất tế an chí vô cực tuệ bản tế Pháp thân.

Hiểu thành công tất cả cảnh giới thực hành được. Tùy thời phát khởi tất cả đều cứu giúp yên ổn tới Trí tuệ vô cùng, thân Pháp vốn dĩ ở giữa.

習行品第七

Tập hành phẩm đệ thất.

Phẩm thứ 7 Luyện tập thực hành.

時喜王菩薩復白佛言：我聞世尊粗舉目要諸佛境界。

Thời Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn : Ngã văn Thế Tôn thô cử mục yếu chư Phật cảnh giới.

Lúc đó Hi Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng : Con nghe Thế Tôn nói sơ qua danh mục chủ yếu cảnh giới của các Phật.

本性不敏不能尋了義之所歸。惟願大聖垂意愍念善哉之德。

Bản tính bất mẫn bất năng tìm liễu nghĩa chi sở quy. Duy nguyện Đại Thánh tùy ý mẫn niệm thiện tai chi Đức.

Tính vốn không nhanh Trí, không thể tìm kiếm rõ nghĩa được trở về. Mong muốn Đại Thánh rủ ý thương nhớ, công Đức thiện thay.

當廣歎演斯經要典使一切解。多所哀念多所安隱。

Đương quảng tán diễn tư Kinh yếu điển sử nhất thiết giải. Đa sở ai niệm đa sở an ổn.

Cần ca ngợi rộng khắp diễn thuyết điểm cốt yếu của Kinh đó, làm cho hiểu biết tất cả. Được nhiều thương nhớ được nhiều yên ổn.

愍傷諸天及十方人。復為重散。佛告喜王菩薩！

Mẫn thương chư Thiên cập Thập phương nhân. Phục vi trùng tán. Phật cáo Hi-vương Bồ-tát : Thương xót các Trời cùng với người 10 phương. Lại làm nhiều lần nhỏ. Phật bảo Hi Vương Bồ Tát !

諦聽！諦聽善思念之。今當為汝一切比丘諸菩薩等重解散之。

Đề thính ! Đề thính thiện tư niệm chi ! Kim đương vị Nhữ nhất thiết Tì-kheo chư Bồ-tát đặng trùng giải tán chi.

Nghe Tuệ ! Nghe Tuệ tư duy Tuệ tu Tuệ ! Nay đang vì Ngài tất cả Tì Kheo các Bồ Tát giảng giải nhiều lần.

喜王菩薩與諸大眾受教而聽。佛言：何謂修習行法度無極有六事？

Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo nhi thính. Phật ngôn : Hà vị tu tập hành Pháp Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Hi Vương Bồ Tát cùng với các Đại Chúng nhận lời dạy mà lắng nghe. Phật nói rằng : Thế nào gọi là tu tập thực hành Pháp Tối Niết Bàn có 6 việc ?

從古已來未曾發意則發平等至真菩薩心。

Tòng cổ dĩ lai vị tăng phát ý tắc phát Bình đẳng chí Chân Bồ-tát tâm.

Từ xưa tới nay chưa từng phát ý chắc là phát tâm Bình đẳng được Bồ Tát Chân Chính.

在於過去平等覺所及於眾生。布施持戒忍辱精進一心智慧。

Tại ư Quá-khứ Bình-đẳng giác sở cập ư chúng sinh. Bồ-thí Trì-giới Nhẫn-nhục Tinh tiến Nhất-tâm Trí-tuệ.

Tại nơi ở của Bình Đẳng Giác thời Quá khứ cùng với chúng sinh. Bồ thí, giữ Giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Nhất tâm, Trí tuệ.

志樂佛道心願至真未曾忽忘。是謂修治習行而度無極。是為六。

Chí nhạo Phật đạo tâm nguyện chí chân vị tăng hốt vong. Thị vị tu trì tập hạnh nhi Độ vô cực. Thị vi Lục.

Ý chí ham thích Đạo Phật tâm nguyện tới Chân Chính chưa từng lãng quên. Đó gọi là tu hành nghiên cứu luyện tập thực hành mà Tới Niết Bàn. Đó là Sáu.

何謂光曜度無極有六事？發顯明智道心之法。已自察戒發菩薩心。

Hà vị Quang-diệu Độ vô cực hữu Lục-sự？ Phát hiển minh Trí đạo tâm chi Pháp. Dĩ tự sát Giới phát Bồ-tát tâm.

Thế nào gọi là Quang sáng chói Tới Niết Bàn có 6 việc？ Phát khởi hiện ra rõ Trí tuệ sáng Pháp của Đạo tâm. Đã tự xem kỹ Giới phát tâm Bồ Tát.

始從施起戒忍精進一心智慧。是謂光曜度無極。

Thủy tòng Thí khởi Giới, Nhẫn, Tinh tiến, Nhất-tâm, Trí-tuệ. Thị vị Quang-diệu Độ vô cực.

Đầu tiên từ Bồ thí phát khởi giữ Giới, Nhẫn nhục, Tinh tiến, Nhất tâm, Trí tuệ. Đó gọi là Quang sáng chói Tới Niết Bàn

何謂世度無極有六事？所供養佛興功立德，皆為眾生。

Hà vị Thế Độ vô cực hữu Lục-sự？ Sở cúng dường Phật hưng Công lập Đức, giai vị chúng sinh. Thế nào gọi Độ thoát đời Tới Niết Bàn có 6 việc？ Nếu cúng dường Phật hưng vượng công Đức, đều vì chúng sinh.

六度亦然。拘制六情志慕六通。達往業進大道。是世度無極。

Lục-độ diệc nhiên. Câu chế Lục-tình chí mộ Lục-thông. Đạt vãng Nghiệp tiến Đại-đạo. Thị Thế Độ vô cực.

Sáu Pháp Bồ Tát Tới Niết Bàn cũng như thế. Kiểm chế 6 Tình Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, ý chí luyện mộ 6 Thân thông. Thông tỏ Nghiệp xưa tiến tới Đạo lớn. Đó là Đời Tới Niết Bàn.

何謂為眾生故行度無極有六事？若以布施攝於眾生。

Hà vị vị chúng sinh cố hành Độ vô cực hữu Lục-sự？ Nhược dĩ Bồ-thí nhiếp ư chúng sinh.

Thế nào gọi là cố vì chúng sinh Tới Niết Bàn có 6 việc？ Nếu dùng Bồ thí thu hút chúng sinh.

心自念言：使諸眾生常獲安隱。亦復勸人入於佛道。

Tâm tự niệm ngôn：Sử chư chúng sinh thường hoạch an ổn. Diệc phục khuyến nhân nhập ư Phật đạo.

Tâm tự suy nghĩ nói rằng：Làm cho các chúng sinh thường thu hoạch được yên ổn. Cũng lại khuyên người thâm nhập vào Đạo Phật.

六度無極亦復如是。以戒安之以苦如空。

Lục-Độ vô cực diệc phục như thị. Dĩ Giới an chi dĩ khổ như không.

Sáu Pháp Bò Tát Tới Niết Bàn cũng lại như thế. Dùng Giới yên ổn do khổ như Rỗng không.
忍辱之法而度脫之。精進濟之。以一心攝護於眾生。

Nhẫn-nhục chi Pháp nhi độ thoát chi. Tinh-tiến tế chi. Dĩ Nhất-tâm nhiếp hộ ư chúng sinh.
Pháp Nhẫn nhục mà được độ thoát. Tinh tiến cứu giúp. Dùng Nhất tâm thu hút bảo vệ chúng sinh.

自投顛倒想逮智慧。勸助於道欲安眾生。求成正覺欲度眾生。

Tự đầu điên đảo tưởng đãi Trí-tuệ. Khuyên trợ ư Đạo dục an chúng sinh. Cầu thành Chính-giác dục độ chúng sinh.

Tự lao đầu vào đảo lộn tưởng nhớ bắt lấy Trí tuệ. Khuyên trợ giúp Đạo muốn chúng sinh yên ổn.
Cầu thành Chính Giác muốn độ thoát chúng sinh.

是謂為眾生故行度無極有六事。

Thị vị vị chúng sinh cố hành Độ vô cực hữu Lục-sự.

Đó là cố vì chúng sinh thực hành Tới Niết Bàn có 6 việc.

何謂住度無極有六事？若以堅固建立志願。

Hà vị Trụ Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược dĩ kiên cố kiến lập chí nguyện.

Thế nào gọi là Ở lại Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu do kiên cố thiết lập chí nguyện.

道心清和而無諍訟。是施度無極。

Đạo tâm thanh hòa nhi vô tranh tụng. Thị Thí Độ vô cực.

Tâm Đạo thanh hòa mà không tranh đấu kiện tụng. Đó là Bồ thí Tới Niết Bàn.

所立遊土觀無想戒。志存道法不求望報。是戒度無極。

Sở lập du thổ quan vô tưởng giới. Chí tồn Đạo Pháp bất cầu vọng báo. Thị Giới Độ vô cực.

Nếu lập dựng đi tới vùng Đất quan sát không có tưởng nhớ Giới. Ý chí còn Đạo Pháp không cầu hi vọng báo đáp. Đó là Giới Tới Niết Bàn.

住於道法忍一切苦堅住道要。是忍度無極。

Trụ ư Đạo Pháp Nhẫn nhất thiết khổ kiên trụ Đạo yếu. Thị Nhẫn Độ vô cực.

Ở trong Đạo Pháp Nhẫn nhịn tất cả Khổ kiên trì ở trong Đạo chủ yếu. Đó là Nhẫn nhục Tới Niết Bàn.

所立正行無央數劫。不廢精進至一切智。是精進度無極。

Sở lập Chính-hạnh vô ương số Kiếp. Bất phế Tinh-tiến chí nhất thiết Trí. Thị Tinh-tiến Độ vô cực.

Nếu lập dựng Đức hạnh đúng rất nhiều số Kiếp. Không phá bỏ Tinh tiến được tất cả Trí tuệ. Đó là Tinh tiến Tới Niết Bàn.

修奉一心志求法想欲成佛道。是禪度無極。

Tu phụng Nhất-tâm chí cầu Pháp tưởng dục thành Phật đạo. Thị Thiền Độ vô cực.

Tu hành cung kính Nhất tâm, chí nguyện cầu tưởng nhớ Pháp, muốn thành Đạo Phật. Đó là Thiền Tới Niết Bàn.

住於道義暢一切法。審如至真成最正覺。

Trụ ư Đạo nghĩa sướng nhất thiết Pháp. Thâm như chí chân thành Tới Chính-giác.

Ở trong nghĩa của Đạo thông suốt tất cả Pháp. Thâm sát như được chân thực thành Tối Chính Giác.

心無有異不抱妄想。是智度無極。是住度無極六事。

Tâm vô hữu dị bất bảo vọng tưởng. Thị Trí Độ vô cực. Thị trụ Độ vô cực Lục-sự.

Tâm không có khác không ôm ấp ảo tưởng. Đó là Trí tuệ Tối Niết Bàn. Đó là Ở lại Tối Niết Bàn có 6 việc.

何謂生死度無極有六事？所施無量而不可盡。

Hà vị sinh tử Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở Thí vô lượng nhi bất khả tận.

Thế nào gọi là sinh chết Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu Bồ thí vô lượng mà không thể hết tận.

至得佛道周旋生死。所在之處致大財富。是施度無極。

Chí đắc Phật đạo chu toàn sinh tử. Sở tại chi xứ trí đại tài phú. Thị Thí Độ vô cực.

Tối được Đạo Phật vật lộn sinh chết. Tại nơi ở đem tới tiền tài phú quý lớn. Đó là Bồ thí Tối Niết Bàn.

以勸終始，諸惱之患悉蒙福慶。具足壽命不可限量。

Dĩ khuyến chung thủy, chư não chi hoạn tất蒙 Phúc khánh. Cụ túc thọ mệnh bất khả hạn lượng.

Do khuyên từ đầu tới cuối, các Phiền não hoạn nạn đều được Phúc vui vẻ. Thọ mệnh đầy đủ không thể hạn lượng.

在生死中而不中天。是戒度無極。

Tại sinh tử trung nhi bất trung yêu. Thị Giới Độ vô cực.

Ở trong sinh chết mà không ở trong chết non. Đó là Giới Tối Niết Bàn

若得他對而心不起。是謂忍辱。

Nhược đắc tha đối nhi tâm bất khởi. Thị vị Nhẫn-nhục.

Nếu được trả lời khác mà tâm không sinh khởi. Đó là Nhẫn nhục.

不可計劫不厭禪定奉行善本。是曰精進。

Bất khả kế Kiếp bất yếm Thiền-Định phụng hành thiện bản. Thị viết Tinh-tiến.

Không thể tính đếm Kiếp không chán Thiền Định cung kính thực hành thiện vốn có. Đó là Tinh Tiến.

以所生緣禪定正受。是名曰禪。

Dĩ sở sinh duyên Thiền-định Chính-thụ. Thị danh viết Thiền.

Do được Duyên sinh Thiền Định Thụ nhận đúng. Tên đó là Thiền.

若以不捨諸度無極勸助佛道。一切諸業建立伎術。

Nhược dĩ bất xả chư Độ vô cực khuyến trợ Phật đạo. Nhất thiết chư Nghiệp kiến lập kỹ thuật.

Nếu do không bỏ các Pháp Tối Niết Bàn khuyến khích trợ giúp Đạo Phật. Thiết lập kỹ thuật tất cả các Nghiệp.

從其至慧皆令得所。是曰智慧。是在生死六度無極。

Tòng kỳ chí Tuệ giai linh đắc sở. Thị viết Trí-tuệ. Thị tại sinh tử Lục Độ vô cực.

Từ đó được Trí tuệ đều giúp cho có được. Đó là Trí tuệ. Đó là ở trong sinh chết 6 Pháp Tới Niết Bàn.

何謂所著塵度無極有六事？所欲立道眾善德勳。

Hà vị sở trước Trần Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở dục lập Đạo chúng thiện Đức huân.

Thế nào gọi là được nương nhờ Trần Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu muốn lập dựng các công Đức thiện của Đạo.

皆以勸化眾生之類。是曰布施。

Giai dĩ khuyến hóa chúng sinh chi loại. Thị viết Bố-thí.

Đều do khuyến giáo hóa các loại chúng sinh. Đó là Bố thí.

如師子，猶如聖王有八萬四千諸宮嫖女。

Như Sư Tử, do như Thánh Vương hữu bát vạn tứ thiên chư cung cung nữ.

Như Sư Tử, giống như Thánh Vương có 8 vạn 4 nghìn cung nữ của các cung.

嫖女所違佛道者終不與俱。使歸三寶消除三百塵。

Cung nữ sở vi Phật đạo giả chung bất dữ câu. Sở quy Tam-Bảo tiêu trừ tam bách Trần.

Cung nữ nếu ngược lại Đạo Phật cuối cùng không được cùng tham dự. Sai khiến cho trở về theo Phật Pháp Tăng, tiêu trừ 300 Trần.

眾勞如一。疾致道術。以是戒禁慈勸眾生。是曰持戒。

Chúng lao như nhất, tật trí Đạo thuật. Dĩ thị Giới cấm Từ khuyến chúng sinh. Thị viết Trì-giới.

Các lao khổ như một, nhanh đem tới học thuật Đạo. Dùng Giới cấm đó tâm Từ khuyến chúng sinh. Đó là giữ Giới.

戒之所度為去塵勞。順從他心不以穢塵。是為忍辱。精進所著。

Giới chi sở độ vi khứ trần lao. Thuận tòng tha tâm bất dĩ uế trần. Thị vi Nhẫn-nhục. Tinh-tiến sở trước.

Vượt qua được Giới bỏ được Phiền não. Thuận theo tâm khác không bị Phiền não ô uế. Đó là Nhẫn nhục. Tinh tiến được nương nhờ.

何謂精進所度無極？云所著故故行精進。

Hà vị Tinh-tiến sở Độ vô cực? Vân sở trước cố cố hành Tinh-tiến.

Thế nào gọi là Tinh tiến được Tới Niết Bàn ? Nếu do được nhiều nương nhờ cố thực hành Tinh tiến.

恐怖於人如明王子。度知施業因而安之。用所著故而行精進。

Khủng bố ư nhân như minh Vương-tử. Độ tri Thí nghiệp nhân nhi an chi. Dụng sở trước cố cố hành Tinh-tiến.

Sợ hãi với người như Vương Tử sáng suốt. Bồ thí vượt qua nguyên nhân của Nghiệp mà được yên ổn.

何謂為禪？有著之故行禪定耳。以見吾我便攝息之。是曰禪定。

Hà vị vi Thiền ? Hữu trước chi cố hành Thiền-định nhĩ. Dĩ kiến ngô ngã tiện nhiếp tức chi. Thị viết Thiền-định.

Thế nào là Thiên ? Do có nương nhờ, thực hành Thiên Định. Do nhìn thấy tôi ta liền thu lấy hơi thở. Đó là Thiên Định.

何謂所著之故行智度無極？若智度無極而不可盡。

Hà vị sở trước chi cố hành Trí Độ vô cực ? Nhược trí Độ vô cựcni bất khả tận.

Thế nào gọi là do được nương nhờ thực hành Trí tuệ Tối Niết Bàn ? Nếu Trí tuệ Tối Niết Bàn mà không thể hết tận.

愍傷光暉樂得聖慧勸助道德。是曰智慧。是曰所著故六度無極。

Mẫn thương quang huy nhạo đắc Thánh tuệ khuyến trợ Đạo-đức. Thị viết Trí-tuệ. Thị viết sở trước cố Lục-Độ vô cực.

Ánh quang thương xót sáng ham thích được Trí tuệ Thánh khuyên trợ giúp Đạo Đức. Đó là Trí tuệ. Đó là do được nương nhờ 6 Pháp Tối Niết Bàn.

何謂益他人度無極有六事？以樂德勸開化眾生。是為布施。

Hà vị ích tha nhân Độ vô cực hữu Lục-sự ? Dĩ lạc Đức huân khai hóa chúng sinh. Thị vi Bố-thí.

Thế nào gọi là lợi ích người khác Tối Niết Bàn có 6 việc ? Dùng Đức công trạng vui vẻ khai hóa chúng sinh. Đó là Bố thí.

依猗慈心不懷傷害。是曰持戒。

Y ỷ Từ tâm bất hoài thương hại. Thị viết Trì-giới.

Ỗ lại dựa vào Tâm Từ không nhớ thương hại. Đó là giữ Giới.

所治正法悉能忍之而不穢厭。是曰忍辱。

Sở trì Chính-pháp tất năng Nhẫn chi nhi bất uế yếm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nghiên cứu Pháp đúng biết có thể Nhẫn nhịn mà không ô uế chán ghét. Đó là Nhẫn nhục.

若為彼人勤修至行。欲濟危厄悉得永安。是曰精進。

Nhược vi bỉ nhân cần tu chí hạnh. Dục tế nguy ách tất đắc vĩnh an. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu vì người đó chuyên cần tu hạnh lớn. Muốn cứu giúp nguy ách đều được vĩnh viễn yên ổn.

Đó là Tinh tiến.

若有以法心懷思惟積德清淨。是以禪定。

Nhược hữu dĩ Pháp tâm hoài tư duy tích Đức Thanh tịnh. Thị dĩ Thiên-định.

Nếu có do Pháp tâm nhớ suy nghĩ tích Đức Thanh tịnh. Đó là do Thiên Định.

以斯因緣充滿飽足一切眾生。顯揚道意。是曰智慧。

Dĩ tư Nhân-duyên sung mãn bão túc nhất thiết chúng sinh. Hiển dương Đạo ý. Thị viết Trí-tuệ.

Dùng Nhân duyên đó thỏa mãn đầy đủ tất cả chúng sinh. Hiện ra rõ nói ý Đạo. Đó là Trí tuệ.

是曰益他人六度無極。何謂處所度無極有六事？

Thị viết ích tha nhân lục Độ vô cực. Hà vị xứ sở Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là lợi ích người khác 6 Pháp Tối Niết Bàn. Thế nào gọi là Nơi ở Tối Niết Bàn có 6 việc ?

以棄顛倒布施所作不望其報。是曰施與。

Dĩ khí điên đảo Bố-thí sở tác bất vọng kỳ báo. Thị viết Thí dữ.

Do bỏ đảo lộn làm được Bố thí không hi vọng họ báo đáp. Đó là Bố thí cho.

所有財業因依戒禁。用眾生故習於忍辱願進一切己身所住。

Sở hữu tài Nghiệp nhân y Giới cấm. Dụng chúng sinh cố tập ư Nhẫn-nhục nguyện tiến nhất thiết kỹ thân sở trụ

Nếu có Nghiệp tài sản nhân do dựa vào Giới cấm. Cố vì chúng sinh luyện tập với Nhẫn nhục, nguyện tiến tới tất cả bản thân được ở lại.

思惟經典修行寂然。而在憚怕住於其內。是曰智慧。

Tư duy Kinh điển tu hành Tịch-nhiên. Nhi tại đảm phạ trụ ư kỳ nội. Thị viết Trí-tuệ.

Tư duy Kinh điển tu hành Vắng vẻ. Mà bên trong lo lắng sợ hãi ở lại bên trong nó. Đó là Trí tuệ. 是六處所度無極。何謂道度無極有六事？

Thị lục xứ sở Độ vô cực. Hà vị Đạo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là 6 nơi ở Tới Niết Bàn. Thế nào gọi là Đạo Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能習行無所從生法忍。靡不堪任。是曰布施。

Nhược năng tập hành vô sở tòng sinh Pháp-nhẫn. Mị bất kham nhâm. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể luyện tập thực hành không có từ Pháp Nhẫn sinh. Tất cả đều chịu nhận. Đó là Bố thí. 若以不得身口心際。是曰戒矣。

Nhược dĩ bất đắc Thân Khẩu Tâm tế. Thị viết Giới hĩ.

Nếu do không được Thân Miệng Tâm ở giữa. Đó là Giới vậy.

而以於法真諦修順悉無所諍。是曰忍辱。

Nhi dĩ ư Pháp chân đế tu thuận tất vô sở tránh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Mà do với Pháp chân thực thuận tu hành đều không có tranh luận. Đó là Nhẫn nhục.

若身口心不住返逆。不志雜碎勤修不懈。是曰精進。

Nhược Thân Khẩu Tâm bất trụ phản nghịch. Bất chí tạp toái cần tu bất giải. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu Thân Miệng Tâm không ở trong phản nghịch. Không muốn tan vỡ tạp loạn chuyên cần tu hành không có lười nhác. Đó là Tinh tiến.

設奉行法心以精專志無所著。好一切智所了如審。是曰一心。

Thiết phụng hành Pháp tâm dĩ tinh chuyên chí vô sở trước. Hiếu nhất thiết Trí sở liễu như thẩm. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cung kính thực hành Pháp tâm đã chuyên tinh anh, ý chí không nương nhờ. Ham thích tất cả Trí tuệ, nếu biết rõ kỹ càng tỉ mỉ. Đó là Nhất tâm.

解三界空如幻化夢。道無三世去來今也。拔濟塵勞。

Giải Tam-giới Không như huyền hóa mộng. Đạo vô Tam-thế Khứ-Lai-Kim dã. Bạt tế trần lao.

Hiểu 3 Cõi giới Rỗng không như giấc mơ ảo hóa. Đạo cũng không có 3 Đời Quá khứ Hiện nay Tương lai.

是曰智慧。斯是佛道六度無極。佛告喜王！

Thị viết Trí-tuệ. Tư thị Phật đạo Lục-Độ vô cực. Phật cáo Hỷ-vương！

Đó là Trí tuệ. Đó là Đạo Phật 6 Pháp Tới Niết Bàn. Phật bảo Hỷ Vương！

何謂慧度無極？若不毀斷善權方便。

Hà vị Tuệ Độ vô cực？Nhược bất hủy đoạn thiện quyền Phương-tiện.

Thế nào gọi là Trí tuệ Tới Niết Bàn？Nếu không hủy hoại cắt bỏ quyền Phương tiện.

開化眾生以慧濟之。是曰布施。若以造作五百頌偈。

Khai hóa chúng sinh dĩ tuệ tế chi. Thị viết Bồ-thí. Nhược dĩ tạo tác ngũ bách tụng kệ.

Khai hóa chúng sinh dùng Trí tuệ cứu giúp. Đó là Bồ thí. Nếu do làm tạo ra 500 kệ tụng.

棄捐九十六徑。消眾苦惱奉尊正見。

Khí quyên cửu thập lục kính. Tiêu chúng khổ não phụng tôn Chính-kiến.

Vứt bỏ 96 lối mòn. Tiêu tan các khổ não kính trọng Nhìn thấy đúng.

超至善處永安之土。是曰戒矣。

Siêu chí thiện xứ vĩnh an chi thổ. Thị viết Giới hĩ.

Vượt tới được nơi thiện, Đất vĩnh viễn yên ổn. Đó là Giới vậy.

若除苦患慧室寂然。厭於婬欲勤修精進。

Nhược trừ khổ hoạn tuệ thất Tịch-nhiên. Yếm ư dâm dục cần tu Tinh-tiến.

Nếu trừ diệt khổ hoạn Trí tuệ phòng ở Vắng vẻ. Chán ghét dâm dục chuyên cần tu hành Tinh tiến.

展轉相教以道相度。是曰忍辱。

Triển chuyển tương giáo dĩ Đạo tương độ. Thị viết Nhẫn-nhục

Phát triển chuyển rộng dạy lẫn nhau vì Đạo cùng nhau độ thoát. Đó là Nhẫn nhục.

奉行自制。如是所有國土人民象馬車乘。

Phụng hành tự chế. Như thị sở hữu Quốc thổ nhân dân tượng mã xa thừa.

Cung kính thực hành tự điều khiển. Như thế có được Đất nước nhân dân voi ngựa xe quý.

欲恬怕己識求苦元了無根本。是曰精進。

Dục điềm phạ kỷ thức cầu khổ nguyên liễu vô căn bản. Thị viết Tinh-tiến.

Muốn yên tĩnh bản thân sợ hãi nhận thức ra tìm nguồn gốc của khổ biết rõ không có gốc rễ. Đó là Tinh tiến.

念已愍彼則致弘安，猶如箜篌。然後會寂其心堅固。

Niệm kỷ mẫn bỉ tắc trí hoàng an, do như không hầu. Nhiên hậu hội tịch kỳ tâm kiên cố.

Bản thân nhớ thương họ chắc là đem tới yên ổn lớn, giống như sáo trúc. Sau đó gặp im lặng tâm của nó kiên cố.

亦如師子鹿獸之王。復若導師度眾賈人。是曰精進。

Diệt như Sư Tử lộc thú chi Vương. Phục nhược Đạo-sư độ chúng cô nhân. Thị viết Tinh-tiến.

Cũng như Sư Tử, hươu Vua của loài thú. lại như Thầy dẫn dắt độ thoát các người buôn. Đó là Tinh tiến.

若興一心色無所生。發聲聞法起緣覺法。

Nhược hưng Nhất-tâm sắc vô sở sinh. Phát Thanh-văn Pháp khởi Duyên-giác Pháp.

Nếu Nhất tâm hưng khởi Sắc không có sinh. Phát sinh Pháp Thanh Văn khởi dụng Pháp Duyên Giác.

在於其業而不滅度。是曰一心。

Tại ư kỳ nghiệp nhi bất Diệt-độ. Thị viết Nhất-tâm.

Ở trong Nghiệp đó mà không nhập Niết Bàn. Đó là Nhất tâm.

若以於法無有眾生無我無人不可有壽命。猶如六事修道念法。

Nhược dĩ u Pháp vô hữu chúng sinh vô ngã vô nhân bất hữu thọ mệnh. Do như Lục-sự tu Đạo niệm Pháp.

Nếu do được Pháp, không có chúng sinh, không có tôi, không có người, không có thọ mệnh. Giống như 6 việc tu Đạo học Pháp.

出家行學刈去十惡。是曰智慧。是慧度無極六事。

Xuất-gia hạnh học ngải khừ Thập-ác. Thị viết Trí-tuệ. Thị Tuệ Độ vô cực Lục-sự.

Xuất gia học hạnh vớt bỏ 10 Nghiệp ác. Đó là Trí tuệ. Đó là 6 việc của Trí tuệ Tới Niết Bàn.

何謂為己修立行智度無極有六事？

Hà vị vi kỷ tu lập hạnh Trí Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là vì bản thân tu hành lập dựng hạnh Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若得大財勸於己身。及愍眾生救助惠之。是曰布施。

Nhược đắc đại tài khuyến ư kỷ thân. Cập mẫn chúng sinh cứu trợ huệ chi. Thị viết Bố-thí.

Nếu được tài sản lớn khuyến bản thân. Cùng với thương chúng sinh cứu giúp ân huệ. Đó là Bố thí.

設在天上又在人間。來致安隱自然飲食。是曰持戒。

Thiết tại Thiên thượng hựu tại nhân gian. Lai trí an ổn tự nhiên ẩm thực. Thị viết Trì-giới.

Nếu ở trên Trời mới lại ở nhân gian. Đến đem tới yên ổn ăn uống tự nhiên. Đó là giữ Giới.

若逮忍辱欣豫寂然。顏色第一猶如蓮華。

Nhược đãi Nhẫn-nhục hân dự Tịch-nhiên. Nhan sắc đệ nhất do như Liên hoa.

Nếu bắt lấy Nhẫn nhục vui thích Vắng vẻ. Nhan sắc bậc nhất giống như hoa Sen.

至豪高貴無極之報。是曰忍辱。

Chí hào cao quý vô cực chi báo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Được quả báo giàu sang cao quý vô cùng. Đó là Nhẫn nhục.

既行佛道不仰他人。雖奉遵修。身自獨立。是曰精進。

Ký hành Phật đạo bất ngưỡng tha nhân. Tuy phụng tuân tu, thân tự độc lập. Thị viết Tinh-tiến.

Đã thực hành Đạo Phật không ngưỡng mộ người khác. Tuy cung kính tuân theo tu hành, thân tự độc lập. Đó là Tinh tiến.

若受禪定常若劫毀劫成之時，來到此國。是曰一心。

Nhược thụ Thiền-định thường nhược Kiếp hủy, Kiếp thành chi thời lai đáo thử Quốc. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu thụ nhận Thiền Định thường như là lúc phá hủy Kiếp thành công Kiếp, đến tới Đất này. Đó là Nhất tâm.

雖處世間懷誠信行。護身口心。是曰智慧。

Tuy xử Thế-gian hoài thành tín hành. Hộ Thân Khẩu Tâm. Thị viết Trí-tuệ.

Tuy ở Thế gian nhớ thực hành tin thực. Giữ Thân Miệng Tâm. Đó là Trí tuệ.

是曰為己勤修六度無極。

Thị viết vi kỷ cần tu Lục-Độ vô cực.

Đó là vì bản thân chuyên cần tu 6 Pháp Tới Niết Bàn.

何謂逮得度無極有六事？若了布施致大財富。

Hà vị đái đắc Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhực liễu Bồ-thí trí đại tài phú.

Thế nào gọi là bắt được Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu biết rõ Bồ thí đem tới giàu có lớn.

以是所施逮得佛道勸助一切。是曰布施。

Dĩ thị sở thí đái đắc Phật đạo khuyến trợ nhất thiết. Thị viết Bồ-thí.

Dùng nó được Bồ thí bắt được Đạo Phật khuyến trợ giúp tất cả. Đó là Bồ thí.

心無所著寂靜惛怕而不起想。以是持戒勸濟眾生。是曰持戒。

Tâm vô sở trước Tịch-tĩnh đàm phạ nhi bất khởi tưởng. Dĩ thị Trì-giới khuyến tế chúng sinh. Thị viết Trì-giới.

Tâm không nương nhờ Tĩnh lặng, lo lắng sợ hãi mà không khởi sinh tưởng nhớ. Dùng nó giữ Giới khuyến cứu giúp chúng sinh. Đó là giữ Giới.

其不誹謗法無傷害心。至成佛道未曾有恨。是曰忍辱。

Kỳ bất phi báng Pháp vô thương hại tâm. Chí thành Phật đạo vị tăng hữu hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu không phi báng Pháp tâm không thương hại. Tới thành công Đạo Phật chưa từng có thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

設奉精進不抱惱熱夙夜修行。是曰精進。

Thiết phụng Tinh-tiến bất bảo nảo nhiệt túc dạ tu hành. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính Tinh tiến không ôm ấp Phiền não sớm tối tu hành, Đó là Tinh tiến.

身遵至教一切無犯逮得三昧。是曰一心。

Thân tuân chí giáo nhất thiết vô phạm đái đắc Tam-muội. Thị viết Nhất-tâm.

Thân tuân theo giáo lý lớn, tất cả không vi phạm bắt được Tam Muội. Đó là Nhất tâm.

若奉行一切諸法。靡所不了達一切無。是曰智慧。

Nhực phụng hành nhất thiết chư Pháp. Mị sở bất liễu đạt nhất thiết vô. Thị viết Trí-tuệ.

Nếu cung kính thi hành tất cả các Pháp. Tất cả đều biết rõ, thông tỏ tất cả không có. Đó là Trí tuệ.

是曰逮得度無極六事。何謂念度無極有六事？

Thị viết đái đắc Độ vô cực Lục-sự. Hà vị niệm Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là 6 việc bắt được Tới Niết Bàn. Thế nào gọi là nhớ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若得奉行布施之德。以勸助道濟度眾生。是曰布施。

Nhực đắc phụng hành Bồ-thí chi Đức. Dĩ khuyến trợ Đạo tế độ chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được cung kính thi hành Đức của Bồ thí. Do khuyến trợ giúp Đạo cứu độ chúng sinh. Đó là Bồ thí.

其身口心所獲功祚戒禁之報以施合道。是曰持戒。

Kỳ Thân Khẩu Tâm sở hoạch Công-tộ Giới-cấm chi báo dĩ Thí hợp Đạo. Thị viết Trì-giới.

Nếu Thân Miệng Tâm có thu hoạch được công Phúc, báo ứng của Giới cấm do Bồ thí hợp với Đạo. Đó là giữ Giới.

設受諸法合集在會。所顯審如審。是曰忍辱。

Thiết thụ chư Pháp hợp tập tại hội. Sở hiển thắm như thắm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thụ nhận các Pháp tập hợp ở trong hội. Nếu hiện ra rõ tỏ mĩ như tử mĩ. Đó là Nhẫn nhục.

設無所決方便奉行。彼此有慧精進無礙。是曰精進。

Thiết vô sở quyết Phương-tiện phụng hành. Bỉ thử hữu tuệ Tinh-tiến vô ngại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu không có tháo bỏ, cung kính thi hành Phương tiện. Đó đây có Trí tuệ Tinh tiến không trở ngại. Đó là Tinh tiến.

若發禪思所斷瑞應諮受大德。是曰一心。

Nhược phát Thiền tư sở đoạn thụy ung tư thụ đại Đức. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu phát khởi Tĩnh lặng suy nghĩ cắt bỏ được điềm báo, cần thăm hỏi thụ nhận Đức lớn. Đó là Nhất tâm.

智越彼岸聖超在頂。以授道決將養其意。

Trí việt bỉ ngạn Thánh siêu tại đỉnh. Dĩ thụ Đạo quyết tương dưỡng kỳ ý.

Trí tuệ vượt tới Niết Bàn, Thánh vượt qua ở trên đỉnh. Do quyết tâm truyền thụ Đạo, sẽ nuôi dưỡng ý đó.

所將養者守護心行。頒宣道法。

Sở tương dưỡng giả thủ hộ tâm hành. Ban tuyên Đạo Pháp.

Nếu sẽ nuôi dưỡng bảo vệ tâm thi hành. Nói đọc Đạo Pháp.

是曰智慧。是曰菩薩念度無極。

Thị viết Trí-tuệ. Thị viết Bồ-tát niệm Độ vô cực.

Đó là Trí tuệ. Đó là Bồ tát nhớ Tới Niết Bàn.

何謂離世度無極有六事？若以方便斷諸有為。

Hà vị ly thế Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ Phương-tiện đoạn chư Hữu-vi.

Thế nào gọi là rời bỏ Đời Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu dùng Phương tiện cắt bỏ các Pháp có hình tướng.

勸至無為道果之德。是曰布施。

Khuyến chí Vô-vi Đạo quả chi Đức. Thị viết Bồ-thí.

Khuyến được Đức của quả Đạo Pháp không có hình tướng. Đó là Bồ thí.

若求禁戒慕道法元心不邪想。是曰持戒。

Nhược cầu Cấm-giới mộ Đạo Pháp nguyên tâm bất tà tưởng. Thị viết Trì-giới.

Nếu cầu Giới cấm ngưỡng mộ Đạo Pháp tâm vốn có không tưởng nhớ sai trái. Đó là giữ Giới.

若了無常苦空非身。解內外法好斯法樂。是曰忍辱。

Nhược liễu Vô-thường Khổ Không phi thân. Giải nội ngoại Pháp hiểu tư Pháp lạc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu biết rõ Biến đổi Khổ Rỗng Không thân sai. Hiểu Pháp trong ngoài ham thích vui sướng Pháp đó. Đó là Nhẫn nhục.

其以精修無傷害意。奉遵所願往古之義心無所著。是曰精進。

Kỳ dĩ tinh tu vô thương hại ý. Phụng tuân sở nguyện vãng cổ chi nghĩa tâm vô sở trước. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tinh luyện tu hành, không có ý thương hại. Cung kính tuân theo nguyện vọng, vãng tới nghĩa cổ điển, tâm không nương nhờ. Đó là Tinh tiến.

設以禪定不捨至觀。以是之故滅除塵勞。是曰一心。

Thiết dĩ Thiền định bất xả chí quan. Dĩ thị chí cố diệt trừ trần lao. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định không buông bỏ được quan sát. Do cố dùng nó diệt trừ Phiền não. Đó là Nhất tâm.

假使不亂十二緣起。攝權方便不遠塵勞。

Giả sử bất loạn thập nhị duyên khởi. Nhiếp quyền Phương-tiện bất viễn trần lao.

Nếu như không loạn 12 Nhân duyên phát khởi. Thu lấy quyền Phương tiện không xa rời Phiền toái.

從其眾人心懷所好隨時開化。是曰智慧。是為六。

Tòng kỳ chúng nhân tâm hoài sở hiếu tùy thời khai hóa. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi Lục.

Từ các người đó, tâm nhớ ham thích tùy thời khai hóa. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂造有所作業度無極有六事？

Hà vị tạo hữu sở tác Nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là tạo ra Có nếu làm Nghiệp Tới Niết Bàn có 6 việc？

以所施業四恩之祚，加於眾生。是曰布施。

Dĩ sở Thí-nghiệp Tứ-ân chi tộ, gia ư chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Do được Nghiệp Bồ thí công Đức của 4 ân, thêm cho chúng sinh. Đó là Bồ thí.

若用禁戒為無央數眾生之類。皆令蒙恩而得濟度。是曰持戒。

Nhược dụng Cấm-giới vị vô ương số chúng sinh chi loại. Giai linh mông ân nhi đắc tế độ. Thị viết Trì-giới.

Nếu do Giới cấm vì vô số các loại chúng sinh. Điều giúp cho được ân mà được cứu độ. Đó là giữ Giới.

猶若飛鳥禽獸新生之時墮著火中。菩薩見之滅火脫難。

Do nhược phi điều cầm thú tân sinh chi thời đọa trước hỏa trung. Bồ-tát kiến chi diệt hỏa thoát nạn.

Giống như chim bay, cầm thú lúc mới sinh rơi xuống trong đồng lửa. Bồ Tát nhìn thấy diệt trừ lửa giải thoát nạn.

彼這見安救施恩義。因發道心。是曰忍辱。

Bỉ giá kiến an cứu Thí ân nghĩa. Nhân phát đạo tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Họ được yên ổn đó, cứu ban ân nghĩa. Nhân do phát tâm Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

設復開化教訓無數國土黎庶。隨時降眾。

Thiết phục khai hóa giáo huấn vô số quốc độ lê thú. Tùy thời hàng chúng.

Nếu lại khai hóa giáo huấn dân nghèo của vô số Đất nước. Tùy thời hàng phục Chúng.

若在八難造立忍辱。假使截頭遭眾苦惱悉以忍之。

Nhược tại bát nạn tạo lập Nhẫn-nhục. Giả sử tiệt đầu tao chúng khổ não tất dĩ Nhẫn chi.

Nếu ở trong 8 nạn tạo lập Nhẫn nhục. Nếu như cắt đầu gặp các khổ não biết lấy làm Nhẫn nhịn.

一切諸厄心不起恨。是亦忍辱。

Nhất thiết chur ách tâm bất khởi hận. Thị diệc Nhẫn-nhục.

Tất cả các tai ách, tâm không khởi sinh thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

設有所見以四恩行。有所加益隨時精進。

Thiết hữu sở kiến dĩ Tứ-ân hành. Hữu sở gia ích tùy thời Tinh-tiến.

Nếu có được nhìn thấy do thi hành 4 ân. Nếu tăng thêm ích lợi tùy thời Tinh tiến.

奉遵大慈無蓋之哀。以化眾生不可稱計。

Phụng tuân Đại Từ vô cái chi ai. Dĩ hóa chúng sinh bất khả xưng kế.

Cung kính tuân theo Đại Từ thương không che đậy. Do giáo hóa chúng sinh không thể đợc tính đếm.

以為元首勸助一切。斯心所行何見所苦。

Dĩ vi nguyên thủ khuyến trợ nhất thiết. Tư tâm sở hành hà kiến sở khổ.

Do vì đứng hàng đầu khuyến trợ giúp tất cả. Hành đợc tâm đó làm sao nhìn thấy có khổ.

導利三界以蒙普覆。是曰精進。

Đạo lợi Tam-giới dĩ蒙 phổ phúc. Thị viết Tinh-tiến.

Hướng dẫn lợi ích 3 Cõi giới, do đợc che chở khắp cả. Đó là Tinh tiến.

若未修行智慧之元。而以精勤一切諸法無所違失。

Nhược vị tu hành Trí-tuệ chi nguyên. Nhi dĩ tinh cần nhất thiết chur Pháp vô sở vi thất.

Nếu chưa tu hành Trí tuệ vốn có. Mà dùng tinh luyện chuyên cần, không có ngược lại mất tất cả các Pháp.

有見解空了三脫門。是曰一心。

Hữu kiến giải Không liễu Tam thoát môn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy hiểu Rõng không biết rõ 3 môn Giải thoát. Đó là Nhất tâm.

若志一心眾善德法而不忽忘。使無眾想悉入佛道。

Nhược chí Nhất-tâm chúng thiện Đức Pháp nhi bất hốt vong. Sử vô chúng tưởng tất nhập Phật đạo.

Nếu ý chí Nhất tâm các Pháp Đức thiện mà không lãng quên mất. Làm cho không có các tưởng nhớ đều nhập vào Đạo Phật.

從其所依因教訓之。至於無想不願脫門。是曰智慧。是為六。

Tòng kỳ sở y nhân giáo huấn chi. Chí ư vô tưởng bất nguyện thoát môn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi Lục.

Theo đó đợc dựa vào nhân do giáo huấn. Tới đợc không có tưởng nhớ, không có nguyện, môn Giải thoát. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂休息道度無極有六事？若斯吉祥意所好樂世俗之業。

Hà vị hưu tức đạo Độ vô cựchữ lục sự？Nhược tư cát tường ý sở hiếu lạc thể tục chi nghiệp.

Thế nào gọi là nghỉ dừng Đạo Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu cát tường đó, ý nếu ham thích vui sướng nghiệp đời tục.

以所布施入於正見。合集功德勸助眾生。是曰布施。

Dĩ sở Bồ-thí nhập ư Chính-kiến. Hợp tập Công-đức khuyến trợ chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.
Do được Bồ thí nhập vào Thấy đúng. Tập hợp công Đức khuyến trợ giúp chúng sinh. Đó là Bồ thí.

其心休息志信道慧，以所施與。正語正命正業正方便。是曰持戒。

Kỳ tâm hưu tức chí tín Đạo tuệ, dĩ sở Thí dữ. Chính-ngữ Chính-mệnh Chính-nghiệp chính Phương tiện. Thị viết Trì-giới.

Nếu tâm dừng nghỉ ý chí tin Đạo Trí tuệ, do được Bồ thí ban cho. Lời nói đúng, Mệnh đúng, Nghiệp đúng, Phương tiện đúng. Đó là giữ Giới.

菩薩所作休息道者戒之所度。其無所從生法忍不望想報。是曰忍辱。

Bồ-tát sở tác hưu tức Đạo giả Giới chi sở độ. Kỳ vô sở tòng sinh Pháp-nhẫn, bất vọng tưởng báo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bồ Tát làm được dừng nghỉ Đạo, Giới được vượt qua. Nếu không có từ Pháp nhẫn sinh, không hi vọng tưởng nhớ báo đáp. Đó là Nhẫn nhục.

心不可得，身復精進而無所猗。是曰精進。

Tâm bất khả đắc, thân phục Tinh-tiến nhi vô sở ỷ. Thị viết Tinh-tiến.

Tâm không thể được, thân lại Tinh tiến mà không ỷ lại. Đó là Tinh tiến.

捐去顛倒定意不亂。專精攝意令無放逸。是曰一心。

Quyên khứ điên đảo Định ý bất loạn. Chuyên tinh nhiếp ý linh vô phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.
Vứt bỏ đảo lộn Định ý không loạn. Chuyên nhất tinh luyện thu lấy ý giúp cho không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

若攝無想執智慧聖。度脫危厄眾惱之患。是曰智慧。

Nhược nhiếp vô tưởng chấp Trí-tuệ Thánh. Độ thoát nguy ách chúng não chi hoạn. Thị viết Trí-tuệ.

Nếu thu lấy không có tưởng nhớ cầm lấy Trí tuệ của Thánh. Độ thoát nguy ách các Phiền não hoạn nạn. Đó là Trí tuệ.

奉行正見正意。興發一道乃不退轉。是曰智慧休息道度無極六事。

Phụng hành Chính-kiến Chính-ý. Hưng phát nhất đạo nãi Bất-thoái-chuyển. Thị viết Trí-tuệ hưu tức Đạo Độ vô cực Lục-sự.

Cung kính thi hành Thấy đúng Ý đúng. Hưng phát một Đạo mà Không toái lui. Đó là Trí tuệ dừng nghỉ Đạo Tới Niết Bàn có 6 việc

何謂不置遠度無極而有六事？

Hà vị bất trí viễn Độ vô cực nhi hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không sắp xếp xa Tới Niết Bàn mà có 6 việc？

若施一切以權方便而發道心。是曰布施。

Nhược Thí nhất thiết dĩ quyền Phương-tiện nhi phát đạo tâm. Thị viết Bồ-thí.

Nếu Bồ thí cho tất cả dùng quyền Phương tiện mà phát tâm Đạo. Đó là Bồ thí.

心無所害無倒為道。至長安隱所到無患。

Tâm vô sở hại vô đảo vi Đạo. Chí trường an ẩn sở đáo vô hoạn.

Tâm không có hại không đảo lộn được Đạo. Được tên ỏn lâu dài tới được không có hoạn nạn.
若有菩薩從兜術天具足來下。動大千世界得淨深土。是曰持戒。

Nhược hữu Bồ-tát tòng Đâu-thuật Thiên cụ túc lai hạ. Động Đại-thiên Thế-giới đắc tịnh thâm thổ. Thị viết Trì-giới.

Nếu có Bồ Tát từ Trời Đâu Thuật hạ xuống đầy đủ. Chấn động Đại thiên Thế giới được Đất Thanh tịnh thâm sâu. Đó là giữ Giới.

若以忍辱而為懷來。興建立道超世八法。是曰忍辱。

Nhược dĩ Nhẫn-nhục nhi vi hoài lai. Hưng kiến lập Đạo siêu thế bát Pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Nhẫn nhục mà vì nhớ đến. Thiết lập Đạo hưng thịnh vượt hơn 8 Pháp ở Đòi. Đó là Nhẫn nhục.

精進勸慈加於眾生。是曰精進。

Tinh-tiến khuyến Từ gia ư chúng sinh. Thị viết Tinh-tiến.

Tinh tiến khuyến tâm Từ tăng thêm cho chúng sinh. Đó là Tinh tiến.

若致一切正受禪定。而無放逸受四等心。是曰一心。

Nhược trí nhất thiết Chính-thụ Thiên-định. Nhi vô phóng dật thụ Tứ-đẳng tâm. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu đem tới tất cả Thụ nhận đúng Thiên Định. Mà không phóng túng thụ nhận 4 tâm Bình đẳng. Đó là Nhất tâm.

以智慧度無極。願行勸助成一切法。

Dĩ Trí-tuệ Độ vô cực. Nguyên hành khuyến trợ thành nhất thiết Pháp.

Do Trí tuệ Tới Niết Bàn. Nguyên thi hành khuyến trợ giúp thành công tất cả Pháp.

方便之宜靡不周濟。是曰智慧。是為六。

Phương-tiện chi nghi, mị bất châu tế. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Phương tiện thích hợp tất cả đều vòng quanh cứu giúp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂應順度無極有六事？

Hà vị ưng thuận Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là cần thuận theo Tới Niết Bàn có 6 việc？

若成明施與同心俱而無異念。是曰布施。

Nhược thành minh thí dĩ đồng tâm câu nhi vô dị niệm. Thị viết Bố-thí

Nếu thành công Bố thí sáng cùng với tâm như nhau tham dự mà không có suy nghĩ khác. Đó là Bố thí.

若以禁戒勸令離欲。無穢之行清淨猶水。是曰持戒。

Nhược dĩ Cấm-giới khuyến linh ly dục. Vô ố chi hạnh Thanh tịnh do thủy. Thị viết Trì-giới.

Nếu do Giới cấm khuyến làm cho rời bỏ ham muốn. Hạnh không ô ố Thanh tịnh như nước. Đó là giữ Giới.

若以和心勸化眾生使無恨心。是曰忍辱。

Nhược dĩ hòa tâm khuyến hóa chúng sinh sử vô hận tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do tâm hòa kính khuyên giáo hóa chúng sinh làm cho không có tâm thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

設以勤修方便寂然。是曰精進。

Thiết dĩ cần tu Phương-tiện Tịch-nhiên. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do chuyên cần tu Phương tiện Vắng vẻ. Đó là Tinh tiến.

其用柔和醫藥法書能動天地。若以禪思消滅諸見六十二疑。

Kỳ dụng nhu hòa y dược Pháp thư năng động Thiên địa. Nhược dĩ Thiền tư tiêu diệt chư kiến lục thập nhị nghi.

Nếu do nhu hòa viết Pháp y dược, có thể chấn động Trời Đất. Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ tiêu diệt các nhìn thấy 62 nghi hoặc.

遊於塵勞而無所畏。是曰一心。若以智度動於天地。

Du ư trần lao nhi vô sở úy. Thị viết Nhất-tâm. Nhược dĩ Trí độ động ư Thiên địa.

Du chơi với Phiền não mà không sợ hãi. Đó là Nhất tâm. Nếu dùng Trí tuệ vượt qua chấn động tới Trời Đất.

學問書疏慧通大哀。曉解善惡苦樂所趣。

Học vấn thư số tuệ thông đại ai. Hiểu giải thiện ác khổ lạc sở thú.

Học hỏi viết số Trí tuệ thông suốt thương xót lớn. Hiểu biết thú hưởng của thiện ác khổ vui sướng.

依仰恃怙於一切智。開士由是見無所畏。是曰智慧。是為六。

Y ngưỡng thị hỷ ư nhất thiết Trí. Khai-sĩ do thị kiến vô sở úy. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Ngưỡng mộ dựa vào giúp đỡ với tất cả Trí tuệ. Bồ Tát do đó nhìn thấy không sợ hãi. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂造作度無極有六事？既自布施教他使施。

Hà vị tạo tác Độ vô cực hữu Lục-sự？Kỷ tự Bồ-thí giáo tha sử Thí.

Thế nào gọi là tạo ra làm việc Tới Niết Bàn có 6 việc？Đã tự Bồ thí dạy người khác làm Bồ thí.復勸他人以慧眾生愍哀護之。是曰布施。

Phục khuyên tha nhân, dĩ tuệ chúng sinh mẫn ai hộ chi. Thị viết Bồ-thí.

Lại khuyên người khác, dùng Trí tuệ bảo vệ thương xót chúng sinh. Đó là Bồ thí.

用眾生故常依慈心而不放逸斷眾惡業。是曰持戒。

Dụng chúng sinh cố thường y Từ tâm nhi bất phóng dật đoạn chúng ác Nghiệp. Thị viết Trì-giới.

Cố vì chúng sinh thường dựa vào tâm Từ mà không phóng túng cắt bỏ các Nghiệp ác. Đó là giữ Giới.

其以將護柔和恩潤不起瞋恨。是曰忍辱。

Kỳ dĩ tương hộ nhu hòa ân nhuận bất khởi sân hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do sẽ bảo vệ, nhu hòa ân thấm nhuận không khởi sinh thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

設令功德善本至要。興隆道化濟諸不逮。是曰精進。

Thiết linh Công-đức thiện bản chí yếu. Hưng long Đạo hóa tế chư bất đãi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm công Đức thiện vốn có là chủ yếu lớn. Giáo hóa Đạo hưng vượng, cứu giúp họ chưa bắt lấy. Đó là Tinh tiến.

其以禪思無常苦空非身之義。悉解是事不墮四倒。是曰一心。

Kỳ dĩ Thiên tư Vô-thường Khổ Không phi thân chi nghĩa. Tất giải thị sự bất đọa Tứ-đạo. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ nghĩa của Biến đổi, Khổ, Rỗng không, thân sai. Điều hiểu việc đó không đọa vào 4 Đạo lộn. Đó là Nhất tâm.

若以智度令眾善本而不漏失。建立現在消諸不善。

Nhược dĩ Trí độ linh chúng thiện bản nhi bất lậu thất. Kiến lập Hiện-tại tiêu chư bất thiện.

Nếu do Trí tuệ vượt qua giúp các thiện vốn có mà không thấm mất. Thiết lập Hiện tại tiêu tan các không thiện.

以權方便多所開化度脫一切。是曰智慧。是為六。

Dĩ quyền Phương-tiện đa sở khai hóa độ thoát nhất thiết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Dùng quyền Phương tiện khai hóa được nhiều độ thoát tất cả, Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無作度無極有六事？

Hà vị vô tác Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Không làm Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以五欲功勳之德教授眾生。是曰布施。

Nhược dĩ Ngũ-dục công huân chi Đức giáo thụ chúng sinh. Thị viết Bô-thí.

Nếu do 5 Dục công trạng và Đức truyền dạy chúng sinh. Đó là Bô thí.

設以將護無數眾人。用斯品次奉佛法戒護所生處。是曰持戒。

Thiết dĩ tương hộ vô số chúng nhân. Dụng tư phẩm thứ phụng Phật Pháp-giới hộ sở sinh xứ. Thị viết Trì-giới.

Nếu do sẽ bảo vệ vô số mọi người. Vì thứ bậc phẩm đó cung kính Phật Pháp giới bảo vệ được nơi sinh. Đó là giữ Giới.

以是寂滅愛欲塵勞。訓誨眾生使其殊特。是曰忍辱。

Dĩ thị Tịch-diệt ái dục trần lao. Huấn hồi chúng sinh sử kỳ thù đặc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Dùng Vắng lặng đó yêu ham muốn phiền toái. Dạy bảo chúng sinh làm cho nó đặc biệt. Đó là Nhẫn nhục.

在於世俗遊於無窮戲樂自在。以斯眷屬開化眾生。是曰精進。

Tại u thế tục du u vô cùng hí lạc Tự-tại. Dĩ tư quyến thuộc khai hóa chúng sinh. Thị viết Tinh-tiến.

Ở trong Đời tục du chơi tới vô cùng vui đùa tự do. Vì quyến thuộc đó giáo hóa chúng sinh. Đó là Tinh tiến.

設以禪定志護覺意無所不達。是曰一心。

Thiết dĩ Thiên-định chí hộ giác ý vô sở bất đạt. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu dùng Thiên Định bảo vệ ý chí ý cảm thấy tất cả đều thông suốt. Đó là Nhất tâm.

若信智慧學無極明。以斯智慧度脫一切。是曰智慧。是為六。

Nhược tín Trí-tuệ học vô cực minh. Dĩ tư Trí-tuệ độ thoát nhất thiết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tin Trí tuệ học sáng vô hạn. Dùng Trí tuệ đó độ thoát tất cả. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂為意度無極有六事？

Hà vị vi ý Độ vô cựcchữ Lục-sự？

Thế nào gọi là được ý Tới Niết Bàn có 6 việc？

若離勸助而不想報。是曰布施。

Nhược ly khuyến trợ nhi bất tưởng báo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu rời xa khuyến trợ giúp mà không tưởng nhớ báo đáp. Đó là Bồ thí.

所奉禁戒無所毀犯勸助佛道。是曰持戒。

Sở phụng Cấm-giới vô sở hủy phạm khuyến trợ Phật đạo. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Giới cấm không có hủy phạm khuyến trợ giúp Đạo Phật. Đó là giữ Giới.

所修平等而行柔軟。是曰忍辱。

Sở tu Bình-đẳng nhi hành nhu nhuỷễn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tu hành Bình đẳng mà thực hành nhu nhuỷễn. Đó là Nhẫn nhục.

勤修不懈進退制己。是曰精進。

Cần tu bất giải tiến thoái chế kỷ. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu hành không lười nhác tiến lùi điều khiển bản thân. Đó là Tinh tiến.

若能奉行捨諸放逸不懷憤亂。是曰一心。

Nhược năng phụng hành xả chư phóng dật bất hoài hội loạn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể cung kính thực hành, buông bỏ các phóng túng, không nhớ nơi náo loạn. Đó là Nhất tâm.

若有所聞聖明之德以勸助道。是曰智慧。是為六。

Nhược hữu sở văn Thánh minh chi Đức dĩ khuyến trợ Đạo. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu nghe được Đức sáng suốt của Thánh dùng khuyến trợ giúp Đạo. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂勤修度無極有六事？一切所有無所愛惜而能放捨。

Hà vị cần tu Độ vô cực hữu Lục-sự？ Nhất thiết sở hữu vô sở ái tích nhi năng phóng xả.

Thế nào gọi là chuyên cần tu hành Tới Niết Bàn có 6 việc？ Tất cả có được không có yêu tiếc mà có thể buông bỏ.

由入大海致諸財寶以濟眾生。是曰布施。

Do nhập đại hải trí chư tài bảo dĩ tế chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Do nhập vào biển lớn đem tới các vật báu, mang ra cứu giúp chúng sinh. Đó là Bồ thí.

若護禁戒自離所瞻不著名色。是曰持戒。

Nhược hộ Cấm-giới tự ly sở chiêm bất trước Danh-sắc. Thị viết Trì-giới.

Nếu bảo vệ Giới cấm, tự rời xa được chiêm ngưỡng, không nương nhờ Danh sắc. Đó là giữ Giới.

有懷毒意而欲加害。乃至截頭節節支解心不懷恨。是曰忍辱。

Hữu hoài độc ý nhi dục gia hại. Nãi chí tiết đầu tiết tiết chi giải, tâm bất hoài hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ý nhớ độc ác mà muốn tăng thêm tổn hại. Thậm chí cắt đầu tháo các chi tiết, tâm không nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

若能越度一切論議。其心寬弘猶如大海。

Nhược năng vượt độ nhất thiết luận nghị. Kỳ tâm khoan hồng do như đại hải.

Nếu có thể vượt qua tất cả bàn luận. Tâm đó khoan dung lớn giống như biển lớn.

一時枯竭恣意得過。是曰精進。

Nhất thời khô kiệt tứ ý đắc quá. Thị viết Tinh-tiến.

Cùng lúc khô kiệt ý buông thả được vượt qua. Đó là Tinh tiến.

若在中宮愛欲之中不失四禪。是曰一心。

Nhược tại trung cung ái dục chi trung bất thất tứ Thiền. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ở trong yêu ham muốn, trong cung điện không mất 4 bậc Thiền. Đó là Nhất tâm.

設能觀察一切萬物。猶如幻化勤無所得。

Thiết năng quan sát nhất thiết vạn vật. Do như huyễn hóa cần vô sở đắc.

Nếu có thể quan sát kỹ tất cả vạn vật. Giống như ảo hóa chuyên cần không có được.

深入微妙不失聖明。是曰智慧。是為六。

Thâm nhập vi diệu bất thất Thánh minh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Thâm nhập vi diệu không mất sáng suốt của Thánh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂正真度無極有六事？

Hà vị Chính-chân Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Chân chính Tới Niết Bàn có 6 việc？

有所施與捨眾罣礙無所怖求。是曰布施。

Hữu sở Thí dữ xả chúng quái ngại vô sở hi cầu. Thị viết Bố-thí.

Nếu có Bố thí ban cho, buông bỏ các trở ngại, không có mong cầu. Đó là Bố thí.

奉修微妙不違禁法不棄聖義。既有所施釋眾放逸。

Phụng tu vi diệu bất vi cấm Pháp bất khí Thánh nghĩa. Ký hữu sở Thí thích chúng phóng dật.

Cung kính tu hành vi diệu, không ngược lại Pháp cấm, không bỏ nghĩa của Bạc Thánh. Đã có được Bố thí buông các phóng túng.

離諸惡趣能建立志。是曰持戒。

Ly chư ác thú năng kiến lập chí. Thị viết Trì-giới.

Rời xa các Đạo ác có thể thiết lập ý chí. Đó là giữ Giới.

能忍一切不諍善法常施仁慈。是曰忍辱。

Năng Nhẫn nhất thiết, bất tránh thiện Pháp, thường Thí nhân từ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Có thể Nhẫn nhịn tất cả, không tranh luận Pháp thiện, thường Bố thí nhân Từ. Đó là Nhẫn nhục.

普於精學而不怯弱。是曰精進。

Phổ ư tinh học nhi bất khiếp nhược. Thị viết Tinh-tiến.

Khắp cả với học tinh thông mà không sợ hãi. Đó là Tinh tiến.

若於禪思能自勤修。入於三昧殊特之業。

Nhược ư Thiền tư năng tự cần tu. Nhập ư Tam-muội thù đặc chi nghiệp.

Nếu với Tĩnh lặng suy nghĩ có thể tự tu hành chuyên cần. Nhập vào Tam Muội Nghiệp đặc biệt.
調護其心。乃至所願如大善見轉輪聖王。

Điều hộ kỳ tâm. Nãi chí sở nguyện như Đại-thiện-kiến Chuyển-luân Thánh Vương.

Điều hòa bảo vệ tâm đó. Thậm chí mong nguyện được như Đại Thiện Kiến Chuyển luân Thánh Vương.

雖在國土消除貪想瞋恚害想。慈念眾生。是為一心。

Tuy tại Quốc thổ tiêu trừ tham tưởng sân khuể hại tưởng. Từ niệm chúng sinh. Thị vi Nhất-tâm.
Tuy ở tại Đất nước tiêu trừ tưởng nhớ tham tưởng nhớ thù hận giận hờn tàn hại. Tâm Từ nhớ chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

而於聖明普無所著。盡觀大哀無傷害心。是曰智慧。是為六。

Nhi ư Thánh minh phổ vô sở trước. Tận đồ đại ai vô thương hại tâm. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.
Mà với sáng suốt của Thánh khắp cả không có nương nhờ. Nhìn thấy hết thương đau lớn, tâm không có thương hại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂行捷疾度無極有六事？

Hà vị hành tiệp tạt Độ vô cựcchữ Lục-sự？

Thế nào gọi là Thực hành nhanh chóng bất lấy Tới Niết Bàn có 6 việc？

住無所逮而造福施。其心坦然而無所歸。是曰布施。

Trụ vô sở dãi nhi tạo Phúc thí. Kỳ tâm thản nhiên nhi vô sở quy. Thị viết Bồ-thí.

Ở trong không có bắt lấy mà tạo ra Bồ thí Phúc. Tâm họ thản nhiên mà không có trở về. Đó là Bồ thí.

若奉禁戒不求產業無所想念。是曰持戒。

Nhược phụng Cẩm giới bất cầu sản nghiệp vô sở tưởng niệm. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Giới cấm, không cầu sản nghiệp, không có tưởng nhớ. Đó là giữ Giới.

遵一切法不墮顛倒隨時行仁。是曰忍辱。

Tuân nhất thiết Pháp bất đọa điên đảo tùy thời hành nhân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuân theo tất cả Pháp, không đọa vào đảo lộn tùy thời thực hành nhân Từ. Đó là Nhẫn nhục.

從其所樂終不迴轉。日日勤修乃至成就。是曰精進。

Tòng kỳ sở lạc chung bất hồi chuyển. Nhật nhật cần tu nãi chí thành tựu. Thị viết Tinh-tiến.

Theo đó được vui sướng cuối cùng không chuyển trở về. Hàng ngày chuyên cần tu hành thậm chí thành công. Đó là Tinh tiến.

若執智慧禪思無極。是曰一心。

Nhược chấp Trí-tuệ Thiền tư vô cực. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cầm lấy Trí tuệ Tĩnh lặng suy nghĩ vô hạn. Đó là Nhất tâm.

若有菩薩在於聲聞行無餘慧。

Nhược hữu Bồ-tát tại ư Thanh-văn hành Vô-dư Tuệ.

Nếu có Bồ Tát ở nơi Thanh Văn thì hành Trí tuệ hết tận.

於緣覺地慧至無餘。不墮於欲及凡夫中亦無缺漏。

Ư Duyên-giác địa Tuệ chí vô dư. Bất đọa ư dục cập Phàm-phu trung diệc vô khuyết lậu.

Với Bạc Duyên Giác Trí tuệ được hết tận. Không đọa nơi ham muốn cùng với trong người Phàm trần cũng không có thâm thiếu.

欲有勸度故在其中志無所著。是曰智慧。是為六。

Dục hữu khuyến độ cố tại kỳ trung chí vô sở trước. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do muốn có khuyến độ thoát, ở trong đó ý chí không có nương nhờ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂深奧度無極有六事？

Hà vị thâm áo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Thâm sâu xa thăm Tối Niết Bàn có 6 việc？

若有所施不念我得施於一切。是曰布施。

Nhược hữu sở thí bất niệm ngã đắc thí ư nhất thiết. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được Bố thí không nhớ tôi được, cho đi tất cả. Đó là Bố thí.

所持禁戒以順眾生不倚生死。斯則聖明之所教法。是曰持戒。

Sở trì Cấm-giới dĩ thuận chúng sinh bất ỷ sinh tử. Tư tắc Thánh minh chi sở giáo Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu giữ Giới cấm do thuận theo chúng sinh không ỷ vào sinh chết. Đây chắc là được sáng suốt của Thánh mà được dạy Pháp. Đó là giữ Giới.

棄邪見法初發大意。建立仁和以是深戒。

Khí Tà-kiến Pháp sơ phát đại ý. Kiến lập nhân hòa dĩ thị thâm Giới.

Bỏ Pháp nhìn thấy sai, đầu tiên phát ý lớn. Thiết lập nhân hòa dùng nó làm Giới thâm sâu.

用忍無極遵解無我。不懷妄想無所榮冀。

Dụng Nhẫn vô cực tuân giải Vô-ngã. Bất hoài vọng tưởng vô sở vinh kí.

Do Nhẫn nhịn vô hạn tuân theo Giải thoát không có tôi. Không nhớ ảo tưởng không có mong vinh hoa.

亦無不冀亦非不冀。是曰無冀。名為忍辱。

Diệc vô bất kí diệc phi bất kí. Thị viết vô kí. Danh vi Nhẫn-nhục.

Cũng mong tất cả cũng không phải không mong. Đó là không mong. Tên là Nhẫn nhục.

在邪見法立勤修行。而於三界悉無所著不念滅度。是曰精進。

Tại Tà-kiến Pháp lập cần tu hành. Nhi ư Tam-giới tất vô sở trước bất niệm Diệt-độ. Thị viết Tinh-tiến.

Ở Trong Pháp nhìn thấy sai, lập ra tu hành chuyên cần. Mà ở trong 3 Cõi giới đều không có nương nhờ, không nhớ Niết Bàn. Đó là Tinh tiến.

有在外學諸邪見業。所行平等正真之道。是曰一心。

Hữu tại ngoại học chư Tà-kiến nghiệp. Sở hành Bình-đẳng Chính-chân chi đạo. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu học ở bên ngoài các Nghiệp sai trái. Nếu thực hành Đạo Bình đẳng Chân chính. Đó là Nhất tâm.

處於智慧修正真法而不惑亂。所在遊至而不罣礙。

Xử ư Trí-tuệ tu Chính-chân Pháp nhi bất hoặc loạn. Sở tại du chí nhi bất quái ngại.

Ở nơi Trí tuệ tu hành Pháp Chân chính mà không hoặc loạn. Ở nơi du hành tới mà không trở ngại.

其心寂然常無放逸。是曰智慧。是為六。

Kỳ tâm Tịch-nhiên thường vô phóng dật. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tâm họ Vắng vẻ thường không phóng túng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂雜度無極有六事？設有所施若干種味。

Hà vị tạp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Thiết hữu sở thí nhược can chủng vị.

Thế nào gọi là Tạp nham Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu có được Bồ thí rất nhiều loại hương vị.

品品各異可受者意。殖若干福不自貪身。

Phẩm phẩm các dị khả thụ giả ý. Thực nhược can Phúc bất tự tham thân.

Từng phẩm vật khác nhau ý có thể thụ nhận. Trồng rất nhiều Phúc không tự tham thân.

復為頒宣若干章句。若取佛土具足所願。是曰布施。

Phục vị ban tuyên nhược can chương cú. Nhược thủ Phật thổ cụ túc sở nguyện. Thị viết Bồ-thí.

Lại vì nói đọc rất nhiều câu chương đoạn. Nếu cầm lấy Đất Phật mong nguyện được đầy đủ, Đó là Bồ thí.

建立禁戒嚴淨佛土不違所誓。是曰持戒。

Kiến lập Cấm-giới nghiêm tịnh Phật thổ bất vi sở thệ. Thị viết Trì-giới.

Thiết lập Giới cấm Đất Phật nghiêm Tịnh không ngược lại thệ nguyện. Đó là giữ Giới.

若彼佛土所有眾生。諸穢薄少心無瞋害以是勸助。是曰忍辱。

Nhược bỉ Phật thổ sở hữu chúng sinh. Chư uế bạc thiểu tâm vô sân hại dĩ thị khuyến trợ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu Đất Phật đó có được chúng sinh. Các ô uế giảm tối thiểu, tâm không thù hận tàn hại, dùng nó khuyến trợ giúp. Đó là Nhẫn nhục

若能獨步聲聞緣覺及菩薩眾。是曰精進。

Nhược năng độc bộ Thanh-văn Duyên-giác cập Bồ-tát chúng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể đi bộ một mình, Thanh Văn Duyên Giác cùng với các Bồ Tát. Đó là Tinh tiến.

設諸眾會姪怒癡盛。身處其中而心不亂。是曰一心。

Thiết chư chúng hội dâm nộ si thịnh. Thân xử kỳ trung nhi tâm bất loạn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu các chúng sinh gặp dâm thù hận ngu si lớn mạnh. Thân ở trong đó mà tâm không loạn. Đó là Nhất tâm.

其以智慧執權方便。在所遊入未曾虛妄。

Kỳ dĩ Trí-tuệ chấp quyền Phương-tiện. Tại sở du nhập vị tăng hư vọng.

Nếu do Trí tuệ cầm lấy quyền Phương tiện. Ở nơi du nhập tới chưa từng ảo vọng.

無所依仰講深妙法。是曰智慧。是為六。

Vô sở y ngưỡng giảng thâm diệu Pháp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Không có ngưỡng mộ dựa vào, giảng Pháp vi diệu. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂清淨度無極有六事？

Hà vị Thanh tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以己心自淨佛土無有瑕穢。是曰布施。

Nhược dĩ kỷ tâm tự Tịnh Phật thổ vô hữu hà uế. Thị viết BỐ-thí.

Nếu do tâm của bản thân có Đất Phật Thanh tịnh, không có dấu vết. Đó là BỐ thí.

設能恭恪一切眾會不被輕慢。是曰持戒。

Thiết năng cung khác nhất thiết chúng hội bất bị khinh mạn. Thị viết Trì-giới.

Nếu tất cả hội chúng có thể cung kính không bị coi thường. Đó là giữ Giới.

設能平等成就佛土。平如手掌，細軟柔和猶如天衣。

Thiết năng Bình-đẳng thành tựu Phật thổ. Bình như thủ chưởng, tế nhuyễn nhu hòa do như Thiên- y.

Nếu có thể Bình đẳng thành công Đất Phật. Bằng phẳng như lòng bàn tay, nhỏ mềm nhu hòa giống như áo Cõi Trời.

若干種寶雜廁其地而無放逸。是曰忍辱。

Nhược can chủng bảo tạp xí kỳ địa nhi vô phóng dật. Thị viết Nhẫn-nhục.

Rất nhiều loại vật báu lẫn lộn ở đất đó mà không phóng túng. Đó là Nhẫn nhục.

若以周旋不可計會。一切國土莫不恭敬。猶如渴仰。是曰精進。

Nhược dĩ chu toàn bất khả kế hội. Nhất thiết Quốc thổ mạc bất cung kính. Do như khát ngưỡng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do độ sức không thể tính đếm hội. Tất cả Đất nước đều cung kính tất cả. Giống như ngưỡng mộ theo khát.

若以相好悉能成就。光明遠照去心穢病消眾塵勞。是曰一心。

Nhược dĩ Tướng-Hào tất năng thành tựu. Quang-minh viễn chiếu khứ tâm uế bệnh tiêu chúng Trần lao. Thị viết Nhất-tâm。

Nếu do Tướng Hào đều có thể thành công. Quang sáng chiếu soi xa, tâm vứt bỏ ô uế bệnh, tiêu tan các Phiền toái. Đó là Nhất tâm.

若解眾生猶如幻化而為說法。下及禽獸而不妄捨。

Nhược giải chúng sinh do như huyền hóa nhi vị thuyết Pháp. Hạ cập cầm thú nhi bất vọng xả.

Nếu hiểu chúng sinh giống như ảo hóa mà vì nói Pháp. Hạ xuống cùng với cầm thú mà buông bỏ không ảo vọng.

是曰智慧。是為六。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

無際品第八

Vô-tế phẩm đệ bát.

Phẩm thứ 8 Không có ranh giới.

佛告喜王菩薩！何謂無際度無極有六事？

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Hà vị Vô-tế Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là Không có ranh giới Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若見眾人心懷陰蓋。先布施已却為說法而開化之。是曰布施。

Nhược kiến chúng nhân tâm hoài Âm-cái. Tiên Bô-thí dĩ khước vì thuyết Pháp nhi khai hóa chi. Thị viết Bô-thí.

Nếu nhìn thấy mọi người tâm nhớ vòng Uẩn. Trước đã Bô thí từ chối vì nói Pháp mà khai hóa hết. Đó là Bô thí.

若抱塵勞。訓誨消除令無有餘。是曰持戒。

Nhược bǎo trần lao. Huấn hồi tiêu trừ linh vô hữu dư. Thị viết Trì-giới.

Nếu ôm ấp phiền toái. Dạy bảo tiêu trừ giúp cho không có dư thừa. Đó là giữ Giới.

若世愚人迷起人想。不懷怯弱心無所畏。

Nhược thế ngu nhân mê khởi nhân tưởng. Bất hoài khiếp nhược tâm vô sở úy.

Nếu thời thế người ngu si mê muội tưởng nhớ người. Không lo âu khiếp sợ tâm không sợ hãi.
為分別說令無邊際。是曰忍辱。

Vị phân biệt thuyết linh vô biên tế. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vì phân biệt nói, giúp cho không có biên giới. Đó là Nhẫn nhục.

若設善方便去罣礙慧令無暗翳。是曰精進。

Nhược thiết thiện Phương-tiện khứ quải ngại tuệ linh vô ám ế. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm Phương tiện thiện, Trí tuệ vút bỏ trở ngại, giúp cho không có tối che lấp. Đó là Tinh tiến.

住無我忍棄眾邪業禪定不亂。是曰一心。

Trụ Vô-ngã Nhẫn khí chúng Tà-nghiệp Thiền-định bất loạn. Thị viết Nhất-tâm.

Ở trong Nhẫn nhin không có bản thân, bỏ các Nghiệp sai trái Thiền Định không tán loạn. Đó là Nhất tâm.

若以智慧成就辯才。所入平等而說無邊。

Nhược dĩ Trí-tuệ thành tựu biện tài. Sở nhập Bình-đẳng nhi thuyết vô biên.

Nếu do Trí tuệ thành công tài hùng biện. Nếu nhập vào Bình đẳng mà nói Pháp vô biên.

一切禪定定意脫門正受無所毀害。是曰智慧。是為六。

Nhất thiết Thiền-định định ý thoát môn chính thụ vô sở hủy hại. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tất cả Thiền Định, Định ý, môn Giải thoát, Thụ nhận đúng không có hủy hoại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂信道度無極有六事 ?

Hà vị tín đạo Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Tin Đạo Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能決了所可布施勸助道法。是曰布施。

Nhược năng quyết liễu sở khả Bô-thí khuyển trợ Đạo-Pháp. Thị viết Bô-thí.

Nếu có thể tháo bỏ biết rõ có thể được Bô thí, khuyển trợ giúp Đạo Pháp. Đó là Bô thí.

若察禁戒而無缺漏所行具足。是曰持戒。

Nhược sát Cấm-giới nhi vô khuyết lậu sở hạnh cụ túc. Thị viết Trì-giới.

Nếu xem kỹ Giới cấm mà không thiếu khuyết, hạnh được đầy đủ. Đó là giữ Giới.

住在四禪奉行空事消所著想。是曰忍辱。

Trụ tại tứ Thiền phụng hành Không sự tiêu sở trước tướng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ở trong 4 bậc Thiền, cung kính thực hành việc Rỗng không, tiêu tan được tướng nhớ nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

若住空法行等方便。身口心行而無所犯。是曰精進。

Nhược trụ Không Pháp hành đẳng Phương-tiện. Thân Khẩu Tâm hành nhi vô sở phạm. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ở trong Pháp Rỗng không thực hành cùng với Phương tiện. Thân Miệng Tâm thực hành mà không có vi phạm. Đó là Tinh tiến.

若修禪定於內於外而無所著。是曰一心。

Nhược tu Thiền-định ư nội ư ngoại nhi vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu hành Thiền Định bên trong bên ngoài mà không nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

以智無極住十二緣。不亂諸法順從聖明。是曰智慧。是為六。

Dĩ Trí vô cực trụ Thập nhị Duyên. Bất loạn chư Pháp thuận tòng Thánh-minh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do Trí tuệ vô hạn ở trong 12 Nhân duyên. Các Pháp không tán loạn thuận theo sáng suốt của Thánh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂為眾生厄故度無極有六事？

Hà vị vị chúng sinh ách cố Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Cố vì ách nạn của chúng sinh Tới Niết Bàn có 6 việc？

若行慈心以為元首。志懷悅豫淨三境界。是曰布施。

Nhược hành Từ tâm dĩ vi nguyên thủ. Chí hoài duyệt dự Tịnh tam cảnh giới. Thị viết Bố-thí.

Nếu thực hành tâm Từ lấy làm đầu tiên. Ý chí nhớ vui vẻ, 3 cảnh giới Thanh tịnh. Đó là Bố Thí.

若心專精清淨無垢。是曰持戒。

Nhược tâm chuyên tinh Thanh tịnh vô cấu. Thị viết Trì-giới.

Nếu tâm chuyên nhất tinh thông Thanh tịnh không có cấu bẩn. Đó là giữ Giới.

若除地獄堪任眾苦能制其意。是曰忍辱。

Nhược trừ Địa-ngục kham nhâm chúng khổ năng chế kỳ ý. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu trừ bỏ Địa ngục chịu nhận các khổ có thể điều khiển ý của họ. Đó là Nhẫn nhục.

若攝四等惠施仁愛。利人等利。隨時方便救護危厄。是曰精進。

Nhược nhiếp Tứ-đẳng huệ thí nhân ái. Lợi nhân đẳng lợi. Tùy thời Phương-tiện cứu hộ nguy ách. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thu lấy 4 Bình đẳng ân huệ Bố thí nhân ái. Lợi người cùng lợi. Tùy thời Phương tiện cứu hộ nguy ách. Đó là Tinh tiến.

現阿須倫修行清淨。身自住現安護眾生。

Hiện A-tu-luân tu hành thanh tịnh. Thân tự trụ hiện an hộ chúng sinh.

Hiện là A Tu La tu hành Thanh tịnh. Thân tự ở lại hiện ra yên ổn bảo vệ chúng sinh.

奉無怒法救護他人。是曰一心。

Phụng vô nộ Pháp cứu hộ tha nhân. Thị viết Nhất-tâm.

Cung kính Pháp không thù hận cứu hộ người khác. Đó là Nhất tâm.

若意清淨所念具足。住於安諦開化眾生。

Nhược ý Thanh tịnh sở niệm cụ túc. Trụ ư an để khai hóa chúng sinh.

Nếu ý Thanh tịnh nếu nhớ được đầy đủ. Ở trong chân thực yên ổn khai hóa chúng sinh.

微為分別不厭說法消化塵勞。是曰智慧。是為六。

Vi vị phân biệt bất yếm thuyết Pháp tiêu hoá trần lao. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Phân biệt tinh vi không chán nói Pháp tiêu tan phiền toái. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂法故度無極有六事？

Hà vị Pháp cố Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Do Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能逮得十八不共諸佛之法。是曰布施。

Nhược năng逮 đắc Thập bát bất cộng chư Phật chi Pháp. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể bắt được 18 Không cùng Pháp của các Phật. Đó là Bố thí.

樂於經典建立至願。成就脫門護身口意。是曰持戒。

Nhạo ư Kinh điển kiến lập chí nguyện. Thành tựu thoát môn hộ thân khẩu ý. Thị viết Trì-giới.

Ham thích với Kinh điển thiết lập chí nguyện. Thành công môn Giải thoát bảo vệ Thân Miệng Ý.

Đó là giữ Giới.

若興大哀去於小慈。為眾生故常懷柔軟。是曰忍辱。

Nhược hưng đại ai khứ ư tiểu Từ. Vị chúng sinh cố thường hoài nhu nhuyễn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu hưng khởi thương xót lớn, bỏ đi tâm Từ nhỏ. Cố vì chúng sinh thường nhớ mềm dẻo. Đó là Nhẫn nhục.

若四神足輕舉能飛。常行方便而為元首。是曰精進。

Nhược tứ Thần-túc khinh cử năng phi. Thường hành Phương-tiến nhi vi nguyên thủ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu 4 Thần biến cử động nhẹ nhàng có thể bay đi. Thường thực hành Phương tiến mà là hàng đầu. Đó là Tinh tiến.

住四意止禪定為本。究暢備悉四分別辯。是曰一心。

Trụ Tứ-ý chỉ Thiền định vi bản. Cứu sướng bị tất tứ Phân biệt biện. Thị viết Nhất-tâm.

Ở trong 4 ý dừng lại Thiền Định là chính. Thông suốt đầy đủ tới cùng biết bàn luận 4 phân biệt.

Đó là Nhất tâm.

識識文字逮致總持。所敷演法入一切意。

Sám thức văn tự逮 trí Tổng-trì. Sở phu diễn Pháp nhập nhất thiết ý.

Đoán nhận thức được Văn chữ, bắt lấy đem tới Tổng trì. Nếu phô diễn Pháp nhập vào tất cả ý.

攝四無畏宣不退轉。是曰智慧。是為六。

Nhiếp Tứ vô úy tuyên Bất-thoái-chuyên. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Thu lấy 4 Không sợ hãi, nói Không thoái lui. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂寂樂度無極有六事。若布施時能攝其心。

Hà vị tịch lạc Độ vô cực hữu Lục-sự. Nhược Bồ-thí thời năng nhiếp kỳ tâm.

Thế nào gọi là Vui sướng vắng vẻ Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu khi Bồ thí có thể thu hút tâm họ.

已攝其心願在獨處必有勸助。是曰布施。

Dĩ nhiếp kỳ tâm nguyện tại độc xứ, tất hữu khuyến trợ. Thị viết Bồ-thí.

Đã thu hút tâm họ nguyện ở nơi một mình, nhất định được khuyến trợ giúp. Đó là Bồ thí.

以能拔去諸陰蓋悉令清徹。是曰持戒。

Dĩ năng bạt khứ chư Âm-cái tất linh thanh triệt. Thị viết Trì-giới.

Do có thể rút bỏ các vòng Uẩn đều giúp cho trong sạch. Đó là giữ Giới.

所生之處解無常苦。制眾想著慕樂仁和。是曰忍辱。

Sở sinh chi xứ giải Vô-thường Khổ. Chế chúng tưởng trước mộ lạc nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ở nơi sinh hiểu Biến đổi Khổ. Điều khiển các tưởng nhớ nương nhờ luyến mộ vui sướng nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

若求於空無想無願至寂然法。是曰精進。

Nhược cầu ư Không vô tưởng vô nguyện chí Tịch-nhiên Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cầu được Rỗng không, không tưởng nhớ, không nguyện được Pháp Vắng vẻ. Đó là Tinh tiến.

若以禪思消滅眾塵。受是定意不捨覺意。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư tiêu diệt chúng Trần. Thụ thị Định ý bất xả giác ý. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ tiêu diệt các Phiền não, Thụ nhận Định ý đó, ý cảm thấy không buông bỏ. Đó là Nhất tâm.

若以智慧樂於寂然。憚怕光明得八解門為他人說。

Nhược dĩ Trí-tuệ nhạo ư Tịch-nhiên. Đàm phạ Quang-minh đắc bát giải môn vị tha nhân thuyết.

Nếu do Trí tuệ ham thích Vắng vẻ. Lo lắng sợ hãi Quang sáng được 8 môn giải thoát vì người khác nói.

不墮聲聞緣覺之地。是曰智慧。是為六。

Bất đọa Thanh-văn Duyên-giác chi địa. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Không đọa xuống Bạc Thanh Văn Duyên Giác. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂樂觀度無極有六事？

Hà vị lạc quan Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Lạc quan Tới Niết Bàn có 6 việc？

若無妄想。不計有人。是曰布施。

Nhược vô vọng tưởng. Bất kế hữu nhân. Thị viết Bồ-thí.

Nếu không có ảo tưởng. Không tính kể được người. Đó là Bồ thí.

察於往古及當來事。心自思惟常所周旋。

Sát ư vãng cổ cập đương-lai sự. Tâm tự tư duy thường sở chu toàn.

Xem kỹ tới thời xưa cùng với việc sắp tới. Tâm tự suy nghĩ thường được vật lộn.

悉識念之獲無所得。是曰持戒。

Tất thức niệm chi hoạch vô sở đắc. Thị viết Trì-giới.

Nhận thức nhớ tất cả, thu hoạch không có được. Đó là giữ Giới

若心在罪等一切法。觀往眾生壽命人想而悉分別。是曰忍辱。

Nhược tâm tại tội đẳng nhất thiết Pháp. Quán vãng chúng sinh thọ mệnh nhân tướng nhi tất phân biệt. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tâm ở trong tội cùng với tất cả Pháp. Quan sát thọ mệnh tướng nhớ người của chúng sinh vãng tới mà biết phân biệt. Đó là Nhẫn nhục.

堪住所觀普興發禪永無所倚。合集修行善權方便。是曰一心。

Kham trụ sở quan phổ hưng phát Thiền vĩnh vô sở y. Hợp tập tu hành thiện quyền Phương-tiện. Thị viết Nhất-tâm.

Chịu ở nơi quan sát khắp cả hưng khởi phát Tĩnh lặng vĩnh viễn không có ý lại. Tập hợp tu hành thiện quyền Phương tiện. Đó là Nhất Tâm

若不見欲棄諸瑕疵。於瑕疵法無所犯負。

Nhược bất kiến dục khí chur hà tỳ. Ư hà tỳ Pháp vô sở phạm phụ.

Nếu không nhìn thấy ham muốn, vứt bỏ các dấu vết. Với Pháp bị dấu vết không có gánh vác vi phạm.

不失道意無漏清淨。棄捨無哀自調心意并化眾生。

Bất thất Đạo ý Vô-lậu Thanh tịnh. Khí xả vô ai tự điều tâm ý, tinh hóa chúng sinh.

Không mất ý Đạo không còn Phiền não Thanh tịnh. Vứt bỏ không có thương xót, tự điều hòa tâm ý, giáo hóa tất cả chúng sinh.

在於本地而不動轉。是曰智慧。是為六。

Tại ư bản địa nhi bất động chuyển. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Ở nơi cảnh địa vốn có mà không động chuyển. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂一切所入度無極有六事？

Hà vị nhất thiết sở nhập Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Tất cả được nhập vào Tới Niết Bàn có 6 việc？

一切諸法無有與者而自逮得。以是勸助救諸窮匱。是曰布施。

Nhất thiết chur Pháp vô hữu dữ giả nhi tự đãi đắc. Dĩ thị khuyến trợ, cứu chur cùng quỹ. Thị viết Bố-thí.

Tất cả các Pháp không có ban cho mà tự bắt được. Dùng nó khuyến trợ giúp, cứu giúp các thiếu thốn cùng cực. Đó là Bố thí.

若以大哀勸助眾生而安立之。

Nhược dĩ đại ai khuyến trợ chúng sinh nhi an lập chi.

Nếu do thương xót lớn, khuyến trợ giúp chúng sinh mà lập ra yên ổn.

常具聖慧，本無懷恨。報應悅豫。是曰持戒。

Thường cụ Thánh tuệ bản vô hoài hận. Báo ứng duyệt dự. Thị viết Trì-giới.

Thường đầy đủ Trí tuệ của Thánh vốn dĩ không nhớ thù hận. Báo ứng vui vẻ. Đó là giữ Giới.
若能懷來不退轉法。執持堅固而不舒緩。是曰忍辱。

Nhược năng hoài lai Bất-thoái-chuyên Pháp. Chấp trì kiên cố nhi bất thư hoãn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể nhớ đến Pháp Không thoái lui. Chăm giữ kiên cố mà không ung dung. Đó là Nhẫn-nhục.

若信元首執持智慧設計方便。是曰精進。

Nhược tín nguyên thủ chấp trì Trí-tuệ thiết kế Phương-tiện. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tin là hàng đầu, chăm giữ Trí tuệ thiết kế Phương tiện. Đó là Tinh tiến.

若以禪定究暢成就。療治無數一切黎庶而無危害順從不雜。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền-định cứu sướng thành tựu. Liệu trị vô số nhất thiết lê thứ nhi vô nguy hại thuận tòng bất tạp. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định thông suốt tới cùng thành công. Chữa trị vô số tất cả dân nghèo mà không nguy hại, thuận theo không tạp loạn. Đó là Nhất tâm.

若以智慧住種性法。篤信精進其念及定所住無疑不計有命。

Nhược dĩ Trí-tuệ trụ chủng tính Pháp. Đốc tín Tinh-tiến kỳ niệm cập định sở trụ vô nghi bất kế hữu mệnh.

Nếu do Trí tuệ ở trong tính của Pháp. Hết lòng tin Tinh tiến nhớ nó cùng với quyết định nơi ở lại, không nghi hoặc không tính kế được mệnh.

執權方便堪處世間。學與不學及緣覺慧。

Chấp quyền Phương-tiện kham xử Thế gian. Học dữ bất học cập Duyên-giác tuệ.

Cầm lấy quyền Phương tiện chịu sống ở Thế gian. Có học Không có học cùng với Trí tuệ của Duyên Giác.

若成無上正真道法成一切智。是曰智慧。是為六。

Nhược thành Vô-thượng Chính-chân Đạo Pháp thành nhất thiết Trí. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu thành công Pháp Đạo Bình Đẳng Chân Chính, thành công tất cả Trí tuệ. Đó là Trí tuệ. Đó là sâu.

何謂說處度無極有六事？

Hà vị thuyết xử Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Nói nơi ở Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施無有二心。常喜平等而無偏黨。是曰布施。

Nhược hữu sở thí vô hữu nhị tâm. Thường hỷ Bình-đẳng nhi vô thiên đảng. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được Bố thí không có 2 tâm. Thường vui Bình đẳng mà không thiên lệch. Đó là Bố thí.

若有文飾想於戒法諛諂犯禁。解是妄想心無所著化諸犯者。是曰持戒。

Nhược hữu văn sức tưởng ư Giới Pháp du siểm phạm cấm. Giải thị vọng tưởng tâm vô sở trước hóa chư phạm giả. Thị viết Trì-giới.

Nếu có trau chuốt văn chương, tưởng nhớ Pháp giới siểm nịnh phạm cấm Giới. Hiểu ảo tưởng đó tâm không nương nhờ, giáo hóa những người vi phạm. Đó là giữ Giới.

若倒住忍而不順從。說是處所而有報應。是曰忍辱。

Nhược đảo trụ Nhẫn nhi bất thuận tông. Thuyết thị xứ sở nhi hữu báo ứng. Thị viết Nhẫn-nhục.
Nếu đảo lộn ở trong Nhẫn nhĩn mà không thuận theo. Nói nơi ở đó mà có báo ứng. Đó là Nhẫn nhục.

精進求報所有方便棄於處所。是曰精進。

Tinh-tiến cầu báo sở hữu Phương-tiện khí ư xứ sở. Thị viết Tinh-tiến.

Tinh tiến cầu báo đáp có được Phương tiện vứt bỏ với nơi ở. Đó là Tinh tiến.

若復棄捐一切所有。在於所有而無所有。是曰一心。

Nhược phục khí quyên nhất thiết sở hữu. Tại ư sở hữu nhi vô sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu lại vứt bỏ tất cả Có được. Ở nơi Có được mà không Có được. Đó là Nhất tâm.

若以常觀諛諂諸報無益之業。見其處所解無處所。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ thường quan du siểm chư báo vô ích chi nghiệp. Kiến kỳ xứ sở giải vô xứ sở. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do thường quan sát các báo ứng của siểm nịnh, không có ích cho Nghiệp. Nhìn thấy nơi ở đó hiểu không có nơi ở. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無害度無極有六事？

Hà vị vô hại Độ vô cựchữ Lục-sự？

Thế nào gọi là Không tổn hại Tới Niết Bàn có 6 việc？

若施眾祐及與凡夫。等心無異。是曰布施。

Nhược thí chúng hựu cập dĩ phàm phu. Đẳng-tâm vô dị. Thị viết Bồ-thí.

Nếu ban cho các Phúc cùng với cho người phàm. Tâm Bình đẳng không khác. Đó là Bồ thí.

所奉禁法而無所著欲濟眾生。是曰持戒。

Sở phụng cấm Pháp nhi vô sở trước, dục tế chúng sinh. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Pháp cấm mà không nương nhờ, muốn cứu giúp chúng sinh. Đó là giữ Giới.

不懷危害越世八法堪任本際。是曰忍辱。

Bất hoài nguy hại việt thế bát Pháp, kham nhâm bản tế. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không nhớ nguy ách tai hại vượt qua 8 Pháp của Thế gian, chịu nhận ranh giới vốn có. Đó là Nhẫn nhục.

若能覺了魔所建立。篤信勤修消諸罣礙。是曰精進。

Nhược năng giác liễu Ma sở kiến lập. Đốc tín cần tu tiêu chư quái ngại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể cảm thấy biết rõ Ma được thiết lập. Hết lòng tin chuyên cần tu hành tiêu tan các trở ngại. Đó là Tinh tiến.

定無所毀入無罣礙道德之門逮平等果。是曰一心。

Định vô sở hủy nhập vô quái ngại Đạo đức chi môn逮 bình đẳng quả. Thị viết Nhất-tâm.

Định không bị hủy hoại nhập vào môn Đạo Đức, không có trở ngại bắt được quả Bình đẳng. Đó là Nhất tâm.

若以智慧周旋往返。一切世俗度世之法而無所損。

Nhược dĩ Trí-tuệ chu toàn vãng phản. Nhất thiết Thế-tục độ Thế chi Pháp nhi vô sở tổn.

Nếu do Trí tuệ vật lộn qua lại. Tất cả vượt qua đời tục tới Pháp của Thế gian mà không tổn giảm.
是曰智慧。是為六。何謂無敗度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô bại Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không bại hoại Tới Niết Bàn có 6 việc ?

志性專和不存在色而順其理。若以法施及衣食施。是曰布施。

Chí tính chuyên hòa bất tồn tại sắc nhi thuận kỳ lý. Nhược dĩ Pháp thí cập y thực thí. Thị viết **Bố-thí.**

Ý chí Tính chuyên nhất hòa nhã không còn ở trong Sắc mà thuận theo giáo lý đó. Nếu dùng Pháp Bố thí cùng với cho quần áo thức ăn. Đó là Bố thí.

雖奉禁戒其心質朴無有諛諂。是曰持戒。

Tuy phụng Cẩm-giới kỳ tâm chất phác vô hữu du siểm. Thị viết Trì-giới.

Tuy cung kính Giới cấm tâm họ chất phác không có siểm nịnh. Đó là giữ Giới.

心如虛空和合而成。是曰忍辱。

Tâm như hư không hòa hợp nhi thành. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tâm như khoảng không hòa hợp mà thành. Đó là Nhẫn nhục.

所修勤力一切所說。不用財業所宜妄言。是曰精進。

Sở tu cần lực nhất thiết sở thuyết. Bất dụng tài nghiệp sở tuyên vọng ngôn. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu lực chuyên cần tu hành nói được tất cả. Không vì tài nghiệp nói được lời sai trái. Đó là Tinh tiến.

其所禪思永無所著。是曰一心。

Kỳ sở Thiền tư vĩnh vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu được Tĩnh lặng suy nghĩ vĩnh viễn không nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

其奉聖達順其文字以益他人。是曰智慧。是為六。

Kỳ phụng Thánh đạt thuận kỳ văn tự dĩ ích tha nhân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu cung kính thông suốt của Thánh, thuận theo văn chữ đó dùng ích lợi người khác. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂貧度無極有六事？

Hà vị bản Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Nghèo khó Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若除色像所興立德。以法布施若衣食施。是曰布施。

Nhược trừ sắc tượng sở hưng lập Đức. Dĩ Pháp Bố-thí nhược y thực thí. Thị viết **Bố-thí.**

Nếu trừ bỏ hình tượng Sắc thân, hưng khởi lập dựng được Đức. Dùng Pháp Bố thí hoặc là cho quần áo thức ăn. Đó là Bố thí.

性不雜碎所奉無諂順其禁法。是曰持戒。

Tính bất tạp toái sở phụng vô siểm thuận kỳ cấm Pháp. Thị viết Trì-giới.

Tính không hỗn độn được cung kính không siểm nịnh thuận theo Pháp cấm đó. Đó là giữ Giới.

遵修仁和猶如虛空無增減心。是曰忍辱。

Tuân tu nhân hòa, do như hư không, vô tăng giảm tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuân theo tu nhân hòa, giống như khoáng không, tâm không tăng giảm. Đó là Nhẫn nhục.

若在窮厄志存衣食寂滅身心。是曰精進。

Nhược tại cùng ách, chí tồn y thực, Tịch-diệt thân tâm. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ở tại ách nạn cùng cực, ý chí còn ở nơi quần áo thức ăn, thân tâm Vắng lặng. Đó là Tinh tiến.

若至梵天而為講說禪定之業。勸助道德是曰一心。

Nhược chí Phạm Thiên nhi vị giảng thuyết Thiền định chi Nghiệp. Khuyển trợ Đạo Đức. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu lên tới Trời Phạm mà vì giảng giải Nghiệp và Thiền Định. Khuyên trợ giúp Đạo Đức. Đó là Nhất tâm.

豐於智慧而在眾塵財業甚多。放逸之中所在覺穢

Phong ư Trí-tuệ nhi tại chúng Trần tài nghiệp thậm đa. Phóng dật chi trung sở tại giác uế.

Phong phú với Trí tuệ mà ở trong các Trần, tài nghiệp rất nhiều. Trong việc phóng túng ở nơi cảm thấy ô uế.

而不捨遠不患厭之。是曰智慧。是為六。

Nhi bất xả viễn bất hoạn yếm chi. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Mà không rời xa không chán hoạn nạn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不迴還度無極有六事？

Hà vị bất hồi hoàn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Không quay trở về Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施不著聲聞及緣覺地，道不退轉。是曰布施。

Nhược hữu sở thí bất trước Thanh-văn cập Duyên-giác Pháp, Đạo Bất-thoái-chuyển. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, không nương nhờ Pháp bậc Thanh Văn Duyên Giác. Đạo Không thoái lui. Đó là Bồ thí.

雖不迴還不毀禁戒乃成佛道。是曰持戒。

Tuy bất hồi hoàn bất hủy Cấm-giới nãi thành Phật đạo. Thị viết Trì-giới.

Tuy không quay trở về không hủy hoại Giới cấm mới thành Đạo Phật. Đó là giữ Giới.

越諸聲聞及緣覺地。不中墮落而取滅度。是曰忍辱。

Việt chư Thanh-văn cập Duyên-giác địa. Bất trung đọa lạc nhi thủ Diệt-độ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vượt qua các Bậc Thanh Văn cùng với Duyên Giác. Không đọa lạc ở giữa mà cảm lấy Niết Bàn. Đó là Nhẫn nhục.

若以精進執權方便。無所違失至一切智。是曰精進。

Nhược dĩ Tinh-tiến chấp quyền Phương-tiện. Vô sở vi thất chí nhất thiết Trí. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do Tinh tiến cảm lấy quyền Phương tiện. Không có ngược lại mất, được tất cả Trí tuệ. Đó là Tinh tiến.

菩薩若在一切五樂。能以方便禪思一心。

Bồ-tát nhược tại nhất thiết ngũ lạc. Năng dĩ Phương-tiện Thiền tư Nhất-tâm.

Bồ Tát nếu ở trong tất cả 5 vui sướng. Có thể dùng Phương tiện Tĩnh lặng suy nghĩ Nhất tâm.

滅眾塵勞遵承智慧。是曰一心。

Diệt chúng trần lao tuân thừa Trí-tuệ. Thị viết Nhất-tâm.

Diệt trừ các Phiền toái tuân theo Trí tuệ. Đó là Nhất tâm.

若執智慧化諸凡夫沙門梵志。上至聲聞及於緣覺。

Nhược chấp Trí-tuệ hóa chư Phạm phu, Sa-môn, Phạm-chí. Thượng chí Thanh-văn cập u Duyên-giác.

Nếu cầm lấy Trí tuệ giáo hóa các người Phạm, Sa Môn, Phạm chí. Cao tới Bạc Thanh Văn cùng với Duyên Giác.

度世正見建立大哀。是曰智慧。是為六。

Độ thế Chính-kiến kiến lập đại ai. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Cứu độ Thế gian Nhìn thấy đúng thiết lập thương xót lớn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂迴轉度無極有六事？

Hà vị hồi chuyển Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Chuyển trở về Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若有所施不志滅度不厭習俗。是曰布施。

Nhược hữu sở thí bất chí Diệt-độ bất yếm tập tục. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, không chí tâm tới Niết Bàn, không chán học tập đời tục. Đó là Bồ thí.

若學禁戒所聞尠少不能廣博。是曰持戒。

Nhược học Cấm-giới sở văn tiêm thiểu bất năng quảng bác. Thị viết Trì-giới.

Nếu học Giới cấm nghe được chút ít, không có thể bác ái rộng khắp. Đó là giữ Giới.

若習仁愛不能遠離。住於瑕穢瞋恨之地。是曰忍辱。

Nhược tập nhân ái bất năng viễn ly. Trụ u hà uế sân hận chi địa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu luyện tập nhân ái không thể xa rời. Ở nơi dẫu vết nơi thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修志在榮樂不能制門。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu chí tại vinh lạc bất năng chế môn. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần, ý chí ở trong vinh hoa vui sướng, không có thể điều khiển môn Pháp. Đó là Tinh tiến.

若學禪思在外忍辱不計吾我。是曰一心。

Nhược học Thiền tư tại ngoại Nhẫn-nhục bất kế ngô ngã. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu học Tĩnh lặng suy nghĩ, ở bên ngoài Nhẫn nhục, không tính kế tôi ta. Đó là Nhất tâm.

所志智慧度於世業不能自拔。是曰智慧。是為六。

Sở chí Trí-tuệ độ u thế nghiệp bất năng tự bạt. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu ý chí Trí tuệ vượt qua Nghiệp đời, không có thể tự rút bỏ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂嚴淨度無極有六事？

Hà vị nghiêm tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Thanh tịnh trang nghiêm Tới Niết Bàn có 6 việc ?

而有所施不望其報福加一切。是曰布施。

Nhi hữu sở thí bất vọng kỳ báo Phúc gia nhất thiết. Thị viết Bồ-thí.

Mà có được Bồ thí, không hi vọng họ báo đáp, Phúc tăng thêm tất cả. Đó là Bồ thí.

所遵禁法而無懈怠恒奉勤修。是曰持戒。

Sở tuân cấm Pháp nhi vô giải đãi hằng phụng cần tu. Thị viết Trì-giới.

Nếu tuân theo Pháp cấm mà không lười nhác thường cung kính chuyên cần tu hành. Đó là giữ Giới.

又以仁和心無所矜精進合道。是曰忍辱。

Hựu dĩ nhân hòa tâm vô sở y Tinh-tiến hợp đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Mới lại do nhân hòa, tâm không y lại, Tinh tiến hợp với Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

捨我及彼而無有異。是曰精進。

Xả ngã cập bỉ nhi vô hữu dị. Thị viết Tinh-tiến.

Buông bỏ bản thân cùng với họ mà không có khác biệt. Đó là Tinh tiến.

若以禪定不計所有。不造因緣強而有勢。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền-định bất kế sở hữu. Bất tạo Nhân-duyên cường nhi hữu thế. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định không tính kế có được. Không tạo ra Nhân duyên mạnh mà có thể lực. Đó là Nhất tâm.

若分別解一切陰蓋不以疲勞。是曰智慧。是為六。

Nhược phân biệt giải nhất thiết Âm-cái bất dĩ bì lao. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu phân biệt hiểu tất cả vòng Uẩn không lấy làm mệt mỏi. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂堅強度無極有六事？

Hà vị Kiên cường Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Kiên cường Tới Niết Bàn có 6 việc？

魔所化現不能動搖毀其寂靜。菩薩所施心無所生。

Ma sở hóa hiện bất năng động dao hủy kỳ Tịch-tĩnh. Bồ-tát sở thí tâm vô sở sinh.

Ma nếu hóa hiện ra không có thể dao động hủy hoại Tĩnh lặng của họ. Bồ Tát được Bồ thí, tâm không có sinh.

一切所有皆能放捨。是曰布施。

Nhất thiết sở hữu giai năng phóng xả. Thị viết Bồ-thí.

Tất cả có được đều có thể buông bỏ. Đó là Bồ thí.

若以禁戒有所美樂。不著吉良不擇時節惟勸助道。是曰持戒。

Nhược dĩ Cấm-giới hữu sở mỹ lạc. Bất trước cát lương bất trạch thời tiết duy khuyến trợ đạo.

Thị viết Trì-giới.

Nếu do Giới cấm có được đẹp vui sướng. Không nương nhờ yên lành, không lựa chọn thời tiết chỉ khuyến trợ giúp Đạo. Đó là giữ Giới.

所懷柔軟無能毀者消害眾結。是曰忍辱。

Sở hoài nhu nhuyễn vô năng hủy giả tiêu hại chúng kết. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhớ mềm dẻo không có thể hủy hoại tiêu tán tai hại các kết buộc. Đó là Nhẫn nhục.

若興精勤不以為患。不厭土地所周教化。是曰精進。

Nhược hưng tinh cần bất dĩ vi hoạn. Bất yếm thổ địa sở châu giáo hóa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu hưng khởi tinh luyện chuyên cần, không lấy làm hoạn nạn. Không chán thổ địa được giáo hóa khắp. Đó là Tinh tiến.

若以禪思為一切故而廣勸化。正受自在遊居無礙。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư vị nhất thiết cố nhi quảng khuyến hóa. Chính-thụ Tự-tại du cư vô ngại. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ cố vì tất cả mà khuyên giáo hóa rộng khắp. Thụ nhận đúng Tự tại đi tới nơi ở không có trở ngại. Đó là Nhất tâm.

若聖明法思惟忍辱。一切所行而不荒亂。是曰智慧。是為六。

Nhược Thánh minh Pháp tư duy Nhẫn-nhục. Nhất thiết sở hành nhi bất hoang loạn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu Nhẫn nhục suy nghĩ Pháp sáng suốt của Thánh. Tất cả được thi hành mà không rối loạn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂興盛度無極有六事？

Hà vị Hưng thịnh Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Hưng thịnh Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施不墮顛倒住中正法。是曰布施。

Nhược hữu sở thí bất đọa điên đảo trụ trung Chính-pháp. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được Bố thí không đọa vào đảo lộn ở trong Pháp đúng. Đó là Bố thí.

所執禁法永無所思以是熾盛。是曰持戒。

Sở chấp cấm Pháp vĩnh vô sở tư dĩ thị sí thịnh. Thị viết Trì-giới.

Nếu cầm lấy Pháp cấm, vĩnh viễn không có nhớ, do đó cháy mạnh. Đó là giữ Giới.

以仁和心而無所著。棄諸危害因緣之業。是為忍辱。

Dĩ nhân hòa tâm nhi vô sở trước. Khí chư nguy hại Nhân-duyên chi Nghiệp. Thị vi Nhẫn-nhục.

Do tâm nhân hòa mà không nương nhờ. Bỏ các Nghiệp Nhân duyên nguy hại. Đó là Nhẫn nhục.

若於吾我諍訟家業。斷諸苦患滅眾所著。

Nhược ư ngô ngã tranh tụng gia nghiệp. Đoạn chư khổ hoạn diệt chúng sở trước.

Nếu với tôi ta tranh giành kiện tụng gia nghiệp. Cắt bỏ các khổ hoạn diệt trừ các nương nhờ.

身之塵勞永以滅盡順從空教。是曰精進。

Thân chi trần lao vĩnh dĩ diệt tận thuận tòng Không giáo. Thị viết Tinh-tiến.

Phiền toái của thân vĩnh viễn do diệt hết, thuận theo giáo lý Rỗng không. Đó là Tinh tiến.

設厭無常了於十二牽連之義心性堅住。是曰一心。

Thiết yếm Vô-thường, liễu ư thập nhị khiên liên chi nghĩa, tâm tính kiên trụ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu chán Biến đổi, biết rõ nghĩa của 12 ràng buộc liên tục, tâm tính ở trong vững vàng. Đó là Nhất tâm.

若捨智慧及與無明永無有二。是曰智慧。是為六。

Nhược xả Trí-tuệ cập dữ Vô-minh vĩnh vô hữu nhị. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu buông bỏ Trí tuệ cùng với Ngu tối, vĩnh viễn không có 2. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂充滿度無極有六事？

Hà vị Sung mãn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Trần đầy Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所與勸至解脫不慕生死。是曰布施。

Nhược hữu sở dĩ khuyến chí Giải-thoát bất mộ sinh tử. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được đem cho, khuyên được Giải thoát, không luyến mộ sinh chết. Đó là Bồ thí.

奉持謹慎不忘他人。又菩薩心以念戒時。

Phụng trì cẩn thận bất vong tha nhân. Hựu Bồ-tát tâm dĩ niệm Giới thời.

Cung kính giữ cẩn thận, không quên người khác. Mới lại tâm của Bồ Tát do lúc học nhớ Giới.

終不建立聲聞緣覺怯弱之法。是曰持戒。

Chung bất kiến lập Thanh-văn Duyên-giác khiếp nhược chi Pháp. Thị viết Trì-giới.

Cuối cùng không thiết lập Pháp khiếp nhược của bậc Thanh Văn Duyên Giác. Đó là giữ Giới.

若以仁和嚴淨成就無數佛國。滅於三事志願教化。是曰忍辱。

Nhược dĩ nhân hòa nghiêm tịnh, thành tựu vô số Phật quốc. Diệt ư tam sự chí nguyện giáo hóa.

Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa Thanh tịnh trang nghiêm, thành công vô số Đất Phật. Diệt trừ được 3 việc chí nguyện giáo hóa.

其用精進常不懈倦心進至義。是曰精進。

Kỳ dụng Tinh-tiến thường bất giải quyên, tâm tiến chí nghĩa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do Tinh tiến thường không mệt mỏi, tâm tiến tới Nghĩa lớn. Đó là Tinh tiến.

反覆解義心寂不亂。是曰一心。

Phản phúc giải nghĩa tâm tịch bất loạn. Thị viết Nhất-tâm.

Hiểu nghĩa che phủ ngược lại tâm vắng vẻ không loạn. Đó là Nhất tâm.

設以聖明攝三脫門不中取證。是曰智慧。是為六。

Thiết dĩ Thánh-minh nhiếp Tam-thoát môn bất trung thủ chứng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do sán suốt của Thánh thu lấy 3 môn Giải thoát, không ở trong cầm lấy chứng nghiệm. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂為世度無極有六事？

Hà vị Vị thế Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Vị đời Tới Niết Bàn có 6 việc？

其有所施心遊存俗不勸於道。是曰布施。

Kỳ hữu sở thí tâm du tồn tục, bất khuyến ư Đạo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, tâm đi tới còn ở trong đời tục, không khuyên tới Đạo. Đó là Bồ thí.

若以放逸不能謹慎。常猶豫行不能直進。是曰持戒。

Nhược dĩ phóng dật bất năng cẩn thận. Thường do dự hành bất năng trực tiến. Thị viết Trì-giới.

Nếu do phóng túng không thể cẩn thận. Thường thực hành do dự, không có thể thẳng tiến. Đó là giữ Giới.

若合進力強欲自制堪任而耐。是曰忍辱。

Nhược hợp Tiến-lực cường dục tự chế kham nhâm nhi nại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu hợp với lực Tinh tiến, kiên cường muốn tự điều khiển, chịu nhận mà bền bỉ. Đó là Nhẫn nhục.

常以勤修習世俗法。是曰精進。

Thường dĩ cần tu tập thế tục Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Thường do chuyên cần tu hành, học tập Pháp đời tục. Đó là Tinh tiến.

其心有願所生之處而無二念。是曰一心。

Kỳ tâm hữu nguyện sở sinh chi xứ nhi vô nhị niệm. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm có mong nguyện được nơi sinh mà nhớ không có 2. Đó là Nhất tâm.

若以俗智開化教人不出于世。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ tục Trí khai hóa giáo nhân bất xuất vu thế. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của đời tục, khai hóa dạy người không ra khỏi Thế gian. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂度世度無極有六事？若以教施及衣食施，宣解道意。

Hà vị Độ thế Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ giáo thí cập y thực thí, tuyên giải Đạo ý.

Thế nào gọi là Cứu độ Thế gian Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do dạy Bỏ thí cùng với cho quần áo thức ăn, nói giảng ý Đạo.

用是道故坐於樹下而自宣曰。快哉福之報，所願必如志。

Dụng thị Đạo cố tọa ư thụ hạ nhi tự tuyên viết. Khoái tai Phúc chi báo, sở nguyện tất như chí.

Cổ vì Đạo đó ngồi ở dưới cây mà tự nói viết. Nhanh thay Phúc báo, nếu mong nguyện nhất định như ý chí.

疾至最寂然。乃歸趣滅度。是曰布施。

Tật chí tối Tịch nhiên, nãi quy thú Diệt-độ. Thị viết Bỏ-thí.

Nhanh được Vắng vẻ cao nhất, mới hướng trở về Niết Bàn. Đó là Bỏ thí.

入於聲聞緣覺轉進弘護消除諸罣礙處。是曰持戒。

Nhập ư Thanh-văn Duyên-giác chuyển tiến hoằng hộ tiêu trừ chư quái ngại xứ. Thị viết Trì-giới.

Nhập vào nơi Thanh Văn Duyên Giác chuyển tiến lên bảo vệ rộng lớn tiêu trừ các nơi trở ngại.

Đó là giữ Giới.

若無漏法常奉仁和。是曰忍辱。

Nhược Vô-lậu Pháp thường phụng nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu Pháp hết Phiền não, thường cung kính nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

若以逮得無所從生法。乃坐佛樹訓誨眾生。是曰精進。

Nhược dĩ đãi đắc vô sở tòng sinh Pháp. Nãi tọa Phật thụ huấn hồi chúng sinh. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do bắt được Pháp không từ đâu sinh. Mới ngồi dưới cây Phật dạy bảo chúng sinh. Đó là Tinh tiến.

若有菩薩平等三昧。諸根具足聖惠成就。是曰一心。

Nhược hữu Bồ-tát Bình-đẳng Tam-muội. Chư Căn cụ túc Thánh huệ thành tựu. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có Bồ Tát Bình đẳng Tam Muội. Các căn đầy đủ thành công ơn Thánh. Đó là Nhất tâm.

若以專心行道正法。無怨害心，無聲聞意及緣覺行。

Nhược dĩ chuyên tâm hành Đạo Chính-pháp. Vô oán hại tâm, vô Thanh-văn ý cập Duyên-giác hạnh.

Nếu do chuyên tâm thực hành Đạo Pháp đúng. Tâm không oán hại, không có ý Thanh Văn cùng với hạnh Duyên Giác.

歸一切智。是曰智慧。是為六。

Quy nhất thiết Trí. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Trở về theo tất cả Trí tuệ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無上度無極有六事？若信無數清淨佛土。

Hà vị Vô-thượng Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược tín vô số Thanh tịnh Phật thổ.

Thế nào gọi là Bình Đẳng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu tin vô số Đất Phật Thanh tịnh.

愍念眾生而以不斷。不可計劫而欲度脫。是曰布施。

Mẫn niệm chúng sinh nhi dĩ bất đoạn. Bất khả kế Kiếp nhi dục độ thoát. Thị viết Bố-thí.

Thương nhớ chúng sinh mà dùng không cắt bỏ. Không thể tính toán Kiếp mà muốn độ thoát. Đó là Bố thí.

住於法想棄三惡趣取淨佛土。是曰持戒。

Trụ ư Pháp tưởng khí Tam ác thú thủ Tịnh Phật thổ. Thị viết Trì-giới.

Ở trong Pháp tưởng nhớ bỏ 3 Đạo ác cầm lấy Đất Phật Tịnh. Đó là giữ Giới.

若成佛道，皆令眾會紫磨金色，分別章句。是曰忍辱。

Nhược thành Phật đạo, giai linh chúng hội tử ma kim sắc, phân biệt chương cú. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thành Đạo Phật, đều giúp cho các hội sắc vàng tía, phân biệt câu đoạn. Đó là Nhẫn nhục.

若習等施。猶如無怒佛為菩薩時奉進至真。是曰精進。

Nhược tập đẳng thí. Do như vô nộ Phật vi Bồ-tát thời phụng tiến chí chân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu kuyệ tập Bồ thí Bình đẳng. Giống như không có thù hận, khi Phật làm Bồ Tát cung kính tiến tới Chân chính. Đó là Tinh tiến.

若處家中奉於四禪不失定意。若在中宮嫖女之間。

Nhược xứ gia trung phụng ư tứ Thiền bất thất Định ý. Nhược tại trung cung, cung nữ chi gian.

Nếu ở trong gia đình cung kính ở trong 4 bậc Thiền, không mất Định ý. Nếu ở nơi cung nữ trong cung điện.

佛土清淨少欲塵勞，眾會報應。是曰一心。

Phật thổ Thanh tịnh thiểu dục trần lao, chúng hội báo ứng. Thị viết Nhất-tâm.

Đất Phật Thanh tịnh ít ham muốn phiền toái, gặp các báo ứng. Đó là Nhất tâm.

若攝佛國壽不可計嚴淨無限。存在眾中辯才無量。

Nhược nhiếp Phật quốc thọ bất khả kế nghiêm tịnh vô hạn. Tồn tại chúng trung biện tài vô lượng.

Nếu thu lấy Đất Phật thọ không thể tính đếm, trang nghiêm Thanh tịnh vô hạn. Còn ở trong Chúng tài hùng biện vô lượng.

是曰智慧。是為六。何謂不亂度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Bất loạn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Không tán loạn Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若有所施勸助應法疾得神通。是曰布施。

Nhược hữu sở thí khuyến trợ ứng Pháp tật đắc Thần-thông. Thị viết Bô-thí.

Nếu có được Bô thí khuyến trợ giúp theo Pháp nhanh được Thần thông. Đó là Bô thí.

所奉禁戒而不毀斷。賢聖之法成就至道備菩薩地。是曰持戒。

Sở phụng Cấm-giới nhi bất hủy đoạn. Hiền Thánh chi Pháp thành tựu chí đạo bị Bô-tát địa. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Giới cấm mà không hủy hoại cắt bỏ. Pháp của Thánh Hiền thành công được Bạc Đạo Bô Tát đầy đủ. Đó là giữ Giới.

若能蠲除一切非法奉功勳法。是曰忍辱。

Nhược năng quyên trừ nhất thiết phi Pháp phụng công huân Pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể trừ bỏ tất cả Pháp sai, cung kính Pháp công trạng. Đó là Nhẫn nhục.

若能厭世奉具足典。諸佛所說善惡之義而悉信念。是曰精進。

Nhược năng yếm thế phụng cụ túc điển. Chư Phật sở thuyết thiện ác chi nghĩa nhi tất tín niệm. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể chán Thế gian cung kính Kinh điển đầy đủ. Nghĩa thiện ác được các Phật nói mà tin nhớ tất cả. Đó là Tinh tiến.

若住禪定智度無極。而住愛欲觀察經道。

Nhược trụ Thiền-định Trí Độ vô cực. Nhi trụ ái dục quan sát Kinh đạo.

Nếu ở trong Thiền Định Trí tuệ Tới Niết Bàn. Mà ở trong yêu ham muốn quan sát Kinh Đạo.

覺而不捨亦無所著。是曰一心。

Giác nhi bất xả diệc vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm.

Cảm thấy mà không buông bỏ cũng không nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

曉了菩薩道法根原。是非瑕疵而悉分別。是曰智慧。是為六。

Hiểu liễu Bồ-tát đạo Pháp căn nguyên. Thị phi hà tỳ nhi tất phân biệt. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Hiểu biết rõ nguồn ngọn Đạo Pháp Bô Tát. Sai trái dấu vết mà biết phân biệt. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無怨度無極有六事？

Hà vị vô oán Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Không oán gia Tới Niết Bàn có 6 việc ?

有所住處常能將護令無有失。是曰布施。

Hữu sở trụ xứ thường năng tương hộ linh vô hữu thất. Thị viết Bô-thí.

Nếu được nơi ở thường có thể sẽ bảo vệ giúp cho không mất. Đó là Bô thí.

而不退墮聲聞緣覺不中取證。是曰持戒。

Nhi Bất-thoái đạo Thanh-văn Duyên-giác, bất trung thủ chứng. Thị viết Trì-giới.

Mà không thoái lui đọa xuống Thanh Văn Duyên Giác, không ở trong cảm lấy chứng nghiệm.
Đó là giữ Giới.

若斷吾我不計有身是我所者。除於結礙因緣之事。是曰忍辱。

Nhược đoạn ngô ngã, bất kế hữu thân thị ngã sở giả. Trừ ư kết ngại Nhân-duyên chi sự. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu đoạn cắt bỏ tôi ta, không tính kế được thân, được ta là giả. Trừ diệt được việc Nhân duyên kết buộc trở ngại. Đó là Nhẫn nhục.

遠離世俗第一愚惑。歸於智慧順從方便。是曰精進。

Viễn ly thế tục đệ nhất ngu hoặc. Quy ư Trí-tuệ thuận tòng Phương-tiện. Thị viết Tinh-tiến.

Xa rời đời tục ngu hoặc bậc nhất. Trở về theo Trí tuệ thuận theo Phương tiện. Đó là Tinh tiến.

其刈諸見聞念諸法得悉永寂。是曰一心。

Kỳ ngại chư kiến văn niệm chư Pháp đắc tất vĩnh tịch. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cắt bỏ các nhìn thấy nghe nhớ các Pháp được tất cả vĩnh viễn Vắng vẻ. Đó là Nhất tâm.

若消狐疑。智慧平等遵無想行。一心在道一切智尊。

Nhược tiêu hồ nghi. Trí-tuệ Bình-đẳng tuân, vô tưởng hành. Nhất-tâm tại Đạo nhất thiết Trí tôn.

Nếu tiêu tan nghi hoặc. Trí tuệ Bình đẳng tuân theo, thực hành không có tưởng nhớ. Nhất tâm ở trong Đạo kính trọng tất cả Trí tuệ.

是曰智慧。是為六。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂怨敵度無極有六事？若有所施冀求望報而與眾生。

Hà vị oán địch Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược hữu sở thí kí cầu vọng báo nhi dữ chúng sinh.

Thế nào gọi là Oán địch Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu có được Bồ thí, mong cầu hi vọng báo đáp mà cho chúng sinh.

心懷怨恨至於法寶。是曰布施。

Tâm hoài oán hận chí ư Pháp-bảo. Thị viết Bồ-thí.

Tâm nhớ oán hận tới nơi Pháp bảo. Đó là Bồ thí.

若斷三惱勤苦之趣志願兜術乃至滅度。是曰持戒。

Nhược đoạn tam não cần khổ chi thú chí nguyện Đâu-thuật nãi chí Diệt-độ. Thị viết Trì-giới.

Nếu cắt bỏ 3 não loạn hướng tới cần khổ chí nguyện tới Trời Đâu thuật thậm chí tới Niết Bàn.

Đó là giữ Giới.

與諸菩薩真正眾生。而懷怨恨。是曰忍辱。

Dữ chư Bồ-tát chân chính chúng sinh. Nhi hoài oán hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Cùng các Bồ Tát chúng sinh chân chính. Mà nhớ oán hận. Đó là Nhẫn nhục.

若遵仁和多所開化。非時勸助。因其勤修積化無數。

Nhược tuân nhân hòa đa sở khai hóa. Phi thời khuyến trợ. Nhân kỳ cần tu tích hóa vô số.

Nếu tuân theo nhân hòa khai hóa được nhiều. Khuyến trợ giúp không đúng lúc. Nhân do họ chuyên cần tu hành tích lũy giáo hóa vô số.

如先世菩薩所願。有所度脫猗於恩愛。而自調習令成其道。是曰精進。

Như tiên thế Bồ-tát sở nguyện. Hữu sở độ thoát yư ân ái. Nhi tự điều tập linh thành kỳ đạo. Thị viết Tinh-tiến.

Như mong nguyện của Bồ Tát đời trước. Nếu được độ thoát ý vào yêu mến. Mà tự điều hòa luyện tập giúp thành Đạo đó. Đó là Tinh tiến.

若說無礙成三昧定。菩薩正受使一切人普得安隱。是曰一心。

Nhược thuyết vô ngại, thành Tam-muội Định. Bồ-tát Chính-thụ sử nhất thiết nhân phổ đắc an ổn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nói không có trở ngại, thành Tam Muội Định. Bồ Tát Thụ nhận đúng làm cho tất cả mọi người khắp cả được yên ổn. Đó là Nhất tâm.

若為己身。求於智慧道德根原究竟道義自在正覺。

Nhược vị kỷ thân. Cầu ư Trí-tuệ Đạo đức căn nguyên cứu cánh đạo nghĩa Tự-tại Chính-giác.

Nếu vì bản thân. Cầu tới nguồn ngọn Trí tuệ Đạo Đức nghĩa Đạo cuối cùng Tự tại Chính Giác.

不解若干所好義者。是曰智慧。是為六。

Bất giải nhược can sở hảo nghĩa giả. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Không hiểu được rất nhiều nghĩa tốt đẹp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂攝持度無極有六事？

Hà vị nhiếp trì Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thu lấy giữ gìn Tới Niết Bàn có 6 việc？

若勸所願攝持功德。是曰布施。

Nhược khuyến sở nguyện nhiếp trì Công-đức. Thị viết Bố-thí.

Nếu khuyên nếu mong nguyện thu lấy giữ gìn công Đức. Đó là Bố thí.

若興發戒執取眾生療治至義。是曰持戒。

Nhược hưng phát giới chấp thủ chúng sinh liệu trị chí nghĩa. Thị viết Trì-giới.

Nếu Giới phát triển mạnh cầm giữ lấy chúng sinh chữa trị được nghĩa. Đó là giữ Giới.

若能建立攝取仁和。是曰忍辱。

Nhược năng kiến lập nhiếp thủ nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể thiết lập thu lấy nắm giữ nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

若以時節奉行勤修不中懈廢。是曰精進。

Nhược dĩ thời tiết phụng hành cần tu bất trung giải phế. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do thời tiết cung kính thực hành chuyên cần tu hành không ở giữa lười phá bỏ. Đó là Tinh tiến.

隨時禪定勸化無數百千眾生。是曰一心。

Tùy thời Thiền-định khuyến hóa vô số bách thiên chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Tùy thời Thiền Định khuyến giáo vô số trăm nghìn chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

若以聖智消諸弊礙而無所著。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh trí tiêu chư tệ ngại nhi vô sở trước. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh tiêu tan các trở ngại che phủ mà không nương nhờ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無所攝持度無極有六事？若以所施逮得辯才。

Hà vị vô sở nhiếp trì Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ sở thí đãi đắc biện tài.

Thế nào gọi là không có thu lấy giữ gìn Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do được Bồ thí bắt lấy tài hùng biện.

所可遭遇不以增減。己身建立若干品類。是曰布施。

Sở khả tao ngộ bất dĩ tăng giảm. Kỳ thân kiến lập nhược can phẩm loại. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể gặp gỡ không vì tăng giảm. Bản thân thiết lập rất nhiều phẩm loại. Đó là Bồ thí.

不樂家居慕菩薩道。是曰持戒。

Bất lạc gia cư mộ Bồ-tát đạo. Thị viết Trì-giới.

Không thích ở tại gia mến mộ Đạo Bồ Tát. Đó là giữ Giới.

若能堪任深要之法而不疑結。是曰忍辱。

Nhược năng kham nhâm thâm yếu chi Pháp nhi bất nghi kết. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể chịu nhận Pháp chủ yếu thâm sâu mà không nghi hoặc kết buộc. Đó là Nhẫn nhục.

精暢不依仰人。是曰精進。

Tinh sướng bất y ngưỡng nhân. Thị viết Tinh-tiến.

Tinh anh thông suốt không dựa vào người ngưỡng mộ. Đó là Tinh tiến.

若以禪思了奉空事。思惟人本遵承道法念無所生。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư liễu phụng Không sự. Tư duy nhân bản tuân thừa Đạo Pháp niệm vô sở sinh.

Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, cung kính biết rõ việc Rỗng không. Tư duy người vốn có hướng dẫn giúp đỡ Đạo Pháp nhớ không có sinh. Đó là Nhất tâm.

若遭義理及更滅度。所學經典入三昧定消滅罪福。

Nhược tao nghĩa lý cập canh Diệt-độ. Sở học Kinh điển nhập Tam-muội Định tiêu diệt tội Phúc.

Nếu gặp nghĩa lý cùng với mới tới Niết Bàn. Nếu học Kinh điển nhập vào Tam Muội Định tiêu diệt tội Phúc.

是曰智慧。是為六。何謂報應度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị báo ứng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là báo ứng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能備悉所作布施。不令缺漏究暢福慶。是曰布施。

Nhược năng bị tất sở tác Bồ-thí. Bất linh khuyết lậu cứu sướng Phúc khánh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể đầy đủ tất cả nếu làm Bồ thí. Không làm cho thối thiếu cuối cùng thông suốt Phúc vui mừng. Đó là Bồ thí.

若能勤修重將其身具足所應。是曰持戒。

Nhược năng cần tu trọng tướng kỳ thân cụ túc sở ứng. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể chuyên cần tu hành coi trọng tướng mạo thân họ muốn được đầy đủ. Đó là giữ Giới.

其仁和行在所說事究竟成義。是曰忍辱。

Kỳ nhân hòa hành tại sở thuyết sự cứu cánh thành nghĩa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhân hòa ở nơi nói việc cuối cùng thành nghĩa. Đó là Nhẫn nhục.

勤修所行一切吉利無所違失。是曰精進。

Cần tu sở hạnh nhất thiết cát lợi vô sở vi thất. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu hành được hạnh, tất cả lợi ích yên lành không có ngược lại mất. Đó là Tinh tiến.

其以禪定識於往古前世所處。以慧證明。是曰一心。

Kỳ dĩ Thiền-định thức ư vãng cổ tiền thế sở xử. Dĩ tuệ chứng minh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định nhận ra nơi ở Kiếp trước thời xa xưa. Dùng Trí tuệ chứng minh. Đó là Nhất tâm.

其成聖智頌宣至誠靡所不通。是曰智慧。是為六。

Kỳ thành Thánh Trí ban tuyên chí thành mị sở bất thông. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu thành công Trí tuệ của Thánh, nói đọc chí thành nơi nào cũng thông tỏ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無報度無極有六事？若有所施建立勤苦。

Hà vị vô báo Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược hữu sở thí kiến lập cần khổ.

Thế nào gọi là không có báo ứng Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu có được Bồ thí thiết lập cần khổ.

見諸患難輒能覺了。不念獲致無所悵望。是曰布施。

Kiến chư hoạn nạn triếp năng giác liễu. Bất niệm hoạch trí vô sở hi vọng. Thị viết Bồ-thí.

Nhìn thấy các hoạn nạn liền có thể cảm thấy biết rõ. Không nhớ thu hoạch đem tới không có hi vọng. Đó là Bồ thí.

若於中處致百千蓋。建立滅度在於種姓不住顛倒。是曰持戒。

Nhược ư trung xử trí bách thiên cái, Kiến lập Diệt-độ tại ư chủng tính bất trụ điên đảo. Thị viết Trì-giới.

Nếu ở nơi chính giữa đem tới trăm nghìn cái lọng. Thiết lập Niết Bàn, sống trong họ tộc không ở trong đảo lộn. Đó là giữ Giới.

若有所修不得身口及心念行。含和柔順。是曰忍辱。

Nhược hữu sở tu bất đắc Thân Khẩu cập tâm niệm hạnh. Hàm hòa nhu thuận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có được tu hành không được Thân Miệng cùng với tâm nhớ hạnh. Tất cả hài hòa nhu thuận. Đó là Nhẫn nhục.

所行寂然無有妄想。是曰精進。

Sở hành Tịch-nhiên vô hữu vọng tưởng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thực hành Vắng vẻ không có ảo tưởng. Đó là Tinh tiến.

若以禪思住寂滅地不生想念。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư trụ Tịch diệt địa bất sinh tưởng niệm. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ ở trong cảnh Vắng lặng không sinh tưởng nhớ. Đó là Nhất tâm.

慧眼所觀不以滅盡歸無所歸。是曰智慧。是為六。

Tuệ-nhãn sở quan bất dĩ diệt tận quy vô sở quy. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Mắt Trí tuệ quan sát được không vì diệt trừ hết trở về không trở về. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂自然度無極有六事？

Hà vị tự nhiên Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là tự nhiên Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所興心無所念。是曰布施。

Nhược hữu sở hưng tâm vô sở niệm. Thị viết BỐ-thí.

Nếu có được hưng vượng tâm không có nhớ. Đó là BỐ thí.

若以其心不悵望報福。是曰持戒。

Nhược dĩ kỳ tâm bất hy vọng báo Phúc. Thị viết Trì-giới.

Nếu do tâm đó không hi vọng Phúc báo. Đó là giữ Giới.

其人無我自然柔和。是曰忍辱。

Kỳ nhân vô ngã tự nhiên nhu hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Người đó không có bản thân tự nhiên nhu hòa. Đó là Nhẫn nhục.

諸所勤修不行二法無有因緣。是曰精進。

Chư sở cần tu bất hành nhị Pháp vô hữu Nhân-duyên. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả nếu tu hành chuyên cần không thực hành 2 Pháp không có Nhân duyên. Đó là Tinh tiến.

其在禪定不著內外亦無中間。是曰一心。

Kỳ tại Thiền-định bất trước nội ngoại diệc vô trung gian. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ở trong Thiền Định không nương nhờ trong ngoài cũng không ở giữa chừng. Đó là Nhất tâm.

有所觀察永不分別一切諸法。是曰智慧。是為六。

Hữu sở quan sát vĩnh bất phân biệt nhất thiết chư Pháp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu được quan sát kỹ vĩnh viễn không phân biệt tất cả các Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無所有度無極有六事？

Hà vị vô sở hữu Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không có được Tới Niết Bàn có 6 việc？

其心不念於當來事所建立福。是曰布施。

Kỳ tâm bất niệm ư đương lai sự sở kiến lập Phúc. Thị viết BỐ-thí.

Nếu tâm không nhớ tới việc sắp tới, nếu thiết lập Phúc. Đó là BỐ thí.

解於一切周旋三界如幻如化。是曰持戒。

Giải ư nhất thiết chu toàn Tam-giới như huyễn như hóa. Thị viết Trì-giới.

Hiểu với tất cả vật lộn của 3 Cõi giới như ảo như biến hóa. Đó là giữ Giới.

若眾善想若無善想。常抱仁和心不懷此。是曰忍辱。

Nhược chúng thiện tưởng nhược vô thiện tưởng. Thường bảo nhân hòa tâm bất hoài thử. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tưởng nhớ các thiện hoặc không tưởng nhớ thiện. Thường ôm ấp nhân hòa tâm không nhớ điều này. Đó là Nhẫn nhục.

若修行道而無所行。是曰精進。

Nhược tu hành đạo nhi vô sở hành. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành Đạo mà không có thực hành. Đó là Tinh tiến.

在於三界無所希望。其心所在普歸將護一切眾生。是曰一心。

Tại u Tam-giới vô sở hi vọng. Kỳ tâm sở tại phổ quy tương hộ nhất thiết chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Ở trong 3 Cõi giới không có hi vọng. Nếu tâm ở tại khắp cả trở về sẽ bảo vệ tất cả chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

若不想有為不想無為造如是行。是曰智慧。是為六。

Nhược bất tướng Hữu-vi, bất tướng Vô-vi tạo như thị hành. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu không có tướng nhớ Hình tướng, không tướng nhớ không có Hình tướng tạo ra hành động như thế. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂廣普度無極有六事？

Hà vị quảng phổ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là rộng khắp cả Tới Niết Bàn có 6 việc？

勸化無數百千眾生。使捨慳悋而好給與。是曰布施。

Khuyến hóa vô số bách thiên chúng sinh. Sử xả xan lận nhi hảo cấp dữ. Thị viết Bố-thí.

Khuyên giáo hóa vô số trăm nghìn chúng sinh. Làm cho buông bỏ keo kiệt tiếc mà tốt bụng cung cấp cho. Đó là Bố thí.

所禁順業普同一切。是曰持戒。

Sở cấm thuận Nghiệp, phổ đồng nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Nếu cấm đoán thuận theo Nghiệp, đều cùng như nhau tất cả. Đó là giữ Giới.

所行方便靡不堪任。是曰忍辱。

Sở hành Phương-tiện mị bất kham nhâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành Phương tiện đều chịu nhận hết. Đó là Nhẫn nhục.

若能建立住四意止而不懈怠。是曰精進。

Nhược năng kiến lập trụ tứ ý chỉ nhi bất giải đãi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể thiết lập ở trong 4 ý dừng lại mà không lười nhác. Đó là Tinh tiến.

若不慳悋將護六事。存於道法而不迴還。

Nhược bất xan lận tương hộ Lục-sự. Tồn u Đạo Pháp nhi bất hồi hoàn .

Nếu không keo kiệt tiếc sẽ bảo vệ 6 việc. Còn ở trong Đạo Pháp mà không quay trở về.

能懷來致八萬四千諸三昧行。是曰一心。

Năng hoài lai trí bát vạn tứ thiên chư Tam-muội hành. Thị viết Nhất-tâm.

Có thể nhớ đến, đem tới 8 vạn 4 nghìn các hành Tam Muội. Đó là Nhất tâm.

若能覺了一切塵勞結滯之業誓願聖明。是曰智慧。是為六。

Nhược năng giác liễu nhất thiết trần lao kết trệ chi nghiệp thệ nguyện Thánh-minh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu có thể cảm thấy biết rõ thệ nguyện sáng suốt của Thánh, tất cả phiền toái Nghiệp kết buộc ngưng trệ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂華度無極有六事？

Hà vị hoa Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là hoa Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施將慎六情不迴道法。是曰布施。

Nhược hữu sở thí tương thận Lục-tình bất hồi Đạo Pháp. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, sẽ thận trọng 6 Tình không hướng về Đạo Pháp. Đó là Bồ thí.

常行恭恪所施謙下而不輕慢。是曰持戒。

Thường hành cung khác sở thí khiêm hạ nhi bất khinh mạn. Thị viết Trì-giới.

Thường thực hành cung kính nếu khiêm nhường Bồ thí mà không coi thường. Đó là giữ Giới.

若能堪任決諸結縛裂眾羅網。是曰忍辱。

Nhược năng kham nhâm quyết chư kết phược liệt chúng la võng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể chịu nhận bỏ các kết buộc, rách thủng các lưới võng. Đó là Nhẫn nhục.

其勤修行應病與藥不墮罪蓋。是曰精進。

Kỳ cần tu hành ưng bệnh dữ dược bất đọa tội cái. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu chuyên cần tu hành tùy bệnh cho thuốc không đọa trong vòng tội. Đó là Tinh tiến.

捐棄自大奉無蓋慈。是曰一心。

Quyên khí tự đại phụng vô cái từ. Thị viết Nhất-tâm.

Vứt bỏ tự đại cung kính không có dù lọng tâm Từ. Đó là Nhất tâm.

若以聖慧有所頒宣無能當者。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh tuệ hữu sở ban tuyên vô năng đương giả. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh có được nói đọc không thể đảm đương. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無量度無極有六事？

Hà vị vô lượng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là vô lượng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所惠常合智慧。是曰布施。

Nhược hữu sở huệ thường hợp Trí-tuệ. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được ân huệ thường hợp với Trí tuệ. Đó là Bồ thí.

以無量禁常行謹慎無所犯負。是曰持戒。

Dĩ vô lượng cấm thường hành cẩn thận vô sở phạm phụ. Thị viết Trì-giới.

Do nhiều kiêng kị thường thực hành cẩn thận không có gánh vác vi phạm. Đó là giữ Giới.

所行仁和致三脫門。勸助此己不墮色想。是曰忍辱。

Sở hành nhân hòa trí Tam thoát môn. Khuyển trợ thử kỷ bất đọa sắc tưởng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhân hòa đem tới 3 môn Giải thoát. Khuyển trợ giúp bản thân này không đọa trong tưởng nhớ sắc thân. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修致四意斷。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu trí Tứ ý đoạn. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần đem tới 4 ý cắt bỏ. Đó là Tinh tiến.

若以禪思奉行慈愍致七覺意。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư phụng hành từ mẫn trí Thất giác ý. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ cung kính thực hành thương xót đem tới 7 Ý cảm giác. Đó là Nhất tâm.

若以聖慧修立悲哀致八道行。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh tuệ tu lập bi ai trí Bát Đạo hạnh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh tu hành lập ra bi thương đem tới 8 Đạo hạnh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.
何謂慕求度無極有六事？

Hà vị mộ cầu Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là ngưỡng mộ tìm kiếm Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能出家求鉢衣服輒而得之。是曰布施。

Nhược năng Xuất-gia cầu bát y phục triếp nhi đắc chi. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể Xuất gia cầu bát quần áo, liền mà được ngay. Đó là Bố thí.

其行止足功勳戒具。是曰持戒。

Kỳ hành chỉ túc công huân Giới cụ. Thị viết Trì-giới.

Nếu chân bước dừng lại, công trạng Giới đầy đủ. Đó là giữ Giới.

致功德藏斷眾患難生死之厄。若作國王。

Trí Công-đức tạng đoạn chúng hoạn nạn sinh tử chi ách. Nhược tác Quốc-vương.

Đem tới kho công Đức cắt bỏ các hoạn nạn sinh chết tai ách. Nếu làm Quốc Vương.

夫人侍女有所施與。聞之默然不以懷恨。是曰忍辱。

Phu nhân thị nữ hữu sở thí dữ. Văn chi mặc nhiên bất dĩ hoài hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Phu nhân người hầu nữ có được đem cho. Nghe mà im lặng không lấy làm nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

求眾利義積功累德方便勤苦。從錠光佛來。

Cầu chúng lợi nghĩa tích công lũy Đức Phương-tiện cần khổ. Tông Đỉnh Quang Phật lai.

Cầu các nghĩa lợi ích, tích lũy công Đức Phương tiện cần khổ. Theo Đỉnh Quang Phật đến.

若有所施乃至於今而不解倦。是曰精進。

Nhược hữu sở thí nãi chí ư kim nhi bất giải quyện. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có được Bố thí, thậm chí tới nay mà không mệt mỏi. Đó là Tinh tiến.

若勸歎人而順其意曉眾塵勞。是曰一心。

Nhược khuyến tán nhân nhi thuận kỳ ý hiểu chúng trần lao. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu khuyên người ca ngợi mà ý họ thuận theo hiểu các phiền toái. Đó là Nhất tâm.

若以順時勸無上慧。以是三昧致最正覺。

Nhược dĩ thuận thời khuyến Vô-thượng tuệ. Dĩ thị Tam-muội trí Tối Chính-giác.

Nếu do thuận thời khuyến Trí tuệ Bình Đẳng. Do Tam Muội đó đem tới Tối Chính Giác.

欲度眾生而隨順之。是曰智慧。是為六。

Dục độ chúng sinh nhi tùy thuận chi. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Muốn độ thoát chúng sinh mà tùy thuận cả. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂厭度無極有六事？

Hà vị yếm Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là chán ghét Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施致於貧匱逮長者寶。是曰布施。

Nhược hữu sở thí trí ư bần quĩ đãi Trưởng-giả bảo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, đem tới nghèo thiếu bắt lấy báu vật của Trưởng giả. Đó là Bồ thí.

若以持戒遵修十善。不以厭之乃勸化人。是曰持戒。

Nhược dĩ Trì-giới tuân tu Thập thiện. Bất dĩ yếm chi nãi khuyến hóa nhân. Thị viết Trì-giới.

Nếu do giữ Giới tuân theo tu hành 10 Nghiệp thiện. Không lấy làm chán ghét mới lại khuyến giáo hóa người. Đó là giữ Giới.

若漸護禁啟受道力而獨寂爾。是曰忍辱。

Nhược tiệm hộ cấm khởi thụ Đạo lực nhi độc tịch nhĩ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu dần dần bảo vệ Giới cấm bắt đầu thụ nhận Lục Đạo mà đơn độc vắng vẻ. Đó là Nhẫn nhục.

若不遠捨所想恩德而犯妄想欲至勤修。是曰精進。

Nhược bất viễn xả sở tưởng ân Đức nhi phạm vọng tưởng dục chí cần tu. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu buông bỏ không xa được tưởng nhớ ân Đức mà vi phạm ảo tưởng muốn được tu hành chuyên cần. Đó là Tinh tiến.

若以禪思而至棄捐一切非法。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư nhi chí khí quyên nhất thiết phi Pháp. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ mà được vứt bỏ tất cả Pháp sai. Đó là Nhất tâm.

若生苦惱在於三界說己身慧。是曰智慧。是為六。

Nhược sinh khổ não tại ư Tam-giới thuyết kỷ thân tuệ. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu sinh khổ não ở trong 3 Cõi giới nói Thân Trí tuệ của bản thân. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂妙樂度無極有六事？所施福報來生人間。

Hà vị diệu lạc Độ vô cực hữu Lục-sự？ Sở thí Phúc báo lai sinh Nhân-gian.

Thế nào gọi là vui sướng vì diệu Tới Niết Bàn có 6 việc？ Nếu ban cho Phúc báo tới sinh ở nhân gian.

一切所欲皆以豐富而不自大。是曰布施。

Nhất thiết sở dục giai dĩ phong phú nhi bất tự đại. Thị viết Bồ-thí.

Được tất cả ham muốn đều do giàu có mà không tự đại. Đó là Bồ thí.

所奉禁戒生於天上。若於人間壽命常長。是曰持戒。

Sở phụng Cấm-giới sinh ư Thiên thượng. Nhược ư Nhân-gian thọ mệnh thường trường. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Giới cấm sinh ở trên Trời. Nếu ở Nhân gian thọ mệnh thường dài. Đó là giữ Giới.

所謂得人若能逮致無所從生法忍。是曰忍辱。

Sở vị đắc nhân nhược năng đãi trí vô sở tòng sinh Pháp-nhẫn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Gọi là được thân người nếu có thể bắt lấy đem tới không có từ Pháp Nhẫn sinh. Đó là Nhẫn nhục.

所進勤修不虛方便必如至行。是曰精進。

Sở tiến cần tu bất hư Phương-tiện tất như chí hạnh. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu chuyên cần Tinh tiến Phương tiện không sai nhất định như hạnh lớn. Đó là Tinh tiến.

所云禪思棄於內外因緣之報。其所生處輒如真諦所行如願。是曰一心。

Sở vân Thiền tư, khí ư nội ngoại Nhân-duyên chi báo. Kỳ sở sinh xứ triếp như chân đế sở hành như nguyện. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu Tĩnh lặng suy nghĩ như thế, bỏ nơi trong ngoài báo ứng Nhân duyên. Nếu được nơi sinh liền như chân thực, được thực hành được như mong nguyện. Đó là Nhất tâm

其智慧意無所妄相。是曰智慧。是為六。

Kỳ Trí-tuệ ý vô sở vọng tướng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu ý Trí tuệ không có hình tướng sai. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無樂度無極有六事？

Hà vị vô lạc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không vui sướng Tới Niết Bàn có 6 việc？

有所救之無所望施。不捨眾見。是曰布施。

Hữu sở cứu chi vô sở vọng thí. Bất xả chúng kiến. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được cứu giúp không có hi vọng ban cho. Không buông bỏ các nhìn thấy. Đó là Bồ thí.

雖家奉禁而有捨家不貪世榮。是曰持戒。

Tuy gia phụng cấm nhi hữu xả gia bất tham thế vinh. Thị viết Trì-giới.

Tuy ở gia đình cung kính Giới cấm mà có buông bỏ gia đình không tham vinh hoa ở đời. Đó là giữ Giới.

其行柔軟而不懷恨。是曰忍辱。

Kỳ hành nhu nhuễn nhi bất hoài hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhu nhuễn mà không nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

所奉修行勤苦難樂。是曰精進。

Sở phụng tu hành cần khổ nạn lạc. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính tu hành cần khổ khó vui sướng. Đó là Tinh tiến.

禪棄等分致於苦惱。想眾縛著與難合會。是曰一心。

Thiền khí đặng phần trí ư khổ não. Tưởng chúng phược trước dữ nạn hợp hội. Thị viết Nhất-tâm.

Vứt bỏ Tĩnh lặng phần Bình đặng đem tới nơi khổ não. Tưởng nhớ các kết buộc nương nhờ cùng với khó hợp hội. Đó là Nhất tâm.

若於聖慧有顛倒想。雖為諸苦不從法行。是曰智慧。是為六。

Nhược ư Thánh tuệ hữu điên đảo tưởng. Tuy vi chư khổ bất tòng Pháp hành. Thị viết Trí-tuệ.

Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh có tưởng nhớ đảo lộn. Tuy bị các khổ thực hành không theo Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

賢劫經卷第二

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ nhị

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 2.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

=====

HIEN KIEP KINH Q3

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第三

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ tam.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 3.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

聞持品第九

Văn trì phẩm đệ cửu.

Phẩm thứ 9 Nghe giữ.

佛告喜王菩薩！何謂聞持度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát！Hà vị văn trì Độ vô cực hữu Lục-sự？

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Thế nào gọi là Nghe giữ Tới Niết Bàn có 6 việc？

見眾窮厄不能自濟。若宣法施。伏已致寶使眾人聞。是曰布施。

Kiến chúng cùng ách bất năng tự tế. Nhược tuyên Pháp-thí. Phục dĩ trí bảo sử chúng nhân văn. Thị viết Bồ-thí.

Nhìn thấy các tai ách khốn cùng không thể tự cứu giúp. Nếu nói Bồ thí Pháp. Khiến cho mọi người nghe thuận phục đã đem tới báu vật. Đó là Bồ thí.

常以德本眾善之行。既自身行復勸他人。

Thường dĩ Đức bản chúng thiện chi hạnh. Ký tự thân hành phục khuyến tha nhân.

Thường dùng Đức vốn đó làm các việc thiện. Đã tự bản thân làm lại khuyên người khác.

若聞不持致大財富。是曰持戒。

Nhược văn bất trì trí đại tài phú. Thị viết Trì-giới.

Nếu nghe không giữ đem tới phú quý lớn. Đó là giữ Giới.

若聞善說能忍眾苦不以為惱。

Nhược văn thiện thuyết năng Nhẫn chúng khổ bất dĩ vi não.

Nếu nghe nói thiện có thể Nhẫn nhịn các khổ không lấy làm Phiền não.

假使菩薩若為梵志。悉從愚人得有所聞。

Giả sử Bồ-tát nương vị Phạm-chí. Tất tòng ngu nhân đắc hữu sở văn.

Nếu như Bồ Tát hoặc là Phạm chí. Đều từ người ngu có được nếu nghe.

修十二年興發建立無上大道。覺了所生。是曰忍辱。

Tu thập nhị niên hưng phát kiến lập Vô-thượng Đại-đạo, giác liễu sở sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tu hành 12 năm phát triển thiết lập Đạo lớn Bình Đẳng. Cảm thấy biết rõ được sinh. Đó là Nhẫn nhục.

若能精進捐棄家業不以為難。是曰精進。

Nhược năng Tinh-tiến quyên khí gia Nghiệp bất dĩ vi nan. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể Tinh tiến vứt bỏ gia Nghiệp không lấy làm khó. Đó là Tinh tiến.

其解無常而聞因緣不以懈廢。是曰一心。

Kỳ giải Vô-thường nhi văn Nhân-duyên bất dĩ giải phế. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu hiểu Biến đổi mà nghe Nhân duyên không lấy làm mệt vứt bỏ. Đó là Nhất tâm.

學無有師方便平等於諸憎愛。是曰智慧。是為六。

Học vô hữu Sư Phương-tiện Bình-đẳng ư chư tăng ái. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Học không có Thầy, Phương tiện Bình đẳng với các yêu ghét. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂生死長度無極有六事？

Hà vị sinh tử trường Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là sinh chết tăng thêm Tới Niết Bàn có 6 việc？

若惠施主得無所從生法忍。是曰布施。

Nhược huệ thí chủ đắc vô sở tòng sinh Pháp-nhẫn. Thị viết Bố-thí.

Nếu chủ ban cho ân huệ được không có từ Pháp nhẫn sinh. Đó là Bố thí.

其能依猗無極大哀。是曰持戒。

Kỳ năng y ý vô cực đại ai. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể y lại dựa vào thương đau lớn vô hạn. Đó là giữ Giới.

設以柔和勸慕弘誓。是曰忍辱。

Thiết dĩ nhu hòa khuyến mộ hoàng thệ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhu hòa khuyến ngưỡng mộ thệ nguyện rộng lớn. Đó là Nhẫn nhục.

若以博聞施於一切。是曰精進。

Nhược dĩ bác văn thí ư nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do nghe sâu rộng ban cho tất cả. Đó là Tinh tiến.

假使寂然加於無我。是曰一心。

Giả sử Tịch-nhiên gia ư vô ngã. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu như Vắng vẻ tăng thêm cho không có bản thân. Đó là Nhất tâm.

若以諸下縱使僕從。教誨忍和禪思弘聖。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ chư hạ túng sử bộc tòng. Giáo hội nhẫn hòa Thiền tư hoàng Thánh. Thị viết Trí-tuệ.

Thị vi lục.

Nếu dùng các loại thấp kém cho dù người giúp việc đi theo. Dạy bảo Nhẫn hòa Tĩnh lặng suy nghĩ thế nguyện lớn của Thánh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無斷度無極有六事？

Hà vị vô đoạn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không cắt bỏ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以所施興立四恩救濟危厄。是曰布施。

Nhược dĩ sở thí hưng lập Tứ-ân cứu tế nguy ách. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do nơi Bồ thí lập được 4 Ân cứu giúp nguy ách. Đó là Bồ thí.

護身口心常謹慎三。是曰持戒。

Hộ Thân Khẩu Tâm thường cẩn thận tam. Thị viết Trì-giới.

Bảo vệ Thân Miệng Tâm thường cẩn thận 3 Nghiệp. Đó là giữ Giới.

其以人宜身心和同。志逮法忍四事和業。是曰忍辱。

Kỳ dĩ nhân nghi thân tâm hòa đồng. Chí đãi Pháp-nhẫn Tứ-sự hòa Nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do người thích hợp thân tâm hòa đồng. Ý chí bắt lấy Pháp Nhẫn 4 Việc Nghiệp hòa thuận. Đó là Nhẫn nhục.

若用勤修四意斷者無所中傷。皆由學是建立至真。是曰精進。

Nhược dụng cần tu tứ ý đoạn giả vô sở trung thương. Giai do học thị kiến lập chí chân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần 4 ý cắt bỏ không có đau ở giữa. Điều do học nó thiết lập được chân chính. Đó là Tinh tiến.

其用寂靜逮四意止者。是曰一心。

Kỳ dụng Tịch-tĩnh đãi tứ ý chỉ giả. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng bắt lấy 4 ý dừng lại. Đó là Nhất tâm.

若以聖明修四諦事無復虛偽。是為智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh-minh tu Tứ-đế sự vô phục hư nguy. Thị vi Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do sáng suốt của Thánh tu hành Việc của 4 Thánh đế, đối trá không trở lại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂欲樂純熟度無極有六事？

Hà vị dục lạc thuần thực Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là ham vui thuần thực Tới Niết Bàn có 6 việc？

一切所有施而不悋。是曰布施。

Nhất thiết sở hữu thí nhi bất lận. Thị viết Bồ-thí.

Cho tất cả có được mà không tiếc. Đó là Bồ thí.

開化功勳見空脫門。是曰持戒。

Khai hóa công huân kiến Không thoát môn. Thị viết Trì-giới.

Khai hóa công trạng nhìn thấy môn Giải thoát Rỗng không. Đó là giữ Giới.

若以至德教訓用化。戒禁在於行業心生其上。

Nhược dĩ chí Đức giáo huấn dụng hóa. Giới-cấm tại ư hành Nghiệp tâm sinh kỳ thượng.

Nếu do Đức lớn giáo huấn cần biến hóa. Giới cấm ở nơi thực hành Nghiệp tâm sinh cao hơn.

開度眾生顯以斯戒。以忍順意而有殊特人和能受。是曰忍辱。

Khai độ chúng sinh hiền dĩ tư giới. Dĩ Nhẫn thuận ý nhi hữu thù đặc nhân hòa năng thụ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Khai sáng độ thoát chúng sinh hiện ra rõ do Giới đó. Dùng ý Nhẫn thuận mà có đặc biệt người hòa nhã có thể thụ nhận. Đó là Nhẫn nhục.

其以用法隨時開化若干品訓。是曰精進。

Kỳ dĩ dụng Pháp tùy thời khai hóa nhược can phẩm huấn. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do vì Pháp tùy thời khai hóa huấn luyện rất nhiều bậc. Đó là Tinh tiến.

曉了時宜奉行慈心。行四等意斷他苦樂。是曰一心。

Hiểu liễu thời nghi phụng hành Từ tâm. Hành Tứ-đẳng ý đoạn tha khổ lạc. Thị viết Nhất-tâm.

Hiểu biết rõ thời gian thích hợp, cung kính thực hành tâm Từ. Thực hành 4 Bình đẳng ý cất bỏ khổ vui khác. Đó là Nhất tâm.

所欲訓誨眾生一切哀護應法。其所至宜隨時不失。

Sở dục huấn hối chúng sinh nhất thiết ai hộ ung Pháp. Kỳ sở chí nghi tùy thời bất thất.

Nếu muốn dạy bảo chúng sinh tất cả thương xót bảo vệ ung thuận Pháp. Nếu nơi tới thích hợp tùy thời không mất

是曰智慧。是為六。何謂禪定度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thiên-định Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thiên Định Tới Niết Bàn có 6 việc？

若建所施在在所欲不能違者。是曰布施。

Nhược kiến sở thí tại tại sở dục bất năng vi giả. Thị viết Bố-thí.

Nếu thiết lập được Bố thí nơi nơi mong muốn không thể ngược lại. Đó là Bố thí.

心懷謹慎棄眾不可。是曰持戒。

Tâm hoài cẩn thận khí chúng bất khả. Thị viết Trì-giới.

Tâm nhớ cẩn thận bỏ các thứ không thể. Đó là giữ Giới.

仁任和忍諸法自然入於和忍。是曰忍辱。

Nhân nhiệm hòa nhẫn chư Pháp tự nhiên nhập ư hòa nhẫn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nhân từ đảm nhiệm hòa hợp Nhẫn nhin, các Pháp tự nhiên nhập vào do hòa hợp Nhẫn. Đó là Nhẫn nhục.

一心勤修思惟建立。處所悉散毀滅諸非。是曰精進。

Nhất tâm cần tu tư duy kiến lập. Xứ sở tất tán hủy diệt chư phi. Thị viết Tinh-tiến.

Nhất tâm tu hành chuyên cần suy nghĩ thiết lập. Nơi ở tất cả tan hoại hủy diệt các sai. Đó là Tinh tiến.

若以禪思聞所棄捐身口心安承諸智明。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư văn sở khí quyền Thân Khẩu Tâm an thừa chư Trí minh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ vứt bỏ nghe được, Thân Miệng Tâm yên ổn thuận theo Trí tuệ sáng.

Đó là Nhất tâm.

若斷除欲以聖明德去眾穢行。是曰智慧。是為六。

Nhược quyền trừ dục dĩ Thánh-minh Đức khứ chúng uế hạnh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu miễn trừ ham muốn dùng Đức sáng suốt của Thánh bỏ các hạnh ô uế. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂神通度無極有六事？

Hà vị Thần-thông Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Thần thông Tối Niết Bàn có 6 việc？

若以燈施因得其報天眼徹視。是曰布施。

Nhược dĩ đăng thí nhân đắc kỳ báo Thiên-nhãn triệt thị. Thị viết Bố-thí.

Nếu dùng đèn Bố thí, nhân do được báo ứng đó, mắt Cõi Trời nhìn thấu suốt. Đó là Bố thí.

其奉禁戒專精聽經。無所毀犯致天耳聽。是曰持戒。

Kỳ phụng Cấm-giới chuyên tinh thính Kinh. Vô sở hủy phạm trí Thiên-nhĩ thính. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính Giới cấm chuyên tinh thông nghe Kinh. Không có hủy phạm đem tới tai Cõi Trời nghe được. Đó là giữ Giới

仁和無二以用勸助因發道意。是曰忍辱。

Nhân hòa vô nhị dĩ dụng khuyến trợ nhân phát Đạo ý. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nhân hòa không có 2 do vì khuyến trợ giúp nhân do phát ý Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

成就逮得識念宿命過去世事。神通自然為眾生故處在世間。

Thành tựu đãi đắc thức niệm túc mệnh Quá-khứ thế sự. Thần-thông tự nhiên vị chúng sinh cố xử tại Thế-gian.

Thành công bắt được nhớ nhận ra Kiếp trước việc của thời Quá khứ. Thần thông tự nhiên cố vì chúng sinh ở tại Thế gian.

積功累德每生自剋。是曰精進。

Tích công lũy Đức mỗi sinh tự khắc. Thị viết Tinh-tiến.

Tích lũy công Đức mỗi lần sinh tự ghi khắc. Đó là Tinh tiến.

懷來神通神足變化難逮無極。捨諸識著受平等禪。是曰一心。

Hoài lai Thần-thông Thần-túc biến hóa nan đãi vô cực. Xả chư Thức trước thụ Bình đẳng Thiền. Thị viết Nhất-tâm.

Nhớ tới Thần thông, Thần túc biến hóa khó bắt lấy vô hạn. Buông bỏ nương nhờ các Thức, thụ nhận Thiền Bình đẳng. Đó là Nhất tâm.

以逮斯恩因緣之報。以慧神通消滅眾垢。

Dĩ đãi tư ân Nhân-duyên chi báo. Dĩ tuệ Thần-thông tiêu diệt chúng cấu.

Do bắt lấy ân đó Nhân duyên báo ứng. Dùng Tuệ Thần thông tiêu diệt các cấu bẩn.

因其三昧究暢聖明。是曰智慧盡諸漏矣。是為六。

Nhân kỳ Tam-muội cứu sướng Thánh-minh. Thị viết Trí-tuệ tận chư lậu hĩ. Thị vi lục.

Nhân do Tam Muội đó, sáng suốt của Thánh thông suốt tới cùng. Đó là Trí tuệ hết tận các Phiền não. Đó là sáu.

何謂世人巧便度無極有六事？不能勸學諸度無極。

Hà vị thế nhân xảo tiện Độ vô cực hữu Lục-sự ? Bất năng khuyến học chư độ vô cực.

Thế nào gọi là người đời Phương tiện tinh xảo Tới Niết Bàn có 6 việc ? Không thể khuyên học các loại Tới Niết Bàn.

唯慕世俗巧術之宜俱技他行。巧術所施使人修德。是曰布施。

Duy mộ thế tục xảo thuật chi nghi câu kĩ tha hành. Xảo thuật sở thí sử nhân tu Đức. Thị viết Bồ-thí.

Chỉ ngưỡng mộ đời tục thích nghi xảo thuật cùng với kĩ thuật thực hành khác. Bồ thí được xảo thuật làm cho người tu hành Đức. Đó là Bồ thí.

後當得報使無數人愛樂務道。是曰持戒。

Hậu đương đắc báo sử vô số nhân ái lạc vụ đạo. Thị viết Trì-giới.

Sau đang được báo ứng làm cho vô số người yêu thích phục vụ Đạo. Đó là giữ Giới.

能使一切技術巧便皆達無餘靡不通暢。是曰忍辱。

Năng sử nhất thiết kĩ thuật xảo tiện. Giai đạt vô dư mị bất thông sướng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Có thể làm cho tất cả kĩ thuật Phương tiện tinh xảo. Điều thông tỏ không có dư thừa tất cả đều thông suốt. Đó là Nhẫn nhục.

其速奉行菩薩之法能令成就。是曰精進。

Kỳ tốc phụng hành Bồ-tát chi Pháp năng linh thành tựu. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhanh chóng cung kính thực hành Pháp của Bồ Tát, có thể giúp cho thành công. Đó là Tinh tiến.

若心以好。是曰一心。

Nhược tâm dĩ hảo. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm vì tốt đẹp. Đó là Nhất tâm.

諮受道法。是曰智慧。是為六。

Tư thụ Đạo Pháp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Hỏi thăm thụ nhận Đạo Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂慈愍護養一切度無極有六事？

Hà vị Từ mẫn hộ dưỡng nhất thiết Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là tâm Từ thương xót bảo vệ cúng dưỡng tất cả Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以心護一切眾生以慈心施。是曰布施。

Nhược dĩ tâm hộ nhất thiết chúng sinh dĩ Từ tâm thí. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do tâm bảo vệ tất cả chúng sinh Bồ thí do tâm Từ. Đó là Bồ thí.

用眾生故不貪己身。以是持戒以時誓願。因得自在所生之處。

Dụng chúng sinh cố bất tham kỷ thân. Dĩ thị Trì-giới dĩ thời thệ nguyện. Nhân đắc Tự-tại sở sinh chi xứ.

Cổ vì chúng sinh không tham thân của tự mình. Dùng nó giữ Giới theo thời thệ nguyện. Nhân do được tự do Tự tại được nơi sinh.

訓化眾生因奉善事而建立道。是曰持戒。

Huấn hóa chúng sinh nhân phụng thiện sự nhi kiến lập Đạo. Thị viết Trì-giới.

Dạy bảo chúng sinh nhân do cung kính việc thiện mà thiết lập Đạo. Đó là giữ Giới.

猶過去王名曰摩調。所興精進愁思勤修遵承隨時。是曰忍辱。

Do Quá-khứ Vương danh viết Ma-điều. Sở hưng Tinh-tiến sầu tư cần tu tuân thừa tùy thời. Thị viết Nhẫn-nhục.

Như Vua thời Quá khứ tên là Ma Điều. Do hưng khởi Tinh tiến buồn lo nghĩ tu hành chuyên cần tùy thời tuân theo hướng dẫn. Đó là Nhẫn nhục.

若作國王人求截頭心不發恚。無央數人得生天上。

Nhược tác Quốc-vương nhân cầu tiết đầu tâm bất phát khuể. Vô ương số nhân đắc sinh Thiên thượng.

Nếu làm Quốc Vương người muốn cắt đầu, tâm không sinh tức giận. Rất nhiều người được sinh lên Trời.

以是精進若能堪任。復致財業以與開導。是曰精進。

Dĩ thị Tinh-tiến nhược năng kham nhâm. Phục trí tài Nghiệp dĩ dữ khai Đạo. Thị viết Tinh-tiến.

Do Tinh tiến đó nếu có thể chịu nhận. Lại đem tới tài Nghiệp đem ban cho hướng dẫn khai sáng. Đó là Tinh tiến.

其不逸禪無所藏匿消滅六情。是曰一心。

Kỳ bất dật Thiền vô sở tạng nặc tiêu diệt Lục-tình. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu Tĩnh lặng không phóng túng không có ẩn náu tiêu diệt 6 Tình. Đó là Nhất tâm.

設用聖慧示無數眾。人皆啟受報應大果。眾德六事諸所塵垢。

Thiết dụng Thánh tuệ thị vô số chúng. Nhân giai khả thụ báo ứng đại quả. Chúng Đức Lục-sự chư sở trần cấu.

Nếu vì Trí tuệ của Thánh hiện ra vô số loại. Người đều bắt đầu nhận báo ứng quả lớn. Sáu việc của các Đức mọi thứ nếu Phiền não.

勇猛所報為不見侵。不以過去而有增損。

Dũng mãnh sở báo vi bất kiến xâm. Bất dĩ Quá-khứ nhi hữu tăng tổn.

Dũng mãnh được báo đáp vì không nhìn thấy xâm phạm. Không do Quá khứ mà có thêm tổn hại.

是曰智慧。是為六。何謂行哀度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị hành ai Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thực hành thương xót Tới Niết Bàn có 6 việc？

以能布施心自發念。欲使眾生一切普安。是曰布施。

Dĩ năng Bố-thí tâm tự phát niệm. Dục sử chúng sinh nhất thiết phổ an. Thị viết Bố-thí.

Do có thể Bố thí, tâm tự phát sinh nhớ. Muốn làm cho chúng sinh tất cả đều yên ổn. Đó là Bố thí.

若棄他人不自厭身悉散眾結。是曰持戒。

Nhược khí tha nhân bất tự yếm thân tất tán chúng kết. Thị viết Trì-giới.

Nếu bỏ người khác không tự chán ghét thân, đều tan hoại các kết buộc. Đó là giữ Giới.

若能忍己罵詈杖捶悉以能忍。亦化他人令忍。是曰忍辱。

Nhược năng nhẫn kỷ mạ lệ trượng chủy tất dĩ năng nhẫn. Diệc hóa tha nhân linh nhẫn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể tự mình Nhẫn nhịn mắng nhiếc gây đánh, biết dùng Nhẫn nhịn. Cũng dạy người khác giúp cho Nhẫn nhịn. Đó là Nhẫn nhục.

若以精進具眾德本。不以患厭度無極眾。

Nhược dĩ Tinh-tiến cụ chúng Đức bản. Bất dĩ hoạn yếm Độ vô cực chúng.

Nếu do Tinh tiến đầy đủ các Đức vốn có. Không do hoạn nạn chán gét các loại Tới Niết Bàn.

又以專精勸諸人眾使出家學。是曰精進。

Hựu dĩ chuyên tinh khuyến chư nhân chúng sử Xuất-gia học. Thị viết Tinh-tiến.

Lại do chuyên nhất tinh luyện khuyên mọi người khiến cho Xuất gia học Đạo. Đó là Tinh tiến.

若厭惡趣愛樂禪思功勳究竟。是曰一心。

Nhược yếm ác thú ái lạc Thiền tư công huân cứu cánh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu chán gét Đạo ác yêu thích Tĩnh lặng suy nghĩ công trạng cuối cùng. Đó là Nhất tâm.

愍哀淨除一切惡露而不懈廢。所興法施訓化眾生。

Mẫn ai tịnh trừ nhất thiết ác lộ nhi bất giải phế. Sở hưng Pháp thí huân hóa chúng sinh.

Thương xót Thanh tịnh trừ diệt tất cả ác, lộ ra mà không lười phá bỏ. Nếu hưng khởi Bồ thí Pháp dạy bảo chúng sinh.

是曰智慧。是為六。何謂歡喜度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị hoan hỷ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là vui mừng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能行恩其心悅豫而不懷恨。是曰布施。

Nhược năng hành ân kỳ tâm duyệt dự nhi bất hoài hận. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể thực hành ân nghĩa tâm họ vui mừng mà không nhớ thù hận. Đó là Bồ thí.

篤信守禁而致善德。是曰持戒。

Đốc tín thủ cấm nhi trí thiện Đức. Thị viết Trì-giới.

Hết lòng tin bảo vệ Giới cấm mà đem tới Đức thiện. Đó là giữ Giới.

若以柔和成就慚愧不報麤獷。是曰忍辱。

Nhược dĩ nhu hòa thành tựu tâm quý bất báo thô quảng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhu hòa thành công hổ thẹn, không báo ứng hung dữ thô thiển. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修心無瞋恨。自護安彼而善思惟不懷湯火。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu tâm vô sân hận. Tự hộ an bỉ nhi thiện tư duy bất hoài thang hỏa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần, tâm không thù hận. Tự bảo vệ họ yên ổn mà suy nghĩ thiện không nhớ vạc dầu. Đó là Tinh tiến.

若樂寂然其心清淨。建立成就斷眾貪欲。是曰一心。

Nhược nhạo Tịch-nhiên kỳ tâm Thanh tịnh. Kiến lập thành tựu đoạn chúng tham dục. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ham thích Vắng vẻ tâm họ Thanh tịnh. Thiết lập thành công cắt bỏ các tham muốn. Đó là Nhất tâm.

有所惠施心無所倚。奉行道法休息望報。

Hữu sở huệ thí tâm vô sở ỷ. Phụng hành Đạo Pháp hưu tức vọng báo.

Nếu được ân huệ Bồ thí, tâm không ỷ lại. Cung kính thực hành Đạo Pháp dùng nghi hi vọng báo đáp.

觀於智慧而受覺意。選覺意已遵修無願建立脫門。

Quan ư Trí-tuệ nhi thụ giác ý. Tuyền giác ý dĩ tuân tu vô nguyện kiến lập thoát môn.

Quan sát với Trí tuệ mà thụ nhận ý cảm thấy. Đã lựa chọn ý cảm thấy, tuân theo tu hành không có nguyện thiết lập môn Giải thoát.

不處顛倒無所傷害。是曰智慧。是為六。

Bất xử điên đảo vô sở thương hại. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Không ở trong đảo lộn không có thương hại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂勸護度無極有六事？

Hà vị khuyến hộ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là khuyến bảo vệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施心無所著。奉平等法不懷妄想。是曰布施。

Nhược hữu sở thí tâm vô sở trước. Phụng Bình đẳng Pháp bất hoài vọng tưởng. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí, tâm không nương nhờ. Cung kính Pháp Bình đẳng không nhớ ảo tưởng. Đó là Bồ thí.

若以謹慎親諸覺意。心受精進不懷惱熱。是曰持戒。

Nhược dĩ cẩn thận thân chư giác ý. Tâm thụ Tinh-tiến bất hoài não nhiệt. Thị viết Trì-giới.

Nếu do cẩn thận thân thiết các ý cảm thấy. Tâm nhận Tinh tiến không nhớ Phiền não. Đó là giữ Giới.

行無所想心志顯明。其內外安棄諸貪羨。是曰忍辱。

Hành vô sở tưởng tâm chí hiển minh. Kỳ nội ngoại an khí chư tham tiện. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thực hành không có tưởng nhớ, tâm ý chí hiện ra rõ sáng. Nếu trong ngoài yên ổn bỏ các tham ham muốn. Đó là Nhẫn nhục.

曉了有為觀於無為心不處二。是曰精進。

Hiểu liễu Hữu-vi quan ư Vô-vi tâm bất xử nhị. Thị viết Tinh-tiến.

Hiểu biết rõ Pháp có hình, quan sát với Pháp không có hình, tâm không ở hai nơi. Đó là Tinh tiến.

若以禪思觀察勢力。寂然精進在所遊至為一切首。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư quan sát thế lực. Tịch-nhiên Tinh-tiến tại sở du chí vi nhất thiết thủ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ quan sát thế lực. Vắng vẻ Tinh tiến ở tại nơi du hành tới được đứng đầu tất cả. Đó là Nhất tâm.

若信聖明遵修道義。無極哀故開化餘人。

Nhược tín Thánh-minh tuân tu Đạo nghĩa. Vô cực ai cố khai hóa dư nhân.

Nếu tin sáng suốt của Thánh tuân theo tu hành nghĩa của Đạo. Do thương xót vô hạn khai hóa người khác.

是曰智慧。是為六。何謂勸邪見度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị khuyến Tà kiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là khuyến nhìn thấy sai trái Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若在雜碎諸外異學。入其祠祀順從其意而開化之。

Nhược tại tạp toái chư ngoại dị học. Nhập kỳ từ tự thuận tông kỳ ý nhi khai hóa chi.

Nếu ở nơi lộn xộn các ngoài Đạo học khác lạ. Đi vào nơi thờ cúng của họ lễ bái thuận theo ý của họ mà khai hóa.

猶如隨藍梵志所興福德之業。是曰布施。

Do như Tùy-lam Phạm-chí sở hưng Phúc-Đức chi Nghiệp. Thị viết Bố-thí.

Giống như Tùy Lam Phạm chí được hưng khởi Nghiệp Phúc Đức. Đó là Bố thí.

若顛倒戒眾賊集會為賊所牽而顯其行緣斯化度。是曰持戒。

Nhược điên đảo Giới chúng tặc tập hội, vi tặc sở khiên nhi hiển kỳ hạnh duyên tư hóa độ. Thị viết Trì-giới.

Nếu Giới đảo lộn lũ giặc tập trung hội, bị giặc sai khiến mà hiện ra rõ hạnh của họ, theo đó giáo hóa độ thoát. Đó là giữ Giới.

若在眾雜若干惱行。而來犯之不以患厭。是曰忍辱。

Nhược tại chúng tạp nhược can não hành. Nhi lai phạm chi bất dĩ hoạn yếm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ở nơi các tạp loạn làm rất nhiều Phiền não. Mà tới vi phạm không cho là hoạn nạn chán ghét. Đó là Nhẫn nhục.

有所施與若入世俗不與同塵。而為頒宣寂然之義。是曰精進。

Hữu sở thí dữ nhược nhập thế tục bất dĩ đồng trần. Nhi vi ban tuyên Tịch-nhiên chi nghĩa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu được Bố thí, cho nhập vào đời tục không cùng như Trần. Mà vì đọc nói nghĩa Vắng vẻ. Đó là Tinh tiến.

若興禪思遊在冥中而樂於此。樂無所樂以法樂之。是曰一心。

Nhược hưng Thiền tư du tại minh trung nhi lạc ư thử. Lạc vô sở lạc dĩ Pháp lạc chi. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu hưng khởi Tĩnh lặng suy nghĩ, du hành ở trong tối mà vui thích tới nơi này. Vui không có vui lấy Pháp làm vui. Đó là Nhất tâm.

若梵志像欲化眾生。隨其所順行而訓誨之。

Nhược Phạm-chí tượng dục hóa chúng sinh. Tùy kỳ sở thuận hành nhi huấn hồi chi.

Nếu hình tượng Phạm chí muốn giáo hóa chúng sinh. Tùy theo ưng thuận làm của họ mà dạy bảo.

是曰智慧。是為六。何謂勸正見度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị khuyến Chính-kiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là khuyến Nhìn thấy đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若入習俗為設法教。布施得福持戒生天。

Nhược nhập tập tục vì thiết Pháp giáo. **Bố-thí** đắc Phúc Trì-giới sinh thiên.

Nếu nhập vào luyện tập đời tục vì thiết lập Pháp giáo hóa. Bố thí được Phúc giữ Giới sinh lên Trời.

所作善惡皆有果報。以此濟之。是曰布施。

Sở tác thiện ác giai hữu quả báo. Dĩ thử tế chi. Thị viết **Bố-thí**.

Nếu làm thiện ác đều có quả báo. Do việc này cứu giúp. Đó là Bố thí.

若世無佛菩薩。未曾隨惡友教。是曰持戒。

Nhược thế vô Phật Bồ-tát. Vị tằng tùy ác hữu giáo. Thị viết Trì-giới.

Nếu đời không có Phật Bồ Tát. Dạy bạn chưa từng đi theo ác. Đó là giữ Giới.

菩薩清淨鮮白無瑕猶如雪山生好樹木。

Bồ-tát Thanh tịnh tiên bạch vô hà do như Tuyết-sơn sinh hảo thụ mộc.

Bồ Tát Thanh tịnh trong sạch không dấu vết, giống như núi Tuyết sinh cây lớn tốt đẹp.

曾有諸天鬼神眾龍而遊樂中。是曰忍辱。

Tằng hữu chư Thiên Quỷ Thần chúng Long nhi du lạc trung. Thị viết Nhẫn-nhục.

Từng có các Trời Quỷ Thần các Rồng mà tới vui đùa bên trong. Đó là Nhẫn nhục.

所奉勤修除去彼我。譬如賈客而遠遊行有所成辦。是曰精進。

Sở phụng cần tu trừ khứ bỉ ngã. Thí như cổ khách nhi viễn du hành hữu sở thành biện. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính tu hành chuyên cần trừ bỏ nó tôi. Ví như khách buôn mà du hành nơi xa nếu được thành công công việc. Đó là Tinh tiến.

若以智慧修治四禪亦無所護。是曰一心。

Nhược dĩ Trí-tuệ tu trì tứ Thiền diệc vô sở hộ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Trí tuệ tu hành nghiêm cứu 4 Thiền cũng không có bảo vệ. Đó là Nhất tâm.

若以聖明多所愍傷。一切眾生建立不逮。

Nhược dĩ Thánh-minh đa sở mẫn thương. Nhất thiết chúng sinh kiến lập bất đãi.

Nếu do sáng suốt của Thánh được nhiều thương xót. Tất cả chúng sinh thiết lập không bắt lấy.

猶如昔學本之所教。以一頌偈訓誨八萬四千國邑。

Do như tích học bản chi sở giáo. Dĩ nhất tụng kệ huấn hồi bát vạn tứ thiên Quốc ấp.

Giống như trước đây học được giáo lý vốn có. Dùng một kệ tụng dạy bảo 8 vạn 4 nghìn Nước ấp.

是曰智慧。是為六。何謂勸住見度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị khuyến trụ kiến Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là khuyến ở lại nhìn thấy Tới Niết Bàn có 6 việc？

菩薩假使在於夢中心不慳嫉。

Bồ-tát giả sử tại ư mộng trung tâm bất xan tật.

Bồ Tát nếu như ở trong giấc mơ tâm không keo kiệt ghen ghét.

雖佛不興無有異心況現在乎。是曰布施。

Tuy Phật bắt hưng vô hữu dị tâm huống hiện tại hò. Thị viết Bồ-thí.

Tuy Phật không ở đời không có tâm khác huống chi Hiện tại. Đó là Bồ thí.

若遇惡罪及失身命未曾犯禁。是曰持戒。

Nhược ngộ ác tội cập thất thân mệnh vị tăng phạm cấm. Thị viết Trì-giới.

Nếu gặp tội ác cùng với mất thân mệnh chưa từng phạm Giới cấm. Đó là giữ Giới.

所生之處與光明俱。適生輒聞本清淨忍乃得佛道。是曰忍辱。

Sở sinh chi xứ dữ Quang-minh câu. Thích sinh triếp văn bản Thanh tịnh nhẫn nãi đắc Phật đạo.

Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ở nơi sinh cùng với Quang sáng đầy đủ. Thích hợp sinh liền nghe Nhẫn nhục Thanh tịnh vốn có, nên được Đạo Phật. Đó là Nhẫn nhục.

所生之處常見頌宣開化眾生。以此道法訓誨他人。是曰精進。

Sở sinh chi xứ thường kiến ban tuyên khai hóa chúng sinh. Dĩ thử Đạo Pháp huấn hối tha nhân.

Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ở nơi sinh thường nhìn thấy nói đọc khai hóa chúng sinh. Dùng Đạo Pháp này dạy bảo người khác. Đó là Tinh tiến.

在在所生善思念道。快建立業有所覩見。

Tại tại sở sinh thiện tư niệm đạo. Khoái kiến lập Nghiệp hữu sở đồ kiến.

Nơi nơi được sinh suy nghĩ thiện nhớ Đạo. Nhanh thiết lập Nghiệp có được nhìn thấy.

本性自然故致如是。是曰一心。

Bản tính tự nhiên cố trí như thị. Thị viết Nhất-tâm.

Do Tính vốn dĩ tự nhiên đem tới như thế. Đó là Nhất tâm

若以度世及觀世事。無師主者其身獨立不從他受。

Nhược dĩ độ thế cập đồ thế sự. Vô sư chủ giả kỳ thân độc lập bất tông tha thụ.

Nếu do vì cứu độ đời cùng với nhìn thấy việc đời. Không có Chủ Thầy giả thân họ độc lập nhận lấy không có từ khác.

其慧如是常宣至誠。其身口心未曾有欺。

Kỳ tuệ như thị thường tuyên chí thành. Kỳ thân khẩu tâm vị tăng hữu khi.

Nếu Trí tuệ như thế thường nói rất chân thành. Nếu Tâm Thân Miệng chưa từng có lừa dối.

是曰智慧。是為六。何謂勸無住度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị khuyến vô trụ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là khuyến không ở lại Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以權惠濟有所救窮厄之士。是曰布施。

Nhược dĩ quyền huệ tế hữu sở cứu cùng ách chi sĩ. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do quyền ân huệ cứu giúp, có cứu giúp được ách cùng khôn của kẻ sĩ. Đó là Bồ thí.

謹慎身心無所犯而無放逸。是曰持戒。

Cẩn thận thân tâm vô sở phạm nhi vô phóng dật. Thị viết Trì-giới.

Thân tâm cẩn thận, tâm không có vi phạm mà không phóng túng. Đó là giữ Giới.

逮不退轉不起法忍。是曰忍辱。

Đãi Bất-thoái-chuyển bất khởi Pháp-nhẫn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bất lấy Không thoái lui Pháp nhẫn không phát khởi. Đó là Nhẫn nhục.

一切萬物思不可得。勤修方便而無所住。

Nhất thiết vạn vật tư bất khả đắc. Cần tu Phương-tiện nhi vô sở trụ.

Tất cả vạn vật suy nghĩ không thể được. Chuyên cần tu hành Phương tiện mà không ở lại.

以是無住勸六度無極。是曰精進。

Dĩ thị vô trụ khuyến Lục-Độ vô cực. Thị viết Tinh-tiến.

Do nó không ở lại khuyến 6 Pháp Tới Niết Bàn. Đó là Tinh tiến.

若於內外悉無所著。而眾生迷心心塞不解。

Nhược ư nội ngoại tất vô sở trước. Nhi chúng sinh mê tâm tâm tắc bất giải.

Nếu ở bên trong ngoài đều không có nương nhờ. Mà chúng sinh tâm mê muội tâm bế tắc không hiểu.

計有我想不了無我。為分別說了一切空。是曰一心。

Kế hữu ngã tưởng bất liễu vô ngã. Vị phân biệt thuyết liễu nhất thiết Không. Thị viết Nhất-tâm.

Tính kế tưởng nhớ có bản thân. Vì nói phân biệt biết rõ tất cả Rỗng không. Đó là Nhất tâm.

若不棄捨聲聞緣覺。以聖明法依一切智。是曰智慧。是為六。

Nhược bất khí xả Thanh-văn Duyên-giác. Dĩ Thánh-minh Pháp y nhất thiết trí. Thị viết Trí-tuệ.
Thị vi lục.

Nếu không vứt bỏ Bạc Thanh Văn Duyên Giác. Dùng Pháp sáng suốt của Thánh dựa vào tất cả Trí tuệ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂勸無猗度無極有六事？若集加恩一切三界皆得悅豫。

Hà vị khuyến vô y Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược tập gia ân nhất thiết Tam-giới giai đắc duyệt dự.

Thế nào gọi là khuyến không y lại Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu tụ tập thêm ân huệ, tất cả 3 Cõi giới đều được phần chần.

猶如定光所有發起。是曰布施。

Do như định quang sở hữu phát khởi. Thị viết Bố-thí.

Giống như Quang Định nếu có phát khởi. Đó là Bố thí.

若以禁行而無所依不有所求。是曰持戒。

Nhược dĩ cấm hành nhi vô sở y bất hữu sở cầu. Thị viết Trì-giới.

Nếu do thực hành Giới cấm mà không có dựa vào không có mong cầu. Đó là giữ Giới.

假使其心仁和柔軟。未曾妄想一切諸法。是曰忍辱。

Giả sử kỳ tâm nhân hòa nhu nhuyễn. Vị tăng vọng tưởng nhất thiết chư Pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu như tâm họ nhân hòa mềm dẻo. Chưa từng ảo tưởng tất cả các Pháp. Đó là Nhẫn nhục.

勤修眾行而無所著。是曰精進。

Cần tu chúng hạnh nhi vô sở trước. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu các hạnh mà không có nương nhờ. Đó là Tinh tiến.

禪定所見入菩薩地不墮顛倒。是曰一心。

Thiền-định sở kiến nhập Bồ-tát địa bất đọa điên đảo. Thị viết Nhất-tâm.

Thiền Định nhìn thấy được nhập vào Bạc Bồ Tát không đọa vào đảo lộn. Đó là Nhất tâm.

若以聖智消眾塵勞歸於大道。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh Trí tiêu chúng trần lao quy ư đại Đạo. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh tiêu tan các Phiền toái trở về ở trong Đạo lớn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂勸意度無極有六事？

Hà vị khuyến ý Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là ý khuyến Tới Niết Bàn có 6 việc？

意自念言菩薩所濟欲成佛國因致究竟。是曰布施。

Ý tự niệm ngôn Bồ-sát sở tế dục thành Phật quốc nhân trí cứu cánh. Thị viết Bồ-thí.

Ý tự nhớ nói là Bồ Tát được cứu giúp, muốn thành Đất Phật nhân do đem tới cuối cùng. Đó là Bồ thí.

其自守行斷三惡趣不為罪業。是曰持戒。

Kỳ tự thủ hạnh đoạn Tam ác thú bất vi tội Nghiệp. Thị viết Trì-giới.

Nếu tự giữ gìn hạnh cắt bỏ 3 Đạo ác không làm Nghiệp tội. Đó là giữ Giới.

以慈仁和報德相好端政殊妙見莫不歡。是曰忍辱。

Dĩ từ nhân hòa báo Đức Tướng-Hảo đoạn chính thù diệu kiến mạc bất hoan. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do tâm Từ nhân hòa báo ứng Đức, Tướng Hảo đoạn chính đặc biệt, nhìn thấy đều vui mừng. Đó là Nhẫn nhục.

以勤修行往入大海致如意珠。消竭眾難得自在法。是曰精進。

Dĩ cần tu hành vãng nhập đại hải trí Như-ý châu. Tiêu kiệt chúng nạn đắc Tự-tại Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Do tu hành chuyên cần vãng tới nhập vào biển lớn đem tới châu Như ý. Tiêu tan khô hết các nạn được Pháp Tự tại. Đó là Tinh tiến.

若以禪思蠲除塵勞。如其志願而致得之。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư quyên trừ trần lao. Như kỳ chí nguyện nhi trí đắc chi. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ trừ bỏ Phiền toái. Như chí nguyện của họ mà đem tới được. Đó là Nhất tâm.

若以聖明能壞眾魔。所立訓化莫不從教。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh-minh năng hoại chúng Ma. Sở lập huấn hóa mạc bất tông giáo. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do sáng suốt của Thánh, có thể tan hoại các Ma. Nếu đứng ra dạy bảo đều theo giáo lý. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂勸忍度無極有六事？

Hà vị khuyến Nhẫn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là khuyến Nhẫn nhục Tới Niết Bàn có 6 việc？

所出施與心在佛道未曾忽忘。是曰布施。

Sở xuất thí dữ tâm tại Phật đạo vị tăng hốt vong. Thị viết Bồ-thí.

Nếu sinh ra Bồ thí ban cho, tâm ở trong Đạo Phật chưa từng lãng quên. Đó là Bồ thí.

救護地獄以寂靜志。魔不能犯法不迴轉。是曰持戒。

Cứu hộ Địa-ngục dĩ Tịch-tĩnh chí. Ma bất năng phạm Pháp bất hồi chuyển. Thị viết Trì-giới.

Do ý chí Tĩnh lặng cứu hộ Địa ngục. Mà không thể vi phạm, Pháp không chuyển trở về. Đó là giữ Giới.

順理所向奉行正法不懷嫉妬。如王太子號曰德光。

Thuận lý sở hướng phụng hành Chính-pháp bất hoài tật妬. Như Vương Thái-tử hiệu viết Đức-quang.

Thuận theo Lý được hồi hướng, cung kính thực hành Pháp đúng không nhớ gen gét. Như Thái Tử của Vua tên hiệu là Đức Quang.

布施自在一日悉捨一切所有施佛弟子。

Bồ-thí Tự-tại nhất nhật tất xả nhất thiết sở hữu thí Phật Đệ-tử.

Bồ thí tự tại một ngày biết buông bỏ tất cả có được cho các Đệ Tử của Phật.

欲得車乘象馬。滿四十里幡蓋鬱茂瓔珞衣寶無數華香。

Dục đắc xa thừa tượng mã. Mãn tứ thập lý phan cái uất mậu anh lạc y bảo vô số hoa hương.

Muốn được voi ngựa xe quý. Tràng phan lọng báu đầy 20 km, dày kín chuỗi ngọc áo báu, vô số hoa hương.

捨八萬四千婬女。棄國捐王。手足耳鼻頭目肌肉支體妻子。

Xả bát vạn tứ thiên cung nữ. Khí Quốc quyên Vương. Thủ túc nhĩ tị đầu mục cơ nhục chi thể thê tử.

Buông bỏ 8 vạn 4 nghìn cung nữ. Bỏ Nước thôi làm Vua. Tay chân tai mũi đầu mắt cơ thịt tay thân thể vợ con.

不逆人意。出家作沙門奉是正法。是曰忍辱。

Bất nghịch nhân ý. Xuất-gia tác Sa-môn phụng thị Chính-pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không ngược lại ý người. Xuất gia làm Sa Môn cung kính Pháp đúng đó. Đó là Nhẫn nhục.

所奉眾戒處於勤修而無所著。是曰精進。

Sở phụng chúng Giới xử ư cần tu nhi vô sở trước. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính các Giới, nơi ở do chuyên cần tu hành mà không có nương nhờ. Đó là Tinh tiến.

若於夢中見眾玉女不以為貪。具身相好顏貌清淨。是曰一心。

Nhược ư mộng trung kiến chúng ngọc nữ bất dĩ vi tham. Cụ thân Tướng-Hảo nhan mạo Thanh tịnh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ở trong giấc mơ nhìn thấy các Ngọc nữ không lấy vì tham. Thân đầy đủ Tướng Hảo nhan sắc dung mạo Thanh tịnh. Đó là Nhất tâm.

若入城中心懷明智。設見比丘篤心敬之無若干想。是曰智慧。是為六。

Nhược nhập thành trung tâm hoài minh Trí. Thiết kiến Tì-kheo đốc tâm kính chi vô nhược can tướng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu nhập vào trong thành, tâm nhớ Trí tuệ sáng. Nếu nhìn thấy Tì Kheo hết lòng kính trọng tưởng nhớ không nhiều. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂造業度無極有六事？若身自立淨修梵行。

Hà vị tạo Nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược thân tự lập Tịnh tu Phạm-hạnh.

Thế nào gọi là tạo dựng Nghiệp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu thân tự lập dựng Thanh tịnh tu hành Phạm hạnh.

所可勸助得利養多。臨法滅盡衣纚覆形。

Sở khả khuyến trợ đắc lợi dưỡng đa. Lâm Pháp diệt tận y tài phúc hình.

Nếu có thể khuyên trợ giúp được nhiều lợi dưỡng. Khi Pháp sắp mất hết may áo che lên thân hình.

猶如炎華學志所行。現毀佛身悉無所失。

Do như viêm hoa học chí sở hạnh. Hiện hủy Phật thân tất vô sở thất.

Giống như hoa bị nóng, học ý chí được thực hành. Hiện ra thân Phật bị hủy hoại biết không có mất.

五枝新華五枝故華亦往上佛。以是報應道法興隆。

Ngũ chi tân hoa ngũ chi cố hoa, diệc vãng thượng Phật. Dĩ thị báo ứng Đạo Pháp hưng long.

Hoa mới 5 bông, hoa cũ 5 bông cũng tới dâng lên Phật. Do báo ứng đó Đạo Pháp hưng vượng.

正法得立至五百歲。像法亦爾。是曰布施。

Chính-pháp đắc lập chí ngũ bách tuế. Tượng Pháp diệc nhĩ. Thị viết Bố-thí.

Pháp đúng được lập dựng tới 500 năm. Tượng Pháp cũng như thế. Đó là Bố thí.

若以眾戒消除他人諸惡行業。隨其所乏以救濟之。是曰持戒。

Nhược dĩ chúng Giới tiêu trừ tha nhân chư ác hạnh Nghiệp. Tùy kỳ sở phạp dĩ cứu tế chi. Thị viết Trì-giới.

Nếu do các Giới tiêu trừ các Nghiệp hạnh ác của người khác. Tùy họ có được dùng để cứu giúp. Đó là giữ Giới.

所遵仁和若有罣礙而無吉利必得濟厄。

Sở tuân nhân hòa nhược hữu quải ngại nhi vô cát lợi tất đắc tế ách.

Nếu tuân theo nhân hòa nếu có trở ngại mà không yên lành ích lợi, nhất định được cứu giúp tai ách.

猶如賈客而入大海遇摩竭魚。忽有浴池數二十五。

Do như cỗ khách nhi nhập đại hải ngộ Ma-kiệt ngư. Hốt hữu dục trì số nhị thập ngũ.

Giống như người buôn nhập vào biển lớn gặp cá voi. Đột nhiên có ao đầm số lượng là 25.

各有白象輒乘其上得出大難。是曰忍辱。

Các hữu bạch tượng triếp thừa kỳ thượng đắc xuất đại nạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Họ có voi trắng liền ngồi lên trên được ra khỏi nạn lớn. Đó là Nhẫn nhục.

假使遭值天上世間快樂安穩。猶如往昔無開導主欲令精進。

Giả sử tao trực Thiên thượng Thế-gian khoái lạc an ổn. Do như vãng tích vô khai Đạo chủ dục linh Tinh-tiến.

Nếu gặp gỡ ở trên Trời Thế gian vui vẻ yên ổn. Giống như trước đây không khai sáng hướng dẫn, chủ muốn giúp cho Tinh tiến.

有大梵天名曰英妙。勸化天帝訓誨眾生令得生天。是曰精進。

Hữu Đại Phạm Thiên danh viết Anh-diệu. Khuyến hóa Thiên-đế huân hồi chúng sinh linh đắc sinh Thiên. Thị viết Tinh-tiến.

Có Đại Phạm Thiên tên hiệu là Anh Diệu. Khuyến giáo hóa Ngọc Hoàng dạy bảo chúng sinh giúp cho được sinh lên Trời. Đó là Tinh tiến.

禪無所生。諸佛菩薩之所講說。假使菩薩勸喻眾生。

Thiền vô sở sinh. Chư Phật Bồ-tát chỉ sở giảng thuyết. Giả sử Bồ-tát khuyến dụ chúng sinh. Tĩnh lặng không có sinh. Giảng giải của các Phật Bồ Tát. Nếu như Bồ Tát khuyến dạy chúng sinh.

使生梵天。從光音宮至無想天。是曰一心。

Sử sinh Phạm-Thiên. Tòng Quang-âm cung chí Vô-tưởng Thiên. Thị viết Nhất-tâm.

Làm cho sinh lên Trời Phạm. Từ cung Quang âm tới Trời Vô Tưởng. Đó là Nhất tâm.

聖明之業為諸世俗說現世事講度世業。

Thánh-minh chi Nghiệp vị chư Thế-tục thuyết hiện thế sự giảng độ thế Nghiệp.

Nghiệp sáng suốt của Thánh vì các đời tục nói việc đời hiện nay nói độ thoát Nghiệp đời.

修十善行利益群黎。猶昔國主名曰得生。

Tu Thập thiện hạnh lợi ích quần lê. Do tích quốc chủ danh viết Đắc-sinh.

Tu hành 10 Nghiệp thiện lợi ích dân nghèo. Như Chủ đất nước trước kia tên là Đắc Sinh.

王有好眼愛樂道法。無數世中曉了此義。

Vương hữu hảo nhãn ái lạc Đạo Pháp. Vô số thế trung hiểu liễu thử nghĩa.

Vương có mắt đẹp yêu thích Đạo Pháp. Trong vô số đời hiểu biết rõ nghĩa này.

諸王慈行諸佛菩薩之所開導。以斯言教宣示一切。

Chư Vương Từ hành chư Phật Bồ-tát chỉ sở khai đạo. Dĩ tư ngôn giáo tuyên thị nhất thiết.

Các Vương thực hành tâm Từ, được các Phật Bồ Tát khai sáng hướng dẫn. Dùng lời dạy đó nói hiện ra tất cả.

是曰智慧。是為六。何謂無所造業度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô sở tạo Nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không có tạo Nghiệp Tới Niết Bàn có 6 việc？

心中好喜所樂功勳。一切原首心勸助施。

Tâm trung hiếu hỉ sở lạc công huân. Nhất thiết nguyên thủ tâm khuyến trợ thí.

Trong tâm vui thích vui sướng được công trạng, Tất cả đứng hàng đầu, tâm khuyến trợ giúp Bồ thí.

所可勸助則為是著。昔者菩薩見定光佛。

Sở khả khuyến trợ tác vi thị trước. Tích giả Bồ-tát kiến Định Quang Phật.

Nếu có thể khuyến trợ giúp chắc là nương nhờ nó. Thời xưa Bồ Tát nhìn thấy Định Quang Phật.

以華五莖散供養佛。所殖德本皆使獲此功祚道德。

Dĩ hoa ngũ hành tán cúng dưỡng Phật. Sở thực Đức bản giai sử hoạch thử công tộ Đạo-đức.
Dùng 5 cành hoa rắc cúng dưỡng Phật. Trồng được Đức vốn có đều làm cho thu được Đạo Đức công Phúc này.

永無妄想至法沒盡皆共倚之。是曰布施。

Vĩnh vô vọng tưởng chí Pháp một tận giai cộng ý chi. Thị viết Bồ-thí.

Vĩnh viễn không có ảo tưởng được Pháp chìm nổi hết đều cùng nhau ý lại. Đó là Bồ thí.

所學精進。將身口心無權方便。計有土地生死處所。是曰持戒。

Sở học Tinh-tiến. Tương Thân Khẩu Tâm vô quyền Phương-tiện. Kế hữu độ địa sinh tử xứ sở.
Thị viết Trì-giới.

Nếu học Tinh tiến. Tâm Miệng Thân sẽ không có quyền Phương tiện. Tính kế có đất nước nơi ở sinh chết. Đó là giữ Giới.

所修仁和有所慕樂求其苦本。是曰忍辱。

Sở tu nhân hòa hữu sở mộ lạc cầu kỳ khổ bản. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tu hành nhân hòa có được luyện mộ vui sướng tìm khổ vốn có của họ. Đó là Nhẫn nhục.

有所精進建立俗事化入道法。是曰精進。

Hữu sở Tinh-tiến kiến lập tục sự hóa nhập Đạo Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu được Tinh tiến thiết lập việc đời tục, giáo hóa nhập vào Đạo Pháp. Đó là Tinh tiến.

若修禪定觀於梵天壽命長短。是曰一心。

Nhược tu Thiên-định quan ư Phạm-Thiên thọ mệnh trường đoản. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu hành Thiên Định quan sát tới thọ mệnh dài ngắn của Trời Phạm. Đó là Nhất tâm.

所遵聖明未曾有言。猶如菩薩號名如來日。

Sở tuân Thánh-minh vị tăng hữu ngôn. Do như Bồ-tát hiệu danh Như-lai-nhật.

Nếu tuân theo sáng suốt của Thánh, chưa từng có nói. Giống như Bồ Tát tên hiệu Như Lai Nhật.

隨其眾生宣一品法。其餘有身宣若干品。

Tùy kỳ chúng sinh tuyên nhất phẩm Pháp. Kỳ dư hữu thân tuyên nhược can phẩm.

Tùy theo chúng sinh đó đọc 1 phẩm Pháp. Nếu có thân khác đọc rất nhiều phẩm.

造立寂然而滅度之。後正法住立若干歲後法沒盡。

Tạo lập Tịch-nhiên nhi diệt độ chi. Hậu Chính-pháp trụ lập, nhược can tuế hậu Pháp một tận.

Tạo lập Vắng vẻ mà Tới Niết Bàn. Sau thời Chính Pháp ở lại lập dựng, rất nhiều năm sau thời Pháp chìm hết.

是曰智慧。是為六。何謂有餘度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị hữu dư Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là có dư thừa Tới Niết Bàn có 6 việc？

往古菩薩定光佛時。供養所奉以誓道願。是曰布施。

Vãng cổ Bồ-tát Định Quang Phật thời. Cúng dưỡng sở phụng dĩ thệ đạo nguyện. Thị viết Bồ-thí.

Bồ Tát thời xa xưa khi Định Quang Phật. Cung kính nơi cúng dưỡng do thệ nguyện Đạo. Đó là Bồ thí.

身口有餘依猗住禁。多所不信而樂己身。是曰持戒。

Thân khẩu hữu dư y ý trụ cấm. Đa sở bất tín nhi lạc kỹ thân. Thị viết Trì-giới.

Thân miệng có dư thừa, dựa ý lại ở trong Giới cấm. Nhiều điều không tin mà thân của vui sướng. Đó là giữ Giới.

其性仁和而無麤獷歸燕坐力。是曰忍辱。

Kỳ tính nhân hòa nhi vô thô quảng quy yển tọa lực. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tính nhân hòa mà không hung dữ thô lỗ, Lực ngồi nghỉ yên trở về. Đó là Nhẫn nhục.

假使勤修中間。猗有所樂不至正真。是曰精進。

Giả sử huân tu trung gian. Ý hữu sở lạc bất chí Chính-chân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu như trong thời gian tu hành công trạng lớn. Ý vào có được vui sướng không được chân chính. Đó là Tinh tiến.

禪思慕樂侍行空無以斯為樂。是曰一心。

Thiền tư mộ lạc thị hành Không vô dĩ tư vi lạc. Thị viết Nhất-tâm.

Tĩnh lặng suy nghĩ ngưỡng mộ vui sướng, dựa vào thực hành Rỗng không, không có lấy nó làm vui. Đó là Nhất tâm.

若聞聖明心有所著或無所著。是曰智慧。是為六。

Nhược văn Thánh-minh tâm hữu sở trước hoặc vô sở trước. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu nghe sáng suốt của Thánh, tâm có được nương nhờ hoặc không có nương nhờ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂住有餘度無極？不能順真反向異門。

Hà vị trụ hữu dư độ vô cực？ Bất năng thuận chân phản hướng dị môn.

Thế nào gọi là ở trong có dư thừa Tới Niết Bàn？ Không thể thuận theo chân thực, ngược lại hướng về môn khác lạ.

志空處所聲聞緣覺之所報應。不長佛道入十地業而復退轉。

Chí Không xứ sở Thanh-văn Duyên-giác chi sở báo ứng. Bất trường Phật đạo nhập Thập Địa Nghiệp nhi phục thoái chuyển.

Ý chí ở nơi Rỗng không được báo ứng Thanh Văn Duyên Giác. Đạo Phật không tăng thêm nhập vào Nghiệp của 10 Bậc Bồ Tát mà lại thoái lui.

當知其意，是曰菩薩有餘所行度無極。

Đương tri kỳ ý, thị viết Bồ-tát hữu dư sở hạnh Độ vô cực.

Cần biết ý đó, đó là Bồ Tát được hạnh có dư thừa Tới Niết Bàn.

何謂無餘菩薩所施度無極有六事？勸助生死眾生報應。

Hà vị vô dư Bồ-tát sở thí Độ vô cực có sáu việc？ Khuyến trợ sinh tử chúng sinh báo ứng.

Thế nào gọi là Bồ Tát không có dư thừa được Bồ thí Tới Niết Bàn có 6 việc？ Khuyến trợ giúp sinh chết báo ứng của chúng sinh.

如所能忍聲聞緣覺。寂然而定不隨退轉。是曰布施。

Như sở năng nhẫn Thanh-văn Duyên-giác. Tịch nhiên nhi Định bất tùy thoái chuyển. Thị viết Bồ-thí.

Thanh Văn Duyên Giác nếu như có thể Nhẫn nhục. Vắng vẻ mà yên Định không theo thoái lui. Đó là Bồ thí.

禁法之報離於智慧而能深入。是曰持戒。

Cấm Pháp chi báo ly ư Trí-tuệ nhi năng thâm nhập. Thị viết Trì-giới.

Báo ứng của Pháp cấm rời xa với Trí tuệ mà có thể thâm nhập. Đó là giữ Giới.

其以仁和畏至惡趣。勤苦之處心無所犯。是曰忍辱。

Kỳ dĩ nhân hòa úy chí ác thú. Cần khổ chi xứ tâm vô sở phạm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa sợ tới Đạo ác. Ở nơi cần khổ tâm không có vi phạm. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修求於魔業。欲消其界使無邪元。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu cầu ư Ma Nghiệp. Dục tiêu kỳ giới sử vô tà nguyên. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần tìm tới Nghiệp Ma. Muốn tiêu tan Cõi giới đó làm cho không có sai trái vốn có. Đó là Tinh tiến.

正行禪思知壽命限究竟根元。是曰一心。

Chính-hạnh Thiền tư tri thọ mệnh hạn cứu cánh căn nguyên. Thị viết Nhất-tâm.

Đức hạnh đúng Tĩnh lặng suy nghĩ biết hạn định thọ mệnh nguồn gốc cuối cùng. Đó là Nhất tâm.

若以智慧見知其宿命。斷眾苦患而好志願。是曰智慧。

Nhược dĩ Trí-tuệ kiến tri kỳ túc mệnh. Đoạn chúng khổ hoạn nhi hảo chí nguyện. Thị viết Trí-tuệ.

Nếu do Trí tuệ nhìn thấy biết được mệnh Kiếp trước của họ. Cắt bỏ các khổ hoạn mà ham chí nguyện. Đó là Trí tuệ.

無餘度無極。何以得名曰度無極？

Vô dư Độ vô cực. Hà dĩ đắc danh viết Độ vô cực？

Không có dư thừa Tới Niết Bàn. Vì sao lấy được tên là Tới Niết Bàn？

謂是菩薩得從順化隨世所好。然後名曰無餘六度無極。

Vị thị Bồ-tát đắc tòng thuận hóa tùy thế sở hảo. Nhiên hậu danh viết Vô-dư Lục-Độ vô cực.

Gọi là Bồ Tát nếu thuận theo giáo hóa tùy thời được tốt đẹp. Sau đó tên là Không có dư thừa 6 Pháp Tới Niết Bàn.

何謂明度無極有六事？

Hà vị minh Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là sáng Tới Niết Bàn có 6 việc？

菩薩所施奉於尊長不望其報。百千劫中服世飲食。

Bồ-tát sở thí phụng ư tôn trường bất vọng kỳ báo. Bách thiên Kiếp trung phục thế ẩm thực.

Bồ Tát được Bồ thí, cung kính với tôn trọng tăng thêm, không hi vọng báo đáp của họ. Trong trăm nghìn Kiếp ăn uống phục vụ đời.

不以身故而意懷憂也。是曰布施。

Bất dĩ thân cố nhi ý hoài ưu dã. Thị viết Bồ-thí.

Cố không vì thân mà ý cũng lo âu. Đó là Bồ thí.

所修法義詣佛樹下。於一切法不懷狐疑。

Sở tu Pháp nghĩa nghệ Phật thụ hạ. Ư nhất thiết Pháp bất hoài hồ nghi.

Nếu tu hành nghĩa của Pháp tới dưới cây Phật. Với tất cả Pháp không nhớ nghi hoặc.

緣是乃至一切愍智。是曰持戒。

Duyên thị nãi chí nhất thiết mẫn Trí. Thị viết Trì-giới.

Duyên đúng mới tới Trí tuệ thương xót tất cả. Đó là giữ Giới.

其以禪思無所著法。斯一切智由從此生。是曰忍辱。

Kỳ dĩ Thiền tư vô sở trước Pháp, tư nhất thiết Trí do tông thử sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, không có nương nhờ Pháp, tất cả Trí tuệ đó do từ điều này sinh. Đó là Nhẫn nhục.

若奉勤修住于道慧化五陰蓋。是曰精進。

Nhược phụng cần tu trụ vu Đạo tuệ hóa Ngũ-âm cái. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính chuyên cần tu hành ở trong Đạo Trí tuệ cải hóa 5 vòng Uẩn. Đó là Tinh tiến.

若以禪定成最正覺。逮得天眼識其宿命觀所更歷。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền-định thành Tối Chính-giác. Đãi đắc Thiên-nhãn thức kỳ túc mệnh đồ sở canh lịch. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định thành Tối Chính Giác. Bất được Trí tuệ Cõi Trời nhận ra mệnh Kiếp trước của họ, thấy được quá trình thay đổi. Đó là Nhất tâm.

其以聖明諸漏悉盡逮得佛眼。普達諸法心不猶豫。

Kỳ dĩ Thánh-minh chư lậu tất tận đãi đắc Phật-nhãn. Phổ đạt chư Pháp tâm bất do dự.

Nếu do sáng suốt của Thánh các Phiền não hết tận tất cả, bất được Trí tuệ của Phật. Đều thông tỏ các Pháp, tâm không do dự.

是曰智慧。是為六。何謂住明持度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị trụ minh trì Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là ở trong sáng gìn giữ Tới Niết Bàn có 6 việc？

住於正法供養，佛教存立經典。是曰布施。

Trụ ư Chính-pháp cúng dưỡng, Phật giáo tồn lập Kinh điển. Thị viết Bố-thí.

Ở trong Pháp đúng cúng dưỡng, giáo lý của Phật còn lập ra ở Kinh điển. Đó là Bố thí.

行所止處入於如來。身明口淨無有眾想。是曰持戒。

Hành sở chỉ xứ nhập ư Như Lai. Thân minh khẩu tịnh vô hữu chúng tưởng. Thị viết Trì-giới.

Thực hành được nơi dừng lại nhập vào nơi Như Lai. Thân sáng miệng Thanh tịnh không có các tưởng nhớ. Đó là giữ Giới.

其柔順行不近俗法無所動轉。是曰忍辱。

Kỳ nhu thuận hành bất cận tục Pháp vô sở động chuyển. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhu thuận, không gán Pháp đời tục, không có động chuyển. Đó là Nhẫn nhục.

曉了聲聞緣覺之業。消眾塵勞乃至滅度。是曰精進。

Hiểu liễu Thanh-văn Duyên-giác chi Nghiệp. Tiêu chúng trần lao nãi chí Diệt-độ. Thị viết Tinh-tiến.

Hiểu biết rõ Nghiệp của Bạc Thanh Văn Duyên Giác. Tiêu tan các Phiền toái thậm chí Tới Niết Bàn. Đó là Tinh tiến.

所以禪思求於眾生。心念所行以惠音盡。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư cầu ở chúng sinh. Tâm niệm sở hành dĩ huệ âm tận. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ tìm tới nơi chúng sinh. Tâm nhớ do làm do tiếng ân huệ hết tận. Đó là Nhất tâm.

以知得脫不失時節行聖明慈。是曰智慧。是為六。

Dĩ tri đắc thoát bất thất thời tiết hành Thánh-minh Từ. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do biết được Giải thoát không mất thời tiết, thực hành tâm Từ sáng suốt của Thánh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂興成就度無極有六事？佛興世時成大財業。

Hà vị hưng thành tựu Độ vô cực hữu Lục-sự ? Phật hưng thế thời thành đại tài Nghiệp.

Thế nào gọi là thành công hưng vượng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Khi Phật hưng vượng ở đời thành Nghiệp tài sản lớn.

賢聖無量受於過去諸佛之教。是曰布施。

Hiền Thánh vô lượng thụ ở Quá-khứ chư Phật chi giáo. Thị viết Bố-thí.

Thánh Hiền thụ nhân vô lượng giáo lý của các Phật thời Quá khứ. Đó là Bố thí.

以行勸助而得解脫。佛興現世消眾塵勞。是曰持戒。

Dĩ hạnh khuyến trợ nhi đắc Giải-thoát. Phật hưng hiện thế tiêu chúng trần lao. Thị viết Trì-giới.

Do thực hành khuyến trợ giúp mà được Giải thoát. Phật hưng vượng ở đời tiêu tan các Phiền toái. Đó là giữ Giới.

以而仁和受世尊教。又知止足不懷懈倦乃至大行。是曰忍辱。

Dĩ nhi nhân hòa thụ Thế Tôn giáo. Hựu tri chỉ túc bất hoài giải quyện nãi chí đại hành. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do vì nhân hòa thụ nhận giáo lý của Thế Tôn. Mới lại biết đầy đủ dừng lại không nhớ mệt mỏi thậm chí thực hành to lớn. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修建立弘誓。其人功德若在王位心不違法。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu kiến lập hoàng thệ. Kỳ nhân Công-đức nhược tại Vương vị tâm bất vi Pháp.

Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần thiết lập thệ nguyện rộng lớn. Công Đức của người đó ở địa vị Vua, tâm không ngược lại Pháp. Đó là Tinh tiến.

若以禪思心常念佛不失至真。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư tâm thường niệm Phật bất thất chí chân. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, tâm thường nhớ Phật, không mất chân chính lớn. Đó là Nhất tâm.

若以聖明勸助滅度。如佛開化五人身心。

Nhược dĩ Thánh-minh khuyến trợ Diệt-độ. Như Phật khai hóa ngũ nhân thân tâm.

Nếu do sáng suốt của Thánh khuyến trợ giúp Tới Niết Bàn. Như Phật khai hóa thân tâm của 5 người.

是曰智慧。是為六。何謂意不惱度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị ý bất nảo Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là ý không Phiền nảo Tới Niết Bàn có 6 việc ?

行恩如意願誓奉道以化他人。是曰布施。

Hành ân như ý nguyện thệ phụng Đạo dĩ hóa tha nhân. Thị viết Bố-thí.

Thực hành ân huệ, như ý thệ nguyện, cung kính Đạo, vì giáo hóa người khác. Đó là Bố thí.

遵其至行以護他人御身口意。是曰持戒。

Tuân kỳ chí hạnh dĩ hộ tha nhân ngự Thân Khẩu Ý. Thị viết Trì-giới.

Tuân theo hạnh lớn đó dùng bảo vệ người khác điều khiển Thân Miệng Ý. Đó là giữ Giới.

所修仁和是深妙忍。正法沒時堅固其志。是曰忍辱。

Sở tu nhân hòa thị thâm diệu nhẫn. Chính-pháp một thời kiên cố kỳ chí. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tu hành nhân hòa có Nhẫn nhin thâm sâu vi diệu. Lúc Chính Pháp chìm xuống kiên cố ý chí đó. Đó là Nhẫn nhục.

所立勤修懷來道慧心不迷惑。是曰精進。

Sở lập cần tu hoài lai Đạo tuệ tâm bất mê hoặc. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu lập dựng tu hành chuyên cần, nhớ tới Đạo Trí tuệ, tâm không mê hoặc loạn. Đó là Tinh tiến.

假使禪思執持空無。不有想願心無所冀。是曰一心。

Giả sử Thiền tư chấp trì Không Vô. Bất hữu tướng nguyện tâm vô sở kí. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu như Tĩnh lặng suy nghĩ cầm giữ Rỗng không Không có. Nguyện không có tướng nhớ, tâm không có mong cầu. Đó là Nhất tâm.

以其聖明思惟愁感。慈念一切欲救濟之。是曰智慧。是為六。

Dĩ kỳ Thánh-minh tư duy sầu thích. Từ niệm nhất thiết dục cứu tế chi. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do được sáng suốt của Thánh tư duy lo lắng. Tâm Từ nhớ tất cả muốn cứu giúp hết. Đó là Trí Tuệ. Đó là sáu.

何謂佛興立在家居度無極有六事？若以所施興發五事。

Hà vị Phật hưng lập tại gia cư Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ sở thí hưng phát Ngũ-sự.

Thế nào gọi là Phật hưng vượng lập dựng ở tại gia Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu đo Bố thí hưng phát 5 việc.

何謂為五？一曰成座。二曰說處。三曰成眷屬。

Hà vị vi Ngũ ? Nhất viết thành tòa, nhị viết thuyết xứ, tam viết thành quyến thuộc.

Thế nào gọi là 5 ? Một là thành Tòa Pháp, hai là Nơi nói Pháp, ba là thành công Quyển thuộc.

四曰成就法樂。五曰成其書疏。是曰布施。

Tứ viết thành tựu Pháp lạc, ngũ viết thành kỳ thư số. Thị viết Bố-thí.

Bốn là thành công Pháp vui sướng, năm là thành công ghi chép số. Đó là Bố thí.

所施立行其禁具足而無所犯。是曰持戒。

Sở thí lập hạnh kỳ cấm cụ túc nhi vô sở phạm. Thị viết Trì-giới.

Nếu lập dựng làm Bố thí được Giới cấm đầy đủ mà không vi phạm. Đó là giữ Giới.

其以仁和棄捐人想不計壽命。是曰忍辱。

Kỳ dĩ nhân hòa khí quyên nhân tưởng bất kế thọ mệnh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa vứt bỏ tưởng nhớ người, không tính kế thọ mệnh. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修奉平等業顯示道義。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu phụng Bình-đẳng Nghiệp hiển thị Đạo nghĩa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần cung kính Nghiệp Bình đẳng, hiện ra rõ nghĩa của Đạo. Đó là Tinh tiến.

以心禪思普修平等。奉行至德意無所願。是曰一心。

Dĩ tâm Thiền tư phổ tu Bình-đẳng. Phụng hành chí Đức ý vô sở nguyện. Thị viết Nhất-tâm.

Do tâm Tĩnh lặng suy nghĩ đều tu hành Bình đẳng. Cung kính thực hành Đức lớn, ý không có nguyện. Đó là Nhất tâm.

若以慧明歸諸聖諦靡所不通。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ tuệ minh quy chư Thánh-đế mị sở bất thông. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Tuệ sáng các Thánh đế trở về, tất cả đều thông tỏ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂出家來度無極有六事？

Hà vị Xuất-gia lai Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Xuất gia đến Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施與心俱合致無漏行。是曰布施。

Nhược hữu sở thí dữ tâm câu hợp trí Vô-lậu hạnh. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được Bố thí cùng với tâm đều hòa hợp đem tới hạnh hết Phiền não. Đó là Bố thí

其以謹慎令護身口合於滅度。是曰持戒。

Kỳ dĩ cẩn thận linh hộ Thân Khẩu hợp ư Diệt-độ. Thị viết Trì-giới.

Nếu do cẩn thận giúp cho giữ gìn Thân Miệng hòa hợp với Tới Niết Bàn. Đó là giữ Giới.

若以仁和厭於三界而無所著。是曰忍辱。

Nhược dĩ nhân hòa yếm ư Tam-giới nhi vô sở trước. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa chán ghét ở 3 Cõi giới mà không có nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

勤修正行歸四意止而生道意。是曰精進。

Cần tu Chính-hạnh quy tứ ý chỉ nhi sinh Đạo ý. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu hành Đức hạnh đúng, 4 ý dừng lại trở về mà sinh ý Đạo. Đó là Tinh tiến.

所以禪思遵四等心。患厭周旋生死之難。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư tuân Tứ-đẳng tâm. Hoạn yếm chu toàn sinh tử chi nạn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, tuân theo 4 tâm Bình đẳng. Chán hoạn nạn vật lộn với nạn sinh chết. Đó là Nhất tâm.

若以聖明而放遠捨愁感之思遵修至真。

Nhược dĩ Thánh-minh nhi phóng viễn xả sầu thích chi tư tuân tu chí chân.

Nếu do sáng suốt của Thánh mà buông thả xa rời vứt bỏ lo lắng, suy nghĩ tuân theo tu hành được chân thực.

是曰智慧。是為六。何謂愍哀博聞來度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị mẫn ai bác văn lai Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là thương xót nghe nhiều rộng đến Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以頒宣訓精進教給眾窮匱。是曰布施。

Nhược dĩ ban tuyên huấn Tinh-tiến giáo cấp chúng cùng quĩ. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do nói đọc dạy Tinh tiến, dạy cung cấp cho các bản cùng thiếu thốn. Đó là Bồ thí.

奉受道法捨其身命無所貪愛。是曰持戒。

Phụng thụ Đạo Pháp xả kỳ thân mệnh vô sở tham ái. Thị viết Trì-giới.

Cung kính nhận Đạo Pháp, buông bỏ thân mệnh của họ, không có tham yêu. Đó là giữ Giới.

正以仁和正法欲沒。菩薩發心順其時宜。

Chính dĩ nhân hòa Chính-pháp dục một. Bồ-tát phát tâm thuận kỳ thời nghi.

Nếu do nhân hòa Chính Pháp muốn chìm. Bồ Tát phát tâm thuận theo nó khi thích hợp.

自沒其身愛護正法。是曰忍辱。

Tự một kỳ thân ái hộ Chính-pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tự chìm thân họ yêu bảo vệ Pháp đúng. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修逮得總持恒識不忘。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu đăi đắc Tổng-trì, hằng thức bất vong. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần, bắt được Nhận giữ nhớ tất cả, thường nhận ra không quên. Đó là Tinh tiến.

若以禪思其心體解十二緣起而無所起。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư kỳ tâm thể giải Thập nhị Duyên khởi nhi vô sở khởi. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, tâm họ hiểu toàn thể 12 Nhân duyên sinh khởi mà không có sinh khởi. Đó là Nhất tâm.

若以智慧諸所更歷遵修寂靜。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Trí-tuệ chư sở canh lịch tuân tu Tịch-tĩnh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do Trí tuệ và trải qua thay đổi tuân theo tu Tĩnh lặng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂出家不斷戒度無極有六事 ?

Hà vị Xuất-gia bất đoạn Giới Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Xuất gia không cắt bỏ Giới Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所濟他人如意所願奉行法師命。是曰布施。

Sở tế tha nhân như ý sở nguyện phụng hành Pháp-sư mệnh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu cứu giúp người khác, nguyện được như ý, cung kính thi hành mệnh của Thầy Pháp. Đó là Bồ thí.

所行禁戒遵于大哀無有微恨。是曰持戒。

Sở hành Cẩm giới tuân vu đại ai vô hữu vi hận. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành Giới cấm tuân theo thương xót lớn, không có thù hận nhỏ mọn. Đó là giữ Giới.

所志仁和不懷危害。謙下恭順而不自大。是曰忍辱。

Sở chí nhân hòa bất hoài nguy hại. Khiêm hạ cung thuận nhi bất tự đại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ý chí nhân hòa không nhớ nguy hại. Khiêm tốn cung kính thuận theo mà không tự đại. Đó là **Nhẫn nhục**.

所奉勤修強而有勢不為怯弱。是曰精進。

Sở phụng cần tu cường nhi hữu thế bất vi khiếp nhược. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính tu hành chuyên cần mà có thể lực không bị khiếp nhược. Đó là Tinh tiến.

所禪志思行七覺意。通於遠近靡所不達。是曰一心。

Sở thiền chí tư hành Thất giác ý. Thông ư viễn cận mị sở bất đạt. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu Tĩnh lặng ý chí suy nghĩ thực hành 7 ý giác ngộ. Thông tỏ tới nơi gần xa, tất cả đều thông suốt. Đó là Nhất tâm.

所志智慧因能具足不起法忍。是曰智慧。是為六

Sở chí Trí-tuệ nhân năng cụ túc bất khởi Pháp-nhẫn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu ý chí Trí tuệ nhân do có thể đầy đủ, không khởi sinh Pháp Nhẫn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

(上文第十二幅初六度無極下丹本有注云准標文脫佛興盛度無極)。

(Thượng văn đệ thập nhị bức sơ Lục-độ vô cực hạ đan bản hữu chú vân chuẩn tiêu văn thoát Phật hưng thịnh độ vô cực).

(Văn bên trên khổ thứ 12 ban đầu 6 Pháp tới Niết Bàn phía dưới văn bản đơn giản có ghi chú tiêu chuẩn văn nói là Giải thoát Phật hưng thịnh Tới Niết Bàn)

神通品第十

Thần-thông phẩm đệ thập.

Phẩm thứ 10 Thần thông.

佛告喜王菩薩！何謂住神通度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát ! Hà vị trụ Thần-thông Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là ở trong Thần thông Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若有所施至於重財不以貪吝。奉於道法而受真教。是曰布施。

Nhược hữu sở thí chí ư trọng tài bất dĩ tham lận. Phụng ư Đạo Pháp nhi thụ chân giáo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí được với tài vật quý trọng không vì tham tiếc. Cung kính với Đạo Pháp mà nhận giáo lý chân chính. Đó là Bồ thí.

行無所著不猗邪正志于大道。是曰持戒。

Hành vô sở trụ bất ý tà chính chí vu Đại Đạo. Thị viết Trì-giới.

Thực hành không có nương nhờ không ý vào sai đúng, chí tâm tới Đạo lớn. Đó là giữ Giới.

其以仁和不懷狐疑永無猶豫。是曰忍辱。

Kỳ dĩ nhân hòa bất hoài hồ nghi vĩnh vô do dự. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa không nhớ nghi hoặc, vĩnh viễn không do dự. Đó là Nhẫn nhục.

志在勤修建立弘誓不違本願。是曰精進。

Chí tại cần tu kiên lập hoàng thế bất vi bản nguyện. Thị viết Tinh-tiến.

Ý chí ở nơi tu hành chuyên cần thiết lập thế nguyện rộng lớn, không ngược lại nguyện vốn có.
Đó là Tinh tiến.

所以禪思光明所照通於遠近。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư Quang-minh sở chiếu thông ư viễn cận. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ được quang sáng chiếu soi, thông tỏ tới gần xa. Đó là Nhất tâm.

聖明所適應於道地。事事有緣牢堅受持。是曰智慧。是為六。

Thánh-minh sở tuân ứng ư Đạo địa. Sự sự hữu duyên lao kiên thụ trì. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do tuân theo sáng suốt của Thánh nên ở trong Bạc Đạo. Mọi việc có Duyên kiên nhẫn lao khổ
nhận giữ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂神通不斷度無極有六事？

Hà vị Thần-thông bất đoạn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là cắt bỏ Thần thông Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所救建立如來佛寺精舍以為元首。是曰布施。

Nhược hữu sở cứu kiến lập Như Lai Phật tự Tịnh xá dĩ vi nguyên thủ. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được cứu giúp thiết lập Chùa Tịnh xá nơi Phật Như Lai lấy là hàng đầu. Đó là Bố thí

求於道業致智慧根拔無明原。是曰持戒。

Cầu ư đạo Nghiệp trí Trí-tuệ căn bạt Vô-minh nguyên. Thị viết Trì-giới.

Cầu ở nơi Nghiệp Đạo đem tới Căn Trí tuệ, rút bỏ nguồn gốc Ngủ tối. Đó là giữ Giới.

所志柔和達於本際而興正真。是曰忍辱。

Sở chí nhu hòa đạt ư bản tế nhi hưng Chính-chân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ý chí nhu hòa thông tỏ tới biên giới vốn có mà hưng phát Chân Chính. Đó là Nhẫn nhục.

奉行勤修通達色想而無所想。是曰精進。

Phụng hành cần tu thông đạt sắc tưởng nhi vô sở tưởng. Thị viết Tinh-tiến.

Cung kính thực hành, tu hành chuyên cần, thông tỏ tưởng nhớ sắc mà không có tưởng nhớ. Đó là
Tinh tiến.

所以禪思寂然定意乃至脫門。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư Tịch-nhiên Định ý nãi chí thoát môn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ Vắng vẻ Định ý thậm chí môn Giải thoát. Đó là Nhất tâm.

遵承聖明修持總持。觀於正行住淡泊地。

Tuân thừa Thánh-minh tu trì Tổng-trì. Quan ư Chính-hạnh trụ đạm bạc địa.

Tuân theo nhận lấy sáng suốt của Thánh tu hành gìn giữ Tổng trì. Quan sát với Đức Hạnh đứng ở
trong cảnh Thanh bạch.

是曰智慧。是為六。何謂入欲度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị nhập dục Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là nhập vào ham muốn Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所濟合集勢力以給怨家。是曰布施。

Nhược hữu sở tế hợp tập thế lực dĩ cấp oán gia. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được cứu giúp tập hợp thế lực, do cung cấp cho oán gia. Đó là Bố thí.

所行羸劣次第順力建立大勢。是曰持戒。

Sở hành luy liệt thứ đệ thuận lực kiến lập đại thế. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành một nhọc thứ tự thuận theo Lục, thiết lập thế lực lớn. Đó là giữ Giới.

其以柔和消諸陰蓋奉修道義。是曰忍辱。

Kỳ dĩ nhu hòa tiêu chư Âm-cái phụng tu Đạo nghĩa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhu hòa tiêu tan các vòng Uẩn, cung kính tu hành nghĩa của Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

若斷怨心猶王太子樂於清白。是曰精進。

Nhược đoạn oán tâm do Vương Thái-tử nhạo ư thanh bạch. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cắt bỏ tâm oán như Thái Tử của Vua ham thích với Thanh bạch. Đó là Tinh tiến.

若常禪思心不放逸專唯定意。是曰一心。

Nhược thường Thiền tư tâm bất phóng dật chuyên duy Định ý. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu thường Tĩnh lặng suy nghĩ tâm không phóng túng, chỉ chuyên Định ý. Đó là Nhất tâm.

所以聖明有所度脫惡趣地獄生死之難勤修精進。

Sở dĩ Thánh-minh hữu sở độ thoát ác thú Địa-ngục sinh tử chi nạn cần tu Tinh-tiến.

Nếu do sáng suốt của Thánh, có được độ thoát Đạo ác Địa ngục nạn sinh chết, tu hành chuyên cần Tinh tiến.

猶如往古學之所行。是曰智慧。是為六。

Do như往昔 cổ học chi sở hành. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Giống như xưa xưa học và hành được. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂立度無極有六事？有人行者救於惡趣。

Hà vị lập Độ vô cực hữu Lục-sự？Hữu nhân hành giả cứu ư ác thú.

Thế nào gọi là lập dựng Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu người thi hành cứu nơi Đạo ác.

誘在生死使得超出。如頂相報。是曰布施。

Dụ tại sinh tử sử đắc siêu xuất. Như đỉnh Tướng báo. Thị viết Bố-thí.

Dụ dẫn ở trong sinh chết khiến cho được vượt thoát ra. Như báo ứng Tướng đỉnh đầu. Đó là Bố thí.

所奉行者若世無佛。開化眾人各令得所。

Sở phụng hành giả nhược thế vô Phật. Khai hóa chúng nhân các linh đắc sở.

Nếu cung kính thi hành nếu đời không có Phật. Khai hóa mọi người giúp cho họ được nơi ở.

猶如往昔摩調聖王慈化天下。是曰持戒。

Do như往昔 tích Ma-điều Thánh Vương Từ hóa Thiên hạ. Thị viết Trì-giới.

Giống như xưa xưa Ma Điều Thánh Vương tâm Từ giáo hóa Thiên hạ. Đó là giữ Giới.

所以仁和不起瞋恚。如羸提和截手足耳鼻不生恚心。是曰忍辱。

Sở dĩ nhân hòa bất khởi sân khúê. Như Sạn-đề-hòa tiệt thủ túc nhĩ tị bất sinh khúê tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa không khởi sinh thù hận. Như Sạn Đề Hòa cắt tay chân tai mắt không sinh thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

其以精勤難可制持終不曠滯。猶如海中如意明珠。

Kỳ dĩ tinh cần nan khả chế trì chung bất ế trệ. Do như hải trung Như-ý minh châu.

Nếu do tinh luyện chuyên cần, khó có thể không chế giữ, cuối cùng không ngừng trệ. Giống như châu sáng Như ý ở trong biển.

從其所求輒得所願。是曰精進。

Tòng kỳ sở cầu triếp đắc sở nguyện. Thị viết Tinh-tiến.

Họ tìm được từ nơi đó liền được như mong nguyện. Đó là Tinh tiến.

所修禪思如在中宮。開化貴人使發道意超無等倫。

Sở tu Thiền tư như tại trung cung. Khai hóa quý nhân sử phát Đạo-ý siêu vô đẳng luân.

Nếu tu hành Tĩnh lặng suy nghĩ như ở giữa cung điện. Khai hóa người cao quý làm cho phát ý Đạo vượt qua không có gì bằng.

猶如師子太子自在有所教勅如風靡草。是曰一心。

Do như Sư tử Thái-tử Tự-tại hữu sở giáo sắc như phong mĩ thảo. Thị viết Nhất-tâm.

Giống như Sư Tử Thái Tử Tự tại có được lời dạy bảo, như gió thổi bạt cỏ. Đó là Nhất tâm.

若入聖明眾智境界一切悉捨。能惠與人不斷所倖。

Nhược nhập Thánh-minh chúng Trí cảnh giới nhất thiết tất xả. Năng huệ dữ nhân bất đoạn sở hãn.

Nếu nhập vào các cảnh giới Trí tuệ sáng suốt của Thánh, tất cả đều buông bỏ. Có thể ban ân huệ cho người không cắt bỏ được tự hào.

猶如古王頭首布施。是曰智慧。是為六。

Do như Cổ Vương đầu thủ Bố-thí. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Giống như Cổ Vương Bố thí là hàng đầu. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂應進度無極有六事？

Hà vị ứng tiến Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là cần tiến lên Tới Niết Bàn có 6 việc？

所持衣物施與眾生。猶如鼈王在海救厄。是曰布施。

Sở trì y vật thí dữ chúng sinh. Do như Miết-vương tại hải cứu ách. Thị viết Bồ-thí.

Nếu giữ áo quần vật dụng Bồ thí cho chúng sinh. Giống như Vua Ba Ba ở trong biển cứu tai ách. Đó là Bồ thí.

所奉持法猶如師子眷屬圍繞。救濟賈客亦復如是。是曰持戒。

Sở phụng Trì Pháp do như Sư tử quyền thuộc vi nhiều. Cứu tế cỗ khách diệc phục như thị. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính giữ gìn Pháp giống như Sư Tử quyền thuộc vây quanh. Cứu giúp người buôn cũng lại như thế. Đó là giữ Giới.

所聞柔和，猶如梵志欲來害王而取其頭即惠與之。是曰忍辱。

Sở văn nhu hòa, do như Phạm-chí dục lai hại Vương nhi thủ kỳ đầu tức huệ dữ chi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nghe nhu hòa, giống như Phạm chí muốn tới hại Vương mà cầm lấy đầu Vua, tức thời ân huệ ban cho. Đó là Nhẫn nhục.

所修精進如梵志子名曰思義。棄五所欲救護他人而勸度之。是曰精進。

Sở tu Tinh-tiến như Phạm-chí tử danh viết Tư-nghĩa. Khí ngũ sở dục cứu hộ tha nhân nhi khuyến độ chi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành Tinh tiến như con của Phạm chí tên là Tư Nghĩa. Vứt bỏ 5 Dục cứu giúp người khác mà khuyến độ thoát. Đó là Tinh tiến.

其所禪思如阿離念在於異學救護弟子及與他人。是曰一心。

Kỳ sở Thiền tư như A-ly-niệm tại ư dị học cứu hộ đệ-tử cập dữ tha nhân. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có Tĩnh lặng suy nghĩ như A Ly Niệm ở nơi học khác cứu hộ Đệ Tử cùng với người khác. Đó là Nhất tâm.

以聖明事開化無數百千眾人。猶如鳥王救無反復。

Dĩ Thánh-minh sự khai hóa vô số bách thiên chúng nhân. Do như Điều Vương cứu vô phản phục.

Do việc sáng suốt của Thánh khai hóa vô số trăm nghìn chúng sinh. Giống như Điều Vương cứu không có phản trở lại.

是曰智慧。是為六。何謂眾報應度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị chúng báo ứng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là các báo ứng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若愍世人有所救濟。猶如離垢化眾行淨。是曰布施。

Nhược mẫn thế nhân hữu sở cứu tế. Do như ly cấu hóa chúng hành tịnh. Thị viết Bố-thí.

Nếu thương xót người đời có được cứu giúp, Giống như rời bỏ cấu bẩn dạy chúng thực hành Thanh tịnh. Đó là Bố thí.

所奉至行住於梵天。為閻浮利人造立德本令得入法。是曰持戒。

Sở phụng chí hành trụ ư Phạm-Thiên. Vị Diêm-phù lợi nhân tạo lập Đức bản linh đắc nhập Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính thực hành lớn, ở nơi Trời Phạm. Vì lợi ích người Diêm Phù tạo lập Đức vốn có, giúp cho được nhập vào Pháp. Đó là giữ Giới.

所行仁和加於眾生不惜身命。

Sở hành nhân hòa gia ư chúng sinh bất tích thân mệnh.

Nếu thực hành nhân hòa tăng thêm cho chúng sinh không tiếc thân mệnh.

猶如在海見其船壞自殺其身以度眾人。是曰忍辱。

Do như tại hải kiến kỳ thuyền hoại tự sát kỳ thân dĩ độ chúng nhân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Giống như ở trong biển nhìn thấy thuyền đó tan hoại tự giết thân họ, vì độ thoát mọi người. Đó là Nhẫn nhục.

所行精進開化無數多所成就。猶如導師名曰福事。

Sở hành Tinh-tiến khai hóa vô số đa sở thành tựu. Do như Đạo-sư danh viết Phúc-sự.

Nếu thực hành Tinh tiến khai hóa vô số, được nhiều thành công. Giống như Đạo sư tên là Phúc Sự.

採海眾寶以濟窮匱。是曰精進。

Thải hải chúng bảo dĩ tế cùng quỹ. Thị viết Tinh-tiền.

Nhất các vật báu trong biển dùng cứu giúp người nghèo thiếu thốn. Đó là Tinh tiền.

所以禪思愍傷他人而行勸助。猶如童子名曰意義。

Sở dĩ Thiên tư mẫn thương tha nhân nhi hành khuyến trợ. Do như Đồng-tử danh viết Ý-nghĩa.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ thương xót người khác mà thực hiện khuyến trợ giúp. Giống như thiếu niên tên là Ý Nghĩa.

於八萬歲奉行慈心用安眾生。是曰一心。

Ư bát vạn tuế phụng hành Từ tâm dụng an chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Với 8 vạn năm cung kính thực hành tâm Từ vì yên ổn chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

若以聖明了解現世度世智慧。以是智慧覺了空無。

Nhược dĩ Thánh-minh liễu giải hiện thế độ thế Trí-tuệ. Dĩ thị Trí-tuệ giác liễu Không vô.

Nếu do sáng suốt của Thánh biết rõ giảng giải hiện ra Trí tuệ của Thế gian, độ thoát Thế gian.

Dùng Trí tuệ đó cảm thấy biết rõ Rỗng không Không có.

如須菩提解空識喻。眾塵樹葉悉能分別。

Như Tu-bồ-đề giải Không thức dụ. Chúng Trần thụ diệp tất năng phân biệt.

Như Tu Bồ Đề hiểu Rỗng không nhận thức nói rõ. Cây lá của các Trần có thể biết phân biệt.

其勸助者報應過是。是曰智慧。是為六。

Kỳ khuyến trợ giả báo ứng quá thị. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu khuyến trợ giúp báo ứng đúng tội. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無報度無極有六事？

Hà vị vô báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không có báo ứng Tới Niết Bàn có 6 việc？

其所救濟不受報應乃至滅度。猶如大蓋有所覆護。

Kỳ sở cứu tế bất thụ báo ứng nãi chí Diệt-độ. Do như đại cái hữu sở phúc hộ.

Nếu được cứu giúp không nhận báo ứng thậm chí Tới Niết Bàn. Giống như cái lọng lớn có được che chở bảo vệ.

菩薩所修如是無極。如江河沙眾生得度。是曰布施。

Bồ-tát sở tu như thị vô cực. Như giang hà sa chúng sinh đắc độ. Thị viết Bồ-thí.

Bồ Tát nếu tu hành không có hạn như thế. Chúng sinh được độ thoát nhiều như cát sông ngòi. Đó là Bồ thí.

所奉法行諸漏已盡。至不退轉攝受普護。是曰持戒。

Sở phụng Pháp hành chư lậu dĩ tận. Chí Bất-thoái-chuyển nhiếp thụ phổ hộ. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính thực hành Pháp các Phiền não đã hết. Được Không thoái lui, thu nhận lấy bảo vệ khắp cả. Đó là giữ Giới.

所志仁和未曾有恨逮致佛道。是曰忍辱。

Sở chí nhân hòa vị từng hữu hận đãi trí Phật đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ý chí nhân hòa chưa từng có thù hận bắt lấy đem tới Đạo Phật. Đó là Nhẫn nhục.

所以勤修捨棄身命。一切萬物供養三寶。是曰精進。

Sở dĩ cần tu xả khí thân mệnh. Nhất thiết vạn vật cúng dường Tam-Bảo. Thị viết Tinh-tiến.
Nếu do tu hành chuyên cần vứt bỏ thân mệnh. Tất cả vạn vật cúng dường Phật Pháp Tăng. Đó là Tinh tiến.

所修禪定在佛樹下。宣歎頌偈遵承法觀以此行護。是曰一心。

Sở tu Thiền-định tại Phật thụ hạ. Tuyên thán tụng kệ tuân thừa Pháp quan dĩ thử hành hộ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu hành Thiền Định ở dưới cây Phật. Ca ngợi đọc bài tụng kệ tuân theo quan sát Pháp.

所遵聖明不論道慧。猶如海中舍和樹葉香美療病。

Sở tuân Thánh-minh bất luận Đạo tuệ. Do như hải trung Xá-hòa thụ diệp hương mỹ liệu bệnh.

Nếu tuân theo sáng suốt của Thánh không luận bàn Trí tuệ Đạo. Giống như ở trong biển lá của cây Xá hòa hương thơm chữa trị bệnh.

菩薩如是，以道德香化於一切使發大道心。

Bồ-tát như thị, dĩ Đạo Đức hương hóa ư nhất thiết sử phát Đại-Đạo tâm.

Bồ Tát như thế, dùng hương Đạo Đức giáo hóa tới tất cả làm cho phát tâm Đạo Lớn.

是曰智慧。是為六。何謂無樂度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô lạc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không vui sướng Tới Niết Bàn có 6 việc？

所濟眾生猶如滅度。譬如賢者名曰漢林度眾迷惑。

Sở tế chúng sinh do như Diệt-độ. Thí như Hiền giả danh viết Hán-lâm độ chúng mê hoặc.

Nếu cứu giúp chúng sinh giống như Tới Niết Bàn. Ví như Hiền giả tên là Hán Lâm cứu độ các mê hoặc.

故當曉知菩薩本行此宿所喻。是曰布施。

Cố đương hiểu tri Bồ-tát bản hạnh thử túc sở dụ. Thị viết Bồ-thí.

Cố đang hiểu biết hạnh vốn có của Bồ Tát hiểu rõ Kiếp trước đây. Đó là Bồ thí.

其禁無量患厭眾難志願無為。猶如往古菩薩所行。

Kỳ cấm vô lượng hoạn yếm chúng nạn chí nguyện Vô-vi. Do như vãng cổ Bồ-tát sở hành.

Nếu tránh vô lượng hoạn nạn chán ghét các nạn chí nguyện Rỗng không. Giống như xa xưa hạnh của Bồ Tát.

精進入海致無量寶。故引譬喻。是曰持戒。

Tinh-tiến nhập hải trí vô lượng bảo. Cố dẫn thí dụ. Thị viết Trì-giới.

Tinh tiến nhập vào biển đem tới vô lượng vật báu. Cố dẫn ra ví dụ. Đó là giữ Giới.

其仁和行，若迦夷王而截其頭及鼻手足不懷瞋恚。是曰忍辱。

Kỳ nhân hòa hành, như Ca-di Vương nhi tiết kỳ đầu cập tị thủ túc bất hoài sân khuể. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu hành nhân hòa như Ca Di Vương mà cắt đầu ngài cùng với mũi tay chân, không nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

若勤修行出迦維羅衛無有見者。所以平等入正得佛。是曰精進。

Nhược cần tu hành xuất Ca-duy La-vệ vô hữu kiến giả. Sở dĩ Bình-đẳng nhập chính đắc Phật. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành chuyên cần ra khỏi Ca Duy La Vệ không có nhìn thấy. Nếu do Bình đẳng nhập vào Chân Chính được thành Phật. Đó là Tinh tiến.

所以禪思四品具足。淨修梵行慈悲喜護。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư tứ phẩm cụ túc. Tịnh tu Phạm-hạnh Từ Bi Hi hộ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ 4 phẩm đầy đủ. Tu Phạm hạnh Thanh tịnh giữ gìn Từ Bi Hi. Đó là Nhất tâm.

猶以智慧度無極成其亦難致在世正受心常等定。

Do dĩ Trí-tuệ Độ vô cực thành kỳ diệc nan trí tại thế Chính-thụ tâm thường đẳng Định.

Nếu do Trí tuệ Tới Niết Bàn thành công nó cũng khó, đem tới Thụ nhận đứng ở đời tâm thường cùng với Định.

是曰智慧。是為六。何謂時進度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị thời tiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là lúc Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若得止處次第惠救眾厄難。是曰布施。

Nhược đắc chỉ xứ thứ đệ huệ cứu chúng ách nạn. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được nơi dừng lại, ân huệ tiếp theo cứu giúp các ách nạn. Đó là Bồ thí.

所行謹慎如生鼈中。其為鼈王時將護己身又濟他人。是曰持戒。

Sở hành cẩn thận như sinh miết trung. Kỳ vi Miết-vương thời tương hộ kỳ thân hựu tế tha nhân. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành cẩn thận như sinh trong loài Ba Ba. Nếu khi là Vua Ba Ba sẽ giữ gìn bản thân mới lại cứu giúp người khác. Đó là giữ Giới.

所志仁和親近眾行歸護身口。猶如人賢所行慈忍。

Sở chí nhân hòa thân cận chúng hạnh quy hộ Thân Khẩu. Do như nhân Hiền sở hành Từ-Nhẫn.

Nếu ý chí nhân hòa thân thiết các hạnh trở về bảo vệ Thân Miệng. Giống như người hiền nếu thực hành tâm Từ Nhẫn.

斷其諸節不抱傷害。是曰忍辱。

Đoạn kỳ chư tiết bất bảo thương hại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Cắt bỏ các khớp xương của họ không ôm ấp thương hại. Đó là Nhẫn nhục.

所修精勤佛興世時所在見佛。如來平等其三昧印。

Sở tu tinh cần Phật hưng thế thời sở tại kiến Phật. Như Lai Bình-đẳng kỳ Tam-muội ấn.

Nếu tu hành tinh luyện chuyên cần lúc Phật hưng thịnh ở đời, nơi ở nhìn thấy Phật. Như Lai Bình đẳng ấn phẩm Tam Muội đó.

於一切行三千歲未曾休懈。是曰精進。

Ư nhất thiết hạnh tam thiên tuế vị tăng hưu giải. Thị viết Tinh-tiến.

Với tất cả hạnh, 3 nghìn năm chưa từng lười nghỉ. Đó là Tinh tiến.

所曰禪思在於中宮妓娼女間。常修清白而不放逸。是曰一心。

Sở viết Thiên tư tại ư trung cung kĩ cung nữ gian. Thường tu thanh bạch nhi bất phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu là Tĩnh lặng suy nghĩ ở nơi giữa cung điện nơi cung nữ kĩ nữ. Thường tu hành thanh bạch mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

順智慧時在於生死。在在所至將護諸我使了無我。

Thuận Trí-tuệ thời tại ư sinh tử. Tại tại sở chí tương hộ chư ngã sử liễu vô ngã.

Khi thuận theo Trí tuệ ở nơi sinh chết. Nơi nơi được tới sẽ bảo vệ các bản thân làm cho hiểu rõ không có bản thân.

是曰智慧。是為六。何謂光明度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Quang-minh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Quang sáng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以華香不飾。貢上諸佛菩薩。是曰布施。

Nhược dĩ hoa hương bất sức. Công thượng chư Phật Bồ-tát. Thị viết Bố-thí.

Nếu do hương hoa không giả tạo. Dâng lên các Phật Bồ Tát. Đó là Bố thí.

所謹慎行愍傷他人。猶如飛鳥空身飛去無所慕樂。是曰持戒。

Sở cẩn thận hành mẫn thương tha nhân. Do như phi điều Không thân phi khứ vô sở mộ lạc. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành cẩn thận thương xót người khác. Giống như chim bay thân rỗng không bay đến không có vui sướng quyến luyến. Đó là giữ Giới.

所志仁和解一切空以逮法藏。是曰忍辱。

Sở chí nhân hòa giải nhất thiết Không dĩ đãi Pháp tạng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ý chí nhân hòa hiểu tất cả Rỗng không do bắt lấy Tạng Pháp. Đó là Nhẫn nhục.

勤力橋梁救濟危厄。是曰精進。

Cần lực kiều lương cứu tế nguy ách. Thị viết Tinh-tiến.

Lực chuyên cần chủ yếu cứu giúp nguy ách. Đó là Tinh tiến.

所思禪定如往古劫。始初菩薩之所奉行深入道行。是曰一心。

Sở tư Thiền-định như往昔 cổ Kiếp. Thủy sơ Bồ-tát chí sở phụng hành thâm nhập Đạo hạnh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu suy nghĩ Thiền Định như Kiếp xa xưa. Bồ Tát đầu tiên do thực hành cung kính thâm nhập vào hạnh của Đạo. Đó là Nhất tâm.

所修聖明興發法忍。如兩童子執心如地。是曰智慧。是為六。

Sở tu Thánh-minh hưng phát Pháp-nhẫn. Như lưỡng童子 chấp tâm như địa. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tu hành sáng suốt của Thánh hưng phát Pháp nhẫn. Như hai thiếu nhi cầm lấy tâm như đất. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無量光度無極有六事？善權方便而有所濟。

Hà vị vô lượng Quang Độ vô cực hữu Lục-sự ? Thiện quyền Phương-tiện nhi hữu sở tế.

Thế nào gọi là nhiều ánh Quang sáng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Thiện quyền Phương tiện mà có được cứu giúp.

因以報致佛大光明周遍無數諸佛國土。是曰布施。

Nhân dĩ báo trí Phật đại Quang-minh chu biến vô số chư Phật quốc độ. Thị viết Bồ-thí.

Nhân do báo ứng đem tới Quang sáng lớn của Phật, lan biến vòng quanh vô số các Đất nước Phật. Đó là Bồ thí.

所奉勤修勸助逮得不起法忍。是曰持戒。

Sở phụng cần tu khuyến trợ đãi đắc bất khởi Pháp-nhẫn. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính tu hành chuyên cần khuyến trợ giúp bất được không sinh khởi Pháp Nhẫn. Đó là giữ Giới.

其仁和者勸助法相而無所著。是曰忍辱。

Kỳ nhân hòa giả khuyến trợ Pháp tướng nhi vô sở trước. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhân hòa khuyến trợ giúp hình tướng của Pháp mà không có nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

所可精修奉行空法。勸助大道歸此空無。是曰精進。

Sở khả tinh tu phụng hành Không Pháp. Khuyến trợ Đại Đạo quy thử Không vô. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể tu hành tinh luyện cung kính thực hành Pháp Rỗng không. Khuyến trợ giúp Đạo Lớn trở về Rỗng không không có này. Đó là Tinh tiến.

所以禪定助化眾生。常不懈廢使不退轉。是曰一心。

Sở dĩ Thiền-định trợ hóa chúng sinh. Thường bất giải phế sử Bất-thoái-chuyển. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Thiền Định trợ giúp giáo hóa chúng sinh. Thường không lười phá bỏ làm cho Không thoái lui. Đó là Nhất tâm.

所修聖明住第八地。在所勸化莫不蒙荷。

Sở tu Thánh-minh trụ đệ bát địa. Tại sở khuyến hóa mạc bất mông hà.

Nếu tu hành sáng suốt của Thánh ở trong Bậc thứ 8 Không động. Tại nơi ở khuyến giáo hóa đều được hoa Sen.

是曰智慧。是為六。何謂報安光度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị báo an quang Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là báo ứng ánh Quang yên ổn Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若至魔徑臨壽終時。其功報應猶兜術天忽沒來下。

Nhược chí Ma kính lâm thọ chung thời. Kỳ công báo ứng do Đâu-thuật Thiên hốt một lai hạ.

Nếu lúc sắp bỏ mệnh Ma trực tiếp tới. Báo ứng của công Đức đó như Trời Đâu Thuật đột nhiên chìm hạ xuống.

開化餓鬼除其飢厄。是曰布施。

Khai hóa Ngạ-quỷ trừ kỳ cơ ách. Thị viết Bồ-thí.

Khai hóa Quỷ đói trừ bỏ ách đói khát của họ. Đó là Bồ thí.

降伏魔徑所奉愍哀。放捨身縛亦脫罪厄。

Hàng phục Ma kính sở phụng mẫn ai. Phóng xả thân phược diệc thoát tội ách.

Hàng phục trực tiếp Ma vì cung kính thương xót. Buông bỏ ràng buộc thân cũng thoát khỏi tội ách.

猶如往古國王太子名曰須賴所脫苦患。是曰持戒。

Do như vãng cổ Quốc Vương Thái-tử danh viết Tu-lại sở thoát khổ hoạn. Thị viết Trì-giới.

Giống như Thái Tử của Quốc Vương xa xưa tên là Tu Lại, được thoát khỏi khổ nạn. Đó là giữ Giới.

其行仁和在於魚中。安諸鼃鼉隱樂得食。是曰忍辱。

Kỳ hạnh nhân hòa tại ư ngư trung. An chư Ngoan-đà ẩn lạc đắc thực. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhân Từ ở trong loài cá. Các co Ba Ba yên ôn che giấu vui sướng được ăn. Đó là Nhẫn nhục.

所勤修行諸王女等。而在恐懼危厄艱難，愍傷濟之。是曰精進。

Sở cần tu hành chư Vương nữ đẳng. Nhi tại khủng cụ nguy ách gian nan, mẫn thương tế chi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành chuyên cần và các Nữ Vương. Mà ở nơi sợ hãi nguy ách gian nan, thương xót cứu giúp. Đó là Tinh tiến.

所修禪思在疾疫劫以藥療之。猶如往古童子所作長益。

Sở tu Thiền tư tại tật dịch Kiếp dĩ dược liệu chi. Do như vãng cổ Đồng tử sở tác trưởng ích.

Nếu tu hành Tĩnh lặng suy nghĩ tại nơi Kiếp dịch bệnh dùng thuốc chữa trị. Giống như thiếu nhi thời xa xưa vì làm tăng thêm lợi ích.

以五頭首救寂闇浮提諸非邪惡。是曰一心。

Dĩ ngũ đầu thủ cứu tịch Diêm-phù-đề chư phi tà ác. Thị viết Nhất-tâm.

Dùng 5 cái đầu lần đầu tiên trợ giúp Diêm Phù Đề vắng vẻ các ác sai trái. Đó là Nhất tâm.

以此聖明救濟一切。猶往古喻五百賈客。

Dĩ thử Thánh-minh cứu tế nhất thiết. Do vãng cổ dụ ngũ bách cổ khách.

Nếu do sáng suốt của Thánh này cứu giúp tất cả. Như xa xưa dẫn dụ 500 người buôn.

以五百玉女及諸玉女。就為導師護五億人一心宿衛。

Dĩ ngũ bách ngọc nữ cập chư ngọc nữ. Tựu vị Đạo-sư hộ ngũ ức nhân nhất tâm tú vệ.

Do 500 Ngọc nữ cùng với các Ngọc nữ. Hoàn thành vì Đạo sư bảo vệ 5 triệu người nhất tâm bảo vệ yên ổn.

是曰智慧。是為六。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不迴還度無極有六事？既有所濟不樂聲聞緣覺之業。

Hà vị bất hồi hoàn Độ vô cực hữu Lục-sự？Ký hữu sở tế bất nhạo Thanh-văn Duyên-giác chi Nghiệp.

Thế nào gọi là không quay trở về Tới Niết Bàn có 6 việc？Đã có được cứu giúp không ham thích Nghiệp Bạc Thanh Văn Duyên Giác.

願求無上正真之道。是曰布施。

Nguyện cầu Vô-thượng Chính-chân chi đạo. Thị viết Bồ-thí.

Nguyện cầu Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Bồ thí.

所奉謹慎觀於至義而不懈廢。是曰持戒。

Sở phụng cẩn thận quan ư chí nghĩa nhi bất giải phế. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính cẩn thận quan sát tới nghĩa lớn mà không lười phá bỏ. Đó là giữ Giới.

所遵仁和能暢究竟不中懷恨。是曰忍辱。

Sở tuân nhân hòa năng sướng cứu cánh bất trung hoài hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tuân theo nhân hòa có thể thông suốt tới cùng không ở trong đó nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

所行遵修執權方便。有所救濟使不放逸。是曰精進。

Sở hành tuân tu chấp quyền Phương-tiện. Hữu sở cứu tế sử bất phóng dật. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm hướng dẫn tu hành cầm lấy quyền Phương tiện. Nếu được cứu giúp làm cho không phóng túng. Đó là Tinh tiến.

所修禪定顯明章句而不迷憤。是曰一心。

Sở tu Thiền-định hiển minh chương cú nhi bất mê hội. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu hành Thiền Định hiện ra rõ sáng câu đoạn mà không mê muội náo loạn. Đó là Nhất tâm.

所謂聖明得至七住不退轉地。是曰智慧。是為六。

Sở vị Thánh-minh đắc chí thất trụ Bất-thoái-chuyển địa. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu cho là sáng suốt của Thánh được tới ở trong Bạc 7 Viên Hành Không thoái lui. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂為娛樂度無極有六事？

Hà vị vi ngu lạc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là vui đùa Tới Niết Bàn có 6 việc？

有所給與以開難化眾令發道意。是曰布施。

Hữu sở cấp dữ dĩ khai nan hóa chúng linh phát Đạo ý. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được ban cấp cho do khai sáng giáo hóa khó, giúp cho chúng phát ý Đạo. Đó là Bồ thí.

以行將養佛興世時。說其報應而度脫之。

Dĩ hạnh tương dưỡng Phật hưng thế thời. Thuyết kỳ báo ứng nhi độ thoát chi.

Do thực hành đang cúng dưỡng Phật hưng thịnh ở đời. Nói báo ứng đó mà độ thoát.

猶如往古太子勢首救眾危厄。是曰持戒。

Do như往昔 cổ Thái-tử thế thủ cứu chúng nguy ách. Thị viết Trì-giới.

Giống như xưa thế lực của Thái Tử sớm nhất cứu các nguy ách. Đó là giữ Giới.

所修仁和如功勳國王安和萬民。如是安身亦安他人。

Sở tu nhân hòa như công huân Quốc Vương an hoà vạn dân. Như thị an thân diệc an tha nhân.

Nếu tu hành nhân hòa như công trạng của Quốc Vương, yên ổn hài hòa vạn dân. Như thế thân yên ổn cũng yên ổn người khác.

一切適安我身亦安。是曰忍辱。

Nhất thiết thích an ngã thân diệc an. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tất cả mong muốn yên ổn, thân của bản thân cũng yên ổn. Đó là Nhẫn nhục.

所進勤修逮得總持辯才無量。是曰精進。

Sở tiến cần tu đăi đắc Tổng-trì biện tài vô lượng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành chuyên cần tinh tiến, được Tổng trì tài hùng biện vô lượng. Đó là Tinh tiến.

所習禪定以用勸助。是功德報令眾生安。是曰一心。

Sở tập Thiền-định dĩ dụng khuyến trợ. Thị Công-đức báo linh chúng sinh an. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu học tập Thiền Định do vì khuyến trợ giúp. Báo ứng công Đức đó giúp cho chúng sinh yên ổn. Đó là Nhất tâm.

其以聖明在六住地。

Kỳ dĩ Thánh-minh tại lục trụ địa.

Nếu do sáng suốt của Thánh hiện tại ở lại Bồ Tát Bạc 6 Hiện Tiền.

柔順法忍至不退轉。是曰智慧。是為六。

Nhu-thuận Pháp-nhẫn chí Bất-thoái-chuyển. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nhu thuận Pháp Nhẫn được Không thoái lui. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂鮮潔度無極有六事？若有所興無所依倚。

Hà vị tiên khiết Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược hữu sở hưng vô sở y y.

Thế nào gọi là sạch tinh khiết Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu có được hưng thịnh không có ý lại dựa vào.

亦不相報加於眾生。是曰布施。

Diệc bất tương báo gia ư chúng sinh. Thị viết Bố-thí.

Cũng báo ứng không như nhau tăng thêm cho chúng sinh. Đó là Bố thí.

所修謹慎常抱篤信。懷來七覺覺諸不覺。是曰持戒。

Sở tu cẩn thận thường bảo đốc tín. Hoài lai Thất-giác giác chư bất giác. Thị viết Trì-giới.

Nếu tu hành cẩn thận thường ôm ấp hết lòng tin. Nhớ tới 7 Ý giác ngộ cảm thấy không cảm thấy.

Đó là giữ Giới.

所修仁和慈念眾生。不貪其身亦不惜命。是曰忍辱。

Sở tu nhân hòa từ niệm chúng sinh. Bất tham kỳ thân diệc bất tích mệnh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tu hành nhân hòa tâm Từ nhớ chúng sinh. Không tham thân đó cũng không tiếc thọ mệnh.

Đó là Nhẫn nhục.

所志勤修選擇諸法。合會至行致諸覺意。是曰精進。

Sở chí cần tu tuyền trạch chư Pháp. Hợp hội chí hành trí chư giác ý. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ý chí tu hành chuyên cần lựa chọn các Pháp. Hợp hội thực hành lớn đem tới các ý giác ngộ.

Đó là Tinh tiến.

若以禪思無所想念而不放逸。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư vô sở tưởng niệm nhi bất phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ không có tưởng nhớ mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

所以聖明致得佛道而度一切。是曰智慧。是為六。

Sở dĩ Thánh-minh trí đặc Phật đạo nhi độ nhất thiết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do sáng suốt của Thánh đem tới được Đạo Phật mà độ thoát tất cả. Đó là Trí tuệ, Đó là sáu.

何謂成世法度無極有六事？

Hà vị thành thế Pháp Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thành công Pháp Thế gian Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以所濟報應無數。致於永安無復眾難。是曰布施。

Nhược dĩ sở tế báo ứng vô số. Trí ư vĩnh an vô phục chúng nạn. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do được cứu giúp báo ứng vô số. Đem tới ở vĩnh viễn yên ổn, các nạn không trở lại. Đó là Bồ thí.

所以謹慎慕求道法。八正之業至平等慧。是曰持戒。

Sở dĩ cẩn thận mộ cầu Đạo Pháp. Bát chính chi Nghiệp chí bình đẳng tuệ. Thị viết Trì-giới.

Nếu do cẩn thận luyện mộ cầu Đạo Pháp. Nghiệp 8 Đạo đúng được Trí tuệ Bình Đẳng. Đó là giữ Giới.

所念仁和不疑道義決壞羅網。是曰忍辱。

Sở niệm nhân hòa bất nghi đạo nghĩa quyết hoại la võng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhớ nhân hòa không nghi hoặc nghĩa của Đạo, tháo vỡ lưới võng. Đó là Nhẫn nhục.

所行勤修於現在法長得安穩。是曰精進。

Sở hạnh cần tu ư Hiện-tại Pháp trường đắc an ổn. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thực hiện tu hành chuyên cần ở trong Pháp Hiện tại được tăng thêm yên ổn. Đó là Tinh Tiến.

所謂禪思精進本行滅寂正受。是曰一心。

Sở vị Thiền tư Tinh-tiến bản hành diệt tịch Chính-thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cho là Tĩnh lặng suy nghĩ Tinh tiến hạnh vốn có diệt trừ Vắng vẻ Thụ nhận đúng. Đó là Nhất tâm.

其遵聖明所作已辦受四意止。是曰智慧。是為六。

Kỳ tuân Thánh-minh sở tác dĩ biện thụ Tứ-ý chỉ. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tuân theo sáng suốt của Thánh nếu đã làm xong nhận 4 Ý dừng lại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂淨俗度無極有六事？

Hà vị Tịnh tục Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Thanh tịnh Cõi tục Tới Niết Bàn có 6 việc？

其以所行救三千世界從始至終無有異心。是曰布施。

Kỳ dĩ sở hành cứu Tam-thiên Thế-giới tòng thủy chí chung vô hữu dị tâm. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do được thực hành cứu 3 nghìn Thế giới, từ xưa tới nay không có tâm khác. Đó là Bồ thí.

從始生來普安一切。周旋往來三界眾生。是曰持戒。

Tòng thủy sinh lai phổ an nhất thiết. Chu toàn vãng lai Tam-giới chúng sinh. Thị viết Trì-giới.

Từ xưa tới nay sinh yên ổn khắp tất cả. Chúng sinh của 3 Cõi giới vật lộn qua lại. Đó là giữ Giới.

發意以來教化群黎。至無所至使無處所。是曰忍辱。

Phát ý dĩ lai giáo hóa quần lê. Chí vô sở chí sử vô xứ sở. Thị viết Nhẫn-nhục.

Phát ý tới nay giáo hóa dân nghèo. Tới không có tới làm cho không có nơi ở. Đó là Nhẫn nhục.
使三千世界一切眾生精進滅度。

Sử Tam-thiên Thế-giới nhất thiết chúng sinh Tinh-tiến Diệt-độ.

Sai khiến tất cả chúng sinh của 3 nghìn Thế giới Tinh tiến Tới Niết Bàn.

猶初發意出家學故，其心難當。是曰精進。

Do sơ phát ý Xuất-gia học cố, kỳ tâm nan đương. Thị viết Tinh-tiến.

Như ý phát đầu tiên do Xuất gia học, tâm họ khó đảm đương. Đó là Tinh tiến.

所謂禪思令諸眾生得攝其意。專惟經法而不放逸。是曰一心。

Sở vị Thiền tư linh chư chúng sinh đặc nhiếp kỳ ý. Chuyên duy Kinh Pháp nhi bất phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cho là Tĩnh lặng suy nghĩ giúp cho các chúng sinh được thu lấy ý đó. Chuyên nhất chỉ có Kinh Pháp mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

其以聖明至於地獄。救濟危厄適生墮地。

Kỳ dĩ Thánh-minh chí ư Địa-ngục. Cứu tế nguy ách thích sinh đọa địa.

Nếu do sáng suốt của Thánh tới nơi Địa ngục. Cứu giúp nguy ách thích hợp đọa xuống Đất.

口有所宣論講經道逮得法典。是曰智慧。是為六。

Khẩu hữu sở tuyên luận giảng Kinh Đạo đãi đắc Pháp điển. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Miệng có được nói luận bàn giảng giải Kinh Đạo, bắt được Kinh điển. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂成種度無極有六事？

Hà vị thành chủng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thành chủng loài Tới Niết Bàn có 6 việc？

其所救者致眷屬和無極大財。是曰布施。

Kỳ sở cứu giả trí quyến thuộc hòa vô cực đại tài. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được cứu giúp đem tới quyến thuộc hòa hợp tài sản lớn vô hạn. Đó là Bồ thí.

所謹慎行致眷屬和而無罪殃。是曰持戒。

Sở cẩn thận hành trí quyến thuộc hòa nhi vô tội ương. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành cẩn thận đem tới quyến thuộc hòa hợp mà không có tội tai ương. Đó là giữ Giới.

所修仁和若干眷屬。各各自安無能壞者。是曰忍辱。

Sở tu nhân hòa nhược can quyến thuộc. Các các tự an vô năng hoại giả. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tu hành nhân hòa rất nhiều quyến thuộc. Từng người tự yên ổn không có thể hủy hoại. Đó là Nhẫn nhục.

若有勤修所有眷屬。不使自恣放逸之行。

Nhược hữu cần tu sở hữu quyến thuộc. Bất sử tự tứ phóng dật chi hành.

Nếu có tu hành chuyên cần có được quyến thuộc. Không sai khiến tự thực hành, buông thả phóng túng.

各各辦業用意不廢。是曰精進。

Các các biện Nghiệp dụng ý bất phế. Thị viết Tinh-tiến.

Từng người làm Nghiệp do ý không phá bỏ. Đó là Tinh tiến.

所遵禪思若有瞋諍皆令和合致明眷屬。是曰一心。

Sở tuân Thiền tư nhược hữu sân tranh giai linh hòa hợp trí minh quyền thuộc. Thị viết Nhất-tâm. Nếu tuân theo Tĩnh lặng suy nghĩ nếu có thù hận tranh luận đều giúp cho hòa hợp đem tới quyền thuộc sáng suốt. Đó là Nhất tâm.

所修聖明一切眷屬皆有智明而無闇蔽。

Sở tu Thánh-minh nhất thiết quyền thuộc giai hữu trí minh nhi vô ám tế.

Nếu tu hành sáng suốt của Thánh, tất cả quyền thuộc đều có Trí tuệ sáng suốt mà không có tối đen che phủ.

是曰智慧。是為六。何謂來成眷屬度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị lai thành quyền thuộc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là tới thành quyền thuộc Tới Niết Bàn có 6 việc？

於五百歲開化勸誨。諸大眾會使發道心。是曰布施。

Ư ngũ bách tuế khai hóa khuyến hối. Chư Đại Chúng hội sử phát Đạo tâm. Thị viết Bố-thí.

Ở trong 500 năm khai hóa khuyên dạy. Các Đại chúng tập hội sai khiến phát tâm Đạo. Đó là Bố thí.

所奉謹慎勸和合同。無數眾人不以為諍如佛眷屬。是曰持戒。

Sở phụng cẩn thận khuyến hòa hợp đồng. Vô số chúng nhân bất dĩ vi tranh như Phật quyền thuộc. Thị viết Trì-giới.

Nếu cung kính cẩn thận khuyên cùng nhau hòa hợp. Rất nhiều mọi người không tới làm tranh luận như quyền thuộc của Phật.

其所仁和為無央數眾生之藏。猶昔摩竭有一大魚海水能受。

Kỳ sở nhân hòa vị vô ương số chúng sinh chỉ tàng. Do tích Ma-kiệt hữu nhất đại ngư hải thủy năng thụ

Nếu được nhân hòa vị nơi yên ổn vô số chúng sinh. Như cung Ma Kiệt trước đây có một loài cá lớn

所有究竟從始至終。若有伴行如井中魚。是曰忍辱。

Sở hữu cứu cánh tông thủy chí chung. Nhược hữu bạn hành như tỉnh trung ngư. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có từ đầu đến cuối cùng. Nếu có bạn cùng đi như cá ở trong giếng. Đó là Nhẫn nhục.

所謂勤修多護眾人除姪怒癡。猶如海中明月珠藏隨時消水。是曰精進。

Sở vị cần tu đa hộ chúng nhân trừ dâm nộ si. Do như hải trung Minh-nguyệt châu tạng tùy thời tiêu thủy. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cho là tu hành chuyên cần nhiều bảo vệ mọi người trừ bỏ dâm thù hận ngu si. Giống như kho châu Minh nguyệt ở trong biển tùy thời nước cạn. Đó là Tinh tiến.

所行禪思如阿離念。彌學外異微術。

Sở hành Thiền tư như A-ly-niệm. Di học ngoại dị vi thuật.

Nếu thực hành Tĩnh lặng suy nghĩ như A Ly Niệm. Họ học thuật nhỏ khác bên ngoài.

多愍眾生而勸化之生于梵天。是曰一心。

Đa mẫn chúng sinh nhi khuyển hóa chi sinh vu Phạm-Thiên. Thị viết Nhất-tâm.

Thương xót nhiều chúng sinh mà khuyển giáo hóa sinh lên Trời Phạm. Đó là Nhất tâm.

遵修聖明多所愍傷。猶須菩提見有異人。

Tuân tu Thánh-minh đa sở mẫn thương. Do Tu-bồ-đề kiến hữu dị nhân.

Tuân theo tu sáng suốt của Thánh được nhiều thương xót. Như Tu Bồ Đề nhìn thấy có người khác.

收捕鹿王五百眾眷閉在窮厄。悉解脫之。

Thu bộ Lộc Vương ngũ bách chúng quyến bế tại cùng ách. Tất Giải-thoát chi.

Vây bắt 500 các quyến thuộc của Vua Hươu nhốt ở nơi tai ách khốn cùng. Đều Giải thoát hết.

乃化天下一切眾生建立十善。是曰智慧。是為六。

Nãi hóa Thiên hạ nhất thiết chúng sinh kiến lập Thập thiện. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Mới lại giáo hóa tất cả chúng sinh trong Thiên hạ thiết lập 10 Nghiệp thiện. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不壞眷屬度無極有六事？

Hà vị bất hoại quyến thuộc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không hủy hoại quyến thuộc Tới Niết Bàn có 6 việc？

若捨兩舌言常至誠不鬪亂福。是曰布施。

Nhược xả lưỡng thiệt ngôn thường chí thành bất đấu loạn Phúc. Thị viết Bồ-thí.

Nếu buông bỏ nói hai lời nói thường chí thành Phúc không đấu loạn. Đó là Bồ thí.

常懷慈心不抱危害。緣名遠聞靡不敬愛。是曰持戒。

Thường hoài Từ tâm bất bảo nguy hại. Duyên danh Viễn-văn mị bất kính ái. Thị viết Trì-giới.

Thường nhớ tâm Từ không ôm ấp nguy hại. Duyên tên là Nghe xa xôi đều kính yêu tất cả. Đó là giữ Giới.

所云仁和常有等心。慈愍眾生而不偏黨。是曰忍辱。

Sở vân nhân hòa thường hữu đẳng tâm. Từ mẫn chúng sinh nhi bất thiên đảng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhân hòa như thế thường có tâm Bình đẳng. Tâm Từ thương xót chúng sinh mà ngang bằng như nhau. Đó là Nhẫn nhục.

所以精修不以衣食。開化眾生唯以道法。是曰精進。

Sở dĩ tinh tu bất dĩ y thực. Khai hóa chúng sinh duy dĩ Đạo Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành tinh luyện không vì quần áo thức ăn. Khai hóa chúng sinh chỉ vì Đạo Pháp. Đó là Tinh tiến.

其志禪思逮得總持辯才無量。是曰一心。

Kỳ chí Thiền tư đãi đắc Tổng-trì biện tài vô lượng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ý chí Tĩnh lặng suy nghĩ bắt được Tổng trì tài hùng biện vô lượng. Đó là Nhất tâm.

所以聖明執持解脫。解諸結縛令無罣礙。

Sở dĩ Thánh-minh chấp trì Giải-thoát. Giải chư kết phược linh vô quả ngại.

Nếu do sáng suốt của Thánh cảm giữ Giải thoát. Tháo bỏ các kết buộc giúp cho không có trở ngại.

是曰智慧。是為六。何謂除塵來淨度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị trừ trần lai tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là trừ bỏ Trần cấu bản đến Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若有損耗使增功德。療諸疾疫普令安穩。是曰布施。

Nhược hữu tổn hao sử tăng Công-đức. Liệu chư tật dịch phổ linh an ổn. Thị viết Bố-thí.

Nếu có tổn hao làm cho tăng thêm công Đức. Chữa trị các bệnh dịch giúp cho yên ổn khắp cả. Đó là Bố thí.

若在弊礙不能自濟。為作救護令心開解。是曰持戒。

Nhược tại tệ ngại bất năng tự tế. Vị tác cứu hộ linh tâm khai giải. Thị viết Trì-giới.

Nếu ở nơi tệ hại trở ngại, không có thể tự cứu giúp. Vì làm cứu hộ giúp cho tâm khai sáng. Đó là giữ Giới.

若有師父尊長罵詈。供敬歸命不懷瞋恨。是曰忍辱。

Nhược hữu sư phụ tôn trưởng mạ li. Cung kính quy mệnh bất hoài sân hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu bị Thầy Cha Tôn Trưởng quở mắng. Cung kính quy phục mệnh lệnh không nhớ thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

其所勤修在胎心正。治眾病疾將護開化

Kỳ sở cần tu tại thai tâm chính. Trị chúng bệnh tật tương hộ khai hóa.

Nếu do tu hành chuyên cần ở trong căn nguyên tâm ngay thẳng. Điều trị các bệnh tật sẽ bảo vệ khai hóa.

及諸比丘比丘尼清信士清信女。是曰精進。

Cập chư Tì-kheo Tì-kheo-ni Thanh-tín sĩ Thanh-tín nữ. Thị viết Tinh-tiến.

Cùng với các Nam Tì Kheo, Nữ Tì Kheo, Nam Phật Tử, Nữ Phật Tử. Đó là Tinh tiến.

若母疾病瞻視給使。與諸可乏醫藥飲食。是曰一心。

Nhược mẫu tật bệnh chiêm thị cấp sử. Dữ chư khả phạp y dược ẩm thực. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu mẹ bị bệnh tật xem xét kỹ càng cung cấp sai khiếm. Ban cho mọi thứ có thể, thuốc bệnh đồ ăn uống. Đó là Nhất tâm.

若以聖明為無數眾而決狐疑。各得開達奉無上真。

Nhược dĩ Thánh-minh vị vô số chúng nhi quyết hồ nghi. Các đắc khai đạt phụng Vô-thượng chân.

Nếu do sáng suốt của Thánh vì vô số chúng sinh mà rút bỏ nghi hoặc. Họ được khai sáng thông tỏ cung kính Bình Đẳng Chân Chính.

是曰智慧。是為六。何謂觀土度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị quan độ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là quan sát đất Tới Niết Bàn có 6 việc ?

常抱仁慈不以害眼加視眾人。是曰布施。

Thường bảo nhân từ bắt dĩ hại nhân gia thị chúng nhân. Thị viết Bồ-thí.

Thường ôm ấp nhân từ không làm hại, mắt tăng thêm nhìn thấy mọi người. Đó là Bồ thí
而無罣礙無陰蓋心謹慎心念。是曰持戒。

Nhi vô quái ngại vô Âm-cái tâm cẩn thận tâm niệm. Thị viết Trì-giới.

Mà không có trở ngại tâm không có vòng Uẩn, tâm cẩn thận suy nhớ. Đó là giữ Giới.

志性仁和見諸怨家。念如赤子不懷毒害。是曰忍辱。

Chí tính nhân hòa kiến chư oán gia. Niệm như xích tử bất hoài độc hại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ý chí tính nhân hòa nhìn thấy các oán gia. Nhớ như con nhỏ không nhớ độc hại. Đó là Nhẫn
nhục.

具足神通內外無弊。觀化十方不中懈廢。是曰精進。

Cụ túc Thần-thông nội ngoại vô tệ. Đồ hóa thập phương bất trung giải phê. Thị viết Tinh-tiến.

Đầy đủ Thần thông trong ngoài không có tệ hại. Nhìn thấy 10 phương không ở trong đó lười phê
bỏ. Đó là Tinh tiến.

若淨修行嚴治天眼。見於一切五趣生死。是曰一心。

Nhược Tịnh tu hành nghiêm trì Thiên-nhãn. Kiến ư nhất thiết Ngũ-thú sinh tử. Thị viết Nhất-
tâm.

Nếu tu hành Thanh tịnh nghiêm chỉnh sửa trị Trí tuệ Cõi Trời. Nhìn thấy được tất cả 5 hướng
sinh chết.

若無數世柔和其意。言辭和雅分別聖慧。

Nhược vô số thế nhu hòa kỳ ý. Ngôn từ hòa nhã phân biệt Thánh tuệ.

Nếu vô số đời ý họ nhu hòa. Lời nói hòa nhã phân biệt Trí tuệ của Thánh.

是曰智慧。是為六。何謂宣誓度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị tuyên thệ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là quan tuyên thệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

以報應德勸助眾生得受功德。是曰布施。

Dĩ báo ứng Đức khuyến trợ chúng sinh đắc thụ Công-đức. Thị viết Bồ-thí.

Do Đức báo ứng khuyến trợ giúp chúng sinh được nhận công Đức. Đó là Bồ thí.

所謹慎行消眾罣礙而無結滯。是曰持戒。

Sở cẩn thận hạnh tiêu chúng quái ngại nhi vô kết trệ. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành cẩn thận tiêu tan các trở ngại mà không kết buộc ngưng trệ. Đó là giữ Giới.

而無所著不以為聞。了嚮悉空興發仁和。是曰忍辱。

Nhi vô sở trước bất dĩ vi văn. Liễu hướng tất Không hưng phát nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Mà không có nương nhờ không coi là nghe. Biết rõ hướng dẫn Rỗng không tất cả hưng phát
nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

所志勤修日日增進。至未曾有人無上道。是曰精進。

Sở chí cần tu nhật nhật tăng tiến. Chí vị tăng hữu nhập Vô-thượng Đạo. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ý chí tu hành chuyên cần ngày càng tăng tiến. Được chưa từng có nhập vào Đạo Bình Đẳng.

Đó là Tinh tiến.

若以四等慈悲喜護。護於一切迷惑之眾。是曰一心。

Nhược dĩ Tứ-đẳng Từ Bi Hỷ Hộ. Hộ ư nhất thiết mê hoặc chi chúng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do 4 loại tâm Từ Bi thương Vui theo Bảo vệ. Bảo vệ tất cả chúng sinh mê hoặc. Đó là Nhất tâm

聖明眾生患厭不可。奉柔順法乃至賢和。

Thánh-minh chúng sinh hoạn yếm bất khả. Phụng Nhu-thuận Pháp nãi chí hiền hòa.

Chúng sinh được sáng suốt của Thánh không thể chán hoạn nạn. Cung kính Pháp Nhu thuận thậm chí hiền hòa.

是曰智慧。是為六。何謂無放逸度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô phóng dật Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không có phóng túng Tới Niết Bàn có 6 việc？

有所施與勸助道德不與俗業。是曰布施。

Hữu sở thí dĩ khuyến trợ Đạo Đức bất dĩ tục Nghiệp. Thị viết Bố-thí.

Nếu được Bố thí cùng với khuyến trợ giúp Đạo Đức không cùng với Nghiệp đời tục. Đó là Bố thí.

若眷屬羸護奉行業。其有人來節節解之。

Nhược quyến thuộc luy hộ phụng hành Nghiệp. Kỳ hữu nhân lai tiết tiết giải chi.

Nếu quyến thuộc mệt mỏi, cung kính giữ gìn hạnh Nghiệp. Nếu có người tới tháo bỏ từng chi tiết.

不生毒心慈勸道法。如射獵師心懷怨結。

Bất sinh độc tâm Từ khuyến Đạo Pháp. Như xạ liệp sư tâm hoài oán kết.

Không sinh tâm độc ác, tâm Từ khuyến Đạo Pháp. Như thầy dạy săn bắn tâm nhớ oán kết.

若有人來節節解之。獵師心悅不以懷害。是曰持戒。

Nhược hữu nhân lai tiết tiết giải chi. Liệp sư tâm duyệt bất dĩ hoài hại. Thị viết Trì-giới.

Nếu có người tới tháo bỏ từng chi tiết. Tâm thầy dạy sẵn vui vẻ không cho là nhớ hại. Đó là giữ Giới.

若以仁和宣善義理。投之於火欲危其身不以懷結。是曰忍辱。

Nhược dĩ nhân hòa tuyên thiện nghĩa lý. Đầu chi ư hỏa dục nguy kỳ thân bất dĩ hoài kết. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do nhân hòa nói nghĩa lý thiện. Đâm đầu vào trong lửa muốn hại thân họ, không cho là nhớ kết buộc. Đó là Nhẫn nhục.

所以勤修竟至滅度。觀於有為如火熾然，消之以法。是曰精進。

Sở dĩ cần tu cánh chí Diệt-độ. Quan ư Hữu-vi như hỏa sí nhiên, tiêu chi dĩ Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tu hành chuyên cần cuối cùng tới Niết Bàn. Quan sát với Pháp có hình tướng như lửa cháy mạnh, tiêu tan do Pháp. Đó là Tinh tiến.

所謂禪思除一切塵獨樂一處。若以戒法救眾人愚。是曰一心。

Sở vị Thiền tư trừ nhất thiết trần độc lạc nhất xứ. Nhược dĩ Giới Pháp cứu chúng nhân ngu. Thị viết Nhất-tâm.

Coi là Tĩnh lặng suy nghĩ trừ bỏ tất cả Phiền não, một mình ở một nơi vui sướng. Nếu dùng Pháp giữ Giới cứu giúp chúng sinh ngu si. Đó là Nhất tâm.

慧無所樂而等其心。猶國王子施得土地。令其無罪而有勢力。

Tuệ vô sở lạc nhi đẳng kỳ tâm. Do Quốc Vương tử thí đắc độ địa. Linh kỳ vô tội nhi hữu thể lực. Trí tuệ không có vui sướng mà tâm họ Bình đẳng. Như con trai của Quốc Vương bố thí được đất Thanh tịnh. Giúp họ không có tội mà có thể lực.

是曰智慧。是為六。何謂周旋度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị chu toàn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là vật lộn Tới Niết Bàn có 6 việc ?

多有財業所加以慈而不懷害。是曰布施。

Đa hữu tài Nghiệp sở gia dĩ Từ nhi bất hoại hại. Thị viết Bồ-thí.

Có nhiều tài nghiệp nếu tặng thêm do tâm Từ mà không nhớ hại. Đó là Bồ thí.

所可謹慎不抱諛諂而自顯己。是曰持戒。

Sở khả cẩn thận bất bảo du siểm nhi tự hiển kỳ. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể cẩn thận không ôm ấp siểm nịnh mà tự hiện ra rõ bản thân. Đó là giữ Giới.

其性仁和所作功德不以為厭放捨宮殿無所貪愛隨時惠施。是曰忍辱。

Kỳ tính nhân hòa sở tác Công-đức bất dĩ vi yếm phóng xả cung điện vô sở tham ái tùy thời huệ thí. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tính nhân hòa làm được công Đức, không lấy làm chán bỏ, buông bỏ cung điện, không có tham yêu tùy thời ân huệ Bồ thí. Đó là Nhẫn nhục.

所以精勤奉平等法而不放逸。是曰精進。

Sở dĩ tinh cần phụng bình đẳng Pháp nhi bất phóng dật. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do tinh luyện chuyên cần cung kính Pháp Bình mà không phóng túng. Đó là Tinh tiến.

若以禪思而不迴還。墮不可法默然淡泊。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư nhi bất hồi hoàn. Đọa bất khả Pháp mặc nhiên đạm bạc. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ mà không quay trở về. Đọa xuống Pháp không có thể im lặng Thanh tịnh. Đó là Nhất tâm.

若以聖明立一切法。堅住不動不落聲聞緣覺之法。

Nhược dĩ Thánh-minh lập nhất thiết Pháp. Kiên trụ bất động bất nhạo Thanh-văn Duyên-giác chi Pháp.

Nếu do sáng suốt của Thánh lập dựng tất cả Pháp. Ở trong vững chắc không động không ham thích Pháp Bạc Thanh Văn Duyên Giác.

是曰智慧。是為六。何謂滅度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Diệt-độ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là mới hết sinh chết Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若用餓鬼不行慳貪。見苦眾生而愍傷之。是曰布施。

Nhược dụng Nga-quỷ bắt hành xan tham. Kiến khổ chúng sinh nhi mẫn thương chi. Thị viết Bồ-thí.

Nếu vì Quỷ đói không hành tham tiếc. Nhìn thấy chúng sinh khổ mà thương xót. Đó là Bồ thí.
心見眾生罣礙之業。而慈哀之示以無弊。是曰持戒。

Tâm kiến chúng sinh quải ngại chi Nghiệp. Nhi Từ ai chi thị dĩ vô tệt. Thị viết Trì-giới.

Tâm nhìn thấy Nghiệp trở ngại của chúng sinh. Mà tâm Từ thương xót hiện ra do không có tệt hại. Đó là giữ Giới.

所行仁和聞地獄苦觀惡形色。益用四等而哀愍之。是曰忍辱。

Sở hành nhân hòa văn Địa-ngục khổ đồ ác hình sắc. Ích dụng Tứ-đẳng nhi ai mẫn chi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhân hòa nghe khổ Địa ngục, nhìn thấy hình sắc ác. Ích lợi do 4 Bình đẳng mà thương xót họ. Đó là Nhẫn nhục.

所奉勤修斷諸邪見多懷慈哀。猶昔阿王子字鳩那羅。

Sở phụng cần tu đoạn chư Tà-kiến đa hoài từ ai. Do tích A Vương-tử tự Cưu-na-la.

Nếu cung kính tu hành chuyên cần, cắt bỏ các Nhìn thấy sai, nhớ nhiều tâm Từ thương xót. Như trước đây có ngài Vương Tử tên là Cưu Na La.

棄諸婬女受辱不怨。是曰精進。

Khí chư cung nữ thụ nhục bất oán. Thị viết Tinh-tiến.

Bỏ các cung nữ nhận Nhẫn nhin không oán hận. Đó là Tinh tiến.

若禪脫門樂此寂靜。猶昔菩薩坐閻浮樹道德巍巍影覆其身。是曰一心。

Nhược Thiền thoát môn nhạo thử Tịch-tĩnh. Do tích Bồ-tát tọa Diêm-phù thụ Đạo đức nguy nguy ảnh phúc kỳ thân. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu môn Thiền Giải thoát ham thích Vắng lặng này. Như Bồ Tát trước đây ngồi dưới cây Diêm Phù, Đạo Đức uy nghi ảnh che phủ thân họ. Đó là Nhất tâm.

若以聖明滅婬怒癡。如王棄國出家為道。

Nhược dĩ Thánh-minh diệt dâm nộ si. Như Vương khí quốc Xuất-gia vị Đạo.

Nếu do sáng suốt của Thánh trừ diệt dâm thù hận ngu si. Như Vua bỏ nước Xuất gia vị Đạo.

衣毛為豎眾默啼哭不以顧戀。是曰智慧。是為六。

Y mao vi thụ chúng mặc đề khóc bất dĩ cố luyến. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Áo lông là hèn mọn chúng sinh im lặng kêu khóc, không vì đoái hoài luyến tiếc. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂豪貴度無極有六事？其所聞能以割情。

Hà vị hào quý Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kỳ sở văn năng dĩ cắt Tình.

Thế nào gọi là phú quý Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu được nghe có thể để cắt bỏ tình cảm.

所珍愛寶惠與作福。是曰布施。

Sở trân ái bảo huệ dữ tác Phúc. Thị viết Bồ-thí.

Nếu trân trọng yêu quý vật báu, ân huệ ban cho làm Phúc. Đó là Bồ thí.

奉修謹慎而不自大。謙下供順奉敬三寶佛法聖眾。是曰持戒。

Phụng tu cẩn thận nhi bất tự đại. Khiêm hạ cung thuận phụng kính Tam-Bảo Phật Pháp Thánh chúng. Thị viết Trì-giới.

Cung kính tu hành cẩn thận mà không tự đại. Khiêm tôn cung cấp thuận theo, cung kính Tam Bảo Phật Pháp Tăng. Đó là giữ Giới.

不求名稱不慕世榮唯法為上。是曰忍辱。

Bất cầu danh xưng bất mộ thể vinh duy Pháp vi thượng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không cầu nổi danh không quyến luyến vinh hoa ở đời chỉ với Pháp là tối cao. Đó là Nhẫn nhục.

所遵勤修奉事尊長父母師友。是曰精進。

Sở tuân cần tu phụng sự tôn trưởng phụ mẫu sư hữu. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tuân theo tu hành chuyên cần, cung kính phục vụ Tôn trưởng Cha mẹ Thầy bạn hữu. Đó là Tinh tiến.

所以禪思開化眾生。猶如往古拘修摩王有太子多所救濟。

Sở dĩ Thiền tư khai hóa chúng sinh. Do như往昔 cổ Câu-tu-ma Vương hữu Thái-tử đa sở cứu tế.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ khai hóa chúng sinh. Giống như xưa Vua Câu Tu Ma có Thái Tử cứu giúp được nhiều.

往來周旋奉行至法。本性清淨未曾抱害。是曰一心。

Vãng lai chu toàn phụng hành chí Pháp. Bản tính Thanh tịnh vị tăng bảo hại. Thị viết Nhất-tâm.

Vật lộn tới nay cung kính thực hành được Pháp. Tính vốn dĩ Thanh tịnh chưa từng ô nhiễm làm hại. Đó là Nhất tâm.

以出家學求智度無極精進聖明。是曰智慧。是為六。

Dĩ Xuất-gia học cầu Trí độ vô cực Tinh-tiến Thánh-minh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do xuất gia học cầu Trí tuệ Tinh tiến sáng suốt của Thánh Tối Niết Bàn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂眷屬親里度無極有六事？若以所救勸化導法。

Hà vị quyến thuộc thân lý Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ sở cứu khuyến hóa Đạo Pháp.

Thế nào gọi là quyến thuộc làng xóm thân thiết Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do được cứu giúp khuyến giáo hóa Đạo Pháp.

愛樂出家志存放捨。是曰布施。

Ái nhạo Xuất-gia chí tồn phóng xả. Thị viết Bố-thí.

Yêu ham thích Xuất gia ý chí còn buông bỏ. Đó là Bố thí.

其以謹慎奉順哀愍。所有子孫開示義理頒宣至教。是曰持戒。

Kỳ dĩ cẩn thận phụng thuận ai miễn. Sở hữu tử tôn khai thị nghĩa lý ban tuyên chí giáo. Thị viết Trì-giới.

Nếu do cẩn thận cung kính thuận theo thương xót. Nếu có con cháu khai sáng nghĩa lý nói đọc được giáo lý. Đó là giữ Giới.

其行仁和所至惱熱。教訓開導不可計眾如是無厭。是曰忍辱。

Kỳ hành nhân hòa sở chí nảo nhiệt. Giáo huấn khai Đạo bất khả kể chúng, như thị vô yếm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành nhân hòa bị Phiền não lớn. Dạy bảo khai sáng hướng dẫn không thể tính đếm chúng sinh, như thế không chán nản. Đó là Nhân nhục.

其勤修行志存聽法。見不達者而為敷演各令心解。是曰精進。

Kỳ cần tu hành chí tôn thính Pháp. Kiến bất đạt giả nhi vi phu diễn các linh tâm giải. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tu hành chuyên cần chí còn lại nghe Pháp. Nhìn thấy không thông tỏ mà vì phô diễn, họ giúp cho tâm hiểu. Đó là Tinh tiến.

所以禪思助合眾生示之罪福化不使亂。猶如往古善目轉輪聖王。是曰一心。

Sở dĩ Thiền tư trợ hợp chúng sinh thị chi tội Phúc hóa bất sử loạn. Do như vãng cổ Thiên-mục Chuyển-luân Thánh Vương. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ trợ giúp hòa hợp với chúng sinh, hiện ra tội Phúc giáo hóa không làm cho nao loạn. Giống như xa xưa Thiên Mục Chuyển-luân Thánh Vương. Đó là Nhất tâm.

將護聖明二俱同黨。若能自制不犯貪欲。

Tương hộ Thánh-minh nhị câu đồng đảng. Nhược năng tự chế bất phạm tham dục.

Đang giữ gìn sáng suốt của Thánh hai đều cùng một nhóm. Nếu có thể tự điều khiển không vi phạm tham dục.

而以救護頒宣說法建立眾人。是曰智慧。是為六。

Nhi dĩ cứu hộ ban tuyên thuyết Pháp kiến lập chúng nhân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Mà do cứu hộ đọc nói Pháp thiết lập mọi người. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂心無所亡度無極有六事？自能伏心不隨邪見。

Hà vị tâm vô sở vong Độ vô cực hữu Lục-sự ? Tự năng phục tâm bất tùy Tà-kiến.

Thế nào gọi là tâm không có mất Tới Niết Bàn có 6 việc ? Tự có thể thuần phục tâm, không đi theo nhìn thấy sai trái.

出于慚難不隨貪厄。是曰布施報。

Xuất vu tiệm nạn bất tùy tham ách. Thị viết Bô-thí báo.

Ra khỏi hào sâu ách nạn, không theo tai ách tham lam. Đó là báo ừng của Bô thí.

所可遵行眾禁具足。不斷三寶興隆道教化眾不逮。是曰禁戒報。

Sở khả tuân hành chúng cấm cụ túc. Bất đoạn Tam Bảo hưng long đạo giáo hóa chúng bất đãi.

Thị viết Cấm-giới báo.

Nếu có thể tuân theo thực hành các Giới cấm đầy đủ. Không cắt bỏ Phật Pháp Tăng hưng vượng Đạo giáo. giáo hóa chúng sinh không bắt lấy. Đó là báo ứng của Giới cấm.

所云仁和安柔心行。身雖遭苦由博聞故能忍眾患。

Sở vân nhân hòa an nhu tâm hành. Thân tuy tao khổ do bác văn cố năng nhẫn chúng hoạn.

Nếu nhân hòa như thế, tâm yên ổn mềm dẻo thực hành. Thân tuy gặp khổ do cố nghe rộng khắp, có thể Nhẫn nhịn các hoạn nạn.

猶如須賴人來加毒其心不恨。是曰忍辱報。

Do như tu lại nhân lai gia độc kỳ tâm bất hận. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Giống như cần nhờ cậy người tới tăng thêm độc hại, tâm họ không thù hận. Đó là báo ứng của Nhân nhục.

若以勤修行自伏其心。超出懈中將護他人。

Nhược dĩ cần tu hành tự phục kỳ tâm. Siêu xuất懈中將護他人.

Nếu do tu chuyên cần tu hành tự thuần phục tâm họ. Vượt ra khỏi lười nhác ở giữa sẽ bảo vệ người khác.

使不危厄長致安穩。是曰精進報。

Sử bất nguy ách trường trí an ổn. Thị viết Tinh-tiến báo.

Làm cho không còn nguy ách tăng thêm đem tới yên ổn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其以禪思棄捨放恣。奉不貪欲不恨寂定。是曰一心報。

Kỳ dĩ Thiền tư khí xả phóng tứ. Phụng bất tham dục bất Tịch-định. Thị viết Nhất-tâm báo.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ vứt bỏ phóng túng. Cung kính không tham dục không Định Vắng vẻ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其以聖明宿止威儀禮節之法。心所依猗供養諸利。

Kỳ dĩ Thánh-minh tú chỉ uy nghi lễ tiết chi Pháp. Tâm sở y y cúng dường chư lợi.

Nếu do sáng suốt của Thánh Kiếp trước dừng lại uy nghi lễ tiết của Pháp. Tâm có được dựa vào ý lại cúng dường các lợi.

加以法施度眾盲冥。是曰智慧報。是為六也。

Gia dĩ Pháp-thí độ chúng manh minh. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị viết lục dã.

Tăng thêm dùng Pháp Bồ thí cứu độ các mù lòa. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó cũng là sáu.

三十二相品第十一

Tam thập nhị Tướng phẩm đệ thập nhất.

Phẩm thứ 11 Ba mươi hai Tướng.

佛告喜王菩薩！何謂諦住安平止度無極有六事？

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát！Hà vị để trụ an bình chí Độ vô cực hữu Lục-sự？

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát！Thế nào gọi là Chân thực ở trong yên ổn Bình đẳng dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc？

遍從平地舉足前行追慕三昧。是曰布施報。

Biển tòng bình địa cử túc tiền hành truy mộ Tam-muội. Thị viết Bồ-thí báo.

Biển ra theo đất bằng phẳng nâng bước chân tới phía trước đuổi theo quyền luyện Tam Muội. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若建立安勸化眾人。不更惱害終始無患。是曰持戒報。

Nhược kiến lập an khuyến hóa chúng nhân. Bất cánh nảo hại chung thủy vô hoạn. Thị viết Trì-giới báo.

Nếu thiết lập yên ổn khuyến giáo hóa mọi người. Không tăng thêm nảo hại cuối cùng không có hoạn nạn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

一切眾人不能動搖。心不起恨意和顏悅色。是曰忍辱報。

Nhất thiết chúng nhân bất năng động dao. Tâm bất khởi hận ý hòa nhan duyệt sắc. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Tất cả mọi người không thể dao động. Tâm không khởi sinh thù hận ý hòa nhã nhan sắc vui vẻ. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

所立其意奉開士法。不以有勞徑前不退。是曰精進報。

Sở lập kỳ ý phụng Khai-sĩ Pháp. Bất dĩ hữu lao kính tiền bất thoái. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu lập dụng ý đó, cung kính Pháp của Bồ Tát. Không vì có lao khổ trực tiếp ở phía trước không thoái lui. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

顯發慕樂無上正真。令眾生安敷演禪思。是曰一心報。

Hiển phát mộ nhạo Vô-thượng chính chân. Linh chúng sinh an phu diễn Thiền tư. Thị viết Nhất-tâm báo.

Hiện ra rõ phát khởi quyền luyến ham thích Bình Đẳng Chân Chính. Giúp cho chúng sinh yên ổn phô diễn Tĩnh lặng suy nghĩ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

說其報應所生之處。常見諸佛諮受大道。是曰智慧報。是為六。

Thuyết kỳ báo ứng sở sinh chi xứ. Thường kiến chư Phật tư thụ Đại-đạo. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nói báo ứng đó được nơi sinh. Thường nhìn thấy các Phật thăm hỏi nhận lấy Đạo lớn. Đó là Báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂來千輪度無極有六事？若以致來眾物所有。

Hà vị lai thiên luân Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược dĩ trí lai chúng vật sở hữu.

Thế nào gọi là nghìn lần đến Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu do đem tới có được các vật.

若干種輪持用布施致千福輻相報。是曰布施報。

Nhược can chủng luân trì dụng Bố-thí trí thiên Phúc phúc Tướng báo. Thị viết Bố-thí báo.

Giữ rất nhiều loại bánh xe luân, vì Bồ thí đem tới nghìn Phúc, báo ứng hình tướng bánh xe. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若以各各奇異殊特好妙顏色。身在其中無所破壞。是曰持戒報。

Nhược dĩ các các kì dị thù đặc hảo diệu nhan sắc. Thân tại kỳ trung vô sở phá hoại. Thị viết Trì-giới báo.

Nếu do các loại đặc biệt khác nhau nhan sắc tốt đẹp vi diệu. Thân ở trong đó không có phá hoại. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若生異品若干種香。心不以著無增減意。是曰忍辱報。

Nhược sinh dị phẩm nhược can chủng hương. Tâm bất dĩ trước vô tăng giảm ý. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Nếu sinh phẩm bậc khác rất nhiều loại hương. Tâm không bị nương nhờ, ý không tăng giảm. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其勤修者堅持其志。猶有術師執持太屏。

Kỳ cần tu giả kiên trì kỳ chí. Do hữu thuật sư chấp trì thái bình.

Nếu tu hành chuyên cần kiên trì ý đó. Như có nhà ảo thuật cầm giữ cái bình phong.

若因浮筏徑浮渡江及安眷屬。是曰精進報。

Nhược nhân phù phiệt kính phù độ giang cập an quyến thuộc. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu nhân do bè nổi trực tiếp nổi vượt qua sông cùng với quyến thuộc yên ổn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若演光明普耀遠近。通於十方由得自在。是曰一心報。

Nhược diễn Quang-minh phổ diệu viễn cận. Thông ư thập phương do đắc Tự-tại. Thị viết Nhất-tâm báo.

Nếu biến ra Quang sáng, sáng chói khắp cả xa gần. Thông suốt tới 10 phương do được tự do Tự tại. Đó là báo ứng Nhất tâm.

若振大光一切蒙荷。悉得聖明眾冥消索。是曰智慧報。是為六。

Nhược chấn Đại-quang nhất thiết mông hà. Tất đắc Thánh-minh chúng minh tiêu sách. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu Quang lớn chấn động, được đảm nhận tất cả. Biết được sáng suốt của Thánh các u tối tiêu tan hết. Đó là báo ững của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂肌軟細度無極有六事？若書文字斯非恬怕。

Hà vị cơ nhuyễn tế độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược thư văn tự tư phi điềm phạ.

Thế nào gọi là gân cơ nhỏ mềm Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu viết văn tự họ lo sợ không còn yên tĩnh.

以用開化一切眾生示以罪福。是曰布施報。

Dĩ dụng khai hóa nhất thiết chúng sinh thị dĩ tội Phúc. Thị viết Bồ-thí báo.

Do vì khai hóa tất cả chúng sinh hiện ra với tội Phúc. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其依言教奉仰真正。不為虛偽而懷來義。是曰持戒報。

Kỳ y ngôn giáo phụng ngưỡng chân chính. Bất vi hư ngụy nhi hoài lai nghĩa. Thị viết Trì-giới báo.

Nếu dựa vào lời dạy bảo, cung kính ngưỡng mộ Chân Chính. Không làm lừa dối mà nhớ tới nghĩa. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其以具足眾德之本。來妙神明心不起滅。是曰忍辱報。

Kỳ dĩ cụ túc chúng Đức chi bản. Lai diệu Thần-minh tâm bất khởi diệt. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Nếu do đầy đủ các Đức vốn có. Thần minh vi diệu tới tâm không sinh mất. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若諦超越眾惡之瑕。致眾開士來相化導。是曰精進報。

Nhược đế siêu việt chúng ô chi hà. Trí chúng Khai-sĩ lai tương hóa đạo. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu Chân thực vượt qua các dấu vết ô uế. Dem đến các Bồ Tát cùng nhau tới giáo hóa hướng dẫn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若無恚恨獲致功勳。和顏悅色踊躍存法心無所著。是曰一心報。

Nhược vô khủ hận hoạch trí công huân. Hòa nhan duyệt sắc dũng dục tôn Pháp tâm vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm báo.

Nếu không có thù hận thu hoạch đem tới công trạng. Nhan sắc vui vẻ hài hòa dững mãi, Pháp còn lại tại tâm không có nương nhờ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

在於生死所生安和化眾愚冥。是曰智慧報。是為六。

Tại u sinh tử sở sinh an hoà hóa chúng ngu minh. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Ở trong sinh chết nếu sinh yên ổn hòa hợp, giáo hóa các ngu tối. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂足下平度無極有六事？

Hà vị túc hạ bình Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là dưới chân bằng phẳng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若足下平所至無難。足下所蹈蟲蛾永安。是曰布施報。

Nhược túc hạ bình sở chí vô nan. Túc hạ sở đạo trùng nga vĩnh an. Thị viết Bồ-thí báo.

Nếu dưới chân bằng phẳng tới được không khó. Dưới chân nếu đạp lên côn trùng bướm vĩnh viễn yên ổn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其舉足時心無瘡病。行不犯法其心仁和。是曰持戒報。

Kỳ cử túc thời tâm vô sang bệnh. Hành bất phạm Pháp kỳ tâm nhân hòa. Thị viết Trì-giới báo.

Nếu khi nhấc chân lên tâm không có bệnh đau thương. Thực hành không phạm Pháp tâm họ nhân hòa. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若舉足時庠序安穩。性不卒慌亦不惶慄。是曰精進報。

Nhược cử túc thời trường tự an ổn. Tính bất tốt hoảng diệc bất hoảng cứ. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu khi nhấc chân lên an lành yên ổn. Tính không hoảng loạn cũng không sợ hãi. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其舉足時福致弘曠。猶如虛空用救眾生。是曰一心報。

Kỳ cử túc thời Phúc trí hoảng khoáng. Do như hư không dụng cứu chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm báo.

Lúc nhấc chân lên Phúc đem tới thoáng rộng lớn. Giống như khoảng không vì cứu giúp chúng sinh. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其足底滿功福熾盛而無邊際。是曰智慧報。是為六。

Kỳ túc để mãn Công-Phúc sí thịnh nhi vô biên tế. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu dưới bàn chân đầy đặn Công Phúc sáng mạnh mà không có giới hạn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂長指度無極報有六事。其指長好宿德所致無有曲穢。

Hà vị trường chỉ độ vô cực báo hữu Lục-sự？ Kỳ chỉ trường hảo túc Đức sở trí vô hữu khúc ứ.

Thế nào gọi là ngón tay dài Tới Niết Bàn có 6 việc？ Nếu ngón tay dài đẹp được Đức Kiếp trước đem tới không có cong queo ô ứ.

是皆所施報應之功德。是曰布施報。

Thị giai sở thí báo ứng chi Công-đức. Thị viết Bồ-thí báo.

Đều do công Đức báo ứng của Bồ thí. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其指纖好漸稍相應而不邪亂。宿命行安。是曰持戒報。

Kỳ chỉ tiêm hảo tiêm sảo tương ứng nhi bất tà loạn. Túc mệnh hạnh an. Thị viết Trì-giới báo.
Nếu ngón tay thon đẹp dần dần tương ứng mà không có lệch loạn. Hạnh Kiếp trước yên ổn. Đó là báo ứng của giữ Giới..

應是功德指長順調晃妙柔軟。是曰忍辱報。

Ứng thị Công-đức chỉ trường thuận điều hoảng diệu nhu nhuyễn. Thị viết Nhẫn-nhục báo.
Thuận theo công Đức đó, ngón tay dài thuận hòa sáng vi diệu mềm mại. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

德行相應指長微妙。漸稍細滑無麤文理。是皆精進報。

Đức hạnh tương ứng chỉ trường vi diệu. Tiêm sảo tế hoạt vô thô văn lý. Thị giai Tinh-tiến báo.
Đức hạnh tương ứng ngón tay dài vi diệu. Nhỏ dần sống động hoa văn không thô. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

指長吉祥，見者悅然無不吉利。此者皆是一心之報。

Chỉ trường cát tường. Kiến giả duyệt nhiên vô bất cát lợi. Thử giả giai thị Nhất tâm chi báo.
Ngón dài an lành, Nhìn thấy vui vẻ tất cả đều cát lợi. Điều này đều là báo ứng của Nhất tâm.
其指光澤，隨次和順正齊不亂。是智慧報。是為六。

Kỳ chỉ quang trạch, tùy thứ hòa thuận chính tề bất loạn. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu ngón sáng sạch tùy theo hòa thuận chỉnh tề không loạn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂手足縵中度無極有六事？手足滿平而縵中者。

Hà vị thủ túc mãn trung Độ vô cực hữu Lục-sự ? Thủ túc mãn bình nhi man trung giả.

Thế nào gọi là chân tay như lụa trơn tốt Tới Niết Bàn có 6 việc ? Chân tay đủ đầy ngang bằng mà như lụa trơn tốt.

前世之時若有所施滿足與之。是布施報。

Tiền thế chi thời nhược hữu sở thí mãn túc dữ chi. Thị Bồ-thí báo.

Thời Kiếp trước nếu có được Bồ thí ban cho đầy đủ. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其指平正建立安穩。無有不正視之心悅。是持戒報。

Kỳ chỉ bình chính kiến lập an ổn. Vô hữu bất chính thị chi tâm duyệt. Thị Trì-giới báo.

Nếu ngón tay bằng ngay ngắn thiết lập yên ổn. Tất cả đều ngay ngắn, nhìn thấy tâm vui vẻ. Đó là báo ứng của giữ Giới.

手足無瑕清淨極殊本行仁和。是忍辱報。

Thủ túc vô hà Thanh tịnh cực xu bản hành nhân hòa. Thị Nhẫn-nhục báo.

Chân tay không có dấu vết rất đẹp Thanh tịnh vốn có hành nhân hòa. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

佛者手足紫金色者不受塵土。往昔勤修不以懈怠。是精進報。

Phật giả thủ túc tử kim sắc giả bất thụ Trần-thổ. Vãng tích cần tu bất dĩ giải đãi. Thị Tinh-tiến báo.

Chân tay của Phật giả sắc vàng tía giả không nhận Đất của Trần. Xa xưa tu hành chuyên cần không lấy làm mệt mỏi. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

手足柔軟而無麤惡光澤甚好。是一心報。

Thủ túc nhu nhuyễn nhi vô thô ác quang trạch thậm hảo. Thị Nhất-tâm báo.

Chân tay mềm dẻo mà không thô ác, quang sáng rất đẹp. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其手足鮮赫赫明好。與眾超異見莫不歡喜。是智慧報。是為六。

Kỳ thủ túc tiên hách hách minh hảo. Dữ chúng siêu dị kiến mạc bất hoan hi. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu chân tay sạch mát đẹp sáng rực rỡ. Vượt khác hơn người, nhìn thấy đều vui mừng. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂膝平度無極有六事？其膝興正因稍轉上普具有異。

Hà vị tất bình Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kỳ tất hưng chính nhân sảo chuyển thượng phổ cụ hữu dị.

Thế nào gọi là đầu gối bằng phẳng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu đầu gối hưng phát ngay ngắn nhân do dần chuyển lên đủ khắp cả có khác lạ.

德行殊絕見莫不敬。是布施報。

Đức hạnh thù tuyệt kiến mạc bất kính. Thị Bồ-thí báo.

Đức hạnh đặc biệt nhìn thấy đều kính trọng. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其膝安和不相切摩。是持戒報。

Kỳ tất an hoà bất tương thiết ma. Thị Trì-giới báo.

Nếu đầu gối yên ổn hòa hợp không cùng mài cắt. Đó là báo ứng của giữ Giới.

手足傭好而不進退咸宜有常。是忍辱報。

Thủ túc dung hảo nhi bất tiến thoái hàm nghi hữu thường. Thị Nhẫn-nhục báo.

Tay chân giúp việc tốt mà không tiến lui thích nghi tất cả có bình thường. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

宜則仁慈行步舉足。安和庠序亦不卒暴。是精進報。

Nghi tắc nhân từ hành bộ cử túc. An hoà trường tự diệc bất tốt bạo. Thị Tinh-tiến báo.

Thích nghi chắc là nhân Từ nhắc chân đi bộ. Yên hòa an lành cũng không mạnh bạo. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

蓋修平正亦無偏邪常行寂然。是曰一心報。

Cái tu bình chính diệc vô thiên tà thường hành tịch-nhiên. Thị viết Nhất-tâm báo.

Dài ngang bằng ngay ngắn cũng không thiên lệch thường thực hành Vắng vẻ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

覩者悉歡光像分明。是智慧報。是為六。

Đồ giả tất hoan quang tượng phân minh. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nhìn thấy đều vui mừng, cảnh tượng quang sáng rõ ràng. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂寂藏度無極有六事？

Hà vị tịch tàng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là im lặng ẩn nấu Tới Niết Bàn có 6 việc ?

其寂藏安和光色赫耀而不現體。是布施報。

Kỳ tịch tàng an hoà quang sắc hách diệu nhi bất hiện thể. Thị Bồ-thí báo.

Nếu im lặng ẩn nấu yên ổn, sắc quang hòa nhã sáng lòa mà không hiện ra hình thể. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其寂以清潤澤一切皆使蒙荷。是持戒報。

Kỳ tịch dĩ thanh nhuận trạch nhất thiết giai sử mông hà. Thị Trì-giới báo.

Nếu vắng vẻ do sạch trơn bóng tất cả đều làm cho được đảm nhiệm. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其毛右旋，各各齊正而不邪行。是忍辱報。

Kỳ mao hữu toàn, các các tề chính nhi bất tà hành. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu lông xoay sang bên phải, từng loại chính tề mà làm không sai lệch. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其德巍巍在所至到化變度人。是精進報。

Kỳ Đức nguy nguy tại sở chí đáo hóa biến độ nhân. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu Đức uy nghi ở nơi được tới biến hóa độ thoát người. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其演光明無所不照多所安穩。是一心報。

Kỳ diễn Quang-minh vô sở bất chiếu đa sở an ổn. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu biến ra Quang sáng chiếu soi tất cả được nhiều yên ổn. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

使他人見瑞應懷來無上聖明。是智慧報。是為六。

Sử tha nhân kiến thụy ung hoài lai Vô-thượng Thánh-minh. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Sai khiến người khác nhìn thấy điềm báo, nhớ tới Bình Đẳng sáng suốt của Thánh. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂躋深度無極有六事？

Hà vị tề thâm Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là rón sâu Tới Niết Bàn có 6 việc？

其行日進稍至玄深乃志大道。是布施報。

Kỳ hành nhật tiến sảo chí huyền thâm nãi chí Đại-đạo. Thị Bồ-thí báo

Nếu thực hiện ngày càng tăng tiến, dần được thâm sâu huyền diệu thậm chí Đạo lớn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其威神德淡然無畏心不懷難。是持戒報。

Kỳ Uy-thần Đức đạm nhiên vô úy tâm bất hoài nạn. Thị Trì-giới báo.

Nếu Uy Thần Đức thanh bạch không sợ hãi, tâm không nhớ hoạn nạn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其奉柔潤深至平和。是忍辱報。

Kỳ phụng nhu nhuận thâm chí bình hòa. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu cung kính mềm mịn thâm sâu được bình thản hòa hợp. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其行具足不以恐怖。是精進報。

Kỳ hạnh cụ túc bất dĩ khủng bố. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu thực hành đầy đủ không bị sợ hãi. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

亦如好華柔軟和安。精專不迷。是一心報。

Diệc như hảo hoa nhu nhuyễn hòa an. Tinh chuyên bất mê. Thị Nhất-tâm báo.

Cũng như hoa đẹp mềm mại yên ổn hài hòa. Tinh luyện chuyên nhất không mê muội. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其臍無毀長益一切行不損減。是智慧報。是為六。

Kỳ tề vô hủy trưởng ích nhất thiết hành bất tổn giảm. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu rốn không bị hỏng lợi ích tăng thêm, tất cả thực hành không có giảm tổn hại. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂毛一一生度無極有六事？

Hà vị mao nhất nhất sinh Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là lông sinh từng cái Tới Niết Bàn có 6 việc？

其毛上向右旋清正順理獨立。是布施報。

Kỳ mao thượng hướng hữu toàn thanh chính thuận lý độc lập. Thị Bồ-thí báo.

Nếu lông hướng lên trên quay sang bên phải sạch ngay ngắn lý thuận độc lập. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其髮紺色光光明好見無不喜。是持戒報。

Kỳ phát紺 sắc quang Quang-minh hảo kiến vô bất hỷ. Thị Trì-giới báo.

Nếu tóc sắc sáng tía, Quang sáng tốt đẹp, nhìn thấy đều vui mừng. Đó là báo ứng của giữ Giới.

毛柔軟細滑澤晃然。是忍辱報。

Mao nhu nhuyễn tế hoạt trạch hoảng nhiên. Thị Nhẫn-nhục báo.

Lông mềm mại nhỏ trơn bóng sáng loáng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其色潤澤不受垢塵。是精進報。

Kỳ sắc nhuận trạch bất thụ cấu trần. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu sắc trơn bóng không nhận cấu trần. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

毛色柔好各各右旋。是一心報。

Mao sắc nhu hảo các các hữu toàn. Thị Nhất-tâm báo.

Sắc của lông mềm đẹp từng cái xoay sang phải. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

各各待立而不卒暴。不相切摩各各齊正。是智慧報。是為六。

Các các đãi lập nhi bất tốt bạo. Bất tương thiết ma các các tề chính. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Từng cái đứng trợ giúp mà không mạnh bạo. Không cùng nhau mài cắt từng cái chính tề. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂紫金色度無極有六事？

Hà vị tử kim sắc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là sắc vàng tía Tới Niết Bàn có 6 việc？

其色如火中金。是布施報。

Kỳ sắc như hỏa trung kim. Thị Bồ-thí báo.

Nếu sắc như vàng trong lửa. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其柔潤色不為麤獷。是持戒報。

Kỳ nhu nhuận sắc bất vi thô quảng. Thị Trì-giới báo.

Nếu sắc mềm nhuận không bị thô hung dữ. Đó là báo ứng của giữ Giới.

清淨無瑕色踰日月。是忍辱報。

Thanh tịnh vô hà sắc du Nhật Nguyệt. Thị Nhẫn-nhục báo.

Thanh tịnh không có dấu vết sắc vượt qua ánh mặt Trời mặt Trăng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其光晃昱照於遠近。是精進報。

Kỳ quang hoảng dục chiếu ư viễn cận. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu quang sáng chói chiếu tới xa gần. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其無垢塵以為清明。是一心報。

Kỳ vô cấu trần dĩ vi thanh minh. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu không có cấu bần do vì sáng sạch. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其光柔妙色和耀好。是智慧報。是為六。

Kỳ quang nhu diệu sắc hòa diệu hảo. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu quang mềm vi diệu sắc hòa nhã sáng lòa tốt đẹp. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂師子胸臆度無極有六事？

Hà vị Sư Tử hung ức Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là tâm sự của Sư Tử Tới Niết Bàn có 6 việc？

其身漸滿而不缺減。是布施報。

Kỳ thân tiệm mãn nhi bất khuyết giảm. Thị Bố-thí báo.

Nếu thân đầy đủ dần mà không giảm thiểu. Đó là báo ứng của Bố thí.

身盛妙好有巍巍德。是持戒報。

Thân thịnh diệu hảo hữu nguy nguy Đức. Thị Trì-giới báo.

Thân mạnh tốt đẹp vi diệu có Đức uy nghi. Đó là báo ứng của giữ Giới.

身以堅強無能犯者。是曰忍辱報。

Thân dĩ kiên cường vô năng phạm giả. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Thân do kiên cường không thể vi phạm. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

眾所觀仰視無厭足。是精進報。

Chúng sở quan ngưỡng thị vô yếm túc. Thị Tinh-tiến báo.

Chúng nếu quan sát ngưỡng mộ nhìn thấy không chán. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其身弘廣猶如難逮。是曰一心報。

Kỳ thân hoảng quảng do như nan đãi. Thị viết Nhất-tâm báo.

Nếu thân to rộng giống như khó bắt lấy. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

身無能壞堅如金剛。是曰智慧報。是為六。

Thân vô năng hoại kiên như Kim cương. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Thân không thể hủy hoại kiên cố như Kim cương. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂常善次度無極有六事？

Hà vị thường thiện thứ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thường thiện kế tiếp nhau Tới Niết Bàn có 6 việc？

其身所行具足充滿。是曰布施報。

Kỳ thân sở hạnh cụ túc sung mãn. Thị viết Bồ-thí báo.

Thân họ nếu thực hành đầy đủ thỏa mãn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

尊不可逮吉祥以滿。是曰持戒報。

Tôn bất khả đãi cát tường dĩ mãn. Thị viết Trì-giới báo.

Tôn trọng không thể bắt lấy yên lành do thỏa mãn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

端政絕好有見樂喜。是忍辱報。

Doan chính tuyệt hảo hữu kiến lạc hỉ. Thị Nhẫn-nhục báo.

Doan chính tuyệt đẹp nếu nhìn thấy vui mừng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其行德業平等滿者。是曰精進報。

Kỳ hành Đức Nghiệp bình đẳng mãn giả. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu làm Nghiệp Đức Bình đẳng thỏa mãn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

計其相好色若雜珍師工作好畫。是曰一心報。

Kế kỳ Tướng-Hảo sắc nhược tạp trần sư công tác hảo họa. Thị viết Nhất-tâm báo.

Tính kế Tướng Hảo đó, sắc nếu nhiều quý báu, người làm vẽ tốt bức họa. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

柔潤光明清淨無瑕。是曰智慧報。是為六。

Nhu nhuận Quang-minh Thanh tịnh vô hà. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Quang sáng mềm nhuận Thanh tịnh không có dấu vết. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂長臂報度無極有六事？

Hà vị trường tý báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là báo ứng tay dài Tới Niết Bàn có 6 việc？

其身香勳而無斷絕普聞一切。是曰布施報。

Kỳ thân hương huân nhi vô đoạn tuyệt phổ văn nhất thiết. Thị viết Bồ-thí báo.

Nếu công trạng của thân được hoan nghênh mà không cắt bỏ nghe khắp tất cả. Đó là báo ứng của Bồ thí.

真住正安而不可動。是持戒報。

Chân trụ chính an nhi bất khả động. Thị Trì-giới báo.

Yên ở trong Chán chính mà không có thể động. Đó là báo ứng của giữ Giới.

和順庠序堅固不起其心和調。是忍辱報。

Hòa thuận tường tự kiên cố bất khởi kỳ tâm hòa điều. Thị Nhẫn-nhục báo.

Hòa thuận yên lành kiên cố không phát khởi, tâm họ điều hòa. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若以自致其臂長殊與眾超異。是精進報。

Nhược dĩ tự trí kỳ tý trường xu dĩ chúng siêu dị. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu do tự đem tới tay họ dài xinh đẹp khác lạ vượt hơn với người. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

行步庠序臂長出膝天人所奉。是一心報。

Hành bộ tường tự tý trường xuất tất Thiên-nhân sở phụng. Thị Nhất-tâm báo.

Đi bộ yên lành tay dài quá đầu gối được người Trời cung kính. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

現身柔潤光明赫赫照於一切。是智慧報。是為六。

Hiện thân nhu nhuận Quang-minh hách hách chiếu ư nhất thiết. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Hiện ra thân mềm nhuận Quang sáng chói ngời chiếu soi tất cả. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂傭髀度無極有六事？

Hà vị dung bề Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là bắp đùi phụ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以身髀傭順雅好心慈志和。是布施報。

Nhược dĩ thân bề dung thuận nhã hảo tâm Từ chí hòa. Thị Bồ-thí báo.

Nếu do bắp đùi của thân, người làm thuê thuận theo hòa nhã tốt đẹp, tâm Từ ý hòa hợp. Đó là báo ứng của Bồ thí.

獨立坦然無能牽掣常得自在。是持戒報。

Độc lập thản nhiên vô năng khiên xé thường đắc Tự-tại. Thị Trì-giới báo.

Độc lập thản nhiên không thể bó buộc, thường được tự do Tự tại. Đó là báo ứng của giữ Giới.

善能分別處所至安而無禍難。是忍辱報。

Thiện năng phân biệt xứ sở chí an nhi vô họa nạn. Thị Nhẫn-nhục báo.

Thiện năng phân biệt nơi ở được yên ổn mà không có họa tai nạn. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

以身齊正肢體漸傭。是精進報。

Dĩ thân tề chính chi thể tiệm dung. Thị Tinh-tiến báo.

Do thân chỉnh tề chi của cơ thể dần thuê mượn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

威光巍巍無見頂相。是一心報。

Uy quang nguy nguy vô kiến Đỉnh-tướng. Thị Nhất-tâm báo.

Uy quang cao lớn không nhìn thấy Tướng đỉnh đầu. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

一切眾生目所觀仰莫不愛敬。是智慧報。是為六。

Nhất thiết chúng sinh mục sở quan ngưỡng mạc bất ái kính. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Mắt của tất cả chúng sinh nếu quan sát ngưỡng mộ đều yêu kính. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂腦合充滿度無極有六事？

Hà vị não hợp sung mãn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là bộ não hòa hợp thỏa mãn Tới Niết Bàn có 6 việc？

以漸覺滿功德成就。是布施報。

Dĩ tiệm giác mãn Công-đức thành tựu. Thị Bồ-thí báo.

Do dần cảm thấy thỏa mãn công Đức thành công. Đó là báo ứng của Bồ thí.

心諦堅住常懷和安。是持戒報。

Tâm đế kiên trụ thường hoài hòa an. Thị Trì-giới báo.

Tâm chân thực kiên cố ở lại, thường nhớ yên ổn hòa hợp. Đó là báo ứng của giữ Giới.

淨如明珠而自焰者。是忍辱報。

Tịnh như minh châu nhi tự diệm giả. Thị Nhẫn-nhục báo.

Sạch như châu sáng mà tự rực sáng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若以平等而興治行無有懈廢。是精進報。

Nhược dĩ Bình-đẳng nhi hưng trị hành vô hữu giải phế. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu do Bình-đẳng mà hưng khởi thực hiện chữa trị, không có một phá bỏ. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

身口柔和其心安隱。是一心報。

Thân khẩu nhu hòa kỳ tâm an ổn. Thị Nhất-tâm báo.

Thân Miệng nhu hòa tâm họ yên ổn ẩn núp. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

和潤無數毀莫能壞者。是智慧報。是為六。

Hòa nhuận vô số hủy mạc năng hoại giả. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Hòa nhã tươi vui không luôn phá hủy không thể tan hoại. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂鉤鎖度無極有六事？

Hà vị câu tỏa Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là xiềng xích Tới Niết Bàn có 6 việc？

見眾求者常和悅豫。是布施報。

Kiến chúng cầu giả thường hòa duyệt dự. Thị Bố-thí báo.

Nhìn thấy các yêu cầu, thường hòa vui vẻ. Đó là báo ứng của Bố thí.

漸以覺悅消眾不達。是持戒報。

Tiệm dĩ giác duyệt tiêu chúng bất đạt. Thị Trì-giới báo.

Dần do cảm thấy vui vẻ tiêu tan các việc không thông tỏ. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其德各各若干普同。善相依因道法成行。是忍辱報。

Kỳ Đức các các nhược can phổ đồng. Thiện tương y nhân Đạo Pháp thành hạnh. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu Đức các loại rất nhiều như nhau khắp cả. Hay cùng nhau dựa vào, nhân do Đạo Pháp thành hạnh. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若有所說咸共默然。悉和等受適見奉行。是精進報。

Nhược hữu sở thuyết hàm cộng mặc nhiên. Tất hòa đẳng thụ thích kiến phụng hành. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu nói có được tất cả đều cùng im lặng. Biết hòa hợp cùng với nhận thích thú nhìn thấy cung kính thi hành. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其光紺青煌煌照遠。是一心報。

Kỳ quang cảm thanh hoàng hoàng chiếu viễn. Thị Nhất-tâm báo.

Quang đỏ đỏ tím rực rỡ chiếu soi xa. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

若令世間一切眾生所縛眾厄自得解脫。見無厭足。

Nhược linh Thế-gian nhất thiết chúng sinh sở phục chúng ách tự đắc Giải-thoát. Kiến vô yếm túc.

Nếu giúp cho tất cả chúng sinh của Thế gian bị các ách nạn ràng buộc tự được Giải thoát. Nhìn thấy không chán.

是智慧報。是為六。何謂牙齒白淨度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị nha xỉ bạch Tịnh thổ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là răng trắng Đắt thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc ?

齒極白淨編合不疏。是布施報。

Xỉ cực bạch tịnh biên hợp bất sơ. Thị Bồ-thí báo.

Răng rất trắng sạch sắp xếp hòa hợp không có phân tán. Đó là báo ứng của Bồ thí.

柔潤白好而無點污。是持戒報。

Nhu nhuận bạch hảo nhi vô điểm ô. Thị Trì-giới báo.

Mềm bóng trắng đẹp mà không có điểm ô ố. Đó là báo ứng của giữ Giới.

以順次第猶白蓮華平等安穩。是忍辱報。

Dĩ thuận thứ đệ do bạch Liên hoa Bình-đẳng an ổn. Thị Nhẫn-nhục báo.

Do thuận theo thứ tự như hoa Sen trắng Bình đẳng yên ổn. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

齒堅白要而無雜黑。是精進報。

Xỉ kiên bạch yếu nhi vô tạp hắc. Thị Tinh-tiến báo.

Răng chắc chủ yếu màu trắng mà không có lẫn đen. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

所施建立弘安無危。是一心報。

Sở thí kiến lập hoàng an vô nguy. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu thiết lập Bồ thí yên ổn lớn không có nguy ách. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

身以潤澤柔軟光光。覩其明曜未曾厭足。

Thân dĩ nhuận trạch nhu nhuyễn quang quang. Đồ kỳ minh diệu vị tăng yếm túc.

Thân do sáng bóng mềm mại sáng loáng. Nhìn thấy sáng long lanh chưa từng biết chán.

是智慧報。是為六。何謂牙齒齊平度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị nha xỉ tề bình Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là răng chỉnh tề đều nhau Tới Niết Bàn có 6 việc ?

下齒齊平不以邪傾。是布施報。

Hạ xỉ tề bình bất dĩ tà khuynh. Thị Bồ-thí báo.

Hàm răng dưới chỉnh tề đều nhau không bị nghiêng lệch. Đó là báo ứng của Bồ thí.

上下柔澤悉以無麤。是持戒報。

Thượng hạ nhu trạch tất dĩ vô thô. Thị Trì-giới báo.

Hàm răng trên mềm bóng tất cả đều không thô. Đó là báo ứng của giữ Giới.

次第合綴間無所受。是忍辱報。

Thứ đệ hợp trí gian vô sở thụ. Thị Nhẫn-nhục báo.

Lần lượt hòa hợp xen kẽ khéo léo không có nhận. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其齒傭平亦無高下。是精進報。

Kỳ xỉ dung bình diệc vô cao hạ. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu răng phụ ngang nhau cũng không cao thấp. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

齒不毀損堅固強好。是一心報。

Xỉ bất hủy tổn kiên cố cường hảo. Thị Nhất-tâm báo.

Răng không hỏng tổn thương kiên cố mạnh tốt. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

下齒正上上齒正下。安穩牢固見莫不歡。

Hạ xỉ chính thượng thượng xỉ chính hạ. An ổn lao cố kiến mạc bất hoan.

Hàm răng dưới thẳng lên trên, hàm răng trên thẳng xuống dưới. Yên ổn kiên cố nhìn thấy đều vui thích.

是智慧報。是為六。何謂四十齒度無極報有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị tứ thập xỉ độ vô cực báo hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là 40 răng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

其四十齒具足而悉平正不減。是布施報。

Kỳ tứ thập xỉ cụ túc nhi tất bình chính bất giảm. Thị Bồ-thí báo.

Nếu đầy đủ 40 răng mà tất cả bằng nhau đoan chính không giảm. Đó là báo ứng của Bồ thí.

齒不邪傾正齊如水。是持戒報。

Xỉ bất tà khuynh chính tề như thủy. Thị Trì-giới báo.

Răng không nghiêng lệch chính tề như nước. Đó là báo ứng của giữ Giới.

齒妙殊特與眾不同。是忍辱報。

Xỉ diệu thù đặc dữ chúng bất đồng. Thị Nhẫn-nhục báo.

Răng đặc biệt vi diệu không giống như với người. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其齒通利間無所礙等定不疎。是精進報。

Kỳ xỉ thông lợi gian vô sở ngại đẳng định bất sơ. Thị Tinh-tiền báo.

Nếu răng thông lợi xen nhau không có trở ngại cùng với ổn định không phân tán. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

齒生吉祥見無不利。是一心報。

Xỉ sinh cát tường kiến vô bất lợi. Thị Nhất-tâm báo.

Răng sinh yên lành nhìn thấy đều ích lợi. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

齒甚堅固不可動搖可悅人意。是智慧報。是為六。

Xỉ thậm kiên cố bất khả động dao khả duyệt nhân ý. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Răng rất kiên cố không thể dao động có thể vui vẻ ý người. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂廣長舌報度無極有六事？

Hà vị quảng trường thiết báo Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là báo ứng lưỡi dài rộng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

為菩薩時耳聽經典擇說至言。是布施報。

Vi Bồ-tát thời nhĩ thính Kinh điển trạch thuyết chí ngôn. Thị Bồ-thí báo.

Khi là Bồ Tát tai nghe Kinh điển chọn nói được nói. Đó là báo ứng của Bồ thí.

去舌上垢乃傳佛語淨口宣義。是持戒報。

Khử thiết thượng cấu nãi truyền Phật ngữ tịnh khẩu tuyên nghĩa. Thị Trì-giới báo.

Vứt bỏ cấu bẩn trên lưỡi mới truyền lời nói của Phật, miệng Thanh tịnh nói đọc nghĩa. Đó là báo ứng của giữ Giới.

口說平均不為偏黨。是忍辱報。

Khẩu thuyết bình quân bất vị thiên đảng. Thị Nhân-nhục báo.

Miệng nói bình quân không bị thiên lệch. Đó là báo ứng của Nhân nhục.

舌極廣長色如蓮華光明赫赫。是精進報。

Thiệt cực quảng trường sắc như Liên hoa Quang-minh hách hách. Thị Tinh-tiến báo.

Lưỡi rất dài rộng, sắc như hoa Sen quang sáng chói lòa. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其相生妙各各別異。是一心報。

Kỳ tương sinh diệu các các biệt dị. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu hình tướng sinh vi diệu từng loại khác biệt. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

舌如百葉光色奇好晃昱遠耀。是智慧報。是為六。

Thiệt như bách diệp quang sắc kì hảo hoàng dục viễn diệu. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Lưỡi như trăm lá quang sắc đẹp kì lạ sáng chói, chiếu soi sáng tới xa. Đó là báo ứng của Trí tuệ.

Đó là sáu.

何謂梵聲報度無極有六事？行菩薩道頌宣經典。

Hà vị Phạn thanh báo Độ vô cực hữu Lục-sự ? Hành Bồ-tát Đạo ban tuyên Kinh điển.

Thế nào gọi là báo ứng âm thanh Phạn Tới Niết Bàn có 6 việc ? Hành Đạo Bồ Tát nói đọc Kinh điển.

高舉唱音令眾人聞了了無疑。是布施報。

Cao cử xướng âm linh chúng nhân văn liễu liễu vô nghi. Thị Bồ-thí báo.

Cao giọng xướng âm giúp cho mọi người nghe rõ hiểu rõ không nghi hoặc. Đó là báo ứng của Bồ thí.

音響可愛聞莫不喜。是持戒報。

Âm hưởng khả ái văn mạc bất hỉ. Thị Trì-giới báo.

Âm hưởng có thể yêu thích nghe đều vui mừng. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若干品音所宣各各。是忍辱報。

Nhược can phẩm âm sở tuyên các các. Thị Nhân-nhục báo.

Âm của rất nhiều phẩm bậc nếu đọc từng loại. Đó là báo ứng của Nhân nhục.

未曾有音和不可逮。是精進報。

Vị tăng hữu âm hòa bất khả đãi. Thị Tinh-tiến báo.

Chưa từng có âm hòa nhã không thể bắt lấy. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

音常和調言辭安穩而不斷絕。是一心報。

Âm thường hòa điều ngôn từ an ổn nhi bất đoạn tuyệt. Thị Nhất-tâm báo.

Âm thường điều hòa lời nói yên ổn mà không cắt bỏ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

一切音好哀合和雅動眾人心。是智慧報。是為六。

Nhất thiết âm hảo ai hợp hòa nhã động chúng nhân tâm. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Tất cả âm thanh tốt đẹp thương xót hợp cùng hòa nhã cảm động tâm mọi người. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

佛言：復次喜王！將順身心常使和安。是布施報。

Phật ngôn : Phục thứ Hi-vương ! Tương thuận thân tâm thường sử hòa an. Thị Bồ-thí báo.

Phật nói rằng : Lại nữa Hi Vương ! Thân tâm sẽ thuận theo thường làm cho yên ổn hòa hợp. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其以身行身口心定寂然安和。是持戒報。

Kỳ dĩ thân hành thân khẩu tâm định Tịch-nhiên an hoà. Thị Trì-giới báo.

Nếu do thân hành, thân miệng tâm yên định Vắng lặng yên ổn hòa hợp. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若以十善興發所生。志在天人使為道業。是忍辱報。

Nhược dĩ Thập thiện hưng phát sở sinh. Chí tại Thiên-nhân sử vị Đạo Nghiệp. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu do 10 Nghiệp thiện hưng phát được sinh. Ý chí ở tại người Trời khiến cho được Đạo Nghiệp. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

教告一切開化眾會無所犯負。是精進報。

Giáo cáo nhất thiết khai hóa chúng hội vô sở phạm phụ. Thị Tinh-tiến báo.

Dạy bảo tất cả khai hóa hội chúng không có gánh lấy vi phạm. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

悲和之音柔潤嚮哀告於眾生。是一心報。

Bi hòa chi âm nhu nhuận hướng ai cáo ư chúng sinh. Thị Nhất-tâm báo.

Âm Bi thương hòa dịu mềm thấm đậm hướng tới thương xót bảo các chúng sinh. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

音宣法化決眾狐疑莫不解悅。是智慧報。是為六。

Âm tuyên Pháp hóa quyết chúng hồ nghi mạc bất giải duyệt. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Âm đọc Pháp giáo hóa bỏ các nghi hoặc đều hiểu vui vẻ. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂味中上味度無極有六事？若以食膳一切所供。

Hà vị vị trung thượng vị Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ thực thiện nhất thiết sở cung.

Thế nào gọi là hương vị tối cao trong hương vị Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu dùng thức ăn thịnh soạn cung cấp cho tất cả.

其味殊特可眾人意。是曰布施報。

Kỳ vị thù đặc khả chúng nhân ý. Thị viết Bồ-thí báo.

Vị đó đặc biệt được ý mọi người. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其所惠與食者。得安快而無患。是曰持戒報。

Kỳ sở huệ dữ thực giả. Đắc an khoái nhi vô hoạn. Thị viết Trì-giới báo.

Nếu được ân huệ ban cho thức ăn. Được yên ổn vui sướng mà không có hoạn nạn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

受者和同與檀越心無諍訟意。是曰忍辱報。

Thụ giả hòa đồng dữ Đàn-việt tâm vô tranh tụng ý. Thị viết Nhẫn-nhục báo.

Người thụ nhận hòa đồng cùng với tâm của Tỳ Kheo không có ý tranh cãi. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

所施供具多少使平令身無疾。是曰精進報。

Sở thí cung cụ đa thiểu sử bình linh thân vô tật. Thị viết Tinh-tiến báo.

Nếu cung cấp cho đầy đủ, nhiều ít làm cho quân bình giúp cho thân không có gen gét. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

食膳極妙於口甘美而無穢臭。是曰一心報。

Thực thiện cực diệu ư khẩu cam mỹ nhi vô ố xú. Thị viết Nhất-tâm báo.

Thức ăn thịnh soạn rất vi diệu tới miệng ngọt ngon mà không ô ố. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

不熱不冷其味和適而好輕柔。是曰智慧報。是為六。

Bất nhiệt bất lạnh kỳ vị hòa thích nhi hảo khinh nhu. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Không nóng không lạnh vị đó hòa dịu thích thú mà tốt nhẹ mềm. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂師子頰車度無極有六事？

Hà vị Sư tử giáp xa Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là giáp xa của Sư Tử Tới Niết Bàn có 6 việc？

其背廣平師子形獨步三界。是布施報。

Kỳ bối quảng bình Sư tử hình độc bộ Tam-giới. Thị Bồ-thí báo.

Nếu lưng rộng bằng phẳng, hình của Sư Tử một mình đi bộ trong 3 Cõi giới. Đó là báo ứng của Bồ thí.

猶如蓮華光澤色妙。行如師子。是持戒報。

Do như Liên hoa quang trạch sắc diệu. Hành như Sư tử. Thị Trì-giới báo.

Giống như hoa Sen sáng bóng, sắc vi diệu. Đi như Sư Tử. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若如師子轉進而前無所畏難。是忍辱報。

Nhược như Sư tử chuyển tiến nhi tiền vô sở úy nan. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu như Sư Tử chuyển tiến mà phía trước không có khó khăn sợ hãi. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

所以顯現大神巍巍尊妙殊特。是精進報。

Sở dĩ hiển hiện đại Thần nguy nguy tôn diệu thù đặc. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu do hiện ra rõ đại Thần thông uy nghi tôn kính đặc biệt vi diệu. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其餘所宣歡悅一切眾生所敬。是一心報。

Kỳ dư sở tuyên hoan duyệt nhất thiết chúng sinh sở kính. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu đọc nói được dồi dư tất cả vui mừng chúng sinh kính trọng. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其目見者莫不自歸。面色喜悅覩德奉敬而無厭足。是智慧報。是為六。

Kỳ mục kiến giả mạc bất tự quy. Diện sắc hỉ duyệt đồ Đức phụng kính nhi vô yếm túc. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu mắt nhìn thấy đều tự trở về. Sắc mặt vui vẻ cung kính nhìn thấy Đức mà chưa thỏa mãn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂眼如牛如月懷來以度無極有六事報？

Hà vị nhãn như ngưu như nguyệt hoài lai dĩ độ vô cực hữu Lục-sự báo？

Thế nào gọi là mắt như mắt trâu như mặt Trăng đã nhớ đến Tới Niết Bàn có 6 việc？

其眼細妙引長而好。如月初生。是布施報。

Kỳ nhãn tế diệu dẫn trường nhi hảo. Như Nguyệt sơ sinh. Thị Bồ-thí báo.

Nếu mắt nhỏ vì diệu kéo dài mà đẹp. Như Trăng đầu tháng. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其目分明善諦巍巍無一短乏。是持戒報。

Kỳ mục phân minh thiện đế nguy nguy vô nhất đoản pháp. Thị Trì-giới báo.

Nếu mắt phân minh Thánh đế thiện uy nghi không một thứ nào thiếu. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其目晃明柔軟鮮好殊絕難比。是忍辱報。

Kỳ mục hoảng minh nhu nhuyễn tiên hảo thù tuyệt nan bỉ. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu mắt sáng long lanh mềm dẻo sạch đẹp tuyệt vời khó so sánh. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

面無怯弱光明澤潤。是精進報。

Diện vô khiếp nhược Quang-minh trạch nhuận. Thị Tinh-tiến báo.

Mặt không khiếp nhược, Quang sáng trơn bóng. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

顏貌妙好身形平正如日初出。是一心報。

Nhan mạo diệu hảo thân hình bình chính như Nhật sơ xuất. Thị Nhất-tâm báo.

Sắc mặt tướng mạo đẹp vì diệu thân hình đoan chính như mặt Trời mới mọc. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

光如日月照于八方。上下闡冥無能逮明。

Quang như Nhật Nguyệt chiếu vu bát phương. Thượng hạ ám minh vô năng đãi minh.

Sáng như mặt Trăng mặt Trời chiếu tới 8 phương. Trên dưới tối đen không thể bắt lấy sáng.

是智慧報。是為六。何謂目紺青色度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị mục cảm thanh sắc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là mắt sắc đỏ tím Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有見佛心中悅喜。以一心歸而敬眼視。是布施報。

Nhược hữu kiến Phật tâm trung duyệt hỉ. Dĩ nhất tâm quy nhi kính nhãn thị. Thị Bồ-thí báo.

Nếu được nhìn thấy Phật trong tâm vui mừng. Do Nhất tâm trở về mà cung kính mắt theo dõi.

Đó là báo ứng của Bồ thí.

眼之所覩而目寂定無一不正。是持戒報。

Nhãn chi sở đồ nhi mục Tịch-Định vô nhất bất chính. Thị Trì-giới báo.

Nhìn thấy được mắt mà mắt Định Vắng vẻ tất cả đều đúng. Đó là báo ứng của giữ Giới.

目微妙好無能訶者遠近皆伏。是忍辱報。

Mục vi diệu hảo vô năng ha giả viễn cận giai phục. Thị Nhẫn-nhục báo.

Mắt đẹp vì diệu không thể kêu ca, xa gần đều tán phục. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

眼之所視亦無傷害多所加益。是精進報。

Nhãn chi sở thị diệc vô thương hại đa sở gia ích. Thị Tinh-tiến báo.

Được nhìn thấy mắt cũng không thương hại được tăng ích nhiều. Đó là báo ứng của Tinh tiến.
遠見玄迴解一切結。是一心報。

Viễn kiến huyền hướng giải nhất thiết kết. Thị Nhất-tâm báo.

Từ xa nhìn thấy hướng về, huyền diệu tháo bỏ tất cả kết buộc. Đó là báo ứng của Nhất tâm.
所見無厭不可得底所覩平等。是智慧報。是為六。

Sở kiến vô yếm bất khả đắc để sở đồ bình đẳng. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu nhìn thấy không chán không thể được đày được nhìn thấy Bình đẳng. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂鼻如鸚鵡度無極有六事？

Hà vị tị như Anh-vũ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là mũi như chim Anh vũ Tới Niết Bàn có 6 việc？

鼻如鸚鵡隆平正妙。是布施報。

Tị như anh vũ long bình chính diệu. Thị Bồ-thí báo.

Mũi như chim Anh vũ hưng vượng đoan chính vi diệu. Đó là báo ứng của Bồ thí.

常以寂定無有邪非。是持戒報。

Thường dĩ Tịch-Định vô hữu tà phi. Thị Trì-giới báo.

Thường do Định Vắng vẻ không có nghiêng sai. Đó là báo ứng của giữ Giới.

鼻好潤澤耀如明珠。是忍辱報。

Tị hảo nhuận trạch diệu như minh châu. Thị Nhẫn-nhục báo.

Mũi đẹp sáng bóng sáng lòa như châu sáng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

柔軟諦忍仁和威儀莫不奉仰。是精進報。

Nhu nhuyễn để nhẫn nhân hòa Uy nghi mạc bất phụng ngưỡng. Thị Tinh-tiến báo.

Lý lẽ đúng mềm dẻo Nhẫn nhin nhân hòa uy nghi đều cung kính ngưỡng mộ. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

眾人所見敬愛無已而無厭足。是一心報。

Chúng nhân sở kiến kính ái vô dĩ nhi vô yếm túc. Thị Nhất-tâm báo.

Mọi người nhìn thấy kính yêu không dứt mà chưa thỏa mãn. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

意捨所念受不可猗。不存諸香以道為香。是智慧報。是為六。

Ý xả sở niệm thụ bất khả y. Bất tồn chư hương dĩ Đạo vi hương. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Ý buông bỏ được nhớ, nhận không thể dựa vào. Không còn lại các hương do Đạo là hương. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂頂髻相度無極有六事？

Hà vị đỉnh kế Tướng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Tướng tóc đỉnh đầu.Tới Niết Bàn có 6 việc？

其髻團圓自然興起光明昱昱。是布施報。

Kỳ kế đoàn viên tự nhiên hưng khởi Quang-minh dục dục. Thị Bồ-thí báo.

Nếu tóc tụ tròn tự nhiên hưng khởi, Quang sáng chiếu soi. Đó là báo ứng của Bồ thí.

髻髮紺色煒煒難量而各右旋。是持戒報。

Ké phát cảm sắc vĩ vĩ nan lượng nhi các hữu toàn. Thị Trì-giới báo.

Tóc phát ra sắc đỏ tím, sáng đỏ khó đo lường mà nó xoay về bên phải. Đó là báo ứng của giữ Giới.

髻曜赫赫光明所照不可得際。是忍辱報。

Ké diệu hách hách Quang-minh sở chiếu bất khả đắc tế. Thị Nhẫn-nhục báo.

Tóc sáng long lanh hiển hách Quang sáng được chiếu không thể được biên giới. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

肉髻充滿無有邪非踳立而安。是精進報。

Nhục ké sung mãn vô hữu tà phi trử lập nhi an. Thị Tinh-tiến báo.

Búi tóc bằng thịt đầy ấp không có lệch sai đứng lâu mà yên ổn. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

滑澤迴旋安諦相斷不相雜錯。是一心報。

Hoạt trạch hồi toàn an để tương đoạn bất tương tạp thác. Thị Nhất-tâm báo.

Quay về nhẵn bóng yên ổn lý lẽ đúng cùng cắt bỏ không cùng sai loạn. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

振曜光光所照無限。是智慧報。是為六。

Chấn diệu quang quang sở chiếu vô hạn. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Chấn động sáng long lanh sáng được chiếu không có giới hạn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂如來肉髻度無極有六事？髮生青色如無上紺。

Hà vị Như Lai nhục ké Độ vô cực hữu Lục-sự ? Phát sinh thanh sắc như Vô-thượng cảm.

Thế nào gọi là búi tóc bằng thịt của Như Lai Tới Niết Bàn có 6 việc ? Tóc sinh sắc xanh như màu đỏ tím Bình Đăng.

滑澤燿燿踰琉璃光。是布施報。

Hoạt trạch diệu diệu du lưu ly quang. Thị Bồ-thí báo.

Nhẵn bóng sáng chói hơn ánh sáng của lưu ly. Đó là báo ứng của Bồ thí.

髮毛右旋各順本根而不相猗。是持戒報。

Phát mao hữu toàn các thuận bản căn nhi bất tương y. Thị Trì-giới báo.

Lông tóc xoay sang phải nó thuận theo gốc vốn có mà không cùng nhau ỷ lại. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其身清淨塵垢不著。猶如蓮華不著塵水。是忍辱報。

Kỳ thân Thanh tịnh trần cấu bất trước. Do như Liên hoa bất trước trần thủy. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu thân Thanh tịnh cấu bản không bám theo. Giống như hoa Sen không nương nhờ đất nước.

Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

第三十二上下諸天無能覩頂。是精進報。

Đệ tam thập nhị thượng hạ chư Thiên vô năng đố đỉnh. Thị Tinh-tiến báo.

Các Trời trên dưới tầng thứ 32 không thể nhìn thấy đỉnh đầu. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

三界眾生莫不樂見威德遠顯。是一心報。

Tam-giới chúng sinh mạc bất lạc kiến Uy đức viễn hiển. Thị Nhất-tâm báo.

Chúng sinh của 3 Cõi giới đều vui sướng nhìn thấy uy Đức hiện ra rõ từ xa. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

言若天雨不能污之。淨如虛空音猶雷震。

Ngôn nhược Thiên vũ bất năng ô chi. Tịnh như hư không âm do lôi chấn.

Nói nếu Trời mưa không thể ô ướ. Thanh tịnh như khoảng không âm thanh do sét đánh.

是智慧報。是為六。何謂出遊步度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị xuất du bộ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là sinh ra đi bộ du chơi Tối Niết Bàn có 6 việc ?

其獨步出而無罣礙。是布施報。

Kỳ độc bộ xuất nhi vô quải ngại. Thị Bồ-thí báo.

Nếu một mình sinh ra đi bộ mà không trở ngại. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若棄捐非能一心者。志行弘安乃名佛子。是持戒報。

Nhược khí quyên phi năng nhất tâm giả. Chí hành hoàng an nãi danh Phật-tử. Thị Trì-giới báo.

Nếu vứt bỏ sai có thể Nhất tâm. Ý chí thực hành yên ổn rộng lớn, mới có tên là Con của Phật. Đó là báo ứng của giữ Giới.

無央數天往見奉敬伏地自歸。是忍辱報。

Vô ương số Thiên vãng kiến phụng kính phục địa tự quy. Thị Nhẫn-nhục báo.

Rất nhiều số lượng Trời vãng tới nhìn thấy cung kính, kính phục Đất Phật tự theo trở về. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

能自護已目無所著。是精進報。

Năng tự hộ dĩ mục vô sở trước. Thị Tinh-tiến báo.

Đã có thể tự bảo vệ mắt không nương nhờ. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

勇高遊騰神足無極。是一心報。

Dũng cao du đằng Thần-túc vô cực. Thị Nhất-tâm báo.

Dũng mãnh trên cao bay đi bằng Thần thông biến hóa vô hạn. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

一切所有能惠不悞宣暢道訓。是智慧報。是為六

Nhất thiết sở hữu năng huệ bất lận tuyên sướng Đạo huấn. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Tất cả có được có thể ân huệ không tiếc đọc thông suốt giảng dạy Đạo. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

(丹本有注云三十二相中舊闕二種文)。

(Đơn bản hữu chú vân Tam thập nhị Tướng trung cựu khuyết nhị chủng văn)

(Bản đơn giản có ghi chú trong 32 Tướng như thế cũ thiếu 2 loại văn)

賢劫經卷第三

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ tam.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 3.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>
Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.
Phật Tử Bùi Đức Huề dịch 11/2010.

=====

HIEN KIEP KINH Q4

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第四

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ tứ

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 4.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

順時品第十二

Thuận thời phẩm đệ thập nhị.

Phẩm thứ 12 Thuận theo thời.

佛告喜王菩薩！何謂順時度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát！Hà vị thuận thời Độ vô cực hữu Lục-sự？

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Thế nào gọi là Thuận theo thời Tới Niết Bàn có 6 việc？

消治眾瘡心無所著行如蓮華。是布施報。

Tiêu trị chúng sang tâm vô sở trước hành như Liên-hoa. Thị Bồ-thí báo.

Tiêu tan chữa trị các vết thương, tâm không có nương nhờ được như hoa Sen. Đó là báo ứng của Bồ thí.

遵修春夏生百草木時節除寒。是持戒報。

Tuân tu xuân hạ sinh bách thảo mộc thời tiết trừ hàn. Thị Trì-giới báo.

Tuân theo tu hành mùa Xuân Hạ sinh trăm loài cây cỏ thời tiết trừ bỏ lạnh. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其身妙好巍巍殊妙如眾星明。是忍辱報。

Kỳ thân diệu hảo巍巍殊妙如眾星明. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu thân vi diệu tốt đẹp, uy nghi đặc diệu như các sao sáng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

平等隨順無所違失。是精進報。

Bình đẳng tùy thuận vô sở vi thất. Thị Tinh-tiến báo.

Bình đẳng thuận theo, không ngược lại sai. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

皆以杜塞一切惡趣示其和安。是一心報。

Giai dĩ đồ tắc nhất thiết ác thú thị kỳ hòa an. Thị Nhất-tâm báo.

Đều do ngăn bịt lại tất cả hướng ác, hiện ra nơi đó yên ổn hòa thuận. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

假使眾生在於惡路。各以若干光明照之使得解脫。

Giả sử chúng sinh tại ư ác lộ. Các dĩ nhược can Quang-minh chiếu chi sử đắc Giải-thoát.

Nếu như chúng sinh ở nơi Đạo ác. Họ được rất nhiều Quang sáng chiếu soi, làm cho được Giải thoát.

是智慧報。是為六。何謂知時度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị tri thời Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Biết thời Tới Niết Bàn có 6 việc？

若於臥寐向曉後夜。忽以曉了思惟正法。是布施報。

Nhược ư ngọa寐 hướng hạo hậu dạ. Hốt dĩ hạo liễu tư duy Chính-pháp. Thị Bồ-thí báo.

Nếu với ngủ say hướng về sáng sớm sau phần cuối ban đêm. Đột nhiên hiểu biết rõ suy nghĩ Pháp đúng. Đó là báo ứng của Bồ thí.

身能棄家捐其財業行作沙門。是持戒報。

Thân năng khí gia quyên kỳ tài nghiệp hành tác Sa-môn. Thị Trì-giới báo.

Thân có thể xa gia đình, vứt bỏ tài sản sự nghiệp, được làm Sa môn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

告其車匿歸解喻家父王及妻。成佛還國當相度脫。是忍辱報。

Cáo Kỳ-xa-nặc quy giải dụ gia Phụ-vương cập thê. Thành Phật hoàn quốc đương tương độ thoát.

Thị Nhẫn-nhục báo.

Bảo Kỳ Xa Nặc trở về gia đình, nói rõ với Phụ Vương cùng với vợ. Thành Phật trở về Đất nước, cần cùng độ thoát. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其身修行志性出家受著袈裟。是精進報。

Kỳ thân tu hành chí tính Xuất-gia thụ trước Ca-sa. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu thân tu hành tính ý chí Xuất gia nhận mặc áo Già sa. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若慕解脫求無上道。是一心報。

Nhược mộ Giải-thoát cầu Vô-thượng đạo. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu luyến mộ Giải thoát cầu Đạo Bình Đẳng. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

入於寂然分別頌音。還入家居有所度脫。

Nhập ư Tịch-nhiên phân biệt tụng âm. Hoàn nhập gia cư hữu sở độ thoát.

Nhập vào Vắng vẻ phân biệt âm thanh ca tụng. Trở về nhập vào ở gia đình có được độ thoát.

是智慧報。是為六。何謂分別度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị phân biệt Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Phân biệt Tới Niết Bàn có 6 việc？

愍傷眾生入羅閱祇分衛福人。是布施報。

Mẫn thương chúng sinh nhập La-duyệt-kì phần vệ Phúc nhân. Thị Bồ-thí báo.

Thương xót chúng sinh nhập vào La Duyệt Kỳ khí huyết người có Phúc. Đó là báo ứng của Bồ thí.

上在天上為諸天人宣布道化。是持戒報。

Thượng tại Thiên thượng vị chư Thiên-nhân tuyên bố đạo hóa. Thị Trì-giới báo.

Trên cao ở trên Trời vì các người Trời tuyên bố Đạo giáo hóa. Đó là báo ứng của giữ Giới.

入羅閱祇遊行已訖。還上天頂以寂化眾。是忍辱報。

Nhập La-duyet-kì du hành dĩ cật. Hoàn thượng Thiên đỉnh dĩ tịch hóa chúng. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nhập vào La Duyệt Kỳ du hành đã xong. Trở về lên đỉnh Trời dùng Vắng vẻ giáo hóa chúng sinh. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

直身而立無所依倚三昧正定。是精進報。

Trực thân nhi lập vô sở y ỷ Tam-muội Chính-định. Thị Tinh-tiến báo.

Thân trực tiếp mà đứng không có dựa vào ỷ lại Tam Muội Chính Định. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若禪思惟解念三界一無真諦。是一心報。

Nhược Thiền tư duy giải niệm Tam-giới nhất vô chân đế. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu Tĩnh lặng suy nghĩ hiểu nhớ 3 Cõi giới một chân thực không có. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

思惟察視十二緣起。根原所由皆因緣對。

Tư duy sát thị Thập nhị Duyên khởi. Căn nguyên sở do giai nhân duyên đối.

Suy nghĩ xem kĩ nhìn thấy 12 Nhân duyên sinh khởi. Căn nguyên đều do Nhân duyên đối diện.

是智慧報。是為六。何謂順世度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Thuận thế Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Thuận theo Đời Tới Niết Bàn có 6 việc？

行入分衛各各得利受者安穩。是布施報。

Hành nhập phần vệ các các đắc lợi thụ giả an ổn. Thị Bồ-thí báo.

Được nhập vào khí huyết, họ được lợi ích người nhận yên ổn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

順隨世意飢饉之時拔其虛乏。

Thuận tùy thế ý cơ cận chi thời bạt kỳ hư phạp.

Ý thuận theo đời khi đói khát rút bỏ thiếu thốn của họ.

猶如羅摩子所遊至處多所濟難。是持戒報。

Do như La-ma tử sở du chí xứ đa sở tế nan. Thị Trì-giới báo.

Giống như Thầy La Ma được du hành tới nơi ở, khó cứu giúp được nhiều. Đó là báo ứng của giữ Giới.

逆諸非法解難不疑。受此道業。是忍辱報。

Nghịch chư phi Pháp giải nan bất nghi. Thụ thử đạo nghiệp. Thị Nhẫn-nhục báo.

Ngược lại các Pháp sai khó hiểu, không nghi hoặc. Nhận Nghiệp Đạo này. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若於六年超越眾礙無有一弊。是精進報。

Nhược ư lục niên siêu việt chúng ngại vô hữu nhất tệ. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu ở trong 6 năm vượt qua các trở ngại không có 1 dỗi trá. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

堅固行禪解於一切。所有悉無如聚泡沫。是一心報。

Kiên cố hành Thiền giải ư nhất thiết. Sở hữu tất vô như tụ phao bọt. Thị Nhất-tâm báo.

Kiên cố thực hành Tĩnh lặng hiểu được tất cả. Nếu có điều không có, như như bọt nước tụ lại. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

不違犯法。飲食自然聞名皆歸。坐佛樹下降伏眾魔。

Bất vi phạm Pháp. Âm thực tự nhiên văn danh giai quy. Tọa Phật thụ hạ hàng phục chúng Ma.

Không vi phạm Pháp. Ăn uống tự nhiên nghe tên đều trở về đi theo. Ngồi dưới cây Phật hàng phục các Ma

是智慧報。是為六。何謂邊際度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Biên tế Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Biên giới Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若降伏魔并及官屬。因轉法輪度脫一切。是布施報。

Nhược hàng phục Ma tịnh cập quan thuộc. Nhân chuyển Pháp-luân độ thoát nhất thiết. Thị Bồ-thí báo.

Nếu hàng phục Ma gồm cùng cả quan quân quyền thuộc. Nhân do nói Pháp độ thoát tất cả. Đó là báo ứng của Bồ thí.

勸化一切三千世界眾生之類。使得永安而無眾患。是持戒報。

Khuyến hóa nhất thiết Tam-thiên Thế-giới chúng sinh chi loại. Sở đắc vĩnh an nhi vô chúng hoạn. Thị Trì-giới báo.

Khuyến giáo hóa tất cả các loại chúng sinh của Ba nghìn Thế giới. Làm cho được vĩnh viễn yên ổn mà không có các hoạn nạn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

誨訓眾生其鬪諍者令和合之。建立賢行使無所犯。是忍辱報。

Hối huấn chúng sinh kỳ đấu tranh giả linh hòa hợp chi. Kiến lập Hiền-hạnh sử vô sở phạm. Thị Nhẫn-nhục báo.

Dạy bảo chúng sinh nếu tranh cãi đấu tranh giúp cho hòa hợp. Thiết lập hạnh Phổ Hiền làm cho không có vi phạm. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若三千界興亂令和同其道味。是精進報。

Nhược Tam-thiên giới hưng loạn linh hòa đồng kỳ đạo vị. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu 3 Cõi giới hưng khởi loạn giúp cho hòa đồng cùng hương vị Đạo đó. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

行是四禪定意正受。奉行十善不以放逸。是一心報。

Hành thị tứ Thiền Định ý Chính-thụ. Phụng hành Thập thiện bất dĩ phóng dật. Thị Nhất-tâm báo.

Thực hành 4 Thiền, Định ý, Thụ nhận đúng đó. Cung kính thực hành 10 Nghiệp thiện không được phóng túng. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

斯消無明眾冥盡索使永無餘。逮致顯耀。

Tu tiêu Vô-minh chúng minh tận sách sử vĩnh vô dư. Đãi trí hiển diệu.

Nếu tiêu tan Ngu tối, các u tối hết dây buộc làm cho vĩnh viễn hết sạch. Bắt lấy đem tới hiện ra rõ sáng lạ.

是智慧報。是為六。何謂蠲除度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Quyên trừ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Loại bỏ Tội Niết Bàn có 6 việc ?

往昔遊在迦夷羅衛國土。止頓周流七年教化。

Vãng tích du tại Ca-di La-vệ quốc thổ. Chỉ đôn châu lưu thất niên giáo hóa.

Trước kia du hành tới Đất nước Ca Di La Vệ. Dừng lại giòng chảy vòng quanh, ngưng lại 7 năm giáo hóa.

窮罪悉滅除其患難。是布施報。

Cùng tội tất diệt trừ kỳ hoạn nạn. Thị Bố-thí báo.

Tội cuối cùng đều mất, trừ bỏ hoạn nạn đó. Đó là báo ứng của Bố thí.

芟滅斯垢遊於三界而無所著。是持戒報。

Sam diệt tư cấu du ư Tam-giới nhi vô sở trước. Thị Trì-giới báo.

Cắt cỏ mất cấu bản đó du hành ở trong 3 Cõi giới mà không có nương nhờ. Đó là báo ứng của giữ Giới.

若能方便三毒消滅心無所生。是忍辱報。

Nhược năng Phương-tiện Tam-độc tiêu diệt tâm vô sở sinh. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu Phương tiện có thể tiêu diệt Tham Thù hận Ngu si tâm không có sinh. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

觀於眾生生死罪福等于慈哀。是精進報。

Quan ư chúng sinh sinh tử tội Phúc đặng vu từ ai. Thị Tinh-tiến báo.

Quan sát tới sinh chết tội Phúc của chúng sinh cùng với tâm Từ thương xót. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其以患厭分別禪思。逮致八品而不忘失。是一心報。

Kỳ dĩ hoạn yếm phân biệt Thiền tư. Đãi trí bát phẩm nhi bất vong thất. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu do chán hoạn nạn Tĩnh lặng suy nghĩ phân biệt. Bắt lấy đem tới 8 phẩm mà không quên mất. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

永無所妄斷於貪欲。消害無明興發道慧。

Vĩnh vô sở vọng đoạn ư tham dục. Tiêu hại Vô-minh hưng phát Đạo tuệ.

Vĩnh viễn không có ảo tưởng cắt bỏ được tham dục. Tiêu tan làm hại Ngu tối, hưng phát Tuệ Đạo.

除一切法令不虛妄。一心奉行智慧度無極。

Trừ nhất thiết Pháp linh bất hư vọng. Nhất tâm phụng hành Trí-tuệ Độ vô cực.

Trừ bỏ tất cả Pháp, giúp cho không có ảo tưởng sai. Nhất tâm cung kính thực hành Trí tuệ Tới Niết Bàn.

是智慧報。是為六。何謂金剛度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Kim cương Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Kim Cương Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若有逮致金剛三昧心不傾動。是布施報。

Nhược hữu đãi trí Kim-cương Tam-muội tâm bất khuynh động. Thị Bồ-thí báo.

Nếu có bắt lấy đem tới Kim Cương Tam muội, tâm không nghiêng động. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若以方便棄捐無明奉行至德。是持戒報。

Nhược dĩ Phương-tiện khí quyên Vô-minh phụng hành chí Đức. Thị Trì-giới báo.

Nếu do Phương tiện vứt bỏ Ngu tối cung kính thực hành được Đức. Đó là báo ứng của giữ Giới. 趣于道義無所受焉。悉捨眾穢。是忍辱報。

Thú vu đạo nghĩa vô sở thụ yên. Tất xả chúng uế. Thị Nhẫn-nhục báo.

Hướng tới nghĩa của Đạo không có nhận ở nơi đó. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

一切將護三界眾生。隨俗開化度脫一切。是精進報。

Nhất thiết tương hộ Tam-giới chúng sinh. Tùy tục khai hóa độ thoát nhất thiết. Thị Tinh-tiến báo.

Đang bảo vệ tất cả chúng sinh của 3 Cõi giới. Đi theo đời tục khai hóa độ thoát tất cả. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

己身功德止頓次第。隨順發起盡其本元。是一心報。

Kỷ thân Công-đức chỉ đốn thứ đệ. Tùy thuận phát khởi tận kỳ bản nguyên. Thị Nhất-tâm báo.

Công Đức Thân của bản thân dừng lại, lần lượt ngưng lại. Thuận theo phát khởi hết nguồn gốc vốn có đó. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

知於一切眾生心性。成最正覺。是智慧報。是為六。

Tri ư nhất thiết chúng sinh tâm tính. Thành Tối Chính-giác. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Biết được tâm tính của tất cả chúng sinh. Thành Tối Chính Giác. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂造救度無極有六事？以成正覺諸天所說。

Hà vị Tạo cứu Độ vô cực hữu Lục-sự ? Dĩ thành Chính-giác chư Thiên sở thuyết.

Thế nào gọi là Tạo ra cứu giúp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Do thành Chính Giác nói được các Trời.

一心棄捐眾惡之行寂以禪定。思惟世法救護一切。是布施報。

Nhất tâm khí quyên chúng ác chi hành tịch dĩ Thiên-định. Tư duy thế Pháp cứu hộ nhất thiết. Thị Bồ-thí báo.

Nhất tâm vứt bỏ hành động các ác, Vắng vẻ do Thiên Định. Suy nghĩ Pháp của Thế gian cứu giúp tất cả. Đó là báo ứng của Bồ thí.

消滅惡趣地獄苦惱眾罪之患。是持戒報。

Tiêu diệt Ác-thú Địa-ngục khổ não chúng tội chi hoạn. Thị Trì-giới báo.

Tiêu diệt Đạo ác Địa ngục Khổ não các tội hoạn nạn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

曉了諸根德行成就。諸不具足皆令備悉。是忍辱報。

Hiểu liễu chư căn Đức hạnh thành tựu. Chư bất cụ túc giai linh bị tất. Thị Nhẫn-nhục báo.

Hiểu biết rõ Đức hạnh thành công của các Căn. Mọi việc không đầy đủ đều giúp cho đầy đủ tất cả. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

消化一切諸眾生類塵勞之厄永以無餘。是精進報。

Tiêu hoá nhất thiết chur chúng sinh loại trần lao chi ách vĩnh dĩ vô dư. Thị Tinh-tiến báo.

Tiêu tan các loại phiền toái ách nạn của tất cả chúng sinh vĩnh viễn không còn dư thừa. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

諸所伎樂不鼓自鳴。悅一切意悉發道心。是一心報。

Chư sở kĩ nhạc bất cổ tự minh. Duyệt nhất thiết ý tất phát Đạo tâm. Thị Nhất-tâm báo.

Mọi việc được kĩ nhạc không đánh tự kêu. Tất cả vui vẻ ý nhất định phát tâm Đạo. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

三千世界眾藏財寶。常造布施無央數億百千天人。

Tam-thiên Thế-giới chúng tạng tài bảo. Thường tạo Bồ-thí vô ương số ức bách thiên Thiên-nhân.

Các kho tàng báu vật của Ba nghìn Thế giới. Thường tạo ra Bồ thí rất nhiều vô số triệu trăm nghìn người Trời.

是智慧報。是為六。何謂自然度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Tự-nhiên Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Tự nhiên Tới Niết Bàn có 6 việc？

三千世界樹生華實冬夏恒茂。以用惠與諸所窮乏。是布施報。

Tam-thiên Thế-giới thụ sinh hoa thực đông hạ hằng mậu. Dĩ dụng huệ dữ chư sở cùng phạp. Thị Bồ-thí báo.

Cây của Ba nghìn Thế giới sinh hoa quả, mùa Đông Hè thường tươi tốt. Do vì ân huệ ban cho mọi việc không có hết tận. Đó là báo ứng của Bồ thí.

除於一切惱不可計勤苦之痛使長安和。是持戒報。

Trừ ư nhất thiết não bất khả kế cần khổ chi thống sử trưởng an hòa. Thị Trì-giới báo.

Trừ bỏ được tất cả não loạn không thể tính kể quá mức cần khổ, làm cho tăng thêm yên ổn hòa thuận. Đó là báo ứng của giữ Giới.

一切眾生諸根具足究竟自然。是忍辱報。

Nhất thiết chúng sinh chur căn cụ túc cứu cánh tự nhiên. Thị Nhẫn-nhục báo.

Các Căn của tất cả chúng sinh đầy đủ cuối cùng tự nhiên. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

所有自然三千世界平如右掌。是精進報。

Sở hữu Tự nhiên Tam-thiên Thế-giới bình như hữu chương. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu có Tự nhiên Ba nghìn Thế giới bằng phẳng như lòng bàn tay. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

諸色形像入於垢穢實不虛妄諸天蒙恩。是一心報。

Chư sắc hình tượng nhập ư cấu uế thực bất hư vọng chur Thiên mông ân. Thị Nhất-tâm báo.

Các Sắc hình tượng nhập vào với cấu bẩn ô uế, thực không có sai trái các Trời được ân. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

降伏四魔慧無等倫成最正覺。是智慧報。是為六。

Hàng phục Tứ-Ma tuệ vô đẳng luân thành Tối Chính-giác. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Hàng phục 4 Ma, Trí tuệ không thể sánh, thành Tối Chính Giác. Đó là báo ứng của của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂伏魔力度無極有六事？

Hà vị Phục Ma lực Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nà gọi là Hàng phục Lục của Ma Tới Niết Bàn có 6 việc？

行菩薩道療治一切三千世界三毒之病。成最正覺。是布施報。

Hành Bồ-tát đạo liệu trị nhất thiết Tam-thiên Thế-giới Tam độc chi bệnh. Thành Tối Chính-giác. Thị Bồ-thí báo.

Thực hành Đạo Bồ Tát chữa trị bệnh Tham Thù hận Ngu si của tất cả Ba nghìn Thế giới. Thành Tối Chính Giác. Đó là báo ứng của của Bồ thí.

消眾塵勞滅一切魔諸諍訟業。是持戒報。

Tiêu chúng trần lao diệt nhất thiết Ma chur tranh tụng nghiệp. Thị Trì-giới báo.

Tiêu tan các phiền toái, diệt trừ các Nghiệp tranh cãi của tất cả Ma. Đó là báo ứng của của giữ Giới.

化諸天子眾害惡鬼不和之難。悉令永安。是忍辱報。

Hóa chur Thiên-tử chúng hại ác quỷ bất hòa chi nạn. Tất linh vĩnh an. Thị Nhẫn-nhục báo.

Giáo hóa các Thiên Tử các Quỷ ác làm hại, không hòa thuận ách nạn. Giúp cho đều vĩnh viễn yên ổn. Đó là báo ứng của của Nhẫn nhục.

其諸死魔官屬自然降伏歸命奉佛聖教。是精進報。

Kỳ chur Tử-ma quan thuộc tự nhiên hàng phục quy mệnh phụng Phật Thánh giáo. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu các Ma do chết, quan quân quỳn thuộc tự nhiên hàng phục mệnh theo trở về cung kính Thánh giáo của Phật. Đó là báo ứng của của Tinh tiến.

無有五陰身魔自解而無縛結。是一心報。

Vô hữu Ngũ-âm thân Ma tự giải nhi vô phược kết. Thị Nhất-tâm báo.

Không có Ma 5 Uẩn của thân, tự giải thoát mà không có kết buộc. Đó là báo ứng của của Nhất tâm.

如其所願成最正覺為一切智。是智慧報。是為六。

Như kỳ sở nguyện thành Tối Chính-giác vị nhất thiết Trí. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Như thế được mong nguyện thành Tối Chính Giác, được tất cả Trí tuệ. Đó là báo ứng của của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不退度無極有六事？

Hà vị Bất-thoái Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nà gọi là Không lui Tới Niết Bàn có 6 việc？

坐佛樹下一心精思而不厭足。是布施報。

Tọa Phật thụ hạ nhất tâm tinh tư nhi bất yếm túc. Thị Bồ-thí báo.

Ngồi dưới cây Phật nhất tâm suy nghĩ tinh thông mà không biết chán. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若以見魔而無所畏。自致正覺度于一切。是持戒報。

Nhược dĩ kiến Ma nhi vô sở úy. Tự trí Chính-giác độ vu nhất thiết. Thị Trì-giới báo.

Nếu do nhìn thấy Ma mà không sợ hãi. Tự đem tới Chính Giác độ thoát tất cả. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其身不亂本末寂然心定永安。是忍辱報。

Kỳ thân bất loạn bản末 tịch-nhiên tâm định vĩnh an. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu thân không loạn nguồn ngọn Vắng vẻ, tâm Định vĩnh viễn yên ổn. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其心忻然寂定安穩無有眾魔。是精進報。

Kỳ tâm hân nhiên tịch Định an ổn vô hữu chúng Ma. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu tâm vui vẻ yên lặng Định yên ổn không có các Ma. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

用等惠施。所行平正等無有異。是一心報。

Dụng đẳng huệ thí. Sở hành bình chính đẳng vô hữu dị. Thị Nhất-tâm báo.

Do ân huệ Bồ thí Bình đẳng. Nếu hành động bình thường đúng, Bình đẳng không có khác lạ. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

言行相副身口意定逮得佛道。是智慧報。是為六。

Ngôn hành tương phó Thân Khẩu Ý Định逮 đắc Phật đạo. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nói làm cùng như nhau Thân Miệng Ý Định bắt được Đạo Phật. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂一時度無極有六事？一時之頃勤修智慧。

Hà vị Nhất thời Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhất thời chi khoảnh cần tu Trí-tuệ.

Thế nà gọi là Một thời Tới Niết Bàn có 6 việc？Một thời gian ngắn chuyên cần tu Trí tuệ.

成無上正真道為最正覺。心所奉行導御隨時。是布施報。

Thành Vô-thượng Chính-chân đạo vị Tối Chính-giác. Tâm sở phụng hành đạo ngự tùy thời. Thị Bồ-thí báo.

Thành Đạo Bình Đẳng Chân Chính là Tối Chính Giác. Tâm nếu hành cung kính hướng dẫn điều khiển theo thời. Đó là báo ứng của Bồ thí.

從其伴黨消除塵垢常奉清淨。是持戒報。

Tòng kỳ bạn đảng tiêu trừ trần cấu thường phụng Thanh tịnh. Thị Trì-giới báo.

Theo đồng đảng đó tiêu trừ Trần cấu bản, thường cung kính Thanh tịnh. Đó là báo ứng của giữ Giới.

世尊意念永害三毒興隆三寶。是忍辱報。

Thế Tôn ý niệm vĩnh hại Tam-độc hưng long Tam-Bảo. Thị Nhẫn-nhục báo.

Ý nhớ của Thế Tôn hưng vượng Phật Pháp Tăng, Tham Thù hận Ngu si hại lâu dài. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

所度正受滅盡諸垢使無三毒。是精進報。

Sở độ Chính-thụ diệt tận chư cấu sử vô Tam-độc. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu vượt qua Thụ nhận đúng diệt hết các cấu bản, làm cho không có Tam độc. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

曉了分別十二緣起斷諸牽連。是一心報。

Hiểu liễu phân biệt thập nhị Duyên khởi đoạn chư khiên liên. Thị Nhất-tâm báo.

Hiểu biết rõ phân biệt 12 Duyên sinh khởi cắt bỏ các liên lụy. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

能以逮得無所忘失。識於三世去來今現一切諸法。

Năng dĩ đãi đắc vô sở vong thất. Thức ư Tam-thế Khứ-Lai-Kim hiện nhất thiết chư Pháp.

Có thể do bắt được không có quên mất. Nhận ra với 3 Đời Quá khứ Hiện nay Tương lai, hiện ra tất cả các Pháp.

是智慧報。是為六。何謂無所等度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Vô sở đẳng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nà gọi là Không có Bình đẳng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

以肉眼見一切眾生在苦惱患。立于大安。是布施報。

Dĩ nhục nhãn kiến nhất thiết chúng sinh tại khổ não hoạn. Lập vu đại an. Thị Bồ-thí báo.

Dùng mắt thịt nhìn thấy tất cả chúng sinh ở trong khổ não hoạn nạn. Lập dựng yên ổn lớn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若以天眼見諸生死合散善惡。化使度世。是持戒報。

Nhược dĩ Thiên-nhãn kiến chư sinh tử hợp tán thiện ác. Hóa sử độ thế. Thị Trì-giới báo.

Nếu dùng mắt Cõi Trời nhìn thấy các sinh chết hợp lại tan ra thiện ác. Giáo hóa làm cho độ thoát đời. Đó là báo ứng của giữ Giới.

勸化他人聲聞處所令無所著。是忍辱報。

Khuyến hóa tha nhân Thanh-văn xứ sở linh vô sở trước. Thị Nhẫn-nhục báo.

Khuyên giáo hóa người khác ở nơi của Bạc Thanh Văn giúp cho không có nương nhờ. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

若以神足變化所為。往來周旋濟三界厄。是精進報。

Nhược dĩ Thần-túc biến hóa sở vi. Vãng lai chu toàn tế Tam-giới ách. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu do Thần thông biến hóa được làm. Vật lộn qua lại cứu giúp ách nạn của 3 Cõi giới. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若有所念心觀如是清淨之行頒宣之法。猶如梵天。是一心報。

Nhược hữu sở niệm tâm quan như thị Thanh tịnh chi hạnh ban tuyên chi Pháp. Do như Phạm-Thiên. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu có được nhớ tâm quan sát như thế, hạnh Thanh tịnh nói đọc Pháp. Giống như Trời Phạm.

Đó là báo ứng của Nhất tâm.

若以知時誓願聖慧。講說經法通于十方。是智慧報。是為六。

Nhược dĩ tri thời thệ nguyện Thánh tuệ. Giảng thuyết Kinh Pháp thông vu Thập phương. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu do biết thời thệ nguyện Trí tuệ Thánh. Giảng giải Kinh Pháp thông suốt tới 10 phương. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂三昧度無極有六事？坐禪思惟無衣食想。

Hà vị Tam-muội Độ vô cực hữu Lục-sự. ? Tọa Thiền tư duy vô y thực tưởng.

Thế nà gọi là Tam Muội Tới Niết Bàn có 6 việc ? Ngồi Tĩnh lặng suy nghĩ, không tưởng nhớ quần áo đồ ăn uống.

在佛樹下處於道場。是布施報。

Tại Phật thụ hạ xử u Đạo-tràng. Thị Bồ-thí báo.

Ở dưới cây Phật ở nơi Đạo tràng. Đó là báo ứng của Bồ thí.

其篤信法覺意順理不失精進。是持戒報。

Kỳ đốc tín Pháp giác ý thuận lý bất thất Tinh-tiến. Thị Trì-giới báo.

Nếu hết lòng tin Pháp ý cảm thấy, Lý thuận không mất Tinh tiến. Đó là báo ứng của giữ Giới.

喜悅覺意樂於道義心不存俗。是忍辱報。

Hỉ duyệt giác ý lạc u đạo nghĩa tâm bất tồn tục. Thị Nhẫn-nhục báo.

Ý cảm thấy vui mừng, vui sướng ở trong nghĩa của Đạo, tâm không còn việc đời tục. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

分別經典十二部業。正覺之行以化一切。是精進報。

Phân biệt Kinh điển thập nhị Bộ-nghiệp. Chính-giác chi hạnh dĩ hóa nhất thiết. Thị Tinh-tiến báo.

Phân biệt Kinh điển 12 Bộ Nghiệp. Hạnh của Chính Giác dùng giáo hóa tất cả. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

而棄憤鬧無有邪心。其三昧定而修正受。是一心報。

Nhi khí hội não vô hữu tà tâm. Kỳ Tam-muội Định nhi tu Chính-thụ. Thị Nhất-tâm báo.

Mà bỏ nơi não loạn, không có tâm sai trái. Tam Muội Định đó mà tu hành Thụ nhận đúng. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

其護覺意將養眾生令至大安。是智慧報。是為六。

Kỳ hộ giác ý tương dưỡng chúng sinh linh chí đại an. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu bảo vệ ý cảm thấy sẽ rèn luyện chúng sinh giúp cho được yên ổn lớn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂訓誨度無極有六事 ?

Hà vị Huấn hồi Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nà gọi là Dạy bảo Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若得佛道觀察本末開化眾生。是布施報。

Nhược đắc Phật đạo quan sát bản末 khai hóa chúng sinh. Thị Bồ-thí báo.

Nếu được Đạo Phật, quan sát nguồn ngọn khai hóa chúng sinh. Đó là báo ứng của Bồ thí.

正使無請無說經法為頒宣慧。是持戒報。

Chính sử vô thỉnh vô thuyết Kinh Pháp vi an tuyên tuệ. Thị Trì-giới báo.

Làm cho đúng không thỉnh cầu không nói Kinh Pháp vì đọc nói Trí tuệ. Đó là báo ứng của giữ Giới.

光耀解脫奉持不犯。志性愍傷變化巍巍。是忍辱報。

Quang diệu Giải-thoát phụng trì bất phạm. Chí tính mẫn thương biến hóa nguy nguy. Thị Nhẫn-nhục báo.

Quang sáng chói Giải thoát, cung kính giữ gìn không vi phạm, Tính ý chí thương xót biến hóa uy nghi. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

猶如憂為迦葉兄弟伴黨三人。自專以為道真。

Do như Ưu-vi Ca-diệp huynh đệ bạn đảng tam nhân. Tự chuyên dĩ vi Đạo chân.

Giống như Ưu Vi Ca Diệp anh em bạn đồng đảng 3 người. Tự chuyên chú do được Đạo Chân Chính.

佛所勸化皆使至道。是精進報。

Phật sở khuyến hóa giai sử chí đạo. Thị Tinh-tiến báo.

Được Phật khuyên giáo hóa đều làm cho được Đạo. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

眾生問義不以疑礙。講說宣傳各令得解。是一心報。

Chúng sinh vấn nghĩa bất dĩ nghi ngại. Giảng thuyết tuyên truyền các linh đặc giải. Thị Nhất-tâm báo.

Chúng sinh hỏi nghĩa không lấy làm nghi ngại. Giảng giải tuyên truyền giúp họ được hiểu. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

分別發遣決了聖明靡不通達。是智慧報。是為六。

Phân biệt phát khiển quyết liễu Thánh-minh mị bất thông đạt. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Phân biệt phát khởi sai khiển, quyết hiểu rõ sáng suốt của Thánh, tất cả đều thông tỏ. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂佛道度無極有六事？

Hà vị Phật đạo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nà gọi là Đạo Phật Tới Niết Bàn có 6 việc？

其以無明頌宣經典示以聖慧。是布施報。

Kỳ dĩ Vô-minh ban tuyên Kinh điển thị dĩ Thánh tuệ. Thị Bồ-thí báo.

Nếu do Ngu tối nói đọc Kinh điển hiện ra Trí tuệ của Thánh. Đó là báo ứng của Bồ thí.

佛所遣使安穩無明。令至晃昱道德之光。是持戒報。

Phật sở khiển sử an ổn Vô-minh. Linh chí hoảng dục Đạo đức chi quang. Thị Trì-giới báo.

Được Phật sai khiển làm cho Ngu tối yên ổn. Giúp cho được chói sáng quang của Đạo Đức. Đó là báo ứng của giữ Giới.

滅一切穢順從永慌辯才無量。是忍辱報。

Diệt nhất thiết uế thuận tòng vĩnh hoảng biện tài vô lượng. Thị Nhẫn-nhục báo.

Diệt trừ tất cả ô uế thuận theo vôi vàng lâu dài, tài hùng biện vô lượng. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

其法平正致定不忘常念十方。是精進報。

Kỳ Pháp bình chính trí Định bất vong thường niệm thập phương. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu Pháp bình thường đúng đem tới Định không quên, thường nhớ 10 phương. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

普入一切奉行至德強而有勢。是一心報。

Phổ nhập nhất thiết phụng hành chí Đức cường nhi hữu thế. Thị Nhất-tâm báo.

Đều thâm nhập vào tất cả, cung kính làm được Đức lớn, mạnh mà có thể lực. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

勇猛無畏曉了道元志無上真。是曰智慧報。是為六。

Dũng mãnh vô úy hiểu liễu Đạo nguyên chí Vô-thượng chân. Thị viết Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Dũng mãnh không sợ hãi, hiểu biết rõ căn nguyên của Đạo ý chí Bình Đẳng Chân Chính. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂一切智度無極有六事？

Hà vị Nhất thiết Trí Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nà gọi là Tất cả Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

在諸通慧目之所覩而無弊礙。是布施報。

Tại chư thông tuệ mục chi sở đồ nhi vô tệ ngại. Thị Bồ-thí báo.

Ở trong các Tuệ thông suốt, mắt được nhìn thấy mà không có trở ngại che phủ. Đó là báo ứng của Bồ thí.

知眾會心所念本末。因為說法令心坦然。是持戒報。

Tri chúng hội tâm sở niệm bản末. Nhân vị thuyết Pháp linh tâm thân nhiên. Thị Trì-giới báo.

Biết tâm của chúng hội nhớ được nguồn ngọn. Nhân do vì nói Pháp, giúp cho tâm thân nhiên. Đó là báo ứng của giữ Giới.

能聞遠近所演至要平等坦然。是忍辱報。

Năng văn viễn cận sở diễn chí yếu Bình đẳng thân nhiên. Thị Nhân-nhục báo.

Có thể nghe được gần xa, nếu diễn ra rất quan trọng Bình đẳng thân nhiên. Đó là báo ứng của Nhân nhục.

隨時說法從一切意各各得解。是精進報。

Tùy thời thuyết Pháp tòng nhất thiết ý các các đắc giải. Thị Tinh-tiến báo.

Theo thời nói Pháp từ tất cả ý họ được Giải thoát. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

其宣經典不失次敘。各得其所方便有宜。是一心報。

Kỳ tuyên Kinh điển bất thất thứ tự. Các đắc kỳ sở Phương-tiện hữu nghi. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu đọc Kinh điển không mất thứ tự. Họ được nơi ở đó, Phương tiện có thích hợp. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

從其所樂講論正慧而無所受。發起一切成其詩頌。是智慧報。是為六。

Tòng kỳ sở lạc giảng luận chính tuệ nhi vô sở thụ. Phát khởi nhất thiết thành kỳ thi tụng. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Từ đó được vui sướng luận giảng Trí tuệ đúng mà không có nhận. Phát khởi tất cả thành bài thơ tụng đó. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無餘度無極有六事？若心安隱奉行道法。

Hà vị Vô dư Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược tâm an ẩn phụng hành Đạo Pháp.

Thế nà gọi là Không còn dư thừa Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu tâm yên ổn ẩn núp, cung kính thực hành Đạo Pháp.

發起至義至無餘難。是布施報。

Phát khởi chí nghĩa chí vô dư nạn. Thị Bồ-thí báo.

Phát khởi nghĩa lớn tới không còn dư nạn. Đó là báo ứng của Bồ thí.

若用道法以為快樂。速為他人開化不逮。是持戒報。

Nhược dụng đạo Pháp dĩ vi khoái lạc. Tốc vị tha nhân khai hóa bất逮. Thị Trì-giới báo.

Nếu vì Đạo Pháp lấy làm vui sướng. Nhanh vì người khác khai hóa không bắt lấy. Đó là báo ứng của giữ Giới.

篤信諸佛所說經法。等無有異。是忍辱報。

Đốc tín chư Phật sở thuyết Kinh Pháp. Đẳng vô hữu dị. Thị Nhẫn-nhục báo.

Hết lòng tin Kinh Pháp được các Phật nói. Bình đẳng không có khác. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

等觀三世去來今事永無罣礙。是精進報。

Đẳng quan Tam-thế Khứ-Lai-Kim sự vĩnh vô quái ngại. Thị Tinh-tiến báo.

Bình đẳng quan sát 3 Đời Quá khứ Hiện nay Tương lai vĩnh viễn không có trở ngại. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若以禪思脫門三昧。因斯正受隨其所樂。

Nhược dĩ Thiền tư thoát môn Tam-muội. Nhân tư Chính-thụ tùy kỳ sở lạc.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ môn Giải thoát Tam Muội. Nhân do Thụ nhận đúng đó, theo đó được vui sướng.

恣其所為思惟定意。是一心報。

Tứ kỳ sở vi tư duy Định ý. Thị Nhất-tâm báo.

Phóng túng nếu làm, suy nghĩ Định ý. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

各為講說若干品法。皆得開解志無上法。是智慧報。是為六。

Các vi giảng thuyết nhược can phẩm Pháp. Giai đắc khai giải chí Vô-thượng Pháp. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Họ làm giảng giải rất nhiều phẩm Pháp. Đều được khai sáng ý chí Pháp Bình Đẳng. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂有餘度無極有六事？滅度之後舍利分布。

Hà vị Hữu dư Độ vô cực hữu Lục-sự ? Diệt-độ chi hậu Xá-lợi phân bố.

Thế nào gọi là Có dư thừa Tới Niết Bàn có 6 việc ? Sau khi tạ thế Xá Lợi phân bố.

以福訓誨使得無為。是布施報。

Dĩ Phúc huấn hối sử đắc Vô-vi. Thị Bồ-thí báo.

Vì Phúc dạy bảo làm cho được Rõng lặng. Đó là báo ứng của Bồ thí.

思惟禁行親近無為恣其所樂。是持戒報。

Tư duy cấm hạnh thân cận Vô-vi tứ kỳ sở lạc. Thị Trì-giới báo.

Suy nghĩ thực hành cấm kị, thân thiết Rõng lặng phóng túng, họ được vui sướng. Đó là báo ứng của giữ Giới.

是於如來精舍神寺。諸天一切皆來自歸皆當作禮。是忍辱報。

Thị ư Như Lai Tịnh Xá Thần Tự. Chư Thiên nhất thiết giai lai tự quy giai đương tác lễ. Thị Nhẫn-nhục báo.

Vì thế Như Lai ở nơi Tịnh Xá của chùa Thần. Các Trời tất cả đều đến tự theo trở về, đều đang làm lễ. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

佛滅度後勤行訓誨精進不疲。為聲聞行不令罣礙。是精進報。

Phật Diệt-độ hậu cần hành huấn hối Tinh-tiến bất bì. Vị Thanh-văn hành bất linh quả ngại. Thị Tinh-tiến báo.

Sau khi Phật tạ thế thực hành chuyên cần, dạy bảo Tinh tiến không mệt nhọc. Vì hạnh của Thanh Văn không giúp cho trở ngại. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

稍漸進前三昧正受得至滅度。是一心報。

Sảo tiệm tiến tiền Tam-muội Chính-thụ đắc chí Diệt-độ. Thị Nhất-tâm báo.

Dần dần tiến lên phía trước, Tam Muội Thụ nhận đúng được tới Niết Bàn. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

以聖明根修度世慧普遊弘衍。是智慧報。是為六。

Dĩ Thánh-minh căn tu độ thế tuệ phổ du hoàng diễn. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Do sáng suốt của Thánh tu hành căn bản Trí tuệ độ thoát Thế gian, đều du hành tràn lan rộng lớn. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂可止度無極有六事？

Hà vị Khả chỉ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Có thể dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc？

在於佛世教化眾生。受食利養行正不邪。是布施報。

Tại ư Phật thế giáo hóa chúng sinh. Thụ thực lợi dưỡng hành chính bất tà. Thị Bố-thí báo.

Sống ở thời Phật ở đời giáo hóa chúng sinh. Nhận thức ăn lợi dưỡng thực hành Chân chính không có sai trái. Đó là báo ứng của Bố thí.

說可福報猶如梵志字披羅陀。罵詈誹謗佛時和顏不以瞋恨。

Thuyết khả Phúc báo do như Phạm-chí tự Phi-da-đà. Mạ lị phi báng Phật thời hòa nhan bất dĩ sân hận.

Nói có thể Phúc báo giống như Phạm Chí tên chữ Phi La Đà. Quát mắng phi báng, Phật thời nhan sắc vui hòa không lấy làm thù hận.

爾時三億天人悉發道心。是持戒報。

Nhĩ thời tam ức Thiên-nhân tất phát Đạo tâm. Thị Trì-giới báo.

Khi đó 3 triệu người Trời biết phát tâm Đạo. Đó là báo ứng của giữ Giới.

孫陀利者(晉曰善妙)謗毀如來。如來因是開化外學。

Tôn-đà-lợi giả (Tán viết Thiện-diệu) báng hủy Như Lai. Như Lai nhân thị khai hóa ngoại học.

Tôn Đà Lợi (đời Tấn viết là Thiện Diệu) hủy báng Như Lai. Như Lai nhân đó khai hóa học bên ngoài.

萬二千人令得解脫。是忍辱報。

Vạn nhị thiên nhân linh đắc Giải-thoát. Thị Nhẫn-nhục báo.

Vạn 2 nghìn người giúp cho được Giải thoát. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

勢力堅強心常自視。由如菩薩行正慈心。若墮獸中為師子王。

Thế lực kiên cường tâm thường tự thị. Do như Bồ-tát hành chính Từ tâm. Nhược đọa thú trung vi Sư tử Vương.

Thế lực kiên cường tâm thường tự hiện ra. Giống như Bồ Tát thực hành tâm Từ đúng. Nếu đọa trong Đạo ác là Vua Sư Tử.

假使侵尅默然受之用化畜生。是精進報。

Giả sử xâm khắc mặc nhiên thụ chi dụng hóa Súc-sinh. Thị Tinh-tiến báo.

Nếu như khắc phục xâm phạm im lặng nhận lấy vì giáo hóa Súc sinh. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若離其意加之不可默不與諍。靜然受之不抱在心。是一心報。

Nhược ly kỳ ý gia chi bất khả mặc bất dĩ tránh. Tĩnh-nhiên thụ chi bất bảo tại tâm. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu xa rời ý đó tăng thêm, không thể im lặng không làm tranh luận. Tĩnh lặng nhận lấy, không ôm ấp trong tâm. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

若以禪思講宣道化。答所問義靡不得解。是智慧報。是為六。

Nhược dĩ Thiền tư giảng tuyên Đạo hóa. Đáp sở vấn nghĩa mị bất đắc giải. Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ, giảng đọc giáo hóa Đạo. Trả lời nghĩa được hỏi tất cả đều được giải thoát. Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂諸佛度無極有六事？若頒宣法遍告佛國。

Hà vị Chư Phật Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược ban tuyên Pháp biến cáo Phật quốc.

Thế nào gọi là Các Phật Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu nói đọc Pháp, biến tòa bảo cho Đất nước Phật.

悉使聞音乃達上方一究竟天阿迦尼吒。是布施報。

Tất sử văn âm nãi đạt thượng phương nhất cứu cánh Thiên A-ca Ni-tra. Thị Bố-thí báo.

Đều làm cho nghe được âm thanh, mới thông tỏ phương bên trên, một Trời cuối cùng Đỉnh Trời. Đó là báo ứng của Bố thí.

若演光明遍三千界。開化眾生普令安穩。是持戒報。

Nhược diễn Quang-minh biến Tam-thiên giới. Khai hóa chúng sinh phổ linh an ổn. Thị Trì-giới báo.

Nếu diễn ra Quang sáng biến tòa Ba nghìn Thế giới. Khai hóa chúng sinh đều giúp cho yên ổn. Đó là báo ứng của giữ Giới.

其以法雨弘寬曠至。化諸編髮梵天之等使入大道。是忍辱報。

Kỳ dĩ Pháp vũ hồng khoan khoáng chí. Hóa chư biên phát Phạm Thiên chi đẳng sử nhập Đại-đạo. Thị Nhẫn-nhục báo.

Nếu do mưa Pháp rộng rãi thoáng lớn. Hóa ra các tết tóc của Phạm Thiên cùng với làm cho nhập vào Đạo lớn. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

變化神足顯其威神。憂為迦葉等類悅豫服為弟子。是精進報。

Biến hóa Thần-túc hiển kỳ Uy-thần. Ưu-vi, Ca-diếp đẳng loại duyệt dự phục vi Đệ-tử. Thị Tinh-tiến báo.

Thần thông biến hóa hiện ra rõ Uy thần đó. Ưu Vi Ca Diếp cùng với các loại phẫn khởi phục vụ làm Đệ Tử. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

心念梵天其心觀察我不以虛。志存梵行欲度諸梵。是一心報。

Tâm niệm Phạm Thiên kỳ tâm quan sát ngã bất dĩ hư. Chí tồn Phạm-hạnh dục độ chư Phạm. Thị Nhất-tâm báo.

Tâm nhớ Phạm Thiên, tâm đó quan sát bản thân không lấy làm sai. Ý chí còn ở Phạm hạnh muốn độ thoát các Phạm. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

以時開導如師子吼。莫不蒙慈。慈若虛空普覆一切。

Dĩ thời khai đạo như Sư Tử hống. Mạc bất môn từ, từ nhược hư không phổ phúc nhất thiết.

Theo thời khai sáng hướng dẫn như Sư Tử gầm. Đều được tâm Từ, tâm Từ nếu trống không đều che phủ tất cả.

是智慧報。是為六。何謂方便度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Phương-tiện Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Phương tiện Tới Niết Bàn có 6 việc ?

昔有梵志名隨堅。廣有所施各八萬四千。

Tích hữu Phạm-chí danh Tùy-kiên. Quảng hữu sở thí các bát vạn tứ thiên.

Trước có Phạm Chí tên là Tùy Kiên. Có được Bồ thí rộng lớn từng có 8 vạn 4 nghìn.

皆以勸助建立佛道。如比丘尼名大愛道。

Giai dĩ khuyến trợ kiến lập Phật đạo. Như Tì-kheo-ni danh Đại-ái-đạo.

Đều dùng khuyên trợ giúp thiết lập Đạo Phật. Như nữ Tì Kheo tên là Đại Ái Đạo.

佛勸喻曰。以金織成上於聖眾。

Phật khuyến dụ viết : Dĩ kim chức thành thượng ư Thánh chúng.

Phật khuyên nói là : Dùng vàng dệt thành ở trên các Thánh.

說是語時八百比丘悉入法律。是布施報。

Thuyết thị ngữ thời bát bách Tì-kheo tất nhập Pháp luật. Thị Bồ-thí báo.

Khi nói lời đó 8 nghìn Tì Kheo đều nhập vào Pháp luật. Đó là báo ứng của Bồ thí.

諸滅度佛猶安穩學。以開外士名曰須摩。

Chư Diệt-độ Phật do an ổn học. Dĩ khai ngoại sĩ danh viết Tu-ma.

Các Phật Tà thế do học yên ổn. Do khai sáng Chí sỹ bên ngoài tên là Tu Ma.

在於欲中則以六事調護其意使受道律。是持戒報。

Tại ư dục trung tắc dĩ Lục-sự điều hộ kỳ ý sử thụ Đạo-luật. Thị Trì-giới báo.

Sống ở trong dục chắc là dùng 6 việc điều hòa, bảo vệ ý đó làm cho nhận lấy Đạo luật. Đó là báo ứng của giữ Giới.

雖在仁和由如往昔有一菩薩。行忍辱時名羸提和。

Tuy tại nhân hòa do như vãng tích hữu nhất Bồ-tát. Hành Nhẫn-nhục thời danh Sạn-đề-hòa.

Tuy sống nhân hòa giống như trước kia có một Bồ Tát. Khi thực hành Nhẫn nhục tên là Sạn Đề Hòa.

迦夷國王斷其手足及與耳鼻。血化乳湓。

Ca-di Quốc Vương đoạn kỳ thủ túc cập dữ nhĩ tị. Huyết hóa nhũ chúng.

Ca Di Quốc Vương cắt bỏ chân tay cùng với tai mũi. Máu hóa thành nước sữa.

心不起瞋無有瘡病。念懷大哀愍如赤子。

Tâm bất khởi sân vô hữu sang bệnh. Niệm hoài đại ai mẫn như xích tử.

Tâm không sinh khởi thù hận không có bệnh đau đớn. Nhớ lo thương xót lớn như con đỏ.

當時開度八十億天。是忍辱報。

Đương thời khai độ bát thập ức Thiên. Thị Nhẫn-nhục báo.

Cùng thời khai sáng độ thoát 80 triệu Trời. Đó là báo ứng của Nhẫn nhục.

勉已勤修猶如五通菩薩大志。勉出五百梵志童子。

Miễn kỹ cần tu do như Ngũ-thông Bồ-tát đại chí. Miễn xuất ngũ bách Phạm-chí Đồng tử.

Bản thân cố gắng tu hành chuyên cần giống như 5 Bồ Tát 5 Thần thông ý chí lớn. Cố gắng ra khỏi 500 trẻ con Phạm Chí.

令歡喜悅悉受道教。是精進報。

Linh hoan hỷ duyệt tất thụ Đạo-giáo. Thị Tinh-tiến báo.

Giúp cho vui mừng phấn khởi đều nhận lấy giáo Lý Đạo. Đó là báo ứng của Tinh tiến.

若聞經典勢力轉增。乃至無極定意正受。是一心報。

Nhược văn Kinh điển thế lực chuyển tăng. Nãi chí vô cực Định ý Chính-thụ. Thị Nhất-tâm báo.

Nếu nghe Kinh điển thế lực chuyển tăng. Thậm chí Định ý Thụ nhận đúng vô cùng. Đó là báo ứng của Nhất tâm.

恣意任力而頒宣法。隨其所好而度脫之。

Tứ ý nhâm lực nhi ban tuyên Pháp. Tùy kỳ sở hảo nhi độ thoát chi.

Ý phóng túng lực nhận nói đọc Pháp. Theo đó được tốt đẹp mà độ thoát.

是智慧報。是為六。何謂愁感度無極有六事？

Thị Trí-tuệ báo. Thị vi lục. Hà vị Sầu thích Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là báo ứng của Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ưu lo Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所施心懷憂思。常如慧明供養大聖不以求利。是曰布施。

Nhược hữu sở thí tâm hoài ưu tư. Thường như tuệ minh cúng dưỡng Đại Thánh bất dĩ cầu lợi.

Thị viết Bồ-thí.

Nếu có được Bồ thí tâm nhớ lo nghĩ. Thường như Tuệ sáng cúng dưỡng Đại Thánh, không dùng cầu lợi. Đó là Bồ thí.

招致道乘來於一切。造立道業成就具足。是曰持戒。

Chiêu trí Đạo thừa lai ư nhất thiết. Tạo lập Đạo-nghiệp thành tựu cụ túc. Thị viết Trì-giới.

Vẫy gọi đem tới Bạc Đạo đến tới tất cả. Tạo lập Nghiệp Đạo thành công đầy đủ. Đó là giữ Giới.

由如申日(晉曰首寂)因外異學興惡請佛。

Do như Thân-nhật (Tấn viết Thủ-tịch) nhân ngoại dị học hưng ác thỉnh Phật.

Do như Thân Nhật (đời Tấn viết là Thủ Tịch) nhân do học khác lạ bên ngoài hưng thịnh ác mời Phật.

緣是受教入於佛道。是曰忍辱。

Duyên thị thụ giáo nhập ư Phật đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Theo đó nhận lấy giáo lý nhập vào Đạo Phật. Đó là Nhẫn nhục.

亦如往昔虛羅龍王。心毒勇猛霜雹五穀及害萬民。

Diệt như văng tích Hư-la Long-vương. Tâm độc dũng mãnh sương bạc ngũ cốc hại vạn dân. Cũng như trước kia Hư La Long Vương. Tâm độc dũng mãnh mưa đá hại ngũ cốc cùng với hại vạn dân.

佛化開導。是曰精進。

Phật hóa khai đạo. Thị viết Tinh-tiến.

Phật giáo hóa khai sáng hướng dẫn. Đó là Tinh tiến.

本成佛道為最正覺。時佛默然禪思不倦。

Bản thành Phật đạo vi Tối Chính-giác. Thời Phật mặc nhiên Thiền tư bất quyện.

Vốn dĩ thành Đạo Phật là Tối Chính Giác. Thời Phật im lặng Tĩnh lặng suy nghĩ không có mệt mỏi.

梵天來下請佛勸助。唯垂說法救濟三界。是曰一心。

Phạm Thiên lai hạ thỉnh Phật khuyến trợ. Duy thù thuyết Pháp cứu tế Tam-giới. Thị viết Nhất-tâm.

Phạm Thiên đến hạ xuống thỉnh cầu Phật khuyến trợ giúp. Rủ lòng nói Pháp cứu giúp 3 Cõi giới. Đó là Nhất tâm.

猶如蛇虵懷毒甚盛佛來入火室開化入律降伏自歸。

Do như xà ngoan hoài độc thậm thịnh, Phật lai nhập hỏa thất khai hóa nhập luật hàng phục tự quy.

Giống như rắn độc mong độc rất mạnh, Phật tới nhập vào phòng lửa khai hóa nhập vào luật, hàng phục tự theo trở về.

是曰智慧。是為六。何謂開化真陀度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Khai hóa Chân-đà Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Khai hóa quán tính chân thực Tối Niết Bàn có 6 việc ?

夫自安身救護他人一切所有施而不吝。是曰布施。

Phu tự an thân cứu hộ tha nhân nhất thiết sở hữu thí nhi bất lận. Thị viết Bố-thí.

Trượng phu thân tự yên thân, cứu giúp người khác tất cả có được Bố thí mà không hết. Đó là Bố thí.

由如菩薩名蓮華藏。以金剛行心大堅強無所貪吝。

Do như Bồ-tát danh Liên-hoa-tạng. Dĩ Kim-cương hành tâm đại kiên cường vô sở tham lận.

Do như Bồ Tát tên là Liên Hoa Tạng. Dùng Kim Cương thực hành tâm kiên cường lớn không có tham tiếc.

一切眾生心計有身。言有吾我。用吾我故等奉行法。

Nhất thiết chúng sinh tâm kế hữu thân. Ngôn hữu ngô ngã. Dụng ngô ngã cố đẳng phụng hành Pháp.

Tất cả chúng sinh tâm tính kế có thân. Nói có tôi ta. Do vì tôi ta Bình đẳng cung kính hành Pháp.
為彼眾生寧失身命終不毀戒。是曰持戒。

Vị bỉ chúng sinh ninh thất thân mệnh chung bất hủy giới. Thị viết Trì-giới.

Vì chúng sinh đó chắc chắn thân mệnh sai, cuối cùng không phá hủy Giới. Đó là giữ Giới.
猶如昔鬻度眾賈人令不溺死。反懷惡心抱無反復。

Do như tích miết độ chúng cổ nhân linh bất nịch tử. Phản hoài ác tâm bão vô phản phục.

Giống như xưa con Ba ba cứu độ các người buôn, giúp cho không chết chìm. Tâm ngược lại nhớ ác ôm ấp không phản lại.

而念還害殺於鬻身。一心安慈無忿念意。是曰忍辱。

Nhi niệm hoàn hại sát ư miết thân. Nhất tâm an Từ vô phần niệm ý. Thị viết Nhẫn-nhục.

Mà nhớ trở về sát hại thân Ba ba. Nhất tâm Từ yên ổn ý nhớ không phần nộ. Đó là Nhẫn nhục.
猶若有魚在於水中牽掣人噉食其身體。

Do nhược hữu ngư tại ư thủy trung khiên xiết nhân đạm thực kỳ thân thể.

Nếu như có cá ở trong nước người vây bắt lấy ăn thân thể nó.

及諸雜蟲來危人身。在中救之令有慈心。是曰精進。

Cập chư tạp trùng lai nguy nhân thân. Tại trung cứu chi linh hữu Từ tâm. Thị viết Tinh-tiến.

Cùng với các loại trùng đến nguy hại thân người. Ở giữa cứu giúp giúp cho có tâm Từ. Đó là Tinh tiến.

假使諸獸來欲殺人。悉能含耐而不加惡。是曰一心。

Giả sử chư thú lai dục sát nhân. Tất năng hàm nại nhi bất gia ác. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu như các thú vật tới muốn hại người. Điều có thể nuốt Nhẫn nại mà không tăng thêm ác. Đó là Nhất tâm.

若諷誦學億載經卷姦數譬喻。以是聖明度脫他人。

Nhược phúng tụng học ức tải Kinh quyển cai số thí dụ. Dĩ thị Thánh-minh độ thoát tha nhân.

Nếu đọc to tụng học chuyển tải triệu quyển Kinh vạn vạn số thí dụ. Do sáng suốt của Thánh đó độ thoát người khác.

是曰智慧。是為六。何謂為異度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Vị dị Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Được khác lạ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有所見飢乏窮厄隨時與之。是曰布施。

Nhược hữu sở kiến cơ phạp cùng ách tùy thời dĩ chi. Thị viết Bố-thí.

Nếu có được nhìn thấy đói khát cùng khốn tai ách tùy thời ban cho. Đó là Bố thí.

如號名聞梵志道士。大祠祀施我在中食。

Như hiệu danh văn Phạm-chí Đạo-sĩ. Đại từ tự thí ngã tại trung thực.

Như nghe tên hiệu Phạm Chí Đạo Sĩ. Cúng tế bố thí lớn ta ăn ở giữa.

因開化之而發道心。是曰持戒。

Nhân khai hóa chi nhi phát Đạo tâm. Thị viết Trì-giới.

Nhân do khai hóa mà phát tâm Đạo. Đó là giữ Giới.

又其梵志勤設醫藥。以治眾病加示法藥。

Hựu kỳ Phạm-chí cần thiết y dược. Dĩ trị chúng bệnh gia thị Pháp dược.

Mới lại Phạm Chí đó cần thiết chế thang thuốc. Dùng chữa trị các bệnh tăng thêm hiện ra thuốc bằng Pháp.

諮嗟至德悉使眾生得生天上。是曰忍辱。

Tư ta chí Đức tất sử chúng sinh đắc sinh Thiên thượng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thăm hỏi thương xót được Đức đều làm cho chúng sinh được sinh lên Trời. Đó là Nhẫn nhục.

勤修身行解出家業。雖未成佛勇銳如斯。是曰精進。

Cần tu Thân-hạnh giải Xuất-gia nghiệp. Tuy vị thành Phật dũng nhuệ như tư. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu hành hạnh của Thân, tháo bỏ Nghiệp Xuất gia. Tuy chưa thành Phật dũng mãnh như thế. Đó là Tinh tiến.

其以禪思超在山頂。無上正真受以三達知去來今。是曰一心。

Kỳ dĩ Thiền-tư siêu tại sơn đỉnh. Vô-thượng Chính-chân thụ dĩ tam đạt tri Khứ-Lai-Kim. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ vượt qua nơi đỉnh núi. Nhận lấy Bình Đẳng Chân Chính dùng 3 thông tỏ biết Quá khứ Hiện nay Tương lai. Đó là Nhất tâm.

若以體解十八不共諸佛妙法。頒宣道化十八地獄。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ thể giải Thập bát bát cộng chư Phật diệu Pháp. Ban tuyên Đạo hóa thập bát Địa-ngục Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do hiểu tổng thể 18 không cùng Pháp vi diệu của các Phật. Nói đọc giáo hóa Đạo 18 Địa ngục. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

三十七品第十三

Tam thập thất phẩm đệ thập tam.

Phẩm thứ 13 Ba mươi bảy trợ Đạo Pháp.

佛告喜王菩薩！何謂四斷度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát！Hà vị Tứ đoạn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Thế nào gọi là 4 cắt bỏ Tới Niết Bàn có 6 việc？

諸惡不善未有生矣護令不起。是六度無極合集勢力。

Chư ác bất thiện vị hữu sinh hĩ hộ linh bất khởi. Thị Lục-độ vô cực hợp tập thể lực.

Các ác không thiện chưa có sinh, bảo vệ giúp cho không sinh khởi. Sáu Pháp Tới Niết Bàn đó tập hợp thể lực.

消滅塵勞常使清淨。是曰布施。

Tiêu diệt Trần lao thường sử Thanh tịnh. Thị viết Bố-thí.

Tiêu diệt Phiền toái thường làm cho Thanh tịnh. Đó là Bố thí.

求不善服消除眾惡非宜事業。是曰持戒。

Cầu bất thiện phục tiêu trừ chúng ác phi nghi sự nghiệp. Thị viết Trì-giới.

Cầu khắc phục không thiện, tiêu trừ các ác sự nghiệp không phù hợp. Đó là giữ Giới.

解於自然非法之元化使入道。是曰忍辱。

Giải u tự nhiên phi Pháp chi nguyên hóa sử nhập Đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ở nơi tự nhiên vốn dĩ không có Pháp, giáo hóa làm cho nhập vào Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

未生諸惡尋前盡滅興隆道法。是曰精進。

Vị sinh chư ác tâm tiền tận diệt hưng long đạo Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Chưa sinh các ác tìm kiếm diệt hết, trước tiên hưng vượng Đạo Pháp. Đó là Tinh tiến.

勸化他人使入正真宣傳道業。是曰一心。

Khuyến hóa tha nhân sử nhập Chính-chân tuyên truyền Đạo-nghiệp. Thị viết Nhất-tâm.

Khuyến giáo hóa người khác làm cho nhập vào Chân Chính tuyên truyền Nghiệp Đạo. Đó là Nhất tâm.

究竟自然諸惡不善使不復生。因是心行長養道化。是曰智慧。是為六。

Cứu cánh tự nhiên chư ác bất thiện sử bất phục sinh. Nhân thị tâm hành trưởng dưỡng Đạo hóa.

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Cuối cùng tự nhiên các ác không thiện, làm cho không trở lại sinh. Nhân do tâm đó thực hành nuôi dưỡng giáo hóa Đạo tăng trưởng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂這起尋滅度無極有六事？若塵勞興親入其中。

Hà vị giá Khởi tâm diệt độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược trần lao hưng thân nhập kỳ trung.

Thế nào gọi là Lúc này sinh khởi tìm diệt Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu phiền toái hưng thịnh thân nhập vào trong đó.

覩見菩薩方便習真。是曰布施。

Đỗ kiến Bồ-tát Phương-tiện tập chân. Thị viết Bố-thí.

Nhìn thấy được Bồ Tát luyện tập chân thực Phương tiện. Đó là Bố thí.

患厭愛欲難之不淨奉清明業。是曰持戒。

Hoạn yếm ái dục nạn chi bất tịnh phụng thanh minh nghiệp. Thị viết Trì-giới.

Chán hoạn nạn ách nạn yêu tham dục không Thanh tịnh, cung kính Nghiệp trong sáng. Đó là giữ Giới.

在彼斷穢遵修清白。若盡惡習非法之元。

Tại bỉ đoạn uế tuân tu thanh bạch. Nhược tận ác tập phi Pháp chi nguyên.

Ở nơi đó vứt bỏ ô uế tuân theo tu hành Thanh bạch. Nếu hết luyện tập ác, căn nguyên của Pháp sai.

功德未生勤勸使興。是曰忍辱。

Công-đức vị sinh cần khuyến sử hưng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Công Đức chưa sinh chuyên cần khuyến làm cho hưng thịnh. Đó là Nhẫn nhục.

若解了慧分別塵勞消眾愛欲。是曰精進。

Nhược giải liễu tuệ phân biệt trần lao tiêu chúng ái dục. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu hiểu biết rõ Trí tuệ, phân biệt phiền toái, tiêu tan các yêu tham dục. Đó là Tinh tiến.

常在燕居專心禪思定意三昧。是曰一心。

Thường tại yên cư chuyên tâm Thiền tư Định ý Tam-muội. Thị viết Nhất-tâm.

Thường ở trong nơi ở yên tĩnh chuyên tâm Tĩnh lặng suy nghĩ Định ý Tam Muội. Đó là Nhất tâm.

篤信他人六度無極。興發善德度脫一切。是曰智慧。是為六。

Đốc tín tha nhân Lục-độ vô cực. Hưng phát thiện Đức độ thoát nhất thiết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Hết lòng tin người khác, 6 Pháp Tới Niết Bàn. Hưng phát thiện Đức độ thoát tất cả. Đó là Trí tuệ.

Đó là sáu

何謂未興眾德因而興之度無極有六事？

Hà vị vị Hưng chúng Đức nhân nhi hưng chi Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Hưng thịnh các Đức nhân đó hưng vượng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若發諸善不捨虛乏。積功累德每生自尅。是曰布施。

Nhược phát chư thiện bất xả hư phạp. Tích công lũy Đức mỗi sinh tự khắc. Thị viết Bô-thí.

Nếu phát khởi các thiện không bỏ ảo vọng. Tích lũy công Đức mỗi lần sinh tự khắc lấy. Đó là Bô thí.

若致善德益以好樂。令使增長以惠一切。是曰持戒。

Nhược trí thiện Đức ích dĩ hảo lạc. Linh sử tăng trưởng dĩ huệ nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Nếu đem tới thiện Đức ích lợi do tốt đẹp vui sướng. Giúp cho tăng trưởng do ân huệ tất cả. Đó là giữ Giới.

遵空無事不盡德本。以消眾惡不善之行。是曰忍辱。

Tuân Không vô sự bất tận Đức bản. Dĩ tiêu chúng ác bất thiện chi hạnh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuân theo Rỗng không, không có việc, không hết Đức vốn có. Do tiêu tan các ác hạnh không thiện. Đó là Nhẫn nhục.

身口立行方便無緣因興道德。是曰精進。

Thân khẩu lập hạnh Phương-tiện vô duyên nhân hưng Đạo-đức. Thị viết Tinh-tiến.

Thân Miệng đi đứng Phương tiện Không có Duyên, nhân do hưng vượng Đạo Đức. Đó là Tinh tiến.

若奉法教攝眾猗想。而不忘失定意正受。是曰一心。

Nhược phụng Pháp giáo nhiếp chúng y tưởng. Nhi bất vong thất Định ý Chính-thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cung kính giáo Pháp thu lấy các ý tưởng. Mà không quên mất Định ý Thụ nhận đúng. Đó là Nhất tâm.

所造得興無起發意。成就道明開化一切皆荷道慈。

Sở tạo đắc hưng vô khởi phát ý. Thành tựu đạo minh khai hóa nhất thiết giai hà đạo từ.

Nếu tạo được hưng vượng không khởi phát ý. Thành công Đạo khai hóa tất cả đều đảm nhận Đạo Từ.

是曰智慧。是為六。何謂以發立德度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Dĩ phát lập Đức Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Do phát khởi lập dựng Đức Tới Niết Bàn có 6 việc ?

以起眾善功德之元。不生惡行無益之義。是曰布施。

Dĩ khởi chúng thiện công Đức chi nguyên. Bất sinh ác hành vô ích chi nghĩa. Thị viết Bồ-thí.

Do sinh khởi các thiện công Đức căn nguyên. Không sinh hạnh ác nghĩa không có ích. Đó là Bồ thí.

以斯忻樂唯志至真。不念小業無益一切。是曰持戒。

Dĩ tư hân lạc duy chí chí chân. Bất niệm tiểu nghiệp vô ích nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Do hân hoan vui sướng đó chỉ có ý chí được Chân Chính. Không nhớ Nghiệp nhỏ tất cả vô ích.

Đó là giữ Giới.

察諸應宜而不懷恨除眾不慎。是曰忍辱。

Sát chư ưng nghi nhi bất hoài hận trừ chúng bất thận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kĩ ung theo phù hợp mà không nhớ thù hận trừ các không cẩn thận. Đó là Nhẫn nhục.

所可將護未曾虛妄皆入於道。是曰精進。

Sở khả tương hộ vị tằng hư vọng giai nhập ư Đạo. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể sẽ bảo vệ, chưa từng ảo tưởng đều nhập vào Đạo. Đó là Tinh tiến.

奉遵道力不為羸劣強而有勢。是曰一心。

Phụng tuân Đạo lực bất vi luy liệt cường nhi hữu thế. Thị viết Nhất-tâm.

Cung kính tuân theo Lục Đạo không bị mệt nhọc mạnh mẽ mà có thể lực. Đó là Nhất tâm.

順從習俗一切不墮邪見六十二疑。勸助一切不抱妄想。

Thuận tòng tập tục nhất thiết bất đọa Tà-kiến Lục thập nhị nghi. Khuyến trợ nhất thiết bất bảo vọng tưởng.

Thuận theo tập tục tất cả không đọa vào Nhìn thấy sai trái 62 nghi hoặc. Khuyến trợ giúp tất cả không ôm ấp ảo tưởng.

是曰智慧。是為六。何謂神足度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thần-túc Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thần thông biến hóa Tới Niết Bàn có 6 việc ?

斷眾貪穢思惟經典。以成神足未曾忘失。是曰布施。

Đoạn chúng tham uế tư duy Kinh điển. Dĩ thành Thần-túc vị tằng vong thất. Thị viết Bồ-thí.

Cắt bỏ các tham ô uế tư duy Kinh điển. Do thành công Thần thông biến hóa chưa từng quên mất.

Đó là Bồ thí.

云何菩薩而具足成就。從意所樂無所好念。

Vân hà Bồ-tát nhi cụ túc thành tựu. Tòng ý sở lạc vô sở hiếu niệm.

Bồ Tát làm gì mà thành công đầy đủ. Theo ý được vui sướng không cóham thích nhớ.

若以法義而喜施與救濟危厄。是曰持戒。

Nhược dĩ Pháp nghĩa nhi hỉ thí dữ cứu tế nguy ách. Thị viết Trì-giới.

Nếu do nghĩa của Pháp mà vui Bồ thí cùng với cứu giúp nguy ách. Đó là giữ Giới.

其樂堅固不可毀壞心不生根。是曰忍辱。

Kỳ lạc kiên cố bất khả hủy hoại tâm bất sinh hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu vui sướng kiên cố không thể hủy hoại, tâm không sinh thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

若慕出家棄世榮樂以法自娛。是曰精進。

Nhược mộ Xuất-gia khí thế vinh lạc dĩ Pháp tự ngu. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ngưỡng mộ Xuất gia vứt bỏ vinh hoa vui sướng ở đời, lấy Pháp tự làm vui. Đó là Tinh tiến.

若以正觀一切如幻三界若化。是曰一心。

Nhược dĩ Chính-quan nhất thiết như huyền Tam-giới nhược hóa. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do quan sát đúng tất cả như ảo, 3 Cõi giới nếu tan. Đó là Nhất tâm.

設好決疑無餘結網深入微妙。是曰智慧。是為六。

Thiết hiếu quyết nghi vô dư kết võng thâm nhập vi diệu. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu thích bỏ nghi hoặc kết lưới võng, không còn thâm nhập vào vi diệu. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂四神足勤修精進度無極有六事？

Hà vị tứ Thần-túc cần tu Tinh-tiến Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là 4 Thần thông biến hóa tu chuyên cần Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc？

若護神足飛到十方。無所罣礙開化一切。是曰布施。

Nhược hộ Thần-túc phi đáo Thập phương. Vô sở quải ngại khai hóa nhất thiết. Thị viết Bố-thí.

Nếu bảo vệ Thần thông biến hóa bay tới 10 phương. Không có trở ngại khai hóa tất cả. Đó là Bố thí.

若以懇懃志於大業心進願樂。願樂輕舉遊行天下。是曰持戒。

Nhược dĩ ân cần chí ư đại Nghiệp tâm tiến nguyện lạc. Nguyện lạc khinh cử du hành Thiên-hạ.

Thị viết Trì-giới.

Nếu do thương xót ý chí ở Nghiệp lớn, tâm nguyện vui sướng tiến lên. Nguyện vui sướng bay

lên nhẹ nhàng du chơi Thiên hạ. Đó là giữ Giới.

勤修發意日日增進。而不懈廢并化眾生。是曰忍辱。

Cần tu phát ý nhật nhật tăng tiến. Nhi bất giải phế tịnh hóa chúng sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tu hành chuyên cần phát ý ngày càng tăng tiến. Mà không lười phá bỏ gồm cả giáo hóa chúng sinh. Đó là Nhẫn nhục.

逮得方便所當興為。出家學道不好邪行。是曰精進。

Đãi đắc Phương-tiện sở đương hưng vi. Xuất-gia học đạo bất hiếu tà hành. Thị viết Tinh-tiến.

Bắt được Phương tiện nếu đang hưng thịnh làm. Xuất gia học Đạo không thích hành sai trái. Đó là Tinh tiến.

決眾狐疑悉使開化。可意悅豫因發道心。是曰一心。

Quyết chúng hồ nghi tất sử khai hóa. Khả ý duyệt dự nhân phát Đạo tâm. Thị viết Nhất-tâm.

Bỏ các nghi hoặc đều làm cho khai hóa. Ý được phần chân nhân do phát tâm Đạo. Đó là Nhất tâm.

所可勸助普入一切。諸闇蔽人使識正真十方蒙恩。

Sở khả khuyến trợ phổ nhập nhất thiết. Chư ám tế nhân sử thức Chính-chân Thập phương môn ân.

Nếu có thể khuyến trợ giúp đều nhập vào tất cả. Các u tối che phủ người làm cho nhận ra Chân Chính 10 phương được ân.

是曰智慧。是為六。何謂心行神足度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tâm hành Thần-túc Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tâm thực hành Thần thông biến hóa Tới Niết Bàn có 6 việc ?

其心平等盡眾垢塵常行清淨。是曰布施。

Kỳ tâm Bình-đẳng tận chúng cấu trần thường hành Thanh tịnh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tâm Bình đẳng hết các Trần cấu bẩn, thường hành Thanh tịnh. Đó là Bồ thí.

若離愛欲不淨之行奉修清白。是曰持戒。

Nhược ly ái dục bất tịnh chi hạnh phụng tu thanh bạch. Thị viết Trì-giới.

Nếu rời xa yêu tham dục, hạnh không Thanh tịnh, cung kính tu hành trong sạch. Đó là giữ Giới.

曉了所生如是滅盡。不得久存唯道可恃。是曰忍辱。

Hiểu liễu sở sinh như thị diệt tận. Bất đắc cửu tồn duy Đạo khả恃. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hiểu biết rõ được sinh như thế diệt hết. Không được còn lại lâu dài chỉ có Đạo có thể dựa vào. Đó là Nhẫn nhục.

逮得無想，雖有所逮，逮無所逮。是曰精進。

Đãi đắc vô tưởng, tuy hữu sở đãi, đãi vô sở đãi. Thị viết Tinh-tiến.

Bắt được không có tưởng nhớ tuy có bắt được, bắt được không có bắt. Đó là Tinh tiến.

心所建立除去所拘。而無所住常遵正真。是曰一心。

Tâm sở kiến lập trừ khứ sở câu. Nhi vô sở trụ thường tuân Chính-chân. Thị viết Nhất-tâm.

Tâm nếu thiết lập trừ bỏ được bó buộc. Mà không có ở lại thường tuân theo Chân Chính. Đó là Nhất tâm.

斷眾結著未曾有縛心等如空。是曰智慧。是為六。

Đoạn chúng kết trước vị tăng hữu phược tâm đẳng như Không. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Cắt bỏ các kết buộc nương nhờ chưa từng có kết buộc, tâm ngang bằng Rỗng không. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂所識神足度無極有六事？

Hà vị sở Thức Thần-túc Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Nhận ra Thần thông biến hóa Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所識造行使離愛欲無復貪塵。是曰布施。

Sở thức tạo hạnh sử ly ái dục vô phục tham Trần. Thị viết Bồ-thí.

Nếu nhận ra tạo dựng hạnh, làm cho rời xa yêu tham dục, không trở lại tham Trần. Đó là Bồ thí.

若逮真正不為危諂一切無犯。是曰持戒。

Nhược đãi chân chính bất vi nguy siểm nhất thiết vô phạm. Thị viết Trì-giới.

Nếu bắt lấy Chân chính không làm nguy hiểm siểm nịnh, tất cả không vi phạm. Đó là giữ Giới.

勸助清淨而無瑕穢常慎眾諍。是曰忍辱。

Khuyến trợ Thanh tịnh nhi vô hà uesthường thận chúng tranh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Khuyến trợ giúp Thanh tịnh mà không có dấu vết ô uesthường cẩn thận các tranh luận. Đó là Nhẫn nhục.

所可越度普入一切眾生蒙荷。是曰精進。

Sở khả việt độ phổ nhập nhất thiết chúng sinh mông hà. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể vượt qua đều nhập vào tất cả chúng sinh được đảm nhận. Đó là Tinh tiến.

若能覺知諸所罣礙皆是損耗不為放逸。是曰一心。

Nhược năng giác tri chư sở quả ngại giai thị tổn hao bất vi phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể biết cảm thấy mọi việc bị trở ngại, đều là tổn hao không làm phóng túng. Đó là Nhất tâm.

以棄弊塞脫無罣礙。不失大辯開導不逮咸令深入。

Dĩ khí tệt tắc thoát vô quả ngại. Bất thất đại biện khai đạo bất đả hàm linh thâm nhập.

Do vứt bỏ tệt hại bết tắc thoát khỏi trở ngại. Không mất hùng biện lớn khai sáng hướng dẫn không bắt lầy đều giúp cho thâm nhập.

是曰智慧。是為六。何謂第一禪度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Đệ nhất Thiền Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thiền bậc nhất Tới Niết Bàn có 6 việc？

所勤方便逮得功德不可限量。是曰布施。

Sở cần Phương-tiện đả đắc Công-đức bất khả hạn lượng. Thị viết Bố-thí.

Nếu chuyên cần Phương tiện bắt được công Đức không thể hạn lượng. Đó là Bố thí.

所觀察事善權隨時不失一切。是曰持戒。

Sở quan sát sự thiện quyền tùy thời bất thất nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Nếu xem xét kĩ việc thiện quyền theo thời không mất tất cả. Đó là giữ Giới.

其第一禪受攝方便不失一心。志存定慧常思仁和。是曰忍辱。

Kỳ đệ nhất Thiền thụ nhiếp Phương-tiện bất thất Nhất tâm. Chí tồn Định-Tuệ thường tư nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu Thiền bậc 1 nhận thu lấy Phương tiện không mất Nhất tâm. Ý chí còn trong Định Tuệ thường nhớ nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

若消五陰成就五通。遍入五趣而往化之。是曰精進。

Nhược tiêu Ngũ-âm thành tựu ngũ Thông. Biến nhập Ngũ-thú nhi vãng hóa chi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu tiêu tan 5 Uẩn thành công 5 Thần thông. Biến tỏa nhập vào 5 hướng Đạo mà vãng tới giáo hóa. Đó là Tinh tiến.

以致一定專精心寂。而無所生覩見十方。是曰一心。

Dĩ trí nhất định chuyên tinh tâm tịch. Nhi vô sở sinh đở kiến Thập phương. Thị viết Nhất-tâm.

Do đem tới nhất định chuyên nhất tinh luyện tâm vắng vẻ. Mà không có sinh nhìn thấy được 10 phương. Đó là Nhất tâm.

五人至願不能堅固而違本誓。稽首自歸順從道教。

Ngũ nhân chí nguyện bất năng kiên cố nhi vi bản thệ. Khê thủ tự quy thuận tông Đạo giáo.
5 người được mong nguyện không thể kiên cố mà vi phạm thệ nguyện vốn có. Phục đĩnh lễ tự theo trở về thuận theo giáo lý Đạo.

是曰智慧。是為六。何謂第二禪度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Đệ nhị Thiền Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thiền bậc 2 Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以禪思斷眾妄想疾得堅固。是曰布施。

Nhược dĩ Thiền tư đoạn chúng vọng tưởng tật đặc kiên cố. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do Tinh lặng suy nghĩ, cắt bỏ các ảo tưởng nhanh được kiên cố. Đó là Bồ thí.

曉了無限不可計處。道利戒法因荷其恩。是曰持戒。

Hiểu liễu vô hạn bất khả kể xử. Đạo lợi Giới Pháp nhân hà kỳ ân. Thị viết Trì-giới.

Hiểu biết rõ không có hạn, không thể tính kể được nơi ở. Đạo Pháp giữ Giới thông lợi nhân do đảm nhân ân đó. Đó là giữ Giới.

覺寤眾生自能分別。一切悉空心不復起。是曰忍辱。

Giác ngộ chúng sinh tự năng phân biệt. Nhất thiết tất Không tâm bất phục khởi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ngủ cảm thấy chúng sinh tự có thể phân biệt. Tất cả đều Rỗng không tâm không trở lại sinh khởi. Đó là Nhẫn nhục.

若靜燕居習自攝心而不放逸。是曰精進。

Nhược tĩnh yên cư tập tự nhiếp tâm nhi bất phóng dật. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ở nơi yên tĩnh luyện tập tự thu lấy tâm mà không phóng túng. Đó là Tinh tiến.

若樂解脫存不退轉。不志小節定意正受。是曰一心。

Nhược lạc Giải-thoát tồn Bất-thoái-chuyển. Bất chí tiểu tiết định ý Chính-thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu vui sướng Giải thoát còn ở trong Không thoái lui. Không chú ý tới việc nhỏ Định ý Thụ nhận đúng. Đó là Nhất tâm.

所觀發明愍己哀彼。一切普等不為偏黨。是曰智慧。是為六。

Sở quan phát minh mẫn kỷ ai bỉ. Nhất thiết phổ đẳng bất vi thiên đảng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu quan sát phát minh thương bản thân xót thương nhớ họ. Tất cả đều ngang bằng không thiên vị. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂第三禪度無極有六事？行第三禪忻樂順安。

Hà vị Đệ tam Thiền Độ vô cực hữu Lục-sự ? Hành đệ tam Thiền hân lạc thuận an.

Thế nào gọi là Thiền bậc 3 Tới Niết Bàn có 6 việc ? Hành Thiền bậc 3 hân hoan vui sướng thuận hòa yên ổn.

棄捐眾惡不善之業。是曰布施。

Khí quyên chúng ác bất thiện chi nghiệp. Thị viết Bồ-thí.

Vứt bỏ các ác Nghiệp không thiện. Đó là Bồ thí.

方便勤修捨諸伎樂志存禁義。是曰持戒。

Phương-tiện cần tu xả chư kĩ nhạc chí tồn cấm nghĩa. Thị viết Trì-giới.

Phương tiện tu hành chuyên cần buông bỏ kĩ nhạc, ý chí còn trong nghĩa Giới cấm. Đó là giữ Giới.

其心專精離於所好。外眾邪欲不以歡喜。是曰忍辱。

Kỳ tâm chuyên tinh ly ư sở hảo. Ngoại chúng tà dục bất dĩ hoan hỷ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tâm chuyên nhất tinh thông rời xa với được tốt đẹp. Các tham dục sai trái bên ngoài không lấy làm vui vẻ. Đó là Nhẫn nhục.

而於其內察無常苦空靜非身。無所忘失建立其志。是曰精進。

Nhi ư kỳ nội sát Vô-thường Khổ Không tĩnh phi thân. Vô sở vong thất kiến lập kỳ chí. Thị viết Tinh-tiến.

Mà với bên trong đó xem kĩ Biến đổi Khổ Rỗng không Tĩnh lặng không phải thân. Không có quên mất thiết lập ý chí đó. Đó là Tinh tiến.

其意堅固靡所不達行不馳騁。是曰一心。

Kỳ ý kiên cố mị sở bất đạt hành bất trì sính. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ý kiên cố tất cả đều thông tỏ thực hành không chạy theo. Đó là Nhất tâm.

以盡諸漏無復報應罪福之患有無之業。是曰智慧。是為六。

Dĩ tận chư lậu vô phục báo ứng tội Phúc chi hoạn hữu vô chi nghiệp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đã hết Phiền não, không trở lại báo ứng tội Phúc hoạn nạn, có không có Nghiệp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂第四禪度無極有六事？若以四禪斷一切眾苦。

Hà vị Đệ tứ Thiền Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược dĩ tứ Thiền đoạn nhất thiết chúng khổ.

Thế nào gọi là Thiền bậc 4 Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do Thiền bậc 4 cắt bỏ tất cả các khổ.

志於法樂永除眾惱無復諸難。是曰布施。

Chí ư Pháp lạc vĩnh trừ chúng não vô phục chư nạn. Thị viết Bố-thí.

Ý chí tới Pháp vui sướng, trừ diệt vĩnh viễn các não loạn, các nạn ách không trở lại. Đó là Bố thí.

悉棄眾苦三界終始長樂無患。是曰持戒。

Tất khí chúng khổ Tam-giới chung thủy trường lạc vô hoạn. Thị viết Trì-giới.

Đều vứt bỏ các khổ 3 Cõi giới, cuối cùng tăng trưởng vui sướng, không có hoạn nạn. Đó là giữ Giới.

盡察一切周旋三界。生死危厄究竟本無。是曰忍辱。

Tận sát nhất thiết chu toàn Tam-giới. Sinh tử nguy ách cứu cánh bản vô. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kĩ hết tất cả, vật lộn ở 3 Cõi giới. Sinh chết nguy ách cuối cùng vốn dĩ không có. Đó là Nhẫn nhục.

以得燕寂未曾想求。存念逮得而無所望。是曰精進。

Dĩ đắc yên tịch vị tăng tưởng cầu. Tồn niệm逮 đắc nhi vô sở vọng. Thị viết Tinh-tiến.

Do được yên Tĩnh lặng chưa từng tưởng nhớ cầu. Còn nhớ bắt được mà không có hi vọng. Đó là Tinh tiến.

以獲致安禪思不慌定意正受。是曰一心。

Dĩ hoạch trí an Thiền tư bất hoảng Định-ý Chính-thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Do thu hoạch đem tới yên ổn Tĩnh lặng suy nghĩ, không hoảng sợ Định ý Thụ nhận đúng. Đó là Nhất tâm.

以成清淨勸助甘露不死之藥名曰法訓。

Dĩ thành Thanh tịnh khuyến trợ Cam-lộ bất tử chi dược danh viết Pháp huấn.

Do thành Thanh tịnh khuyến trợ giúp thuốc Cam Lộ không chết tên là dạy Pháp.

以療一切盲冥不達。是曰智慧。是為六。

Dĩ liệu nhất thiết manh minh bất đạt. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do chữa trị tất cả mù tối không thông tỏ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂身意止度無極有六事？云何身意止？

Hà vị Thân Ý chỉ Độ vô cực hữu Lục-sự？ Vân hà Thân Ý chỉ？

Thế nào gọi là Thân Ý dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc？ Thế nào là Thân Ý？

盡身不淨殺盜婬業。奉身淨行不計有我。是曰布施。

Tận thân bất tịnh sát đạo dâm nghiệp. Phụng thân Tịnh hạnh bất kế hữu ngã. Thị viết Bố-thí.

Thân hết không Thanh tịnh Nghiệp sát sinh trộm cướp dâm dục. Thân cung kính hạnh Thanh tịnh không tính kế có bản thân. Đó là Bố thí.

棄捐所有親親之宜無所戀慕。是曰持戒。

Khí quyên sở hữu thân thân chi nghi vô sở luyến mộ. Thị viết Trì-giới.

Vứt bỏ có được thân thiết phù hợp không có luyến mộ. Đó là giữ Giới.

若以好樂無吾我法不貪三界。是曰忍辱。

Nhược dĩ hảo lạc vô ngô ngã Pháp bất tham Tam-giới. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do vui sướng tốt đẹp, không có Pháp của tôi ta, không tham 3 Cõi giới. Đó là Nhẫn nhục.

一切所見放逸其心。令得自在不從非法。是曰精進。

Nhất thiết sở kiến phóng dật kỳ tâm. Linh đắc Tự-tại bất tòng phi Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả được nhìn thấy tâm họ phóng túng. Giúp cho được Tự tại không theo Pháp sai. Đó là Tinh tiến.

若觀一切三世自然。本無所有猶如幻化。是曰一心。

Nhược đồ nhất thiết Tam-thế tự nhiên. Bản vô sở hữu do như huyễn hóa. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy tất cả 3 Đời tự nhiên. Vốn dĩ không có, giống như ảo hóa. Đó là Nhất tâm.

見諸所非法自起滅。本無所生悉亦無處緣對而興。是曰智慧。是為六。

Kiến chư sở phi Pháp tự khởi diệt. Bản vô sở sinh tất diệt vô xứ duyên đối nhi hưng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nhìn thấy các việc sai trái Pháp tự sinh mất. Vốn dĩ không có sinh, đều cũng không có nơi ở, đối diện Duyên mà hưng thịnh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂痛痒意止度無極有六事？若使不顯心無所貪。

Hà vị Thông dương ý chỉ Độ vô cực hữu Lục-sự？ Nhược sử bất hiển tâm vô sở tham.

Thế nào gọi là Đau ốm ý dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu làm cho không hiện ra rõ tâm không có tham.

痛痒意止自然休息不追眾緣。是曰布施。

Thống dương ý chỉ tự nhiên hưu tức bắt truy chúng duyên. Thị viết Bồ-thí.

Dùng lại ý đau ốm, tự nhiên dùng nghỉ không đuổi theo các Duyên. Đó là Bồ thí.

以觀苦痛不造禍福無復眾患。是曰持戒。

Dĩ đồ khổ thống bất tạo họa Phúc vô phục chúng hoạn. Thị viết Trì-giới.

Do nhìn thấy khổ đau, không tạo ra họa Phúc, các hoạn nạn không trở lại. Đó là giữ Giới.

篤信空義心無所生。堪任一切諸不可行。是曰忍辱。

Đốc tín Không nghĩa tâm vô sở sinh. Kham tâm nhất thiết chư bất khả hành. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hết lòng tin nghĩa Rỗng không, tâm không có sinh. Chịu nhận tất cả các việc không có thể làm.

Đó là Nhẫn nhục.

不猗痛痒善惡苦樂亦無所著。是曰精進。

Bất y thống dương thiện ác khổ lạc diệc vô sở trước. Thị viết Tinh-tiến.

Không y lại đau ốm thiện ác khổ vui cũng không có nương nhờ. Đó là Tinh tiến.

其以樂痛在於三界。消三毒苦永無有餘。是曰一心。

Kỳ dĩ lạc thống tại ư Tam-giới. Tiêu Tam-độc khổ vĩnh vô hữu dư. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do vui sướng đau khổ ở trong 3 Cõi giới. Tiêu tam 3 Độc vĩnh viễn không còn dư thừa. Đó là Nhất tâm.

若以善斷一切諸痛。志慕道法未曾有患。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ thiện đoạn nhất thiết chư thống. Chí mộ Đạo Pháp vị tăng hữu hoạn. Thị viết Trí-tuệ.

Thị vi lục.

Nếu do thiện cắt bỏ tất cả các đau đớn. Ý chí ngưỡng mộ Đạo Pháp, chưa từng có hoạn nạn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂心意止度無極有六事？斷諸所樂五欲所思。

Hà vị Tâm ý chỉ Độ vô cực hữu Lục-sự ? Đoạn chư sở lạc Ngũ-dục sở tư.

Thế nào gọi là Tâm ý dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc ? Cắt bỏ mọi việc được vui sướng nhớ được 5 Dục.

自見其心興發法念。是曰布施。

Tự kiến kỳ tâm hưng phát Pháp niệm. Thị viết Bồ-thí.

Tự nhìn thấy tâm đó hưng phát nhớ Pháp. Đó là Bồ thí.

觀彼瑕穢自調其心柔順隨真。是曰持戒。

Đồ bỉ hà uế tự điều kỳ tâm nhu thuận tùy chân. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy dấu vết ô uế, tự điều khiển tâm họ, nhu thuận theo chân thực. Đó là giữ Giới.

觀察諸法令意念止遵奉六度。是曰忍辱。

Quan sát chư Pháp linh ý niệm chỉ tuân phụng Lục-độ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Quan sát kĩ các Pháp giúp cho ý niệm dừng lại tuân theo cung kính 6 Pháp Tới Niết Bàn. Đó là **Nhẫn nhục**.

若能禁制心所馳逸使不邪行。是曰精進。

Nhược năng cấm chế tâm sở trì dật sử bất tà hành. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể cấm chế, tâm được chạy theo nhanh, làm cho không hành động sai trái. Đó là Tinh tiến.

若想他人心止愛欲解悉本無。是曰一心。

Nhược tưởng tha nhân tâm chỉ ái dục giải tất bản vô. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tưởng nhớ người khác, tâm dừng lại yêu tham dục, hiểu đều vốn dĩ không có. Đó là Nhất tâm.

所見篤信依於緣使。奉空無相無願之法。

Sở kiến đốc tín y u duyên sử. Phụng Không Vô-tướng vô nguyện chi Pháp.

Nếu nhìn thấy hết lòng tin dựa vào với Duyên sai khiến. Cung kính Pháp Rỗng không, không có hình tướng, không có nguyện.

是曰智慧。是為六。何謂法意止度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Pháp ý chỉ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ý Pháp dừng lại Tới Niết Bàn có 6 việc？

觀諸法實為示顯明各使心開。是曰布施。

Đồ chư Pháp thực vi thị hiển minh các sử tâm khai. Thị viết Bồ-thí.

Nhìn thấy các Pháp đúng được hiện ra rõ sáng, nó làm cho tâm khai sáng. Đó là Bồ thí.

一切所觀皆悉本空。盡察諸法猶如幻化觀眾本無。是曰持戒。

Nhất thiết sở quan giai tất bản Không. Tận sát chư Pháp do như huyễn hóa đồ chúng bản vô. Thị viết Trì-giới.

Tất cả được quan sát hoàn toàn đều vốn dĩ Rỗng không. Xem kĩ hết các Pháp giống như ảo hoá, nhìn thấy chúng vốn dĩ không có. Đó là giữ Giới.

遵奉經典勤修報應。以施一切無所增損。是曰忍辱。

Tuân phụng Kinh điển cần tu báo ứng. Dĩ thí nhất thiết vô sở tăng tổn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuân theo cung kính Kinh điển chuyên cần tu hành báo ứng. Do Bồ thí tất cả không có tăng thêm tổn hại. Đó là Nhẫn nhục.

若見危他常抱慈心。棄捐眾害志存道法。是曰精進。

Nhược kiến nguy tha thường bảo Từ tâm. Khí quyên chúng hại chí tồn Đạo Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy nguy ách khác, thường ôm ấp tâm Từ. Vứt bỏ các hại, ý chí còn ở trong Đạo Pháp. Đó là Tinh tiến.

雖遊諸法了一切法。無所著猗其志寂定。是曰一心。

Tuy du chư Pháp liễu nhất thiết Pháp. Vô sở trước ý kỳ chí Tịch-định. Thị viết Nhất-tâm.

Tuy du hành các Pháp biết rõ tất cả Pháp. Không có nương nhờ ý lại nó, ý chí Vắng vẻ yên định. Đó là Nhất tâm.

順其上下十二緣起。曉斯元際本末悉寂。是曰智慧。是為六。

Thuận kỳ thượng hạ thập nhị duyên khởi. Hiểu tư nguyên tế bản mạt tất tịch. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Thuận theo cao thấp đó, 12 Duyên sinh khởi. Hiểu căn nguyên biên giới đó ngọn nguồn đều vắng vẻ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂見其苦諦度無極有六事？目覩三世心解皆空。

Hà vị Kiến kỳ khổ đế Độ vô cực hữu Lục-sự ? Mục đồ Tam-thế tâm giải giai Không.

Thế nào gọi là Nhìn thấy thực khổ đó Tới Niết Bàn có 6 việc ? Mắt nhìn thấy 3 Đời tâm hiểu đều là Rỗng không.

捨眾苦患無所希求。是曰布施。

Xả chúng khổ hoạn vô sở hi cầu. Thị viết Bồ-thí.

Buông bỏ các khổ hoạn nạn không có mong cầu. Đó là Bồ thí.

見諸苦元無一可樂。因致生死皆為憂惱。是曰持戒。

Kiến chư khổ nguyên vô nhất khả lạc. Nhân trí sinh tử giai vi ưu não. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy gốc rễ của các khổ không có một có thể vui sướng. Nhân do đem tới sinh chết đều là lo âu Phiền não. Đó là giữ Giới.

察眾苦事從己緣對而有此難悉虛無本。是曰忍辱。

Sát chúng khổ sự tòng kỷ duyên đối nhi hữu thử nạn tất hư vô bản. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kỹ các việc khổ từ đối diện Duyên của bản thân mà có nạn đó đều sai vốn dĩ không có. Đó là Nhẫn nhục.

觀諸苦惱悉從微起。不能分別用無覺故。是曰精進。

Quan chư khổ não tất tòng vi khởi. Bất năng phân biệt dụng vô giác cố. Thị viết Tinh-tiến.

Quan sát các khổ não đều từ nhỏ sinh khởi. Không thể phân biệt do vì không có cảm thấy. Đó là Tinh tiến.

視其諸苦由因習生。自將邪冥悉本清淨。是曰一心。

Thị kỳ chư khổ do nhân tập sinh. Tự tương tà minh tất bản Thanh tịnh. Thị viết Nhất-tâm.

Nhìn thấy các khổ đó do nguyên nhân tập quán sinh ra. Tự đưa tới sai trái u tối tất cả vốn dĩ Thanh tịnh. Đó là Nhất tâm.

如是觀者不為邪行。斷一切苦使無根元何有枝流。

Như thị quan giả bất vi tà hành. Đoạn nhất thiết khổ sử vô căn nguyên hà hữu chi lưu.

Quan sát như thế không làm hành động sai trái. Cắt bỏ tất cả khổ làm cho không có gốc rễ, làm sao có nhánh chảy.

是曰智慧。是為六。何謂習諦度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị tập đế Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tập quán khổ thực đó Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以習行心捨眾業五陰六衰。是曰布施。

Nhược dĩ tập hành tâm xả chúng Nghiệp Ngũ-âm Lục-suy. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do thực hành tập quán, tâm buông bỏ các Nghiệp 5 Uẩn 6 suy bại. Đó là Bồ thí.

若見眾生五陰六衰十二諸入。除去諸習。是曰持戒。

Nhược kiến chúng sinh Ngũ-âm Lục-suy thập nhị chư Nhập. Trừ khứ chư tập. Thị viết Trì-giới.
Nếu nhìn thấy 5 Uẩn 6 suy bại 12 các Nhập của chúng sinh. Trừ bỏ các tập quán khổ. Đó là giữ Giới.

若以和同生度無極。成諸法行無上道業。是曰忍辱。

Nhược dĩ hòa đồng sinh Độ vô cực. Thành chư Pháp hành Vô-thượng Đạo-nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do hòa đồng sinh Tới Niết Bàn. Thành các Pháp thực hành Đạo Nghiệp Bình Đẳng. Đó là Nhẫn nhục,

若捐愛欲具道品法。觀一切法覩見其無所因由生。是曰精進。

Nhược quyên ái dục cụ Đạo phẩm Pháp. Quan nhất thiết Pháp đồ kiến kỳ vô sở nhân do sinh. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu bỏ yêu tham dục đầy đủ Đạo phẩm Pháp. Quan sát tất cả Pháp nhìn thấy được nó không có nhân do sinh. Đó là Tinh tiến.

若斷眾結一切受處而無所受。是曰一心。

Nhược đoạn chúng kết nhất thiết thụ xứ nhi vô sở thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu cắt bỏ các kết buộc tất cả nhận lấy nơi ở mà không có nhận. Đó là Nhất tâm.

其觀眾難無益之法消害苦惱虛偽之患。

Kỳ quan chúng nạn vô ích chi Pháp tiêu hại khổ não hư ngụy chi hoạn.

Nếu quan sát các ách nạn, Pháp không có ích, tiêu tan độc hại khổ não lừa dối hoạn nạn.

是曰智慧。是為六。何謂盡諦度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tận đế Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Hết tận khổ thực Tới Niết Bàn có 6 việc？

逮得盡苦遵行道義奉行無願。是曰布施。

Đãi đắc tận khổ tuân hành Đạo nghĩa phụng hành vô nguyện. Thị viết Bố-thí.

Bắt được hết tận khổ tuân theo thực hành nghĩa của Đạo, cung kính thực hành không có nguyện.

Đó là Bố thí.

若以志樂滅盡之行。盡無所盡為以都盡。是曰持戒。

Nhược dĩ chí lạc diệt tận chi hành. Tận vô sở tận vi dĩ đô tận. Thị viết Trì-giới.

Nếu do ý chí vui sướng diệt hết hành vi. Hết không có hết vì do đều hết. Đó là giữ Giới.

除去眾想罣礙之本。而復自然悉無所著。是曰忍辱。

Trừ khứ chúng tưởng quải ngại chi bản. Nhi phục tự nhiên tất vô sở trước. Thị viết Nhẫn-nhục.

Trừ bỏ các tưởng nhớ trở ngại vốn có. Mà trở lại tự nhiên đều không có nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

從本以來所更勤苦。以滅眾惱長得安穩。是曰精進。

Tòng bản dĩ lai sở cánh cần khổ. Dĩ diệt chúng não trường đắc an ổn. Thị viết Tinh-tiến.

Từ trước đến nay được thêm cần khổ. Do diệt trừ các Phiền não tăng thêm được yên ổn. Đó là Tinh tiến.

志存清修燕坐獨處。思惟三昧自伏其意。是曰一心。

Chí tồn thanh tu yên tọa độc xử. Tư duy Tam-muội tự phục kỳ ý. Thị viết Nhất-tâm.

Ý chí còn tu hành Thanh tịnh một mình ngồi nơi yên tĩnh. Tư duy Tam Muội tự hàng phục ý đó. Đó là Nhất tâm.

若不取證志盡塵垢。無有愛欲正受定意心不懷亂。

Nhược bất thủ chứng chí tận trần cấu. Vô hữu ái dục Chính-thụ Định-ý tâm bất hoài loạn.

Nếu không cầm lấy chứng nghiệm, ý chí hết Phiền não. Không có yêu tham dục Thụ nhận đúng Định ý, tâm không nhớ lẫn lộn.

是曰智慧。是為六。何謂道度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Đạo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Đạo Tới Niết Bàn có 6 việc？

若獲至真行與道俱。和同不慌救濟眾厄。是曰布施。

Nhược hoạch chí chân hành dữ đạo câu. Hòa đồng bất hoảng cứu tế chúng ách. Thị viết Bố-thí.

Nếu thu hoạch đem tới chân thực hạnh cùng với Đạo đủ cả. Hòa đồng không hoảng sợ cứu giúp các ách nạn. Đó là Bố thí.

其觀道業而從經典。不反邪教因而化之。是曰持戒。

Kỳ đồ Đạo nghiệp nhi tòng Kinh điển. Bất phản tà giáo nhân nhi hóa chi. Thị viết Trì-giới.

Nếu nhìn thấy Đạo nghiệp mà theo Kinh điển. Không ngược lại giáo lý sai trái nhân do giáo hóa. Đó là giữ Giới.

其念其法若不念道。勸助人法存在正真。是曰忍辱。

Kỳ niệm kỳ Pháp nhược bất niệm Đạo. Khuyến trợ nhập Pháp tồn tại Chính-chân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhớ Pháp đó nếu không học Đạo. Khuyến trợ giúp nhập vào Pháp còn ở trong Chân Chính.

Đó là Nhẫn nhục.

其總持法攬三界元。宣布經典遵承道教。是曰精進。

Kỳ Tổng-trì Pháp lãm Tam-giới nguyên. Tuyên bố Kinh điển tuân thừa Đạo giáo. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhận nhớ tất cả Pháp, giữ hết gốc rễ của 3 Cõi giới. Tuyên bố Kinh điển, tuân theo dựa vào giáo lý Đạo. Đó là Tinh tiến.

假在道行不隨世俗。因其正真而不虛妄。是曰一心。

Giả tại Đạo-hạnh bất tùy thế tục. Nhân kỳ Chính -chân nhi bất hư vọng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ở trong Đạo hạnh không theo đời tục. Nhân do Chân Chính đó mà không ảo vọng. Đó là Nhất tâm.

若能解道隨其形類。一切悉了各開化之。

Nhược năng giải Đạo tùy kỳ hình loại. Nhất thiết tất liễu các khai hóa chi.

Nếu có thể hiểu Đạo tùy theo loại hình đó. Tất cả đều biết rõ khai hóa họ.

是曰智慧。是為六。何謂信根度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tín-căn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Căn tin Tới Niết Bàn có 6 việc ?

信斷眾惡悉為本寂。除不善行為顯道元。是曰布施。

Tín đoạn chúng ác tất vi bản tịch. Trừ bất thiện hành vi hiển Đạo nguyên. Thị viết Bồ-thí.

Tin cắt bỏ các ác đều là Vắng lặng vốn có. Trừ diệt hành vi không thiện vì hiện ra rõ gốc rễ Đạo.

Đó là Bồ thí.

奉行篤信樂一切法。眾德之元悉無所生。是曰持戒。

Phụng hành đốc tín nhạo nhất thiết Pháp. Chúng Đức chi nguyên tất vô sở sinh. Thị viết Trì-giới.

Cung kính hết lòng tin, ham thích tất cả Pháp. Gốc rễ của các Đức đều không có sinh. Đó là giữ

Giới.

以懷至信得歡喜悅。無有瞋恚。是曰忍辱。

Dĩ hoài chí tín đắc hoan hỷ duyệt. Vô hữu sân khuê. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do mong nhớ Đức tin lớn, được vui vẻ phần chán. Không có thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

達無所有以好真有。究竟執持一切諸法。是曰精進。

Đạt vô sở hữu dĩ hiếu chân hữu. Cứu cánh chấp trì nhất thiết chư Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Thông tỏ không có, do ham thích có chân thực. Cuối cùng cầm giữ lấy tất cả các Pháp. Đó là

Tinh tiến.

以解脫根道德之元。信勤精進眾根寂定。是曰一心。

Dĩ Giải-thoát căn Đạo đức chi nguyên. Tín cần Tinh-tiến chúng căn Tịch-định. Thị viết Nhất-

tâm.

Do Căn Giải thoát gốc rễ của Đạo Đức. Tin chuyên cần Tinh tiến, các Căn vắng vẻ yên Định. Đó là Nhất tâm.

以能存信志存道品不慕邪念。是曰智慧。是為六。

Dĩ năng tồn tín chí tồn Đạo phẩm bất mộ tà niệm. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do có thể còn tin, ý chí còn ở trong phẩm bậc Đạo, không ngưỡng mộ nhớ sai trái. Đó là Trí tuệ.

Đó là sáu.

何謂精進根度無極有六事 ?

Hà vị Tinh-tiến căn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Căn Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所可勤修志御堅固。奉行方便永無貪悋。是曰布施。

Sở khả cần tu chí ngự kiên cố. Phụng hành Phương-tiện vĩnh vô tham lận. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể tu hành chuyên cần, ý chí điều khiển kiên cố. Cung kính thực hành Phương tiện vĩnh viễn không có tham tiếc. Đó là Bồ thí.

不猗有為不捨顯明寂於無為。是曰持戒。

Bất ỷ Hữu-vi bất xả hiển minh tịch ư Vô-vi. Thị viết Trì-giới.

Không ỷ lại Pháp có hình tướng, không buông bỏ hiện ra rõ sáng vắng vẻ trong Pháp không có hình. Đó là giữ Giới.

身之所行一切形類都無犯害。是曰忍辱。

Thân chi sở hành nhất thiết hình loại đô vô phạm hại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thân được thực hành tất cả loại hình, đều không vi phạm gây hại. Đó là Nhẫn nhục.

志存玄迥慕大弘誓無極之哀。是曰精進。

Chí tồn huyền quỳnh mộ đại hồng thệ vô cực chi ai. Thị viết Tinh-tiến.

Ý chí còn xa vắng huyền ảo, ngưỡng mộ thệ nguyện to lớn, vô cùng thương xót. Đó là Tinh tiến.

聽隨時節聞輒奉行而不解廢。是曰一心。

Thính tùy thời tiết văn triếp phụng hành nhi bất giải phế. Thị viết Nhất-tâm.

Nghe theo thời tiết nghe liền cung kính thi hành mà không lười phá bỏ. Đó là Nhất tâm.

所學法普悉暢現世後世之事度世之業。是曰智慧。是為六。

Sở học Pháp phổ tất sướng hiện thế hậu thế chi sự độ thế chi nghiệp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu học Pháp khắp cả đều thông suốt, việc của đời hiện nay đời sau, cứu độ Nghiệp đời. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂意根度無極有六事？

Hà vị Ý-căn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Căn Ý Tới Niết Bàn có 6 việc？

若見真諦觀家居業眾穢之患棄捐所處。是曰布施。

Nhược kiến chân đế quán gia cư nghiệp chúng uế chi hoạn khí quyên sở xứ. Thị viết Bố-thí.

Nếu nhìn thấy chân thực, nhìn thấy ở gia đình Nghiệp, các ô uế hoạn nạn, vứt bỏ được nơi ở. Đó là Bố thí.

觀有為貪不念無為消諸所著。是曰持戒。

Quan Hữu-vi tham bất niệm Vô-vi tiêu chư sở trước. Thị viết Trì-giới.

Tham quan sát Pháp có hình tướng, không nhớ Pháp Rỗng lặng, tiêu tan các nương nhờ. Đó là giữ Giới.

察其逆順不習眾苦無所貪心。是曰忍辱。

Sát kỳ nghịch thuận bất tập chúng khổ vô sở tham tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kỹ thuận nghịch, không luyện tập các khổ, tâm không có tâm. Đó là Nhẫn nhục.

若能總持一切諸法永不忘失至道德本。是曰精進。

Nhược năng Tổng-trì nhất thiết chư Pháp vĩnh bất vong thất chí Đạo đức bản. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể nhận giữ nhớ tất cả các Pháp, vĩnh viễn không quên mất, được Đạo Đức vốn có. Đó là Tinh tiến.

行寂然義入諸所生心無所生。是曰一心。

Hành Tịch-nhiên nghĩa nhập chư sở sinh tâm vô sở sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Thực hành nghĩa Vắng vẻ, nhập vào các việc được sinh, tâm không có sinh. Đó là Nhất tâm.

從如審諦不隨虛妄。思惟諸法無有根本。

Tòng như thẩm đế bất tùy hư vọng. Tư duy chư Pháp vô hữu căn bản.

Theo như xem xét kỹ chân thực, không đi theo ảo vọng. Suy nghĩ các Pháp không có gốc rễ.

是曰智慧。是為六。何謂定意根度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Định ý căn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Căn Định ý Tới Niết Bàn có 6 việc？

以定意根消除塵勞難及玄虛無復眾患。是曰布施。

Dĩ Định ý căn tiêu trừ trần lao nan cập huyền hư vô phục chúng hoạn. Thị viết Bồ-thí.

Do Căn Định ý tiêu trừ phiền toái nạn ách cùng với hão huyền, các hoạn nạn không trở lại. Đó là Bồ thí.

棄捨諸亂得三昧定開示一切。是曰持戒。

Khí xả chư loạn đắc Tam-muội Định khai thị nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Buông bỏ các hỗn loạn được Tam Muội Định khai sáng hiện ra tất cả. Đó là giữ Giới.

若心寂然未曾有亂。得住定意正受之業。是曰忍辱。

Nhược tâm tịch-nhiên vị tăng hữu loạn. Đắc trụ Định ý Chính-thụ chi nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu tâm Vắng vẻ chưa từng có hỗn loạn. Được ở trong Định ý Thụ nhận đúng Nghiệp. Đó là Nhẫn nhục.

若志不樂諸因緣事。甘樂法樂為無上法。是曰精進。

Nhược chí bất nhạo chư nhân duyên sự. Cam lạc Pháp lạc vi Vô-thượng Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ý chí không ham thích các việc Nhân duyên. Vui sướng Thanh tịnh Giới, vui sướng Pháp được Pháp Bình Đẳng. Đó là Tinh tiến.

其心專一而無二念。定意正受導利一切。是曰一心。

Kỳ tâm chuyên nhất nhi vô nhị niệm. Định ý Chính-thụ đạo lợi nhất thiết. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm chuyên nhất, nhớ không có 2. Định ý Thụ nhận đúng hướng dẫn lợi cho tất cả. Đó là Nhất tâm.

強而有勢志不怯弱。伏心自制行三昧定意。

Cường nhi hữu thế chí bất khiếp nhược. Phục tâm tự chế hành Tam-muội Định ý.

Mạnh mà có thế lực, ý chí không khiếp nhược. Tâm thuận phục tự kiềm chế hành Tam Muội Định ý.

是曰智慧。是為六。何謂慧根度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tuệ-căn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Căn Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

志存聖明一切所有。而悉消除眾塵之行。是曰布施。

Chí tồn Thánh-minh nhất thiết sở hữu. Nhi tất tiêu trừ chúng trần chi hành. Thị viết Bồ-thí.

Ý chí còn có sáng suốt của Thánh, tất cả có được. Mà đều tiêu trừ thực hành các Trần. Đó là Bồ thí.

以致明達至遠玄妙心無所猗。是曰持戒。

Dĩ trí minh đạt chí viễn huyền diệu tâm vô sở ỷ. Thị viết Trì-giới.

Do đem tới sáng suốt được huyền diệu xa thăm, tâm không có ỷ lại. Đó là giữ Giới.

能為眾生忍一切勞。生死周旋世世不廢。是曰忍辱。

Năng vị chúng sinh nhẫn nhất thiết lao. Sinh tử chu toàn thế thế bất phế. Thị viết Nhẫn-nhục.

Có thể vì chúng sinh nhẫn tất cả lao khổ. Vật lộn với sinh chết, đời đời không phá bỏ. Đó là Nhẫn nhục.

曉了道義總攬至要解本清淨。是曰精進。

Hiểu liễu Đạo nghĩa tổng lãm chí yếu giải bản Thanh tịnh. Thị viết Tinh-tiến.

Hiểu biết rõ nghĩa của Đạo, xem kỹ tổng thể được chủ yếu, hiểu vốn dĩ Thanh tịnh. Đó là Tinh tiến.

以上聖明寂然惔怕。為眾生故宣其本元。是曰一心。

Dĩ thượng Thánh-minh Tịch-nhiên đàm phạ. Vị chúng sinh cố tuyên kỳ bản nguyên. Thị viết Nhất-tâm.

Do bên trên sáng suốt của Thánh, Vắng lặng lo sợ. Do vì chúng sinh đọc nguồn gốc vốn có đó. Đó là Nhất tâm.

以慧解脫奉無所行。靡不通達三界蒙恩。是曰智慧。是為六。

Dĩ tuệ Giải-thoát phụng vô sở hành. Mị bất thông đạt Tam-giới蒙 ân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do Trí tuệ Giải thoát cung kính không có hành động. Điều thông suốt hết cả 3 Cõi giới được ân. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂信力度無極有六事？若有所信無所違失如師子王子。

Hà vị Tín-lực Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược hữu sở tín vô sở vi thất như Sư Tử Vương-tử.

Thế nào gọi là Lực tin Tối Niết Bàn có 6 việc？Nếu có được Đức tin, không có ngược lại mất như Vương Tử của Sư Tử.

與眾共約未曾失信。是曰布施。

Dữ chúng cộng ước vị tăng thất tín. Thị viết Bố-thí.

Cùng với các ước vọng, chưa từng mất Đức tin. Đó là Bố thí.

戒所立處而無所懈。猶如往昔有象子食以長其身。

Giới sở lập xứ nhi vô sở giải. Do như vãng tích hữu tượng tử thực dĩ trường kỳ thân.

Giới nếu lập dựng nơi ở mà không có lười nhác. Giống như xa xưa có con Voi ăn vì tăng trưởng thân của nó.

菩薩如是服柔順法。能思惟此以成佛道。是曰持戒。

Bồ-tát như thị phục Nhu-thuận Pháp. Năng tư duy thử dĩ thành Phật đạo. Thị viết Trì-giới.

Bồ Tát phục tùng Pháp Nhu thuận như thế. Có thể suy nghĩ việc này mà thành Đạo Phật. Đó là giữ Giới.

正使人來破碎骨髓。續習慈心由如蘇摩菩薩大士救諸蠕動。

Chính sử nhân lai phá toái cốt tủy. Tục tập Từ tâm do như Tô-ma Bồ-tát Đại-sĩ cứu chư nhuyễn động.

Cho dù người tới phá nát xương tủy. Liên tục tập luyện tâm Từ giống như Tô Ma Đại sĩ cứu các vật thân mềm.

雖有害者其心不變。是曰忍辱。

Tuy hữu hại giả kỳ tâm bất biến. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuy có tổn hại tâm đó không biến đổi. Đó là Nhẫn nhục.

勤行精進未曾退悔。盡其根元如竭大海。

Cần hành Tinh-tiến vị tăng thoái hồi. Tận kỳ căn nguyên như kiệt đại hải.

Chuyên cần thực hành Tinh tiến chưa từng hồi hận thoái lui. Hết tận gốc rễ đó như biển lớn khô kiệt.

所行如是消淫怒癡。是曰精進。

Sở hành như thị tiêu dâm nộ si. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm như thế tiêu tan dâm thù hận ngu si. Đó là Tinh tiến.

若以禪思如法悅豫。行轉增進消除眾想。是曰一心。

Nhược dĩ Thiền tư như Pháp duyệt dự. Hành chuyển tăng tiến tiêu trừ chúng tưởng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ như Pháp phần chân. Làm chuyển biến tăng tiến tiêu trừ các tướng nhớ. Đó là Nhất tâm.

所修聖慧而無所受。所行如法不違道教。

Sở tu Thánh tuệ nhi vô sở thụ. Sở hành như Pháp bất vi Đạo giáo.

Nếu tu hành Tuệ Thánh mà không có nhận lấy. Nếu làm như Pháp không ngược lại Đạo giáo.

是曰智慧。是為六。何謂精進力度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tinh-tiến lực Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Lực Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc？

行甚忍辱隨時方便度脫一切。是曰布施。

Hành thậm Nhẫn-nhục tùy thời Phương-tiện độ thoát nhất thiết. Thị viết Bố-thí.

Thực hành rất Nhẫn nhục theo thời Phương tiện độ thoát tất cả. Đó là Bố thí.

若以勢力致於最勝然可所作。猶如俱耶國王之子力伏怨敵。是曰持戒。

Nhược dĩ thế lực trí ưu tối thắng nhiên khả sở tác. Do như Câu-da-ni Quốc-vương chi tử lực phục oán địch. Thị viết Trì-giới.

Nếu do thế lực đem tới tối cao nhưng có thể được làm. Giống như con trai của Câu Da Ni Quốc Vương, lực hàng phục oán địch. Đó là giữ Giới.

若聞虛無隨順可之。猶如須星國王夫人所行殊特柔軟仁和莫不歸伏。是曰忍辱。

Nhược văn hư vô tùy thuận khả chi. Do như Tu-tinh Quốc Vương phu nhân sở hành thù đặc nhu nhuyễn nhân hòa mạc bất quy phục. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nghe sai không có, thuận theo có thể. Giống như phu nhân của Tu Tinh Quốc Vương được thực hành đặc biệt, mềm dẻo nhân hòa tất cả đều quy phục. Đó là Nhẫn nhục.

所奉勤修能行至真。致大通達不樂懈廢。是曰精進。

Sở phụng cần tu năng hành chí chân. Trí đại thông đạt bất nhạo giải phé. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu cung kính chuyên cần tu hành có thể làm được chân thực. Đem tới thông suốt lớn không thích lười phé bỏ. Đó là Tinh tiến.

所行禪思普無不入。救脫一切而無放逸。是曰一心。

Sở hành Thiền tư phổ vô bất nhập. Cứu thoát nhất thiết nhi vô phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu làm Tĩnh lặng suy nghĩ đều không có không nhập. Cứu thoát tất cả mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

因明所生遂致成就隨時順義。猶如往古鬱多童子誘諸伴黨。

Nhân minh sở sinh toại trí thành tựu tùy thời thuận nghĩa. Do như vãng cổ Uất-đa Đổng tử dụ chư bạn đảng.

Nhân do sáng được sinh liền đem tới thành công, theo thời thuận theo nghĩa. Giống như xa xưa Uất Đa Đổng tử dẫn dụ các nhóm bạn.

是曰智慧。是為六。何謂意力度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Ý-lực Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Lục Ý Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若在天界而不斷除天上五樂。心不犯欲亦無所顯。是曰布施。

Nhược tại Thiên giới nhi bất đoạn trừ Thiên thượng ngũ lạc. Tâm bất phạm dục diệc vô sở hiển. Thị viết Bố-thí.

Nếu ở trên Cõi Trời mà không cắt bỏ 5 vui sướng ở trên Trời. Tâm không vi phạm ham muốn cũng không hiện ra rõ. Đó là Bố thí.

若觀諸天天上玉女。見其患難而無所著。是曰持戒。

Nhược đồ chư Thiên Thiên thượng ngọc nữ. Kiến kỳ hoạn nạn nhi vô sở trước. Thị viết Trì-giới. Nếu nhìn thấy các Trời ngọc nữ ở trên Trời. Nhìn thấy hoạn nạn mà không có nương nhờ. Đó là giữ Giới.

雖在天宮不貪天上。不樂寶殿自然百味。是曰忍辱。

Tuy tại Thiên cung bất tham Thiên thượng. Bất nhạo bảo điện tự nhiên bách vị. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuy ở trong cung điện Trời không tham lên Trời. Không ham thích cung điện báu tự nhiên trăm hương vị. Đó là Nhẫn nhục.

以作天人志在解脫。離眾甘樂以法為樂。是曰精進。

Dĩ tác Thiên Nhân chí tại Giải-thoát. Ly chúng cam lạc dĩ Pháp vi lạc. Thị viết Tinh-tiến.

Do làm người Trời, ý chí ở nơi Giải thoát. Rời xa các ngon ngọt vui sướng lấy Pháp làm vui sướng. Đó là Tinh tiến.

若在諸天住在眾會。其心不亂定意志法。是曰一心。

Nhược tại chư Thiên trụ tại chúng hội. Kỳ tâm bất loạn Định ý chí Pháp. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ở trên các Trời ở trong các chúng hội. Nếu tâm không hỗn loạn Định ý chí nguyện Pháp. Đó là Nhất tâm.

為諸天人頒宣經典。而志詳序不懷恐怖。是曰智慧。是為六。

Vị chư Thiên Nhân ban tuyên Kinh điển. Nhi chí tường tự bất hoài khủng bố. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Vì các người Trời đọc nói Kinh điển. Mà ý chí yên lành không lo lắng sợ hãi. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂定力度無極有六事？一切所有施而不悋寂然悅豫。

Hà vị Định-lực Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhất thiết sở hữu thí nhi bất lận Tịch-nhiên duyệt dự.

Thế nào gọi là Lục Định Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu tất cả có được ban cho mà không hối tiếc, phân chân Vãng về.

若摩調王棄國捐王行作沙門。是曰布施。

Nhược Ma-điều Vương khí quốc quyên Vương hành tác Sa-môn. Thị viết Bồ-thí.

Như Ma Điều Vương bỏ nước quên làm Vua sống làm Sa Môn. Đó là Bồ thí.

慎護身行無有口過。將養其意心不追世。是曰持戒。

Thận hộ thân hành vô hữu khẩu quá. Tương dưỡng kỳ ý tâm bất truy thế. Thị viết Trì-giới.

Cẩn thận bảo vệ thân thực hành, không có tội của Miệng. Đang nuôi dưỡng ý đó, tâm không chạy theo đời. Đó là giữ Giới.

舉動作事隨順安穩不隨非義。是曰忍辱。

Cử động tác sự tùy thuận an ổn bất tùy phi nghĩa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Cử động làm việc thuận theo yên ổn, không theo nghĩa sai. Đó là Nhẫn nhục.

觀察諸法觀如真諦而無邪念。是曰精進。

Quan sát chư Pháp đồ như chân đế nhi vô tà niệm. Thị viết Tinh-tiến.

Quan sát kỹ các Pháp nhìn thấy chân thực mà không có nhớ sai. Đó là Tinh tiến.

其一切法眾學四輩志無上正真所觀觀諸法空無所有。是曰一心。

Kỳ nhất thiết Pháp chúng học tứ bối chí Vô-thượng Chính-chân sở quan đồ chư Pháp Không vô sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu 4 chúng Đệ Tử học tất cả Pháp, ý chí ở nơi Bình Đẳng Chân Chính, quan sát nhìn thấy các Pháp Rỗng không, không có được. Đó là Nhất tâm.

不徇世法其心誓願。由如陶家成就眾器。

Bất ỷ thế Pháp kỳ tâm thệ nguyện. Do như đào gia thành tựu chúng khí.

Không ỷ lại Pháp Thế gian nếu tâm thệ nguyện. Do như đồ sứ ở gia đình thành công các dụng cụ.

是曰智慧。是為六。何謂慧力度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tuệ-lực Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Lục Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

有來索頭即以施之不逆其心。

Hữu lai sách đầu tức dĩ thí chi bất nghịch kỳ tâm.

Nếu tới xin đầu tức thì đem cho không ngược lại tâm họ.

若如往昔迦夷國王敢有求者輒施與之。是曰布施。

Nhược như vãng tích Ca-di Quốc-vương cảm hữu cầu giả triếp thí dĩ chi. Thị viết Bồ-thí.

Nếu như xưa xưa Ca Di Quốc Vương dám có yêu cầu liền đem ban cho. Đó là Bồ thí.

救護他人不貪己身。由如閱叉斷絕王路。

Cứu hộ tha nhân bất tham kỷ thân. Do như Duyệt-xoa đoạn tuyệt Vương lộ.

Cứu hộ người khác không tham bản thân. Do như Duyệt Xoa cắt bỏ đường đi của Vương.

菩薩爾時不惜軀命與鬼神鬪而降化之。

Bồ-tát nhĩ thời bất tích khu mệnh dĩ Quỷ Thần đấu nhi hàng hóa chi.

Bồ Tát khi đó không tiếc thân mệnh cùng với Quỷ Thần đấu tranh mà hàng phục giáo hóa.

為一切故開通王路使眾賈客安穩往來。是曰持戒。

Vị nhất thiết cố khai thông Vương lộ sử chúng cố khách an ổn vãng lai. Thị viết Trì-giới.

Cố vì tất cả khai thông đường đi của Vương làm cho các người buôn yên ổn qua lại. Đó là giữ Giới.

昔者菩薩三反入海。欲脫諸難使眾人安將從歸家。是曰忍辱。

Tích giả Bồ-tát tam phản nhập hải. Dục thoát chư nạn sử chúng nhân an tương tòng quy gia. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xưa có Bồ Tát 3 lần vào biển. Muốn thoát khỏi các ách nạn làm cho mọi người yên ổn sẽ theo trở về nhà. Đó là Nhẫn nhục.

所興施與得其處所。越眾河源七反入海。致眾財寶以救貧匱。是曰精進。

Sở hưng thí dữ đắc kỳ xứ sở. Việt chúng hà nguyên thất phản nhập hải. Trí chúng tài bảo dĩ cứu bần quĩ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu hưng vượng Bồ thí ban cho được nơi ở đó. Vượt qua các nguồn sông 7 lần nhập vào biển.

Đem tới các báu vật tiền tài dùng để cứu giúp nghèo thiếu. Đó là Tinh tiến.

以禪思度恣其心意。欲生何所天上人間十方佛前。是曰一心。

Dĩ Thiền tư độ tứ kỳ tâm ý. Dục sinh hà sở Thiên thượng nhân gian thập phương Phật tiền. Thị viết Nhất-tâm.

Do Tĩnh lặng suy nghĩ, tâm ý họ thoát khỏi phóng túng. Muốn sinh nơi nào trên Trời Nhân gian trước Phật 10 phương. Đó là Nhất tâm.

所遵聖明解如野馬。善將護己勸遵聖道。使宣道法。

Sở tuân Thánh-minh giải như dã mã. Thiện tương hộ kỷ khuyến tuân Thánh đạo, sử tuyên Đạo Pháp.

Nếu tuân theo sáng suốt của Thánh hiền như ngựa hoang dã. Thiện đang bảo vệ bản thân khuyến tuân theo Đạo Thánh. Làm cho nói đọc Đạo Pháp.

是曰智慧。是為六。何謂念覺意度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Niệm giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Nhớ ý cảm thấy Tới Niết Bàn có 6 việc ?

捨不善念專精進念。因思功德發無上正真。是曰布施。

Xả bất thiện niệm chuyên Tinh-tiến niệm. Nhân tư Công-đức phát Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Bồ-thí.

Buông bỏ nhớ không thiện chuyên nhất nhớ Tinh tiến. Nhân do suy nghĩ công Đức phát tâm Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Bồ thí.

意所依念思惟法相。而自檢已令不馳騁。是曰持戒。

Ý sở y niệm tư duy Pháp tướng. Nhi tự kiểm dĩ linh bất trì sính. Thị viết Trì-giới.

Ý được dựa vào nhớ suy nghĩ cảnh tướng của Pháp. Mà đã tự kiểm tra giúp cho không chạy nhanh. Đó là giữ Giới.

若志惟念合集諸法。不令馳逸柔軟和調。是曰忍辱。

Nhược chí duy niệm hợp tập chư Pháp. Bất linh trì dật nhu nhuyễn hòa điều. Thị viết Nhẫn-nhục.
Nếu ý chí chỉ nhớ tập hợp các Pháp. Không giúp cho chạy theo nhu nhuyễn điều hòa. Đó là Nhẫn
nhục.

志所勤修無所望捨。懷抱道志以愍一切一心定意。是曰精進。

Chí sở cần tu vô sở vọng xả. Hoài bão Đạo chí dĩ mẫn nhất thiết nhất tâm định ý. Thị viết Tinh-
tiến.

Ý chí nếu tu hành chuyên cần không có hi vọng buông bỏ. Mong mỗi ý chí Đạo, do thương xót
tất cả Nhất tâm Định ý. Đó là Tinh tiến.

強而有勢救攝諸力令不羸劣。是曰一心。

Cường nhi hữu thế cứu nhiếp chư Lực linh bất luy liệt. Thị viết Nhất-tâm.

Mạnh mà có thế lực cứu giúp thu hút các lực, giúp cho không mệt mỏi. Đó là Nhất tâm.

已脫意念順從義力。高德之義聖明難及。

Dĩ thoát ý niệm thuận tòng nghĩa lực. Cao Đức chi nghĩa Thánh-minh nan cập.

Đã thoát khỏi ý niệm thuận theo lực nghĩa. Nghĩa Đức cao sáng suốt của Thánh khó theo kịp.

是曰智慧。是為六。何謂法覺意度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Pháp giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ý cảm thấy Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc？

選擇諸法奉清淨行棄眾瑕穢。是曰布施。

Tuyển trạch chư Pháp phụng Thanh tịnh hạnh khí chúng hà uế. Thị viết Bồ-thí.

Lựa chọn các Pháp, cung kính hạnh Thanh tịnh, bỏ các dẫu vết ô uế. Đó là Bồ thí.

順求解脫宣傳諸法。以化一切三界之患。是曰持戒。

Thuận cầu Giải-thoát tuyên truyền chư Pháp. Dĩ hóa nhất thiết Tam-giới chi hoạn. Thị viết Trì-
giới.

Thuận theo cầu Giải thoát tuyên truyền các Pháp. Dùng hóa giải tất cả hoạn nạn của 3 Cõi giới.

Đó là giữ Giới.

棄捐吾我無所戀慕。唯念道寶無上正真。是曰忍辱。

Khí quyền ngô ngã vô sở luyến mộ. Duy niệm Đạo bảo Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Nhẫn-
nhục.

Vứt bỏ tôi ta không có luyến mộ. Chỉ có nhớ Đạo quý báu Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Nhẫn
nhục.

所行正義選求經典六度無極三乘之藏。是曰精進。

Sở hành chính nghĩa tuyển cầu Kinh điển Lục-độ vô cực Tam-thừa chi tạng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thực hành nghĩa đúng, chọn tìm Kinh điển 6 Pháp Tới Niết Bàn Tạng của 3 Bậc. Đó là Tinh
tiến.

普求諸法無有色像。坦然玄虛無有處所。是曰一心。

Phổ cầu chư Pháp vô hữu sắc tượng. Thản nhiên huyền hư vô hữu xứ sở. Thị viết Nhất-tâm.

Tìm khắp cả các Pháp không có sắc thân hình tượng. Thản nhiên hão huyền không có nơi ở. Đó
là Nhất tâm.

推於一切諸所有處。不可護持本原自然。是曰智慧。是為六。

Thôi ư nhất thiết chư sở hữu xứ. Bất khả hộ trì bản nguyên tự nhiên. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. **Đẩy lùi tất cả mọi việc được nơi ở. Không thể bảo vệ nguồn gốc vốn tự nhiên. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.**

何謂精進覺意度無極有六事？若能覺了一切財業為不可保。

Hà vị Tinh-tiến giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược năng giác liễu nhất thiết tài nghiệp vi bất khả bảo.

Thế nào gọi là Tinh tiến ý cảm thấy Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu có thể cảm thấy biết rõ tất cả tài nghiệp vì không thể bảo đảm.

心無所著棄世所有。是曰布施。

Tâm vô sở trước khí thể sở hữu. Thị viết Bố-thí.

Tâm không nương nhờ, vứt bỏ có được ở đời. Đó là Bố thí.

所行勤修永無所樂。慕于道法志無上真。是曰持戒。

Sở hành cần tu vĩnh vô sở lạc. Mộ vu Đạo Pháp chí Vô-thượng chân. Thị viết Trì-giới.

Nếu làm tu hành chuyên cần, không có vui sướng vĩnh viễn. Kính mộ Đạo Pháp ý chí ở Bình Đẳng Chân Chính. Đó là giữ Giới.

所勤修行了於三界。天上天下悉如幻化無所依倚。是曰忍辱。

Sở cần tu hành liễu ư Tam-giới. Thiên thượng Thiên hạ tất như huyễn hóa vô sở y y. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu chuyên cần tu hành biết rõ 3 Cõi giới. Trên Trời Thiên hạ đều như ảo hóa không có dựa vào ý lại. Đó là Nhẫn nhục.

自調己心教化眾生。靡不究暢各得其所。是曰精進。

Tự điều kỷ tâm giáo hóa chúng sinh. Mị bất cứu sướng các đắc kỳ sở. Thị viết Tinh-tiến.

Tâm bản thân tự điều hòa giáo hóa chúng sinh. Tất cả đều thông suốt họ được nơi ở đó. Đó là Tinh tiến.

所念禪思斷諸結著。求其本末不見根原。是曰一心。

Sở niệm Thiền tư đoạn chư kết trước. Cầu kỳ bản mạt bất kiến căn nguyên. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhớ Tĩnh lặng suy nghĩ, cắt bỏ các kết buộc nương nhờ. Tìm nguồn ngọn của họ không nhìn thấy gốc nguồn. Đó là Nhất tâm.

明無所依不從他受。曉了一切諸術音響入第七地。

Minh vô sở y bất tòng tha thụ. Hiểu liễu nhất thiết chư thuật âm hưởng nhập đệ thất Địa.

Sáng không có dựa vào, không theo nhận lấy khác. Hiểu biết rõ tất cả các thuật âm hưởng nhập vào Bồ Tát Bạc 7 Viên Hành.

是曰智慧。是為六。何謂喜覺意度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Hỷ giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ý cảm thấy vui vẻ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

和顏悅色愛法無厭。是曰布施。

Hòa nhan duyệt sắc ái Pháp vô yếm Thị viết Bố-thí.

Nhan sắc vui vẻ yêu quý Pháp không chán. Đó là Bồ thí.

護身三事口四意三。是曰持戒。

Hộ Thân tam sự Khẩu tứ Ý tam. Thị viết Trì-giới.

Bảo vệ 3 việc của Thân 4 việc của Miệng 3 việc của Ý. Đó là giữ Giới.

心柔軟好未曾起恚。是曰忍辱。

Tâm nhu nhuyễn hảo vị tăng khởi khuể. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tâm nhu nhuyễn tốt đẹp chưa từng sinh ra thù hận. Đó là Nhẫn nhục.

念十方佛無有邪想。是曰精進。

Niệm thập phương Phật vô hữu tà tưởng. Thị viết Tinh-tiến.

Nhớ Phật 10 phương không có tưởng nhớ sai trái. Đó là Tinh tiến.

其心寂安悉無所生。是曰一心。

Kỳ tâm tịch an tất vô sở sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm vắng vẻ yên ổn, đều không có sinh. Đó là Nhất tâm.

聖明了了解一切空。是曰智慧。是為六。

Thánh-minh liễu liễu giải nhất thiết Không. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Biết rõ ràng sáng suốt của Thánh, hiểu tất cả Rỗng không. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂信覺意度無極有六事？

Hà vị Tín giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Tin ý cảm thấy Tới Niết Bàn có 6 việc？

身行篤信表裏相應。是曰布施。

Thân hành đốc tín biểu lý tương ứng. Thị viết Bồ-thí.

Thân thực hành hết lòng tin biểu hiện tương ứng. Đó là Bồ thí.

心懷篤信無有邪想。是曰持戒。

Tâm hoài đốc tín vô hữu tà tưởng. Thị viết Trì-giới.

Tâm mong nhớ hết lòng tin, không có tưởng nhớ sai trái. Đó là giữ Giới.

在於生死不發貪嫉。是曰忍辱。

Tại ư sinh tử bất phát tham tật. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ở trong sinh chết không phát sinh tham dục đố kỵ. Đó là Nhẫn nhục.

所懷篤信未曾斷絕。通達大理無所蔽礙。是曰精進。

Sở hoài đốc tín vị tăng đoạn tuyệt. Thông đạt đại lý vô sở tế ngại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu mong nhớ hết lòng tin, chưa từng cắt bỏ. Thông tỏ lý lớn không có che phủ trở ngại. Đó là Tinh tiến.

合集諸信而不散失無上正真度脫一切。是曰一心。

Hợp tập chư tín nhi bất tán thất Vô-thượng Chính-chân độ thoát nhất thiết. Thị viết Nhất-tâm.

Tập hợp các Đức tin mà không có tan mất Bình Đẳng Chân Chính, độ thoát tất cả. Đó là Nhất tâm.

觀察諸盡使無所滅。好樂正真救濟三界。是曰智慧。是為六。

Quan sát chư tận sử vô sở diệt. Hào lạc Chính-chân cứu tế Tam-giới. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Quan sát kỹ các việc tận cùng làm cho không có mắt. Ham thích vui sướng Chân Chính cứu giúp 3 Cõi giới. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂定覺意度無極有六事？所行精進而不懈廢。

Hà vị Định giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở hành Tinh-tiến nhi bất giải phế.

Thế nào gọi là Ý cảm thấy Định Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu thực hành Tinh tiến mà không lười phế bỏ.

若得定意見十方佛。是曰布施。

Nhược đắc Định ý kiến thập phương Phật. Thị viết Bố-thí.

Nếu được Định ý nhìn thấy Phật 10 phương. Đó là Bố thí.

逮得寂靜離眾欲愛。不貪榮好常志大道。是曰持戒。

Đãi đắc Tịch-tĩnh ly chúng dục ái. Bất tham vinh hảo thường chí Đại-đạo. Thị viết Trì-giới.

Bất được Vắng lặng rời xa các yêu dục. Không tham vinh hoa tốt đẹp, ý chí thường nơi Đạo lớn. Đó là giữ Giới.

所止定意受諸道品。奉八正路菩薩之法亦無所取。是曰忍辱。

Sở chỉ Định ý thụ chư đạo phẩm. Phụng bát Chính-lộ Bồ-tát chi Pháp diệc vô sở thủ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu Định ý dừng lại, nhận lấy các phẩm bậc Đạo. Cung kính 8 Đạo ngay thẳng, Pháp của Bồ Tát cũng không có cầm lấy. Đó là Nhẫn nhục.

其意平等了一切空。本來自然無所破壞。是曰精進。

Kỳ ý Bình-đẳng liễu nhất thiết Không. Bản lai tự nhiên vô sở phá hoại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ý Bình đẳng biết rõ tất cả Rỗng không. Bản lai tự nhiên không có phá hoại. Đó là Tinh tiến.

使諸往見六十二事。羅網自纏陰衰蓋已。

Sử chư vãng kiến lục thập nhị sự. La võng tự triền Âm suy cái dĩ.

Làm cho mọi việc đến nhìn thấy 62 việc. Lưới võng tự buộc lấy Uẩn suy vòng hết.

以了本無自然銷盡。是曰一心。

Dĩ liễu bản vô tự nhiên tiêu tận. Thị viết Nhất-tâm.

Do biết rõ vốn không có tự nhiên tan chảy hết. Đó là Nhất tâm.

若得逮聞以諸法盡本無所生。一切寂靜解空無礙。

Nhược đắc đãi văn dĩ chư Pháp tận bản vô sở sinh. Nhất thiết Tịch-tĩnh giải Không vô ngại.

Nếu được bắt lấy nghe do các Pháp hết tận, vốn dĩ không có sinh. Tất cả Vắng lặng, hiểu Rỗng không, không có trở ngại.

是曰智慧。是為六。何謂護覺意度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị hộ giác ý Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ý cảm thấy bảo vệ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

皆能放捨所可愛重無所貪惜。能救眾厄窮於道法。是曰布施。

Giai năng phóng xả sở khả ái trọng vô sở tham tích. Năng cứu chúng ách cùng u Đạo Pháp. Thị viết Bố-thí.

Đều có thể buông bỏ, được yêu quý kính trọng, không có tham tiếc. Có thể cứu các ách nạn, cuối cùng ở trong Đạo Pháp. Đó là Bồ thí.

護身口心不犯十事奉行十德。是曰持戒。

Hộ Thân Khẩu Tâm bất phạm thập sự phụng hành thập Đức. Thị viết Trì-giới.

Bảo vệ Thân Miệng Tâm không vi phạm 10 việc, cung kính làm 10 Đức. Đó là giữ Giới.

寂察眾生十二牽連用無覺故。菩薩暢之無所猗著。是曰忍辱。

Tịch sát chúng sinh thập nhị khiên liên dụng vô giác cố. Bồ-tát sướng chi vô sở ỷ trước. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vắng vẻ xem kỹ 12 liên lụy của chúng sinh, do vì không có cảm thấy. Bồ Tát thông suốt, không có ý lại nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

遠諸本末攀緣稱說。而無所習習奉六度。是曰精進。

Viễn chư bản末 phan Duyên xưng thuyết. Nhi vô sở tập tập phụng Lục-độ. Thị viết Tinh-tiến.

Các nguồn ngọn xa thăm đọc nói Duyên lôi kéo. Mà không tập luyện cung kính tập luyện 6 Pháp của Bồ Tát. Đó là Tinh tiến.

心思眾生由犯穢行墮在惡趣。為之愁悵愍傷兩淚。是曰一心。

Tâm tư chúng sinh do phạm uế hạnh đọa tại ác thú. Vị chi sầu áp mẫn thương vú lệ. Thị viết Nhất-tâm.

Tâm nhớ chúng sinh do vi phạm hạnh ô uế đọa ở nơi Đạo ác. Vì ưu sầu lo lắng thương xót rơi lệ. Đó là Nhất tâm.

斷諸所生使無所生。見眾患難一切諸法本無所有。

Đoạn chư sở sinh sử vô sở sinh. Kiến chúng hoạn nạn nhất thiết chư Pháp bản vô sở hữu.

Cắt bỏ các nơi sinh, làm cho không có sinh. Nhìn thấy các hoạn nạn, tất cả các Pháp vốn dĩ không có.

是曰智慧。是為六。何謂正見度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Chính-kiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Nhìn thấy đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若解正見捨眾邪業無益之元。是曰布施。

Nhược giải Chính-kiến xả chúng tà nghiệp vô ích chi nguyên. Thị viết Bồ-thí.

Nếu hiểu Nhìn thấy đúng, buông bỏ các Nghiệp sai trái, vốn dĩ vô ích. Đó là Bồ thí.

暢達以至終不虛妄常行至信。是曰持戒。

Sướng đạt dĩ chí chung bất hư vọng thường hành chí tín. Thị viết Trì-giới.

Thông suốt cho đến cuối cùng, không ảo vọng thường hành tin lớn. Đó là giữ Giới.

體了行已清淨伏意。歸於大道度脫一切。是曰忍辱。

Thể liễu hạnh dĩ Thanh tịnh phục ý. Quy ư Đại-đạo độ thoát nhất thiết. Thị viết Nhẫn-nhục.

Biết rõ toàn thể đã làm Thanh tịnh ý hàng phục. Trở về với Đạo lớn độ thoát tất cả. Đó là Nhẫn nhục.

以能自制愍念他人一切三界。生死勤苦遵奉勤修。是曰精進。

Dĩ năng tự chế mẫn niệm tha nhân nhất thiết Tam-giới. Sinh tử cần khổ tuân phụng cần tu. Thị viết Tinh-tiến.

Do có thể tự kiềm chế thương nhớ người khác tất cả 3 Cõi giới. Sinh chết cần khổ tuân theo cung kính chuyên cần tu hành. Đó là Tinh tiến.

志於無上棄捨三世。而離自大卑心自伏。是曰一心。

Chí ư Vô-thượng khí xả Tam-thế. Nhi ly tự đại ti tâm tự phục. Thị viết Nhất-tâm.

Ý chí ở trong Bình Đẳng vứt bỏ 3 Đồi. Mà rời xa tự đại, tâm hèn kém tự hàng phục. Đó là Nhất tâm.

得真諦報捨眾邪見。行開士法靡所不通。是曰智慧。是為六。

Đắc Chân-đế báo xả chúng Tà-kiến. Hành Khai-sĩ Pháp mị sở bất thông. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Được báo ứng chân thực, buông bỏ các Nhìn thấy sai trái. Thực hành Pháp Bồ Tát, không có nơi ở, không thông tỏ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂正念度無極有六事？等思斷除一切所作而無所作。

Hà vị Chính-niệm Độ vô cực hữu Lục-sự ? Đẳng tư đoạn trừ nhất thiết sở tác nhi vô sở tác.

Thế nào gọi là Nhớ đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Bình đẳng suy nghĩ, cắt bỏ làm tất cả nơi ở mà không có làm.

功德善本。是曰布施。

Công-đức thiện bản. Thị viết Bồ-thí.

Công Đức thiện vốn có. Đó là Bồ thí.

以正諦念常思道法。不捨愛欲猶如蓮華。是曰持戒。

Dĩ chính Đế-niệm thường tư đạo Pháp. Bất xả ái dục do như Liên hoa. Thị viết Trì-giới.

Do nhớ đúng chân thực, thường nhớ Đạo Pháp. Không buông bỏ yêu ham dục, giống như hoa Sen. Đó là giữ Giới.

所云地者謂其地主。從其因緣而堪任之。

Sở vân địa giả vị kỳ địa chủ. Tông kỳ Nhân-duyên nhi kham nhâm chi.

Nếu người nhiều đất gọi là Địa chủ. Theo Nhân duyên đó mà chịu nhận hết.

受佛法教分別身空。是曰忍辱。

Thụ Phật Pháp giáo phân biệt thân Không. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nhận giáo Pháp Phật phân biệt thân Rỗng không. Đó là Nhẫn nhục.

以平等念棄捐眾相。在於一切諸所合會而無合會積功累德。是曰精進。

Dĩ Bình-đẳng niệm khí quyên chúng tướng. Tại ư nhất thiết chư sở hợp hội nhi vô hợp hội tích công lũy Đức. Thị viết Tinh-tiến.

Do nhớ Bình đẳng, vứt bỏ các hình tướng. Ở trong tất cả các nơi ở hội hợp mà không có hội hợp tích lũy công Đức. Đó là Tinh tiến.

勸助一切諸善功德。悉皆本空不可分別。是曰一心。

Khuyến trợ nhất thiết chư thiện Công-đức. Tất giai bản Không bất khả phân biệt. Thị viết Nhất-tâm.

Khuyên trợ giúp tất cả các công Đức thiện. Tất cả đều vốn dĩ Rỗng không, không thể phân biệt. Đó là Nhất tâm.

所修正見現世後世。度世之法真諦清淨。是曰智慧。是為六。

Sở tu Chính-kiến hiện thế hậu thế. Độ thế chi Pháp Chân-đế Thanh tịnh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tu hành Nhìn thấy đúng đời hiện nay đời sau. Pháp cứu độ Thế gian Chân chính Thanh tịnh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂正方便度無極有六事？舌無惡言善教加人。

Hà vị chính Phương-tiện Độ vô cực hữu Lục-sự ? Thiệt vô ác ngôn thiện giáo gia nhân.

Thế nào gọi là Phương tiện đúng Tối Niết Bàn có 6 việc ? Lưỡi không nói ác, thiện dạy thêm người.

開示道法以救一切。是曰布施。

Khai thị Đạo Pháp dĩ cứu nhất thiết. Thị viết Bồ-thí.

Khai sáng Đạo Pháp vì cứu giúp tất cả. Đó là Bồ thí.

所行清淨而無穢濁宣菩薩法。是曰持戒。

Sở hành Thanh tịnh nhi vô uế trọc tuyên Bồ-tát Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu làm Thanh tịnh mà không ô uế, đọc nói Pháp Bồ Tát. Đó là giữ Giới.

宣至真言無傳世俗無益之教。是曰忍辱。

Tuyên chí chân ngôn vô truyền thế tục vô ích chi giáo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nói đọc được lời nói đúng, không trao cho đời tục dạy vô ích. Đó là Nhẫn nhục.

處在世間常護語言不樂俗談。是曰精進。

Xử tại Thế-gian thường hộ ngữ ngôn bất lạc tục đàm. Thị viết Tinh-tiến.

Ở tại Thế gian thường giữ gìn lời nói không ham thích nói tục. Đó là Tinh tiến.

常行專精其心無想。寂然惛怕其行無二定意正受。是曰一心。

Thường hành chuyên tinh kỳ tâm vô tưởng. Tịch-nhiên đàm phạ kỳ hạnh vô nhị định ý Chính-thụ. Thị viết Nhất-tâm.

Thường thực hành chuyên nhất tinh thông, tâm họ không có tưởng nhớ. Vắng vẻ lo sợ hãi nếu làm không có 2, Định ý Thụ nhận đúng. Đó là Nhất tâm.

所言至誠論道說義不演餘談。是曰智慧。是為六。

Sở ngôn chí thành luận Đạo thuyết nghĩa bất diễn dư đàm. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu nói chí thành, luận Đạo nói nghĩa, không diễn thuyết đàm luận khác. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂正業度無極有六事？所修正業無有罪殃。

Hà vị Chính-nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở tu Chính-nghiệp vô hữu tội ương.

Thế nào gọi là Nghiệp đúng Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu tu hành Nghiệp, đúng không có tội tai ương.

以德自衛奉行三寶。是曰布施。

Dĩ Đức tự vệ phụng hành Tam-Bảo. Thị viết Bồ-thí.

Do Đức tự bảo vệ, cung kính đi theo Phật Pháp Tăng. Đó là Bồ thí.

逮得所願具足眾德。而無非法無益之行。是曰持戒。

Đãi đắc sở nguyện cụ túc chúng Đức. Nhi vô phi Pháp vô ích chi hành. Thị viết Trì-giới.

Bắt được mong nguyện đầy đủ các Đức. Mà không có Pháp sai làm vô ích. Đó là giữ Giới.

所應隨順無有顛倒。悉解無常苦空非身。是曰忍辱。

Sở ưng tùy thuận vô hữu điên đảo. Tất giải Vô-thường Khổ Không phi thân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ưng thuận theo không có đảo lộn. Điều hiểu Biến đổi Khổ, Rỗng không, không có thân. Đó là Nhẫn nhục.

一切所趣不御現在不可之業。是曰精進。

Nhất thiết sở thú bất ngự Hiện-tại bất khả chi nghiệp. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả được hưởng tới không điều khiển Hiện tại không thể được Nghiệp. Đó là Tinh tiến.

所受奉行十善六度永無所著。是曰一心。

Sở thụ phụng hành Thập thiện Lục-độ vĩnh vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhận cung kính làm 10 Nghiệp thiện, 6 Pháp của Bồ Tát vĩnh viễn không có nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

所遵正業未曾妄想不志邪本。是曰智慧。是為六。

Sở tuân Chính-nghiệp vị tăng vọng tưởng bất chí tà bản. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tuân theo Nghiệp đúng, chưa từng ảo tưởng, không có ý chí sai trái vốn có. Đó là Trí tuệ.

Đó là sáu.

何謂正命度無極有六事？

Hà vị Chính-mệnh Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Mệnh đúng Tới Niết Bàn có 6 việc？

又隨時宜方便化人。以時行可意立正命矣。是曰布施。

Hựu tùy thời nghi Phương-tiện hóa nhân. Dĩ thời hành khả ý lập Chính-mệnh hĩ. Thị viết Bồ-thí.

Mới lại thuận theo thời Phương tiện giáo hóa người. Do thời làm được ý, lập dựng Mệnh đúng.

Đó là Bồ thí.

若以滅度所習宿命不貪其身。是曰持戒。

Nhược dĩ Diệt-độ sở tập trụ mệnh bất tham kỳ thân. Thị viết Trì-giới.

Nếu do Tới Niết Bàn nếu luyện tập mệnh ở lại, không tham thân họ. Đó là giữ Giới.

若見眾生本無純淑。而興愍哀欲使入道。是曰忍辱。

Nhược kiến chúng sinh bản vô thuần thực. Nhi hưng mẫn ai dục sử nhập Đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhìn thấy chúng sinh vốn dĩ không có thuần thực. Mà hưng khởi thương xót muốn làm cho nhập vào Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

若以諸法知之歸盡道不可盡。是曰精進。

Nhược dĩ chư Pháp tri chi quy tận Đạo bất khả tận. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do biết trở về của các Pháp, Đạo hết tận không thể hết tận. Đó là Tinh tiến.

在於眾生無所用命。以道開化一切眾生。是曰一心。

Tại u chúng sinh vô sở dụng mệnh. Dĩ Đạo khai hóa nhất thiết chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm.
Ở trong chúng sinh không có sử dụng mệnh. Vì Đạo khai hóa tất cả chúng sinh. Đó là Nhất tâm.
不以衣食而自立命唯志道法。是曰智慧。是為六。

Bất dĩ y thực nhi tự lập mệnh duy chí Đạo Pháp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.
Không vì quần áo thức ăn mà tự lập dụng mệnh, ý chí chỉ có tới Đạo Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂正定度無極有六事？意普觀察有為之事本悉無為。

Hà vị Chính-định Độ vô cực hữu Lục-sự ? Ý phổ quan sát Hữu-vi chi sự bản tất Vô-vi.

Thế nào gọi là Định đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Ý quan sát khắp cả việc của Pháp có hình, vốn dĩ đều không có hình.

雖在無為而不取證。是曰布施。

Tuy tại Vô-vi nhi bất thủ chứng. Thị viết Bố-thí.

Tuy ở trong Pháp không có hình mà không cầm lấy chứng nghiệm. Đó là Bố thí.

若等善惡功勳穢濁而無有二。一切諸法亦復如是。是曰持戒。

Nhược đẳng thiện ác công huân uế trược nhi vô hữu nhị. Nhất thiết chư Pháp diệc phục như thị.
Thị viết Trì-giới.

Nếu thiện ác ngang bằng nhau, công trạng ô uế mà không có hai. Tất cả các Pháp cũng lại như thế. Đó là giữ Giới.

德行不斷日日轉上。至不退轉地。是曰忍辱。

Đức hạnh bất đoạn nhật nhật chuyển thượng. Chí Bất-thoái-chuyển địa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không cắt bỏ Đức hạnh, ngày càng chuyển tăng lên. Được Bạc Không thoái lui. Đó là Nhẫn nhục.

其善快報不可限量。念施一切十方人民。是曰精進。

Kỳ thiện khoái báo bất khả hạn lượng. Niệm thí nhất thiết Thập phương nhân dân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhanh báo ứng thiện, không có hạn lượng. Nhớ Bố thí tất cả nhân dân 10 phương. Đó là Tinh tiến.

等見一切諸法根元。皆如是諦本無所有。是曰一心。

Đẳng kiến nhất thiết chư Pháp căn nguyên. Giai như thị đế bản vô sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Bình đẳng nhìn thấy tất cả nguồn gốc của các Pháp. Đều chân thực như thế vốn dĩ không có. Đó là Nhất tâm.

若奉寂然本末悉空。無所忘失無能侵者。

Nhược phụng tịch-nhiên bản mạt tất Không. Vô sở vong thất vô năng xâm giả.

Nếu cung kính Vắng vẻ, nguồn ngọn đều Rỗng không. Không có quên mất không thể xâm hại.

是曰智慧。是為六。何謂正受度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Chính-thụ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thụ nhận đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若樂正見不隨邪疑。斯行正見無有邪業。是曰布施。

Nhược nhạo Chính-kiến bắt tùy tà nghi. Tư hành Chính-kiến vô hữu Tà-nghiệp. Thị viết Bồ-thí.
Nếu ham thích Nhìn thấy đúng, không đi theo sai trái nghi hoặc. Nếu thực hành Nhìn thấy đúng,
không có Nghiệp sai trái. Đó là Bồ thí.

建立平等正真之行奉菩薩法。是曰持戒。

Kiến lập Bình-đẳng Chính-chân chi hạnh phụng Bồ-tát Pháp. Thị viết Trì-giới.

Thiết lập hạnh Bình đẳng Chân Chính cung kính Pháp Bồ Tát. Đó là giữ Giới.

若以正定見安穩脫不為邪業。是曰忍辱。

Nhược dĩ Chính-định kiến an ổn thoát bất vi Tà-nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Định đúng, nhìn thấy yên ổn giải thoát không làm Nghiệp sai trái. Đó là Nhẫn nhục.

其以等寧奉開士本。夙夜不懈無所受猗。是曰精進。

Kỳ dĩ đẳng ninh phụng Khai-sĩ bản. Túc dạ bất giải vô sở thụ ỷ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do chắc chắn ngang bằng nhau, cung kính Khai sĩ vốn có. Sớm tối không lười nhác không
có nhận lấy ỷ lại. Đó là Tinh tiến.

懷來安穩如心所願。所作善業諮受泰然。是曰一心。

Hoài lai an ổn như tâm sở nguyện. Sở tác thiện Nghiệp tư thụ thái nhiên. Thị viết Nhất-tâm.

Mong nhớ yên ổn, tới như tâm mong nguyện. Nếu làm Nghiệp thiện, bàn luận nhận lấy bình yên.
Đó là Nhất tâm.

以三昧行斷絕伴黨無是非心。是曰智慧。是為六(八道品中舊闕一種)。

Dĩ Tam-muội hành đoạn tuyệt bạn đảng vô thị phi tâm. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục (bát Đạo
phẩm trung cựu khuyết nhất chủng).

Do thực hành Tam Muội, cắt bỏ đồ đảng tâm không có sai trái. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu (trong 8
phẩm Đạo cũ thiếu một loại)

賢劫經卷第四

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ tứ.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ tư.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiền Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiền Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

HIEN KIEP KINH Q5

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第五

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ ngũ.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 5.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch

寂然度無極品第十四

Tịch-nhiên Độ vô cực Phẩm đệ thập tứ.

Phẩm thứ 14 Tĩnh lặng Tối Niết Bàn.

何謂寂然度無極有六事？

Hà vị Tịch-nhiên Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Tĩnh lặng Tối Niết Bàn có 6 việc？

假使能斷諍訟之法性常和調。是曰布施。

Giả sử năng đoạn tranh tụng chi Pháp tính thường hòa điều. Thị viết Bố-thí.

Nếu như có thể cắt bỏ tranh cãi, tính Pháp thường điều hòa. Đó là Bố thí.

若身口心篤信悅豫。不犯諸法與道合同。是曰持戒。

Nhược Thân Khẩu Tâm đốc tín duyệt dự. Bất phạm chư Pháp dữ Đạo hợp đồng. Thị viết Trì-giới.

Nếu Thân Miệng Tâm hết lòng tin vui vẻ. Không vi phạm các Pháp cùng với Đạo hòa đồng. Đó là giữ Giới.

以無陰蓋五陰六衰受正無礙。是曰忍辱。

Dĩ vô Âm-cái Ngũ-âm lục suy thụ chính vô ngại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do không có vòng âm 5 Uẩn, 6 suy bại, nhận đúng không có trở ngại. Đó là Nhẫn nhục.

其三昧定無能動移。婬怒癡心不能染之。是曰精進。

Kỳ Tam-muội Định vô năng động di. Dâm nộ si tâm bất năng nhiễm chi. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu Tam Muội Định không thể di động. Dâm thù hận ngu si không thể ô nhiễm. Đó là Tinh tiến.
聖慧所行無能分別。應時隨便度脫一切。是曰一心。

Thánh tuệ sở hành vô năng phân biệt. Ứng thời tùy tiện độ thoát nhất thiết. Thị viết Nhất-tâm.
Được thực hành Trí tuệ của Thánh không có thể phân biệt. Thuận thời tùy theo liền độ thoát tất cả. Đó là Nhất tâm.

所願普至周遍一切。去來今法三世無礙。是曰智慧。是為六。

Sở nguyện phổ chí châu biến nhất thiết. Khứ-Lai-Kim Pháp Tam-thế vô ngại. Thị viết Trí-tuệ.
Thị vi lục.

Nếu mong nguyện tới khắp cả, tất cả biến tỏa vòng quanh. Pháp Quá khứ Hiện tại Tương lai 3
Đời không có trở ngại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂所觀度無極有六事？所未聞法而得聞之。

Hà vị Sở quan Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở vị văn Pháp nhi đắc văn chi.

Thế nào gọi là Được quan sát được Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu chưa nghe Pháp mà được nghe.
以用開化一切眾生。是曰布施。

Dĩ dụng khai hóa nhất thiết chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Do vì khai hóa tất cả chúng sinh. Đó là Bồ thí.

不得諸見本無邪疑。以度一切瑕穢眾罪。是曰持戒。

Bất đắc chư kiến bản vô tà nghi. Dĩ độ nhất thiết hà uest chúng tội. Thị viết Trì-giới.

Không được các nhìn thấy, vốn dĩ không có nghi hoặc sai trái. Do độ thoát tất cả dấu vết ô uế các
tội. Đó là giữ Giới.

能得開化無數眾生。使發道心愍念危厄。是曰忍辱。

Năng đắc khai hóa vô số chúng sinh. Sử phát Đạo tâm mẫn niệm nguy ách. Thị viết Nhẫn-nhục.

Có thể được khai hóa vô số chúng sinh. Làm cho phát tâm Đạo, thương nhớ nguy ách. Đó là
Nhẫn nhục.

口所宣布佛正真行。常得成辦并化他人。是曰精進。

Khẩu sở tuyên bố Phật Chính-chân hạnh. Thường đắc thành biện tinh hóa tha nhân. Thị viết
Tinh-tiến.

Miệng nếu tuyên bố hạnh Chân Chính của Phật. Thường được thành công kể cả giáo hóa người
khác. Đó là Tinh tiến.

若能次第暢達諸法三十七品十二緣起。是曰一心。

Nhược năng thứ đệ sướng đạt chư Pháp Tam thập thất phẩm Thập nhị duyên khởi. Thị viết Nhất-
tâm.

Nếu có thể lần lượt thông suốt các Pháp 37 Phẩm trợ Đạo, 12 Nhân sinh khởi. Đó là Nhất tâm.

其在智慧了一切空。不有想願解無所有。是曰智慧。是為六。

Kỳ tại Trí-tuệ liễu nhất thiết Không. Bất hữu tưởng nguyện giải vô sở hữu. Thị viết Trí-tuệ. Thị
vi lục.

Nếu ở trong Trí tuệ hiểu rõ tất cả Rỗng không. Không có hình tướng, không có nguyện, hiểu
không đâu có. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂樂明度無極有六事。若能應時離老病死眾患之難。

Hà vị Lạc minh Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược năng ung thời ly lão bệnh tử chúng hoạn chi nạn.

Thế nào gọi là Sáng vui sướng Tối Niết Bàn có 6 việc ? Nếu có thể theo thời rời bỏ già bệnh chết các hoạn nạn.

宣示道法無上正真。是曰布施。

Tuyên thị Đạo Pháp Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Bồ-thí.

Nói hiện ra Đạo Pháp Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Bồ thí.

以明消滅愛欲之惱。無上大道自然為伏。是曰持戒。

Dĩ minh tiêu diệt ái dục chi não. Vô-thượng Đại-Đạo tự nhiên vi phục. Thị viết Trì-giới.

Do sáng tiêu diệt yêu dục Phiền não. Bình Đẳng Đạo lớn tự nhiên được thuận phục. Đó là giữ Giới.

若以聖慧一切普定。等無邪業悉行菩薩。是曰忍辱。

Nhược dĩ Thánh tuệ nhất thiết phổ Định. Đẳng vô tà Nghiệp tất hành Bồ Tát. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Trí tuệ của Thánh, tất cả yên Định khắp cả. Bình đẳng không có Nghiệp sai trái biết hành Đạo Bồ Tát. Đó là Nhẫn nhục.

一切普安以晃昱明。志存道地靡不周遍。是曰精進。

Nhất thiết phổ an dĩ hoảng dục minh. Chí tồn Đạo địa mị bất chu biên. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả đều yên ổn do sáng chói lợi. Ý chí còn ở trong Bạc Đạo, tất cả đều lan biến vòng quanh. Đó là Tinh tiến.

若以明曜普受一切。諸法根元了無處所。是曰一心。

Nhược dĩ minh diệu phổ thụ nhất thiết. Chư Pháp căn nguyên liễu vô xứ sở. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do sáng tỏ đều nhận lấy tất cả. Hiểu rõ nguồn gốc của các Pháp không có nơi ở. Đó là Nhất tâm.

其用聖慧皆知一切諸法經典十二部藏。

Kỳ dụng Thánh-tuệ giai tri nhất thiết chư Pháp Kinh điển thập nhị bộ tạng.

Nếu do Trí tuệ của Thánh đều biết tất cả các Pháp Kinh điển 12 Bộ tạng.

是曰智慧。是為六。何謂來解脫度無極有六事 ?

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Lai Giải-thoát Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Đến Giải thoát Tối Niết Bàn có 6 việc ?

志所解脫柔軟安隱。常好救厄眾生苦患。是曰布施。

Chí sở Giải-thoát nhu nhuyễn an ổn. Thường hảo cứu ách chúng sinh khổ hoạn. Thị viết Bồ-thí.

Ý chí được Giải thoát mềm dẻo yên ổn. Thường thích cứu tai ách khổ hoạn của chúng sinh. Đó là Bồ thí.

除於一切所止罣礙使無闇蔽。是曰持戒。

Trừ ư nhất thiết sở chỉ quải ngại sử vô ám tế. Thị viết Trì-giới.

Trừ bỏ với tất cả nếu trở ngại dừng lại, làm cho không có tối che phủ. Đó là giữ Giới.

若有所受，棄捐眾穢常修梵行。因其行業恒奉行德。是曰忍辱。

Nhược hữu sở thụ khí quỳên chúng uế thường tu Phạm-hạnh. Nhân kỳ hành Nghiệp hằng phụng hành Đức. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có được nhận lấy, vứt bỏ các ô uế, thường tu hành Phạm hạnh. Nhân đó thực hành Nghiệp, thường cung kính thực hành Đức. Đó là Nhẫn nhục.

一切普愍十方世界。歡悅憐怕心無所生。是曰精進。

Nhất thiết phổ mẫn Thập phương Thế-giới. Hoan duyệt đàm phạ tâm vô sở sinh. Thị viết Tinh-tiến.

Đều thương xót tất cả 10 phương Thế giới. Vui mừng lo sợ hãi, tâm không đâu sinh. Đó là Tinh tiến.

常能隨時堪任忍辱。一切苦樂不以增減。是曰一心。

Thường năng tùy thời kham nhâm Nhẫn-nhục. Nhất thiết khổ lạc bất dĩ tăng giảm. Thị viết Nhất-tâm.

Thường có thể tùy thời chịu nhận Nhẫn nhục. Tất cả khổ vui không làm tăng giảm. Đó là Nhất tâm.

常以法教不違道法。所在一切至真不虛。

Thường dĩ Pháp giáo bất vi Đạo Pháp. Sở tại nhất thiết chí chân bất hư.

Thường lấy Pháp giáo hóa không ngược lại Đạo Pháp. Nơi ở tất cả được chân thực không có sai hỏng.

是曰智慧。是為六。何謂人比丘聖眾度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Nhập Tì-kheo Thánh chúng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Nhập vào Tì Kheo Thánh chúng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能化立一切諸願志存道願。是曰布施。

Nhược năng hóa lập nhất thiết chư nguyện chí tồn Đạo nguyện. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể khai hóa lập dựng tất cả các mong nguyện, ý chí còn ở trong nguyện Đạo. Đó là Bố thí.

隨其所樂建立一切，化之以道。是曰持戒。

Tùy kỳ sở lạc kiến lập nhất thiết hóa chi dĩ Đạo. Thị viết Trì-giới.

Tùy theo nếu được vui sướng thiết lập tất cả, vì Đạo giáo hóa. Đó là giữ Giới.

其以寂然所願憐怕。心不憤鬧化之節限。是曰忍辱。

Kỳ dĩ Tịch-nhiên sở nguyện đàm phạ. Tâm bất hội náo hóa chi tiết hạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Tĩnh lặng lo sợ được nguyện. Tâm không náo loạn hóa tan thời hạn. Đó là Nhẫn nhục.

所行殊特與眾超異不與俗同。是曰精進。

Sở hành thù đặc dữ chúng siêu dị bất dữ tục đồng. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thực hành đặc biệt cùng với các vượt qua khác lạ, không cùng như đời tục. Đó là Tinh tiến.

心所受法常使真正。總持諸法而無放逸。是曰一心。

Tâm sở thụ Pháp thường sử chân chính. Tổng-trì chư Pháp nhi vô phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Tâm được nhận Pháp thường làm cho Chân chính. Thu giữ nhớ các Pháp mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

寂然專行至于脫門。空無想願不中取證。是曰智慧。是為六。

Tịch-nhiên chuyên hành chí vu thoát môn. Không vô tưởng nguyện bất trung thủ chứng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Vắng vẻ thực hành chuyên nhất, được môn Giải thoát. Rỗng không, không có tưởng nhớ, không có nguyện, không ở giữa cầm lấy chứng nghiệm. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

有八部眾會亦復如是等無有異。

Hữu Bát-bộ chúng hội diệc phục như thị đẳng vô hữu dị.

Có hội 8 Bộ Chúng cũng lại như thế cùng với không có khác lạ.

何謂八部義度無極有六事？若宣布義為解非義。

Hà vị Bát-bộ nghĩa Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược tuyên bố nghĩa vi giải phi nghĩa.

Thế nào gọi là nghĩa của 8 Bộ Chúng Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu tuyên bố nghĩa vì hiểu nghĩa sai trái.

不可用心了正真義。是曰布施。

Bất khả dụng tâm liễu Chính-chân nghĩa. Thị viết Bố-thí.

Không thể sử dụng tâm biết rõ nghĩa Chân Chính. Đó là Bố thí.

可一切眾三界天人心之所好法誨宣布。是曰持戒。

Khả nhất thiết chúng Tam-giới Thiên-nhân tâm chi sở hiếu Pháp hồi tuyên bố. Thị viết Trì-giới.

Nếu tất cả các tâm người Trời của 3 Cõi giới nếu ham thích Pháp dạy bảo tuyên bố. Đó là giữ Giới.

若敷演義無有瑕穢。常修清淨慈心仁和。是曰忍辱。

Nhược phu diễn nghĩa vô hữu hà uế. Thường tu Thanh tịnh Từ tâm nhân hòa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu phô diễn nghĩa không có dấu vết. Thường tu hành Thanh tịnh tâm Từ nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

所講至誠具足廣布。為他人頒宣道教。

Sở giảng chí thành cụ túc quảng bố. Vị tha nhân ban tuyên Đạo giáo.

Nếu giảng giải thành thực tuyên bố rộng khắp đầy đủ. Vì người khác nói đọc giáo lý Đạo.

至于阿迦膩吒天宮悉荷道宜。是曰精進。

Chí vu A-ca Ni-tra Thiên cung tất hà Đạo nghi. Thị viết Tinh-tiến.

Lên tới cung điện đỉnh Trời đều đảm nhận nghi thức Đạo. Đó là Tinh tiến.

以義等意可悅一切。是曰一心。

Dĩ nghĩa đẳng ý khả duyệt nhất thiết. Thị viết Nhất-tâm.

Do nghĩa cũng như ý có thể tất cả vui vẻ. Đó là Nhất tâm.

所住立處無瞋恚法以法勸化。是曰智慧。是為六。

Sở trụ lập xứ vô sân khúê Pháp dĩ Pháp khuyến hóa. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu ở nơi lập dựng không có thù hận Pháp dung Pháp khuyến giáo hóa. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂歸解法度無極有六事。若逮諸法而無所失。

Hà vị Quy giải Pháp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược đãi chư Pháp nhi vô sở thất.

Thế nào gọi là Trở về hiểu Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu bắt lấy các Pháp mà không có mất.

順從道慧不違正法。是曰布施。

Thuận tòng Đạo tuệ bất vi Chính-Pháp. Thị viết Bồ-thí.

Thuận theo Trí tuệ Đạo không ngược lại Pháp đúng. Đó là Bồ thí.

除彼我想不計有身。三界自然心無所著。是曰持戒。

Trừ bỉ ngã tưởng bất kế hữu thân. Tam-giới tự nhiên tâm vô sở trước. Thị viết Trì-giới.

Trừ bỏ tưởng nhớ tôi ta, không tính kế có thân. Ba Cõi giới tự nhiên, tâm không nương nhờ. Đó là giữ Giới.

言行相應不相違越。身口心行常定相應。是曰忍辱。

Ngôn hành tương ứng bất tương vi việt. Thân Khẩu Tâm hành thường định tương ứng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nói thực hành tương ứng không cùng nhau ngược lại vượt qua. Thân Miệng Tâm thực hành thường yên Định tương ứng. Đó là Nhẫn nhục.

夙夜勤修而不斷絕。戒定智慧度知見法。是曰精進。

Túc dạ cần tu nhi bất đoạn tuyệt. Giới Định Trí tuệ độ Tri-kiến Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Sớm tối tu hành chuyên cần mà không cắt bỏ. Giới Định Trí tuệ độ thoát Thấy biết Pháp. Đó là Tinh tiến.

常住道法不順非義。化以四恩加於眾生。是曰一心。

Thường trụ Đạo Pháp bất thuận phi nghĩa. Hóa dĩ tứ ân gia ư chúng sinh. Thị viết Nhất-tâm.

Thường ở trong Đạo Pháp không thuận theo nghĩa sai. Giáo hóa do 4 ân tặng thêm cho chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

常行至德等不為小節無益一切無有異念。

Thường hành chí Đức đẳng bất vi tiểu tiết vô ích nhất thiết vô hữu dị niệm.

Thường thực hành Đức lớn cũng như không vì việc nhỏ mọn, không ích lợi tất cả, không có nhớ khác.

是曰智慧。是為六。何謂分別順理度無極有六事 ?

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Phân biệt thuận lý Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Phân biệt thuận theo Lý Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若宣化說十二隨順。壞惡眾穢消於五濁。是曰布施。

Nhược tuyên hóa thuyết thập nhị tùy thuận. Hoại ác chúng uế tiêu ư Ngũ-trọc. Thị viết Bồ-thí.

Nếu đọc giáo hóa nói 12 tùy thuận. Tan hoại ác các ô uế, tiêu tan với 5 Trọc ác. Đó là Bồ thí.

若以寂然化諸迷惑。至于滅度及度一切。是曰持戒。

Nhược dĩ tịch-nhiên hóa chư mê hoặc. Chí vu Diệt-độ cập độ nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Nếu do Vắng vẻ tan biến các mê hoặc. Tới được Niết Bàn cùng độ thoát tất cả. Đó là giữ Giới.

其隨世俗言談說事。因而教之普至一切。是曰忍辱。

Kỳ tùy Thế-tục ngôn đàm thuyết sự. Nhân nhi giáo chi phổ chí nhất thiết. Thị viết Nhẫn-nhục.
Nếu theo đời tục đàm luận nói việc. Nhân do đó mà giáo hóa đều được tất cả. Đó là Nhẫn nhục.
若以能捨姪怒癡行。是一切非眾想邪心。是曰精進。

Nhược dĩ năng xả dâm nộ si hành. Thị nhất thiết phi chúng tướng tà tâm. Thị viết Tinh-tiến.
Nếu do có thể buông bỏ thực hành dâm thù hận ngu si. Đó là tất cả sai trái, các tâm tướng nhớ sai trái. Đó là Tinh tiến.

靜思禪定三昧正受。不發眾念無益之思。是曰一心。

Tĩnh tư Thiền định Tam-muội Chính-thụ. Bất phát chúng niệm vô ích chi tư. Thị viết Nhất-tâm.
Tĩnh lặng suy nghĩ Thiền Định Tam muội Thụ nhận đúng. Không phát sinh các nhớ suy nghĩ không có ích lợi. Đó là Nhất tâm.

所以奉行聖道至慧。以歸解脫無著無縛。

Sở dĩ phụng hành Thánh Đạo chí tuệ. Dĩ quy Giải-thoát vô trước vô phược.

Nếu do cung kính thực hành Đạo Thánh được Trí tuệ. Do trở về Giải thoát không nương nhờ không kết buộc.

是曰智慧。是為六。何謂辯才順理度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Biện tài thuận lý Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tài hùng biện thuận theo Lý Tối Niết Bàn có 6 việc？

若為眾人宣若干品辯才之慧。是曰布施。

Nhược vị chúng nhân tuyên nhược can phẩm biện tài chi tuệ. Thị viết Bố-thí.

Nếu vì mọi người đọc rất nhiều Đạo phẩm Trí tuệ tài hùng biện. Đó là Bố thí.

言辭至妙和柔潤澤遠近無不歸之。是曰持戒。

Ngôn từ chí diệu hòa nhu nhuận trạch viển cận vô bất quy chi. Thị viết Trì-giới.

Lời nói được vi diệu nhu hòa thấm ân huệ, xa gần tất cả đều trở về. Đó là Giữ Giới.

能可一切來聽者意以用著心。是曰忍辱。

Năng khả nhất thiết lai thính giả ý dĩ dụng trước tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Có thể tất cả tới nghe, ý sai do sử dụng tâm nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.

教言普遍無有邊際聞於十方。是曰精進。

Giáo ngôn phổ biến vô hữu biên tế văn ư Thập phương. Thị viết Tinh-tiến.

Dạy nói biến lan khắp cả không có giới hạn nghe ở 10 phương. Đó là Tinh tiến.

名德遠著天上天下。功德悉足未曾斷絕。是曰一心。

Danh Đức viển trước Thiên thượng Thiên hạ. Công-đức tất túc vị tăng đoạn tuyệt. Thị viết Nhất-tâm.

Danh Đức xa lánh nương nhờ trên Trời Thiên hạ. Công Đức đều đầy đủ chưa từng cắt bỏ. Đó là Nhất tâm.

其至法藏無所從生。入於三界乃達滅度。是曰智慧。是為六。

Kỳ chí Pháp tạng vô sở tòng sinh. Nhập ư Tam-giới nãi đạt Diệt-độ. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu được Pháp tạng không có từ sinh. Nhập vào 3 Cõi giới, mới thông tỏ Niết Bàn. Đó là trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無厭度無極有六事。為諸貪者說經行道未曾懈倦。

Hà vị Vô yếm Độ vô cực hữu Lục-sự ? Vì chư tham giả thuyết Kinh hành Đạo vị tăng giải quyện.

Thế nào gọi là Không chán Tối Niết Bàn có 6 việc ? Vì các người tham lam, nói Kinh thực hành Đạo chưa từng mệt mỏi.

念度一切眾貪嫉者。是曰布施。

Niệm độ nhất thiết chúng tham tật giả. Thị viết Bồ-thí.

Nhớ độ thoát tất cả các tham lam ghen ghét. Đó là Bồ thí.

愍傷眾生而開導之。示以三寶佛法聖眾初亦不厭。是曰持戒。

Mẫn thương chúng sinh nhi khai Đạo chi. Thị dĩ Tam-Bảo Phật Pháp Thánh chúng sơ diệc bất yếm. Thị viết Trì-giới.

Thương xót chúng sinh mà khai sáng Đạo. Do Tam Bảo Phật Pháp Tăng ban đầu cũng không chán. Đó là giữ Giới.

自以精進不行瞋恨。寧破身骨建立周遍普平等之心使法流布。是曰忍辱。

Tự dĩ Tinh-tiến bất hành sân hận. Ninh phá thân cốt kiến lập chu biền phổ bình đẳng chi tâm sử Pháp lưu bố. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tự vì Tinh tiến không thực hành thù hận. Chắc chắn phá xương của thân, thiết lập biển tỏa vòng quanh khắp cả, tâm Bình đẳng làm cho Pháp lưu truyền phân bố. Đó là Nhẫn nhục.

若以神足飛行遍至。用心懇懃時化愚冥諸應度者。是曰精進。

Nhược dĩ Thần-túc phi hành biền chí. Dụng tâm ân cần thời hóa ngu minh chư ưng độ giả. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do Thần thông biền hóa bay đi biền tỏa tới. Sử dụng tâm ân cần, khi tan biền ngu tối và ưng thuận độ thoát. Đó là Tinh tiến.

隨其所欲三昧正受而訓誨之令存道行。是曰一心。

Tùy kỳ sở dục Tam-muội Chánh-thụ nhi huấn hồi chi linh tồn Đạo hạnh. Thị viết Nhất-tâm.

Tùy theo nó được ham muốn, Tam muội Thụ nhận đúng mà dạy bảo, giúp cho còn ở trong Đạo hạnh. Đó là Nhất tâm.

諸欲聞經從其人數。願樂時聽尋為說法。

Chư dục văn Kinh tòng kỳ nhân số. Nguyên lạc thời thính tầm vị thuyết Pháp.

Họ ham muốn nghe Kinh theo số người đó. Nguyên lúc vui sướng tìm nghe vì nói Pháp.

是曰智慧。是為六。何謂施度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị thí Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Bồ thí Tối Niết Bàn có 6 việc ?

若有法教所可施與以用勸助。普於一切各使得所。是曰布施。

Nhược hữu Pháp giáo sở khả thí dữ dĩ dụng khuyến trợ. Phổ ư nhất thiết các sử đắc sở. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có Giáo Pháp được Bồ thí cho lấy làm khuyến trợ giúp. Đều với tất cả, làm cho họ có được. Đó là Bồ thí.

所可施與其口身心柔軟和悅以法化人。是曰持戒。

Sở khả thí dữ kỳ Khẩu Thân Tâm nhu nhuyễn hòa duyệt dĩ Pháp hóa nhân. Thị viết Trì-giới.
Nếu có thể Bỏ thí ban cho, nếu Miệng Thân Tâm mềm dẻo vui vẻ, dùng Pháp giáo hóa người.
Đó là giữ Giới.

好樂惠與不逆求者和顏悅色。是曰忍辱。

Hào lạc huệ dữ bất nghịch cầu giả hòa nhan duyệt sắc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vui sướng thích ban cho ân huệ, người xin không ngược lại, nhan sắc vui hòa nhã. Đó là Nhẫn
nhục.

所施調意念行方便。去諸不善淨修功德。是曰精進。

Sở thí điều ý niệm hành Phương-tiện. Khứ chư bất thiện tịnh tu Công-đức. Thị viết Tinh-tiến.
Nếu ý điều hòa Bỏ thí, nhớ thực hành Phương tiện. Vứt bỏ mọi việc không thiện, tu hành công
Đức Thanh tịnh. Đó là Tinh tiến.

其心清徹不壞穢濁。清志定意愍於一切。是曰一心。

Kỳ tâm thanh triệt bất hoại uế trọc. Thanh chí định ý mẫn ư nhất thiết. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm sạch trong không hoại ô trọc. Ý định ý chí trong sáng, thương xót tất cả. Đó là Nhất
tâm.

所可施人以是功德勸助佛道。亦化眾生使發大意。

Sở khả thí nhân dĩ thị Công-đức khuyến trợ Phật Đạo. Diệt hóa chúng sinh sử phát đại ý.
Nếu có thể Bỏ thí, dùng nó làm công Đức khuyến trợ giúp Đạo Phật. Cũng giáo hóa chúng sinh,
làm cho phát ý Đạo.

是曰智慧。是為六。何謂戒度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Giới Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Giới Tới Niết Bàn có 6 việc？

所奉禁戒慈心為本。常以無畏加於一切。是曰布施。

Sở phụng Cấm-giới Từ tâm vi bản. Thường dĩ vô úy gia ư nhất thiết. Thị viết Bỏ-thí.

Nếu cung kính Giới cấm, tâm Từ vốn có. Thường dùng không sợ hãi tăng thêm cho tất cả. Đó là
Bỏ thí.

無畏不懷瞋恨護身口意三事無犯。是曰持戒。

Vô úy bất hoài sân hận hộ Thân Khẩu Ý tam sự vô phạm. Thị viết Trì-giới.

Không sợ hãi không nhớ thù hận, giữ gìn Thân Miệng Ý, 3 việc không vi phạm. Đó là giữ Giới.
常抱愍傷心哀一切無傷害意。猶如慈母育其赤子。是曰忍辱。

Thường bảo mẫn thương tâm ai nhất thiết vô thương hại ý. Do như Từ mẫu dục kỳ xích tử. Thị
viết Nhẫn-nhục.

Thường ôm ấp thương đau, tâm thương xót tất cả, không có ý thương hại. Giống như Mẹ nhân từ
muốn nuôi dưỡng dạy con nhỏ của họ. Đó là Nhẫn nhục.

以設方便擁護禁戒。寤因慚恥無益一切。是曰精進。

Dĩ thiết Phương-tiện ủng hộ Cấm-giới. Ngụ nhân tầm sĩ vô ích nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm ra Phương tiện ủng hộ Giới cấm. Ngụ nhân do xấu hổ tất cả vô ích. Đó là Tinh tiến.

慈加眾生心學謹慎。以為無常專其心志不為放逸。是曰一心。

Từ gia chúng sinh tâm học cẩn thận. Dĩ vị Vô-thường chuyên kỳ tâm chí bất vi phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Tâm Từ tăng thêm cho chúng sinh, tâm học cẩn thận. Do vì Biến đổi, tâm chí họ chuyên nhất, không làm phóng túng. Đó là Nhất tâm.

以是慈愍所奉禁戒常行精進。發起一切諸不達者勸助佛道。

Dĩ thị Từ mẫn sở phụng Cấm-giới thường hành Tinh-tiến. Phát khởi nhất thiết chư bất đạt giả khuyến trợ Phật Đạo.

Do vì tâm Từ thương xót nếu cung kính Giới cấm thường thực hành Tinh tiến. Phát khởi tất cả mọi điều, không thông tỏ khuyến trợ giúp Đạo Phật.

是曰智慧。是為六。何謂忍辱度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Nhẫn-nhục Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Nhẫn nhục Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以柔和志存悅豫普安一切。是曰布施。

Nhược dĩ nhu hòa chí tồn duyệt dự phổ an nhất thiết. Thị viết Bố-thí.

Nếu do nhu hòa, ý chí còn phần chân đều yên ổn tất cả. Đó là Bố thí.

若為眾生忍眾患難。無數劫中不以為勞。是曰持戒。

Nhược vị chúng sinh Nhẫn chúng hoạn nạn. Vô số Kiếp trung bất dĩ vi lao. Thị viết Trì-giới.

Nếu vì chúng sinh Nhẫn nhịn các hoạn nạn. Trong vô số Kiếp không lấy làm khổ cực. Đó là giữ Giới.

求於生死長遠之難。本末所在不見所奉。是曰忍辱。

Cầu ư sinh tử trường viễn chi nan. Bản mạt sở tại bất kiến sở phụng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tìm tới sinh chết xa dài nguy nan. Nguồn ngọn ở nơi nơi, không nhìn thấy được cung kính. Đó là Nhẫn nhục.

常抱和悅而求方便不以懈廢。是曰精進。

Thường bảo hòa duyệt nhi cầu Phương-tiện bất dĩ giải phế. Thị viết Tinh-tiến.

Thường ôm ấp vui vẻ mà cầu Phương tiện không do mệt mỏi. Đó là Tinh tiến.

愍傷眾生諸危厄者而降伏之。是曰一心。

Mẫn thương chúng sinh chư nguy ách giả nhi hàng phục chi. Thị viết Nhất-tâm.

Thương xót các nguy ách chúng sinh mà hàng phục. Đó là Nhất tâm.

以是忍辱常行仁和。心不懷害勸助佛道。

Dĩ thị Nhẫn-nhục thường hành nhân hòa. Tâm bất hoài hại khuyến trợ Phật Đạo.

Do làm Nhẫn nhục, thường thực hành nhân hòa. Tâm không nhớ hại khuyến trợ giúp Đạo Phật.

是曰智慧。是為六。何謂進度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tiên Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc ?

愍傷於俗應病與藥各令得所。是曰布施。

Mẫn thương ư tục ứng bệnh dữ dược các linh đắc sở. Thị viết Bố-thí.

Đau thương với đời tục theo bệnh cho thuốc giúp họ có được. Đó là Bồ thí.

志在方便無所加害常行慈心。是曰持戒。

Chí tại Phương-tiện vô sở hại thường hành Từ tâm. Thị viết Trì-giới.

Ý chí ở trong Phương tiện không có thêm hại, thường thực hành tâm Từ. Đó là giữ Giới.

得諸限礙而致解脫而應惠施。是曰忍辱。

Đắc chư hạn ngại nhi trí Giải-thoát nhi ưng huệ thí. Thị viết Nhẫn-nhục.

Được các trở ngại giới hạn mà đem tới Giải thoát mà thuận theo Bồ thí ân huệ. Đó là Nhẫn nhục.

在於異處不失應節一切如法。是曰精進。

Tại ư dị xứ bất thất ưng tiết nhất thiết như Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Ở tại nơi khác không mất thuận theo khí tiết, tất cả như Pháp. Đó là Tinh tiến.

若以勤修晝夜不廢無所毀損。是曰一心。

Nhược dĩ cần tu trú dạ bất phế vô sở hủy tổn. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do tu hành chuyên cần ngày đêm không phá bỏ, không có hủy tổn hại. Đó là Nhất tâm.

以是精進勸佛境界。使發道心奉遵正業。

Dĩ thị Tinh-tiến khuyến Phật cảnh giới. Sử phát Đạo tâm phụng tuân Chính-nghiệp.

Do làm Tinh tiến khuyến cảnh giới của Phật. Làm cho phát tâm Đạo, cung kính tuân theo Nghiệp đúng.

是曰智慧。是為六。何謂寂度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tịch Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Vắng vẻ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若以慈心向於諸人愍傷眾生。是曰布施。

Nhược dĩ Từ tâm hướng ư chư nhân mẫn thương chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do tâm Từ hướng tới mọi người, thương xót chúng sinh đau thương. Đó là Bồ thí

憐念一切三界眾生。而降化之入於深法。是曰持戒。

Lân niệm nhất thiết Tam-giới chúng sinh. Nhi hàng hóa chi nhập ư thâm Pháp. Thị viết Trì-giới.

Thương nhớ tất cả chúng sinh của 3 Cõi giới. Mà hàng phục giáo hóa nhập vào Pháp thâm sâu.

Đó là giữ Giới.

傷於世俗愚冥之眾。示以道宜心導御之。是曰忍辱。

Thương ư thế tục ngu minh chi chúng. Thị dĩ Đạo nghi tâm Đạo ngự chi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Đau thương với đời tục, chúng sinh ngu tối. Hiện ra dùng Đạo thích hợp, tâm hướng dẫn điều khiển. Đó là Nhẫn nhục.

若出家學無上正真。志存寂然不為放逸。是曰精進。

Nhược Xuất-gia học Vô-thượng Chính-chân. Chí tồn Tịch-nhiên bất vi phóng dật. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu Xuất gia học Bình Đẳng Chân Chính. Ý chí còn ở trong Vắng vẻ không làm phóng túng. Đó là Tinh tiến.

諦思法施以開化眾。諸不達者而頒宣法。是曰一心。

Đề tư Pháp thí dĩ khai hóa chúng. Chư bất đạt giả nhi ban tuyên Pháp. Thị viết Nhất-tâm.

Suy nghĩ chân thực **Bổ thí Pháp**, dùng để khai hóa chúng sinh. Mọi việc chưa thông tỏ mà nói **đọc Pháp**. Đó là **Nhẫn nhục**.

志性清淨而無垢濁。順從滅度不中寂滅。

Chí tính Thanh tịnh nhi vô cấu trọc. Thuận tòng Diệt-độ bất trung Tịch-diệt.

Tính ý chí Thanh tịnh mà không cấu bẩn. Thuận theo Niết Bàn không ở giữa Vắng lặng.

是曰智慧。是為六。何謂智慧度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Trí tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以經典法施於人使發道心。是曰布施。

Nhược dĩ Kinh điển Pháp thí ư nhân sử phát Đạo tâm. Thị viết **Bổ-thí**.

Nếu do Kinh điển Bổ thí Pháp cho người, giúp cho phát tâm Đạo. Đó là Bổ thí.

若有所說離於衣食不貪利養。是曰持戒。

Nhược hữu sở thuyết ly ư y thực bất tham lợi dưỡng. Thị viết Trì-giới.

Nếu có được nói Pháp rời bỏ với quần áo đồ ăn, không tham lợi dưỡng. Đó là giữ Giới.

若以法施不徇俗業不用懈倦。是曰忍辱。

Nhược dĩ Pháp thí bất ỷ tục nghiệp bất dụng giải quyện. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do Bổ thí Pháp không ỷ lại Nghiệp đời tục, không bị mệt mỏi. Đó là Nhẫn nhục.

入於一切總持諸法。無所不攝各令巨然。是曰精進。

Nhập ư nhất thiết Tổng trì chư Pháp. Vô sở bất nhiếp các linh tuyên nhiên. Thị viết Tinh-tiến.

Nhập vào tất cả nhận giữ nhớ tất cả các Pháp. Thu lấy tất cả giúp cho họ bình thường. Đó là Tinh tiến.

以諦思惟三世大難敷演法施。是曰一心。

Dĩ đế tư duy Tam-thế đại nạn phu diễn Pháp thí. Thị viết Nhất-tâm.

Do tư duy chân thực, nạn lớn của 3 Đời phô diễn Bổ thí Pháp. Đó là Nhất tâm.

若以本淨本無之義宣布道教有所導示不失其原。

Nhược dĩ bản tịnh bản vô chi nghĩa tuyên bố Đạo giáo hữu sở Đạo thị bất thất kỳ nguyên.

Nếu do Thanh tịnh vốn có, nghĩa vốn dĩ không có, tuyên bố giáo lý Đạo, có hiện ra được Đạo, không mất nguồn gốc đó.

是曰智慧。是為六。何謂眼報度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Nhãn báo Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Báo ứng Mắt Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以好眼愛敬眾人不以加害。是曰布施。

Nhược dĩ hảo nhãn ái kính chúng nhân bất dĩ gia hại. Thị viết **Bổ-thí**.

Nếu với Mắt tốt đẹp mọi người yêu kính, không làm tăng thêm hại. Đó là Bổ thí.

若以其眼有所觀察。悉了無益唯法可恃。是曰持戒。

Nhược dĩ kỳ nhãn hữu sở quan sát. Tất liễu vô ích duy Pháp khả恃. Thị viết Trì-giới.

Nếu dùng Mắt đó, có được quan sát. Biết rõ vô ích, chỉ có Pháp có thể dựa đỡ. Đó là giữ Giới.

所見廣遠而無限量。不得邊際無不可盡。是曰忍辱。

Sở kiến quảng viễn nhi vô hạn lượng. Bất đắc biên tế vô bất khả tận. Thị viết Nhẫn-nhục.
Nếu nhìn thấy xa rộng khắp mà không có hạn lượng. Không được biên giới đều có thể hết tận.
Đó là Nhẫn nhục.

其眼寂靜而無所著。一切眾色悉空本無。是曰精進。

Kỳ nhãn Tịch-tĩnh nhi vô sở trước. Nhất thiết chúng sắc tất Không bản vô. Thị viết Tinh-tiến.
Nếu Mắt Vắng lặng mà không nương nhờ. Tất cả các Sắc đều Rỗng không, vốn dĩ không có. Đó là Tinh tiến.

所觀悅豫見者歡喜以法為樂。是曰一心。

Sở đồ duyệt dự kiến giả hoan hỷ dĩ Pháp vi lạc. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu gặp gỡ phần chân, người nhìn thấy vui mừng lấy Pháp làm vui. Đó là Nhất tâm.

諸來見者心身歸伏。普共踊躍能至究竟。

Chư lai kiến giả tâm thân quy phục. Phổ cộng dũng dục năng chí cứu cánh.

Người tới nhìn thấy thân tâm quy phục. Điều cùng mạnh mẽ có thể được tới cùng.

是曰智慧。是為六。何謂耳報度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Nhĩ báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Báo ứng Tai Tới Niết Bàn có 6 việc？

耳有所聽無所違失常存在法不為俗想。是曰布施。

Nhĩ hữu sở thính vô sở vi thất thường tồn tại Pháp bất vi tục tưởng. Thị viết Bồ-thí.

Tai có được nghe, không có ngược lại mất, thường ở trong Pháp, không làm tưởng nhớ đời tục.

Đó là Bồ thí.

其耳清淨無有穢濁。解一切音本悉寂然。是曰持戒。

Kỳ nhĩ Thanh tịnh vô hữu uế trọc. Giải nhất thiết âm bản tất Tịch-nhiên. Thị viết Trì-giới.

Nếu Tai Thanh tịnh không có uế trọc. Hiểu tất cả âm thanh vốn dĩ đều Vắng vẻ. Đó là giữ Giới.

若有所聽其音清徹而無邪想。是曰忍辱。

Nhược hữu sở thính kỳ âm thanh triệt nhi vô tà tưởng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có được nghe, âm thanh đó trong rõ mà không có tưởng nhớ sai trái. Đó là Nhẫn nhục.

耳有所存觀其微細不可限量。是曰精進。

Nhĩ hữu sở tồn đồ kỳ vi tế bất khả hạn lượng. Thị viết Tinh-tiến.

Tai có được tồn tại nghe thấy nhỏ bé đó không thể hạn lượng. Đó là Tinh tiến.

察其懸遠耳悉逮聞。知之皆空無益於人。是曰一心。

Sát kỳ huyền viễn nhĩ tất đãi văn. Tri chi giai Không vô ích ư nhân. Thị viết Nhất-tâm.

Xem kĩ nơi xa thăm đó, Tai bắt lấy nghe tất cả. Biết đều Rỗng không, vô ích với người. Đó là Nhất tâm.

聞無所有聽無堅固猶如呼響。是曰智慧。是為六。

Văn vô sở hữu thính vô kiên cố do như hô hưởng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nghe không có nghe, không kiên cố giống như âm hưởng của tiếng kêu. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂鼻報度無極有六事？

Hà vị Tị báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Báo ứng Mũi Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若鼻清徹了一切空不有所嗅。是曰布施。

Nhược Tị thanh triệt liễu nhất thiết Không bất hữu sở khứu. Thị viết Bồ-thí.

Nếu mũi trong sạch biết rõ tất cả Rỗng không, không có được ngửi thấy. Đó là Bồ thí.

而其鼻根息無所念。惟志道心無所損失。是曰持戒。

Nhi kỳ Tị căn tức vô sở niệm. Duy chí Đạo tâm vô sở tổn thất. Thị viết Trì-giới.

Mà với Căn Mũi đó dừng nghỉ không có nhớ. Chỉ có ý chí tâm Đạo không có tổn thất. Đó là giữ Giới.

寂然慄怕而知止足。是曰忍辱。

Tịch nhiên đàm phạ nhi tri chỉ túc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vắng vẻ lo sợ hãi mà biết đủ dừng lại. Đó là Nhẫn nhục.

所嗅順宜無所犯負不在情欲。是曰精進。

Sở khứu thuận nghi vô sở phạm phụ bất tại tình dục. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ngửi thấy thuận theo thích hợp không có vi phạm đắm nhận, không ở trong tình cảm đòi tục. Đó là Tinh tiến.

鼻無所受不貪眾香而無放逸。是曰一心。

Tị vô sở thụ bất tham chúng hương nhi vô phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Mũi không thu nhận, không tham các hương mà không phóng túng. Đó là Nhất tâm.

鼻有所嗅知其瑕穢無益一切損耗學心。

Tị hữu sở khứu tri kỳ hà uế vô ích nhất thiết tổn hao học tâm.

Mũi có được ngửi thấy, biết dấu vết của nó, tất cả vô ích tổn hao tâm học tập.

是曰智慧。是為六。何謂舌報度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thiệt báo Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Báo ứng Lưỡi Tới Niết Bàn có 6 việc ?

舌雖得味不以貪樂。離於喜悅甘于戒宜。是曰布施。

Thiệt tuy đắc vị bất dĩ tham lạc. Ly ư hỉ duyệt cam vu Giới nghi. Thị viết Bồ-thí.

Lưỡi tuy được hương vị không lấy làm tham vui sướng. Rồi xa vui mừng ngon ngọt ở trong nghi thức của Giới. Đó là Bồ thí.

語言了了惟宣法教。是曰持戒。

Ngữ ngôn liễu liễu duy tuyên Pháp giáo. Thị viết Trì-giới.

Lời nói rõ ràng chỉ tuyên bố giáo Pháp. Đó là giữ Giới.

若無數眾正及其所言辭宣示同學。是曰忍辱。

Nhược vô số chúng chính cập kỳ sở ngôn từ tuyên thị đồng học. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu vô số chúng sinh đốn chính cùng với lời nói của họ, đọc nói hiện ra cùng học. Đó là Nhẫn nhục.

設使識念無限之慧為人解說。是曰精進。

Thiệt sử thức niệm vô hạn chi tuệ vị nhân giải thuyết. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu như nhớ nhận ra Trí tuệ vô hạn, vì người giảng giải. Đó là Tinh tiến.

滅其醜醉舌之所習五味所利。是曰一心。

Diệt kỳ hàm hàm tạc Thiệt chi sở tập ngũ vị sở lợi. Thị viết Nhất-tâm.

Diệt trừ ăn vị mặn khách rót rượu cho chủ, Lưỡi được tập luyện 5 vị có lợi. Đó là Nhất tâm.

舌有所說常傳道教廣有所耀。

Thiệt hữu sở thuyết thường truyền Đạo giáo quảng hữu sở diêu.

Lưỡi có được nói, thường truyền dạy giáo lý Đạo rộng lớn, có được sáng lạn.

是曰智慧。是為六。何謂身報度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thân báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Báo ứng của Thân Tới Niết Bàn có 6 việc？

身有所豐財業經典以惠世間。是曰布施。

Thân hữu sở phong tài nghiệp Kinh điển dĩ huệ Thế-gian. Thị viết Bồ-thí.

Thân có được giàu có, Nghiệp tài sản Kinh điển, do Bồ thí ân huệ cho Thế gian. Đó là Bồ thí.

無數眾人咸瞻仰之。以奉受言。是曰持戒。

Vô số chúng nhân hàm chiêm ngưỡng chi. Dĩ phụng thụ ngôn. Thị viết Trì-giới.

Vô số chúng sinh đều chiêm ngưỡng. Do cung kính thu nhận lời nói. Đó là giữ Giới.

其身所以作人尊貴。用供順佛而有威德。是曰忍辱。

Kỳ thân sở dĩ tác nhân tôn quý. Dụng cung thuận Phật nhi hữu Uy-đức. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu ở nơi thân, do làm người tôn quý. Do cung cấp thuận theo Phật mà có Uy Đức. Đó là Nhẫn nhục.

體強有勢靡不依之。一切眾生悉共蒙荷。是曰精進。

Thể cường hữu thế mị bất y chi. Nhất thiết chúng sinh tất cộng mông hà. Thị viết Tinh-tiến.

Thân thể cường tráng có thể lực đều dựa vào nó. Tất cả chúng sinh đều cùng được gánh vác. Đó là Tinh tiến.

形柔軟好常以和悅顏貌光澤。是曰一心。

Hình nhu nhuyễn hảo thường dĩ hòa duyệt nhan mạo quang trạch. Thị viết Nhất-tâm.

Thân hình mềm dẻo tốt đẹp, thường do vui vẻ nhan sắc sáng bóng. Đó là Nhất tâm.

清白潔白多所堪任開化眾生。

Thanh bạch khiết bạch đa sở kham nhâm khai hóa chúng sinh.

Thanh bạch trong sáng được nhiều chịu nhận khai hóa chúng sinh.

是曰智慧。是為六。何謂心報度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tâm báo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Báo ứng của Tâm Tới Niết Bàn có 6 việc？

其心平等普順遍入一切眾生。是曰布施。

Kỳ tâm Bình-đẳng phổ thuận biến nhập nhất thiết chúng sinh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu Tâm Bình đẳng đều thuận theo, biến tỏa nhập vào tất cả chúng sinh. Đó là Bồ thí.

若意所念多所悅豫莫不法行。是曰持戒。

Nhược ý sở niệm đa sở duyệt dự mạc bất Pháp hành. Thị viết Trì-giới.

Nếu ý được nhớ, được nhiều vui vẻ, tất cả đều thực hành Pháp. Đó là giữ Giới.

所可度脫樂現在義不為非義。是曰忍辱。

Sở khả độ thoát lạc hiện tại nghĩa bất vi phi nghĩa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể độ thoát, vui sướng nghĩa hiện tại, không làm nghĩa sai. Đó là Nhẫn nhục.

其意覺疾僉然通達心無所礙。是曰精進。

Kỳ ý giác tật thêm nhiên thông đạt tâm vô sở ngại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu ý nhanh cảm thấy, đều thông suốt như thế tâm không có trở ngại. Đó là Tinh tiến.

所遵奉行常遵道法順從和雅。是曰一心。

Sở tuân phụng hành thường tuân Đạo Pháp thuận tòng hòa nhã. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tuân theo cung kính thi hành, thường tuân theo Đạo Pháp, thuận theo hòa nhã. Đó là Nhất tâm.

其稱音響遍入諸法。一切眾行校之定法。

Kỳ xưng âm hưởng biến nhập chư Pháp. Nhất thiết chúng hạnh hiệu chi Định Pháp.

Nếu đọc âm hưởng biến tỏa nhập vào các Pháp. Tất các các hạnh sửa theo Định Pháp.

是曰智慧。是為六。何謂愍他人勸助度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Mẫn tha nhân khuyến trợ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thương xót người khác khuyến trợ giúp Tới Niết Bàn có 6 việc？

訓化他人有所施與。猶如過去有人其人名曰號是生子。

Huấn hóa tha nhân hữu sở thí dĩ. Do như Quá-khứ hữu nhân kỳ nhân danh viết Hiệu-thị sinh-tử.

Dạy bảo người khác có được Bố thí ban cho. Giống như Quá khứ có người tên người đó là Hiệu Thị Sinh Tử.

救護天下閻浮利地。一切眾生皆勸化之。

Cứu hộ Thiên hạ Diêm-phù-lợi địa. Nhất thiết chúng sinh giai khuyến hóa chi.

Cứu hộ Thiên hạ đất Diêm Phù Lợi. Tất cả chúng sinh đều khuyến giáo hóa.

入佛大道而開導之。是曰布施。

Nhập Phật Đại Đạo nhi khai Đạo chi. Thị viết Bố-thí.

Nhập vào Đạo lớn của Phật mà khai sáng Đạo. Đó là Bố thí.

以戒勤修咸安他人。以斯功勳致其報應。

Dĩ Giới cần tu hàm an tha nhân. Dĩ tư công huân trí kỳ báo ứng.

Vì Giới tu hành chuyên cần, đều yên ổn người khác. Do công trạng đó đem tới báo ứng đó.

猶如飛鳥眾輩集會吐水滅熾火。是曰持戒。

Do như phi điều chúng boid tập hội thổ thủy diệt sí hỏa. Thị viết Trì-giới.

Giống như chim bay, chúng tập hợp lại phun ra nước, dập tắt lửa mạnh. Đó là giữ Giới.

以和哀人用加生死立如梵天。愍念黎庶忍於眾勞。是曰忍辱。

Dĩ hòa ai nhân dụng gia sinh tử lập như Phạm Thiên. Mẫn niệm lê thứ nhẫn ư chúng lao. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do hòa nhã thương xót người, dùng tăng thêm sinh chết lập dựng như Trời Phạm. Thương nhớ dân nghèo Nhẫn nhịn với các lao khổ. Đó là Nhẫn nhục.

精勤教人若如病者遭值兩命其壽未盡懷愍傷心。

Tinh cần giáo nhân nhược như bệnh giả tao trị lưỡng mệnh kỳ thọ vị tận hoài mẫn thương tâm.
Tinh thông chuyên cần dạy người, nếu như người bệnh trực tiếp gặp 2 mệnh, thọ của họ chưa hết, tâm thương xót đau đớn.

有醫親近念之靡已。即越二萬八千里往詣其所。

Hữu y thân cận niệm chi mị dĩ. Tức việt nhị vạn bát thiên lý vãng nghê kỳ sở.

Nếu có thân thiết với thầy thuốc, đã nhờ không bao giờ quên. Tức thời vượt qua 1 vạn 4 nghìn km vãng tới nơi ở của họ.

致於醫藥療治其病。菩薩療治一切如是。是曰精進。

Trí ư y dược liệu trị kỳ bệnh. Bồ-tát liệu trị nhất thiết như thị. Thị viết Tinh-tiến.

Đem tới thuốc bệnh điều trị bệnh của họ. Bồ Tát chữa trị tất cả như thế. Đó là Tinh tiến.

若以禪思而愍他人。猶如加賓黃色仙人興立城郭。哀眾生故。是曰一心。

Nhợc dĩ Thiền-tư nhi mẫn tha nhân. Do như gia tân hoàng sắc Tiên-nhân hưng lập thành quách.
Ai chúng sinh cố. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ mà thương xót người khác. Giống như thêm khách người Tiên sắc vàng, hưng lập dựng thành quách. Do thương xót chúng sinh. Đó là Nhất tâm.

若以智慧普安天下。使諸念典壽在天上。若在十方受其天身。

Nhợc dĩ Trí tuệ phổ an Thiên hạ. Sử chư niệm điển thọ tại Thiên thượng. Nhợc tại Thập phương thụ kỳ Thiên thân.

Nếu do Trí tuệ yên ổn khắp cả Thiên hạ. Làm cho họ nhớ điển tích thọ ở trên Trời. Nếu tại 10 phương nhận thân Cõi Trời của họ.

皆消怨賊隨河流逝乃至龍所。是曰智慧。是為六。

Giai tiêu oán tặc tùy hà lưu thế nãi chí Long sở. Thị viết Trí huệ. Thị vi lục.

Đều tiêu tan giặc oán thuận theo dòng chảy, thậm chí tới nơi ở của Long Vương. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂愍己度無極有六事？為己所興有益之業。

Hà vị Mẫn kỷ Độ vô cực hữu Lục-sự ? Vị kỷ sở hưng hữu ích chi nghiệp.

Thế nào gọi là Thương xót bản thân Tới Niết Bàn có 6 việc ? Vì bản thân được hưng khởi Nghiệp có ích.

并安眾人能使成辦。是曰布施。

Tịnh an chúng nhân năng sử thành biện. Thị viết Bố-thí.

Gồm cả yên ổn mọi người, có thể làm cho xong việc. Đó là Bố thí.

身自隨應積眾德本不為禍害。是曰持戒。

Thân tự tùy ưng tích chúng Đức bản bất vi họa hại. Thị viết Trì-giới.

Thân tự ưng theo tích lũy các Đức vốn có, không làm họa hại. Đó là giữ Giới.

其體嚴莊若上妙華其色猶然。是曰忍辱。

Kỳ thể nghiêm trang nhược thượng diệu hoa kỳ sắc do nhiên. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thân thể trang nghiêm nêu trên cả hoa vi diệu, thân sắc đó như thế. Đó là Nhẫn nhục.

其為己身夙興夜寐。不以懈廢救眾危厄。是曰精進。

Kỳ vì kỷ thân túc hưng dạ寐. Bất dĩ giải phế cứu chúng nguy ách. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu vì thân của tự mình dậy sớm đêm ngủ. Không lấy làm lười phá bỏ cứu giúp các nguy ách. Đó là Tinh tiến.

身常精進念己之故。願生天上十方佛前。是曰一心。

Thân thường Tinh-tiến niệm kỷ chi cố. Nguyên sinh Thiên thượng Thập phương Phật tiền. Thị viết Nhất-tâm.

Thân thường Tinh tiến do nhớ bản thân. Nguyên sinh lên Trời ở trước Phật 10 phương. Đó là Nhất tâm.

七反劫燒成已復敗終已復始。往反此世不以迷惑如加賓王。

Thất phản Kiếp thiêu thành dĩ phục bại chung dĩ phục thủy. Vãng phản thử thế bất dĩ mê hoặc như Gia-tân Vương.

Đã thành công thiêu đốt 7 Kiếp trở lại lại đồ nát, cuối cùng đã trở lại ban đầu. Qua lại đời này không lấy làm mê hoặc như Vua Gia Tân.

是曰智慧。是為六。何謂法度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Pháp Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc？

以若干色莊嚴瓔珞。本施所致得是功德報。是曰布施。

Dĩ nhược can sắc trang nghiêm anh lạc. Bản thí sở trí đắc thị Công-đức báo. Thị viết Bồ-thí.

Do chuỗi ngọc trang nghiêm rất nhiều màu sắc. Trước đem Bồ thí được đem tới báo ứng công Đức đó. Đó là Bồ thí.

法不住顛倒無所著唯志經典。是曰持戒。

Pháp bất trụ điên đảo vô sở ý trước duy chí Kinh điển. Thị viết Trì-giới.

Pháp không ở trong đảo lộn, không có ý lại nương nhờ, chỉ chí tâm với Kinh điển. Đó là giữ Giới.

設能消除婬怒癡垢眾生之想。是曰忍辱。

Thiết năng tiêu trừ dâm nộ si cấu chúng sinh chi tưởng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể tiêu trừ tưởng nhớ dâm thù hận ngu si cấu bần của chúng sinh. Đó là Nhẫn nhục.

以佛經道行度無極。無有二行因其方便。是曰精進。

Dĩ Phật Kinh Đạo hạnh độ vô cực. Vô hữu nhị hạnh nhân kỳ Phương-tiện. Thị viết Tinh-tiến.

Vì Phật Kinh Đạo thực hành Tới Niết Bàn. Hạnh không có hai nhân do Phương tiện đó. Đó là Tinh tiến.

得平等心永除所著心無所求。是曰一心。

Đắc Bình-đẳng tâm vĩnh trừ sở trước tâm vô sở cầu. Thị viết Nhất-tâm.

Được tâm Bình đẳng vĩnh viễn trừ bỏ được nương nhờ, tâm không có cầu. Đó là Nhất tâm.

光曜振明照于十方。一切諸法為暢分別。

Quang diệu chân minh chiếu vu Thập phương. Nhất thiết chư Pháp vi sướng phân biệt.

Quang chói lợi sáng, chân động chiếu tới 10 phương. Tất cả các Pháp nêu phân biệt thông suốt.

上中下法真不有二。是曰智慧。是為六。

Thượng trung hạ Pháp chân bất hữu nhị. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Pháp cao giữa thấp chân thực không có 2. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂宜度無極有六事？

Hà vị Nghi Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Thích nghi Tới Niết Bàn có 6 việc？

所施之報果致大富因興經道。是曰布施。

Sở thí chi báo quả trí đại phú nhân hưng Kinh Đạo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu quả báo của Bồ thí đem tới giàu có lớn, nhân do hưng khởi Kinh Đạo. Đó là Bồ thí.

其所奉禁果致生天。常思法行不慕天安。是曰持戒。

Kỳ sở phụng cấm quả trí sinh Thiên. Thường tư Pháp hành bất mộ Thiên an. Thị viết Trì-giới.

Nếu được cung kính kiêng kị, quả đem tới sinh lên Trời. Thường làm suy nghĩ Pháp, không ngưỡng mộ yên ổn của Cõi Trời. Đó là giữ Giới.

其忍辱果無恐章句斯則其誼。常專精思欲度一切。是曰精進。

Kỳ Nhẫn-nhục quả vô khủng chương cú tư tức kỳ nghị. Thường chuyên tinh tư dục độ nhất thiết.

Thị viết Tinh-tiến.

Nếu quả của Nhẫn nhục không sợ hãi câu chương đó, chắc là nghĩa của họ. Thường chuyên nhất suy nghĩ tinh thông, muốn độ thoát tất cả. Đó là Tinh tiến.

所可禪思勸助所生。斯則其誼。名曰一心。

Sở khả Thiền-tư khuyến trợ sở sinh. Tư tác kỳ nghị. Danh viết Nhất-tâm.

Nếu có thể Tĩnh lặng suy nghĩ khuyến trợ giúp được sinh. Đó chắc là nghĩa của họ. Tên là Nhất tâm.

若合集智增益聖慧。常不損耗斯則其誼。

Nhược hợp tập trí tăng ích Thánh tuệ. Thường bất tổn hao tư tác kỳ nghị.

Nếu tập hợp Trí tuệ tăng ích cho Tuệ Thánh. Thường không hao tổn đó chắc là nghĩa của họ.

是曰智慧。是為六。何謂(邱-丘+半)畔解度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Bán bạn giải Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Bạn nửa chừng Tới Niết Bàn có 6 việc？

所行精勤不壞其身。是曰布施。

Sở hành tinh cần bất hoại kỳ thân. Thị viết Bồ-thí.

Nếu thực hành tinh tong chuyên cần, không tan hoại thân họ. Đó là Bồ thí.

以斷眾想悵望之業解脫而喜。是曰持戒。

Dĩ đoạn chúng tưởng hi vọng chi nghiệp Giải-thoát nhi hỉ. Thị viết Trì-giới.

Do cắt bỏ các tưởng nhớ hi vọng và Nghiệp Giải thoát được vui. Đó là giữ Giới.

逮得法忍而無廢失。是曰忍辱。

Đãi đắc Pháp nhẫn nhi vô phế thất. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bắt được Pháp nhẫn mà không phế bỏ. Đó là Nhẫn nhục.

所行吉祥一切普備。是曰精進。

Sở hạnh cát tường nhất thiết phổ bị. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm yên lành tất cả đều đầy đủ. Đó là Tinh tiến.

所可禪思致滅度果。是曰一心。

Sở khả Thiên-tư trí Diệt-độ quả. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể Tĩnh lặng suy nghĩ, đem tới quả Niết Bàn. Đó là Nhất tâm.

所修聖明勤獲諮受逮得金剛三昧。是曰智慧。是為六。

Sở tu Thánh-minh cần hoạch tư thụ đãi đắc Kim-cương Tam-muội. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu tu hành sáng suốt của Thánh chuyên cần thu hoạch thăm hỏi nhận bắt lấy được Kim Cương Tam Muội. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂樂勸助度無極有六事？假使布施不志睡眠不起我想。

Hà vị Lạc khuyến trợ Độ vô cực hữu Lục-sự ? Giả sử Bỏ-thí bất chí thụy miên bất khởi ngã tưởng.

Thế nào gọi là Vui sướng khuyên trợ giúp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu như Bỏ thí, không chí tâm ngủ say, không sinh khởi tưởng nhớ bản thân.

如大名稱有九十六諸大叢林。在於一切諸大藏處。

Như đại danh xưng hữu cửu thập lục chư đại tùng lâm. Tại ư nhất thiết chư đại tạng xứ.

Như đọc tên lớn có 96 các loại rừng rậm lớn. Ở trong tất cả các nơi kho tàng lớn.

王以惠與開化眾人受分衛福。猶如無罪國王之子。

Vương dĩ huệ dĩ khai hóa chúng nhân thụ phần vệ Phúc. Do như vô tội Quốc-vương chi tử.

Vua do ban ân huệ khai hóa chúng sinh, nhận Phúc khí huyết. Giống như con trai của Quốc Vương không có tội.

離於所居終不妄語。如身本時救眾危厄不作惡罪。是曰布施。

Ly ư sở cư chung bất vọng ngữ. Như thân bản thời cứu chúng nguy ách bất tác ác tội. Thị viết Bỏ-thí.

Rời xa nơi ở cuối cùng không dối trá. Như thân vốn dĩ khi cứu nguy ách của chúng sinh, không làm tội ác. Đó là Bỏ thí.

以供養父母師友。尊敬其身究竟不懈。

Dĩ cúng dường phụ mẫu sư hữu. Tôn kính kỳ thân cứu cánh bất giải.

Do cúng dường Cha mẹ Thầy bạn hữu. Tôn kính thân họ, cuối cùng không lười nhác.

及其經典及知至佛無諸疑網。是曰持戒。

Cập kỳ Kinh điển cập tri chí Phật vô chư nghi võng. Thị viết Trì-giới.

Cùng với Kinh điển đó cùng với biết được Phật, không có các lưới nghi hoặc. Đó là giữ Giới.

若以柔和護於他人。如自棄身不利血脈龍王所護。

Nhược dĩ nhu hòa hộ ư tha nhân. Như tự khí thân bất lợi huyết mạch Long-vương sở hộ.

Nếu do nhu hòa bảo vệ người khác. Như tự vứt bỏ thân, huyết mạch không lợi, được Long Vương bảo vệ.

猶曾法師精進懇懃三萬二千歲。習所作行不以愁感。

Do tăng Pháp sư Tinh-tiến ân cần tam vạn nhị thiên tuế. Tập sở tác hạnh bất dĩ sầu thích.

Do từng là Thầy Pháp Tinh tiến ân cần 3 vạn 2 nghìn năm. Luyện tập ở nơi làm được tốt không lấy làm lo ưu sầu.

初未懈厭以化一切。是曰精進。

Sơ vị giải yếm dĩ hóa nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Ban đầu chưa lười chán do giáo hóa tất cả. Đó là Tinh tiến.

所以禪思愍傷眾生棄捐眾惡。在閻浮利天下哀念眾生人民受五細滑。

Sở dĩ Thiền-tư mẫn thương chúng sinh khí quyền chúng ác. Tại Diêm-phù-lợi Thiên hạ ai niệm chúng sinh nhân dân thụ ngũ tế hoạt.

Nếu do Tĩnh lặng suy nghĩ thương xót chúng sinh trừ bỏ các ác. Ở Diêm Phù Lợi Thiên hạ thương nhớ chúng sinh nhân dân, nhận 5 xảo quyết tinh vi.

慈念可意故引古喻以明解之。是曰一心。

Từ niệm khả ý cố dẫn cổ dụ dĩ minh giải chi. Thị viết Nhất-tâm.

Ý có thể nhớ tâm Từ cố dẫn ra ví dụ cũ, do sáng suốt hiểu được. Đó là Nhất tâm.

其至聖明如大六通。是曰智慧。是為六。

Kỳ chí Thánh-minh như Đại Lục-thông. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu được sáng suốt của Thánh như 6 Thần thông lớn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂空度無極有六事？

Hà vị Không Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Rỗng không Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能逮得空行三昧不起想願。是曰布施。

Nhược năng逮 đắc Không hành Tam-muội bất khởi tưởng nguyện. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể bắt được Rỗng không thực hành Tam Muội, không sinh khởi tưởng nhớ mong nguyện. Đó là Bố thí.

其意曠然猶如虛空不可限量。是曰持戒。

Kỳ ý khoáng nhiên do như hư không bất khả hạn lượng. Thị viết Trì-giới.

Nếu ý rộng thoáng giống như khoảng không không có hạn lượng. Đó là giữ Giới.

以能獲致不退轉地。得受佛決見十方佛。是曰忍辱。

Dĩ năng hoạch trí Bất-thoái-chuyển địa. Đắc thụ Phật quyết kiến Thập phương Phật. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do có thể thu hoạch đem tới Bạc Không thoái lui. Được nhận bí quyết của Phật nhìn thấy Phật 10 phương. Đó là Nhẫn nhục.

夙夜勤修而不懈廢力勢日進。是曰精進。

Túc dạ cần tu nhi bất giải phế lực thế nhật tiến. Thị viết Tinh-tiến.

Sớm tối tu hành chuyên cần mà không lười phế bỏ, thế lực ngày càng tiến. Đó là Tinh tiến.

其心常專定意不亂正一不忘。是曰一心。

Kỳ tâm thường chuyên Định ý bất loạn chính nhất bất vong. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm thường chuyên nhất, Định ý không loạn, đầy đủ một cũng không quên. Đó là Nhất tâm.

堅固無難一切所作永無眾患。

Kiên cố vô nan nhất thiết sở tác vĩnh vô chúng hoạn.

Kiên cố không khó khăn tất cả làm được vĩnh viễn không có các hoạn nạn.

是曰智慧。是為六。何謂無想度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Vô-tưởng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Không có tưởng nhớ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若常以時救濟危厄諸窮乏者一切無想。是曰布施。

Nhược thường dĩ thời cứu tế nguy ách chư cùng phạp giả nhất thiết vô tưởng. Thị viết Bồ-thí.

Nếu thường vì thời cứu giúp nguy ách các bản cùng khốn khó tất cả không có tưởng nhớ. Đó là Bồ thí.

謹慎諸行護身口意三無所犯。是曰持戒。

Cẩn thận chư hạnh hộ Thân Khẩu Ý, tam vô sở phạm. Thị viết Trì-giới.

Cẩn thận các Hạnh bảo vệ Thân Miệng Ý, 3 không được vi phạm. Đó là giữ Giới.

常修謙恪不懷輕慢。是曰忍辱。

Thường tu khiêm khác bất hoài khinh mạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thường tu hành khiêm nhường, cung kính không nhớ khinh thường. Đó là Nhẫn nhục.

所作功德不以懈廢。而用勸助諸不逮者。是曰精進。

Sở tác Công-đức bất dĩ giải phé. Nhi dụng khuyến trợ chư bất đãi giả. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm công Đức không được lười phé bỏ. Mà dùng khuyến trợ giúp, mọi việc không bắt lầy. Đó là Tinh tiến.

出家志法諸學追慕。道意日進未曾斷絕。是曰一心。

Xuất-gia chí Pháp chư học truy mộ. Đạo ý nhật tiến vị tăng đoạn tuyệt. Thị viết Nhất-tâm.

Xuất gia chí hướng Pháp, ngưỡng mộ chạy theo các Học. Ý Đạo ngày càng tăng chưa từng cắt bỏ. Đó là Nhất tâm.

己無三毒復斷他人姪怒癡垢使歸命三尊。

Kỷ vô Tam-độc phục đoạn tha nhân dâm nô si cấu sử quy mệnh Tam-tôn.

Bản thân không có Tham Thù hận Ngu si, lại cắt bỏ Dâm Thù hận Ngu si cấu bản của người khác, làm cho mệnh đi theo Tôn quý của Phật Pháp Tăng.

是曰智慧。是為六。何謂無願度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Vô-nguyện Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Không có Nguyện Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能疾逮無所願本。惟垂愍念三界之患。是曰布施。

Nhược năng tạt đãi vô sở nguyện bản. Duy thù mẫn niệm Tam-giới chi hoạn. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể nhanh bắt lầy không có Nguyện vốn có. Chỉ có rủ lòng thương nhớ hoạn nạn của 3 Cõi giới. Đó là Bồ thí.

其離於觀無所輕慢。得無所得乃應道化。是曰持戒。

Kỳ ly ư quan vô sở khinh mạn. Đắc vô sở đắc nãi ưng Đạo hóa. Thị viết Trì-giới.

Nếu rời xa với quan sát, không có khinh thường. Được không có được mới thuận theo giáo hóa Đạo. Đó là giữ Giới.

在於三界而無所著。誘化眾生老病死。是曰忍辱。

Tại ư Tam-giới nhi vô sở trước. Dụ hóa chúng sinh sinh lão bệnh tử. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ở trong 3 Cõi giới mà không có nương nhờ. Dẫn dụ giáo hóa chúng sinh, sinh già bệnh chết. Đó là Nhẫn nhục.

其內有行常護身口心無所犯負無所違失。是曰精進。

Kỳ nội hữu hành thường hộ Thân Khẩu Tâm vô sở phạm phụ vô sở vi thất. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu bên trong có thực hành, thường bảo vệ Thân Miệng Tâm, không có vi phạm, không có ngược lại mất đi. Đó là Tinh tiến.

所修方便去眾瑕穢無益之行至於解脫。是曰一心。

Sở tu Phương-tiện khứ chúng hà uế vô ích chi hành chí ư Giải-thoát. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu Phương tiện bỏ các dẫu vết, hành vi vô ích tới được Giải thoát. Đó là Nhất tâm.

若被德鎧所志弘廣。濟於一切周旋之難。是曰智慧。是為六。

Nhược bị Đức khải sở chí hồng quảng. Tế ư nhất thiết chu toàn chi nạn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu mặc áo giáp Đức được ý chí lớn rộng khắp. Cứu giúp tất cả vật lộn gian nan. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂行別異度無極有六事？坐佛道場日日常服一麻一米。

Hà vị hành biệt dị Độ vô cực hữu Lục-sự ? Tọa Phật Đạo tràng nhật nhật thường phục nhất ma nhất mễ.

Thế nào gọi là thực hành phân biệt khác lạ, Tới Niết Bàn có 6 việc ? Phật ngồi ở Đạo tràng hàng ngày thường ăn một chút vừng một chút gạo.

尋求窮乏以欲惠濟不以為勞。是曰布施。

Tầm cầu cùng phạp dĩ dục huệ tế bất dĩ vi lao. Thị viết Bố-thí.

Tìm kiếm bần cùng do muốn ân huệ cứu giúp không lấy làm lao khổ. Đó là Bố thí.

若在其身精進靜定不為放逸。是曰持戒。

Nhược tại kỳ thân Tinh-tiến tĩnh định bất vi phóng dật. Thị viết Trì-giới.

Nếu ở tại thân đó, Tinh tiến Tĩnh lặng Định, không làm phóng túng. Đó là giữ Giới.

逮得見佛以學諸法眾行備悉。是曰忍辱。

Đãi đắc kiến Phật dĩ học chư Pháp chúng hạnh bị tất. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bắt được nhìn thấy Phật do học các Pháp các hạnh đầy đủ tất cả. Đó là Nhẫn nhục.

所可懷來暢達諸法。一切本無解無分別。是曰精進。

Sở khả hoài lai sướng đạt chư Pháp. Nhất thiết bản vô giải vô phân biệt. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể nhớ đến thông suốt các Pháp. Tất cả vốn dĩ không tháo ra không phân biệt. Đó là Tinh tiến.

與解脫俱并濟一切生死眾厄使存道意。是曰一心。

Dữ Giải-thoát câu tịnh tế nhất thiết sinh tử chúng ách sử tồn Đạo ý. Thị viết Nhất-tâm.

Cùng với Giải thoát đều gồm cả cứu giúp tất cả sinh chết các ách nạn, làm cho còn lại ý Đạo. Đó là Nhất tâm.

其心靜然入於憺怕。心無所生了其自然。是曰智慧。是為六。

Kỳ tâm Tĩnh-nhiên nhập u đắm phạ. Tâm vô sở sinh liễu kỳ tự nhiên. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Nếu tâm Vắng vẻ nhập vào với lo lắng sợ hãi. Tâm không có sinh, tự nhiên biết rõ nó. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂解他度無極有六事？昔有賈客離於彼利。

Hà vị Giải tha Độ vô cực hữu Lục-sự ? Tịch hữu cổ khách ly u bỉ lợi.

Thế nào gọi là Giải thoát khác Tới Niết Bàn có 6 việc ? Trước có khách buôn rời xa với lợi đó. 割身所食心清行淨上佛供養。是曰布施。

Cát thân sở thực tâm thanh hạnh tịnh thượng Phật cung dưỡng. Thị viết Bô-thí.

Cắt thân làm thức ăn, tâm trong sáng hạnh Thanh tịnh dâng lên cúng dưỡng Phật. Đó là Bô thí. 文隣龍王出現繞身。心無所犯住立而侍。是曰持戒。

Văn lân Long-vương xuất hiện nhiễu thân. Tâm vô sở phạm trụ lập nhi thị. Thị viết Trì-giới.

Văn lân Long Vương xuất hiện vòng quanh thân. Tâm không vi phạm ở đứng mà giúp đỡ. Đó là giữ Giới.

釋梵來下見佛寂然不演道法勸助說法。是曰忍辱。

Thích Phạm lai hạ kiến Phật Tịch-nhiên bất diễn Đạo Pháp khuyến trợ thuyết Pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thích Phạm hạ xuống nhìn thấy Phật Vắng vẻ không diễn thuyết Đạo Pháp, khuyến trợ giúp nói Pháp. Đó là Nhẫn nhục.

時以佛眼普觀十方。進退隨時導利群黎。是曰精進。

Thời dĩ Phật nhãn phổ quan Thập phương. Tiến thoái tùy thời Đạo lợi quần lê. Thị viết Tinh-tiến. Khi dùng Mắt Phật quan sát khắp cả 10 phương. Tiến lui theo thời hướng dẫn lợi ích dân nghèo. Đó là Tinh tiến.

一心七日觀樹思樹。欲使一切有反復心。是曰一心。

Nhất tâm thất nhật quan thụ tư thụ. Dục sử nhất thiết hữu phản phục tâm. Thị viết Nhất-tâm.

Nhất tâm 7 ngày quan sát cây suy nghĩ về cây. Muốn làm cho tất cả có tâm ngược lại. Đó là Nhất tâm.

以見勸助便轉法輪。八音暢達周遍十方。

Dĩ kiến khuyến trợ tiện chuyển Pháp luân. Bát âm sảng đạt chu biến Thập phương.

Do nhìn thấy khuyến trợ giúp, liền chuyển bánh xe Pháp. Tám âm thông suốt biến tỏa vòng quanh 10 phương

是曰智慧。是為六。何謂勤用意禪度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Cần dụng ý Thiên Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Chuyên cần dùng ý Tĩnh lặng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

曉見佛得道念勤勞者。是曰布施。

Hiểu kiến Phật đắc Đạo niệm cần lao giả. Thị viết Bô-thí.

Hiểu nhìn thấy Phật được Đạo, nhớ chuyên cần lao khổ. Đó là Bô thí.

往到教化度於五人。觀現變化聞其所說尋輒啟受。是曰持戒。

Vãng đạo giáo hóa độ u ngũ nhân. Đồ hiện biến hóa văn kỳ sở thuyết tầm triếp khai thụ. Thị viết Trì-giới.

Vãng tới giáo hóa độ thoát được 5 người. Nhìn thấy hiện ra biến hóa, nghe được họ nói tìm theo liền bắt đầu nhận. Đó là giữ Giới.

棄離自大順從法律以化不逮。是曰忍辱。

Khí ly tự đại thuận tòng Pháp luật dĩ hóa bất逮. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vứt bỏ tự đại thuận theo Pháp luật vì giáo hóa không bắt lấy. Đó là Nhẫn nhục.

而以甘露不死之藥而開化之。是曰精進。

Nhi dĩ Cam-lộ bất tử chi dược nhi khai hóa chi. Thị viết Tinh-tiến.

Mà do Cam Lộ thuốc không chết mà khai hóa họ. Đó là Tinh tiến.

五人應時除異想念。是曰一心。

Ngũ nhân ưng thời trừ dị tưởng niệm. Thị viết Nhất-tâm.

Năm người thuận theo thời trừ bỏ tưởng nhớ khác lạ. Đó là Nhất tâm.

以道甘露灌飲貧道。消婬怒癡度五億天人。是曰智慧。是為六。

Dĩ Đạo Cam-lộ quán ẩm bản Đạo. Tiêu dâm nộ si độ ngũ ức Thiên-nhân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do Đạo Cam Lộ tưới Đạo bản cùng đói khát. Tiêu tan Dâm Thù hận Ngu si độ thoát 5 triệu người Trời. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

十種力品第十五

Thập chủng lực phẩm đệ thập ngũ.

Phẩm thứ 15 Mười loại Lực.

佛告喜王菩薩！何謂有處無處深淺遠近度無極有六事。

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát ! Hà vị hữu xứ vô xứ thâm thiển viễn cận Độ vô cực hữu Lực-sự ?

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là có nơi ở, không có nơi ở, sâu cạn xa gần Tới Niết Bàn có 6 việc ?

從其處所逮得審諦了其本末。是曰布施。

Tòng kỳ xứ sở逮 đắc thẩm諦了其本末. Thị viết Bố-thí.

Từ nơi ở của họ bắt được chân thực tí mảy, hiểu rõ nguồn ngọn của họ. Đó là Bố thí.

所可識知解三界空等無有異。是曰持戒。

Sở khả thức tri giải Tam-giới Không đẳng vô hữu dị. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể nhận ra, đều thoát ra khỏi 3 Cõi giới Rỗng không Bình đẳng không có khác lạ. Đó là giữ Giới.

諸所曉了悉以分別。而得普入仁和之地。是曰忍辱。

Chư sở hiểu liễu tất dĩ phân biệt. Nhi đắc phổ nhập nhân hòa chi địa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Mọi việc được hiểu biết rõ đều do phân biệt. Mà được khắp cả nhập vào cảnh nhân hòa. Đó là Nhẫn nhục.

其弘誓行至德之業強而有勢。是曰精進。

Kỳ hồng thệ hành chí Đức chí nghiệp cường nhi hữu thế. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu làm thệ nguyện lớn được Đức và Nghiệp kiên cường mà có thể lực. Đó là Tinh tiến.

毀壞眾穢十二緣起今無有異。是曰一心。

Hủy hoại chúng uế Thập nhị duyên khởi linh vô hữu dị. Thị viết Nhất-tâm.

Hủy hoại các ô uế 12 Duyên sinh khởi, giúp cho không có khác lạ. Đó là Nhất tâm.

所可遵奉而以知時不失聖教。是曰智慧。是為六。

Sở khả tuân phụng nhi dĩ tri thời bất thất Thánh giáo. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu có thể cung kính tuân theo mà vì biết thời không mất Thánh giáo. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂知去來今度無極有六事？

Hà vị tri khứ lai kim Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là biết Quá khứ Hiện tại Tương lai Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能除盡所作眾業眼耳鼻口身心所犯。是曰布施。

Nhược năng trừ tận sở tác chúng Nghiệp Nhãn Nhĩ Tị Khẩu Thân Tâm sở phạm. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể trừ bỏ hết, nếu làm các Nghiệp Mắt Tai Mũi Thân Miệng Tâm bị vi phạm. Đó là Bố thí.

若能消滅諸緣報應生死禍福。是曰持戒。

Nhược năng tiêu diệt chư Duyên báo ứng sinh tử họa Phúc. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể tiêu tan các Duyên báo ứng sinh chết họa Phúc. Đó là giữ Giới.

斯棄所因五陰六衰因緣之對無有事業。是曰忍辱。

Tư khí sở nhân Ngũ-âm Lục-suy Nhân-duyên chi đối vô hữu sự nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể vứt bỏ được nguyên nhân 5 Uẩn, 6 suy bại, đối diện Nhân duyên không có sự nghiệp.

Đó là Nhẫn nhục.

若離罪福自然消除三界生死。是曰精進。

Nhược ly tội Phúc tự nhiên tiêu trừ Tam-giới sinh tử. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu rời xa tội Phúc tự nhiên tiêu trừ sinh chết của 3 Cõi giới. Đó là Tinh tiến.

惛怕霍然斷色痛想行識了無所有。是曰一心。

Đàm phạ hoặc nhiên đoạn sắc thống tưởng hành thức liễu vô sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Lo lắng sợ hãi tan nhanh, cắt bỏ thân Sắc đau đớn, Tưởng nhớ Hành Nhận thức, biết rõ không có. Đó là Nhất tâm.

所遵奉行使無所生。其志坦然以道為元。

Sở tuân phụng hành sử vô sở sinh. Kỳ chí thân nhiên dĩ Đạo vi nguyên.

Nếu tuân theo cung kính thực hành làm cho không có sinh. Nếu ý chí thân nhiên do Đạo là vốn có.

是曰智慧。是為六。何謂知世若干種類度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị tri thế nhược can chủng loại Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là biết rất nhiều chủng loại đời Tới Niết Bàn có 6 việc？

假使眾生斷若干種眾雜之行不以恣意。是曰布施。

Giả sử chúng sinh đoạn nhược can chùng chúng tạp chi hành bất dĩ tứ ý. Thị viết Bồ-thí.

Nếu như chúng sinh cắt bỏ rất nhiều loại hành vi tạp loạn, không do ý phóng túng. Đó là Bồ thí.
斷若干種陰蓋諸入。奉行遵修六度無極。是曰持戒。

Đoạn nhược can chùng Âm-cái chư Nhập. Phụng hành tuân tu Lục-độ vô cực. Thị viết Trì-giới.
Cắt bỏ rất nhiều loại vòng Uẩn các Nhập. Cung kính thực hành tuân theo tu 6 Pháp Tới Niết Bàn.
Đó là giữ Giới.

雖在諸種不計有人了諸虛無。是曰忍辱。

Tuy tại chư chủng bất kế hữu nhân liễu chư hư vô. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tuy ở trong các chủng loại, không tính kế có người, biết rõ các sai không có. Đó là Nhẫn nhục.
遊在諸品應病與藥。令三界眾生三毒消除。是曰精進。

Du tại chư phẩm ưng bệnh dữ dược. Linh Tam-giới chúng sinh Tam-độc tiêu trừ. Thị viết Tinh-tiến.

Du hành ở tại các phẩm, theo bệnh cho thuốc. Giúp cho chúng sinh của 3 Cõi giới tiêu trừ Tham Thù hận Ngủ si. Đó là Tinh tiến.

處於四大除貪不計。導御眾迷消諸所有。是曰一心。

Xử u Tứ-Đại trừ tham bất kế. Đạo ngự chúng mê tiêu chư sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Ở trong 4 Đại trừ bỏ tham không tính kế. Hướng dẫn điều khiển các mê hoặc tiêu tan các Có. Đó là Nhất tâm.

在於諸種思惟識念解一切空。是曰智慧。是為六。

Tại u chư chủng tư duy thức niệm giải nhất thiết Không. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Ở trong các chủng loài, tư duy nhớ nhận thức, hiểu tất cả Rỗng không. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.
何謂知世諸根增減言各不同度無極有六事？

Hà vị tri thế chư căn tăng giảm ngôn các bất đồng Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là biết đời các Căn tăng giảm nói nó không như nhau Tới Niết Bàn có 6 việc？

解知四大合成散壞不自計身。是曰布施。

Giải tri Tứ-Đại hợp thành tán hoại bất tự kế thân. Thị viết Bồ-thí.

Hiểu biết 4 Đại hợp thành tan hoại, không tự tính kế thân. Đó là Bồ thí.

覺空其眼耳鼻口身心所行而無所犯。是曰持戒。

Giác Không kỳ Nhãn Nhĩ Tị Khẩu Thân Tâm sở hành nhi vô sở phạm. Thị viết Trì-giới.

Cảm thấy Rỗng không Mắt Tai Mũi Miệng Thân Tâm, được thực hành mà không có vi phạm. Đó là giữ Giới.

解心自然一切本無無所不通。是曰忍辱。

Giải tâm tự nhiên nhất thiết bản vô vô sở bất thông. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tâm hiểu tự nhiên tất cả vốn dĩ không có, tất cả đều thông suốt. Đó là Nhẫn nhục.

若能解了男女壽命苦樂善惡。觀此六根了無有本。是曰精進。

Nhược năng giải liễu nam nữ thọ mệnh khổ lạc thiện ác. Quan thử lục căn liễu vô hữu bản. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể hiểu rõ Nam nữ thọ mệnh khổ vui thiện ác. Quan sát 6 Căn này, biết rõ vốn dĩ không có. Đó là Tinh tiến.

其能分別信戒定慧。此五根者習道之元。是曰一心。

Kỳ năng phân biệt Tín Giới Định Tuệ. Thử ngũ căn giả tập Đạo chi nguyên. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể phân biệt, tin Giới Định Tuệ. Năm Căn này luyện tập Đạo vốn có. Đó là Nhất tâm.

若能通暢在所分別。是他人根諸殊異念。

Nhược năng thông sướng tại sở phân biệt. Thị tha nhân căn chur thù dị niệm.

Nếu có thể thông suốt ở nơi phân biệt. Đó là Căn của người khác các suy nghĩ đặc biệt khác lạ.

一切解了眾生此根是曰智慧。是為六。

Nhất thiết giải liễu chúng sinh thử căn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tất cả hiểu biết rõ Căn này của chúng sinh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂解世好不好若干行度無極有六事。

Hà vị giải thế hảo bất hảo nhược can hạnh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là hiểu đời tốt không tốt rất nhiều hạnh Tới Niết Bàn có 6 việc ?

隨所好喜尋為開化應病與藥。是曰布施。

Tùy sở hảo hỷ tâm vị khai hóa ưng bệnh dĩ dược. Thị viết Bồ-thí.

Đi theo được tốt đẹp vui vẻ, tìm theo vì khai hóa theo bệnh cho thuốc. Đó là Bồ thí.

所集勸誨慈心一切無所傷害。是曰持戒。

Sở tập khuyến hối Từ tâm nhất thiết vô sở thương hại. Thị viết Trì-giới.

Nếu tập hợp khuyến dạy, tâm Từ tất cả không có thương hại. Đó là giữ Giới.

從其所樂隨時消除一切眾罪所犯諸惡。是曰忍辱。

Tòng kỳ sở lạc tùy thời tiêu trừ nhất thiết chúng tội sở phạm chur ác. Thị viết Nhẫn-nhục.

Từ đó được vui sướng, theo thời tiêu trừ tất cả các tội, nếu phạm các tội ác. Đó là Nhẫn nhục.

決其疑網盡眾懈廢。是曰精進。

Quyết kỳ nghi võng tận chúng giải phế. Thị viết Tinh-tiến.

Bỏ lưới nghi đó hết các lưới phá bỏ. Đó là Tinh tiến.

消諸所生及無所生都使永盡。是曰一心。

Tiêu chur sở sinh cập vô sở sinh đô sử vĩnh tận. Thị viết Nhất-tâm.

Tiêu tan mọi thứ được sinh cùng với không có sinh, đều làm cho vĩnh viễn hết tận. Đó là Nhất tâm.

順其所好而令寂然。以權方便而消化之。是曰智慧。是為六。

Thuận kỳ sở hảo nhi linh Tịch-nhiên. Dĩ quyền Phương-tiện nhi tiêu hoá chi. Thị viết Trí-tuệ.

Thị vi lục.

Thuận theo nó được tốt đẹp mà giúp cho Vắng vẻ. Do quyền Phương tiện mà tiêu tan hết. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂智普入諸行欲縛解縛眾欲方便度無極有六事 ?

Hà vị Trí phổ nhập chur hạnh dục phược giải phược chúng dục Phương-tiện Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Trí tuệ đều nhập vào các hạnh muốn tháo bỏ dây buộc buộc các chúng sinh, muốn có Phương tiện Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能解了眾苦根原。而燒盡之熾然道教。是曰布施。

Nhược năng giải liễu chúng khổ căn nguyên. Nhi thiêu tận chi sí nhiên Đạo giáo. Thị viết Bồ-thí. **Nếu có thể hiểu biết rõ gốc rễ của các khổ. Mà Đạo giáo thiêu đốt hết lửa mạnh. Đó là Bồ thí.**

知諸惱原速棄眾患姪怒癡垢。是曰持戒。

Tri chư não nguyên tốc khí chúng hoạn dâm nộ si cấu. Thị viết Trì-giới.

Biết nguồn gốc của các Phiền não nhanh vứt bỏ các hoạn nạn Dâm Thù hận Ngu si cấu bẩn. Đó là giữ Giới.

體解道宜施以安隱消除眾患。是曰忍辱。

Thể giải Đạo nghi thí dĩ an ôn tiêu trừ chúng hoạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hiểu tổng thể Đạo tùy nghi Bồ thí, do yên ôn tiêu trừ các hoạn nạn. Đó là Nhẫn nhục.

孚疾暢達至無上道長樂法樂。是曰精進。

Phu tật sướng đạt chí Vô-thượng Đạo trường lạc Pháp lạc. Thị viết Tinh-tiến.

Tin nhanh thông suốt được Đạo Bình Đẳng, vui với Pháp vui tăng cao. Đó là Tinh tiến.

分別諸行罪福所歸五趣本末。是曰一心。

Phân biệt chư hạnh tội Phúc sở quy Ngũ-thú bản mạt. Thị viết Nhất-tâm.

Phân biệt các hạnh tội Phúc được trở về nguồn ngọn của 5 Đạo ác. Đó là Nhất tâm.

以知行趣有無之處生死泥洹。是曰智慧。是為六。

Dĩ tri hạnh thú hữu vô chi xứ sinh tử Nê-hoàn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do biết hướng của hành vi, có không có nơi ở, sinh chết Thanh tịnh Niết Bàn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂根力覺意一切脫門定意正受度無極有六事 ?

Hà vị Căn-lực giác ý nhất thiết thoát môn Định ý Chính-thụ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Lục của Căn ý cảm thấy tất cả môn giải thoát, Định ý Thụ nhận đúng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以此法惠斯安隱。不造眾惡以恩加人。是曰布施。

Nhược dĩ thử Pháp huệ tư an ôn. Bất tạo chúng ác dĩ ân gia nhân. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do ân huệ của Pháp này được yên ôn. Không tạo ra các ác, do ân huệ thêm cho người. Đó là Bồ thí.

若平等施貧貴無二而無偏黨。是曰持戒。

Nhược bình đẳng thí bản quý vô nhị nhi vô thiên đảng. Thị viết Trì-giới.

Nếu Bình đẳng Bồ thí, sang hèn không có 2 mà không có thiên lệch. Đó là giữ Giới.

愍傷他人以法勸助入於道宜。是曰忍辱。

Mẫn thương tha nhân dĩ Pháp khuyến trợ nhập ư Đạo nghi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thương xót người khác dùng Pháp khuyến trợ giúp nhập vào nghi thức Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

自愍傷己神寄其中。本非我身不計有身。是曰精進。

Tự mẫn thương kỷ Thần kí kỳ trung. Bản phi ngã thân bất kế hữu thân. Thị viết Tinh-tiến.

Tự thương xót bản thân Thần thức giữ ở trong đó. Vốn dĩ không phải thân của ta, không tính kể có thân. Đó là Tinh tiến.

解一切空消除名稱愛不自大。是曰一心。

Giải nhất thiết Không tiêu trừ danh xưng ái bất tự đại. Thị viết Nhất-tâm.

Hiểu tất cả Rỗng không, tiêu trừ độc tên yêu không tự đại. Đó là Nhất tâm.

以解無常苦空非身無吾我人以此化眾。

Dĩ giải Vô-thường Khổ Không phi thân vô ngô ngã nhân dĩ thử hóa chúng.

Do hiểu Biến đổi Khổ Rỗng không, không phải thân, không có tôi ta, người do việc này giáo hóa chúng sinh.

是曰智慧。是為六。何謂識念過世度無極有六事。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị thức niệm quá thế Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là nhớ nhận thức đời Quá khứ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若識往古宿世所更無數劫事以用誨人。是曰布施。

Nhược thức vãng cổ túc thế sở cánh vô số Kiếp sự dĩ dụng hối nhân. Thị viết Bố-thí.

Nếu nhận ra Kiếp trước xa xưa, nếu tặng thêm việc của vô số Kiếp, do dùng để dạy người. Đó là Bố thí.

知在天上人間地獄餓鬼畜生五趣所歷。是曰持戒。

Tri tại Thiên thượng nhân gian Địa-ngục Nga-quỷ Súc-sinh Ngũ-thú sở lịch. Thị viết Trì-giới.

Biết được trải qua 5 Đạo ở trên Trời Nhân gian Địa ngục Quỷ đói Súc sinh. Đó là giữ Giới.

分別罪福善惡所趣悉伏其心。是曰忍辱。

Phân biệt tội Phúc thiện ác sở thú tất phục kỳ tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Phân biệt tội Phúc thiện ác, được hưởng tới biết hàng phục tâm đó. Đó là Nhẫn nhục.

曉了塵勞愛欲眾穢而無所著。是曰精進。

Hiểu liễu trần lao ái dục chúng uế nhi vô sở trước. Thị viết Tinh-tiến.

Hiểu biết rõ phiền toái yêu ham muốn các ô uế mà không nương nhờ. Đó là Tinh tiến.

其心體解一切皆空寂無有想。是曰一心。

Kỳ tâm thể giải nhất thiết giai Không-tịch vô hữu tướng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm hiểu tổng thể, tất cả đều Rỗng lặng không có tướng nhớ. Đó là Nhất tâm.

消滅一切諸所有業。覩見一切眾生根原。

Tiêu diệt nhất thiết chư sở hữu Nghiệp. Đồ kiến nhất thiết chúng sinh căn nguyên.

Tiêu diệt tất cả các Nghiệp được Có. Nhìn thấy được nguồn gốc của tất cả chúng sinh.

是曰智慧。是為六。何謂天眼度無極有六事 ?

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thiên-nhãn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Mắt Cõi Trời Tới Niết Bàn có 6 việc ?

天眼所覩見於禍福善惡所趣。是曰布施。

Thiên-nhãn sở đồ kiến ư họa Phúc thiện ác sở thú. Thị viết Bố-thí.

Mắt Cõi Trời nếu nhìn thấy được hưởng tới ở trong họa Phúc thiện ác. Đó là Bố thí.

所應奉行不犯殃釁常志道行。是曰持戒。

Sở ung phụng hành bất phạm ương hân thường chí Đạo hạnh. Thị viết Trì-giới.

Nếu ung theo thực hành cung kính không vi phạm tai ương xung đột thường chí tâm ở nơi Đạo hạnh. Đó là giữ Giới.

所觀廣遠無有邊際見眾生根。是曰忍辱。

Sở đồ quảng viễn vô hữu biên tế kiến chúng sinh căn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhìn thấy xa rộng không có biên giới, nhìn thấy nguồn gốc của chúng sinh. Đó là Nhẫn nhục.

若見一切不以德厭開化盲冥。是曰精進。

Nhược kiến nhất thiết bất dĩ Đức yếm khai hóa manh minh. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy tất cả không lấy làm chán Đức khai hóa mù tối. Đó là Tinh tiến.

察眾闇蔽有路無路是非所趣。是曰一心。

Sát chúng ám tế hữu lộ vô lộ thị phi sở thú. Thị viết Nhất-tâm.

Xem kĩ các đen tối che phủ, có đường không có đường, chỉ là được hướng tới. Đó là Nhất tâm.

顯示光曜令得自歸緣是得度。

Hiển thị quang diệu linh đắc tự quy duyên thị đắc độ.

Hiện ra rõ quang sáng tỏ giúp cho được tự trở về, Duyên là được độ thoát.

是曰智慧。是為六。何謂諸漏盡度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị chư lậu tận Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là hết các Phiền não Tới Niết Bàn có 6 việc？

觀諸穿漏瑕疵無益棄之習道。是曰布施。

Đồ chư xuyên lậu hà tì vô ích khí chi tập Đạo. Thị viết Bố-thí.

Nhìn thấy các việc thông qua Phiền não dẫu vết, vứt bỏ vô ích mà học tập Đạo. Đó là Bố thí.

不樂諸漏婬怒癡念志存道法。是曰持戒。

Bất lạc chư lậu dâm nộ si niệm chí tồn Đạo Pháp. Thị viết Trì-giới.

Không vui sướng các Phiền não nhớ Dâm Thù hận Ngu si, ý chí còn ở trong Đạo. Đó là giữ Giới.

不習諸垢常修清淨。是曰忍辱。

Bất tập chư cấu thường tu Thanh tịnh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không luyện tập các cấu bản thường tu Thanh tịnh. Đó là Nhẫn nhục.

開化眾心曉了諸想。陰蓋諸人不為放逸。是曰精進。

Khai hóa chúng tâm hiểu liễu chư tưởng. Âm-cái chư Nhập bất vi phóng dật. Thị viết Tinh-tiến.

Khai hóa các tâm hiểu biết rõ các tưởng nhớ. Vòng Uẩn các Nhập không làm phóng túng. Đó là Tinh tiến.

體解諸漏習從道教多所通達。是曰一心。

Thể giải chư lậu tập tòng Đạo giáo đa sở thông đạt. Thị viết Nhất-tâm.

Hiểu tổng thể các Phiền não tập luyện theo Đạo giáo được nhiều thông tỏ. Đó là Nhất tâm.

入於生死勤在諸漏。開化眾生令發道意。是曰智慧。是為六。

Nhập ư sinh tử cần tại chư lậu. Khai hóa chúng sinh linh phát Đạo ý. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nhập vào sinh chết chuyên cần ở trong các Phiền não. Khai hóa chúng sinh giúp phát ý Đạo. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

四無所畏品第十六

Tứ vô sở úy phẩm đệ thập lục.

Phẩm thứ 16 Bốn không có sợ hãi.

佛告喜王菩薩！何謂以成正覺解了斯法第一無畏度無極有六事？

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Hà vị dĩ thành Chính-giác giải liễu tu Pháp đệ nhất vô úy Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là do thành Chính Giác hiểu biết rõ Pháp đó thứ nhất không sợ hãi Tới Niết Bàn có 6 việc ?

逮得佛道清淨盡患生老病死。是曰布施。

Đãi đắc Phật Đạo Thanh tịnh tận hoạn sinh lão bệnh tử. Thị viết Bố-thí.

Bắt được Đạo Phật Thanh tịnh hết tận hoạn nạn sinh già bệnh chết. Đó là Bố thí.

心存無為志弘誓願無上正真。是曰持戒。

Tâm tồn Vô-vi chí hoằng thệ nguyện Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Trì-giới.

Tâm còn ở trong Rỗng không, ý chí thệ nguyện rộng lớn Bình Đẳng Chân Chính. Đó là giữ Giới.

以真諦觀一切皆空無有邪見。是曰忍辱。

Dĩ chân đế quan nhất thiết giai Không vô hữu tà kiến. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do quan sát chân thực tất cả đều Rỗng không, không có nhìn thấy sai trái. Đó là Nhẫn nhục.

一切悉解三界所生。悉以無根靡不通達。是曰精進。

Nhất thiết tất giải Tam-giới sở sinh. Tất dĩ vô căn mị bất thông đạt. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả đều hiểu sinh ở 3 Cõi giới. Đều do không có gốc, tất cả đều thông tỏ. Đó là Tinh tiến.

為一切智暢化三界諸天人民及三惡路。是曰一心。

Vị nhất thiết trí sường hóa Tam-giới chư Thiên-nhân dân cập Tam-ác lộ. Thị viết Nhất-tâm.

Vì tất cả Trí tuệ thông suốt giáo hóa các Trời nhân dân cùng với Địa ngục Quỷ đói Súc sinh của 3 Cõi giới. Đó là Nhất tâm.

遊八部眾宣布道化。各令得所而無所畏所願以成。

Du Bát-bộ chúng tuyên bố Đạo hóa. Các linh đấng sở nhi vô sở úy sở nguyện dĩ thành.

Du hành vào 8 Bộ Chúng tuyên bố giáo hóa Đạo. Giúp họ được nơi ở mà không có sợ hãi, nếu nguyện thì thành công.

是曰智慧。是為六第一無畏。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục, đệ nhất vô úy.

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu, thứ nhất không sợ hãi.

何謂平等了諸漏盡度無極有六事？

Hà vị Bình-đẳng liễu chư lậu tận Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Bình đẳng biết rõ hết các Phiền não Tới Niết Bàn có 6 việc ?

佛者無漏諸漏已盡一切無難。是曰布施。

Phật giả Vô-lậu chư lậu dĩ tận nhất thiết vô nạn. Thị viết Bồ-thí.

Phật giả không có Phiền não, đã hết các Phiền não, tất cả ách nạn không có. Đó là Bồ thí.

無有處所止處已斷。無有欲界色界無色界。是曰持戒。

Vô hữu xứ sở chỉ xứ dĩ đoạn. Vô hữu Dục-giới Sắc-giới vô Sắc-giới. Thị viết Trì-giới.

Không Có nơi ở nơi dừng lại đã cắt bỏ. Không có Cõi Dục giới, Cõi Sắc giới, Cõi không có Sắc giới. Đó là giữ Giới.

所生無生俱無所起。是曰忍辱。

Sở sinh vô sinh câu vô sở khởi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu sinh không sinh, đều không có sinh khởi. Đó là Nhẫn nhục.

所經名稱玄虛無際不可得元。是曰精進。

Sở Kinh danh xưng huyền hư vô tế bất khả đắc nguyên. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu qua đọc tên hão huyền không có biên giới không thể được gốc. Đó là Tinh tiến.

志懷誓願以越度世諸有八法。是曰一心。

Chí hoài thệ nguyện dĩ việt độ thế chư hữu bát Pháp. Thị viết Nhất-tâm.

Ý chí nhớ thệ nguyện do vượt qua 8 Pháp có của Thế gian. Đó là Nhất tâm.

存于解脫輒獲無失逮無上真。是曰智慧。是為六，第二無畏。

Tồn vu Giải-thoát triếp hoạch vô thất đãi Vô-thượng chân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục đệ nhị vô úy.

Còn ở trong Giải thoát liền nhận được không có sai lầm, bắt được Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu, thứ 2 không sợ hãi.

何謂佛所說法真要無比感受奉行第三無畏度無極有六事？

Hà vị Phật sở thuyết Pháp chân yếu vô bỉ hàm thụ phụng hành đệ tam vô úy Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Pháp được Phật nói chân thực thiết yếu không sánh bằng, đều nhận cung kính thi hành thứ 3 không sợ hãi Tới Niết Bàn có 6 việc？

所可遵修了一切空。知起則滅合會別散。是曰布施。

Sở khả tuân tu liễu nhất thiết Không. Tri khởi tắc diệt hợp hội biệt tán. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể tuân theo tu hành biết rõ tất cả Rỗng không. Biết sinh khởi chắc là mất, hợp lại gặp gỡ ly biệt tan hoại. Đó là Bồ thí.

以盡三毒諸行放逸而不馳騁。是曰持戒。

Dĩ tận Tam-độc chư hành phóng dật nhi bất trì sinh. Thị viết Trì-giới.

Do hết Tham Thù hận Ngu si các hành vi phóng túng mà không chạy theo. Đó là giữ Giới.

所云滅者盡所生處永無所生。是曰忍辱。

Sở vân diệt giả tận sở sinh xứ vĩnh vô sở sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu diệt nhiều loại hết tận, được nơi sinh vĩnh viễn không có sinh. Đó là Nhẫn nhục.

以消眾失眠耳鼻口身心所犯無能得便。是曰精進。

Dĩ tiêu chúng thất nhãn nhĩ tị khẩu thân tâm sở phạm vô năng đắc tiện. Thị viết Tinh-tiến.

Do tiêu tan các sai lầm mắt mũi tai miệng thân tâm, nếu vi phạm không thể có được Phương tiện. Đó là Tinh tiến.

以建立道欲度眾生。除眾俗業無益之元。是曰一心。

Dĩ kiến lập Đạo dục độ chúng sinh. Trừ chúng tục nghiệp vô ích chi nguyên. Thị viết Nhất-tâm. Do thiết lập Đạo muốn độ thoát chúng sinh. Trừ bỏ các Nghiệp tục, vốn dĩ không ích lợi. Đó là Nhất tâm.

若至脫門生死已盡慧不可盡。是曰智慧。是為六，第三無畏。

Nhược chí thoát môn sinh tử dĩ tận tuệ bất khả tận. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục đệ tam vô úy. Nếu được môn giải thoát, sinh chết đã hết. Trí tuệ không hết. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu, thứ 3 không sợ hãi.

何謂內應等法無能廢意第四無畏度無極有六事。

Hà vị nội ứng đẳng Pháp vô năng phế ý đệ tứ vô úy Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là bên trong ứng theo Pháp Bình đẳng, không thể phá bỏ ý thứ 4 không sợ hãi Tới Niết Bàn có 6 việc ?

其內正法得三昧定無能起心。令不安者自然垢盡。是曰布施。

Kỳ nội Chính-Pháp đắc Tam-muội Định vô năng khởi tâm. Linh bất an giả tự nhiên cấu tận. Thị viết Bố-thí.

Nếu bên trong Pháp đúng được Tam Muội Định, tâm không thể sinh khởi. Làm cho không yên ổn tự nhiên hết cấu bẩn. Đó là Bố thí.

其無所生亦莫能盡持智慧法。是曰持戒。

Kỳ vô sở sinh diệc mạc năng tận trì Trí tuệ Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu không có sinh cũng không thể hoàn toàn giữ Pháp Trí tuệ. Đó là giữ Giới.

消于無常一切法空解道為常。是曰忍辱。

Tiêu vu Vô-thường nhất thiết Pháp Không giải Đạo vi thường. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tiêu tan được Biến đổi, tất cả Pháp Rỗng không, hiểu Đạo là bình thường. Đó là Nhẫn nhục.

所謂內事無能蔽者。以盡有罪之元。是曰精進。

Sở vị nội sự vô năng tế giả. Dĩ tận hữu tội chi nguyên. Thị viết Tinh-tiến.

Gọi là việc bên trong không thể che phủ. Do hết không có gốc rễ của tội. Đó là Tinh tiến.

無能罣礙盡不成就皆使成辦。是曰一心。

Vô năng quải ngại tận bất thành tựu giai sử thành biện. Thị viết Nhất-tâm.

Không thể hết trở ngại, không thành công đều khiến cho hoàn thành. Đó là Nhất tâm.

所以聖明一切自然無能蔽礙。佛道至深能一切決軟劣中容。

Sở dĩ Thánh-minh nhất thiết tự nhiên vô năng tế ngại. Phật Đạo chí thâm năng nhất thiết quyết nhuyễn liệt trung dung.

Nếu do sáng suốt của Thánh, tất cả tự nhiên không thể trở ngại che phủ. Đạo Phật được thâm sâu có thể giải quyết tất cả, dung nạp trong mềm hơn.

決了明達眾生根元。是曰智慧。是為六第四無畏。

Quyết liễu minh đạt chúng sinh căn nguyên. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục đệ tứ vô úy.

Quyết biết rõ thông tỏ sáng vốn có của chúng sinh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu, thứ 4 không sợ hãi.

何謂大哀度無極有六事？

Hà vị đại ai Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thương xót lớn Tới Niết Bàn có 6 việc？

以懷大悲愍傷一切眾生之類心不有恨。是曰布施。

Dĩ hoài Đại Bi mẫn thương nhất thiết chúng sinh chi loại tâm bất hữu hận. Thị viết Bồ-thí.

Do nhớ Đại Bi thương xót tất cả các loại chúng sinh tâm không có thù hận. Đó là Bồ thí.

其心平等欲度眾生老病死未曾偏黨。是曰持戒。

Kỳ tâm bình đẳng dục độ chúng sinh sinh lão bệnh tử vị tăng thiên đảng. Thị viết Trì-giới.

Nếu tâm Bình đẳng muốn độ thoát sinh già bệnh chết của chúng sinh, chưa từng thiên lệch. Đó là giữ Giới.

若於眾生常行守法。以仁報之可悅得安。是曰忍辱。

Nhược ư chúng sinh thường hành thủ Pháp. Dĩ nhân báo chi khả duyệt đắc an. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu với chúng sinh thường thực coi giữ Pháp. Do báo ứng nhân hoà có thể vui vẻ được yên ổn.

Đó là Nhẫn nhục.

往來周旋每濟眾生勤苦之患。是曰精進。

Vãng lai chu toàn mỗi tế chúng sinh cần khổ chi hoạn. Thị viết Tinh-tiến.

Vật lộn qua lại mỗi một cứu giúp cần khổ hoạn nạn của chúng sinh. Đó là Tinh tiến.

隨其所好上中下行而開化之。是曰一心。

Tùy kỳ sở hảo thượng trung hạ hành nhi khai hóa chi. Thị viết Nhất-tâm.

Đi theo họ được tốt đẹp, hạnh cao giữa thấp mà khai hóa. Đó là Nhất tâm.

遊於三界終始無量度生死厄。是曰智慧。是為六。

Du ư Tam-giới chung thủy vô lượng độ sinh tử ách. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Du hành ở trong 3 Cõi giới cuối cùng độ thoát vô lượng ách nạn sinh chết. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂眼清淨度無極有六事？若能清澄地種水種。

Hà vị Nhân Thanh tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự？ Nhược năng thanh trừng địa chủng thủy chủng.

Thế nào gọi là Mắt Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc？ Nếu có thể trong suốt nhiều loại của quả Đất.

心如地種而不可動。洗除心垢猶如水也。是曰布施。

Tâm như địa chủng nhi bất khả động. Tẩy trừ tâm cấu do như thủy dã. Thị viết Bồ-thí.

Tâm như quả Đất mà không thể động. Tẩy trừ tâm cấu bản cũng giống như nước. Đó là Bồ thí.

其能建立火種風種燒盡眾惡。是曰持戒。

Kỳ năng kiến lập hỏa chủng phong chủng thiêu tận chúng ác. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể thiết lập loại lửa loại gió thiêu hết các ác. Đó là giữ Giới.

設燒生死令無所餘。瑕穢悉消不抱瞋恨。是曰忍辱。

Thiết thiêu sinh tử linh vô sở dư. Hà ứ tất tiêu bất bảo sân hận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu đốt cháy sinh chết giúp cho không còn dư thừa. Dấu vết ô uế đều tiêu tan không ô nhiễm. Đó là Nhẫn nhục.

目之所覩無所不見光明遠照。是曰精進。

Mục chi sở đở vô sở bất kiến quang minh viễn chiếu. Thị viết Tinh-tiến.

Mắt được nhìn thấy, không có không nhìn thấy Quang sáng chiếu từ xa. Đó là Tinh tiến.

所行慳懃見一切無心念是非。是曰一心。

Sở hành ân cần kiến nhất thiết vô tâm niệm thị phi. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu thực hành ân cần nhìn thấy tất cả, không có tâm nhớ sai trái. Đó là Nhất tâm.

所觀十方亘然無邊所濟無厭。是曰智慧。是為六。

Sở quan thập phương tuyên nhiên vô biên sở tế vô yếm. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu quan sát 10 phương phô bày không có biên giới được cứu giúp không chán. Đó là Trí tuệ.

Đó là sáu.

何謂天眼清淨度無極有六事。其以天眼見諸色身。

Hà vị Thiên-nhãn Thanh tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kỳ dĩ Thiên-nhãn kiến chư sắc thân.

Thế nào gọi là Mắt Cõi Trời Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do Mắt Cõi Trời nhìn thấy các Sắc thân.

端政好醜長短廣狹白黑肥瘦而往化之。是曰布施。

Đoan chính hảo xú trường đoản quảng hiệp bạch hắc phì sấu nhi vãng hóa chi. Thị viết Bố-thí.

Đoan chính đẹp xấu dài ngắn rộng hẹp trắng đen gầy béo mà vãng tới giáo hóa. Đó là Bố thí.

知其身行名字心性身所生土。見身往來周旋之處。是曰持戒。

Tri kỳ thân hành danh tự tâm tính thân sở sinh độ. Kiến thân vãng lai chu toàn chi xú. Thị viết Trì-giới.

Biết thân họ thực hành tên chữ tâm tính thân được đất sinh. Nhìn thấy thân qua lại nơi vật lộn.

Đó là giữ Giới.

覩其身行分別是非合散成敗。是曰忍辱。

Đổ kỳ thân hành phân biệt thị phi hợp tán thành bại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nhìn thấy thân họ thực hành phân biệt sai trái hợp lại tan ra thành công thất bại. Đó là Nhẫn nhục.

察天地壞復還合成生天人物。是曰精進。

Sát Thiên-địa hoại phục hoàn hợp thành sinh Thiên-nhân vật. Thị viết Tinh-tiến.

Xem kĩ Trời Đất tan hoại lại trở về hợp thành sinh ra người Trời vạn vật. Đó là Tinh tiến.

若見報應罪福善惡道俗明冥。是曰一心。

Nhược kiến báo ứng tội Phúc thiện ác Đạo tục minh minh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy báo ứng tội Phúc thiện ác Đạo tục sáng tối. Đó là Nhất tâm.

見諸次第遠近深淺空無相願度三脫門。

Kiến chư thứ đệ viễn cận thâm thiển Không Vô-tướng nguyện độ tam thoát môn.

Nhìn thấy thứ tự các việc xa gần sâu cạn Rỗng không, không có hình tướng không có nguyện, vượt qua 3 môn giải thoát.

是曰智慧。是為六。何謂慧眼度無極有六事。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tuệ-nhãn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Mắt Trí tuệ (Pháp Thanh Văn) Tới Niết Bàn có 6 việc ?

以成慧眼普見一切其諸眾生根本始原所從生矣。是曰布施。

Dĩ thành Tuệ-nhãn phổ kiến nhất thiết kỳ chư chúng sinh căn bản thủy nguyên sở tông sinh hĩ.

Thị viết Bố-thí.

Do thành công Trí tuệ nhìn thấy khắp tất cả các chúng sinh, căn bản nguồn gốc xa xưa được sinh từ đó. Đó là Bố thí.

以能成就逮得解脫無有眾結。是曰持戒。

Dĩ năng thành tựu đãi đắc Giải-thoát vô hữu chúng kết. Thị viết Trì-giới.

Do có thể thành công bắt được Giải thoát không có các kết buộc. Đó là giữ Giới.

既有所獲建立其心存於道義。是曰忍辱。

Kỷ hữu sở hoạch kiến lập kỳ tâm tồn ư Đạo nghĩa. Thị viết Nhẫn-nhục.

Đã có được thu hoạch thiết lập tâm đó còn ở trong nghĩa của Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

所致堅強建立普遍。觀於十方悉亦了了。是曰精進。

Sở trí kiên cường kiến lập phổ biến. Quan ư Thập phương tất diệc liễu liễu. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu đem tới kiên cường thiết lập biến tòa khắp cả. Quan sát ở 10 phương đều cũng biết rõ ràng.

Đó là Tinh tiến.

其所觀者猶如真諦審不虛妄。是曰一心。

Kỳ sở đồ giả do như chân đế thâm bất hư vọng. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu được nhìn thấy giống như chân thực tỉ mỉ không có ảo tưởng. Đó là Nhất tâm.

志懷悅豫亦無所生。不墮罪患道意無窮。

Chí hoài duyệt dự diệc vô sở sinh. Bất đọa tội hoạn Đạo ý vô cùng.

Ý chí nhớ vui vẻ cũng không có sinh. Không đọa vào tội ác hoạn nạn, ý Đạo vô cùng.

是曰智慧。是為六。何謂法眼清淨度無極有六事 ?

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Pháp-nhãn Thanh tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Mắt Pháp (Pháp Bồ Tát) Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能逮得諸佛之法十八不共。是曰布施。

Nhược năng đãi đắc chư Phật chi Pháp Thập bát bất cộng. Thị viết Bố-thí.

Nếu có thể bắt được Pháp của các Phật 18 không cùng Pháp. Đó là Bố thí.

自身致斯佛十八法。往濟惡趣十八苦毒。是曰持戒。

Tự thân trí tư Phật thập bát Pháp. Vãng tế Ác-thú thập bát khổ độc. Thị viết Trì-giới.

Tự thân đem tới 18 Pháp của Phật đó. Vãng tới cứu giúp các hướng ác 18 khổ độc. Đó là giữ Giới.

所觀因緣品第高下深淺微細。是曰忍辱。

Sở đồ Nhân-duyên phẩm đệ cao hạ thâm thiển vi tế. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhìn thấy Nhân duyên phẩm bậc cao thấp sâu cạn nhỏ bé. Đó là Nhẫn nhục.

以觀一切三界所有本悉自然。是曰精進。

Dĩ quan nhất thiết Tam-giới sở hữu bản tất tự nhiên. Thị viết Tinh-tiến.

Do quan sát tất cả 3 Cõi giới có được nguồn gốc đều là tự nhiên. Đó là Tinh tiến.

憶識本末應病與藥以治三病。是曰一心。

Ức thức bản末 ung bệnh dữ dược dĩ trị tam bệnh. Thị viết Nhất-tâm.

Nhớ nhận ra nguồn ngọn theo bệnh cho thuốc vì chữa trị 3 bệnh. Đó là Nhất tâm.

所見不虛不為愚觀亘然開化一切眾人。

Sở kiến bất hư bất vi ngu quan tuyên nhiên khai hóa nhất thiết chúng nhân.

Nếu nhìn thấy không sai không bị nhìn thấy ngu si, phô bày khai hóa tất cả mọi người.

是曰智慧。是為六。何謂佛眼清淨度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Phật-nhãn Thanh tịnh Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Mắt của Phật (Pháp Phật) Thanh tịnh Tới Niết Bàn có 6 việc？

以佛眼見無所罣礙寤不覺者。是曰布施。

Dĩ Phật-nhãn kiến vô sở quái ngại ngu bất giác giả. Thị viết Bố-thí.

Do Mắt của Phật nhìn thấy không có trở ngại ngủ không cảm thấy. Đó là Bố thí.

所察愍傷一切眾生三苦之惱。是曰持戒。

Sở sát mẫn thương nhất thiết chúng sinh tam khổ chi não. Thị viết Trì-giới.

Nếu xem kỹ thương xót 3 khổ não của tất cả chúng sinh. Đó là giữ Giới.

度脫眾生不遭諸難永得久安。是曰忍辱。

Độ thoát chúng sinh bất tạo chur nạn vĩnh đắc cửu an. Thị viết Nhẫn-nhục.

Độ thoát chúng sinh không gặp các nạn vĩnh viễn được yên ổn lâu dài. Đó là Nhẫn nhục.

所視無量玄遠無底不可為喻。是曰精進。

Sở thị vô lượng huyền viễn vô để bất khả vi dụ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy vô lượng huyền ảo xa xôi, không có đáy không thể làm bàn luận. Đó là Tinh tiến.

觀其根本若枝葉果。已熟欲落而就挽之。是曰一心。

Quan kỳ căn bản nhược chi diệp quả. Dĩ thực dục lạc nhi tự vãn chi. Thị viết Nhất-tâm.

Quan sát gốc rễ đó hay cành lá quả. Đã chín muốn rơi xuống mà thuận kéo xuống. Đó là Nhất tâm.

見本末然從緣而起。以了本無則無所生。

Kiến bản末 nhiên tông duyên nhi khởi. Dĩ liễu bản vô tác vô sở sinh.

Nhìn thấy nguồn ngọn như thế theo Duyên mà sinh khởi. Do biết rõ gốc không có chắc là không sinh.

是曰智慧。是為六。何謂自在度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Tự-tại Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là tự do Tự tại Tới Niết Bàn có 6 việc？

若得由己得作究竟而不中止。是曰布施。

Nhược đắc do kỷ đắc tác cứu cánh nhi bất trung chi. Thị viết Bố-thí.

Nếu được do bản thân, được làm tới cuối cùng mà không ở giữa chừng dừng lại. Đó là Bồ thí.
所行到處輒得所願不違要誓。是曰持戒。

Sở hành đạo xứ triếp đắc sở nguyện bất vi yếu thể. Thị viết Trì-giới.

Nếu hành tới nơi ở liền được nguyện vọng không ngược lại thể nguyện thiết yếu. Đó là giữ Giới.
自在立行逮得無想放諸所著。是曰忍辱。

Tự-tại lập hành đãi đắc vô tướng phóng chur sở trước. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tự do đi đứng bắt được không có tướng nhớ, buông thả các nương nhờ. Đó là Nhẫn nhục.
仁和柔順分別以解於一切慧。是曰精進。

Nhân hòa nhu thuận phân biệt dĩ giải ưu nhất thiết tuệ. Thị viết Tinh-tiến.

Nhân hòa thuận theo phân biệt do hiểu được tất cả Trí tuệ. Đó là Tinh tiến.
一切皆盡慧不可盡。是曰一心。

Nhất thiết giai tận tuệ bất khả tận. Thị viết Nhất-tâm.

Tất cả đều hết tận, Trí tuệ không thể hết tận. Đó là Nhất tâm.

解一切法明慧聖要化諸不逮。是曰智慧。是為六。

Giải nhất thiết Pháp minh tuệ Thánh yếu hóa chur bất đãi. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Hiểu tất cả Pháp Trí tuệ sáng tỏ, Thánh giáo hóa điều trọng yếu không bắt lấy. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂娛樂度無極有六事？所施與者離于悵望。

Hà vị ngu lạc Độ vô cực hữu Lục-sự ? Sở thí dữ giả ly vu hi vọng .

Thế nào gọi là vui đùa Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu Bồ thí ban cho, rời xa với hi vọng.
猶如虛空化五百蓋覆比丘眾。若梵志聚名曰頭那。

Do như hư không hóa ngũ bách cái phúc Tì-kheo chúng. Nhược Phạm-chí tỵ danh viết Đầu-na.

Giống như khoảng không hóa ra 500 lọng che lên chúng Tì Kheo. Nếu Phạm chí tỵ tập tên là Đầu Na.

井中水泉自然甘美。是曰布施。

Tĩnh trung thủy tuyền tự nhiên cam mỹ. Thị viết Bồ-thí.

Nước giếng ở trong giếng nước tự nhiên ngon ngọt. Đó là Bồ thí.

若入城里人民普安。箜篌樂器不鼓自鳴。是曰持戒。

Nhược nhập thành lý nhân dân phổ an. Không hầu nhạc khí bất cổ tự minh. Thị viết Trì-giới.

Nếu nhập vào thành làng xã nhân dân đều yên ổn. Sáo trúc nhạc cụ không gõ tự kêu. Đó là giữ Giới.

諸根不具盲聾瘖瘂，跛蹇疾病。蒙其光明悉除眾患。是曰忍辱。

Chur căn bất cụ manh lung âm á, bả kiển tật bệnh. Mông kỳ Quang-minh tất trừ chúng hoạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Các Căn không đủ mù lòa câm điếc, què thọt chân tật bệnh. Được Quang sáng đó đều trừ diệt các hoạn nạn. Đó là Nhẫn nhục.

演其光耀照於十方無量佛土皆荷眾人。是曰精進。

Diễn kỳ quang diệu chiếu ư Thập phương vô lượng Phật thổ giai hà chúng nhân. Thị viết Tinh-tiến.

Diễn ra Quang sáng lạn đố chiếu tới 10 phương vô lượng Đất Phật, mọi người đều nhận lấy. Đó là Tinh tiến.

在維耶離城城中內外各各變化八萬四千諸佛身形。是曰一心。

Tại Duy-da-ly thành thành trung nội ngoại các các biến hóa bát vạn tứ thiên chư Phật thân hình. Thị viết Nhất-tâm.

Ở thành Duy Da Ly trong ngoài giữa thành từng loại biến hóa ra 8 vạn 4 nghìn thân hình các Phật. Đó là Nhất tâm.

彼時因隨為八部眾頌宣經道各使得解。是曰智慧。是為六。

Bỉ thời nhân tùy vi Bát-bộ chúng ban tuyên Kinh Đạo các sử đắc giải. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Thời đó nhân do thuận theo vì 8 Bộ Chúng đọc nói Kinh Đạo làm cho họ được Giải thoát. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂難得自歸度無極有六事？威儀禮節安然庠序。

Hà vị nan đắc tự quy Độ vô cực hữu Lục-sự ? Uy nghi lễ tiết an nhiên tường tự.

Thế nào gọi là khó được tự trở về Tới Niết Bàn có 6 việc ? Uy nghi lễ tiết yên ổn cát tường.

功德甚廣能攝受空。是曰布施。

Công-đức thậm quảng năng nhiếp thụ Không. Thị viết Bố-thí.

Công Đức rất rộng lớn có thể thu lấy nhận Rỗng không. Đó là Bố thí.

以能曉了諸佛世尊。至德玄遠難不可當。是曰持戒。

Dĩ năng hiểu liễu chư Phật Thế Tôn. Chí Đức huyền viễn nan bất khả đương. Thị viết Trì-giới. Do có thể hiểu biết rõ các Phật Thế Tôn. Đức lớn huyền ảo xa thăm, khó không thể xứng bằng. Đó là giữ Giới.

所行堅強方便隨時不失其節。志願無違應病與藥。

Sở hành kiên cường Phương-tiện tùy thời bất thất kỳ tiết. Chí nguyện Vô-vi ung bệnh dữ dược. Nếu thực hành kiên cường Phương tiện, theo thời không mất thời cơ đó. Chí nguyện Vô vi theo bệnh cho thuốc.

而開化之將護眾業。能化毒虻捉在手中。

Nhi khai hóa chi tướng hộ chúng Nghiệp. Năng hóa độc ngoan tróc tại thủ trung.

Mà khai hóa sẽ bảo vệ các Nghiệp. Có thể hóa giải rắn độc bắt lấy ở trên tay.

以至誠故永無所畏。用神足呪故不以為難。是曰忍辱。

Dĩ chí thành cố vĩnh vô sở úy. Dụng Thần-túc Chú cố bất dĩ vi nan. Thị viết Nhẫn-nhục.

Vì do chí thành vĩnh viễn không có sợ hãi. Vì do Thần thông biến hóa chú thuật không lấy làm khó. Đó là Nhẫn nhục.

如目捷連疾解化魔。佛與其俱度彼土眾。

Như Mục-kiền-liên tật giải hóa Ma. Phật dữ kỳ câu độ bỉ thổ chúng.

Như Mục Kiền Liên nhanh hóa giải Ma thuật. Phật cùng với người đó đều vượt qua tới các Đất đó.

不自覺反還在祇樹。棄鉢中水且污佛地。是曰精進。

Bất tự giác phản hoàn tại Kì thụ. Khí bát trung thủy đán ô Phật địa. Thị viết Tinh-tiến.

Không tự cảm thấy phản hồi trở lại ở tại vườn Kì Thụ. Đổ bỏ nước ở trong bát, chỉ làm ô ướ Đất Phật. Đó là Tinh tiến.

如佛弟子舍利弗言。一時須臾有四十九心起為生死業。

Như Phật đệ-tử Xá-lợi-phất ngôn. Nhất thời tu du hữu tứ thập cửu tâm khởi vì sinh tử nghiệp.

Như Đệ Tử Xá Lợi Phất nói rằng : Một khoảnh khắc thời gian có 49 tâm sinh khởi vì Nghiệp sinh chết.

佛言不可計。是曰一心。

Phật ngôn bất khả kê. Thị viết Nhất-tâm.

Phật nói không thể tính toán được. Đó là Nhất tâm.

如佛言曰：時有一城其中眾人而有重罪。

Như Phật ngôn viết : Thời hữu nhất thành kỳ trung chúng nhân nhi hữu trọng tội.

Như Phật nói rằng : Khi có 1 thành mọi người ở trong đó mà có tội nặng.

不計道法誹謗高德。如來至真於一夜半。

Bất kê Đạo Pháp phi báng cao Đức. Như Lai chí chân ư nhất dạ bán.

Không tính kể Đạo Pháp phi báng Đức cao. Như Lai được Chân Chính ở trong nửa đêm.

為說經典棄其重罪。精進暢達得六神通。

Vị thuyết Kinh điển khí kỳ trọng tội. Tinh-tiến srong đạt đắc lục Thần-thông .

Vì nói Kinh điển vứt bỏ tội nặng của họ. Tinh tiến thông suốt được 6 Thần thông.

是曰智慧。是為六。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

十八不共品第十七

Thập bát bất cộng phẩm đệ thập thất.

Phẩm thứ 17 Mười tám không cùng Pháp.

佛告喜王菩薩！何謂十八不共？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát ! Hà vị Thập bát bất cộng ?

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là 18 không cùng Pháp ?

諸佛之法事有十八。何謂無毀滅度無極有六事。

Chư Phật chi Pháp sự hữu thập bát. Hà vị vô hủy diệt Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Pháp của các Phật việc có 18. Thế nào gọi là không phá hủy mất Tới Niết Bàn có 6 việc ?

應時開導具足德行令無缺失。是曰布施。

Ứng thời khai Đạo cụ túc Đức hạnh linh vô khuyết thất. Thị viết Bồ-thí.

Theo thời khai sáng hướng dẫn, Đức hạnh đầy đủ giúp cho không có thiếu sai. Đó là Bồ thí.

若除伴黨不偏所為為無有失。是曰持戒。

Nhược trừ bạn đảng bất thiên sở vi vi vô hữu thất. Thị viết Trì-giới.

Nếu trừ bỏ đồng đảng không thiên vị được làm, làm không có sai. Đó là giữ Giới.

所說至要言無有失身口心寂。是曰忍辱。

Sở thuyết chí yếu ngôn vô hữu thất Thân Khẩu Tâm tịch. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nói được lời nói thiết yếu không có sai, Thân Miệng Tâm vắng vẻ. Đó là Nhẫn nhục.

應其果報不違本旨。從始發意至道無二。是曰精進。

Ứng kỳ quả báo bất vi bản chí. Tông thủy phát ý chí Đạo vô nhị. Thị viết Tinh-tiến.

Ứng theo quả báo đó không ngược lại yêu cầu vốn có. Từ xa xưa phát ý được Đạo không có 2.

Đó là Tinh tiến.

從其誓願各使得所不違本要。是曰一心。

Tông kỳ thệ nguyện các sử đắc sở bất vi bản yếu. Thị viết Nhất-tâm.

Theo thệ nguyện đó khiến cho họ được nơi ở không ngược lại thiết yếu vốn có. Đó là Nhất tâm.

至心脫門長獲入安隱無有眾難。是曰智慧。是為六。

Chí tâm thoát môn trưởng hoạch nhập an ổn vô hữu chúng nạn. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tâm lớn thu được môn giải thoát, tăng trưởng nhập vào yên ổn, không có các ách nạn. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無著無虛言度無極有六事？

Hà vị vô trước vô hư ngôn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không có nương nhờ nói không sai Tới Niết Bàn có 6 việc？

所說開化皆宣純熟不為雜碎。是曰布施。

Sở thuyết khai hóa giai tuyên thuần thực bất vi tạp toái. Thị viết Bố-thí.

Nếu nói Pháp khai hóa, đều đọc nói thành thực không bị lẫn lộn vụn vặt. Đó là Bố thí.

以得三達知見去來。念常清淨所行無穢。是曰持戒。

Đĩ đắc tam đạt Tri-kiến Khứ-Lai. Niệm thường Thanh tịnh sở hành vô uế. Thị viết Trì-giới.

Do được 3 thông tỏ Thấy biết Quá khứ Tương lai. Thường nhớ Thanh tịnh được hành vi không ô uế. Đó là giữ Giới.

不懷害心向於他人恒抱仁慈。是曰忍辱。

Bất hoài hại tâm hướng ư tha nhân hằng bảo nhân từ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không nhớ tổn hại tâm hướng về người khác, thường ôm ấp nhân Từ. Đó là Nhẫn nhục.

隨其人心欲有所好。而為解說便令喜悅。是曰精進。

Tùy kỳ nhân tâm dục hữu sở hảo. Nhi vi giải thuyết tiện linh hỉ duyệt. Thị viết Tinh-tiến.

Đi theo người đó tâm muốn có được tốt đẹp. Mà vì Giải thoát liền giúp cho vui vẻ. Đó là Tinh tiến.

為無等倫宣布微妙。猶蜜甘露加之於人心使悅豫。是曰一心。

Vì vô đẳng luân tuyên bố vi diệu. Do mật Cam-lộ gia chi ư nhân tâm sử duyệt dự. Thị viết Nhất-tâm.

Vì không sánh bằng tuyên bố vi diệu. Cam Lộ như mật ngọt tăng thêm cho người, tâm làm cho vui vẻ. Đó là Nhất tâm.

若為頒宣消除眾結狐疑羅網以自纏縛。

Nhược vi an tuyên tiêu trừ chúng kết hồ nghi la võng dĩ tự triền phục.

Nếu được đọc nói tiêu trừ các kết buộc lưới hoài nghi do tự quán buộc lấy.

是曰智慧。是為六。何謂無脫志度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô thoát chí Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là ý chí không thoát ra Tới Niết Bàn có 6 việc ?

其心放捨功德無斷自然定矣。是曰布施。

Kỳ tâm phóng xả Công-đức vô đoạn tự nhiên Định hĩ. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tâm buông bỏ, công Đức không cắt bỏ, tự nhiên yên Định. Đó là Bồ thí.

以一切德勸助其意使發道心。是曰持戒。

Dĩ nhất thiết Đức khuyến trợ kỳ ý sử phát Đạo tâm. Thị viết Trì-giới.

Vì tất cả Đức khuyến trợ giúp ý đó làm cho phát tâm Đạo. Đó là giữ Giới.

所行無邊遵修至義永無罪殃。是曰忍辱。

Sở hành vô biên tuân tu chí nghĩa vĩnh vô tội ương. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành vô biên tuân theo tu hành được nghĩa, vĩnh viễn không có tội tai ương. Đó là Nhẫn nhục.

逮得一切眾德之行真正之法。是曰精進。

Đãi đắc nhất thiết chúng Đức chi hành chân chính chi Pháp. Thị viết Tinh-tiến.

Bắt được tất cả các Đức, thực hành Pháp chân chính. Đó là Tinh tiến.

常識三世去來今事未曾忽忘。是曰一心。

Thường thức Tam-thê Khứ-Lai-Kim sự vị tăng hốt vong. Thị viết Nhất-tâm.

Thường nhận ra việc Quá khứ Hiện nay Tương lai của 3 Đời, chưa từng lãng quên mất. Đó là Nhất tâm.

因其樹生寂然長大。諦念道法不以失本。

Nhân kỳ thụ sinh tịch-nhiên trưởng đại. Đế-niệm Đạo Pháp bất dĩ thất bản.

Nhân do sinh cây đó, Vững vẻ tăng lớn. Nhớ chân thực Đạo Pháp không lấy làm mất gốc.

是曰智慧。是為六。何謂心定度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị tâm định Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tâm yên Định Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所云平等心無所生興隆道法。是曰布施。

Sở vân Bình-đẳng tâm vô sở sinh hưng long Đạo Pháp. Thị viết Bồ-thí.

Nếu nhiều Bình đẳng tâm không có sinh, Đạo Pháp hưng vượng. Đó là Bồ thí.

所可宣揚依因遊居不失道法。是曰持戒。

Sở khả tuyên dương y nhân du cư bất thất Đạo Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể nêu tên dựa vào, nhân do du hành tới nơi ở không mất Đạo Pháp. Đó là giữ Giới.

其所依倚以法開化多所喜悅。是曰忍辱。

Kỳ sở y y dĩ Pháp khai hóa đa sở hĩ duyệt. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu được dựa vào y lại, dùng Pháp khai hóa được nhiều vui vẻ. Đó là Nhẫn nhục.

其所奉六度無極正真之道皆為他人。是曰精進。

Kỳ sở phụng Lục-Độ vô cực Chính-chân chi Đạo giai vị tha nhân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu được cung kính 6 Pháp Tới Niết Bàn, Đạo Chân Chính đều vì người khác. Đó là Tinh tiến.

自攝其心以恩濟人而開導之。是曰一心。

Tự nhiếp kỳ tâm dĩ ân tế nhân nhi khai Đạo chi. Thị viết Nhất-tâm.

Tự thu hút tâm họ do ân huệ cứu giúp người mà khai sáng hướng dẫn. Đó là Nhất tâm.

一切隨時而其所願其行無底各令悅豫。

Nhất thiết tùy thời nhi kỳ sở nguyện, kỳ hành vô để các linh duyệt dự.

Tất cả theo thời mà họ được mong nguyện, nếu thực hành không có đáy giúp họ phần chần.

是曰智慧。是為六。何謂觀寂無為度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị quan tịch Vô-vi Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là quan sát Rỗng lặng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所願已成吉如恬怕。是曰布施。

Sở nguyện dĩ thành cát như điềm phạ. Thị viết Bố-thí.

Nếu mong nguyện đã thành, tốt lành như lo lắng sợ hãi. Đó là Bố thí.

依仰於人而寂然安。是曰持戒。

Y ngưỡng ư nhân nhi Tịch-nhiên an. Thị viết Trì-giới.

Như ngưỡng mộ với người mà Vắng vẻ yên ổn. Đó là giữ Giới.

行其愍哀察護諸業猶如道場。是曰忍辱。

Hành kỳ mẫn ai sát hộ chư Nghiệp do như Đạo tràng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Thực hành thương xót họ kiểm soát bảo vệ các Nghiệp giống như Đạo tràng. Đó là Nhẫn nhục.

一切普護三界眾生。示以道心所行無邊。是曰精進。

Nhất thiết phổ hộ Tam-giới chúng sinh. Thị dĩ Đạo tâm sở hành vô biên. Thị viết Tinh-tiến.

Tất cả đều bảo vệ chúng sinh của 3 Cõi giới. Hiện ra vì tâm Đạo nếu thực hành được vô biên. Đó là Tinh tiến.

所可將養而為一切愚惑之眾宣暢正法。是曰一心。

Sở khả tương dưỡng nhi vi nhất thiết ngu hoặc chi chúng tuyên sớng Chính-Pháp. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể sẽ cúng dường mà vì tất cả chúng sinh ngu si nghi hoặc đọc nói thông suốt Pháp đúng. Đó là Nhất tâm.

雖為說法化身口意。令無所犯不著三界。

Tuy vị thuyết Pháp hóa thân khẩu ý. Linh vô sở phạm bất trước Tam-giới.

Tuy vì nói Pháp Thân Miệng Ý biến hóa. Giúp cho không có vi phạm không nương nhờ 3 Cõi giới.

是曰智慧。是為六。何謂無有若干度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô hữu nhược can Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không có nhiều Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以不生若干品想存心在道。是曰布施。

Nhược dĩ bất sinh nhược can phẩm tướng tồn tâm tại Đạo. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do không sinh rất nhiều phẩm cấp tâm còn tướng nhớ ở trong Đạo. Đó là Bồ thí.

其如是想興顯道德不離正真。是曰持戒。

Kỳ như thị tướng hưng hiển Đạo đức bất ly Chính-chân. Thị viết Trì-giới.

Nếu tướng nhớ như thế, hưng khởi hiện ra rõ Đạo Đức không rời xa Chân Chính. Đó là giữ Giới.

若以無意不為思想常一定意。是曰忍辱。

Nhược dĩ vô ý bất vi tư tướng thường nhất Định ý. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do vô ý không làm suy tướng, thường một Định ý. Đó là Nhẫn nhục.

未曾毀犯彼己性行護身一切。是曰精進。

Vị tăng hủy phạm bỉ kỷ tính hạnh hộ thân nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Chưa từng hủy phạm tính hạnh của bản thân, thân bảo vệ tất cả. Đó là Tinh tiến.

勤修應行解知其時不失聖節。是曰一心。

Cần tu ưng hành giải tri kỳ thời bất thất Thánh tiết. Thị viết Nhất-tâm.

Tu hành chyen cần lúc hiểu biết ưng thuận hành nó, không mất khí tiết của Thánh. Đó là Nhất tâm.

皆能達暢五趣生死。往來周旋一切根源。

Giai năng đạt sướng Ngũ-thú sinh tử. Vãng lai chu toàn nhất thiết căn nguyên.

Đều có thể thông suốt 5 hướng sinh chết. Vật lộn qua lại tất cả nguồn gốc.

是曰智慧。是為六。何謂所樂度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị sở lạc Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là được vui sướng Tới Niết Bàn có 6 việc？

若心念樂自護其心愍傷他人。是曰布施。

Nhược tâm niệm lạc tự hộ kỳ tâm mẫn thương tha nhân. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tâm nhớ vui sướng tự bảo vệ, tâm họ thương xót người khác. Đó là Bồ thí.

設使心思往古今世。愍念己身以哀一切。是曰持戒。

Thiết sử tâm tư vãng cổ kim thế. Mẫn niệm kỷ thân dĩ ai nhất thiết. Thị viết Trì-giới.

Nếu như tâm nhớ từ xưa đến nay. Thương xót thân của mình do thương xót tất cả. Đó là giữ Giới.

若復喜樂講說經典不為俗業。是曰忍辱。

Nhược phục hỷ lạc giảng thuyết Kinh điển bất vi tục Nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu lại vui mừng giảng giải Kinh điển không làm Nghiệp đời tục. Đó là Nhẫn nhục.

常用隨時一切至樂無上正真。是曰精進。

Thường dụng tùy thời nhất thiết chí lạc Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Tinh-tiến.

Thường vì theo thời tất cả được vui sướng Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Tinh tiến.

假使好喜佛法聖眾。斷眾愛欲不善之行。是曰一心。

Gả sử hỷ hỉ Phật Pháp Thánh chúng. Đoạn chúng ái dục bất thiện chi hạnh. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu như ham thích vui mừng Phật Pháp Tăng. Cắt bỏ các yêu ham muốn thực hành không thiện. Đó là Nhất tâm.

若除諸邪九十六種志甘道法。是曰智慧。是為六。

Nhược trừ chur tà cửu thập lục chủng chí cam Đạo Pháp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu trừ bỏ các sai trái 96 loại, ý chí cam nhịn Đạo Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不失精進度無極有六事？

Hà vị bất thất Tinh-tiến Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không mất Tinh tiến Tới Niết Bàn có 6 việc？

所造勤修奉行道法。德不損耗一切備悉。是曰布施。

Sở tạo cần tu phụng hành Đạo Pháp. Đức bất tổn hao nhất thiết bị tất. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tạo ra tu hành chuyên cần cung kính thực hành Đạo Pháp. Đức không tổn hao tất cả đều đầy đủ. Đó là Bồ thí.

若以心悅哀念一切。不以害心向於他人布施精進。是曰持戒。

Nhược dĩ tâm duyệt ai niệm nhất thiết. Bất dĩ hại tâm hướng ư tha nhân Bồ-thí Tinh-tiến. Thị viết Trì-giới.

Nếu do tâm vui nhớ thương tất cả. Không dùng tâm làm hại hướng tới người khác Tinh tiến Bồ thí. Đó là giữ Giới.

若訓誨時示以道法悉能堪受。是曰忍辱。

Nhược huấn hồi thời thị dĩ Đạo Pháp tất năng kham thụ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu lúc dạy bảo hiện ra vì Đạo Pháp, đều có thể chịu nhận. Đó là Nhẫn nhục.

若以法明所觀一切無所傷害。是曰精進。

Nhược dĩ Pháp minh sở quan nhất thiết vô sở thương hại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do Pháp sáng được quan sát tất cả, không có thương hại. Đó là Tinh tiến.

一切所講乃說其本。識其宿命乃了無際。是曰一心。

Nhất thiết sở giảng nãi thuyết kỳ bản. Thức kỳ túc mệnh nãi liễu vô tế. Thị viết Nhất-tâm.

Tất cả được giảng mới lại nói gốc rễ đó. Nhận ra Kiếp trước của họ mới biết rõ không có giới hạn. Đó là Nhất tâm.

所解義理不可限量。是曰智慧。是為六。

Sở giải nghĩa lý bất khả hạn lượng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu giảng nghĩa lý thuyết, không thể hạn lượng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂無有失意度無極有六事？

Hà vị vô hữu thất ý Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không có ý sai Tới Niết Bàn có 6 việc？

意所識念乃知前世無數億劫而無邊底。是曰布施。

Ý sở thức niệm nãi tri tiền thế vô số ức Kiếp nhi vô biên đở. Thị viết Bồ-thí.

Ý nhớ được bảo vệ mới biết đời trước vô số triệu Kiếp mà không có bờ đáy. Đó là Bồ thí.

所憶迥遠無央數劫積功累德。是曰持戒。

Sở ức quýnh viễn vô ương sở Kiếp tích công lũy Đức. Thị viết Trì-giới.

Nếu nhớ vô số Kiếp xa vắng tích lũy công Đức. Đó là giữ Giới.

若以察知如審清淨永無垢濁。是曰忍辱。

Nhược dĩ sát tri như thắm Thanh tịnh vĩnh vô cấu trọc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do xem kỹ biết nếu kiểm soát Thanh tịnh vĩnh viễn không có bản đục. Đó là Nhẫn nhục.

識了所好從初發意古今所行。是曰精進。

Thức liễu sở hảo tông sơ phát ý cổ kim sở hành. Thị viết Tinh-tiến.

Nhận biết rõ được tốt đẹp từ đầu tiên phát ý, xưa nay được thực hành. Đó là Tinh tiến.

心入所念念一切法進退本末。是曰一心。

Tâm nhập sở niệm niệm nhất thiết Pháp tiến thoái bản mạt. Thị viết Nhất-tâm.

Tâm nhập vào được nhớ, nhớ tất cả Pháp tiến lui nguồn ngọn. Đó là Nhất tâm.

斷一切想各各不同。憶念宿世分別曾所更歷。

Đoạn nhất thiết tưởng các các bất đồng. Ưc niệm túc thể phân biệt tăng sở cánh lịch.

Cắt bỏ tất cả tưởng nhớ từng loại không như nhau. Tưởng nhớ đời trước, phân biệt từng được trải qua.

是曰智慧。是為六。何謂不失定意度無極眾行有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị bất thất Định ý Độ vô cực chúng hạnh hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không mất Định ý Tới Niết Bàn có 6 việc？

受四等心慈悲喜護定意正受。是曰布施。

Thụ Tứ-đẳng tâm Từ Bi hi hộ Định ý Chính-thụ. Thị viết Bồ-thí.

Nhận 4 tâm Bình đẳng Từ Bi Vui Bảo vệ, Định ý Thụ nhận đúng. Đó là Bồ thí.

設能感受立四意止無身痛想法。是曰持戒。

Thiết năng hàm thụ lập tứ ý chỉ vô thân thống tưởng Pháp. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể đều nhận lập dựng 4 ý dừng lại, không có thân đau tưởng nhớ Pháp. Đó là giữ Giới.

奉行至德修四意斷斷無所斷。是曰忍辱。

Phụng hành chí Đức tu tứ ý đoạn, đoạn vô sở đoạn. Thị viết Nhẫn-nhục.

Cung kính thi hành được Đức, tu hành 4 ý cắt bỏ, cắt bỏ không có cắt bỏ. Đó là Nhẫn nhục.

以逮神足飛到十方教化一切。是曰精進。

Dĩ dãi Thần-túc phi đáo Thập phương giáo hóa nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Do bắt lấy Thần thông biến hóa, bay tới 10 phương giáo hóa tất cả. Đó là Tinh tiến.

若行禪思受得威三昧定。是曰一心。

Nhược hành Thiền-tư thụ đắc Uy Tam-muội Định. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu làm Tĩnh lặng suy nghĩ nhận được Uy Tam-muội Định. Đó là Nhất tâm.

若以聖明諮受道慧而不虛妄。是曰智慧。是為六。

Nhược dĩ Thánh-minh tư thụ Đạo Tuệ nhi bất hư vọng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu do sáng suốt của Thánh thăm hỏi nhận Đạo Tuệ mà không có ảo vọng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂不失慧度無極有六事？

Hà vị bất thất tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là không mất Trí tuệ Tới Niết Bàn có 6 việc？

若受慧根智不可量知眾生元。是曰布施。

Nhược thụ Tuệ-căn Trí bất khả lượng tri chúng sinh nguyên. Thị viết Bồ-thí.

Nếu nhận Căn Trí tuệ, Trí tuệ không thể hạn lượng, biết nguồn gốc của chúng sinh. Đó là Bồ thí.
力勢堅強獲致慧力乃至佛十力。是曰持戒。

Lực thể kiên cường hoạch Trí tuệ lực nãi chí Phật Thập-lực. Thị viết Trì-giới.

Thế lực kiên cường thu được Lực Trí tuệ, thậm chí 10 Lực của Phật. Đó là giữ Giới.

逮得覺意悟化導示。諸不覺者令得達明。是曰忍辱。

Đãi đắc giác ý ngộ hóa đạo thị. Chư bất giác giả linh đắc đạt minh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bất được cảm thấy ý, hiểu giáo hóa hướng dẫn. Mọi việc không cảm thấy, giúp cho được sáng suốt. Đó là Nhẫn nhục.

以曉了心啟受道義行不可計。是曰精進。

Dĩ hiểu liễu tâm khai thụ Đạo nghĩa hành bất khả kể. Thị viết Tinh-tiến.

Do hiểu biết rõ tâm bắt đầu nhận nghĩa của Đạo, thực hành không thể tính kể. Đó là Tinh tiến.

逮分別解十二緣起。知因牽連由不覺故。是曰一心。

Đãi phân biệt giải Thập nhị duyên khởi. Tri nhân khiên liên do bất giác cố. Thị viết Nhất-tâm.

Bắt lấy phân biệt hiểu 12 Nhân duyên sinh khởi. Do biết nhân do dẫn buộc liên lụy, do không cảm thấy. Đó là Nhất tâm.

以斯聖明致十種力四無所畏十八不共諸佛之法。

Dĩ tư Thánh-minh trí Thập chủng lực Tứ vô sở úy Thập bát bất cộng chư Phật chi Pháp.

Do sáng suốt của Thánh đó, đem tới 10 loại Lực, 4 không sợ hãi, 18 không cùng Pháp của các Phật.

是曰智慧。是為六。何謂不失解脫度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị bất thất Giải-thoát Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không mất Giải thoát Tới Niết Bàn có 6 việc？

身力堅固心若金剛不失至要。是曰布施。

Thân lực kiên cố tâm nhược Kim cương bất thất chí yếu. Thị viết Bồ-thí.

Lực thân kiên cố, tâm như Kim Cương, không mất thiết yếu lớn. Đó là Bồ thí.

處在大眾若在獨處。心常如一無所忘失。是曰持戒。

Xử tại Đại Chúng nhược tại độc xứ. Tâm thường như nhất vô sở vong thất. Thị viết Trì-giới.

Ở trong Đại Chúng hay ở một mình. Tâm thường như một không có quên mất. Đó là giữ Giới.

遊于擾憤眾鬧之中而不迷誤。是曰忍辱。

Du vu nhiễu hội chúng náo chi trung nhi bất mê ngộ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Du hành nơi rối loạn, trong các nơi náo nhiệt mà không mê muội. Đó là Nhẫn nhục.

解知他人眾生性行所念善惡。是曰精進。

Giải tri tha nhân chúng sinh tính hạnh sở niệm thiện ác. Thị viết Tinh-tiến.

Hiểu biết người khác tính hạnh của chúng sinh được nhớ thiện ác. Đó là Tinh tiến.

安諦建立無上大道不滅盡慧。是曰一心。

An đế kiến lập Vô-thượng Đại Đạo bất diệt tận tuệ. Thị viết Nhất-tâm.

Đạo lý yên ổn thiết lập Đạo lớn Bình Đẳng, Trí tuệ không mất hết. Đó là Nhất tâm.

以無生慧消去處所。使無所存唯志經典。

Dĩ vô sinh tuệ tiêu khứ xứ sở. Sử vô sở tồn duy chí Kinh điển.

Do Trí tuệ không sinh, tiêu tan bỏ mất nơi ở. Làm cho không còn, chỉ có chí hướng Kinh điển.

是曰智慧。是為六。何謂解度知見度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị giải độ Tri-kiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là hiểu độ thoát Thấy biết Tới Niết Bàn có 6 việc ?

所行至實不為虛偽輒得如願。是曰布施。

Sở hành chí thực bất vi hư ngụy triếp đắc như nguyện. Thị viết BỐ-thí.

Nếu thực hành được chân thực, không làm dối trá liền được như mong nguyện. Đó là BỐ thí.

其所觀覩唯見無為。度眾有為生死之難。是曰持戒。

Kỳ sở quan đở duy kiến Vô-vi. Độ chúng Hữu-vi sinh tử chi nạn. Thị viết Trì-giới.

Nếu được quan sát nhìn thấy, chỉ có nhìn thấy Rỗng lặng. Độ thoát các Có hình sinh chết ách nạn. Đó là giữ Giới.

察欲之穢覩其本末從因緣起。是曰忍辱。

Sát dục chi uế đở kỳ bản mạt tông Nhân duyên khởi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kĩ ham muốn ô uế, nhìn thấy nguồn ngọn đó, theo Nhân duyên sinh khởi. Đó là Nhẫn nhục.

從地至地備具諸住。建立果處十住之業。是曰精進。

Tông địa chí địa bị cụ chư trụ. Kiến lập quả xứ thập trụ chi nghiệp. Thị viết Tinh-tiến.

Từ Bậc tới Bậc đầy đủ các việc ở lại. Thiết lập quả ở nơi Nghiệp của 10 Bậc ở lại. Đó là Tinh tiến.

禪思行道心之所生以逮住處。是曰一心。

Thiền-tư hành Đạo tâm chi sở sinh dĩ đãi trụ xứ. Thị viết Nhất-tâm.

Tĩnh lặng suy nghĩ thực hành Đạo, tâm được sinh do bắt lấy nơi ở lại. Đó là Nhất tâm.

若著衣被加之在臂。方便副除一切眾惡無所忘失不違解脫。

Nhược trước y bị gia chi tại tý. Phương-tiện phó trừ nhất thiết chúng ác vô sở vong thất bất vi Giải-thoát.

Nếu nương nhờ quần áo che kín thêm ở trên tay. Phương tiện phụ trừ bỏ tất cả các ác, không có quên mất không ngược lại Giải thoát.

是曰智慧。是為六。何謂知身行慧明所轉度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị tri thân hạnh tuệ minh sở chuyển Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là biết thân thực hành Trí tuệ sáng được luân chuyển Tới Niết Bàn có 6 việc ?

身行勤修一心正行。守身口意不以為厭。是曰布施。

Thân hành cần tu nhất tâm Chính-hạnh. Thủ Thân Khẩu Ý bất dĩ vi yếm. Thị viết BỐ-thí.

Thân thực hành tu chuyên cần, nhất tâm Đức hạnh đúng. Giữ gìn Thân Miệng Ý không lấy làm chán. Đó là BỐ thí.

導化其體不殺盜淫而無所犯。是曰持戒。

Đạo hóa kỳ thể bất sát Đạo Dâm nhi vô sở phạm. Thị viết Trì-giới.

Hướng dẫn giáo hóa thể loại đó, không sát hại trộm cướp dâm dục mà không có vi phạm. Đó là giữ Giới.

奉修十住不使所住有罣礙業。是曰忍辱。

Phụng tu Thập trụ bất sử sở trụ hữu quái ngại nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Cung kính tu hành 10 Bậc Bò Tát ở lại, không làm cho được ở lại, có Nghiệp trở ngại. Đó là Nhẫn nhục.

專精一心立眾德本以施一切。是曰精進。

Chuyên tinh nhất tâm lập chúng Đức bản dĩ thí nhất thiết. Thị viết Tinh-tiến.

Chỉ có tinh thông nhất tâm lập dựng các Đức vốn có, do Bồ thí tất cả. Đó là Tinh tiến.

令無數人得其報應十方福報。是曰一心。

Linh vô số nhân đắc kỳ báo ứng Thập phương Phúc báo. Thị viết Nhất-tâm.

Giúp cho vô số người được báo ứng 10 phương Phúc báo đó. Đó là Tinh tiến.

以身造教而顯神足。飛到一切見諸佛說。是曰智慧。是為六。

Dĩ thân tạo giáo nhi hiển Thần-túc. Phi đáo nhất thiết kiến chư Phật thuyết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Vì thân tạo dựng giáo lý mà hiện ra rõ Thần thông Biến hóa. Bay tới tất cả nhìn thấy các Phật nói Pháp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂口行轉進聖慧度無極有六事？口所班宣說無上法。

Hà vị Khẩu hành chuyển tiến Thánh-tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự ? Khẩu sở ban tuyên thuyết Vô-thượng Pháp.

Thế nào gọi là Miệng thực hành Tuệ Thánh chuyển tiến Tới Niết Bàn có 6 việc ? Miệng được đọc nói, nói Pháp Bình Đẳng.

曾所更歷解決諸法未曾厭倦。是曰布施。

Tằng sở canh lịch giải quyết chư Pháp vị tăng yếm quyện. Thị viết Bố-thí.

Từng được thêm trải qua, giải quyết các Pháp chưa từng mệt chán. Đó là Bố thí.

其音普至入一切心令行清徹。是曰持戒。

Kỳ âm phổ chí nhập nhất thiết tâm linh hạnh thanh triệt. Thị viết Trì-giới.

Nếu âm thanh đều tới nhập vào tất cả tâm, giúp cho hạnh trong suốt. Đó là giữ Giới.

開化眾會悉令通暢無上正真。是曰忍辱。

Khai hóa chúng hội tất linh thông sướng Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Nhẫn-nhục.

Khai hóa hội chúng đều giúp cho thông suốt Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Nhẫn nhục.

所演法訓其聲周遍徹于十方。是曰精進。

Sở diễn Pháp huấn kỳ thanh chu biến triệt vu Thập phương. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu diễn ra giáo huấn Pháp, âm thanh đó biến tỏa vòng quanh đến tận cùng 10 phương. Đó là Tinh tiến.

常憶至行不為虛損。至真專精篤信思惟。是曰一心。

Thường ức chí hạnh bất vi hư tổn. Chí chân chuyên tinh đốc tín tư duy. Thị viết Nhất-tâm.

Thường nhớ hạnh lớn không làm hao tổn. Được chân thực chỉ có tinh thông hết lòng tin suy nghĩ. Đó là Nhất tâm.

所可班宣未曾虛妄。多所安隱一切眾生。

Sở khả ban tuyên vị tăng hư vọng. Đa sở an ổn nhất thiết chúng sinh.

Nếu có thể nói đọc chưa từng ảo tưởng. Được nhiều yên ổn tất cả chúng sinh.

是曰智慧。是為六。何謂意行轉進度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị ý hành chuyển tiến Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Ý hành chuyển tiến Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若意心正思不在邪。心存行念常本清淨。是曰布施。

Nhược ý tâm chính tư bất tại tà. Tâm tồn hành niệm thường bản Thanh tịnh. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tâm ý suy nghĩ đúng không ở trong sai trái. Tâm còn nhớ thực hành, thường Thanh tịnh vốn có. Đó là Bồ thí.

其以聞法御導愚冥化諸所著。是曰持戒。

Kỳ dĩ văn Pháp ngự Đạo ngu minh hóa chư sở trước. Thị viết Trì-giới.

Nếu do nghe Pháp điều khiển hướng dẫn ngu tối, hóa tan các việc được nương nhờ. Đó là giữ Giới.

其能導利有無之業立平等行。是曰忍辱。

Kỳ năng Đạo lợi hữu vô chi Nghiệp lập Bình đẳng hạnh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể hướng dẫn lợi ích có không có Nghiệp, lập dựng hạnh Bình đẳng. Đó là Nhẫn nhục.

假使學法棄捐吾我不以自大。是曰精進。

Giả sử học Pháp khí quyên ngô ngã bất dĩ tự đại. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu như học Pháp vứt bỏ tôi ta không lấy làm tự đại. Đó là Tinh tiến.

釋離愚癡志存大明無有闇蔽。是曰一心。

Thích ly ngu si chí tồn đại minh vô hữu ám tế. Thị viết Nhất-tâm.

Thích rời xa ngu si, ý chí còn ở trong sáng lớn, không có bóng tối. Đó là Nhất tâm.

其行深妙卓然有異而無限量。是曰智慧。是為六。

Kỳ hành thâm diệu trác nhiên hữu dị nhi vô hạn lượng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu thực hành thâm sâu vi diệu cao vót như thế, có khác lạ mà không có hạn lượng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂知過去世所見無礙度無極有六事？

Hà vị tri Quá-khứ thế sở kiến vô ngại Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là không trở ngại nhìn thấy được thời Quá khứ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

觀其諸果眾種四大了之本無。是曰布施。

Quan kỳ chư quả chúng chủng Tứ-Đại liễu chi bản vô. Thị viết Bồ-thí.

Quan sát các quả đó các loại 4 Đại, biết rõ vốn dĩ không có. Đó là Bồ thí.

察諸陰入色痛想行識本無處所。是曰持戒。

Sát chư Âm nhập Sắc thống tưởng hành thức bản vô xứ sở. Thị viết Trì-giới.

Xem kỹ các Uẩn Nhập Sắc đau, Tưởng Hành Thức vốn dĩ không có nơi ở. Đó là giữ Giới.

視諸六衰根元甚微緣對而生。是曰忍辱。

Thị chư lục suy căn nguyên thậm vi duyên đối nhi sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hiện ra các nguồn gốc của 6 suy bại rất nhỏ, đối diện Duyên mà sinh. Đó là Nhẫn nhục.

觀其善惡禍福所由皆因貪身。是曰精進。

Quan kỳ thiện ác họa Phúc sở do giai nhân tham thân. Thị viết Tinh-tiến.

Quan sát thiện ác họa Phúc đó, nơi ở đều do nguyên nhân tham thân. Đó là Tinh tiến.

斷眾塵勞常行清淨無有諸垢。是曰一心。

Đoạn chúng trần la thường hành Thanh tịnh vô hữu chư cấu. Thị viết Nhất-tâm.

Cắt bỏ các phiền toái thường thực hành Thanh tịnh, không có các cấu bẩn. Đó là Nhất tâm.

察眾生盡十二牽連本無所生。是曰智慧。是為六。

Sát chúng sinh tận thập nhị khiên liên bản vô sở sinh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Xem kỹ hết chúng sinh 12 liên lụy vốn dĩ không có sinh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂見於當來本末所有無罣礙慧度無極有六事？

Hà vị kiến ư Đương-lai bản mạt sở hữu vô quải ngại tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Trí tuệ không trở ngại nhìn thấy được ngọn nguồn thời Tương lai Tới Niết Bàn có 6 việc？

其見過去五趣合散。猶如春秋熾衰成敗。是曰布施。

Kỳ kiến Quá-khứ Ngũ-thứ hợp tán. Do như xuân thu sí suy thành bại. Thị viết Bố-thí.

Nếu nhìn thấy Quá khứ 5 hướng Đạo hợp tan. Giống như mùa xuân mùa thu bốc mạnh suy kiệt thành công thất bại. Đó là Bố thí.

若能分別諸所邪見六十二事不墮顛倒。是曰持戒。

Nhược năng phân biệt chư sở tà-kiến lục thập nhị sự bất đọa điên đảo. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể phân biệt các nơi ở, 62 việc của nhìn thấy sai trái, không đọa vào đảo lộn. Đó là giữ Giới.

觀于人元分別合散本無有本。是曰忍辱。

Quan vu nhân nguyên phân biệt hợp tán bản vô hữu bản. Thị viết Nhẫn-nhục.

Quan sát tới yếu tố con người, phân biệt hợp tan vốn dĩ từ trước không có. Đó là Nhẫn nhục.

察於眾生當以何藥而療治之。是曰精進。

Sát ư chúng sinh đương dĩ hà dược nhi liệu trị chi. Thị viết Tinh-tiến.

Xem kỹ chúng sinh cần dùng thuốc gì mà chữa trị bệnh. Đó là Tinh tiến.

觀其所生邦畔進退。各有緣行。是曰一心。

Đồ kỳ sở sinh bang畔 tiến thoái. Các hữu duyên hành. Thị viết Nhất-tâm.

Nhìn thấy họ được sinh, bang Nước bên bờ tiến lui. Họ có duyên thực hành. Đó là Nhất tâm.

曉了報應目覩可化。而往開度使發道意。是曰智慧。是為六。

Hiểu liễu báo ứng mục đồ khả hóa. Nhi vãng khai độ sử phát Đạo ý. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Hiểu biết rõ báo ứng, mắt nhìn thấy có thể giáo hóa. Mà vãng tới khai sáng độ thoát, làm cho phát ý Đạo. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂知現在不可限礙度無極有六事？

Hà vị tri hiện tại bất khả hạn ngại Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là biết Hiện tại không thể hạn chế trở ngại Tới Niết Bàn có 6 việc ?

觀其所造因緣之對。訓化群生興立功德。是曰布施。

Đổ kỹ sở tạo Nhân duyên chi đối. Huân hóa quần sinh hưng lập Công-đức. Thị viết **Bố-thí**.
Nhìn thấy đúng Nhân duyên được họ tạo ra. Huân luyện giáo hóa chúng sinh, hưng lập dựng công Đức. Đó là **Bố thí**

見其所由因解三脫。奉六度無極而致成就。是曰持戒。

Kiến kỹ sở do nhân giải tam thoát. Phụng Lục-Độ vô cực nhi trí thành tựu. Thị viết Trì-giới.
Nhìn thấy họ được do nhân hiểu 3 tháo bỏ. Cung kính 6 Pháp Tới Niết Bàn mà đem tới thành công. Đó là giữ Giới.

所奉行訓悉離貪欲。志慕道法以法為樂。是曰忍辱。

Sở phụng hành huấn tất ly tham dục. Chí mộ Đạo Pháp dĩ Pháp vi lạc. Thị viết Nhẫn-nhục.
Nếu cung kính thực hành giáo huấn, biết rời xa tham dục. Ý chí ngưỡng mộ Đạo Pháp, lấy Pháp làm vui sướng. Đó là Nhẫn nhục.

觀一切形微妙麤細悉滅盡無常存者。是曰精進。

Quan nhất thiết hình vi diệu thô tế tất diệt tận Vô-thường tồn giả. Thị viết Tinh-tiến.
Quan sát tất cả hình ảnh vi diệu thô mịn, đều diệt hết Biến đổi còn lại. Đó là Tinh tiến.

見於證明三界如幻一切本無無所違失。是曰一心。

Kiến ư chứng minh Tam-giới như huyền nhất thiết bản vô vô sở vi thất. Thị viết Nhất-tâm.
Nhìn thấy được các minh chứng, 3 Cõi giới như ảo tất cả vốn dĩ không có, không có ngược lại mất đi. Đó là Nhất tâm.

若觀生死無為之元。有數無數心不處二。

Nhược đồ sinh tử Vô-vi chi nguyên. Hữu số vô số tâm bất xử nhị.

Nếu nhìn thấy gốc rễ của sinh chết Rỗng lặng. Có số không có số tâm không ở 2.

是曰智慧。是為六(丹本注云十八不共中舊多一種文)。

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục (đơn bản chú vân thập bát bất cộng trung cựu đa nhất chủng văn).
Đó là Trí tuệ. Đó là sáu (bản gốc nghi chú là trong 18 không cùng Pháp cũ phán nhiều 1 loại văn)

方便品第十八

Phương-tiện phẩm đệ thập bát.

Phẩm thứ 18 Phương tiện.

佛告喜王菩薩！何謂曉了方便度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát！Hà vị hiểu liễu Phương-tiện Độ vô cực hữu Lục-sự？

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát！Thế nào gọi là hiểu biết rõ Phương tiện Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能專精善權方便隨時而入。是曰布施。

Nhược năng chuyên tinh thiện quyền Phương-tiện tùy thời nhi nhập. Thị viết **Bố-thí**.

Nếu có thể chuyên nhất tinh thông thiện quyền Phương tiện, theo thời mà nhập vào. Đó là Bồ thí.
其於瑕穢因而開化使悉清淨。是曰持戒。

Kỳ ư hà uế nhân nhi khai hóa sử tất Thanh tịnh. Thị viết Trì-giới.

Nếu với dấu vết ô uế mà khai hóa làm cho đều Thanh tịnh. Đó là giữ Giới.

所作功德則用勸助一切眾生。是曰忍辱。

Sở tác Công-đức tắc dụng khuyến trợ nhất thiết chúng sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu làm công Đức chắc là vì khuyến trợ giúp tất cả chúng sinh. Đó là Nhẫn nhục.

在所遊至無所傷害亦無有失。是曰精進。

Tại sở du chí vô sở thương hại diệc vô hữu thất. Thị viết Tinh-tiến.

Ở nơi du hành tới không có thương hại cũng không có sai. Đó là Tinh tiến.

志以好喜教誨眾生用四恩濟。是曰一心。

Chí dĩ hảo hỉ giáo hội chúng sinh dụng tứ ân tế. Thị viết Nhất-tâm.

Ý chí do ham vui vẻ dạy bảo chúng sinh sử dụng 4 ân huệ cứu giúp. Đó là Nhất tâm.

入無量門宣總持要而導利之。化于三界使入大道。

Nhập vô lượng môn tuyên Tổng-trì yếu nhi Đạo lợi chi. Hóa vu Tam-giới sử nhập Đại Đạo.

Nhập vào vô lượng môn Pháp đọc nói nhận nhớ tất cả thiết yếu, không quên mà hướng dẫn lợi ích. Biến hóa tới 3 Cõi giới làm cho nhập vào Đạo lớn.

是曰智慧。是為六。何謂純熟度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị thuận thực Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu Thế nào gọi là thuận thực Tới Niết Bàn có 6 việc？

若能方便平等誘進一切諸法。是曰布施。

Nhược năng Phương-tiện Bình đẳng dụ tiến nhất thiết chư Pháp. Thị viết Bồ-thí.

Nếu có thể Phương tiện Bình đẳng dụ dẫn tiến tới tất cả các Pháp. Đó là Bồ thí.

懷來法誨正心無緣。玄微妙慧空無相願。若觀八品除去八難。

Hoài lai Pháp hội chính tâm vô duyên. Huyền vi diệu tuệ Không Vô-tướng-nguyện. Nhược đồ bát phẩm trừ khứ bát nạn.

Nhớ đến dạy Pháp tâm chính trực không có Duyên. Trí tuệ huyền ảo vi diệu Rỗng không, không có hình tướng, không có nguyện. Nếu nhìn thấy 8 phẩm trừ bỏ 8 nạn.

志存八正覺了諸法本無。是曰持戒。

Chí tồn bát chính giác liễu chư Pháp bản vô. Thị viết Trì-giới.

Ý chí còn ở 8 Đạo ngay thẳng cảm thấy biết rõ các Pháp vốn dĩ không có. Đó là giữ Giới.

觀于諸見分別迷惑不墮邪見。是曰忍辱。

Quan vu chư kiến phân biệt mê hoặc bất đọa Tà-kiến. Thị viết Nhẫn-nhục.

Quan sát tới các nhìn thấy phân biệt mê hoặc, không đọa vào nhìn thấy sai trái. Đó là Nhẫn nhục.

察于五趣應可開化因往救之。是曰精進。

Sát vu Ngũ thú ứng khả khai hóa nhân vãng cứu chi. Thị viết Tinh-tiến.

Xem kĩ 5 hướng Đạo ứng theo có thể khai hóa, nhân do vãng tới cứu giúp. Đó là Tinh tiến.

若見可御尋往方便而度脫之。是曰一心。

Nhược kiến khả ngự tầm vãng Phương-tiện nhi độ thoát chi. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy có thể điều khiển, tìm kiếm theo Phương tiện mà độ thoát. Đó là Nhất tâm.

若見有為而入其中。消諸所著令得滅度。

Nhược kiến Hữu-vi nhi nhập kỳ trung. Tiêu chư sở trước linh đắc Diệt-độ.

Nếu nhìn thấy có hình mà nhập vào trong chúng. Tiêu tan các nương nhờ giúp cho được Niết Bàn.

是曰智慧。是為六。何謂見自然度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị kiến tự nhiên Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là nhìn thấy tự nhiên Tới Niết Bàn có 6 việc？

所逮功德虛無所倚亘然弘耀。猶如一心歸定光佛。是曰布施。

Sở dãi Công-đức hư vô sở y tuyên nhiên hoằng diệu. Do như nhất tâm quy Định Quang Phật. Thị viết Bố-thí.

Nếu bắt lấy công Đức trống rỗng không có dựa vào phô bày sáng chói như thế. Giống như nhất tâm trở về theo Định Quang Phật. Đó là Bố thí.

身不懈倦無所貪惜。若如月光盛滿盛明照星宿時。

Thân bất giải quyện vô sở tham tích. Nhược như Nguyệt-quang thịnh mãn thịnh minh chiếu tinh tú thời.

Thân không lười nhác không có tham tiếc. Nếu như khi ánh Trăng hưng thịnh, tràn đầy ánh sáng chiếu soi các vì sao.

明眼之人真審視了。是曰持戒。

Minh nhãn chi nhân chân thẩm thị liễu. Thị viết Trì-giới.

Người mắt sáng nhìn thấy rõ kĩ càng chân thực. Đó là giữ Giới.

若能覩見一切諸法皆悉如空。是曰忍辱。

Nhược năng đở kiến nhất thiết chư Pháp giai tất như Không. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể nhìn thấy được tất cả các Pháp tất cả đều Rỗng không. Đó là Nhẫn nhục.

所可禪思皆見諸法。這生尋滅悉了別此。是曰精進。

Sở khả Thiền-tư giai kiến chư Pháp. Giá sinh tầm diệt tất liễu biệt thử. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể Tinh lặng suy nghĩ, đều nhìn thấy các Pháp. Lúc này sinh tìm thấy mắt, đều biết rõ phân biệt nó. Đó là Tinh tiến.

不見施者而有救濟自覩不及。是曰一心。

Bất kiến thí giả nhi hữu cứu tế tự đở bất cập. Thị viết Nhất-tâm.

Không nhìn thấy Bố thí mà có cứu giúp tự nhìn thấy không theo kịp. Đó là Nhất tâm.

觀身心行口宣法教。有益一切而無有二。是曰智慧。是為六。

Quan thân tâm hành Khẩu tuyên Pháp giáo. Hữu ích nhất thiết nhi vô hữu nhị. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Quan sát hạnh của thân tâm miệng đọc nói giáo Pháp. Có ích tất cả mà không có 2. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu

何謂欲行界業因緣罪福度無極有六事？見所習欲為瑕穢業。

Hà vị dục hành Giới Nghiệp Nhân-duyên tội Phúc Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kiến sở tập dục vi hà uế nghiệp.

Thế nào gọi là muốn thực hành cảnh giới Nghiệp Nhân duyên tội Phúc Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nhìn thấy nếu tập luyện ham muốn, làm Nghiệp dẫu vết ô uế.

本悉清淨已立罣礙。是曰布施。

Bản tất Thanh tịnh dĩ lập quải ngại. Thị viết Bồ-thí.

Vốn dĩ đều Thanh tịnh đã lập dụng trở ngại. Đó là Bồ thí.

觀一切法皆自然寂寞。用不達故自作殃福。是曰持戒。

Đồ nhất thiết Pháp giai tự nhiên tịch mịch. Dụng bất đạt cố tự tác ương Phúc. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy tất cả Pháp đều tự nhiên vắng vẻ. Do vì không thông tỏ tự làm ra tai ương Phúc. Đó là giữ Giới.

所觀玄遠極底無際。是曰忍辱。

Sở quan huyền viễn cực để vô tế. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu xem thấy huyền ảo xa thăm tới điểm đáy không có biên giới. Đó là Nhẫn nhục.

自視其緣罪福悉盡無久存者。是曰精進。

Tự thị kỳ Duyên tội Phúc tất tận vô cửu tồn giả. Thị viết Tinh-tiến.

Tự nhìn thấy tội Phúc của Duyên đó, đều hết còn lại không lâu. Đó là Tinh tiến.

緣對雖滅見所當行。方便之宜輒居正真。是曰一心。

Duyên đối tuy diệt kiến sở đương hành. Phương-tiện chi nghi triếp cư Chính-chân. Thị viết Nhất-tâm.

Duyên đối diện tuy mất, nhìn thấy được cần làm. Phương tiện thích hợp liền ở Chân Chính. Đó là Nhất tâm.

罪福既盡不復更造。三界之難見無所生。是曰智慧。是為六。

Tội Phúc ký tận bất phục canh tạo. Tam-giới chi nạn kiến vô sở sinh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tội Phúc đã hết không trở lại tạo ra mới. Nạn ách của 3 Cõi giới nhìn thấy không có sinh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu

何謂色行緣業度無極有六事。見諸色緣皆由身作。

Hà vị sắc hành Duyên-Nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kiến chư Sắc-duyên giai do thân tác.

Thế nào gọi là Sắc thân thực hành Nghiệp Duyên Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nhìn thấy Sắc Duyên đều do thân làm ra.

用心不了而橫起是報應之元。是曰布施。

Dụng tâm bất liễu nhi hoành khởi thị báo ứng chi nguyên. Thị viết Bồ-thí.

Vì tâm không biết rõ mà ngang trái sinh khởi là nguồn gốc của báo ứng. Đó là Bồ thí.

觀眾色者皆有因緣。未必橫來身心迷故。是曰持戒。

Đồ chúng sắc giả giai hữu Nhân duyên. Vị tất hoành lai thân tâm mê cố. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy các Sắc đều có Nhân duyên. Chưa cần phải mang tới ngang trái, do thân tâm mê muội.

Đó là giữ Giới.

察所生處天上人間。若三惡趣罪福之應。是曰忍辱。

Sát sở sinh xứ Thiên thượng nhân gian. Nhược Tam ác-thứ tội Phúc chi ung. Thị viết Nhẫn-nhục.
Xem kĩ nơi sinh trên Trời hay Nhân gian. Nếu theo tội Phúc của Địa ngục Quỷ đói Súc sinh. Đó là Nhẫn nhục.

若觀所生而念想處。是曰精進。

Nhược quan sở sinh nhi niệm tưởng xứ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy được sinh mà nhớ tưởng nhớ nơi ở. Đó là Tinh tiến.

常視報應歡喜悅豫。是曰一心。

Thường thị báo ứng hoan hỉ duyệt dự. Thị viết Nhất-tâm.

Thường nhìn thấy báo ứng vui mừng phấn chấn. Đó là Nhất tâm.

護高寂然下者憺怕悉無所著。是曰智慧。是為六。

Hộ cao tịch-nhiên hạ giả đảm phạ tất vô sở trước. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Bảo vệ Vắng vẻ trên cao lo sợ bên dưới đều không có nương nhờ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu

何謂無色行業度無極有六事？若等於色墮在欲地。

Hà vị Vô-sắc hành Nghiệp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhược đẳng ư sắc đọa tại dục địa.

Thế nào gọi là Không có Sắc thân thực hành Nghiệp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu ngang bằng với Sắc đọa xuống ở nơi đất Dục giới.

清淨之處不行妄想。是曰布施。

Thanh tịnh chi xứ bất hành vọng tưởng. Thị viết Bồ-thí.

Nơi ở Thanh tịnh không thực hành ảo tưởng. Đó là Bồ thí.

見其所行五事之業。戒定慧解度知見品。是曰持戒。

Kiến kỳ sở hạnh ngũ sự chi Nghiệp. Giới Định Tuệ giải độ Tri-kiến phẩm. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy họ thực hành được 5 việc của Nghiệp. Hiểu Giới Định Tuệ vượt qua phẩm cấp Thấy biết. Đó là giữ Giới.

假使能盡因緣之對不生禍福。是曰忍辱。

Giả sử năng tận Nhân-duyên chi đối bất sinh họa Phúc. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu như có thể hết đối diện Nhân duyên không sinh họa Phúc. Đó là Nhẫn nhục.

勤修至行悉令平等而無偏斜。是曰精進。

Cần tu chí hạnh tất linh Bình-đẳng nhi vô thiên tà. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu hành hạnh lớn, đều giúp cho Bình đẳng mà không thiên lệch. Đó là Tinh tiến.

若以篤信其行精修而無垢濁。是曰一心。

Nhược dĩ đốc tín kỳ hành tinh tu nhi vô cấu trọc. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do hết lòng tin họ thực hành tu hành tinh thông mà không cấu bẩn ô trọc. Đó là Nhất tâm.

所見常明如晝日行不見闇冥。無所破壞無所不濟。

Sở kiến thường minh như trú nhật hành bất kiến ám minh. Vô sở phá hoại vô sở bất tế.

Nếu nhìn thấy thường xuyên sáng như mặt Trời chiếu sáng ban ngày. Không có phá hoại không có cứu giúp.

是曰智慧。是為六。何謂觀清白住度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị quan thanh bạch trụ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là nhìn thấy ở trong Thanh bạch Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以觀見住立處所。清白慈地欲逮斯住。是曰布施。

Nhược dĩ đồ kiến trụ lập xứ sở. Thanh bạch Từ địa dục đãi tư trụ. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do nhìn thấy được ở lại, lập dựng nơi ở. Cảnh thanh bạch nhân từ muốn bắt lấy ở lại đó. Đó là Bồ thí.

其能獲致瑞應之業。不起三事身口意行。是曰持戒。

Kỳ năng hoạch trí thụy ung chi nghiệp. Bất khởi tam sự Thân Khẩu Ý hành. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể thu được đem tới điềm báo Nghiệp. Không sinh khởi thực hành 3 việc Thân Miệng Ý. Đó là giữ Giới.

精進奉行四恩之法而無斷絕。是曰忍辱。

Tinh-tiến phụng hành tứ ân chi Pháp nhi vô đoạn tuyệt. Thị viết Nhẫn-nhục.

Tinh tiến cung kính thi hành Pháp 4 ân mà không cắt bỏ. Đó là Nhẫn nhục.

所觀巨然道意巍巍而無邊際。是曰精進。

Sở quan tuyên nhiên Đạo ý nguy nguy nhi vô biên tế. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy phô bày đúng ý Đạo uy nghi mà không có biên giới. Đó là Tinh tiến.

積功累德日日增長聖明之行。是曰一心。

Tích công lũy Đức nhật nhật tăng trưởng Thánh-minh chi hạnh. Thị viết Nhất-tâm.

Tích lũy công Đức hàng ngày tăng trưởng hạnh sáng suốt của Thánh. Đó là Nhất tâm.

察于清白消除眾生生死諸善惡想及諸法想。

Sát vu thanh bạch tiêu trừ chúng sinh sinh tử chư thiện ác tưởng cập chư Pháp tưởng.

Xem kĩ tới thanh bạch tiêu trừ sinh chết các tưởng nhớ thiện ác của chúng sinh cùng với các tưởng nhớ Pháp.

是曰智慧。是為六。何謂法種度無極有六事 ?

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Pháp chủng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là chủng loại Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc ?

觀諸法苦用不達故而造禍福。是曰布施。

Đồ chư Pháp khổ dụng bất đạt cố nhi tạo họa Phúc. Thị viết Bồ-thí.

Nhìn thấy các Pháp khổ, do vì không thông tỏ mà tạo ra họa Phúc. Đó là Bồ thí.

其見中間心無所處不在有無。是曰持戒。

Kỳ kiến trung gian tâm vô sở xứ bất tại hữu vô. Thị viết Trì-giới.

Nếu nhìn thấy ở giữa, tâm không có nơi ở, không ở trong có không có. Đó là giữ Giới.

若見愛欲疾而消之不令生長。是曰忍辱。

Nhược kiến ái dục tật nhi tiêu chi bất linh sinh trưởng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu nhìn thấy yêu ham muốn bệnh tật mà tiêu tan không giúp cho sinh trưởng. Đó là Nhẫn nhục.

其存正性未曾違失無上正真。是曰精進。

Kỳ tồn chính tính vị tăng vi thất Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu còn tính ngay thẳng, chưa từng ngược lại mất Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Tinh tiến.

具足種性三十七品不斷佛種。是曰一心。

Cụ túc chủng tính tam thập thất phẩm bất đoạn Phật chủng. Thị viết Nhất-tâm.

Loại tính đầy đủ, 37 phẩm Đạo không cắt bỏ giòng dôi Phật. Đó là Nhất tâm.

心成八等逮致諸法不取證。是曰智慧。是為六。

Tâm thành bát đẳng đãi trí chư Pháp bất thủ chứng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Tâm thành 8 Bình đẳng, bắt lấy đem tới các Pháp, không cầm lấy chứng nghiệm. Đó là Trí tuệ.

Đó là sáu.

賢劫經卷第五

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ ngũ.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 5.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

=====

HIEN KIEP KINH Q6

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第六

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ lục.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 6.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tân nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

八等品第十九

Bát-đẳng phẩm đệ thập cửu.

Phẩm thứ 19 Tám Bình đẳng.

佛告喜王菩薩。何謂八等度無極有六事？

Phật cáo Hỷ-vương Bồ-tát ! Hà vị bát đẳng Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát ! Thế nào gọi là 8 Bình đẳng Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若信八等篤樂執御不墮八邪。是曰布施。

Nhược tín Bát-đẳng đốc lạc chấp ngự bất đọa bát tà. Thị viết Bố-thí.

Nếu tin 8 Bình đẳng hết lòng vui sướng cầm lấy điều khiến không đọa vào 8 sai trái. Đó là Bố thí.

於八等行執持道法不為俗榮。是曰持戒。

Ư Bát-đẳng hành chấp trì đạo Pháp bất vi tục vinh. Thị viết Trì-giới.

Với 8 Bình đẳng thi hành cầm giữ Đạo Pháp không vì vinh hoa của đời tục. Đó là Giữ Giới.

既在等行存平等業。而得自在無侵欺者。是曰忍辱。

Ký tại đẳng hành tồn bình đẳng nghiệp. Nhi đắc tự tại vô xâm khi giả. Thị viết Nhẫn-nhục.

Đã làm ở trong Bình đẳng còn Nghiệp Bình đẳng. Mà được tự do Tự tại không có xâm phạm lừa dối. Đó là Nhẫn Nhục.

一坐不興逮成羅漢。行度三界無復生死。是曰精進。

Nhất tọa bất hưng đãi thành La-hán. Hành độ Tam-giới vô phục sinh tử. Thị viết Tinh-tiến.

Ngồi 1 chỗ không đứng dậy bắt lấy thành La Hán. Thực hành độ thoát 3 Cõi giới sinh chết không trở lại. Đó là Tinh tiến.

因從八等致於道迹。往來不還無著真人。是曰一心。

Nhân tông Bát-đẳng trí u Đạo tích. Vãng lai bất hoàn vô trước chân nhân. Thị viết Nhất-tâm.

Nhân do từ 8 Bình đẳng đem tới ở trong dấu tích của Đạo. Qua lại không trở về người chân thực không nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

以越眾流分別若干。懷來斯義無上正真。是曰智慧。是為六。

Dĩ việt chúng lưu phân biệt nhược can. Hoài lai tư nghĩa Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do vượt qua các dòng chảy rất nhiều phân biệt. Nhớ tới nghĩa Bình Đẳng Chân Chính đó. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂懷道迹法度無極有六事？因其道迹以次致明。

Hà vị hoài đạo tích Pháp Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhân kỳ đạo tích dĩ thứ trí minh.

Thế nào gọi là nhớ dấu tích Đạo Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nhân do dấu tích Đạo đó được lần tiếp theo đem tới sáng tỏ.

消盡陰蓋淫怒癡冥睡眠調戲。是曰布施。

Tiêu tận Âm-cái dâm nộ si minh thụy miên điều hí. Thị viết Bố-thí.

Tiêu tan hết vòng Uẩn dâm dục thù hận ngu si đen tối ngu say hòa hợp vui đùa. Đó là Bố thí.

以盡愛欲無復眾穢不淨之行。是曰持戒。

Dĩ tận ái dục vô phục chúng uế bất tịnh chi hạnh. Thị viết Trì-giới.

Do hết yêu ham dục, các ô uế các hạnh không Thanh tịnh không trở lại. Đó là giữ Giới.

七反往來天上世間乃盡眾漏。是曰忍辱。

Thất phản vãng lai Thiên thượng Thế-gian nãi tận chúng lậu. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bảy lần quay lại lên trên Trời ở Thế gian mới hết các Phiền não. Đó là Nhẫn nhục.

家家行乞以福一切世世得安。是曰精進。

Gia gia hành khất dĩ Phúc nhất thiết thế thế đắc an. Thị viết Tinh-tiến.

Thực hành xin ăn khắp các gia đình đem Phúc cho tất cả, đời đời được yên ổn. Đó là Tinh tiến.

其以一行守身口心。捨一切業無益之元。是曰一心。

Kỳ dĩ nhất hạnh thủ Thân-Khẩu-Tâm. Xả nhất thiết Nghiệp vô ích chi nguyên. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu dùng 1 Hạnh giữ gìn Thân Miệng Tâm. Buông bỏ tất cả Nghiệp vốn dĩ không có ích. Đó là Nhất tâm.

其無所著解一切空三界本元。是曰智慧。是為六。

Kỳ vô sở trước giải nhất thiết Không Tam-giới bản nguyên. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu không có nương nhờ hiểu tất cả 3 Cõi giới vốn dĩ Rỗng không. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂往來微塵度無極有六事？

Hà vị vãng lai vi trần Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là bụi trần qua lại Tới Niết Bàn có 6 việc ?

雖在三界觀其色欲稍稍向滅。是曰布施。

Tuy tại Tam-giới đồ kỳ sắc dục sảo sảo hướng diệt. Thị viết Bồ-thí.

Tuy ở trong 3 Cõi giới nhìn thấy Sắc dục dần dần hướng về diệt mất. Đó là Bồ thí.

其見塵勞愛欲之難。心未曾犯。是曰持戒。

Kỳ kiến trần lao ái dục chi nạn. Tâm vị tằng phạm. Thị viết Trì-giới.

Nếu nhìn thấy phiền toái ách nạn của yêu ham dục. Tâm chưa từng vi phạm. Đó là giữ Giới.

察其罪釁轉欲薄少究竟令無。是曰忍辱。

Sát kỳ tội hán chuyển dục bạc thiểu cứu cánh linh vô. Thị viết Nhẫn-nhục.

Xem kĩ tội xung đột chuyển ham muốn thành tối thiểu, cuối cùng làm cho thành không có. Đó là Nhẫn nhục.

以明通利觀察罪業從其行成。是曰精進。

Dĩ minh thông lợi quan sát tội Nghiệp tông kỳ hạnh thành. Thị viết Tinh-tiến.

Do thông minh lanh lợi quan sát Nghiệp tội từ đó thành hạnh. Đó là Tinh tiến.

以見燒盡一切愛欲令無有餘。是曰一心。

Dĩ kiến thiêu tận nhất thiết ái dục linh vô hữu dư. Thị viết Nhất-tâm.

Do nhìn thấy thiêu cháy hết tất cả yêu ham dục, làm cho không còn dư thừa. Đó là Nhất tâm.

解暢一出生死之元。以去愛著無復眾患。

Giải sướng nhất sinh sinh tử chi nguyên. Dĩ khứ ái trước vô phục chúng hoạn.

Hiểu thông suốt một lần sinh, nguồn ngọn của sinh chết. Do vứt bỏ yêu nương nhờ các hoạn nạn không trở lại.

是曰智慧。是為六。何謂不還度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị bất hoàn Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không trở về Tới Niết Bàn có 6 việc？

以能遠離欲界之著。行四恩法四等無厭。是曰布施。

Dĩ năng viễn ly Dục-giới chi trước. Hành tứ ân Pháp Tứ-đẳng vô yếm. Thị viết Bồ-thí.

Do có thể rời xa nương nhờ Cõi dục giới. Thực hành Pháp 4 ân, 4 Bình đẳng không chán. Đó là Bồ thí.

其心無餘勞穢之難。極盡其元不復還世。是曰持戒。

Kỳ tâm vô dư lao uest chi nạn. Cực tận kỳ nguyên bất phục hoàn thế. Thị viết Trì-giới.

Tâm đó không có dư thừa lao khổ ô uest nạn ách. Tận cùng ngọn nguồn đó, đời không quay trở về. Đó là giữ Giới.

生二十二善施諸天。在上修行不捨道業。是曰忍辱。

Sinh nhị thập nhị thiện thí chư Thiên. Tại thượng tu hành bất xả Đạo-Nghiệp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Sinh tầng thứ 22 thiện Bồ thí các Trời. Tu hành ở bên trên không bỏ Đạo Nghiệp. Đó là Nhẫn nhục.

夙夜勤修存心在法。若生二十三善施性天。是曰精進。

Túc dạ cần tu tồn tâm tại Pháp. Nhược sinh nhị thập tam thiện thí tính Thiên. Thị viết Tinh-tiến.

Sớm tối tu hành chuyên cần tâm còn ở trong Pháp. Nếu sinh tầng thứ 23 thiện Bồ thí giới tính Cõi Trời. Đó là Tinh tiến.

若生二十四無愛結天。在上坦然心無求天。是曰一心。

Nhược sinh nhị thập tứ vô ái kết Thiên. Tại thượng thân nhiên tâm vô cầu Thiên. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu sinh tầng thứ 24 không yêu kết buộc Cõi Trời. Thân nhiên ở bên trên tâm không cầu Cõi Trời. Đó là Nhất tâm.

若以親近六通正行正士之路致於慧藏。

Nhược dĩ thân cận Lục-thông Chính-hạnh Chính-sĩ chi lộ trí ư tuệ tạng.

Nếu do thân thiết 6 Thần thông Đức Hạnh đúng, Đạo Bồ Tát đem tới được kho tàng Trí tuệ.

是曰智慧。是為六。何謂無著度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô trước Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là không nương nhờ Tới Niết Bàn có 6 việc ?

以盡忘失忽誤之法至阿羅漢。是曰布施。

Dĩ tận vong thất hốt ngộ chi Pháp chí A-la-hán. Thị viết Bồ-thí.

Do quên mất hết lơ đãng nhằm Pháp được thành A La Hán. Đó là Bồ thí.

不復須持無忘失法自然盡矣。是曰持戒。

Bất phục tu trì vô vong thất Pháp tự nhiên tận hĩ. Thị viết Trì-giới.

Chưa giữ lấy không trở lại Pháp không quên mất tự nhiên hết sạch. Đó là giữ Giới.

若以篤信而得解脫心不懷疑。是曰忍辱。

Nhược dĩ đốc tín nhi đắc Giải-thoát tâm bất hoài nghi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do hết lòng tin mà được Giải thoát tâm không hoài nghi. Đó là Nhẫn nhục.

其以慧解而至滅盡生老病死。是曰精進。

Kỳ dĩ tuệ giải nhi chí diệt tận sinh lão bệnh tử. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do Trí tuệ hiểu rõ mà được diệt trừ hết sinh già bệnh chết. Đó là Tinh tiến.

消盡眾厄三塗之難身自證明。是曰一心。

Tiêu tận chúng ách Tam-đồ chi nạn thân tự chứng minh. Thị viết Nhất-tâm.

Tiêu tan hết các tai ách nạn ách của 3 Đạo ác, thân tự chứng minh. Đó là Nhất tâm.

俱得解免周旋生死永盡無餘。是曰智慧。是為六。

Câu đắc giải miễn chu toàn sinh tử vĩnh tận vô dư. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đều được miễn giải, vật lộn với sinh chết, vĩnh viễn không còn dư lại. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂緣覺度無極有六事？

Hà vị Duyên giác Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Thế nào gọi là Duyên Giác Tới Niết Bàn có 6 việc ?

觀於少事處山寂靜。不貪身命不為眾鬧。是曰布施。

Quan ư thiểu sự xử sơn tịch-tĩnh. Bất tham thân mệnh bất vi chúng náo. Thị viết Bồ-thí.

Xem xét tới việc nhỏ ở nơi núi rừng Tĩnh lặng. Không tham thân mệnh không bị các náo loạn.

Đó là Bồ thí.

興正士業以選擇法。正真宜同能將時宜。是曰持戒。

Hung Chính-sĩ nghiệp dĩ tuyển trạch Pháp. Chính-chân nghi đồng năng tương thời nghi. Thị viết Trì-giới.

Hung khởi Nghiệp Bồ Tát do lựa chọn Pháp. Chân Chính cùng thích nghi có thể sẽ hợp thời. Đó là giữ Giới.

獨處守志不為放逸。是曰忍辱。

Độc xử thủ chí bất vi phóng dật. Thị viết Nhẫn-nhục.

Ở một mình giữ ý chí không làm phóng túng. Đó là Nhẫn nhục.

以逮解脫度三界去無復結縛。是曰精進。

Dĩ đãi Giải-thoát độ Tam-giới khứ vô phục kết phược. Thị viết Tinh-tiến.

Do bắt lấy Giải thoát cứu độ 3 Cõi giới, vứt bỏ kết buộc không có trở lại. Đó là Tinh tiến.

若修寂然至于惛怕心無所著。是曰一心。

Nhược tu Tịch-nhiên chí vu đàm phạ tâm vô sở trước. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tu Vắng vẻ đem tới sợ hãi sốt ruột, tâm không nương nhờ. Đó là Nhất tâm.

致一品業正真之本。亘然如法無有二業。是曰智慧。是為六。

Trí nhất phẩm nghiệp Chính-chân chi bản. Tuyên nhiên như Pháp vô hữu nhị Nghiệp. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Đem tới một phẩm Nghiệp Chân Chính vốn có. Nói đúng như Pháp không có hai Nghiệp. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂菩薩度無極有六事？

Hà vị Bồ-tát Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Bồ Tát Tới Niết Bàn có 6 việc？

所行救濟常以等心無有諛諂。是曰布施。

Sở hành cứu tế thường dĩ Đẳng tâm vô hữu du siểm. Thị viết Bố-thí.

Nếu làm cứu giúp thường do tâm Bình đẳng không có siểm nịnh. Đó là Bố thí.

得致和性常行安隱用療治心。如其所生而開化之。是曰持戒。

Đắc trí hòa tính thường hành an ổn dụng liệu trị tâm. Như kỳ sở sinh nhi khai hóa chi. Thị viết Trì-giới.

Được đem tới tính hòa nhã thường thực hành yên ổn để chữa trị tâm. Nếu như được sinh mà khai hóa. Đó là giữ Giới.

若以等心加於眾生不為傷害。是曰忍辱。

Nhược dĩ Đẳng-tâm gia ư chúng sinh bất vi thương hại. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu do tâm Bình đẳng tăng thêm cho chúng sinh không vì thương hại. Đó là Nhẫn nhục.

若以奉行深要空法，無上大道至真之義致一切智。是曰精進。

Nhược dĩ phụng hành thâm yếu Không Pháp Vô-thượng Đại đạo chí chân chi nghĩa. Trí nhất thiết Trí. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do thi hành cung kính thâm sâu yếu lĩnh Pháp Rỗng không, Bình Đẳng Đạo lớn đem tới tất cả Trí tuệ. Đó là Tinh tiến.

不徇他音而作復還墮於小節正受平等。是曰一心。

Bất ý tha âm nhi tác phục hoàn đọa ư tiểu tiết Chính-thụ Bình-đẳng. Thị viết Nhất-tâm.

Không ý vào âm thanh của người khác mà lại trở về làm lại, đọa vào chi tiết nhỏ, Thụ nhận đúng Bình đẳng. Đó là Nhất tâm.

不厭生死以慧開導一切眾生。是曰智慧。是為六。

Bất yếm sinh tử dĩ tuệ khai đạo nhất thiết chúng sinh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Không chán sinh chết dùng Trí tuệ khai sáng hướng dẫn tất cả chúng sinh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂盡慧度無極有六事？

Hà vị tận tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là Trí tuệ hết tận Tới Niết Bàn có 6 việc？

其以盡慧修治所應不墮短乏。是曰布施。

Kỳ dĩ tận tuệ tu trì sở ưng bất đọa đoản pháp. Thị viết Bồ-thí.

Nếu do Trí tuệ hết tận, tu sửa được ưng thuận không đọa vào sai sót. Đó là Bồ thí.

若用善諦療治眾行身口意淨。是曰持戒。

Nhược dụng thiện để liệu trì chúng hành Thân Khẩu Ý tịnh. Thị viết Trì-giới.

Nếu sử dụng lời nói chân thực thiện chữa trị các hành, Thân Miệng Ý Thanh tịnh. Đó là giữ Giới.

所行除穢清淨光明而無有想。是曰忍辱。

Sở hành trừ uế thanh tịnh Quang-minh nhi vô hữu tưởng. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành trừ bỏ ô uế, Quang sáng Thanh tịnh mà không có tưởng nhớ. Đó là Nhẫn nhục.

以斷諸迷樂在正真。宣所當宜順佛法教。是曰精進。

Dĩ đoạn chư mê lạc tại Chính-chân. Tuyên sở đương nghi thuận Phật Pháp giáo. Thị viết Tinh-tiến.

Do cắt bỏ các mê muội, vui sướng ở trong Chân chính. Nói được cần thích nghi, thuận theo giáo Pháp của Phật. Đó là Tinh tiến.

無所吝惜一切所有皆能濟厄勤修正真。是曰一心。

Vô sở lận tích nhất thiết sở hữu giai năng tế ách cần tu Chính-chân. Thị viết Nhất-tâm.

Không có tham tiếc, tất cả Có được đều có thể cứu giúp ách nạn chuyên cần tu hành Chân chính. Đó là Nhất tâm.

以能棄捐不可之業一切無明。逮致巍巍聖達六通至一切智。

Dĩ năng khí quyên bất khả chi Nghiệp nhất thiết Vô-minh. Đãi trí nguy nguy Thánh đạt Lục-thông chí nhất thiết Trí.

Do có thể vứt bỏ, không có Nghiệp, tất cả Ngu tối. Bắt lấy đem tới uy nghi, Thánh thông tỏ 6 Thần thông được tất cả Trí tuệ.

是曰智慧。是為六。何謂無所生慧度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị vô sở sinh tuệ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Trí tuệ không có sinh Tới Niết Bàn có 6 việc？

其愛欲本報欲起者。曉了悉空慧無所生。是曰布施。

Kỳ ái dục bản báo dục khởi giả. Hiểu liễu tất Không tuệ vô sở sinh. Thị viết Bố-thí.

Nếu yêu ham dục vốn có, báo ứng muốn sinh khởi. Hiểu biết rõ tất cả Rỗng không, Trí tuệ không có sinh. Đó là Bố thí.

使無往形亦無還返解無所生。是曰持戒。

Sử vô vãng hình diệc vô hoàn phản giải vô sở sinh. Thị viết Trì-giới.

Làm cho hình không vãng tới, cũng như ngược lại không trở về, hiểu không có sinh. Đó là giữ Giới.

不與世法而有緣雜唯純修法。是曰忍辱。

Bất dữ thế Pháp nhi hữu Duyên tạp duy thuần tu Pháp. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không cùng với Pháp Thế gian mà có Duyên phức tạp chỉ thuần tu hành Pháp. Đó là Nhẫn nhục. 專修脫門空無相願無所忘失。是曰精進。

Chuyên tu thoát môn Không Vô-tướng-nguyện vô sở vong thất. Thị viết Tinh-tiến.

Chuyên cần tu môn Giải thoát Rỗng không, không có hình tướng, không có nguyện, không có quên mất. Đó là Tinh tiến.

所以能見無所生慧。用見一切悉無所有。是曰一心。

Sở dĩ năng kiến vô sở sinh tuệ. Dụng kiến nhất thiết tất vô sở hữu. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu do có thể nhìn thấy Trí tuệ không có sinh. Do nhìn thấy tất cả đều không có được. Đó là Nhất tâm.

以斷眾念一切塵垢不懷妄想。是曰智慧。是為六。

Dĩ đoạn chúng niệm nhất thiết trần cấu, bất hoài vọng tưởng. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do cắt bỏ các nhớ tất cả Trần cấu bản, không nhớ ảo vọng. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂建立度無極有六事？若正法住設正法沒。

Hà vị kiến lập Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược Chính-Pháp trụ thiết Chính-Pháp một.

Thế nào gọi là thiết lập Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu ở trong Pháp đúng nếu Pháp đúng chìm mất.

心不捨道致衣食養及與名聞。是曰布施。

Tâm bất xả đạo trí y thực dưỡng cập dữ danh văn. Thị viết Bố-thí.

Tâm không buông bỏ Đạo đem tới cúng dưỡng quần áo thực phẩm cùng với được nghe tên hiệu. Đó là Bố thí.

在于法訓無所猗求心等如空。是曰持戒。

Tại vu Pháp huấn vô sở ý cầu, tâm đẳng như Không. Thị viết Trì-giới.

Ở nơi giáo huấn Pháp không có cầu ý lại, tâm cũng như Rỗng không. Đó là giữ Giới.

其能歡悅四種性人不猗於四。是曰忍辱。

Kỳ năng hoan duyệt tứ chủng tính nhân bất ý ư tứ. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu có thể vui mừng 4 loại chủng tính người không ý lại với 4. Đó là Nhẫn nhục.

若以勤修方便果實。求於正真無上道果。是曰精進。

Nhược dĩ cần tu Phương-tiện quả thực. Cầu u Chính-chân Vô-thượng Đạo quả. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu do chuyên cần tu hành, Phương tiện kết quả. Cầu được Chân Chính quả Đạo Bình Đẳng. Đó là Tinh tiến.

在阿須倫時常學經典不捨三寶。是曰一心。

Tại A-tu-luân thời thường học Kinh điển bất xả Tam-Bảo. Thị viết Nhất-tâm.

Lúc ở trong A Tu La thường học Kinh điển không buông rời Phật Pháp Tăng. Đó là Nhất tâm.

一切世間悉聞其法。輒受奉行無有邪心。

Nhất thiết Thế-gian tất văn kỳ Pháp. Triếp thụ phụng hành vô hữu tà tâm.

Tất cả Thế gian biết nghe Pháp đó. Liên thụ nhận cung kính thi hành không có tâm sai trái.

是曰智慧。是為六。何謂致天眼度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị trí Thiên-nhãn Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là đem tới Mắt Cõi Trời Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若以天眼見一切色。心無所著了虛無矣。是曰布施。

Nhược dĩ Thiên-nhãn kiến nhất thiết sắc. Tâm vô sở trước liễu hư vô hĩ. Thị viết Bố-thí.

Nếu do Mắt Cõi Trời nhìn thấy tất cả Sắc. Tâm không có nương nhờ hiểu rõ ảo không có. Đó là Bố thí.

設能明了觀于無色。用行善權不墮欲界。是曰持戒。

Thiết năng minh liễu đồ vu Vô-sắc. Dụng hành thiện quyền bất đọa Dục-giới. Thị viết Trì-giới.

Nếu có thể biết rõ sáng nhìn thấy không có Sắc. Vì thực hành thiện quyền không đọa xuống Cõi Dục giới. Đó là giữ Giới.

假使解達無像之色。達之心等無有憎愛。是曰忍辱。

Giả sử giải đạt vô tượng chi sắc. Đạt chi tâm đẳng vô hữu tăng ái. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu như hiểu thông tỏ không có hình tượng và Sắc. Tâm thông tỏ cùng với không có yêu ghét. Đó là Nhẫn nhục.

以察生死往來周旋眾難之患不以拘畏。是曰精進。

Dĩ sát sinh tử vãng lai chu toàn chúng nạn chi hoạn bất dĩ câu úy. Thị viết Tinh-tiến.

Do xem kỹ sinh chết vật lộn qua lại các hoạn nạn, không bị mắc vào sợ hãi. Đó là Tinh tiến.

其觀無念等一切思。內外無礙無有所歸。是曰一心。

Kỳ đồ vô niệm đẳng nhất thiết tư. Nội ngoại vô ngại vô hữu sở quy. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy không có nhớ cùng với tất cả suy nghĩ. Trong ngoài không có trở ngại, không có trở về. Đó là Nhất tâm.

若視寂然其心惛怕。猶如虛空不可限量。

Nhược thị Tịch-nhiên kỳ tâm đàm phạ. Do như hư Không bất khả hạn lượng.

Nếu nhìn thấy Vắng vẻ tâm đó lo lắng sợ hãi. Giống như khoảng không không thể giới hạn lượng.

是曰智慧。是為六。何謂天耳度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thiên-nhĩ Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Tai Cõi Trời Tới Niết Bàn có 6 việc ?

若能得聞一切眾生言語音聲天上伎樂歌舞之聲。

Nhược năng đắc văn nhất thiết chúng sinh ngôn ngữ âm thanh Thiên thượng kỹ nhạc ca vũ chi thanh.

Nếu có thể được nghe lời nói âm thanh của tất cả chúng sinh, âm thanh ca múa kỹ nhạc trên Trời.
地獄餓鬼畜生啼哭之音。慈心向之。是曰布施。

Địa-ngục Ngạ-quỷ Súc-sinh đê khốc chi âm. Từ tâm hướng chi. Thị viết Bố-thí.

Âm thanh than khóc của Địa ngục Quỷ đói Súc sinh. Tâm Từ hướng về. Đó là Bố thí.

使人得聽細微之響。了一切言悉空無辭。是曰持戒。

Sử nhân đắc thính tế vi chi hưởng. Liễu nhất thiết ngôn tất Không vô từ. Thị viết Trì-giới.

Sai khiến người được nghe âm hưởng nhỏ xíu. Biết rõ tất cả lời nói đều Rỗng không, không nói thành văn.

一切所行悉隨道業。不隨外學六十二見。是曰忍辱。

Nhất thiết sở hành tất tùy Đạo-nghiệp. Bất tùy ngoại học lục thập nhị kiến. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu thực hành tất cả đều tùy theo Đạo Nghiệp. Không thuận theo học bên ngoài 62 nhìn thấy.

Đó là Nhẫn-nhục.

若以口宣心念是行。隨時之宜善權方便化以智慧。是曰精進。

Nhược dĩ khẩu tuyên tâm niệm thị hạnh. Tùy thời chi nghi thiện quyền Phương-tiện hóa dĩ Trí-tuệ. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu dùng miệng nói tâm nhớ hạnh đó. Tùy thời thích hợp thiện quyền Phương tiện giáo hóa do Trí tuệ. Đó là Tinh tiến.

聞一切空悉無萬物。諮受經道而執誦持。是曰一心。

Văn nhất thiết Không tất vô vạn vật. Tư thụ Kinh đạo nhi chấp tụng trì. Thị viết Nhất-tâm.

Nghe tất cả Rỗng không đều không có vạn vật. Thăm hỏi nhận Kinh Đạo mà cầm lấy tụng giữ.

Đó là Nhất tâm.

總一切音知之盡滅。歸於寂然無上正真。是曰智慧。是為六。

Tổng nhất thiết âm tri chi tận diệt. Quy ư Tịch-nhiên Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Trí-tuệ.

Thị vi lục.

Tổng hợp tất cả âm thanh biết diệt trừ hết. Trở về với Vắng vẻ Bình Đẳng Chân Chính. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂心智自在他人心念度無極有六事？若心由己見諸處所。

Hà vị tâm trí Tự-tại tha nhân tâm niệm Độ vô cực hữu Lục-sự？Nhược tâm do kỷ kiến chư xứ sở.

Thế nào gọi là tâm Trí Tự tại nhớ tâm người khác Tới Niết Bàn có 6 việc？Nếu tâm do bản thân nhìn thấy các nơi ở.

三界之患欲救濟之。是曰布施。

Tam-giới chi hoạn dục cứu tế chi. Thị viết Bố-thí.

Hoạn nạn của 3 Cõi giới muốn cứu giúp. Đó là Bố thí.

其心普見善不善義。斯心平等不存有為。是曰持戒。

Kỳ tâm phổ kiến thiện bất thiện nghĩa. Tư tâm Bình-đẳng bất tồn Hữu-vi. Thị viết Trì-giới.
Nếu tâm nhìn thấy khắp cả nghĩa thiện không thiện. Tâm đó Bình đẳng không còn có Hình
tướng. Đó là giữ Giới.

觀諸因緣報應之業本無緣對。是曰忍辱。

Quan chư Nhân-duyên báo ứng chi nghiệp bản vô Duyên đối. Thị viết Nhẫn-nhục.

Quan sát các Nhân duyên Nghiệp báo ứng vốn dĩ không có Duyên đối ứng. Đó là Nhẫn nhục.
若觀過去當來世事。悉豫了了見其本末。是曰精進。

Nhược đồ Quá-khứ Đương-lai thế sự. Tất dự liễu liễu kiến kỳ bản mạt. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu nhìn thấy việc thời Quá khứ Sắp tới. Tất cả dự định rõ ràng nhìn thấy ngọn nguồn của nó.
Đó là Tinh tiến.

以平等視現在之事。皆如幻化。是曰一心。

Dĩ Bình đẳng thị hiện tại chi sự. Giai như huyễn hóa. Thị viết Nhất-tâm.

Do Bình đẳng hiện ra việc hiện nay.Đều như ảo hóa. Đó là Nhất tâm.

普見一切眾行本末無有本末何所有要。

Phổ kiến nhất thiết chúng hành bản mạt, vô hữu bản mạt hà sở hữu yếu.

Nhìn thấy khắp cả tất cả ngọn nguồn các hành, không có ngọn ngọn sao có được chủ yếu.

是曰智慧。是為六。何謂識念往古過去度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị thức niệm vãng cổ Quá-khứ Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là nhận ra nhớ Quá khứ xa xưa Tới Niết Bàn có 6 việc？

見識過去所生更歷所行是非。是曰布施。

Kiến thức Quá-khứ sở sinh cánh lịch sở hành thị phi. Thị viết Bố-thí.

Nhìn thấy nhận ra Quá khứ được sinh, thêm trải qua có hành vi sai trái. Đó là Bố thí.

所作成就以用勸助無上正真。是曰持戒。

Sở tác thành tựu dĩ dụng khuyến trợ Vô-thượng Chính-chân. Thị viết Trì-giới.

Nếu làm thành công do vì khuyến trợ giúp Bình Đẳng Chân Chính. Đó là giữ Giới.

不用頻來而皆滅盡令無所生。是曰忍辱。

Bất dụng tần lai nhi giai diệt tận linh vô sở sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Không vì lặp lại mà đều diệt trừ hết giúp cho không có sinh. Đó là Nhẫn nhục.

以是名號無所有。有所觀見見一切本。是曰一心。

Dĩ thị danh hiệu vô sở hữu. Hữu sở đồ kiến kiến nhất thiết bản. Thị viết Nhất-tâm.

Do đó tên hiệu không có. Nếu nhìn thấy được nhìn thấy, nhìn thấy tất cả vốn có. Đó là Nhất tâm.

以若干品頒宣經道。開化三界道利危厄。

Dĩ nhược can phẩm ban tuyên Kinh đạo. Khai hóa Tam-giới Đạo lợi nguy ách.

Do đọc nói Kinh Đạo rất nhiều phẩm bậc. Khai hóa 3 Cõi giới Đạo Pháp lợi ích nguy ách.

是曰智慧。是為六。何謂神足飛行度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Thần-túc phi hành Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Thần biến bay đi Tới Niết Bàn có 6 việc？

以得神足在所飛騰到於十方。是曰布施。

Dĩ đắc Thần-túc tại sở phi đằng đáo ư Thập phương. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được Thần thông biến hóa nơi ở bay đi tới ở 10 phương. Đó là Bồ thí.

所行方便常順法義。解五陰空無所破壞。是曰持戒。

Sở hành Phương-tiện thường thuận Pháp nghĩa. Giải Ngũ-âm Không vô sở phá hoại. Thị viết Trì-giới.

Nếu thực hành Phương tiện thường thuận theo nghĩa của Pháp. Hiểu 5 Uẩn Rỗng không, không có phá hoại. Đó là giữ Giới.

興造大哀愍傷眾生欲度脫之。是曰忍辱。

Hưng tạo đại ai mẫn thương chúng sinh dục độ thoát chi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hưng khởi tạo thành thương xót lớn, thương xót chúng sinh muốn độ thoát họ. Đó là Nhẫn nhục.

所行具足猶如月滿眾星中明而無漏失。是曰精進。

Sở hành cụ túc do như Nguyệt mãn chúng tinh trung minh nhi vô lậu thất. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu thực hành đầy đủ giống như Trăng rằm, sáng giữa các tinh tú mà không thấm mất. Đó là Tinh tiến.

若能自制五陰六衰十二緣起抑伏其志。是曰一心。

Nhược năng tự chế Ngũ-âm lục suy thập nhị Duyên, khởi ức phục kỳ chí. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu có thể tự điều khiển 5 Uẩn 6 suy bại 12 Duyên, sinh khởi đè nén thuận phục ý chí đó. Đó là Nhất tâm.

其不精進化令勤修入無極聖。是曰智慧。是為六。

Kỳ bất Tinh-tiến hóa linh cần tu nhập vô cực Thánh. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nếu không Tinh tiến giáo hóa, giúp cho tu hành chuyên cần nhập vào không giới hạn của Thánh. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂漏盡度無極有六事？

Hà vị Lậu-tận Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là hết Phiền não Tới Niết Bàn có 6 việc？

己見彼已不計彼我無有眾漏。是曰布施。

Kỷ kiến bỉ dĩ bất kế bỉ ngã vô hữu chúng lậu. Thị viết Bồ-thí.

Bản thân đã nhìn thấy nó, không tính kể tới nó, không có các Phiền não. Đó là Bồ thí.

以觀諸漏知習所生使無所起。是曰持戒。

Dĩ quan chư lậu tri tập sở sinh sử vô sở khởi. Thị viết Trì-giới.

Do quan sát các Phiền não, biết luyện tập được sinh làm cho không có sinh khởi. Đó là giữ Giới.

視一切漏本悉無根皆以滅盡。是曰忍辱。

Thị nhất thiết lậu bản tất vô căn giai dĩ diệt tận. Thị viết Nhẫn-nhục.

Hiện ra tất cả Phiền não vốn dĩ tất cả không có gốc đều do diệt trừ hết. Đó là Nhẫn nhục.

而身逮得察諸漏盡盡無所盡。不見生死之所歸趣。是曰精進。

Nhi thân逮 đắc sát chư lậu tận tận vô sở tận. Bất kiến sinh tử chi sở quy thú. Thị viết Tinh-tiến.

Mà thân bắt được xem kỹ các Phiền não hết tận, hết không có hết. Không nhìn thấy sinh chết được hưởng trở về. Đó là Tinh tiến.

其使眾漏根本自然永無有餘。是曰一心。

Kỳ sử chúng lậu căn bản tự nhiên vĩnh vô hữu dư. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu làm cho các gốc Phiền não vốn dĩ tự nhiên, vĩnh viễn không có dư thừa. Đó là Nhất tâm.

以精進力拔斯眾漏。而無處所見無所趣。

Dĩ Tinh-tiến lực bạt tư chúng lậu. Nhi vô xứ sở kiến vô sở thú.

Do Lục Tinh tiến rút bỏ các Phiền não đó. Mà không có nơi ở, nhìn thấy không có đường hướng.

是曰智慧。是為六。何謂威儀度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị Uy nghi Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Uy nghi Tới Niết Bàn có 6 việc？

以用威儀使無數人咸用禮節和心歡喜。是曰布施。

Dĩ dụng uy nghi sử vô số nhân hàm dụng lễ tiết hòa tâm hoan hỉ. Thị viết Bố-thí.

Do vì Uy nghi làm cho vô số người tất cả dùng lễ tiết hòa nhã tâm vui mừng. Đó là Bố thí.

普多所悅一切眾生。無不歡喜諮受法訓。是曰持戒。

Phổ đa sở duyệt nhất thiết chúng sinh. Vô bất hoan hỉ tư thụ Pháp huấn. Thị viết Trì-giới.

Khắp cả tất cả chúng sinh được nhiều vui vẻ. Tất cả đều vui mừng thăm hỏi nhận Pháp giáo huấn. Đó là giữ Giới.

所觀專精而不放逸唯存大道。是曰忍辱。

Sở quan chuyên tinh nhi bất phóng dật duy tồn Đại đạo. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu quan sát tinh anh chuyên cần mà không phóng túng chỉ còn ở trong Đạo lớn. Đó là Nhẫn nhục.

行來安徐而不卒暴。是曰精進。

Hành lai an từ nhi bất tốt bạo. Thị viết Tinh-tiến.

Đi đến nơi yên ổn mà không mạnh bạo. Đó là Tinh tiến.

威儀不缺禮節備具。是曰一心。

Uy nghi bất khuyết lễ tiết bị cụ. Thị viết Nhất-tâm.

Uy nghi không thiếu lễ tiết đầy đủ. Đó là Nhất tâm.

見深遠業明曜無本德行具足。是曰智慧。是為六。

Kiến thâm viễn nghiệp minh diệu vô bản Đức hạnh cụ túc. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Nhìn thấy Nghiệp thâm sâu xa thăm sáng chói vốn không có, Đức hạnh đầy đủ. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂愍傷度無極有六事？

Hà vị mẫn thương Độ vô cực hữu Lục-sự？

Thế nào gọi là thương xót đau đớn Tới Niết Bàn có 6 việc？

若有惡人心懷邪毒。以衣食養而救濟之。是曰布施。

Nhược hữu ác nhân tâm hoại tà độc. Dĩ y thực dưỡng nhi cứu tế chi. Thị viết Bố-thí.

Nếu có người ác, tâm nhớ sai trái độc ác. Dùng quần áo thực phẩm cúng dường mà cứu giúp đỡ. Đó là **Bố thí**.

見兇害人若遭厄難而救護之因示經道。是曰持戒。

Kiến hung hại nhân nhược tao ách nạn nhi cứu hộ chi nhân thị Kinh đạo. Thị viết Trì-giới.

Nhìn thấy hung dữ hại người nếu gặp ách nạn mà cứu hộ nhân do hiện ra Kinh Đạo. Đó là giữ Giới.

若外異學有所志願。而自貢高悉能忍之。是曰忍辱。

Nhược ngoại dị học hữu sở chí nguyện. Nhi tự công cao tất năng nhẫn chi. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu bên ngoài học khác lạ có được chí nguyện. Mà tự công cao đều có thể Nhẫn nhục. Đó là Nhẫn nhục.

若為眾人有所敷演。宣其義理猶池蓮華。是曰精進。

Nhược vị chúng nhân hữu sở phu diễn. Tuyên kỳ nghĩa lý do trì Liên hoa. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu vì mọi người có được phô diễn. Đọc nghĩa lý đó như ao hoa Sen. Đó là Tinh tiến.

以賢善業而講其義令自調伏。是曰一心。

Dĩ hiền thiện Nghiệp nhi giảng kỳ nghĩa linh tự điều phục. Thị viết Nhất-tâm.

Do Nghiệp hiền thiện mà giảng nghĩa đó, giúp cho tự điều chỉnh thuần phục. Đó là Nhất tâm.

若有祠祀因其所興往為說法。言如審諦化裸形子。

Nhược hữu từ tự nhân kỳ sở hưng vãng vị thuyết Pháp. Ngôn như thẩm để hóa khóa hình tử.

Nếu có cúng tế nhân do đó được hưng thịnh vãng tới vì nói Pháp. Lời nói như chân thực tỉ mỉ hóa hiện ra hình con trai.

是曰智慧。是為六。何謂行空度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị hành Không Độ vô cực hữu Lục-sự ?

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là thực hành Rỗng không Tối Niết Bàn có 6 việc ?

所施無厭不以為倦。化令人道不為俗事。是曰布施。

Sở thí vô yếm bất dĩ vi quyện. Hóa linh nhập Đạo bất vi tục sự. Thị viết Bố-thí.

Nếu không chán Bố thí, không lấy làm mệt mỏi. Giáo hóa giúp nhập vào Đạo không làm việc đời thường. Đó là Bố thí.

所作自在而得由己不從他教。是曰持戒。

Sở tác Tự-tại nhi đắc do kỷ bất tông tha giáo. Thị viết Trì-giới.

Nếu tự do làm mà được bản thân tự do không theo giáo lý khác. Đó là giữ Giới.

所行專精而不迴還墮于小節。是曰忍辱。

Sở hành chuyên tinh nhi bất hồi hoàn đọa vu tiểu tiết. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu làm chuyên cần tinh anh mà không trở về đọa vào vụn vặt. Đó là Nhẫn nhục.

以究竟行不中取證畢眾祐德。是曰精進。

Dĩ cứu cánh hành bất trung thủ chứng tất chúng hữu Đức. Thị viết Tinh-tiến.

Do hành động tới cùng không ở giữa cầm giữ chứng nghiệm các Phúc Đức hết. Đó là Tinh tiến.

所應奉行常無所猗奉修純熟。是曰一心。

Sở ưng phụng hành thường vô sở ỷ phụng tu thuần thực. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu ưng thực hành cung kính thường không ỷ lại, cung kính tu hành thuần thực. Đó là Nhất tâm.
隨其所好而造立行導利一切。是曰智慧。是為六。

Tùy kỳ sở hảo nhi tạo lập hạnh đạo lợi nhất thiết. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Theo nó được tốt đẹp mà tạo lập hạnh, hướng dẫn lợi ích tất cả. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂捐捨度無極有六事？其以棄捐壽命之行不以貪身。

Hà vị quyên xả Độ vô cực hữu Lục-sự ? Kỳ dĩ khí quyên thọ mệnh chi hành bất dĩ tham thân.

Thế nào gọi là buông bỏ Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nếu do vứt bỏ thọ mệnh thực hành không vì tham thân.

所行自由無所罣礙。是曰布施。

Sở hành tự do vô sở quải ngại. Thị viết Bồ-thí.

Nếu tự do làm không có trở ngại. Đó là Bồ thí.

若棄現在在身口心。五趣生死心無所著。是曰持戒。

Nhược khí Hiện-tại tại Thân-Khẩu-Tâm. Ngũ-thú sinh tử tâm vô sở trước. Thị viết Trì-giới.

Nếu bỏ Hiện tại ở trong Thân Miệng Tâm. Năm hướng sinh chết tâm không nương nhờ. Đó là giữ Giới.

以結境界安法奉行。四等六度而無所越。是曰忍辱。

Dĩ kết cảnh giới an Pháp phụng hành. Tứ-đẳng Lục-độ nhi vô sở việt. Thị viết Nhẫn-nhục.

Do cảnh giới kết buộc yên ổn cung kính thi hành Pháp. Bốn Bình đẳng 6 Pháp Bồ Tát mà không vượt quá. Đó là Nhẫn nhục.

所可放捨捨姪怒癡。皆棄一切餘苦諸見六十二事。是曰精進。

Sở khả phóng xả xả dâm nộ si. Giai khí nhất thiết dư khổ chư kiến lục thập nhị sự. Thị viết Tinh-tiến.

Nếu có thể buông bỏ, bỏ dâm thù hận ngu si. Đều vứt bỏ hết tất cả khổ, các nhìn thấy 62 việc.

Đó là Tinh tiến.

以令眾生所行純熟。不以貢高以捨所行。是曰一心。

Dĩ linh chúng sinh sở hạnh thuần thực. Bất dĩ cống cao dĩ xả sở hành. Thị viết Nhất-tâm.

Do giúp chúng sinh được thực hành thuần thực. Không lấy làm công cao do buông bỏ được thực hành. Đó là Nhất tâm.

以離眾生愁憂之感。心存至法而順律教。是曰智慧。是為六。

Dĩ ly chúng sinh sầu ưu chi thích. Tâm tồn chí Pháp nhi thuận luật giáo. Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục.

Do rời xa lo lắng ưu sầu của chúng sinh. Tâm còn được Pháp mà thuận theo luật giáo lý. Đó là Trí tuệ. Đó là sáu.

何謂滅度無極有六事？因曉了空不以妄想。

Hà vị Diệt-độ Độ vô cực hữu Lục-sự ? Nhân hiểu liễu Không bất dĩ vọng tưởng.

Thế nào gọi là vượt qua sinh chết hết Phiền não Tới Niết Bàn có 6 việc ? Nhân do hiểu rõ Rỗng không, không bị ảo tưởng.

其至滅度致無所生。是曰布施。

Kỳ chí Diệt-độ trí vô sở sinh. Thị viết BỔ-thí.

Nếu tới Niết Bàn đem tới không có sinh. Đó là BỔ thí.

心所建立立於大道存無處所。是曰持戒。

Tâm sở kiến lập lập u Đại-đạo tồn vô xứ sở. Thị viết Trì-giới.

Tâm được thiết lập, đứng ở trong Đạo lớn còn không có nơi ở. Đó là giữ Giới.

捨身之安不猗身命開化眾生。是曰忍辱。

Xả thân chi an bất y thân mệnh khai hóa chúng sinh. Thị viết Nhẫn-nhục.

Bỏ thân được yên ổn, không y lại thân mệnh, khai hóa chúng sinh. Đó là Nhẫn nhục.

以神足力動三千界。一切天人無驚怖者。是曰精進。

Dĩ Thần-túc lực động Tam-thiên giới. Nhất thiết Thiên nhân vô kinh bố giả. Thị viết Tinh-tiến.

Do Lực của Thần thông biến hóa chấn động 3 Cõi giới. Tất cả người Trời không kinh hãi. Đó là Tinh tiến.

其心禪思定意正受。而無所著不為放逸。是曰一心。

Kỳ tâm Thiền tư Định-ý Chính-thụ. Nhi vô sở trước bất vi phóng dật. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu tâm Tĩnh lặng suy nghĩ Định ý Thụ nhận đúng. Mà không nương nhờ, không làm phóng túng. Đó là Nhất tâm.

滅度之後散其身骨。遍布十方一切蒙恩。

Diệt-độ chi hậu tán kỳ thân cốt. Biến bố Thập phương nhất thiết mông ân.

Sau khi nhập Niết Bàn thân xương cốt tan hoại. Biến tỏa 10 phương tất cả được ân.

是曰智慧。是為六。何謂變化度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị biến hóa Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Biến hóa Tới Niết Bàn có 6 việc？

分布舍利處處得之流布天下。是曰布施。

Phân bố Xá-lợi xứ xứ đắc chi lưu bố Thiên hạ. Thị viết BỔ-thí.

Phân bố Xá Lợi nơi nơi được lưu truyền bố cáo Thiên hạ. Đó là BỔ thí.

舍利現瑞威神光明見莫不悅。是曰持戒。

Xá-lợi hiện thụy Uy thần Quang-minh kiến mạc bất duyệt. Thị viết Trì-giới.

Xá Lợi hiện ra điềm lành, nhìn thấy Uy Thần Quang sáng, tất cả đều vui mừng. Đó là giữ Giới.

眾生見變心抱喜歎因發道心。是曰忍辱。

Chúng sinh kiến biến tâm bảo hỉ thán nhân phát Đạo tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Chúng sinh nhìn thấy biến hóa, tâm ôm ấp vui mừng ca ngợi, nhân đó phát tâm Đạo. Đó là Nhẫn nhục.

諸天見威功德巍巍勸之代喜。是曰精進。

Chư Thiên kiến uy Công-đức nguy nguy khuyến chi đại hỉ. Thị viết Tinh-tiến.

Các Trời nhìn thấy Uy Thần công Đức to lớn, khuyên thay nhau vui mừng. Đó là Tinh Tiến.

若見仙足舍利放光。其衣毛起淚即出者。是曰一心。

Nhược kiến tiên túc Xá-lợi phóng quang. Kỳ y mao khởi lệ tức xuất giả. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy Xá Lợi đầy đủ của người tu hành phóng quang sáng. Nếu lông áo dựng lên lệ tức thì rơi xuống. Đó là Nhất tâm.

若觀舍利立至誠願。現光威德五色晃曜。

Nhược đồ Xá-lợi lập chí thành nguyện. Hiện Quang Uy-đức ngũ sắc hoằng diêu.

Nếu nhìn thấy Xá Lợi lập chí thành nguyện. Hiện ra ánh sáng Uy Đức 5 sắc chói lợi.

是曰智慧。是為六。何謂流布法教度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị lưu bố Pháp giáo Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là Lưu truyền bố giáo Pháp Tới Niết Bàn có 6 việc？

若得眾人自歸供養給眾所乏。是曰布施。

Nhược đắc chúng nhân tự quy cúng dưỡng cấp chúng sở pháp. Thị viết Bồ-thí.

Nếu được mọi người tự trở về cúng dưỡng cung cấp các thiếu thốn. Đó là Bồ thí.

常守己心令無所生。其無所生則無所滅。是曰持戒。

Thường thủ kỷ tâm linh vô sở sinh. Kỳ vô sở sinh tắc vô sở diệt. Thị viết Trì-giới.

Thường giữ gìn tâm của bản thân, giúp cho không sinh. Nếu không có sinh chắc là không có mất.

Đó là giữ Giới.

若無所有見其三界。佛法人物一切自然。是曰忍辱。

Nhược vô sở hữu kiến kỳ Tam-giới. Phật Pháp nhân vật nhất thiết tự nhiên. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu không hay có nhìn thấy 3 Cõi giới đó. Phật Pháp người vật tất cả tự nhiên. Đó là Nhẫn nhục.

能令經典道法訓教。流在天上周遍天下。是曰精進。

Năng linh Kinh điển Đạo Pháp huấn giáo. Lưu tại Thiên thượng chu biên Thiên hạ. Thị viết Tinh-tiến.

Có thể giúp cho Kinh điển Đạo Pháp giáo huấn. Lưu truyền ở trên Trời biến ra vòng quanh Thiên hạ. Đó là Tinh tiến.

諸魔官屬見之驚縮無當威顏。是曰一心。

Chư Ma quan thuộc kiến chi kinh súc vô đương uy nhan. Thị viết Nhất-tâm.

Các Ma quan lại thân thuộc nhìn thấy kinh sợ co lại không cần Uy nghi nhan sắc. Đó là Nhất tâm.

假使法教明顯流布。十方愛敬各懷悅豫。稍稍漸得至滅度法。

Giả sử Pháp giáo minh hiển lưu bố. Thập phương ái kính các hoài duyệt dự. Sảo xảo tiệm đắc chí Diệt-độ Pháp.

Nếu như Giáo Pháp hiện ra sáng rõ lưu truyền phân bố. Mười phương yêu kính, họ mong nhớ vui mừng. Dần dần được Pháp Tới Niết Bàn.

是曰智慧。是為六。何謂分舍利度無極有六事？

Thị viết Trí-tuệ. Thị vi lục. Hà vị phân Xá-lợi Độ vô cực hữu Lục-sự？

Đó là Trí tuệ. Đó là sáu. Thế nào gọi là phân Xá Lợi Tới Niết Bàn có 6 việc？

為舍利求眾供養具夙夜敬事。是曰布施。

Vị Xá-lợi cầu chúng cúng dưỡng cụ túc dạ kính sự. Thị viết Bồ-thí.

Vì cầu Xá Lợi họ cúng dưỡng đầy đủ, sớm tối kính trọng việc. Đó là Bồ thí.

無數之眾悉共歡喜歸命作禮。是曰持戒。

Vô số chi chúng tất cộng hoan hỉ quy mệnh tác lễ. Thị viết Trì-giới.

Vô số chúng sinh tất cả cùng vui mừng trở về theo làm lễ. Đó là giữ Giới.

若復示現光明威神。遠近來觀轉相化心。是曰忍辱。

Nhược phục thị hiện Quang-minh Uy-thần. Viễn cận lai quan chuyển tương hóa tâm. Thị viết Nhẫn-nhục.

Nếu lại biểu hiện ra Quang sáng Uy Thần. Xa gần tới quan sát chuyển đổi tâm cùng nhau biến hóa. Đó là Nhẫn nhục.

諸天人民咸共踊躍。知其至尊緣發道意。是曰精進。

Chư Thiên nhân dân hàm cộng dũng dục. Tri kỳ chí tôn duyên phát Đạo ý. Thị viết Tinh-tiến.

Nhân dân các Trời tất cả đều cùng dũng mãnh. Biết họ được kính trọng noi theo phát ý Đạo. Đó là Tinh tiến.

若見舍利無有餘樂。思念佛道莫能喻者。是曰一心。

Nhược kiến Xá-lợi vô hữu dư lạc. Tư niệm Phật đạo mạc năng dụ giả. Thị viết Nhất-tâm.

Nếu nhìn thấy Xá Lợi không có vui sướng khác. Nghĩ nhớ Đạo Phật không phải có thể hiểu rõ. Đó là Nhất tâm.

嗟歎舍利得妙辯才。而無罣礙致入智慧。是為六。

Ta thán Xá-lợi đắc diệu biện tài. Nhi vô quải ngại trí nhập Trí-tuệ. Thị vi lục.

Ca ngợi Xá Lợi được hùng biện vi diệu. Mà không có trở ngại đem tới nhập vào Trí tuệ. Đó là sáu.

爾時世尊重散告語喜王菩薩！

Nhĩ thời Thế Tôn trùng tán cáo ngữ Hỉ-vương Bồ-tát！

Khi đó Thế Tôn lại khen ngợi bảo Hỉ Vương Bồ Tát！

是二千一百諸度無極。其餘復有九十諸度無極消世九惱。

Thị nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Kỳ dư phục hữu cửu thập chư Độ vô cực tiêu thế cửu nảo.

Đó là 2 nghìn 1 trăm các Pháp tới Niết Bàn. Nếu lại dư ra có 90 Pháp Tới Niết Bàn tiêu tan 9 nảo loạn ở đời.

化九十六諸外邪學使入正真。佛告喜王菩薩！

Hóa cửu thập lục chư ngoại tà học sử nhập Chính-chân. Phật cáo Hỉ-vương Bồ-tát！

Giáo hóa 96 các học sai bên ngoài khiến cho nhập vào Chân Chính. Phật bảo Hỉ Vương Bồ Tát！

是二千一百諸度無極。說法教化諸貪婬種。

Thị nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Thuyết Pháp giáo hóa chư tham dâm chủng.

Đó là 2 nghìn 1 trăm các Pháp Tới Niết Bàn. Nói Pháp giáo hóa các loại Tham dâm.

二千一百諸度無極。說法開化諸瞋恚種。

Nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Thuyết Pháp khai hóa chư sân khủ chủng.

Hai nghìn 1 trăm các Pháp Tới Niết Bàn. Nói Pháp khai hóa các loại Thù hận.

二千一百諸度無極。說法開覺諸愚癡種。

Nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Thuyết Pháp khai giác chư ngu si chủng.

Hai nghìn 1 trăm các Pháp Tới Niết Bàn. Nói Pháp khai hóa các loại Ngu si

二千一百諸度無極。說法訓誨化等分種。

Nhị thiên nhất bách chư Độ vô cực. Thuyết Pháp huân hồi hóa đẳng phân chủng.

Hai nghìn 1 trăm các Pháp Tới Niết Bàn. Nói Pháp dạy bảo loại phân Bình đẳng biến hóa.

是合八千四百諸度無極。一變為十。合八萬四千諸度無極。

Thị hợp bát thiên tứ bách chư Độ vô cực. Nhất biến vi thập hợp bát vạn tứ thiên chư Độ vô cực.

Hợp lại thành 8 vạn 4 nghìn các Pháp Tới Niết Bàn. Một biến thành 10 Hợp lại thành 8 vạn 4 nghìn các Pháp Tới Niết Bàn.

佛則醫王法為眾生。一切三界無上良藥。

Phật tác Y Vương Pháp vị chúng sinh. Nhất thiết Tam-giới Vô-thượng lương dược.

Phật chắc là Vua y thuật, Pháp vị chúng sinh. Tất cả 3 Cõi giới thuốc mát lành Bình Đẳng.

療治三毒陰蓋得消。等分返逆無返復人。

Liệu trị Tam-độc Âm-cái đặc tiêu. Đẳng phân phản nghịch vô phản phục nhân.

Chữa trị Tham Thù hận Ngu si vòng Uẩn được tiêu tan. Phân Bình đẳng phản nghịch, người lại không phân.

因見化導靡不解脫。不奉行斯八萬四千諸度無極。

Nhân kiến hóa đạo mị bất Giải-thoát. Bất phụng hành tứ bát vạn tứ thiên chư Độ vô cực.

Nhân do nhìn thấy giáo hóa hướng dẫn, tất cả đều Giải thoát. Không cung kính thi hành 8 vạn 4 nghìn Pháp Tới Niết Bàn đó.

欲為百千種人除八萬四千眾垢塵勞。

Dục vì ách thiên chúng nhân trừ bát vạn tứ thiên chúng cấu trần lao.

Muốn vì trăm nghìn loại người trừ bỏ 8 vạn 4 nghìn các phiền toái cấu bản.

逮八萬四千諸三昧門終不能成。

Đãi bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn chung bất năng thành.

Bắt lấy 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội cuối cùng không có thể thành công.

由是修立八萬四千空行法義。以是化導百千種人。

Do thị tu lập bát vạn tứ thiên Không hành Pháp nghĩa. Dĩ thị hóa đạo bách thiên chúng nhân.

Do đó tu hành lập dựng 8 vạn 4 nghìn Nghĩa Pháp thực hành Rỗng không. Do đó giáo hóa hướng dẫn 100 nghìn loại người.

消除八萬四千眾垢塵勞。逮八萬四千諸三昧門。

Tiêu trừ bát vạn tứ thiên chúng cấu trần lao. Đãi bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn.

Tiêu tan 8 vạn 4 nghìn các phiền toái cấu bản. Bắt lấy 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội.

是謂佛道深入無極致一切智。佛言喜王！

Thị vị Phật đạo thâm nhập vô cực trí nhất thiết Trí. Phật ngôn Hỷ-vương !

Đó gọi là Đạo Phật thâm nhập vô hạn đem tới tất cả Trí tuệ. Phật bảo Hỷ Vương !

吾以是法坐佛樹下。降魔官屬成最正覺。

Ngô dĩ thị Pháp tọa Phật thụ hạ. Hàng Ma quan thuộc thành Tới Chính-giác.

Ta dùng Pháp đó ngồi dưới cây Phật. Hàng phục quan lại quyền thuộc của Ma thành Tội Chính Giác.

因是解法建立平等。在於地上結跏趺坐。

Nhân thị giải Pháp kiến lập bình đẳng. Tại ư địa thượng kết già phu tọa.

Nhân do đó hiểu Pháp thiết lập Bình đẳng. Ở trên đất đó ngồi thế kết già.

便致巍巍神妙。梵王恭敬忽下稽首歸命求哀。

Tiên trí nguy nguy thần diệu. Phạm-vương cung kính hốt hạ khê thủ quy mệnh cầu ai.

Liên đem tới Thần diệu uy nghi. Phạm Vương cung kính vội vàng phục đầu đỉnh lễ theo trở về cầu thương xót.

往古誓願為一切眾生。今悉集會咸欲聞經。

Vãng cổ thệ nguyện vị nhất thiết chúng sinh. Kim tất tập hội hàm dục văn Kinh.

Thệ nguyện xa xưa vì tất cả chúng sinh. Nay biết tập trung hội tất cả đều muốn nghe Kinh.

梵王垂淚而勤勸助。唯濟一切未度迷惑。

Phạm-vương thù lệ nhi cần khuyến trợ. Duy tế nhất thiết vị độ mê hoặc.

Phạm Vương rơi lệ mà ân cần khuyên trợ giúp. Chỉ có cứu giúp tất cả chưa thoát khỏi mê hoặc.

佛成如斯微妙大聖。逮最正覺寂然安坐。

Phật thành như tư vi diệu Đại Thánh. Đãi Tội Chính-giác Tịch-nhiên an tọa.

Phật thành Đại Thánh vi diệu như thế. Bắt lấy Tội Chính Giác ngồi yên Vắng vẻ.

而自靜默心惟此意。五濁惡世九十六徑六十二見。

Nhi tự tĩnh mặc tâm duy thử ý. Ngũ-tục ác thế cửu thập lục kính lục thập nhị kiến.

Mà tự tĩnh lặng tâm chỉ có theo ý này. Đời 5 tục ác 96 đường thẳng 62 nhìn thấy.

迷惑卒暴多無返復不受道教。不如默然取般泥洹。

Mê hoặc tốt bạo đa vô phản phục bất thụ Đạo giáo. Bất như mặc nhiên thủ bát Nê-hoàn.

Mê hoặc mạnh bạo phần nhiều không ngược trở lại, không nhận Đạo giáo. Không như im lặng cảm lấy Thanh tịnh Niết Bàn.

佛坐樹下光明巍巍普照十方。淨居身天遙見威光。

Phật tọa thụ hạ Quang-minh nguy nguy phổ chiếu Thập phương. Tịnh-cư thân Thiên dao kiến Uy-quang.

Phật ngồi dưới cây Quang sáng Uy nghi chiếu soi khắp cả 10 phương. Thân Trời Tịnh Cư nhìn thấy Uy quang từ xa.

顏貌功勳靡不晃昱。道德灼灼吉祥之業應當流布。

Nhan mạo công huân mị bất hoảng dục. Đạo đức灼灼 cát tường chi Nghiệp ưng đương lưu bố.

Nhan sắc tướng mạo công trạng tất cả đều lóa mắt. Đạo Đức sáng rực rỡ các Nghiệp yên lành cần phải lưu truyền ban bố.

諸天眾會皆共悅豫。建立大光寂寞正真聖達無際。

Chư Thiên Chúng hội giai cộng duyệt dự. Kiến lập Đại-quang tịch mịch Chính-chân Thánh đạt vô tế.

Các Chúng hội cõi Trời đều cùng vui mừng. Thiết lập quang sáng lớn vắng vẻ Chân Chính Thánh thông tỏ không có giới hạn.

曜明煒煒威德普顯。無上清淨三世最尊。

Diệu minh vĩ vĩ Uy-đức phổ hiển. Vô-thượng Thanh tịnh Tam-thế tối tôn.

Sáng chói đỏ rực Uy Đức hiện ra rõ khắp cả. Bình Đẳng Thanh tịnh 3 Đồi tôn kính nhất.

周遍一切十方佛界。其心解徹動三千國。

Châu biến nhất thiết Thập phương Phật giới. Kỳ tâm giải triệt động Tam-thiên quốc.

Biển lan vòng quanh tất cả 10 phương Thế giới Phật. Tâm đó hiểu trong suốt chấn động Ba nghìn Đất nước.

道慧廣遠難得見聞。超絕無底名稱通暢。

Đạo tuệ quảng viễn nan đắc kiến văn. Siêu tuyệt vô đề danh xưng thông sướng.

Đạo Tuệ rộng lớn xa thăm khó được nghe nhìn thấy. Vượt qua không có đáy tên gọi là Thông suốt.

觀此威神妙光無量顏容盛德。

Đồ thử Uy-thần diệu quang vô lượng nhan dung thịnh Đức.

Nhìn thấy Uy thần Quang sáng vi diệu này vô lượng dung nhan Đức thịnh.

智如虛空殊特無喻。於時梵王復重啟佛。

Trí như hư không thù đặc vô dụ. Ư thời Phạm-vương phục trùng khai Phật.

Trí tuệ như khoáng không đặc biệt không có hiểu rõ. Khi đó Phạm Vương lại giải bày với Phật.

悚息一心恭恪自歸。說此頌曰。

Tùng tức nhất tâm cung khác tự quy. Thuyết thử tụng viết :

Sợ hãi thờ dài nhất tâm cung kính tự trở về theo Phật. Nói bài tụng này.

道場演大光 降魔消塵勞

Đạo-tràng diễn Đại-quang. Hàng Ma tiêu trần lao.

Đạo tràng hiện Quang lớn. Ma hàng tiêu phiền toái.

震動三千國 滅眾惡趣患

Chấn động Tam thiên quốc. Diệt chúng ác thú hoạn.

Chấn động Ba nghìn Nước. Diệt nạn các Đạo ác.

正身安隱坐 不傾猶須彌

Chính thân an ẩn tọa. Bất khuynh do Tu-di.

Thân đang ngồi yên ẩn. Không động như Tu Di.

振曜照佛土 處樹莫不蒙

Chấn diệu chiếu Phật thổ. Xử thụ mạc bất mông.

Rung sáng chiếu Đất Phật. Ở dưới cây đều được.

平坐諸根寂 師子據無畏

Bình tọa chư căn tịch. Sư Tử cứ vô úy.

Ngồi bằng các Căn vắng. Sư Tử ngồi không sợ.

自觀欲寂滅 勝床護演暉

Tự đồ dục Tịch-diệt. Thắng sàng hộ diễn huy.
Tự thấy muốn Vãng lạng. Giường cao giúp hiện bóng.
在樹王顯威 廣布大道安
Tại thụ Vương hiển uy. Quảng bố Đại đạo an.
Dưới cây Vua hiển uy. Nói rộng yên Đạo lớn.
消世無益法 滅化三塗厄
Tiêu thế vô ích Pháp. Diệt hóa Tam-đồ ách.
Tiêu Pháp không lợi đời. Diệt tan 3 Đạo ác.
觀光顏無厭 心念諦愍傷
Quan quang nhan vô yếm. Tâm niệm để mẫn thương.
Xem quang nhan không chán. Tâm nhớ thương chân chính.
審思說尊議 等演法平坦
Thẩm tư thuyết tôn nghị. Đẳng diễn Pháp bình thân.
Nhớ kỹ nói lời kính. Cùng diễn Pháp bình thân.
道選三世業 曜三品諸法
Đạo tuyển Tam-thế nghiệp. Diệu tam phẩm chư Pháp.
Đạo lựa Nghiệp 3 Đời. Sáng 3 phẩm các Pháp.
以時宣意行 現道猶月滿
Dĩ thời tuyên ý hành. Hiện đạo do Nguyệt mãn.
Được thời nói ý hành. Đạo hiện như Trăng rằm.
色英三十二 世上大聖父
Sắc anh tam thập nhị. Thế thượng Đại Thánh phụ.
Sắc hoa ba mươi hai. Đại Thánh Cha ở đời.
不捨世無樂 神無比梵來
Bất xả thế vô lạc. Thần vô tỉ Phạm lai.
Không bỏ đời không vui. Thần không bằng Phạm tới.
觀世在三火 覺俗以法水
Quan thế tại tam hỏa. Giác tục dĩ Pháp thủy.
Xem đời trong 3 Lửa. Thấy tục do biển Pháp.
常護滅燒然 是時雨甘露
Thường hộ diệt thiêu nhiên. Thị thời vũ Cam-lộ.
Thường giữ diệt thiêu đốt. Đúng thời mưa Cam Lộ
察精進無斷 迷惑得正路
Sát Tinh-tiến vô đoạn. Mê hoặc đắc chính lộ.
Xem Tinh tiến không dứt. Mê hoặc được giữa đường.
明眼教無二 唯愍哀時誨
Minh-nhãn giáo vô nhị. Duy mẫn ai thời hời.
Mắt sáng dạy không hai. Chỉ thương xót khi dạy.

德猶海大山 眾故放覺船
Đức do hải Đại-son. Chúng cố phóng Giác-thuyền.
Đức như biển núi lớn. Chúng cố thả thuyền Giác.
斯度諸沈流 化外險邪學
Tur độ chư trầm lưu. Hóa ngoại hiểm tà học.
Nó qua các dòng chìm. Dạy học sai hiểm ngoài.
人縛貪計身 邪見害愛僕
Nhân phược tham kế thân. Tà-kiến hại ái bộc.
Người buộc tham tính thân. Thấy sai hại tớ yêu.
不得解久獄 導眾可化脫
Bất đắc giải cửu ngục. Đạo chúng khả hóa thoát
Không được thoát ngục lâu. Dẫn chúng hóa giải thoát.
生邪長睡眠 隨塵不樂道
Sinh tà trường thụy miên. Tùy trần bất nhạo Đạo.
Sinh sai tăng ngủ say. Theo Trần không thích Đạo.
得定戒願強 何不擊法鼓
Đắc Định Giới nguyện cường. Hà bất kích Pháp cổ.
Được Định Giới nguyện lớn. Sao không gõ trống Pháp.
人乏匱墮獄 五趣世乞求
Nhân phạp quĩ đọa ngục. Ngũ-thú thế khát cầu.
Người đọa ngục không thiếu. 5 Đạo đời cầu xin.
常不逮無盡 何故不宣祠
Thường bất đãi vô tận. Hà cố bất tuyên từ.
Thường không bắt vô tận. Có gì không lễ nói.
無數眾懷信 在寂捨甘露
Vô số chúng hoài tín. Tại tịch xả Cam-lộ.
Vô số chúng nhớ tin. Nơi vắng bỏ Cam Lộ.
炎哀解法雨 執覺可降澤
Viêm ai giải Pháp vũ. Chấp giác khả giáng trạch.
Nóng thương hiểu mưa Pháp. Giữ giác được giáng ân.
知三世瘡病 不覺心塵勞
Tri Tam-thế sang bệnh. Bất giác tâm trần lao.
Biết 3 đời đau bệnh. Không thấy tâm phiền toái.
得了淨醫藥 何不濟救療
Đắc liễu tịnh y dược. Hà bất tế cứu liệu.
Biết được y dược tịnh. Sao không giúp cứu chữa.
消眾生闇昧 成大德馬藏

Tiêu chúng sinh ám muội. Thành Đại Đức mã tạng.

Tiêu ám muội của Chúng. Thành Đại Đức tạng lớn.

慧光照大千 何不曜佛國

Tuệ quang chiếu Đại-thiên. Hà bất diệu Phật quốc.

Quang tuệ chiếu Đại Thiên. Sao không sáng Đất Phật.

唯愍天世人 墮在四駛瀆

Duy mẫn Thiên thế nhân. Đọa tại tứ sử độc.

Chỉ thương Trời người đời. Đọa trong 4 khinh mạn.

何不濟此厄 護諸墮大墻

Hà bất tế thử ách. Hộ chư đọa đại khoáng.

Sao không giúp ách này. Giữ đọa xuống hố lớn.

佛見諸雜想 天人住叉手

Phật kiến chư tạp tưởng. Thiên nhân trụ xoa thủ.

Phật thấy các tưởng loạn. Người Trời ở lại xoa tay.

無諂棄非安 何不現道寶

Vô siểm khí phi an. Hà bất hiện Đạo bảo.

Không nịnh bỏ không yên. Sao không hiện Đạo báu.

佛眼觀三界 梵天勸人尊

Phật nhãn quan Tam-giới. Phạm Thiên khuyến nhân tôn.

Trí Phật xem 3 Cõi. Phạm Thiên kính khuyến người.

唯哀眾邪見 轉法輪消熱

Duy ai chúng Tà-kiến. Chuyển Pháp luân tiêu nhiệt.

Chỉ thương các thấy sai. Nói Pháp tiêu tan nóng.

尊在師子座 諸天人集斯

Tôn tại Sư Tử tòa. Chư Thiên nhân tập tư.

Kính ngồi tòa Sư Tử. Người Trời tập hội đó.

立是求潤澤 唯為轉法輪

Lập thị cầu nhuận trạch. Duy vị chuyển Pháp-luân.

Đứng đó cầu đắm ân. Chỉ vì nói Pháp Luân.

千佛名號品第二十

Thiên Phật danh hiệu phẩm đệ nhị thập.

Phẩm thứ 20 Tên hiệu 1 nghìn Phật.

喜王菩薩復白佛言：唯然世尊！

Hỉ-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn：Duy nhiên Thế Tôn！

Hỉ Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng：Tuy nhiên Thế Tôn！

今此會中寧有大士得此定意者乎？

Kim thử hội trung ninh hữu Đại-sĩ đắc thử Định ý giả hô？

Nay trong hội này chắc chắn có Bồ Tát được Định ý này chăng ?

入斯八千四百諸度無極耶。及八萬四千度無極法。

Nhập tư bát thiên tứ bách chư Độ vô cực da. Cập bát vạn tứ thiên Độ vô cực Pháp.

Nhập vào 8 nghìn 4 trăm các Pháp Tối Niết Bàn đó. Cùng với 8 vạn 4 nghìn Pháp Tối Niết Bàn.

入八萬四千諸三昧門乎？

Nhập bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn hô ?

Nhập vào 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội chăng ?

佛告喜王菩薩。今此會中有菩薩大士。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Kim thử hội trung hữu Bồ-tát Đại-sĩ.

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Nay ở trong Hội này có Bồ Tát Đại Sĩ.

得此定意諸度無極。復得入斯八萬四千諸三昧門。不但此諸開士。

Đắc thử Định ý chư Độ vô cực. Phục đắc nhập tư Bát vạn tứ thiên chư Tam-muội môn. Bất đãn thử chư Khai-sĩ.

Được Định ý này các Pháp Tối Niết Bàn. Lại được nhập vào 8 vạn 4 nghìn các môn Tam Muội.

Không chỉ có các Bồ Tát này.

及當來學斯賢劫中成最正覺。一千如來是也除四如來也。

Cập Đương-lai học tư Hiền Kiếp trung thành Tối Chính-giác. Nhất thiên Như Lai thị dã trừ tứ Như Lai dã.

Cùng với người học thời sắp tới ở trong Kiếp Hiền đó thành Tối Chính Giác. Nghìn Như Lai là như thế cũng ngoại trừ 4 Như Lai.

前逮無上正真為最正覺者也。亦逮是三昧。

Tiền đãi Vô-thượng Chính-chân vi Tối Chính-giác giả dã. Diệc đãi thị Tam-muội.

Trước kia bắt lấy Bình Đẳng Chân Chính cũng là Tối Chính Giác. Cũng bắt lấy Tam Muội đó.

喜王菩薩復白佛言。善哉世尊。唯以加哀。

Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn : Thiện tai ! Thế Tôn ! Duy dĩ gia ai.

Hi Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng : Thiện thay ! Thế Tôn ! Chỉ được tăng thêm thương xót.

當宣此諸菩薩名字姓號。多所哀念多所安隱。

Đương tuyên thử chư Bồ-tát danh tự tính hiệu. Đa sở ai niệm đa sở an ổn.

Cần đọc tên hiệu họ của các Bồ Tát này. Được nhiều thương nhớ được nhiều yên ổn.

愍傷諸天及十方人。護於正典當今道法而得久存。

Mẫn thương chư Thiên cập Thập phương nhân. Hộ ư chính điển đương linh Đạo Pháp nhi đắc cứu tồn.

Thương xót các Trời cùng với người 10 phương. Bảo vệ Kinh điển đúng đang giúp cho Đạo Pháp mà được tồn tại lâu dài.

為將來學諸菩薩施。顯示光明行無上正真之道而因成就。

Vị Tương-lai học chư Bồ-tát thí. Hiền thị Quang-minh hành Vô-thượng Chính-chân chi đạo nhi nhân thành tựu.

Vì người học thời Tương lai Bồ thí các Bồ Tát. Hiện ra rõ Quang sáng thực hành Đạo Bình Đẳng Chân Chính mà nhân đó thành công.

佛告喜王菩薩！諦聽諦聽善思念之！當為汝說千佛名號。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Để thính ! Để thính thiện tư niệm chi ! Đương vì Nhữ thuyết thiên Phật danh hiệu.

Phật bảo Hỉ Vương Bồ Tát ! Nghe Tuệ ! Nghe Tuệ tư duy Tuệ tu Tuệ ! Đương vì Ngài nói tên hiệu nghìn Phật.

喜王菩薩與諸大眾受教而聽。

Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo nhi thính.

Hỉ Vương Bồ Tát cùng với các Đại Chúng nhận lời giáo huấn mà lắng nghe.

爾時世尊便歎詠說諸佛名字。

Nhĩ thời Thế Tôn tiện tán vịnh thuyết chư Phật danh tự.

Khi đó Thế Tôn liền ca ngợi nói tên hiệu của các Phật.

善思議 諸佛音 唯念安

Thiện Tư Nghị. Chư Phật Âm. Duy Niệm An.

離垢稱 大名聞 明珠髻

Ly Cấu Xưng. Đại Danh Văn. Minh Châu Kế.

堅師子 獨遊步 捨所念

Kiên Sư Tử. Độc Du Bộ. Xả Sở Niệm.

及智積 意善住 無極像

Cập Trí Tích. Ý Thiện Trụ. Vô Cực Tượng.

無量覺 言妙顏 慧光曜

Vô Lượng Giác. Ngôn Diệu Nhan. Tuệ Quang Diệu.

消強意 能擁護 至誠英

Tiêu Cường Ý. Năng Ủng Hộ. Chí Thành Anh.

蓮華界 眾諸安 聖慧業

Liên Hoa Giới. Chúng Chư An. Thánh Tuệ Nghiệp.

將功勳 無思議 淨梵施

Tướng Công Huân. Vô Tư Nghị. Tịnh Phạm Thí.

寶事業 處天華 善思惟

Bảo Sự Nghiệp. Xứ Thiên Hoa. Thiện Tư Duy.

無限法 名聞音 以辦積

Vô Hạn Pháp. Danh Văn Âm. Dĩ Biện Tích.

自在門 十種力 有十力

Tự Tại Môn. Thập Chủng Lực. Hữu Thập Lực.

大聖德 無所越 遊寂然

Đại Thánh Đức. Vô Sở Việt. Du Tịch Nhiên.

在於彼 無數天 須彌光

Tại Ư Bi. Vô Số Thiên. Tu Di Quang.

極重藏 因越度 而獨步

Cực Trọng Tạng. Nhân Việt Độ. Nhi Độc Bộ.

威神勝 大部界 以止護

Uy Thần Thắng. Đại Bộ Giới. Dĩ Chỉ Hộ.

將三界 有功勳 宣名稱

Tướng Tam Giới. Hữu Công Huân. Tuyên Danh Xưng.

日光明 師子英 時節王

Nhật Quang Minh. Sư Tử Anh. Thời Tiết Vương.

師子藏 示現有 光遠照

Sư Tử Tạng. Thị Hiện Hữu. Quang Viễn Chiếu.

止師子 有所施 莫能勝

Chỉ Sư Tử. Hữu Sở Thí. Mạc Năng Thắng.

為最幢 喜悅稱 堅精進

Vi Tối Tràng. Hỷ Duyệt Xưng. Kiên Tinh Tiến.

無損減 有名稱 無恐怖

Vô Tồn Giảm. Hữu Danh Xưng. Vô Khủng Bỏ.

無著天 大燈明 世光曜

Vô Trước Thiên. Đại Đăng Minh. Thế Quang Diệu.

微妙音 執功勳 除闇冥

Vi Diệu Âm. Chấp Công Huân. Trừ Âm Minh.

無等倫

Vô Đẳng Luân.

佛告喜王菩薩！當歎頌斯諸菩薩。

Phật cáo Hỷ-Vương Bồ-tát ! Đương tán tụng tư chư Bồ-tát.

Phật bảo Hỷ Vương Bồ Tát ! Cần ca ngợi tụng các Bồ Tát đó.

等於賢劫中當成佛者。所有名號。

Đẳng ư Hiền Kiếp trung đương thành Phật giả. Sở hữu danh hiệu :

Cùng ở trong Kiếp Hiền họ đang thành Phật. Có được tên hiệu :

拘留孫 含牟尼 其迦葉

Câu Lưu Tôn. Hàm Mâu Ni. Kỳ Ca Diệp.

釋迦文 慈氏佛 師子焰

Thích Ca Văn. Từ Thị Phật. Sư Tử Diệm.

柔仁佛 及妙華 善星宿

Nhu Nhân Phật. Cập Diệu Hoa. Thiện Tinh Tú.

及導師 大豐多 大力佛

Cập Đạo Sư. Đại Phong Đa. Đại Lực Phật.

星宿王 其藥氏 寂然英

Tinh Tú Vương. Kỳ Dược Thị. Tịch Nhiên Anh.

大光明 牟尼佛 等過品

Đại Quang Minh. Mâu Ni Phật. Đẳng Quá Phẩm.

具足品 等二事 而照明

Cụ Túc Phẩm. Đẳng Nhị Sự. Nhi Chiếu Minh.

日藏佛 月光曜 善明佛

Nhật Tạng Phật. Nguyệt Quang Diệu. Thiện Minh Phật.

無憂佛 摠含曜 照執華

Vô Ưu Phật. Tổng Hàm Diệu. Chiếu Chấp Hoa.

功勳光 因現義 定光施

Công Huân Quang. Nhân Hiện Nghĩa. Định Quang Thí.

興盛佛 好導師 頂光明

Hưng Thịnh Phật. Hảo Đạo Sư. Đỉnh Quang Minh.

威神首 難勝氏 德幢佛

Uy Thần Thủ. Nan Thắng Thị. Đức Tràng Phật.

靜閑居 梵音響 順次堅

Tĩnh Nhàn Cư. Phạm Âm Hưởng. Thuận Thứ Kiên.

無本氏 造光佛 大山氏

Vô Bản Thị. Tạo Quang Phật. Đại Sơn Thị.

智金剛 億無畏 寶蓮華

Trí Kim Cương. Úc Vô Úy. Bảo Liên Hoa.

力人將 華光氏 以棄愛

Lực Nhân Tướng. Hoa Quang Thị. Dĩ Khí Ái.

大威佛 梵氏佛 無量佛

Đại Uy Phật. Phạm Thị Phật. Vô Lượng Phật.

龍施佛 龍施進 堅固步

Long Thí Phật. Long Thí Tiến. Kiên Cố Bộ.

無虛見 施精佛 解縛佛

Vô Hư Kiến. Thí Tinh Phật. Giải Phục Phật.

不退沒 師子幢 迦法勝

Bất Thoái Mệt. Sư Tử Tràng. Ca Pháp Thắng.

喜王佛 號妙御 受名稱

Hỉ Vương Phật. Hiệu Diệu Ngự. Thọ Danh Xưng.

德豐多 眾香手 離垢光

Đức Phong Đa. Chúng Hương Thủ. Ly Cấu Quang.

師子頰 號寶稱 滅除穢
Sư Tử Giáp. Hiệu Bảo Xung. Diệt Trừ Uế.
無量佛 號總持 雄人月
Vô Lượng Phật. Hiệu Tổng Trì. Hùng Nhân Nguyệt.
善見佛 逮嚴佛 明珠光
Thiện Kiến Phật. Đãi Nghiêm Phật. Minh Châu Quang.
山頂英 號法事 了義理
Sơn Đỉnh Anh. Hiệu Pháp Sự. Liễu Nghĩa Lý.
情性調 寶品佛 念勝根
Tình Tính Điều. Bảo Phẩm Phật. Niệm Thắng Căn.
樂欲度 住立覺 了別黨
Lạc Dục Độ. Trụ Lập Giác. Liễu Biệt Đảng.
超越尊 首最佛 兩音聲
Siêu Việt Tôn. Thủ Tối Phật. Vũ Âm Thanh.
善思惟 有善意 離垢稱
Thiện Tư Duy. Hữu Thiện Ý. Ly Cấu Xung.
大名聞 明珠淨 堅師子
Đại Danh Văn. Minh Châu Tịnh. Kiên Sư Tử.
住長樹 捨思惟 智慧頂
Trụ Trường Thọ. Xả Tư Duy. Trí Tuệ Đỉnh.
善住立 有志意 無量意
Thiện Trụ Lập. Hữu Chí Ý. Vô Lượng Ý.
妙顏色 聖慧光 誓堅固
Diệu Nhan Sắc. Thánh Tuệ Quang. Thệ Kiên Cố.
吉祥善 有妙英 人蓮華
Cát Tường Thiện. Hữu Diệu Anh. Nhân Liên Hoa.
所在安 慧造佛 功勳布
Sở Tại An. Tuệ Tạo Phật. Công Huân Bố.
光暉佛 梵天施 寶事佛
Quang Huy Phật. Phạm Thiên Thí. Bảo Sự Phật.
妙好華 天神錠 善思義
Diệu Hảo Hoa. Thiên Thần Đĩnh. Thiện Tư Nghĩa.
治自在 名聞意 積辯才
Trì Tự Tại. Danh Văn Ý. Tích Biện Tài.
金剛幢 光曜炎 第十佛
Kim Cương Tràng. Quang Diệu Viêm. Đệ Thập Phật.
諸佛號 各如是 無越樂

Chư Phật Huệ. Các Như Thị. Vô Việt Lạc.

遊寂靜 有勢王 閑天佛

Du Tịch Tĩnh. Hữu Thế Vương. Nhân Thiên Phật.

山幢佛 炎重聖 光亦然

Sơn Tràng Phật. Viêm Trọng Thánh. Quang Diệc Nhiên.

寶藏佛 不樂越 勝大界

Bảo Tạng Phật. Bất Lạc Việt. Thắng Đại Giới.

三世護 號德稱 月炎光

Tam Thế Hộ. Huệ Đức Xưng. Nguyệt Viêm Quang.

晃明照 臨以時 行首藏

Hoảng Minh Chiếu. Lâm Dĩ Thời. Hạnh Thủ Tạng.

所奉行 而示現 焰照佛

Sở Phụng Hành. Nhi Thị Hiện. Diệm Chiếu Phật.

光明尊 紫金山 師子施

Quang Minh Tôn. Tử Kim Sơn. Sư Tử Thí.

莫能幢 人中王 光炎稱

Mạc Năng Tràng. Nhân Trung Vương. Quang Viêm Xưng.

堅精進 無損稱 離於畏

Kiên Tinh Tiến. Vô Tồn Xưng. Ly Ư Ủy.

無著天 大燈明 饒益世

Vô Trước Thiên. Đại Đăng Minh. Nhiều Ích Thế.

微美香 特德尊 損於冥

Vi Mỹ Hương. Đặc Đức Tôn. Tồn Ư Minh.

第等倫 得自在 師子誓

Đệ Đẳng Luân. Đặc Tự Tại. Sư Tử Thệ.

名寶稱 消滅穢 執甘露

Danh Bảo Xưng. Tiêu Diệt Uế. Chấp Cam Lộ.

意中月 日無畏 以莊嚴

Ý Trung Nguyệt. Nhật Vô Ủy. Dĩ Trang Nghiêm.

意珠光 首英項 造法本

Ý Châu Quang. Thủ Anh Hạng. Tạo Pháp Bản.

第一義 決眾理 施所願

Đệ Nhất Nghĩa. Quyết Chúng Lý. Thí Sở Nguyên.

寶品身 重根劫 欲濟度

Bảo Phẩm Thân. Trọng Căn Kiếp. Dục Tế Độ.

樂意住 分別部 師子音

Lạc Ý Trụ. Phân Biệt Bộ. Sư Tử Âm.

號戲樂 柔男子 清和佛
Hiệu Hí Lạc. Nhu Nam Tử. Thanh Hòa Phật.
龍光佛 華山氏 龍忻豫
Long Quang Phật. Hoa Sơn Thị. Long Hân Dự.
香甚豪 名稱佛 勢大天
Hương Thâm Hào. Danh Xung Phật. Thế Đại Thiên.
功勳鬘 饒益龍 嚴節目
Công Huân Man. Nhiều Ích Long. Nghiêm Súc Mục.
善行道 至成佛 愍傷氏
Thiện Hành Đạo. Chí Thành Phật. Mẫn Thương Thị.
了慧佛 無量氏 顯明佛
Liễu Tuệ Phật. Vô Lượng Thị. Hiền Minh Phật.
號至誠 日光曜 以決意
Hiệu Chí Thành. Nhật Quang Diệu. Dĩ Quyết Ý.
無限佛 顏貌像 照明佛
Vô Hạn Phật. Nhan Mạo Tượng. Chiếu Minh Phật.
寶英氏 決狐疑 師子顧
Bảo Anh Thị. Quyết Hồ Nghi. Sư Tử Cố.
至安穩 號柔(歹*(葛-白+日)) 善齋佛
Chí An Ổn. Hiệu Nhu Viêt. Thiện Hiệp Phật.
不虛覺 妙華英 帝石根
Bất Hư Giác. Diệu Hoa Anh. Đế Thạch Căn.
號大威 造作現 無量佛
Hiệu Đại Uy. Tạo Tác Hiện. Vô Lượng Phật.
名稱寶 天隨氏 解義矣
Danh Xung Bảo. Thiên Tùy Thị. Giải Nghĩa Hĩ.
具足意 稱高藏 無憂佛
Cụ Túc Ý. Xung Cao Tạng. Vô Ưu Phật.
離垢氏 梵天佛 總持豪
Ly Cấu Thị. Phạm Thiên Phật. Tổng Trì Hào.
目華佛 離行體 號法光
Mục Hoa Phật. Ly Hành Thể. Hiệu Pháp Quang.
無毀現 德喜悅 三界奉
Vô Hủy Hiện. Đức Hỉ Duyệt. Tam Giới Phụng.
名開葉 寶光氏 寶英佛
Danh Khai Diệp. Bảo Quang Thị. Bảo Anh Phật.
上名聞 造光佛 無量威

Thượng Danh Văn. Tạo Quang Phật. Vô Lượng Uy.

以隨時 師子身 明意佛

Dĩ Tùy Thời. Sư Tử Thân. Minh Ý Phật.

難勝氏 功德體 名稱英

Nan Thắng Thị. Công Đức Thể. Danh Xung Anh.

得力勢 遊無限 離垢月

Đắc Lực Thế. Du Vô Hạn. Ly Cấu Nguyệt.

普現義 勇猛佛 功福富

Phổ Hiện Nghĩa. Dũng Mạnh Phật. Công Phúc Phú.

月燈光 至德曜 意離垢

Nguyệt Đăng Quang. Chí Đức Diệu. Ý Ly Cấu.

善寂然 號善天 永捨垢

Thiện Tịch Nhiên. Hiệu Thiện Thiên. Vĩnh Xả Cấu.

以無勝 執殊供 無量氏

Dĩ Vô Thắng. Chấp Thù Cung. Vô Lượng Thị.

最好曜 無卑藏 無所住

Tối Hảo Diệu. Vô Ti Tạng. Vô Sở Trụ.

以復覺 日尊重 俗之光

Dĩ Phục Giác. Nhật Tôn Trọng. Tục Chi Quang.

日善佛 福豐饒 興威氏

Nhật Thiện Phật. Phúc Phong Nhiêu. Hưng Uy Thị.

號無量 意吉祥 行帝王

Hiệu Vô Lượng. Ý Cát Tường. Hành Đế Vương.

消罷勞 施無熱 施名聞

Tiêu Bại Lao. Thí Vô Nhiệt. Thí Danh Văn.

施興華 施齊士 金剛佛

Thí Hưng Hoa. Thí Tề Sĩ. Kim Cương Phật.

將大施 號意寂 順香手

Tướng Đại Thí. Hiệu Ý Tịch. Thuận Hương Thủ.

鉤鑠氏 號善施 無所卑

Câu Tỏa Thị. Hiệu Thiện Thí. Vô Sở Ti.

廉恪佛 月晃昱 炎英佛

Liêm Khắc Phật. Nguyệt Hoảng Dục. Viêm Anh Phật.

大吉祥 寂然慧 號吉義

Đại Cát Tường. Tịch Nhiên Huệ. Hiệu Cát Nghĩa.

甚山頂 甚調良 蓮華氏

Thậm Sơn Đỉnh. Thậm Điều Lương. Liên Hoa Thị.

無著稱 遊聖慧 離于冥
Vô Trước Xung. Du Thánh Tuệ. Ly Vu Minh.
充滿佛 所在安 郡無損
Sung Mãn Phật. Sở Tại An. Quận Vô Tồn.
名稱天 勤現行 月氏佛
Danh Xung Thiên. Cẩn Hiện Hành. Nguyệt Thị Phật.
多功勳 寶月佛 師子幢
Đa Công Huân. Bảo Nguyệt Phật. Sư Tử Tràng.
樂於慧 無所損 號不戲
Lạc Ứ Tuệ. Vô Sở Tồn. Hiệu Bất Hí.
樂功德 無著佛 名聞氏
Lạc Công Đức. Vô Trước Phật. Danh Văn Thị.
蓮華葉 辦大藏 稱明珠
Liên Hoa Diệp. Biện Đại Tạng. Xung Minh Châu.
號金剛 無量壽 淨明珠
Hiệu Kim Cương. Vô Lượng Thọ. Tịnh Minh Châu.
大根本 超眾惡 名稱月
Đại Căn Bản. Siêu Chúng Ác. Danh Xung Nguyệt.
忻喜光 無所犯 寶意月
Hân Hỷ Quang. Vô Sở Phạm. Bảo Ý Nguyệt.
號寂然 明王施 妙道御
Hiệu Tịch Nhiên. Minh Vương Thí. Diệu Đạo Ngự.
猶自在 寶結佛 以離畏
Do Tự Tại. Bảo Kết Phật. Dĩ Ly Úy.
寶藏佛 若干月 離垢稱
Bảo Tạng Phật. Nhược Can Nguyệt. Ly Cầu Xung.
號寂滅 天恭敬 閑淨天
Hiệu Tịch Diệt. Thiên Cung Kính. Nhân Tịnh Thiên.
善威佛 寶愛敬 寶品佛
Thiện Uy Phật. Bảo Ái Kính. Bảo Phẩm Phật.
寶遊步 師子黨 勝不淨
Bảo Du Bộ. Sư Tử Đảng. Thắng Bất Tịnh.
善意佛 光照世 寶威神
Thiện Ý Phật. Quang Chiếu Thế. Bảo Uy Thần.
離樂氏 號憶智 好清淨
Ly Lạc Thị. Hiệu Ức Trí. Hảo Thanh Tịnh.
化外業 以香手 意炎佛

Hóa Ngoại Nghiệp. Dĩ Hương Thủ. Ý Viêm Phật.

山幢幡 善妙意 堅固燈

Son Trảng Phan. Thiện Diệu Ý. Kiên Cố Đẳng.

威神強 號珠鎧 人堅佛

Uy Thân Cường. Hiệu Châu Khai. Nhân Kiên Phật.

安住月 號梵音 師子月

An Trụ Nguyệt. Hiệu Phạm Âm. Sư Tử Nguyệt.

威神首 號善生 莫能勝

Uy Thân Thủ. Hiệu Thiện Sinh. Mạc Năng Thắng.

月氏佛 慈眾諸 日大趣

Nguyệt Thị Phật. Từ Chúng Chư. Nhật Đại Thú.

山光暉 至德頂 大名聞

Son Quang Huy. Chí Đức Đỉnh. Đại Danh Văn.

號法稱 施光佛 炎曜施

Hiệu Pháp Xưng. Thí Quang Phật. Viêm Diệu Thí.

作至誠 修命業 以善時

Tác Chí Thành. Tu Mệnh Nghiệp. Dĩ Thiện Thời .

善甚重 決了意 志念行

Thiện Thâm Trọng. Quyết Liễu Ý. Chí Niệm Hạnh.

明珠香 勝忻喜 師子光

Minh Châu Hương. Thắng Hân Hỉ. Sư Tử Quang.

號照明 上名聞 善山氏

Hiệu Chiếu Minh. Thượng Danh Văn. Thiện Sơn Thị.

晃昱珠 號光勢 勢無卑

Hoảng Dục Châu. Hiệu Quang Thế. Thế Vô Ti.

勤修焰 明珠月 在世尊

Cần Tu Diệm. Minh Châu Nguyệt. Tại Thế Tôn.

吉祥手 寶忻樂 閑靜明

Cát Tường Thủ. Bảo Hân Lạc. Nhân Tĩnh Minh.

好寂道 光嚴哀 所到寂

Hào Tịch Đạo. Quang Nghiêm Ai. Sở Đáo Tịch.

世善樂 號無憂 順十所

Thế Thiện Lạc. Hiệu Vô Ưu. Thuận Thập Sở.

忻樂力 勢力首 勢威王

Hân Lạc Lực. Thế Lực Thủ. Thế Uy Vương.

大勢至 功勳藏 言至誠

Đại Thế Chí. Công Huân Tạng. Ngôn Chí Thành.

上安穩 炎明佛 大光氏
Thượng An Ôn. Viêm Minh Phật. Đại Quang Thị.
德光明 號寶首 光演香
Đức Quang Minh. Hiệu Bảo Thủ. Quang Diễn Hương.
造燈明 吉像手 善華葉
Tạo Đăng Minh. Cát Tượng Thủ. Thiện Hoa Diệp.
珍寶佛 江海氏 執持地
Trân Bảo Phật. Giang Hải Thị. Chấp Trì Địa.
意義理 意清徹 功德輪
Ý Nghĩa Lý. Ý Thanh Triệt. Công Đức Luân.
寶舍宅 行至義 於世月
Bảo Xá Trạch. Hạnh Chí Nghĩa. Ư Thế Nguyệt.
音柔和 梵英心 面威重
Âm Nhu Hòa. Phạm Anh Tâm. Diện Uy Trọng.
意吉利 堅固施 號福光
Ý Cát Lợi. Kiên Cố Thí. Hiệu Phúc Quang.
大威曜 寶氏佛 號名聞
Đại威曜 寶氏佛 號名聞
Đại Uy Diệu. Bảo Thị Phật. Hiệu Danh Văn.
至重願 無量稱 光不虛
Chí Trọng Nguyện. Vô Lượng Xưng. Quang Bất Hư.
消天嫉 勝根元 眾金剛
Tiêu Thiên Tật. Thắng Căn Nguyên. Chúng Kim Cương.
英善品 妙華群 意證明
Anh Thiện Phẩm. Diệu Hoa Quần. Ý Chứng Minh.
無清行 善思稱 以照曜
Vô Thanh Hành. Thiện Tư Xưng. Dĩ Chiếu Diệu.
神祇品 寂功勳 超越義
Thần Kỳ Phẩm. Tịch Công Huân. Siêu Việt Nghĩa.
住無畏 建立慈 至要藏
Trụ Vô Úy. Kiến Lập Từ. Chí Yếu Tạng.
明珠行 威解脫 善光明
Minh Châu Hạnh. Uy Giải Thoát. Thiện Quang Minh.
至味佛 善度脫 等威神
Chí Vị Phật. Thiện Độ Thoát. Đẳng Uy Thần.
聖慧勝 梵以生 至誠音
Thánh Tuệ Thắng. Phạm Dĩ Sinh. Chí Thành Âm.
善覺佛 勢力施 師子步

Thiện Giác Phật. Thế Lực Thí. Sư Tử Bộ.
號華英 慧事業 慧與華
Hiệu Hoa Anh. Tuệ Sự Nghiệp. Tuệ Dữ Hoa.
功德藏 布名聞 除卑賤
Công Đức Tạng. Bồ Danh Văn. Trừ Tì Tiện.
無恐怖 意光明 於斯梵
Vô Khủng Bố. Ý Quang Minh. Ư Tư Phạm.
自望天 愛事業 真誠天
Tự Vọng Thiên. Ái Sự Nghiệp. Chân Thành Thiên.
明珠藏 功德室 積聖慧
Minh Châu Tạng. Công Đức Thất. Tích Thánh Tuệ.
莫能喻 喜悅喜 堅固願
Mạc Năng Dụ. Hỷ Duyệt Hỷ. Kiên Cố Nguyện.
所施天 梵柔仁 意所趣
Sở Thí Thiên. Phạm Nhu Nhân. Ý Sở Thú.
得消惡 火赫焰 大威神
Đắc Tiêu Ác. Hỏa Hách Diệm. Đại Uy Thần.
Đắc Tiêu Ác. Hỏa Hách Diệm. Đại Uy Thần.
思夷華 鳴吼佛 善計數
Tư Di Hoa. Minh Hống Phật. Thiện Kế Số.
根無憶 大愛敬 善安意
Căn Vô Úc. Đại Ái Kính. Thiện An Ý.
光重曜 弘微妙 主所生
Quang Trọng Diệu. Hoàng Vi Diệu. Chủ Sở Sinh.
精所至 善決義 有境界
Tinh Sở Chí. Thiện Quyết Nghĩa. Hữu Cảnh Giới.
善多佛 迦陀願 救於世
Thiện Đa Phật. Ca Đà Nguyện. Cứu Ư Thế.
福光氏 寶音佛 金剛將
Phúc Quang Thị. Bảo Âm Phật. Kim Cương Tướng.
號富有 師子力 離垢目
Hiệu Phú Hữu. Sư Tử Lực. Ly Cấu Mục.
身解脫 覺清徹 聖慧步
Thân Giải Thoát. Giác Thanh Triệt. Thánh Tuệ Bộ.
威堅固 大光明 日晃曜
Uy Kiên Cố. Đại Quang Minh. Nhật Hoảng Diệu.
體離垢 分別威 無損耗
Thể Ly Cấu. Phân Biệt Uy. Vô Tồn Hao.

柔軟業 月光氏 雷施佛
Nhu Nhuận Nghiệp. Nguyệt Quang Thị. Lô Thích Phật.
行寂然 號無怒 多有證
Hành Tịch Nhiên. Hiệu Vô Nộ. Đa Hữu Chứng.
晃曜田 清淨國 超出上
Hoảng Diệu Điền. Thanh Tịnh Quốc. Siêu Xuất Thượng.
蓮華上 光首佛 寶清淨
Liên Hoa Thượng. Quang Thủ Phật. Bảo Thanh Tịnh.
號極賢 寶上氏 善安明
Hiệu Cực Hiền. Bảo Thượng Thị. Thiện An Minh.
江海施 梵天英 善寶蓋
Giang Hải Thích. Phạm Thiên Anh. Thiện Bảo Cái.
好妙焰 隨時義 明達想
Hảo Diệu Diễm. Tùy Thời Nghĩa. Minh Đạt Tưởng.
功德暉 宣音佛 盛滿月
Công Đức Huy. Tuyên Âm Phật. Thịnh Mãn Nguyệt.
蓮華光 善專精 錠明王
Liên Hoa Quang. Thiện Chuyên Tinh. Đĩnh Minh Vương.
電焰英 光明王 號晃昱
Điện Diễm Anh. Quang Minh Vương. Hiệu Hoảng Dục.
稱無損 蓮華藏 供養至
Xưng Vô Quyên. Liên Hoa Tạng. Cúng Dưỡng Chí.
四禪業 無所得 強勢兵
Tứ Thiền Nghiệp. Vô Sở Đắc. Cường Thế Binh.
功德藏 獨遊步 無礙佛
Công Đức Tạng. Độc Du Bộ. Vô Ngại Phật.
覺意靜 慧光明 號天聖
Giác Ý Tĩnh. Huệ Quang Minh. Hiệu Thiên Thánh.
御光明 應所趣 華英佛
Ngự Quang Minh. Ứng Sở Thú. Hoa Anh Phật.
羅云氏 大篤信 星宿王
La Vân Thị. Đại Đốc Tín. Tinh Tú Vương.
醫王佛 功福平 所覆蓋
Y Vương Phật. Công Phúc Bình. Sở Phúc Cái.
宣暢王 日光明 法藏氏
Tuyên Sướng Vương. Nhật Quang Minh. Pháp Tạng Thị.
善意佛 德根念 損兵刃

Thiện Ý Phật. Đức Căn Niệm. Tở Bình Nhận.
號智積 善住立 善了行
Hiệu Trí Tích. Thiện Trụ Lập. Thiện Liễu Hạnh.
梵天音 龍雷電 和音佛
Phạm Thiên Âm. Long Lô Điện. Hòa Âm Phật.
神通英 聖智品 吉安祥
Thần Thông Anh. Thánh Trí Phẩm. Cát An Tường.
梵平等 妙目療 號布龍
Phạm Bình Đẳng. Diệu Mục Liệu. Hiệu Bồ Long.
至誠英 明了佛 無怯弱
Chí Thành Anh. Minh Liễu Phật. Vô Khiếp Nhược.
寶音聲 柔軟響 號師子
Bảo Âm Thanh. Nhu Nhuyễn Hưởng. Hiệu Sư Tử.
號琦薩 若干辯 勇慧氏
Hiệu Kỳ Tát. Nhược Can Biện. Dũng Tuệ Thị.
蓮華積 號華開 行步至
Liên Hoa Tích. Hiệu Hoa Khai. Hạnh Bộ Chí.
積功德 顏貌貴 主威曜
Tích Công Đức. Nhan Mạo Quý. Chủ Uy Diệu.
月鑿明 威神王 覺王佛
Nguyệt Đẳng Minh. Uy Thân Vương. Giác Vương Phật.
無盡氏 覺達月 號悅豫
Vô Tận Thị. Giác Đạt Nguyệt. Hiệu Duyệt Dự.
智郡上 號最上 逮威施
Trí Quận Thượng. Hiệu Tối Thượng. Đãi Uy Thí.
智慧氏 音柔音 導師元
Trí Tuệ Thị. Âm Nhu Âm. Đạo Sư Nguyên.
聲無礙 施尊藏 豪慧佛
Thanh Vô Ngại. Thí Tôn Tạng. Hào Tuệ Phật.
獨遊步 大晃曜 應根香
Độc Du Bộ. Đại Hoảng Diệu. Ứng Căn Hương.
善光明 布威稱 好顏王
Thiện Quang Minh. Bộ Uy Xưng. Hảo Nhan Vương.
號吉利 師子兵 所止宿
Hiệu Cát Lợi. Sư Tử Binh. Sở Chi Tú.
名聞伏 和妙藏 福光明
Danh Văn Phục. Hòa Diệu Tạng. Phúc Quang Minh.

住良性 證明王 積聖慧
Trụ Lương Tính. Đăng Minh Vương. Tích Thánh Tuệ.
尊天佛 大主元 解了行
Tôn Thiên Phật. Đại Chủ Nguyên. Giải Liễu Hạnh.
號金結 閑靜教 號難勝
Hiệu Kim Kết. Nhân Tĩnh Giáo. Hiệu Nan Thắng.
悅喜人 安明氏 紫金光
Duyệt Hi Nhân. An Minh Thị. Tử Kim Quang.
號妙好 功勳根 法饒益
Hiệu Diệu Hảo. Công Huân Căn. Pháp Nhiêu Ích.
功德多 豐多氏 號虛空
Công Đức Đa. Phong Đa Thị. Hiệu Hư Không.
微妙慧 覺解微 一切威
Vi Diệu Tuệ. Giác Giải Vi. Nhất Thiết Uy.
如藥佛 解脫英 智藏佛
Nhu Dược Phật. Giải Thoát Anh. Trí Tạng Phật
積聖慧 可敬畏 降伏流
Tích Thánh Tuệ. Khả Kính Úy. Hàng Phục Lưu.
解無礙 集至誠 善音響
Giải Vô Ngại. Tập Chí Thành. Thiện Âm Hưởng.
威重帝 應如念 號稱法
Uy Trọng Đế. Ứng Như Niệm. Hiệu Xung Pháp.
解威神 尊化身 言柔軟
Giải Uy Thần. Tôn Hóa Thân. Ngôn Nhu Nhuyễn.
師子鬚 捐重擔 拔眾根
Sư Tử Phát. Quyên Trọng Đảm. Bạt Chúng Căn.
敬師子 法伴侶 遊安穩
Kính Sư Tử. Pháp Bạn Lữ. Du An Ổn.
無怒覺 顏色盛 威神王
Vô Nộ Giác. Nhan Sắc Thịnh. Uy Thần Vương.
號諸覺 善明佛 住立義
Hiệu Chư Giác. Thiện Minh Phật. Trụ Lập Nghĩa.
覺光明 神妙音 威悅眾
Giác Quang Minh. Thần Diệu Âm. Uy Duyệt Chúng.
行不虛 消壞瞋 顏貌尊
Hành Bất Hư. Tiêu Hoại Sân. Nhan Mạo Tôn.
善紫金 調和佛 解脫結

Thiện Tử Kim. Điều Hoà Phật. Giải Thoát Kết.

住於法 號往歸 棄自大

Trụ Ư Pháp. Hiệu Vãng Quy. Khí Tự Đại.

聖慧藏 梵天遊 號梅檀

Thánh Tuệ Tạng. Phạm Thiên Du. Hiệu Chiên Đàn.

無愁感 清淨身 號佛英

Vô Sầu Thích. Thanh Tịnh Thân. Hiệu Phật Anh.

蓮華佛 威無量 天光曜

Liên Hoa Phật. Uy Vô Lượng. Thiên Quang Diệu.

聖智華 號作斯 功德慧

Thánh Trí Hoa. Hiệu Tác Tư. Công Đức Tuệ.

梵天居 寶牽佛 帝王氏

Phạm Thiên Cư. Bảo Khiên Phật. Đế Vương Thị.

無損佛 至尊教 水帝王

Vô Tôn Phật. Chí Tôn Giáo. Thủy Đế Vương.

星明氏 無所害 琉璃藏

Tinh Minh Thị. Vô Sờ Hại. Lưu Ly Tạng.

號天華 揚名稱 弓身光

Hiệu Thiên Hoa. Dương Danh Xung. Cung Thân Quang.

極善明 一切勳 甚貴光

Cực Thiện Minh. Nhất Thiết Huân. Thập Quý Quang.

珍寶佛 元首氏 妙丈夫

Trân Bảo Phật. Nguyên Thủ Thị. Diệu Trọng Phu.

號月所 無量光 快意念

Hiệu Nguyệt Sở. Vô Lượng Quang. Khoái Ý Niệm.

炎明佛 視無厭 師子佛

Viêm Minh Phật. Thị Vô Yếm. Sư Tử Phật.

好樂慧 山根本 寂然德

Hào Lạc Tuệ. Sơn Căn Bản. Tịch Nhiên Đức.

積勢力 宜義帝 暢善聲

Tích Thế Lực. Nghi Nghĩa Đế. Sướng Thiện Thanh.

號快華 住於義 威德王

Hiệu Khoái Hoa. Trụ Ư Nghĩa. Uy Đức Vương.

慧無等 號無限 音響佛

Tuệ Vô Đẳng. Hiệu Vô Hạn. Âm Hưởng Phật.

名殊勝 善光明 安穩斯

Danh Thù Thắng. Thiện Quang Minh. An Ổn Tư.

解說佛 心思義 號極貴
Giải Thuyết Phật. Tâm Tư Nghĩa. Hiệu Cực Quý.
宣暢音 晃昱業 等虛空
Tuyên Sướng Âm. Hoảng Dục Nghiệp. Đẳng Hư Không.
身名聞 利寂然 無瑕穢
Thân Danh Văn. Lợi Tịch Nhiên. Vô Hà Uế.
號清淨 意習行 蓮華佛
Hiệu Thanh Tịnh. Ý Tập Hành. Liên Hoa Phật.
順品第 善光曜 妙辯才
Thuận Phẩm Đệ. Thiện Quang Diệu. Diệu Biện Tài.
號盡極 善周遍 重根元
Hiệu Tận Cực. Thiện Chu Biển. Trọng Căn Nguyên.
離怖畏 慧清白 安住佛
Ly Bố Úy. Tuệ Thanh Bạch. An Trụ Phật.
宣辯才 最明目 覺名聞
Tuyên Biện Tài. Tối Minh Mục. Giác Danh Văn.
常空佛 月寂然 無恐懼
Thường Không Phật. Nguyệt Tịch Nhiên. Vô Khủng Cụ.
大顯現 梵天氏 好音響
Đại Hiện Hiện. Phạm Thiên Thị. Hảo Âm Hưởng.
Đại Thánh Huệ 度邊際 普無際
Đại Thánh Huệ. Độ Biên Tế. Phổ Vô Tế.
覺了意 樹根元 行極順
Giác Liễu Ý. Thụ Căn Nguyên. Hành Cực Thuận.
清除音 寂功德 有力勢
Thanh Trừ Âm. Tịch Công Đức. Hữu Lực Thế.
號強首 敬聖佛 以逮德
Hiệu Cường Thủ. Kính Thánh Phật. Dĩ Đãi Đức.
號明味 雷震吼 兩音聲
Hiệu Minh Vị. Lôi Chấn Hống. Vũ Âm Thanh.
眼愛敬 仁賢氏 明極快
Nhãn Ái Kính. Nhân Hiền Thị. Minh Cực Khoái.
極富有 合集德 而寂然
Cực Phú Hữu. Hợp Tập Đức. Nhi Tịch Nhiên.
號悅豫 法幢幡 至聖響
Hiệu Duyệt Dự. Pháp Tràng Phan. Chí Thánh Hưởng.
心虛空 法祠音 功德佛

Tâm Hư Không. Pháp Từ Âm. Công Đức Phật.
分別音 德光明 有威神
Phân Biệt Âm. Đức Quang Minh. Hữu Uy Thần.
達根元 有意念 有捷辯
Đạt Căn Nguyên. Hữu Ý Niệm. Hữu Tiệp Biện.
寂然輪 仁善王 若干月
Tịch Nhiên Luân. Nhân Thiện Vương. Nhược Can Nguyệt.
曰遠聞 無垢塵 德至誠
Viết Viễn Văn. Vô Cấu Trần. Đức Chí Thành.
殊妙華 德幢幡 群辯才
Thù Diệu Hoa. Đức Tràng Phan. Quần Biện Tài.
好珍寶 懷悅豫 敬愛月
Hảo Trân Bảo. Hoài Duyệt Dự. Kính Ái Nguyệt.
無卒暴 師子力 自在王
Vô Tốt Bạo. Sư Tử Lực. Tự Tại Vương.
悅無量 平等業 無瞋恚
Duyệt Vô Lượng. Bình Đẳng Nghiệp. Vô Sân Khúể.
滅垢穢 頌宣宜 慧無愚
Diệt Cấu Uế. Ban Tuyên Nghi. Tuệ Vô Ngụ.
玄妙佛 善仁賢 而應住
Huyền Diệu Phật. Thiện Nhân Hiền. Nhi Ứng Trụ.
十慧寂 言談帝 號丈夫
Thập Tuệ Tịch. Ngôn Đàm Đế. Hiệu Trọng Phu.
有深意 行無量 有法力
Hữu Thâm Ý. Hạnh Vô Lượng. Hữu Pháp Lực.
至供養 華光明 在三世
Chí Cúng Dưỡng. Hoa Quang Minh. Tại Tam Thế.
間靜供 日曜藏 天奉事
Gian Tĩnh Cung. Nhật Diệu Tạng. Thiên Phụng Sự.
幢幡佛 有解脫 至真髮
Tràng Phan Phật. Hữu Giải Thoát. Chí Chân Phát.
演甘露 極殊異 堅雄心
Diễn Cam Lộ. Cực Thù Dị. Kiên Hùng Tâm.
真珍寶 光明品 遊玄妙
Chân Trân Bảo. Quang Minh Phẩm. Du Huyền Diệu.
言辭淨 震光明 積功德
Ngôn Từ Tịnh. Chân Quang Minh. Tích Công Đức.

演光曜 無損首 師子步
Diễn Quang Diệu. Vô Tổn Thủ. Sư Tử Bộ.
超出難 布施華 顏悅豫
Siêu Xuất Nan. Bố Thí Hoa. Nhan Duyệt Dự.
紅蓮華 好愛慧 淨玄珠
Hồng Liên Hoa. Hảo Ái Tuệ. Tịnh Huyền Châu.
清無虛 慧聖明 謙卑行
Thanh Vô Hư. Tuệ Thánh Minh. Khiêm Ti Hành.
除幢幡 善思惟 好脫門
Trừ Tràng Phan. Thiện Tư Duy. Hảo Thoát Môn.
曉了明 聞如海 總持寶
Hiểu Liễu Minh. Văn Như Hải. Tổng Trì Bảo.
成智識 可悅意 暢音聲
Thành Trí Thức. Khả Duyệt Ý. Sướng Âm Thanh.
見無業 好所樂 斷垢塵
Kiến Vô Nghiệp. Hảo Sở Lạc. Đoạn Cấu Trần.
行極邊 多化異 天布響
Hành Cực Biên. Đa Hóa Dị. Thiên Bố Hưởng.
寶游步 紅蓮華 象香首
Bảo Du Bộ. Hồng Liên Hoa. Tượng Hương Thủ.
伏怨敵 富多聞 恨善郡
Phục Oán Địch. Phú Đa Văn. Hận Thiện Quận.
妙華光 師子響 月遊住
Diệu Hoa Quang. Sư Tử Hưởng. Nguyệt Du Trụ.
定壞冥 無所動 忍細步
Định Hoại Minh. Vô Sở Động. Nhẫn Tế Bộ.
福燈度 囑累音 而最上
Phúc Đăng Độ. Chúc Lũy Âm. Nhi Tối Thượng.
精進力 住術意 發寂然
Tinh Tiến Lực. Trụ Thuật Ý. Phát Tịch Nhiên.
妙善月 覺意華 吉祥善
Diệu Thiện Nguyệt. Giác Ý Hoa. Cát Tường Thiện.
所言快 慧勢力 威方便
Sở Ngôn Khoái. Tuệ Thế Lực. Uy Phương Tiện.
鐙火光 行步強 天音聲
Đăng Hỏa Quang. Hành Bộ Cường. Thiên Âm Thanh.
順寂然 若干日 以隨時

Thuận Tịch Nhiên. Nhược Can Nhật. Dĩ Tùy Thời.

安樂佛 戒光明 修建立

An Lạc Phật. Giới Quang Minh. Tu Kiến Lập.

無塵埃 安住和 有聖慧

Vô Trần Ai. An Trụ Hòa. Hữu Thánh Tuệ.

轉增益 香光明 因順時

Chuyển Tăng Ích. Hương Quang Minh. Nhân Thuận Thời.

音暉曜 柔軟業 無罣礙

Âm Huy Diệu. Nhu Nhuyễn Nghiệp. Vô Quả Ngại.

寂幢幡 趣最道 行玄妙

Tịch Tràng Phan. Thú Tối Đạo. Hạnh Huyền Diệu.

愛敬寶 法所遊 而言天

Ái Kính Bảo. Pháp Sở Du. Nhi Ngôn Thiên.

無極慈 善知友 步寂然

Vô Cực Từ. Thiện Tri Hữu. Bộ Tịch Nhiên.

無量土 明曜山 賢所歎

Vô Lượng Thổ. Minh Diệu Sơn. Hiền Sở Thán.

興發道 斯威神 所現光

Hưng Phát Đạo. Tư Uy Thần. Sở Hiện Quang.

報善行 逮極善 離憂感

Báo Thiện Hạnh. Đãi Cực Thiện. Ly Ưu Thích.

寶光明 所行道 功福行

Bảo Quang Minh. Sở Hành Đạo. Công Phúc Hạnh.

德如海 若干品 降伏魔

Đức Như Hải. Nhược Can Phẩm. Hàng Phục Ma.

除害非 所宿止 入外學

Trừ Hại Phi. Sở Tú Chỉ. Nhập Ngoại Học.

無壞意 能思遠 因所誠

Vô Hoại Ý. Năng Tư Viễn. Nhân Sở Thành.

取重解 斯愛敬 道幢幡

Thủ Trọng Giải. Tư Ái Kính. Đạo Tràng Phan.

聖慧響 號須深 斯梵天

Thánh Tuệ Hưởng. Hiệu Tu Thâm. Tư Phạm Thiên.

樂隱佛 神足英 勝根地

Lạc Ẩn Phật. Thần Túc Anh. Thắng Căn Địa.

所執持 日恭恪 月宮生

Sở Chấp Trì. Nhật Cung Khác. Nguyệt Cung Sinh.

迦益華 賢所施 持精明
Ca Ích Hoa. Hiền Sở Thí. Trì Tinh Minh.
福所哀 好樂力 善音說
Phúc Sở Ai. Hào Lạc Lực. Thiện Âm Thuyết.
法貴佛 梵天響 其快善
Pháp Quý Phật. Phạm Thiên Hưởng. Kỳ Khoái Thiện.
無缺漏 覺舉號 大弘廣
Vô Khuyết Lậu. Giác Cử Hiệu. Đại Hoằng Quảng.
名聞稱 英妙意 暢神音
Danh Văn Xưng. Anh Diệu Ý. Sướng Thần Âm.
師音樹 棄愚癡 降甘露
Sư Âm Thụ. Khí Ngu Si. Giáng Cam Lộ.
仁賢月 辯無量 宣名稱
Nhân Hiền Nguyệt. Biện Vô Lượng. Tuyên Danh Xưng.
應性行 供養度 而懷憂
Ứng Tính Hạnh. Cúng Dưỡng Độ. Nhi Hoài Ưu.
愛樂安 虛俗志 樂所趣
Ái Lạc An. Hư Tục Chí. Lạc Sở Thú.
歸所行 破眾業 青蓮華
Quy Sở Hành. Phá Chúng Nghiệp. Thanh Liên Hoa.
調華佛 永無底 宣辯才
Điều Hoa Phật. Vĩnh Vô Đẽ. Tuyên Biện Tài.
號光曜 斯逮致 有功勳
Hiệu Quang Diệu. Tư Đãi Trí. Hữu Công Huân.
御精進 天竟域 最上行
Ngự Tinh Tiến. Thiên Cảnh Vực. Tối Thượng Hạnh.
習好樂 功福意 亘明曜
Tập Hào Lạc. Công Phúc Ý. Tuyên Minh Diệu.
德無量 集威神 師子步
Đức Vô Lượng. Tập Uy Thần. Sư Tử Bộ.
妙無動 行晃曜 龍音響
Diệu Vô Động. Hành Hoảng Diệu. Long Âm Hưởng.
執持輪 尊勢象 樂哀世
Chấp Trì Luân. Tôn Thế Tượng. Lạc Ai Thế.
法音佛 樂無底 號名稱
Pháp Âm Phật. Lạc Vô Đẽ. Hiệu Danh Xưng.
雨幢佛 雨德行 美好香

Vũ Tràng Phật. Vũ Đức Hạnh. Mỹ Hào Hương.

號虛空 音響辭 天帝王

Hiệu Hư Không. Âm Hưởng Từ. Thiên Đế Vương.

弘明珠 善財業 燈火焰

Hoàng Minh Châu. Thiện Tài Nghiệp. Đăng Hỏa Diệm.

斷根王 閑寂靜 主安穩

Đoạn Căn Vương. Nhân Tịch Tĩnh. Chủ An Ổn.

師子音 流寶名 建立義

Sư Tử Âm. Lưu Bảo Danh. Kiến Lập Nghĩa.

建示現 所有華 眉間光

Kiến Thị Hiện. Sở Hữu Hoa. My Gian Quang.

無邊際 辯才王 (邱-丘+半)伴慧

Vô Biên Tế. Biện Tài Vương. Bán Bạ Tuệ.

由自在 師子髮 遊晃煜

Do Tự Tại. Sư Tử Phát. Du Hoảng Dục.

德燈焰 月暉曜 無所愁

Đức Đăng Diệm. Nguyệt Huy Diệu. Vô Sở Sầu.

郡土地 心覺解 殊勝法

Quận Thổ Địa. Tâm Giác Giải. Thù Thắng Pháp.

安光教 應美香 其有力

An Quang Giáo. Ứng Mỹ Hương. Kỳ Hữu Lực.

智慧華 其音強 順安穩

Trí Tuệ Hoa. Kỳ Âm Cường. Thuận An Ổn.

義理氏 好愛喜 得致勝

Nghĩa Lý Thị. Hảo Ái Hi. Đắc Trí Thắng.

執衣鉢 行寂然 人師子

Chấp Y Bát. Hành Tịch Nhiên. Nhân Sư Tử.

有名稱 號樓由

Hữu Danh Xưng. Hiệu Lô Do.

是賢劫中有斯千佛興現出世。度脫十方一切眾生。

Thị Hiền Kiếp trung hữu tư thiên Phật hưng hiện xuất thế. Độ thoát Thập phương nhất thiết chúng sinh.

Trong Kiếp Hiền đó có nghìn Phật đây hưng khởi xuất hiện ở đời. Độ thoát tất cả chúng sinh 10 phương.

是千佛等各有名號皆如是像。

Thị thiên Phật đẳng các hữu danh hiệu giai như thị tượng.

Nghìn Phật đó cùng với từng người có tên hiệu đều như hình tượng đó.

若有人聞受持諷誦。執學心懷專精了識。

Nhược hữu nhân văn thụ trì phúng tụng. Chấp học tâm hoài chuyên tinh liễu thức.

Nếu có người nghe nhận giữ đọc to tụng. Chăm giữ học tâm nhớ chuyên cần tinh thông nhận thức rõ.

行無放逸和同供養。棄眾惡趣勤苦之患。

Hành vô phóng dật hòa đồng cúng dưỡng. Khí chúng ác thú cần khổ chi hoạn.

Thực hành không phóng túng hòa đồng cúng dưỡng. Bỏ các hướng ác cần khổ hoạn nạn.

長得安穩住于禁戒。諸所將信順喜經道。

Trường đắc an ổn trụ vu Cấm-giới. Chư sở tương tín thuận hỉ Kinh đạo.

Tăng thêm được yên ổn, ở trong Giới cấm. Tất cả được Đức tin vui thuận theo Kinh Đạo.

應行清淨值具足果。此深妙忍根元法忍。

Ứng hành Thanh tịnh trực cụ túc quả. Thử thâm diệu Nhẫn căn nguyên Pháp-nhẫn.

Thuận theo thi hành Thanh tịnh đầy đủ quả quý giá. Nhẫn thâm sâu vi diệu này, nguồn gốc của Pháp Nhẫn vốn có.

護一切世若干億劫。犯諸惡行不知罪福果之報應。

Hộ nhất thiết thế nhược can ức Kiếp. Phạm chư ác hạnh bất tri tội Phúc quả chi báo ứng.

Bảo vệ tất cả Thế gian rất nhiều triệu Kiếp. Phạm các hạnh ác không biết tội Phúc quả của báo ứng.

聞諸佛名除一切罪無復眾患。

Văn chư Phật danh trừ nhất thiết tội vô phục chúng hoạn.

Nghe danh hiệu các Phật trừ diệt tất cả tội, các hoạn nạn không trở lại.

假使有持是諸佛名一切尊號。致得神足一心定意。

Giả sử hữu trì thị chư Phật danh nhất thiết tôn hiệu. Trí đắc Thần-túc Nhất tâm Định ý.

Nếu như có giữ tất cả tên hiệu tôn kính của các Phật đó. Dem tới được Thần thông biến hóa Nhất tâm Định ý.

若有凡庶逮得見聞自在值此。斯眾導師御行經典。

Nhược hữu phàm thứ đãi đắc kiến văn Tự-tại trực thử. Tư chúng Đạo-sư ngự hành Kinh điển.

Nếu có người Phàm dân nghèo nắm lấy được nghe nhìn thấy, tự do trực tiếp điều này. Nếu các Đạo sư điều khiển thực hành Kinh điển.

懷來億載無量功祚。所解說義暢達音慧。

Hoài lai ức tải vô lượng công tộ. Sở giải thuyết nghĩa sướng đạt âm tuệ.

Nhớ tới triệu lần công Phúc vô lượng. Nếu giảng giải nghĩa thông suốt âm Trí tuệ.

因得值見斯三昧定。性行清淨心無猶豫。

Nhân đắc trực kiến tư Tam-muội Định. Tính hạnh Thanh tịnh tâm vô do dự.

Nhân do được trực tiếp nhìn thấy Tam Muội Định đó. Tính hạnh Thanh tịnh tâm không do dự.

所興發慧不著三界。以逮總持存在心懷。

Sở hưng phát tuệ bất trước Tam-giới. Dĩ đãi Tổng-trì tồn tại tâm hoài.

Nếu hưng phát Trí tuệ, không nương nhờ 3 Cõi giới. Do nắm lấy Tổng trì tâm nhớ tồn tại.

Hiền Kiếp Kinh 1

是等當行此三昧定。

Thị đẳng đương hành thử Tam-muội Định.

Như thế đang thực hành Tam Muội Định này.

賢劫經卷第六

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ lục.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 6.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

=====

HIEN KIEP KINH Q7

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第七

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ thất.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 7.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

千佛興立品第二十一

Thiên Phật hưng lập phẩm đệ nhị thập nhất.

Phẩm thứ 21 Hưng lập dựng nghìn Phật.

爾時喜王菩薩復白佛言：善哉！世尊！

Nhĩ thời Hĩ-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn：Thiện tai！Thế Tôn！

Khi đó Hĩ Vương Bồ Tát lại bạch Phật nói rằng：Thiện thay！Thế Tôn！

願說賢劫諸佛名號。及佛父母佛子侍者。

Nguyên thuyết Hiền Kiếp chư Phật danh hiệu. Cập Phật phụ mẫu Phật-tử thị giả.

Mong nguyện nói tên hiệu các Phật ở Kiếp Hiền. Cùng với cha mẹ của Phật, con trai của Phật người giúp việc.

上首聖尊諸弟子等。舍利光明壽命長短。

Thượng thủ Thánh tôn chư Đệ-tử đẳng. Xá-lợi Quang-minh thọ mệnh trường đoản.

Các đệ Tử hàng đầu của Thánh Tôn. Xá Lợi Quang sáng thọ mệnh dài ngắn.

比丘眾會法立年數。種姓佛教經法流布。

Tì-kheo chúng hội Pháp lập niên số. Chủng tính Phật giáo Kinh Pháp lưu bố.

Hội chúng Tì Kheo Pháp lập dựng số năm. Họ tộc Phật, dạy truyền bá Kinh Pháp.

所可度脫諸天人民。使會者聞心開意悅皆發道心。

Sở khả độ thoát chư Thiên Nhân dân. Sử hội giả văn tâm khai ý duyệt giai phát Đạo tâm.

Nếu có thể độ thoát nhân dân người Trời. Khiến cho người trong hội nghe thấy, tâm khai sáng ý vui vẻ, đều phát tâm Đạo.

多所哀念多所安隱。愍傷諸天及十方人一切眾生。

Đa sở ai niệm đa sở an ổn. Mẫn thương chư Thiên cấp Thập phương nhân nhất thiết chúng sinh. Được nhiều thương nhớ được nhiều yên ổn. Thương xót các Trời cùng với người 10 phương tất cả chúng sinh.

又將來世諸菩薩施。以得聽受是經法已。

Hựu Tương-lai thế chư Bồ-tát thí. Dĩ đắc thính thụ thị Kinh Pháp dĩ.

Mới lại thời Tương lai Bồ thí các Bồ Tát. Do đã được nghe nhận Kinh Pháp đó.

益加樂學志願尊法為顯大明。唯垂大哀。重為散意令三界蒙。

Ích gia nhạo học chí nguyện tôn Pháp vi hiển đại minh. Duy thù đại ai trùng vi tán ý linh Tam-giới mông.

Tăng thêm ích ham học, chí nguyện tôn kính Pháp, vì hiện ra rõ sáng lớn. Mong rủ lòng thương xót lớn nhắc lại ý bị mất, giúp cho 3 Cõi giới được ân.

佛告喜王菩薩！今當說之諦聽善思！唯諾啟受。

Phật cáo Hi-vương Bồ-tát ! Kim đương thuyết chi để thính thiện tư ! Duy nặc khải thụ.

Phật bảo Hi Vương Bồ Tát ! Nay cần nói Pháp, nghe tuệ tư duy tuệ ! Vâng theo bắt đầu nhận.

喜王菩薩與諸大眾受教專精一心皆聽。

Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo chuyên tinh nhất tâm giai thính.

Hi Vương Bồ Tát cùng với Đại Chúng nhận giáo lý chuyên cần tinh thông nhất tâm đều nghe.

佛言：拘留孫如來至真等正覺所生土地。

Phật ngôn : Câu Lưu Tôn Như Lai chí Chân-đẳng Chính-giác sở sinh thổ địa.

Phật nói rằng : Câu Lưu Tôn Như Lai được Chân Đẳng Chính Giác nơi Đất nước được sinh.

城名仁賢。王所治處。姓曰迦葉。父曰祠祀施。

Thành danh Nhân-hiền, Vương sở trị xứ. Tính viết Ca-diệp, phụ viết Từ-tự-thí.

Thành tên là Nhân Hiền, nơi cai quản của Vua. Họ là Ca Diệp Cha là Từ Tự Thi.

梵志種所生。母字維耶妙勝。子曰上勝。

Phạm-chí chủng sở sinh. Mẫu tự Duy-da Diệu-thắng. Tử viết Thượng-thắng.

Được sinh từ giòng dõi Phạm Chí. Tên mẹ là Duy da Diệu thắng. Con trai là Thượng Thắng.

侍者名覺意。智慧弟子維頭。神足曰抄兒。

Thị giả danh Giác-ý. Trí-tuệ Đệ-tử Duy-đầu. Thần-túc viết Sao-nhi.

Tên người giúp việc là Giác Ý. Đệ Tử Trí tuệ là Duy Đầu, Đệ Tử Thần thông biến hóa là Sao Nhi.

其佛身光照四十里。一會說經四萬比丘。

Kỳ Phật thân quang chiếu tứ thập lý. Nhất hội thuyết Kinh tứ vạn Tì-kheo.

Quang thân của Phật đó chiếu soi 20 km. Hội đầu tiên nói Kinh có 4 vạn Tì Kheo.

二會七萬。三會六萬。皆成聲聞。

Nhị hội thất vạn. Tam hội lục vạn. Giai thành Thanh-văn.

Hội thứ hai có 7 vạn. Hội thứ 3 có 6 vạn. Điều thành Thanh Văn.

佛在世時人壽四萬歲。正法住世八萬歲。舍利并合作一大寺。

Phật tại thế thời nhân thọ tứ vạn tuế. Chính-Pháp trụ thế bát vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp tác nhất đại Tự.

Khi Phật ở đời người thọ 4 vạn năm. Chính Pháp ở đời 8 vạn năm. Xá Lợi toàn thân xây một Chùa lớn.

拘那含牟尼如來至真所生土地，城名上被。

Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai chí chân sở sinh thổ địa, thành danh Thượng-bị.

Câu Na Hàm Mâu Ni Như Lai được Chân Chính ở Đất nước được sinh, thành tên là Thượng Bị.

梵志種父名施尊。母字上妙。

Phạm-chí chủng phụ danh Thí-tôn. Mẫu tự Thượng-diệu.

Cha giòng dõi Phạm chí tên là Thi Tôn. Mẹ tên là Thương Diệu.

子曰澤明集。侍者曰吉善。智慧弟子曰最上。

Tử viết Trạch-minh-tập. Thị giả viết Cát-thiện. Trí-tuệ Đệ-tử viết Tối-thượng.

Con trai tên là Trạch Minh Tập. Người giúp việc tên là Cát Thiện. Đệ Tử Trí tuệ tên là Tối Thượng.

神足曰不舍。佛在世時人壽三萬歲。

Thần-túc viết Bất-xá. Phật tại thế thời nhân thọ tam vạn tuế.

Thần thông biến hóa tên là Bất Xá. Khi Phật ở đời người thọ 3 vạn năm.

一會說經七萬比丘。二會六萬。三會五萬。皆得羅漢。

Nhất hội thuyết Kinh thất vạn Tì-kheo. Nhị hội lục vạn. Tam hội ngũ vạn. Giai đắc La-hán.

Hội đầu tiên nói Kinh có 7 vạn Tì Kheo. Hội thứ hai có 6 vạn. Hội thứ 3 có 5 vạn. Điều thành La Hán.

其佛光明照二十里。正法存立千歲。舍利并合興一大寺。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thập lý. Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 10 km. Chính Pháp lập dựng còn lại 1 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng dựng một Chùa lớn.

迦葉如來所生土地。城名神氏。佛光照十里。

Ca Diệp Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thần-thị. Phật quang chiếu thập lý.

Ca Diệp Như Lai ở Đất nước được sinh. Thành tên là Thần Thị. Quang của Phật chiếu soi 5 km.

梵志種父名梵施。母字經業。子曰導師。侍者曰普友。

Phạm-chí chủng phụ danh Phạm-thí. Mẫu tự Kinh-nghiệp. Tử viết Đạo-sur. Thị giả viết Phổ-hữu.

Cha giòng dõi Phạm chí tên là Phạm Thí. Mẹ tên là Kinh Nghiệp. Con trai tên là Đạo Sur. Người giúp việc tên là Phổ Hữu.

上首智慧弟子名開明。神足曰坻舍。佛在世時人壽二萬歲。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Khai-minh. Thần-túc viết Chi-xá. Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn tuế.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Khai Minh. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Chi Xá. Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn năm.

一會說經二萬比丘。二會萬八千。三會萬六千。

Nhất hội thuyết Kinh nhị vạn Tì-kheo. Nhị hội vạn bát thiên. Tam hội vạn lục thiên.

Hội đầu tiên nói Kinh có 2 vạn Tì Kheo. Hội thứ hai có 1 vạn 8 nghìn. Hội thứ 3 có 1 vạn 6 nghìn.

皆得道證。正法存立七萬歲。舍利并合興一大寺。

Giai đắc Đạo chứng. Chính-Pháp tồn lập thất vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Đều chứng được Đạo. Chính Pháp lập dựng còn lại 7 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng dựng một Chùa lớn.

喜王聽之！今我能仁所生土地。城名迦維羅衛。

Hỉ-vương thính chi ! Kim ngã năng nhân sở sinh thổ địa. Thành danh Ca-duy La-vệ.

Hỉ Vương nghe đây ! Ta nay có thể nhân từ ở Đất nước được sinh. Thành tên là Ca duy La vệ.

君子種姓瞿曇。其光圓照七尺。

Quân tử chủng tính Cồ Đàm. Kỳ Quang viên chiếu thất xích.

Giòng dõi Quân Tử họ Cồ Đàm. Vòng Quang của Ta chiếu soi 7 thước.

父曰白淨。母字極妙。子曰羅雲。侍者曰阿難。

Phụ viết Bạch-tịnh. Mẫu tự Cực-diệu. Tử viết La-vân. Thị giả viết A-nan.

Cha tên là Bạch Tịnh. Mẹ tên là Cực Diệu. Con trai tên là La Vân. Người giúp việc tên là A Nan.

智慧上首弟子字舍利弗。神足弟子曰目連。

Trí-tuệ thượng thủ Đệ-tử tự Xá-lợi-phát. Thần-túc Đệ-tử viết Mục-liên.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Xá Lợi Phát. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Mục Liên.

今世人壽百歲或長或短。一會說經千二百五十比丘眾。

Kim thế nhân thọ bách tuế hoặc trường hoặc đoản. Nhất hội thuyết Kinh thiên nhị bách ngũ thập Tì-kheo chúng .

Đời nay người thọ 100 năm hoặc dài hay ngắn. Hội đầu tiên nói Kinh có 1.250 các Tì Kheo.

皆得道證。舍利普布八方上下。

Giai đắc Đạo chứng. Xá-lợi phổ bố bát phương thượng hạ.

Đều chứng được Đạo. Xá Lợi phân bố khắp cả 8 phương trên dưới.

正法存立五百歲。像法存立亦五百歲。

Chính-Pháp tồn lập ngũ bách tuế. Tượng Pháp tồn lập diệt ngũ bách tuế.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 500 năm. Tượng Pháp lập dựng tồn tại cũng 500 năm.

慈氏如來所生土地。城名妙意。王者所處。

Từ Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Diệu-ý, Vương giả sở xứ.

Từ Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Diệu ý nơi ở của Vua.

其佛威光照四十里。梵志種父名梵乎。

Kỳ Phật uy quang chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Phạm-hô.

Quang của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm chí tên là Phạm Hô.

母字梵經。子曰德力。侍者曰海氏。

Mẫu tự Phạm-kinh. Tử viết Đức-lực. Thị giả viết Hải-thị.

Tên mẹ là Phạm Kinh. Con trai tên là Đức Lực. Người giúp việc tên là Hải Thị.

智慧上首弟子號慧光。神足曰堅精進。

Trí-tuệ thượng thủ Đệ-tử hiệu Tuệ-quang. Thần-túc viết Kiên-tinh-tiến.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuệ Quang. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Kiên Tinh Tiến.

佛在世時人壽八萬四千歲。一會說經九十六億。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tứ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập lục ức.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn 4 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh có 96 triệu.

二會九十四億。三會九十二億。皆得阿羅漢。

Nhị hội cửu thập tứ ức. Tam hội cửu thập nhị ức. Giai đắc A-la-hán.

Hội thứ hai có 94 triệu. Hội thứ 3 có 92 triệu. Đều thành A La Hán.

正法存立八萬歲。舍利并合共興大寺。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp cộng hưng đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng dựng một Chùa lớn.

師子如來所生土地。城名曰華土。

Sư Tử Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh viết Hoa-thổ.

Sư Tử Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hoa thổ.

其佛光明照四十里。君子種父名勇師子。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Dũng-sư-tử.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Dũng Sư Tử.

母字江音。子字大力。侍者曰善樂。

Mẫu tự Giang-âm. Tử tự Đại-lực. Thị giả viết Thiện-lạc.

Tên mẹ là Giang Âm. Con trai tên là Đại Lực. Người giúp việc tên là Thiện Lạc.

上首智慧弟子曰慧積。神足弟子曰雨氏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tuệ-tích. Thần-túc Đệ-tử viết Vũ-thị.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuệ Tích. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Vũ Thị.

佛在世時人壽七萬歲。一會說法百億比丘。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Pháp bách ức Tì-kheo.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh có trăm triệu Tì Kheo.

二會九十億。三會八十億聲聞集矣。皆得道證。

Nhị hội cửu thập ức. Tam hội bát thập ức Thanh-văn tập hĩ. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 triệu. Hội thứ 3 có 80 triệu Thanh Văn tụ tập. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng dựng một Chùa lớn.

光炎如來所生土地。城名星宿主。

Quang Viêm Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tinh-tú-chủ.

Quang Viêm Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tinh Tú Chủ.

其佛光明照二千里。君子種父名善意。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên lý. Quân tử chủng phụ danh Thiện-ý.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.000 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thiện Ý.

母字妙華。子字以時。侍者曰長喜。

Mẫu tự Hương-khí. Tử tự Dĩ-thời. Thị giả viết Trường-hỉ.

Tên mẹ là Hương Khí. Con trai tên là Dĩ Thời. Người giúp việc tên là Trường Hỉ.

上首智慧弟子曰尊教。神足弟子名雷吼。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tôn-giáo. Thần-túc Đệ-tử danh Lô-i-hống.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tôn Giáo. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Lô Hống.

其佛在世時人壽九萬歲。一會百千億。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ cửu vạn tuế. Nhất hội bách thiên ức.

Khi Phật đó ở đời người thọ 9 vạn năm. Hội đầu tiên có trăm nghìn triệu.

二會九十九億。三會九十八億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập cửu ức. Tam hội cửu thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 99 triệu. Hội thứ 3 có 98 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立八萬五千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn ngũ thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn 5 nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

牟尼柔仁如來所生土地。城名曰上華。王所治處。

Mâu Ni Nhu Nhân Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh viết Thượng-hoa Vương sở trị xứ.

Mâu Ni Nhu Nhân Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Hoa, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照四十里。父名大山。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phụ danh Đại-sơn.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha tên là Đại Sơn.

母字須滿光。子曰上寶。侍者曰尊上。

Mẫu tự Tu-mãn-quang. Tử viết Thượng-bảo. Thị giả viết Tôn-thượng.

Tên mẹ là Tu Mãn Quang. Con trai tên là Thượng Bảo. Người giúp việc tên là Tôn Thượng.

上首神足弟子曰超施。智慧弟子曰快意。

Thượng thủ Thần-túc Đệ-tử viết Siêu-thí. Trí-tuệ Đệ-tử viết Khoái-ý.

Đệ Tử Thần thông biến hóa hàng đầu tên là Siêu Thí. Đệ Tử Trí tuệ tên là Khoái Ý.

佛在世時人壽六萬歲。一會八十姪。

Phật tại thế thời nhân thọ lục vạn tuế. Nhất hội bát thập cai.

Khi Phật ở đời người thọ 6 vạn năm. Hội đầu tiên có 80 vạn vạn.

二會七十億。三會五十億。皆得羅漢。

Nhị hội thất thập ức. Tam hội ngũ thập ức. Giai đắc La-hán.

Hội thứ hai có 70 triệu. Hội thứ 3 có 50 triệu. Đều được thành A La Hán.

正法存立一千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập nhất thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

華氏如來所生土地。城名曰蓮華王所治處。

Hoa Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh viết Liên-hoa Vương sở trị xứ.

Hoa Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Liên Hoa, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照三百二十里。梵志種父名尊名。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Tôn-danh.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 165 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Tôn Danh.

母曰妙華。子曰智根。侍者曰樂道。

Mẫu viết Hương-khí. Tử viết Trí-căn. Thị giả viết Lạc-đạo.

Tên mẹ là Hương Khí. Con trai tên là Trí Căn. Người giúp việc tên là Lạc Đạo.

上首神足弟子名無害。智慧弟子名法力。

Thượng thủ Thân-túc Đệ-tử danh Vô-hại. Trí-tuệ Đệ-tử danh Pháp-lực.

Đệ Tử Thần thông biến hóa hàng đầu tên là Vô Hại. Đệ Tử Trí tuệ tên là Pháp Lực.

佛在世時人壽五十萬歲。一會說法弟子六百億。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ thập vạn tuế. Nhất hội thuyết Pháp Đệ-tử lục bách ức.

Khi Phật ở đời người thọ 50 vạn năm. Hội đầu tiên nói Pháp Đệ Tử có 600 triệu.

二會三十五億。三會三十四億。皆得道證。

Nhị hội tam thập ngũ ức. Tam hội tam thập tứ ức. Giai đắc đạo chứng.

Hội thứ hai có 35 triệu. Hội thứ 3 có 34 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立具足千歲。舍利普流遍布八方上下。

Chính-Pháp tồn lập cụ túc thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại đầy đủ 1 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa cả 8 phương trên dưới.

次復有佛同號華氏如來所生土地。城名甚大廣。

Thứ phục hữu Phật Đồng Hiệu Hoa Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thâm-đại-quảng.

Tiếp theo có Phật Đồng Hiệu Hoa Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thâm Đại Quảng.

其佛光明照四十里。梵志種父名華髮。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hoa-phát.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hoa Phát.

母字法主。子字曰鮮潔。侍者曰心念。

Mẫu tự Pháp-chủ. Tử tự viết Tiên-khiết. Thị giả viết Tâm-niệm.

Tên mẹ là Pháp Chủ. Con trai tên là Tiên Khiết. Người giúp việc tên là Tâm Niệm.

上首神足弟子曰忻樂。智慧弟子曰善忻喜。

Thượng thủ Thần-túc Đệ-tử viết Hãn-lạc. Trí-tuệ Đệ-tử viết Thiện-hãn-hi.

Đệ Tử Thần thông biến hóa hàng đầu tên là Hãn Lạc. Đệ Tử Trí tuệ tên là Thiện Hãn Hi.

其佛在世時人壽九億歲。一會說法十四億弟子共集。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ cửu ức tuế. Nhất hội thuyết Pháp thập tứ ức Đệ-tử cộng tập.

Khi Phật ở đời người thọ 9 triệu năm. Hội đầu tiên nói Pháp 14 triệu Đệ Tử cùng tập trung.

二會十五億。三會十六億。皆得道證。

Nhị hội thập ngũ ức. Tam hội thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 15 triệu. Hội thứ 3 có 16 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立十億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập thập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 10 triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

善目如來所生土地。城名造賢王所治處。

Thiện Mục Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tạo-hiền Vương sở trị xứ.

Thiện Mục Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tạo Hiền, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照四百八十里。梵志種父名珍寶。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Trân-bảo.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 240 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Trân Bảo.

母字言談。子名宿王。侍者曰世愛。

Mẫu tự Ngôn-dàm. Tử danh Tú-vương. Thị giả viết Thế-ái.

Tên mẹ là Ngôn Đàm. Con trai tên là Tú Vương. Người giúp việc tên là Thế Ái.

上首神足弟子曰師子步。智慧弟子曰無量意。

Thượng thủ Thần-túc Đệ-tử viết Sư-tử-bộ. Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-lượng-ý.

Đệ Tử Thần thông biến hóa hàng đầu tên là Sư Tử Bộ. Đệ Tử Trí tuệ tên là Vô Lượng Ý.

佛在世時人壽七萬歲。一會說法三十姪弟子共集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Pháp tam thập cai Đệ-tử cộng tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Pháp 30 vạn vạn Đệ Tử cùng tập trung.

二會說法二十八姪。三會說法三十六姪。皆得道證。

Nhị hội thuyết Pháp nhị thập bát cai. Tam hội thuyết Pháp tam thập lục cai. Đều đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai nói Pháp có 28 vạn vạn. Hội thứ 3 nói Pháp có 36 vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立一億歲。從是已來第一初興諸如來計斯十一佛。

Chính-Pháp tồn lập nhất ức tuế. Tông thị dĩ lai đệ nhất sơ hưng chư Như Lai kế tư thập nhất Phật.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Từ đó tới nay hưng khởi ban đầu hội thứ nhất các Như Lai kế tục có 11 Phật.

隨其眾生所行純熟而開化之。其餘諸佛皆各如是十一也。

Tùy kỳ chúng sinh sở hành thuần thực nhi khai hóa chi. Kỳ dư chư Phật giai các như thị thập nhất dã.

Tùy theo chúng sinh đó do hành thuần thực mà khai hóa họ. Các Phật khác đó họ cũng đều như 11 Phật.

廣布舍利八方上下。

Quảng bố Xá-lợi bát phương thượng hạ.

Xá Lợi lưu truyền phân bố rộng khắp cả 8 phương trên dưới.

其導師如來所生土地。城名最錦王所治處。

Kỳ Đạo Sư Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tối-cấm, Vương sở trị xứ.

Kỳ Đạo Sư Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tối Cấm, nơi cai quản Vua.

其佛光明照千三百六十里。梵志種父字無難。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên tam bách lục thập lý. Phạm-chí chủng phụ tự Vô-nan.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 680 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Vô Nan.

母字愍傷。子曰愛光。侍者曰大汎流。

Mẫu tự Mẫn-thương. Tử viết Ái-quang. Thị giả viết Đại-phiếm-lưu.

Tên mẹ là Mẫn Thương. Con trai tên là Ái Quang. Người giúp việc tên là Đại Phiếm Lưu.

上首智慧弟子名曰上首。神足弟子曰是愍。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh viết Thượng-thủ. Thân-túc Đệ-tử viết Thị-mẫn.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thượng Thủ. Đệ Tử Thân thông biến hóa tên là Thị Mẫn.

佛在世時人壽千億歲。一會說法七十姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thiên ức tuế. Nhất hội thuyết Pháp thất thập cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ nghìn triệu năm. Hội đầu tiên nói Pháp 70 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會六十姪。三會五十姪。皆得道證。

Nhị hội lục thập cai. Tam hội ngũ thập cai. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 60 vạn vạn. Hội thứ 3 nói Pháp có 50 vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立九萬二千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập cửu vạn nhị thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 vạn 2 nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

大多如來所生土地。城名俗人王所治處。

Đại Đa Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tục-nhân Vương sở trị xứ.

Đại Đa Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tục Nhân, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照三千里。君子種父名內進。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên lý. Quân tử chủng phụ danh Nội-tiến.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.500 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Nội Tiến.

母字捨嫉。子曰照明。侍者曰善思。

Mẫu tự Xả-tật. Tử viết Chiếu-minh. Thị giả viết Thiện-tư.

Tên mẹ là Xả Tật. Con trai tên là Chiếu Minh. Người giúp việc tên là Thiện Tư.

上首智慧弟子名無難音。神足弟子曰歲無青。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Vô-nan-âm. Thân-túc Đệ-tử viết Tuế-vô-thanh.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Nan Âm. Đệ Tử Thân thông biến hóa tên là Tuế Vô Thanh.

佛在世時人壽四十億歲。一會說經百千姪諸弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tứ thập ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách thiên cai chư Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 40 triệu năm. Hội đầu tiên nói Pháp trăm nghìn vạn vạn Đệ Tử tập trung.

從是已後不可復計。

Tòng thị dĩ hậu bất khả phục kế.

Từ đó về sau lại không thể tính đếm.

正法存立億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

大力如來所生土地。城名寶威。

Đại Lực Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-uy.

Đại Lực Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Uy.

其佛光明照千二百里。梵志種父名所選。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên nhị bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Sở-tuyển.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 600 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Sở Tuyển.

母字甚威。子曰師子步。侍者曰愛子。

Mẫu tự Thập-uy. Tử viết Sư-tử-bộ. Thị giả viết Ái-tử.

Tên mẹ là Thập Uy. Con trai tên là Sư Tử Bộ. Người giúp việc tên là Ái Tử.

上首神足弟子善住。智慧弟子曰尊施。

Thượng thủ Thân-túc Đệ-tử Thiên-trụ. Trí-tuệ Đệ-tử viết Tôn-thí.

Đệ Tử Thần thông biến hóa hàng đầu tên là Thiên Trụ. Đệ Tử Trí tuệ tên là Tôn Thí.

佛在世時人壽四萬歲。一會說經弟子一姪人來集。

Phật tại thế thời nhân thọ tứ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh Đệ-tử nhất cai nhân lai tập.

Khi Phật ở đời người thọ 4 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh Đệ Tử 1 vạn vạn người tới tập trung.

二會二姪。三會一姪。皆得道證。

Nhị hội nhị cai. Tam hội nhất cai. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 2 vạn vạn. Hội thứ 3 có một vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立八萬四千歲。舍利并合集立一大寺。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn tứ thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp tập lập nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn 4 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân tập trung lập dựng 1 Chùa lớn.

宿王如來所生土地。城名紫金王所治處。

Tứ Vương Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Từ-kim Vương sở trị xứ.

Tứ Vương Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Từ Kim, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照四千里。梵志種父名施光。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thiên lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thí-quang.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 2.000 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thí Quang.

母字善意。子曰供養。侍者名勤力。

Mẫu tự Thiện-ý. Tử viết Cúng-duỡng. Thị giả danh Cẩn-lực.

Tên mẹ là Thiện Ý. Con trai tên là Cúng Dưỡng. Người giúp việc tên là Cẩn Lực.

上首智慧弟子名熾盛音。神足弟子名建立。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Sí-thịnh-âm. Thần-túc Đệ-tử danh Kiến-lập.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Sí Thịnh Âm. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Kiến Lập.

一會說經弟子百億人集。

Nhất hội thuyết Kinh Đệ-tử bách ức nhân tập.

Hội đầu tiên nói Kinh Đệ Tử trăm triệu người tập trung.

二會九十億。三會八十億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập ức. Tam hội bát thập ức. Giai đắc Đạo chứng..

Hội thứ hai có 90 triệu. Hội thứ 3 có 80 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

修藥如來所生土地。城名談主王所治處。

Tu Dược Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Đàm-chủ Vương sở trị xứ.

Tu Dược Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Đàm Chủ, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照四十里。君子種父名善寂。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thiện-tịch.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thiện Tịch.

母字所樂。子曰須彌幢。侍者曰華氏。

Mẫu tự Sở-lạc. Tử viết Tu-di-tràng. Thị giả viết Hoa-thị.

Tên mẹ là Sở Lạc. Con trai tên là Tu Di Tràng. Người giúp việc tên là Hoa Thị.

上首智慧弟子曰尊法。神足弟子曰福力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tôn-pháp. Thần-túc Đệ-tử viết Phúc-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tôn Pháp. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Phúc Lực.

佛在世時人壽七萬七千歲。一會說法七十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn thất thiên tuế. Nhất hội thuyết Pháp thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn 7 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Pháp 70 triệu Đệ Tử tập trung.

二會六十九億。三會六十八億。皆得道證。

Nhị hội lục thập cửu ức. Tam hội lục thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 69 triệu. Hội thứ 3 có 68 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立六萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập lục vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 6 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

名稱英如來所生土地。城名清威。

Danh Xung Anh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thanh-uy.

Danh Xung Anh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thanh Uy.

其佛光明照百二十里。君子種父名光焰。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Quang-diệm .

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Quang Diệm.

母字談言。子字上華。侍者曰眼受。

Mẫu tự Đàm-ngôn. Tử tự Thượng-hoa. Thị giả viết Nhân-thụ.

Tên mẹ là Đàm Ngôn. Con trai tên là Thượng Hoa. Người giúp việc tên là Nhân Thụ.

上首智慧弟子字智力。神足弟子曰師子力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử tự Trí-lực. Thần-túc Đệ-tử viết Sư-tử-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Trí Lực. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Sư Tử Lực.

一會說經三十三姪弟子集。

Nhất hội thuyết Kinh tam thập tam cai Đệ-tử tập.

Hội đầu tiên nói Kinh 33 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會三十二姪。三會三十一姪弟子集。皆得道證。

Nhị hội tam thập nhị cai. Tam hội tam thập nhất cai Đệ-tử tập. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 32 vạn vạn. Hội thứ 3 có 31 vạn vạn Đệ Tử tập trung. Đều chứng được Đạo.

正法存立二億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhị ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

大光如來所生土地。城名安樂。

Đại Quang Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh An-lạc.

Đại Quang Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là An Lạc.

其佛光明照千六百里。君子種父名金剛。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên lục bách lý. Quân tử chủng phụ danh Kim-cương.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 800 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Kim Cương.

母字伏施。子曰良田。侍者寂意。

Mẫu tự Phục-thí. Tử viết Lương-điền. Thị giả Tịch-ý.

Tên mẹ là Phục Thí. Con trai tên là Lương Điền. Người giúp việc tên là Tịch Ý.

上首智慧弟子名道眾。神足弟子曰堅刃。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Đạo-chúng. Thần-túc Đệ-tử viết Kiên-nhận.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Đạo Chúng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Kiên Nhận.

佛在世時人壽百千歲。一會說經八十億三千萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập ức tam thiên vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 triệu 3 nghìn vạn Đệ Tử tập trung.

二會復倍。三會六姪。皆得道證。

Nhị hội phục bội. Tam hội lục cai. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có gấp đôi. Hội thứ 3 có 6 vạn vạn Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.

正法存立三萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập tam vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

照明如來所生土地。城名安隱法。

Chiếu Minh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh An-ân-pháp.

Chiếu Minh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là An Ân Pháp.

其佛光明照三百六十里。君子種父名名稱。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách lục thập lý. Quân tử chủng phụ danh Danh-xung.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 180 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Danh Xung.

母字善供。子曰奉行。侍者曰上善郡。

Mẫu tự Thiện-cung. Tử viết Phụng-hành. Thị giả viết Thượng-thiện-quận.

Tên mẹ là Thiện Cung. Con trai tên là Phụng Hành. Người giúp việc tên là Thượng Thiện Quận.

上首智慧弟子曰善賢。神足弟子曰流江。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thiện-hiền. Thần-túc Đệ-tử viết Lưu-giang.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thiện Hiền. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Lưu Giang.

佛在世時人壽五百歲。一會說經六十二姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập nhị cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 500 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 62 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會六十一姪。三會六十姪弟子。皆得道證。

Nhị hội lục thập nhất cai. Tam hội lục thập cai Đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 61 vạn vạn. Hội thứ 3 có 60 vạn vạn Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.

正法存立四萬八千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập tứ vạn bát thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 4 vạn 8 nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

日藏如來所生土地。城名華主王所治處。

Nhật Tạng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hoa-chủ Vương sở trị xứ.

Nhật Tạng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hoa Chủ, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照八萬里。梵志種父名富有。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bát vạn lý. Phạm-chí chủng phụ danh Phú-hữu.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 4 vạn km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Phú Hữu.

母字妙華。子曰焰光。侍者曰慧上。

Mẫu tự Diệu-hoa. Tử viết Diệm-quang. Thị giả viết Tuệ-thượng.

Tên mẹ là Diệu Hoa. Con trai tên là Diệm Quang. Người giúp việc tên là Tuệ Thượng.

上首智慧弟子名智兵。神足弟子曰剛兵。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Trí-binh. Thần-túc Đệ-tử viết Cương-binh.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Trí Bình. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cương Bình.

佛在世時其人壽七十億歲。一會說經百千比丘集。

Phật tại thế thời kỳ nhân thọ thất thập ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách thiên Tì-kheo tập.

Khi Phật ở đời người thọ 70 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh trăm nghìn Tì Kheo tập trung.

二會百億。三會如塵。皆得道證。

Nhị hội bách ức. Tam hội như trần. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 100 triệu. Hội thứ 3 có nhiều như bụi trần. Đều chứng được Đạo.

正法存立三十億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tam thập ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 30 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

月氏如來所生土地。城名上寶王所治處。

Nguyệt Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-bảo Vương sở trị xứ.

Nguyệt Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Bảo, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照三百二十里。君子種父名清部。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thanh-bộ.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 160 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thanh Bộ.

母字藥子。子曰滿宿。侍者曰供味。

Mẫu tự Dược-tử. Tử viết Mãn-tú. Thị giả viết Cung-vị.

Tên mẹ là Dược Tử. Con trai tên là Mãn Tú. Người giúp việc tên là Cung Vị.

上首智慧弟子曰智最。神足弟子曰因法供。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Trí-tối. Thân-túc Đệ-tử viết Nhân-pháp-cung.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Trí Tối. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nhân Pháp Cung.

佛在世時人壽六千歲。一會說經二千二百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ lục thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị thiên nhị bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 6 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 2 nghìn 2 trăm triệu Đệ Tử tập trung.

二會千四百億。三會千八百億。四會一千四百億。皆得道證。

Nhị hội thiên tứ bách ức. Tam hội thiên bát bách ức. Tứ hội nhất thiên tứ bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 1.400 triệu. Hội thứ 3 có 1.800 triệu. Hội thứ 4 có 1.400 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立萬一千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập vạn nhất thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn 1 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

光照如來所生土地。城名音乘。

Quang Chiếu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Âm-thừa.

Quang Chiếu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Âm Thừa.

其佛光明照二千六百四十里。君子種父名福施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên lục bách tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Phúc-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.320 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Phúc Thí.

母字法主。子曰聞上。侍者曰善辯。

Mẫu tự Pháp-chủ. Tử viết Văn-thượng. Thị giả viết Thiện-biên.

Tên mẹ là Pháp Chủ. Con trai tên là Văn Thượng. Người giúp việc tên là Thiện Biên.

上首智慧弟子曰兩音。神足弟子曰慧上。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vũ-âm. Thần-túc Đệ-tử viết Tuệ-thượng.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vũ Âm. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tuệ Thượng.

佛在世時人壽百千歲。一會說經七十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 vạn Đệ Tử tập trung.

二會八十萬。三會九十萬。皆得道證。

Nhị hội bát thập vạn. Tam hội cửu thập vạn. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 80 vạn. Hội thứ 3 có 90 vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立十萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập thập vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 10 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

善照如來所生土地。城名光焰王所治處。

Thiện Chiếu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Quang-diệm Vương sở trị xứ.

Thiện Chiếu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Quang Diệm nơi cai quản của Vua.

其佛光明照六百四十里。梵志種父名日暉。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu lục bách tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Nhật-huy.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 320 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Nhật Huy.

母字月氏。子曰大神妙。侍者曰多堅。

Mẫu tự Nguyệt-thị. Tử viết Đại-thần-diệu. Thị giả viết Đa-kiên.

Tên mẹ là Nguyệt Thị. Con trai tên là Đại Thần Diệu. Người giúp việc tên là Đa Kiên.

上首智慧弟子名慧施。神足弟子字所在吉。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Tuệ-thí. Thần-túc Đệ-tử tự Sở-tại-cát.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuệ Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Sở Tại Cát.

佛在世時人壽八萬五千歲。一會說經五百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh ngũ bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 500 triệu Đệ Tử tập trung.

二會四百億。三會三百億。皆得道證。

Nhị hội tứ bách ức. Tam hội tam bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 400 triệu. Hội thứ 3 có 300 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立四萬五千歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập tứ vạn ngũ thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 4 vạn 5 nghìn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

無憂如來所生土地。城名智慧。

Vô Ưu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Trí-tuệ.

Vô Ưu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Trí tuệ.

其佛光明照四百里。君子種父名執華。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Chấp-hoa.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Chấp Hoa.

母字法氏。子曰執光。侍者曰樂音。

Mẫu tự Pháp-thị. Tử viết Chấp-quang. Thị giả viết Nhạc-âm.

Tên mẹ là Pháp Thị. Con trai tên là Chấp Quang. Người giúp việc tên là Nhạc Âm.

上首智慧弟子曰兩積。神足弟子曰勝施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vũ-tích. Thần-túc Đệ-tử viết Thắng-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vũ Tích. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thắng Thí.

佛在世時人壽百千歲。一會說經二姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 2 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會一姪。三會九十五億。皆得道證。

Nhị hội nhất cai. Tam hội cửu thập ngũ ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 1 vạn vạn. Hội thứ 3 có 95 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立十三萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thập tam vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 13 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

威神如來所生土地。城名閻浮上。

Uy Thần Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Diêm-phù thượng.

Uy Thần Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Diêm Phù Thượng.

其佛光明照三百二十里。梵志種父名賢天。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hiền-Thiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 160 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hiền Thiên.

母字愛施。子曰明焰。侍者曰見敬。

Mẫu tự Ái-thí. Tử viết Minh-diệm. Thị giả viết Kiến-kính.

Tên mẹ là Ái Thí. Con trai tên là Minh Diệm. Người giúp việc tên là Kiến Kính.

上首智慧弟子曰取英。神足弟子曰度世。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thủ-anh. Thần-túc Đệ-tử viết Độ-thế.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thủ Anh. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Độ Thế.

佛在世時人壽三萬三千歲。一會說經八十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam vạn tam thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 vạn 3 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十八億。三會七十六億。皆得道證。

Nhị hội thất thập bát ức. Tam hội thất thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 78 triệu. Hội thứ 3 có 76 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立七十七億歲。舍利并合興一大寺

Chính-Pháp tồn lập thất thập thất ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 77 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

焰光如來所生土地。城名鐙氏。

Diệm Quang Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Đăng-thị.

Diệm Quang Như Lai sinh ở Đất nước. Thành tên là Đăng Thị.

其佛光明照千佛土。梵志種父名敬法。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên Phật thổ. Phạm-chí chủng phụ danh Kính-pháp.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi nghìn Đất Phật. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Kính Pháp.

母字蓮華氏。子曰月行。侍者曰通慕音。

Mẫu tự Liên-hoa-thị. Tử viết Nguyệt-hạnh. Thị giả viết Thông-mộ-âm.

Tên mẹ là Liên Hoa Thị. Con trai tên là Nguyệt Hạnh. Người giúp việc tên là Thông Mộ Âm.

上首智慧弟子曰德首。神足弟子曰斯施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Đức-thủ. Thần-túc Đệ-tử viết Tư-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Đức Thủ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tư Thí.

佛在世時人壽萬四千歲。一會說法十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn tứ thiên tuế. Nhất hội thuyết Pháp thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 4 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Pháp 16 triệu Đệ Tử tập trung.

二會十七億。三會十八億。皆得道證。

Nhị hội thập thất ức. Tam hội thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 17 triệu. Hội thứ 3 có 18 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立二十一萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập nhị thập nhất vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 21 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

執華如來所生土地。城名造福王所治處。

Chấp Hoa Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tào-Phúc, Vương sở trị xứ.

Chấp Hoa Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tào Phúc, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照三千二百里。君子種父名白蓮華。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên nhị bách lý. Quân tử chủng phụ danh Bạch-liên-hoa.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.600 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Bạch Liên Hoa.

母字施德。子曰福首。侍者曰好顏。

Mẫu tự Thí-đức. Tử viết Phúc-thủ. Thị giả viết Hào-nhan.

Tên mẹ là Thí Đức. Con trai tên là Phúc Thủ. Người giúp việc tên là Hào Nhan.

上首智慧弟子名無量土。神足弟子曰重王。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Vô-lượng-thổ. Thần-túc Đệ-tử viết Trọng-vương.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Lượng Thổ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Trọng Vương.

佛在世時人壽七萬歲。一會說經九十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 90 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十九億。三會八十八億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập cửu ức. Tam hội bát thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 99 triệu. Hội thứ 3 có 88 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

勳光如來所生土地。城名蓮華王所治處。

Huân Quang Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Liên-hoa Vương sở trị xứ.

Huân Quang Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Liên Hoa, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照二千四百里。君子種父名光照。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Quang-chiếu.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Quang Chiếu..

母字德至。子曰法辯。侍者曰福供。

Mẫu tự Đức-chí. Tử viết Pháp-biến. Thị giả viết Phúc-cung.

Tên mẹ là Đức Chí. Con trai tên là Pháp Biến. Người giúp việc tên là Phúc Cung.

上首智慧弟子曰瑠璃藏。神足弟子曰極施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lưu-ly-tạng. Thần-túc Đệ-tử viết Cực-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lưu Ly Tạng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cực Thí.

佛在世時人壽三百歲。一會說經十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 300 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 16 triệu Đệ Tử tập trung.

二會十二億。三會十八億。皆得道證。

Nhị hội thập nhị ức. Tam hội thập bát ức. Giai đắc Đạo-chứng.

Hội thứ hai có 12 triệu. Hội thứ 3 có 18 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

現義如來所生土地。城名導御郡王所治處。

Hiện Nghĩa Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Đạo-ngự-quận Vương sở trị xứ.

Hiện Nghĩa Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Đạo Ngự Quận, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照二千四百八十里。梵志種父名柔郡。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên tứ bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Nhu-quận.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.240 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Nhu Quận.

母字敬天。子曰德稱。侍者曰梵音。

Mẫu tự Kính-thiên. Tử viết Đức-xung. Thị giả viết Phạm-âm.

Tên mẹ là Kính Thiên. Con trai tên là Đức Xung. Người giúp việc tên là Phạm Âm.

上首智慧弟子曰訓戒意。神足弟子曰勝施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Huấn-giới-ý. Thần-túc Đệ-tử viết Thắng-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Huấn Giới Ý. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thắng Thí.

佛在世時人壽百歲。一會說經六十二姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập nhị cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 62 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會七十姪。三會八十姪。皆得道證。

Nhị hội thất thập cai. Tam hội bát thập cai. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 70 vạn vạn. Hội thứ 3 có 80 vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả tám phương trên dưới.

錠耀如來所生土地。城名寶錦王所治處。

Đĩnh Diệu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-cẩm, Vương sở trị xứ.

Đĩnh Diệu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Cẩm, nơi cai quản của Vương.

其佛光明照二千里。君子種父名寶施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên lý. Quân tử chủng phụ danh Bảo-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.000 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Bảo Thí.

母字焰味。子曰寶藏。侍者曰意悅。

Mẫu tự Diệm-vị. Tử viết Bảo-tạng. Thị giả viết Ý-duyệt.

Tên mẹ là Diệm Vị. Con trai tên là Bảo Tạng. Người giúp việc tên là Ý Duyệt.

上首智慧弟子曰無能當。神足弟子曰大力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-năng-đương. Thần-túc Đệ-tử viết Đại-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Năng Đương. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Đại Lực.

佛在世時人壽五萬歲。一會說經七十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 5 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 72 vạn Đệ Tử tập trung.

二會九十萬。三會百萬弟子。皆得道證。

Nhị hội cửu thập vạn. Tam hội bách vạn đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 vạn. Hội thứ 3 có 100 vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立二十萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhị thập vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 20 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

興盛如來所生土地。城名威光。

Hưng Thịnh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Uy-quang.

Hưng Thịnh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Uy Quang.

其佛光明照四十里。梵志種父名善興。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thiện-hưng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thiện Hưng.

母字快意。子曰勝友。侍者曰師子力。

Mẫu tự Khoái-ý. Tử viết Thắng-hữu. Thị giả viết Sư-tử-lực.

Tên mẹ là Khoái Ý. Con trai tên là Thắng Hữu. Người giúp việc tên là Sư Tử Lực.

上首智慧弟子曰光憂施。神足弟子曰山積。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Quang-uru-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Sơn-tích.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Quang Ưu Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Sơn Tích.

佛在世時人壽四萬歲。一會說法一億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tứ vạn tuế. Nhất hội thuyết Pháp nhất ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 4 vạn năm. Hội đầu tiên nói Pháp 1 triệu Đệ Tử tập trung.

二會二億。三會三億。皆得道證。

Nhị hội nhị ức. Tam hội tam ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 2 triệu. Hội thứ 3 có 3 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九萬歲。舍利普流遍於十方。

Chính-Pháp tồn lập cửu vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến ư Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền biến tỏa ở 10 phương.

賢氏如來所生土地。城名專吉王所治處。

Hiền Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Chuyên-cát Vương sở trị xứ.

Hiền Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Chuyên Cát, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照三千八十里。梵志種父名梅施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Chiên-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.540 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Chiên Thí.

母字閻上。子曰雄施。侍者日月愛。

Mẫu tự Diêm-thượng. Tử viết Hùng-thí. Thị giả viết Nguyệt-ái.

Tên mẹ là Diêm Thượng. Con trai tên là Hùng Thí. Người giúp việc tên là Nguyệt Ái.

上首智慧弟子曰海氏。神足弟子曰龍力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Hải-thị. Thần-túc Đệ-tử viết Long-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Hải Thị. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Long Lực.

佛在世時人壽七萬歲。一會說經二百三十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị bách tam thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 230 vạn Đệ Tử tập trung.

二會三百五十萬。三會三百八十萬弟子。皆得道證。

Nhị hội tam bách ngũ thập vạn. Tam hội tam bách bát thập vạn đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 350 vạn. Hội thứ 3 có 380 vạn Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.

正法存立十萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thập vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 10 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

善樂如來所生土地。域名善富。

Thiện Lạc Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-phú.

Thiện Lạc Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Phú.

其佛光明照四百里。梵志種父名土尊。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Đệ-tôn.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Đệ Tôn.

母字月辭。子曰法自由。侍者曰世愛。

Mẫu tự Nguyệt-từ. Tử viết Pháp-tự-do. Thị giả viết Thế-ái.

Tên mẹ là Nguyệt Từ. Con trai tên là Pháp Tự Do. Người giúp việc tên là Thế Ái.

上首智慧弟子曰雷音。神足弟子曰施華。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lô-iâm. Thần-túc Đệ-tử viết Thí-hoa.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lô Âm. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thí Hoa.

佛在世時人壽三萬六千歲。一會說經三十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam vạn lục thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tam thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 vạn 6 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 30 triệu Đệ Tử tập trung.

二會二萬八千。三會二萬七千弟子。皆得道證。

Nhị hội nhị vạn bát thiên. Tam hội nhị vạn thất thiên đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 2 vạn 8 nghìn. Hội thứ 3 có 2 vạn 7 nghìn Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.

正法存立百千歲。舍利普流遍於十方。

Chính-Pháp tồn lập bách thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến ư Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 100 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền biến tỏa ở 10 phương.

頂髻施如來所生土地。域名清天。

Đỉnh Kế Thí Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thanh-thiên.

Đỉnh Kế Thí Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thanh Thiên.

其佛光明照四千里。梵志種父名重王。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thiên lý. Phạm-chí chủng phụ danh Trọng-vương.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Trọng Vương.

母字披其私。子曰山施。侍者日月天。

Mẫu tự Phi-kỳ-tư. Tử viết Sơn-thí. Thị giả viết Nguyệt-thiên.

Tên mẹ là Phi Kỳ Tư. Con trai tên là Sơn Thí. Người giúp việc tên là Nguyệt Thiên.

上首智慧弟子曰樂慧。神足弟子曰魔所供。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lạc-tuệ. Thần-túc Đệ-tử viết Ma-sở-cung.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lạc Tuệ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Ma Sở Cung.

佛在世時人壽五千歲。一會說經六十二億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập nhị ức Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 62 triệu Đệ Tử tập trung.
二會六十一億。三會六十億弟子。皆得道證。

Nhị hội lục thập nhất ức. Tam hội lục thập ức Đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.
Hội thứ hai có 61 triệu. Hội thứ 3 có 60 triệu Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.
正法存立七萬七千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thất vạn thất thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 7 vạn 7 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.
眉間如來所生土地。城名悅天。

Mi Gian Như Lai sở sinh độ địa. Thành danh Duyệt-thiên.
Mi Gian Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Duyệt Thiên.
其佛光明照四千里。梵志種父名國重。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thiên lý. Phạm-chí chủng phụ danh Quốc-trọng.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 2.000 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Quốc Trọng.
母字習施。子曰正施。侍者日月天。

Mẫu tự Tập-thí. Tử viết Chính-thí. Thị giả viết Nguyệt-thiên.
Tên mẹ là Tập Thí. Con trai tên là Chính Thí. Người giúp việc tên là Nguyệt Thiên.
上首智慧弟子曰慧施。神足弟子曰供柔。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tuệ-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Cung-nhu.
Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuệ Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cung Nhu.
佛在世時人壽五萬歲。一會說經六十二億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập nhị ức Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 5 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 62 triệu Đệ Tử tập trung.
二會六十一億。三會六十億。

Nhị hội lục thập nhất ức. Tam hội lục thập ức.
Hội thứ hai có 61 triệu. Hội thứ 3 có 60 triệu.
正法存立七萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thất vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 7 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.
堅固如來所生土地。城名福音。

Kiên Cố Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Phúc-âm.
Kiên Cố Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Phúc Âm.
其佛光明照四千里。梵志種父名樹王。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thiên lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thụ-vương.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 2.000 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thụ Vương.
母字施珊瑚。子曰施世。侍者曰首力。

Mẫu tự Thí-san-hô. Tử viết Thí-thế. Thị giả viết Thủ-lực.
Tên mẹ là Thí San Hô. Con trai tên là Thí Thế. Người giúp việc tên là Thủ Lực.

上首智慧弟子曰月英。神足弟子曰動光。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nguyệt-anh. Thần-túc Đệ-tử viết Động-quang.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nguyệt Anh. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Động Quang.

佛在世時人壽萬二千歲。一會說經百千弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn nhị thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách thiên Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 2 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 nghìn Đệ Tử tập trung.

二會九萬。三會八萬弟子。皆得道證。

Nhị hội cửu vạn. Tam hội bát vạn Đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 9 vạn. Hội thứ 3 có 8 vạn Đệ Tử. Đều chứng được Đạo.

正法存立二萬八千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhị vạn bát thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 vạn 8 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền biến tỏa ở 10 phương.

首威如來所生土地。城名寶氏。

Thủ Uy Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-thị.

Thủ Uy Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Thị.

其佛光明照四百里。君子種父名柔華。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Nhu-hoa.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Nhu Hoa.

母字法氏。子曰愛英。侍者曰堅進。

Mẫu tự Pháp-thị. Tử viết Ái-anh. Thị giả viết Kiên-tiến.

Tên mẹ là Pháp Thị. Con trai tên là Ái Anh. Người giúp việc tên là Kiên Tiến.

上首智慧弟子曰施斷。神足弟子曰人力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thí-đoạn. Thần-túc Đệ-tử viết Nhân-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thí Đoạn. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nhân Lực.

佛在世時人壽百歲。一會說經百億弟子集。皆得道證。

Phật tại thế thời nhân thọ bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách ức Đệ-tử tập. Giai đắc Đạo chứng.

Khi Phật ở đời người thọ 100 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 triệu Đệ Tử tập trung. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流遍於十方。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến ư Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền biến tỏa ở 10 phương.

難勝如來所生土地。城名療吉王所治處。

Nan Thắng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Liệu-cát Vương sở trị xứ.

Nan Thắng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Liệu Cát, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照四十億里。君子種父名清天。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập ức lý. Quân tử chủng phụ danh Thanh-thiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 triệu km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thanh Thiên.

母字福氏。子曰月寂。侍者曰誠愛。

Mẫu tự Phúc-thị. Tử viết Nguyệt-tịch. Thị giả viết Thành-ái.

Tên mẹ là Phúc Thị. Con trai tên là Nguyệt Tịch. Người giúp việc tên là Thành Ái.

上首智慧弟子曰寶上。神足弟子曰雷音。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Bảo-thượng. Thần-túc Đệ-tử viết Lôi-âm.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Bảo Thượng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Lôi Âm.

佛在世時人壽八億歲。一會說經三十姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh tam thập cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 30 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會五十姪。三會八十姪弟子。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập cai. Tam hội bát thập cai đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 50 vạn vạn. Hội thứ 3 có 80 vạn vạn Đệ Tử. Điều chứng được Đạo.

正法存立八十億歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập bát thập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 80 triệu năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

德幢如來所生土地。城名善柔王所治處。

Đức Tràng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-nhu Vương sở trị xứ.

Đức Tràng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Nhu, nơi cai quản của Vua.

其佛光明照二百里。梵志種父名供友。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Cung-hữu.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 100 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Cung Hữu.

母字居世。子曰金剛集。侍者曰寶愛。

Mẫu tự Cư-thế. Tử viết Kim-cương-tập. Thị giả viết Bảo-ái.

Tên mẹ là Cư Thế. Con trai tên là Kim Cương Tập. Người giúp việc tên là Bảo Ái.

上首智慧弟子曰日藏。神足弟子曰承御。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nhật-tạng. Thần-túc Đệ-tử viết Thừa-ngự.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nhật Tạng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thừa Ngự.

佛在世時人壽億歲。一會說經三十萬姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh tam thập vạn cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 30 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會五十萬姪。三會六十萬姪弟子。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập vạn cai. Tam hội lục thập vạn cai đệ-tử. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 50 vạn vạn vạn. Hội thứ 3 có 60 vạn vạn vạn Đệ Tử. Điều chứng được Đạo.

正法存立三億歲。舍利并合興立一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tam ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng lập nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

閑靜如來所生土地。城名寶妙。

Nhàn Tĩnh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-diệu.

Nhàn Tĩnh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Diệu.

其佛光明照三千四十里。君子種父名曰越步。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh viết Việt-bộ.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.520 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Việt Bộ.

母字無所進。子曰月訓。侍者曰琉璃藏。

Mẫu tự Vô-sở-tiến. Tử viết Nguyệt-huân. Thị giả viết Lưu-ly-tạng.

Tên mẹ là Vô Sở Tiến. Con trai tên là Nguyệt Huân. Người giúp việc tên là Lưu Ly Tạng.

上首智慧弟子曰力天。神足弟子曰喜愛。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lục-thiên. Thần-túc Đệ-tử viết Hỉ-ái.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lục Thiên. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Hỉ Ái.

佛在世時人壽百千歲。如前諸如來所現造業。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Như tiền chư Như Lai sở hiện tạo nghiệp.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Như các Như Lai ở phần trước hiện ra được Nghiệp làm.

其餘諸佛亦復如是。所度等無有異。

Kỳ dư chư Phật diệc phục như thị. Sở độ đẳng vô hữu dị.

Các Phật khác đó cũng lại như thế. Được độ thoát cũng thế không có khác.

是故斯會正法存立五十萬歲。其佛土地皆寶合成。

Thị cố tư hội Chính-Pháp tồn lập ngũ thập vạn tuế. Kỳ Phật thổ địa giai bảo hợp thành.

Vì thế hội đó Chính Pháp lập dựng tồn tại 50 vạn năm. Đất của Phật đó đều do báu vật hợp thành.

悉有眾珍咸生寶樹。有衣服樹周流遍國。

Tất hữu chúng trân hàm sinh bảo thụ. Hữu y phục thụ châu lưu biến quốc.

Có tất cả các châu báu, đều sinh ra cây báu. Có cây sinh ra quần áo lưu chuyển vòng quanh biển tỏa khắp Đất nước.

國土人民所生無有眾難三惡之趣。舍利普布周流十方。

Quốc thổ nhân dân sở sinh vô hữu chúng nạn Tam ác chi thú. Xá-lợi phổ bố châu lưu Thập phương.

Nhân dân của Đất nước được sinh ra không có các nạn hưởng về 3 Đạo ác. Xá Lợi đều phân bố lưu truyền vòng quanh 10 phương.

堅重如來所生土地。城名佳妙。

Kiên Trọng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Giai-diệu.

Kiên Trọng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Giai Diệu.

其佛光明照二十里。梵志種父名寶上。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Bảo-thượng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 10 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Bảo Thượng.

母字寶光。子曰持地。侍者曰寂意。

Mẫu tự Bảo-quang. Tử viết Trì-địa. Thị giả viết Tịch-ý.

Tên mẹ là Bảo Quang. Con trai tên là Trì Địa. Người giúp việc tên là Tịch Ý.

上首智慧弟子曰音十里。神足弟子曰吉利。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Âm-thập-lý. Thần-túc Đệ-tử viết Cát-lợi.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Âm Thập Lý. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cát Lợi.

其佛在世時人壽三千歲。一會說經法百千弟子集。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ tam thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh Pháp bách thiên Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh Pháp trăm nghìn Đệ Tử tập trung.

一會無二。皆得道證。

Nhất hội vô nhị. Giai đắc Đạo chứng.

Một hội không có 2. Điều chứng được Đạo.

正法存立七萬七千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập thất vạn thất thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại vạn 7 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa tới 10 phương.

梵音如來所生土地。城名光威。

Phạm Âm Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Quang-uy.

Phạm Âm Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Quang Uy.

其佛光明照三千三百二十里。梵志種父名上最。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên tam bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thượng-tối.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.660 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thượng Tối.

母字至誠氏。子曰福威。侍者曰蓮目。

Mẫu tự Chí-thành-thị. Tử viết Phúc-uy. Thị giả viết Liên-mục.

Tên mẹ là Chí Thành Thị. Con trai tên là Phúc Uy. Người giúp việc tên là Liên Mục.

上首智慧弟子曰雪色。神足弟子曰施炎。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tuyết-sắc. Thần-túc Đệ-tử viết Thí-viêm.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuyết Sắc. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thí Viêm.

佛在世時人壽九萬歲。一會說經八十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ cửu vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 9 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 86 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十億。三會百億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập ức. Tam hội bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 triệu. Hội thứ 3 có 100 triệu. Điều chứng được Đạo.

正法存立三千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tam thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

次賢如來所生土地。城名華茂。

Thứ Hiền Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hoa-mậu.

Thứ Hiền Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hoa Mậu.

其佛光明照二百四十里。君子種父名福愛。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Phúc-ái.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 120 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Phúc Ái.

母字安養。子曰時節施。侍者曰造義。

Mẫu tự An-dưỡng. Tử viết Thời-tiết-thí. Thị giả viết Tạo-nghĩa.

Tên mẹ là An Dưỡng. Con trai tên là Thời Tiết Thí. Người giúp việc tên là Tạo Nghĩa.

上首智慧弟子曰日月。上首神足弟子曰上金。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nhật-nguyệt. Thượng thủ Thần-túc Đệ-tử viết Thượng-kim.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nhật Nguyệt. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thượng Kim.

其佛在世時人壽五十萬歲。一會說經七十億弟子集。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ ngũ thập vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 50 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十八億。三會八十億。皆得道證。

Nhị hội thất thập bát ức. Tam hội bát thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 78 triệu. Hội thứ 3 có 80 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立四萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tứ vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 4 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

無本如來所生土地。城名俗所敬。

Vô Bản Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tục-sở-kính.

Vô Bản Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tục Sở Kính.

其佛光明照四百里。梵志種父名海氏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hải-thị.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hải Thị.

母字棄垢。子曰四眼。侍者曰降根。

Mẫu tự Khí-cấu. Tử viết Tứ-nhãn. Thị giả viết Hàng-căn.

Tên mẹ là Khí Cấu. Con trai tên là Tứ Nhãn. Người giúp việc tên là Hàng Căn.

上首智慧弟子曰善思義。神足弟子曰響審。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thiện-tư-nghĩa. Thần-túc Đệ-tử viết Hưởng-thẩm.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thiện Tư Nghĩa. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Hưởng Thẩm.

其佛在世時人壽八萬歲。一會說經七萬二千五百人，皆得羅漢。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất vạn nhị thiên ngũ bách nhân giai đắc La-hán.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 7 vạn 2 nghìn 5 trăm người, đều được thành La Hán.

二會七萬六千三百。三會七萬五千人。皆得道證。

Nhị hội thất vạn lục thiên tam bách. Tam hội thất vạn ngũ thiên nhân. Giai đắc Đạo chứng.
Hội thứ hai có 7 vạn 6 nghìn 300. Hội thứ 3 có 7 vạn 5 nghìn người. Đều chứng được Đạo.
正法存立八萬歲。舍利普流周遍十方。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu chu biến Thập phương.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền biến tỏa vòng quanh 10 phương.
光興如來所生土地。城名金光。

Quang Hưng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Kim-quang.
Quang Hưng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Kim Quang.
其佛光明照二千剎土。君子種父名光焰。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thiên sát thổ. Quân tử chủng phụ danh Quang-diệm.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 2.000 Đất Phật. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Quang Diệm.
母字寶施。子曰樂德。侍者曰月華。

Mẫu tự Bảo-thí. Tử viết Lạc-đức. Thị giả viết Nguyệt-hoa.
Tên mẹ là Bảo Thí. Con trai tên là Lạc Đức. Người giúp việc tên là Nguyệt Hoa.
上首智慧弟子曰極音。神足弟子曰自在。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Cực-âm. Thần-túc Đệ-tử viết Tự-tại.
Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Cực Âm. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tự Tại.
佛在世時人壽五億歲。一會說經五十億百千弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh ngũ thập ức bách thiên Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 5 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 50 triệu trăm nghìn Đệ Tử tập trung.
二會四十億百千。三會三十億百千。皆得道證。

Nhị hội tứ thập ức bách thiên. Tam hội tam thập ức bách thiên. Giai đắc Đạo chứng.
Hội thứ hai có 40 triệu 100 nghìn. Hội thứ 3 có 30 triệu 100 nghìn. Đều chứng được Đạo.
正法存立七億百千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập thất ức bách thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 7 triệu 100 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.
大明山如來所生土地。城名寶淨。

Đại Minh Sơn Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-tịnh.
Đại Minh Sơn Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Tịnh.
其佛光明照三千二百里。梵志種父名月盛。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên nhị bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Nguyệt-thịnh.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.600 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Nguyệt Thịnh.
母字日施。子曰善蓋。侍者曰寶共。

Mẫu tự Nhật-thí. Tử viết Thiện-cái. Thị giả viết Bảo-cộng.
Tên mẹ là Nhật Thí. Con trai tên là Thiện Cái. Người giúp việc tên là Bảo Cộng.
上首智慧弟子曰若干覺。神足弟子曰智愛。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nhược-can-giác. Thần-túc Đệ-tử viết Trí-ái.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nhượng Can Giác. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Trí Ái.

佛在世時人壽八千歲。一會說經七十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu Đệ Tử tập trung.

二會八十億。三會九十億。皆得道證。

Nhị hội bát thập ức. Tam hội cửu thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 80 triệu. Hội thứ 3 có 90 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九萬二千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập cửu vạn nhị thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 vạn 2 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

金剛如來所生土地。城名善行威。

Kim Cương Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-hạnh-uy.

Kim Cương Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Hạnh Uy.

其佛光明照百四十里。君子種父名明珠光。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Minh-châu-quang.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 70 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Minh Châu Quang.

母字青蓮目。子曰壽命。侍者曰海氏。

Mẫu tự Thanh-liên-mục. Tử viết Thọ-mệnh. Thị giả viết Hải-thị.

Tên mẹ là Thanh Liên Mục. Con trai tên là Thọ mệnh. Người giúp việc tên là Hải Thị.

上首智慧弟子曰堅施。神足弟子曰尊友。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Kiên-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Tôn-hữu.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Kiên Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tôn Hữu.

佛在世時人壽百千歲。一會說經四十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 40 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十億。三會三十二億。皆得道證。

Nhị hội tam thập ức. Tam hội tam thập nhị ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 30 triệu. Hội thứ 3 có 32 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

憶識如來所生土地。城名旃陀氏。

Ức Thức Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Chiên-đà-thị.

Ức Thức Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Chiên Đà Thị.

其佛光明照三千三百六十里。梵志種父名華氏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên tam bách lục thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hoa-thị.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.680 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hoa Thị.

母字焰光。子曰寶捨。侍者曰意樂。

Mẫu tự Diệm-quang. Tử viết Bảo-xả. Thị giả viết Ý-lạc.

Tên mẹ là Diệm Quang. Con trai tên là Bảo Xả. Người giúp việc tên là Ý Lạc.

上首智慧弟子曰無畏。神足弟子曰石王。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-úy. Thần-túc Đệ-tử viết Thạch-vương.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Úy. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thạch Vương.

佛在世時人壽億歲。一會說經七十姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會六十六姪。三會五十姪。皆得道證。

Nhị hội lục thập lục cai. Tam hội ngũ thập cai. Giai đắc Đạo-chứng.

Hội thứ hai có 66 vạn vạn. Hội thứ 3 có 50 vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立二億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhị ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

無畏如來所生土地。城名甚和柔。

Vô Úy Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thâm-hòa-nhu.

Vô Úy Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thâm Hòa Nhu.

其佛光明照三千六百里。君子種父名施光。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên lục bách lý. Quân tử chủng phụ danh Thí-quang.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.800 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thí Quang.

母字善目。子曰思夷華。侍者曰月氏。

Mẫu tự Thiện-mục. Tử viết Tư-di-hoa. Thị giả viết Nguyệt-thị.

Tên mẹ là Thiện Mục. Con trai tên là Tư Di Hoa. Người giúp việc tên là Nguyệt Thị.

上首智慧弟子曰重王。神足弟子曰天氏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Trọng-vương. Thần-túc Đệ-tử viết Thiên-thị.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Trọng Vương. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thiên Thị.

佛在世時人壽百千歲。一會說經八十姪弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập cai Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 vạn vạn Đệ Tử tập trung.

二會七十八姪。三會七十六姪。皆得道證。

Nhị hội thất thập bát cai. Tam hội thất thập lục cai. Giai đắc Đạo-chứng.

Hội thứ hai có 78 vạn vạn. Hội thứ 3 có 76 vạn vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập-phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

寶氏如來所生土地。城名次堅。

Bảo Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thứ-kiên.

Bảo Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thứ Kiên.

其佛光明照百二十里。梵志種父名棄嫉。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Khí-tật.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Khí Tật.

母字福施供。子曰施供藥。侍者曰集施。

Mẫu tự Phúc-thí-cúng. Tử viết Thí-cúng-duợc. Thị giả viết Tập-thí.

Tên mẹ là Phúc Thí Cúng. Con trai tên là Thí Cúng Duợc. Người giúp việc tên là Tập Thí.

上首智慧弟子曰無能當。神足弟子曰強步。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-năng-đương. Thần-túc Đệ-tử viết Cường-bộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Năng Đương. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cường Bộ.

佛在世時人壽萬八千歲。一會說經四十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ vạn 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 40 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十八億。三會十六億。皆得道證。

Nhị hội tam thập bát ức. Tam hội thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 38 triệu. Hội thứ 3 có 16 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立七萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thất vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 7 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

蓮華目如來所生土地。城名華郡。

Liên Hoa Mục Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hoa-quận.

Liên Hoa Mục Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hoa Quận.

其佛光明照千二百八十里。君子種父名上華。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên nhị bách bát thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thượng-hoa.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 640 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thượng Hoa.

母字妙顏。子曰大愛。侍者曰無憂華。

Mẫu tự Diệu-nhan. Tử viết Đại-ái. Thị giả viết Vô-ưu-hoa.

Tên mẹ là Diệu Nhan. Con trai tên là Đại Ái. Người giúp việc tên là Vô Ưu Hoa.

上首智慧弟子曰智光。神足弟子曰重施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Trí-quang. Thần-túc Đệ-tử viết Trọng-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Trí Quang. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Trọng Thí.

佛在世時人壽八千歲。一會說經七億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 7 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十四億。三會四十億。皆得道證。

Nhị hội tam thập tứ ức. Tam hội tứ thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 34 triệu. Hội thứ 3 có 40 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立五十六億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ngũ thập lục ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 56 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

力將如來所生土地。域名上賢。

Lục Tướng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-hiền.

Lục Tướng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Hiền.

其佛光明照二百一十里。君子種父名力天。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách nhất thập lý. Quân tử chủng phụ danh Lục-thiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 105 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Lục Thiên.

母字施安。子曰滿明。侍者曰護法。

Mẫu tự Thí-an. Tử viết Mãn-minh. Thị giả viết Hộ-pháp.

Tên mẹ là Thí An. Con trai tên là Mãn Minh. Người giúp việc tên là Hộ Pháp.

上首智慧弟子曰勝王。神足弟子曰善安。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thắng-vương. Thần-túc Đệ-tử viết Thiện-an.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thắng Vương. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thiện An.

佛在世時人壽萬六千歲。一會說經六十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn lục thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 6 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 60 vạn Đệ Tử tập trung.

二會五十萬八千。三會七十五萬二千。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập vạn bát thiên. Tam hội thất thập ngũ vạn nhị thiên. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 50 vạn 8 nghìn. Hội thứ 3 có 75 vạn 2 nghìn. Đều chứng được Đạo.

正法存立千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

華光如來所生土地。域名善月華。

Hoa Quang Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-nguyệt-hoa.

Hoa Quang Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Nguyệt Hoa.

其佛光明照三千一百二十里。梵志種父名愛見。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên nhất bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Ái-kiến.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.560 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Ái Kiến.

母字星宿。子曰堅證。侍者曰覺氏。

Mẫu tự Tinh-tú. Tử viết Kiên-chứng. Thị giả viết Giác-thị.

Tên mẹ là Tinh Tú. Con trai tên là Kiên Chứng. Người giúp việc tên là Giác Thị.

上首智慧弟子曰義氏。神足弟子曰詳幢。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nghĩa-thị. Thần-túc Đệ-tử viết Tường-tràng.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nghĩa Thị. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tường Tràng.

佛在世時人壽二萬二千歲。一會說經三十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn nhị thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tam thập ức Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn 2 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 30 triệu Đệ Tử tập trung.
二會三十二億。三會亦三十二億。皆得道證。

Nhị hội tam thập nhị ức. Tam hội diệc tam thập nhị ức. Giai đắc Đạo chứng.
Hội thứ hai có 32 triệu. Hội thứ 3 cũng có 32 triệu. Đều chứng được Đạo.
正法存立五萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ngũ vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 5 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.
伏愛如來所生土地。域名上財。

Phục Ái Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-tài.
Phục Ái Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Tài.
其佛光明照三百二十里。君子種父名時氏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thời-thị.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 160 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thời Thị.
母字賢首。子曰訓寂。侍者曰愍傷。

Mẫu tự Hiền-thủ. Tử viết Huấn-tịch. Thị giả viết Mẫn-thương.
Tên mẹ là Hiền Thủ. Con trai tên là Huấn Tịch. Người giúp việc tên là Mẫn Thương.
上首智慧弟子曰善宿。神足弟子曰思夷華。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thiện-tú. Thần-túc Đệ-tử viết Tư-di-hoa.
Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thiện Tú. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tư Di Hoa.
佛在世時人壽百千歲。一會說經九百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu bách ức Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 900 triệu Đệ Tử tập trung.
二會八十億。三會七十億。皆得道證。

Nhị hội bát thập ức. Tam hội thất thập ức. Giai đắc Đạo chứng.
Hội thứ hai có 80 triệu. Hội thứ 3 có 70 triệu. Đều chứng được Đạo.
正法存立五十萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập ngũ thập vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.
Chính Pháp lập dựng tồn tại 50 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.
大威如來所生土地。域名富祠。

Đại Uy Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Phú-từ.
Đại Uy Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Phú Từ.
其佛光明照二百里。梵志種父名寶藏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Bảo-tạng.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 100 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Bảo Tạng.
母字威氏。子曰照上。侍者曰善多。

Mẫu tự Uy-thị. Tử viết Chiêu-thượng. Thị giả viết Thiện-đa.
Tên mẹ là Thị Uy. Con trai tên là Chiêu Thượng. Người giúp việc tên là Thiện Đa.

上首智慧弟子曰焰光。神足弟子曰紫藏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Diệm-quang. Thần-túc Đệ-tử viết Tử-tạng.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Diệm Quang. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tử Tạng.

佛在世時人壽五千歲。一會說經七萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 7 vạn Đệ Tử tập trung.

二會七萬五千。三會八萬人。皆得道證。

Nhị hội thất vạn ngũ thiên. Tam hội bát vạn nhân. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 7 vạn 5 nghìn. Hội thứ 3 có 8 vạn người. Đều chứng được Đạo.

正法存立二萬一千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhị vạn nhất thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 vạn 1 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

梵氏如來所生土地。城名上味。

Phạm Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-vị.

Phạm Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Vị.

其佛光明照百二十里。梵志種父名愛無憂。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Ái-vô-ưu.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Ái Vô Ưu.

母字旃陀氏。子曰勝兵。侍者曰甚調。

Mẫu tự Chiên-đà-thị. Tử viết Thắng-binh. Thị giả viết Thâm-điều.

Tên mẹ là Chiên Đà Thị. Con trai tên là Thắng Binh. Người giúp việc tên là Thâm Điều.

上首智慧弟子曰進士。神足弟子曰金剛結。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tiến-sĩ. Thần-túc Đệ-tử viết Kim-cương-kết.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tiến Sĩ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Kim Cương Kết.

佛在世時人壽萬二千歲。一會說經億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn nhị thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ vạn 2 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 1 triệu Đệ Tử tập trung.

止有是一會皆得道證。

Chỉ hữu thị nhất hội giai đắc Đạo chứng.

Chỉ có một hội đó đều chứng được Đạo.

正法存立萬四千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập vạn tứ thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn 4 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

無量曜如來所生土地。城名神祇。

Vô Lượng Diệu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thần-kỳ.

Vô Lượng Diệu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thần Kỳ.

其佛光明照三千八百里。君子種父名尊音。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên bát bách lý. Quân tử chung phụ danh Tôn-âm.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.900 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Tôn Âm.

母字月光。子曰欣善。侍者曰善兵。

Mẫu tự Nguyệt-quang. Tử viết Hân-thiện. Thị giả viết Thiện-binh.

Tên mẹ là Nguyệt Quang. Con trai tên là Hân Thiện. Người giúp việc tên là Thiện Binh.

上首智慧弟子曰樂響。神足弟子曰焰光。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lạc-hưởng. Thần-túc Đệ-tử viết Diệm-quang.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lạc Hưởng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Diệm Quang.

佛在世時人壽八萬歲。一會說經二百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 200 triệu Đệ Tử tập trung.

二會四百億。三會六百億。皆得道證。

Nhị hội tứ bách ức. Tam hội lục bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 400 triệu. Hội thứ 3 có 600 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立亦八萬歲。舍利普流八方上下。

Chính-Pháp tồn lập diệc bát vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu bát phương thượng hạ.

Chính Pháp lập dựng tồn tại cũng 8 vạn năm. Xá Lợi lưu truyền khắp cả 8 phương trên dưới.

龍施如來所生土地。城名寶錦。

Long Thí Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-cẩm.

Long Thí Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Cẩm.

其佛光明照二十里。君子種父名持勝。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thập lý. Quân tử chung phụ danh Trì-thắng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 10 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Trì Thắng.

母字法氏。子曰福力。侍者曰寶城。

Mẫu tự Pháp-thị. Tử viết Phúc-lực. Thị giả viết Bảo-thành.

Tên mẹ là Pháp Thị. Con trai tên là Phúc Lực. Người giúp việc tên là Bảo Thành.

上首智慧弟子曰閻最。神足弟子曰雄天。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Diêm-tối. Thần-túc Đệ-tử viết Hùng-thiên.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Diêm Tối. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Hùng Thiên.

佛在世時人壽七萬六千歲。一會說經八萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn lục thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn 6 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 8 vạn Đệ Tử tập trung.

二會七萬八千。三會七萬五千人。皆得道證。

Nhị hội thất vạn bát thiên. Tam hội thất vạn ngũ thiên nhân. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 7 vạn 8 nghìn. Hội thứ 3 có 7 vạn 5 nghìn người. Đều chứng được Đạo.

正法存立千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

堅步如來所生土地。城名上賢。

Kiên Bộ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-hiền.

Kiên Bộ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Hiền.

其佛光明照二百里。君子種父名師子鬚。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách lý. Quân tử chủng phụ danh Sư-tử-phát.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 100 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Sư Tử Phát.

母字那羅施。子曰法音。侍者曰善應。

Mẫu tự Na-la-thí. Tử viết Pháp-âm. Thị giả viết Thiện-ung.

Tên mẹ là Na La Thí. Con trai tên là Pháp Âm. Người giúp việc tên là Thiện Ưng.

上首智慧弟子曰寶施。神足弟子曰月施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Bảo-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Nguyệt-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Bảo Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nguyệt Thí.

佛在世時人壽億歲。一會說經百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十億。三會九十八億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập ức. Tam hội cửu thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 triệu. Hội thứ 3 có 98 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立五萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ngũ vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 5 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

不虛見如來所生土地。城名逮受。

Bất Hư Kiến Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Đãi-thụ.

Bất Hư Kiến Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Đãi Thụ.

其佛光明圓照七尺。君子種父名清施。

Kỳ Phật Quang-minh viên chiếu thất xích. Quân tử chủng phụ danh Thanh-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 7 thước. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thanh Thí.

母字柔甘具。子曰焰味。侍者曰閻吼。

Mẫu tự Nhu-cam-cụ. Tử viết Diệm-vị. Thị giả viết Diêm-hống.

Tên mẹ là Nhu Cam Cụ. Con trai tên là Diệm Vị. Người giúp việc tên là Diêm Hống.

上首智慧弟子曰安明友。神足弟子曰伊沙羅。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết An-minh-hữu. Thần-túc Đệ-tử viết Y-sa-la.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là An Minh Hữu. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Y Sa La.

佛在世時人壽百歲。一會說經九十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 96 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十八億。三會百億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập bát ức. Tam hội bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 98 triệu. Hội thứ 3 có 100 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

精進施如來所生土地。城名治波。

Tinh Tiến Thí Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Trì-ba.

Tinh Tiến Thí Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Trì Ba.

其佛光明照四十里。梵志種父名賢吼。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hiền-hồng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hiền Hồng.

母字首意。子曰無憂天。侍者曰大神便。

Mẫu tự Thủ-ý. Tử viết Vô-ưu-thiên. Thị giả viết Đại-thần-tiên.

Tên mẹ là Thủ Ý. Con trai tên là Vô Ưu Thiên. Người giúp việc tên là Đại Thần Tiên.

上首智慧弟子曰樂尊。神足弟子曰月首。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lạc-tôn. Thần-túc Đệ-tử viết Nguyệt-thủ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lạc Tôn. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nguyệt Thủ.

佛在世時人壽千歲。一會說經八十姪弟子集。皆得道證。

Phật tại thế thời nhân thọ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập cai Đệ-tử tập. Giai đắc Đạo chứng.

Khi Phật ở đời người thọ 1 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 vạn vạn Đệ Tử tập trung. Đều chứng được Đạo.

正法存立三千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tam thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

賢力如來所生土地。城名得樂志。

Hiền Lực Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Đắc-lạc-chí.

Hiền Lực Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Đắc Lạc Chí.

其佛光明照四百里。君子種父名寶威。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Bảo-uy.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Bảo Uy.

母字福意。子曰常施。侍者曰石樂。

Mẫu tự Phúc-ý. Tử viết Thường-thí. Thị giả viết Thạch-lạc.

Tên mẹ là Phúc Ý. Con trai tên là Thường Thí. Người giúp việc tên là Thạch Lạc.

上首智慧弟子曰慧殊。神足弟子曰海意。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tuệ-thù. Thần-túc Đệ-tử viết Hải-ý.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tuệ Thù. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Hải Ý.

其佛在世時人壽六千歲。一會說經八百萬億弟子集。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ lục thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát bách vạn ức Đệ-tử tập.
Khi Phật ở đời người thọ 6 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 800 vạn triệu Đệ Tử tập trung.
皆得道證。由得自在。

Giai đắc Đạo chứng. Do đắc Tự-tại.

Đều chứng được Đạo. Do được Tự tại.

正法存立二萬一千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhị vạn nhất thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 vạn 1 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

欣樂如來所生土地。城名財富。

Hân Lạc Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tài-phú.

Hân Lạc Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tài Phú.

其佛光明照百六十里。梵志種父名梵天。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách lục thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Phạm-thiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 80 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Phạm Thiên.

母字供首。子曰大威。侍者曰行步安。

Mẫu tự Cung-thủ. Tử viết Đại-uy. Thị giả viết Hành-bộ-an.

Tên mẹ là Cung Thủ. Con trai tên là Đại Uy. Người giúp việc tên là Hành Bộ An.

上首智慧弟子曰多福。神足弟子曰樂目。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Đa-phúc. Thần-túc Đệ-tử viết Lạc-mục.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Đa Phúc. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Lạc Mục.

佛在世時人壽八萬四千歲。一會說經七十三億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tứ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập tam ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn 4 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 73 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十二億。三會七十一億。皆得道證。

Nhị hội thất thập nhị ức. Tam hội thất thập nhất ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 72 triệu. Hội thứ 3 có 71 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập cửu thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

不退沒如來所生土地。城名長威。

Bất Thoái Một Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Trường-uy.

Bất Thoái Một Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Trường Uy.

其佛光明照三千八百里。君子種父名醫王。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên bát bách lý. Quân tử chủng phụ danh Y-vương.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.900 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Y Vương.

母字宿首。子曰華天。侍者曰力勝。

Mẫu tự Tú-thủ. Tử viết Hoa-thiên. Thị giả viết Lực-thắng.

Tên mẹ là Tú Thủ. Con trai tên là Hoa Thiên. Người giúp việc tên là Lục Thắng.

上首智慧弟子曰稱無量。神足弟子曰勇步。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Xung-vô-lượng. Thần-túc Đệ-tử viết Dũng-bộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Xung Vô Lượng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Dũng Bộ.

佛在世時人壽二萬一千歲。一會說經六十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn nhất thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn 1 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 60 triệu Đệ Tử tập trung. 二會五十八億。三會五十六億。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập bát ức. Tam hội ngũ thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 58 triệu. Hội thứ 3 có 56 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập cửu thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

師子幢如來所生土地。域名烏扇迦。

Sư Tử Tràng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Ô-phiến-ca.

Sư Tử Tràng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Ô Phiến Ca.

其佛光明照三百六十里。君子種父名法幢。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách lục thập lý. Quân tử chủng phụ danh Pháp-tràng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 180 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Pháp Tràng.

母字福友。子曰貴施。侍者曰大神。

Mẫu tự Phúc-hữu. Tử viết Quý-thí. Thị giả viết Đại-thần.

Tên mẹ là Phúc hữu. Con trai tên là Quý Thí. Người giúp việc tên là Đại Thần.

上首智慧弟子曰愛施。神足弟子曰勤詣。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Ái-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Cần-nghệ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Ái Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cần Nghệ.

佛在世時人壽二萬八千歲。一會說經二十二億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị thập nhị ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 22 triệu Đệ Tử tập trung.

二會二十一億。三會二十億。皆得道證。

Nhị hội nhị thập nhất ức. Tam hội nhị thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 21 triệu. Hội thứ 3 có 20 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立八千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập bát thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

勝知如來所生土地。域名寶焰。

Thắng Tri Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-diệm.

Thắng Tri Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Diệm.

其佛光明照四百里。君子種父名曰藏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Nhật-tạng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Nhật Tạng.

母字華目。子曰樂成。侍者曰法氏。

Mẫu tự Hoa-mục. Tử viết Lạc-thành. Thị giả viết Pháp-thị.

Tên mẹ là Hoa Mục. Con trai tên là Lạc Thành. Người giúp việc tên là Pháp Thị.

上首智慧弟子曰修成。神足弟子曰善法。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tu-thành. Thần-túc Đệ-tử viết Thiện-pháp.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tu Thành. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thiện Pháp.

佛在世時人壽八萬歲。一會說經三十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh tam thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 36 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十七億。三會三十八億。皆得道證。

Nhị hội tam thập thất ức. Tam hội tam thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 37 triệu. Hội thứ 3 có 38 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立六百萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập lục bách vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 600 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

法氏如來所生土地。城名愛天。

Pháp Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Ái-thiên.

Pháp Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Ái Thiên.

其佛光明照二百八十里。梵志種父字莫勝。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ tự Mạc-thắng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 140 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Mạc Thắng.

母字闍氏。子曰勝天根。侍者曰日施。

Mẫu tự Văn-thị. Tử viết Thắng-thiên-căn. Thị giả viết Nhật-thí.

Tên mẹ là Văn Thị. Con trai tên là Thắng Thiên Căn. Người giúp việc tên là Nhật Thí.

上首智慧弟子曰大樂。神足弟子曰施藥。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Đại-lạc. Thần-túc Đệ-tử viết Thí-dược.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Đại Lạc. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thí Dược.

佛在世時人壽億歲。一會說經八億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 8 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七億。三會六億。皆得道證。

Nhị hội thất ức. Tam hội lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 7 triệu. Hội thứ 3 có 6 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立一億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhất ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

喜王如來所生土地。城名所在吉。

Hi Vương Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Sở-tại-cát.

Hi Vương Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Sở Tại Cát.

其佛光明照三千二百里。君子種父名最上。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên nhị bách lý. Quân tử chủng phụ danh Tối-thượng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.600 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Tối Thượng.

母字首歸悅。子曰念閻吼。侍者曰和安。

Mẫu tự Thủ-quy-duyệt. Tử viết Niệm-diêm-hồng. Thị giả viết Hòa-an.

Tên mẹ là Thủ Quy Duyệt. Con trai tên là Niệm Diêm Hồng. Người giúp việc tên là Hòa An.

上首智慧弟子曰寶上。神足弟子曰執人天。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Bảo-thượng. Thần-túc Đệ-tử viết Cháp-nhân-thiên.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Bảo Thượng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cháp Nhân Thiên.

佛在世時人壽五千歲。一會說經四十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 40 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十八億。三會三十七億。皆得道證。

Nhị hội tam thập bát ức. Tam hội tam thập thất ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 38 triệu. Hội thứ 3 có 37 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立百千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập bách thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 100 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

妙御如來所生土地。城名寶藏。

Diệu Ngự Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Bảo-tạng.

Diệu Ngự Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Bảo Tạng.

其佛光明照四十里。君子種父名曰施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Viết-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Viết Thí.

母字寶氏。子曰德光。侍者曰海身。

Mẫu tự Bảo-thị. Tử viết Đức-quang. Thị giả viết Hải-thân.

Tên mẹ là Bảo Thị. Con trai tên là Đức Quang. Người giúp việc tên là Hải Thân.

上首智慧弟子曰行妙施。神足弟子曰上施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Hạnh-diệu-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Thượng-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Hạnh Diệu Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thượng Thí.

佛在世時人壽億歲。一會說經九十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 90 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十八億。三會百億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập bát ức. Tam hội bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 98 triệu. Hội thứ 3 có 100 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立三億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập tam ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

敬英如來所生土地。域名世樂。

Kính Anh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thế-lạc.

Kính Anh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thế Lạc.

其佛光明照二十里。梵志種父名豐世。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Phong-thế.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 10 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Phong Thế.

母字欣樂。子曰外氏。侍者曰尊鎧。

Mẫu tự Hân-lạc. Tử viết Ngoại-thị. Thị giả viết Tôn-khải.

Tên mẹ là Hân Lạc. Con trai tên là Ngoại Thị. Người giúp việc tên là Tôn Khải.

上首智慧弟子曰安上。神足弟子曰退施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết An-thượng. Thần-túc Đệ-tử viết Thoái-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là An Thượng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thoái Thí.

佛在世時人壽百千歲。一會說經五十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bách thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh ngũ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 100 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 50 triệu Đệ Tử tập trung.

二會四十八億。三會四十六億。皆得道證。

Nhị hội tứ thập bát ức. Tam hội tứ thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 48 triệu. Hội thứ 3 có 46 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立一億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhất ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

妙天如來所生土地。域名善意。

Diệu Thiên Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-ý.

Diệu Thiên Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Ý.

其佛光明照千二百里。梵志種父名真末。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên nhị bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Chân-mạt.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 600 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Chân Mạt.

母字法意。子曰月上。侍者曰威英。

Mẫu tự Pháp-ý. Tử viết Nguyệt-thượng. Thị giả viết Uy-anh.

Tên mẹ là Pháp Ý. Con trai tên là Nguyệt Thượng. Người giúp việc tên là Uy Anh.

上首智慧弟子曰愛首。神足弟子曰無憂。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Ái-thủ. Thần-túc Đệ-tử viết Vô-ưu.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Ái Thủ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Vô Ưu.

佛在世時人壽四萬歲。一會說經七十億百千弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tứ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức bách thiên Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 4 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu 100 nghìn Đệ Tử tập trung.

二會六十億百千。三會五十億百千。皆得道證。

Nhị hội lục thập ức bách thiên. Tam hội ngũ thập ức bách thiên. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 60 triệu 100 nghìn. Hội thứ 3 có 50 triệu 100 nghìn. Đều chứng được Đạo.

正法存立二萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhị vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

多勳如來所生土地。城名香氏。

Đa Huân Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hương-thị.

Đa Huân Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hương Thị.

其佛光明照三百六十里。君子種父名受施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách lục thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thụ-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 180 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thụ Thí.

母字威首。子曰威神。侍者曰青蓮。

Mẫu tự Uy-thủ. Tử viết Uy-thần. Thị giả viết Thanh-liên.

Tên mẹ là Uy Thủ. Con trai tên là Uy Thần. Người giúp việc tên là Thanh Liên.

上首智慧弟子曰無垢施。神足弟子曰施興忻樂。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-cấu-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Thí-hung Hãn-lạc.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Cấu Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thí Hưng Hãn Lạc.

佛在世時人壽二萬五千歲。一會說經十四億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thập tứ ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 14 triệu Đệ Tử tập trung.

二會十六億。三會十八億。皆得道證。

Nhị hội thập lục ức. Tam hội thập bát ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 16 triệu. Hội thứ 3 có 18 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立五萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập ngũ vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 5 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

眾香手如來所生土地。城名福香。

Chúng Hương Thủ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Phúc-hương.

Chúng Hương Thủ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Phúc Hương.

其佛光明照千二百八十里。君子種父名首樂。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên nhị bách bát thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thủ-lạc.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 640 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thủ Lạc.

母字妙華。子曰寶上光。侍者曰誠英。

Mẫu tự Diệu-hoa. Tử viết bảo Thượng-quang. Thị giả viết Thành-anh.

Tên mẹ là Diệu Hoa. Con trai tên là Thượng Quang. Người giúp việc tên là Thành Anh.

上首智慧弟子曰愛月。神足弟子曰勝力。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Ái-nguyệt. Thần-túc Đệ-tử viết Thắng-lực.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Ái Nguyệt. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thắng Lực.

佛在世時人壽七萬歲。一會說經六十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 66 triệu Đệ Tử tập trung.

二會六十四億。三會六十二億。皆得道證。

Nhị hội lục thập tứ ức. Tam hội lục thập nhị ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 64 triệu. Hội thứ 3 có 62 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立亦七萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập diệc thất vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại cũng 7 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tòa ở 10 phương.

順觀如來所生土地。城名度閻。

Thuận Quan Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Độ-diêm.

Thuận Quan Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Độ Diêm.

其佛光明照四十里。梵志種父名施顏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thí-nhan.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thí Nhan.

母字寶趣。子曰所生。侍者曰意悅。

Mẫu tự Bảo-thú. Tử viết Sở-sinh. Thị giả viết Ý-duyet.

Tên mẹ là Bảo Thú. Con trai tên là Sở Sinh. Người giúp việc tên là Ý Duyệt.

上首智慧弟子曰施明。神足弟子曰意錦。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thí-minh. Thần-túc Đệ-tử viết Ý-cẩm.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thí Minh. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Ý Cẩm.

佛在世時人壽九十億歲。一會說經七十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ cửu thập ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 90 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu Đệ Tử tập trung.

二會六十八億。三會六十六億。皆得道證。

Nhị hội lục thập bát ức. Tam hội lục thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 68 triệu. Hội thứ 3 có 66 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九十億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập cửu thập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 90 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

兩音如來所生土地。城名宿愛。

Vũ Âm Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tú-ái.

Vũ Âm Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tú Ái.

其佛光明照千七百六十里。梵志種父名明施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên thất bách lục thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Minh-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 880 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Minh Thí.

母字威首。子曰其法。侍者曰甚諦。

Mẫu tự Uy-thủ. Tử viết Kỳ-pháp. Thị giả viết Thâm-đế.

Tên mẹ là Uy Thủ. Con trai tên là Kỳ Pháp. Người giúp việc tên là Thâm Đế.

上首智慧弟子曰月藏。神足弟子曰力步。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nguyệt-tạng. Thần-túc Đệ-tử viết Lực-bộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nguyệt Tạng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Lực Bộ.

佛在世時人壽九萬歲。一會說經七十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ cửu vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 9 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十五億。三會八十億。皆得道證。

Nhị hội thất thập ngũ ức. Tam hội bát thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 75 triệu. Hội thứ 3 có 80 triệu. Đầu chứng được Đạo.

正法存立百千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập bách thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 100 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

善思如來所生土地。城名無量寶。

Thiện Tư Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Vô-lượng-bảo.

Thiện Tư Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Vô Lượng Bảo.

其佛光明照二十里。梵志種父名念堅。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Niệm-kiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 10 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Niệm Kiên.

母字福祇。子曰華施。侍者曰力施。

Mẫu tự Phúc-kỳ. Tử viết Hoa-thí. Thị giả viết Lực-thí.

Tên mẹ là Phúc Kỳ. Con trai tên là Hoa Thí. Người giúp việc tên là Lực Thí.

上首智慧弟子曰無喻。神足弟子曰捨嫉。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Vô-dụ. Thần-túc Đệ-tử viết Xả-tật.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Vô Dụ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Xả Tật.

佛在世時人壽千歲。一會說經百千萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách thiên vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 nghìn vạn Đệ Tử tập trung.
二會八十萬。三會七十萬。皆得道證。

Nhị hội bát thập vạn. Tam hội thất thập vạn. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 80 vạn. Hội thứ 3 có 70 vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立八萬四千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn tứ thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn 4 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

快意如來所生土地。城名快見。

Khoái Ý Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Khoái-kiến.

Khoái Ý Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Khoái Kiến.

其佛光明照五百六十里。君子種父名宿天。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu ngũ bách lục thập lý. Quân tử chủng phụ danh Tú-thiên.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 280 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Tú Thiên.

母字威氏。子曰華氏。侍者曰俱退。

Mẫu tự Uy-thị. Tử viết Hoa-thị. Thị giả viết Câu-thoái.

Tên mẹ là Uy Thị. Con trai tên là Hoa Thị. Người giúp việc tên là Câu Thoái.

上首智慧弟子曰普施。神足弟子曰超步。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Phổ-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Siêu-bộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Phổ Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Siêu Bộ.

佛在世時人壽三萬歲。一會說經二十八億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị thập bát ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 28 triệu Đệ Tử tập trung.

二會二十五億。三會亦二十五億。皆得道證。

Nhị hội nhị thập ngũ ức. Tam hội diệc nhị thập ngũ ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 25 triệu. Hội thứ 3 cũng có 25 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立六萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập lục vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 6 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

離垢如來所生土地。城名城威。

Ly Cấu Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thành-uy.

Ly Cấu Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thành Uy.

其佛光明照四十里。梵志種父名首藏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thủ-tạng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thủ Tạng.

母字華辭。子曰智威。侍者曰無限。

Mẫu tự Hoa-từ. Tử viết Trí-uy. Thị giả viết Vô-hạn.

Tên mẹ là Hoa Từ. Con trai tên là Trí Uy. Người giúp việc tên là Vô Hạn.

上首智慧弟子曰有志。神足弟子曰郡氏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Hữu-chí. Thần-túc Đệ-tử viết Quận-thị.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Hữu Chí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Quận Thị.

佛在世時人壽六萬五千歲。一會說經八十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ lục vạn ngũ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 6 vạn 5 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 vạn Đệ Tử tập trung.

二會九十萬。三會百萬。皆得道證。

Nhị hội cửu thập vạn. Tam hội bách vạn. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 vạn. Hội thứ 3 cũng có 100 vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立二萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhị vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 2 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

名聞如來所生土地。城名無憂。

Danh Văn Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Vô-ưu.

Danh Văn Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Vô Ưu.

其佛光明照四千里。君子種父名最上。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thiên lý. Quân tử chủng phụ danh Tối-thượng.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 2.000 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Tối Thượng.

母字威施。子曰上首。侍者曰法住。

Mẫu tự Uy-thí. Tử viết Thượng-thủ. Thị giả viết Pháp-trụ.

Tên mẹ là Uy Thí. Con trai tên là Thượng Thủ. Người giúp việc tên là Pháp Trụ.

上首智慧弟子曰石氏。神足弟子曰愛垢。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thạch-thị. Thần-túc Đệ-tử viết Ái-cầu.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thạch Thị. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Ái Cầu.

佛在世時人壽七萬歲。一會說經百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thất vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 7 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十億。三會八十億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập ức. Tam hội bát thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 90 triệu. Hội thứ 3 cũng có 80 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立二十萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập nhị thập vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 20 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

大稱如來所生土地。城名好園。

Đại Xung Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hảo-viên.

Đại Xung Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hảo Viên.

其佛光明照八百八十里。梵志種父名首積。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bát bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thủ-tích.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 440 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thủ Tích.

母字日施。子曰勝離意。侍者曰聞義思。

Mẫu tự Nhật-thí. Tử viết Thắng-ly-ý. Thị giả viết Văn-nghĩa-tư.

Tên mẹ là Nhật Thí. Con trai tên là Thắng Ly Ý. Người giúp việc tên là Văn Nghĩa Tư.

上首智慧弟子曰密郡。神足弟子曰斷施。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Mật-quận. Thần-túc Đệ-tử viết Đoạn-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Mật Quận. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Đoạn Thí.

佛在世時人壽八萬歲。一會說經五百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh ngũ bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 500 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三百億。三會二百億。皆得道證。

Nhị hội tam bách ức. Tam hội nhị bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 300 triệu. Hội thứ 3 có 200 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立五萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ngũ vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 5 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

明珠髻如來所生土地。城名照郡。

Minh Châu Kế Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Chiếu-quận.

Minh Châu Kế Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Chiếu Quận.

其佛光明照百二十里。君子種父名覺喜。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bát nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Giác-hi.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Giác Hi.

母字思夷氏。子曰思兵。侍者曰無量寂。

Mẫu tự Tư-di-thị. Tử viết Tư-binh. Thị giả viết Vô-lượng-tịch.

Tên mẹ là Tư Di Thị. Con trai tên là Tư Binh. Người giúp việc tên là Vô Lượng Tịch.

上首智慧弟子曰寶威。神足弟子曰逮致。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Bảo-uy. Thần-túc Đệ-tử viết Đãi-trí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Bảo Uy. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Đãi Trí.

佛在世時人壽九萬歲。一會說經九百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ cửu vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 9 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 900 triệu Đệ Tử tập trung.

二會千億。三會千二百億。皆得道證。

Nhị hội thiên ức. Tam hội thiên nhị bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có nghìn triệu. Hội thứ 3 có 1.200 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

堅強如來所生土地。城名安思。

Kiên Cường Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh An-tư.

Kiên Cường Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là An Tư.

其佛光明照千國土。君子種父名神氏。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên Quốc-thổ. Quân tử chủng phụ danh Thần-thị.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi nghìn Đất nước. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thần Thị.

母字樹言。子曰炎樂。侍者曰明珠味。

Mẫu tự Thọ-ngôn. Tử viết Viêm-lạc. Thị giả viết Minh-châu-vị.

Tên mẹ là Thọ Ngôn. Con trai tên là Viêm Lạc. Người giúp việc tên là Minh Châu Vị.

上首智慧弟子曰樂諧。神足弟子曰甚調。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lạc-hài. Thần-túc Đệ-tử viết Thâm-điều.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lạc Hài. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thâm Điều.

佛在世時人壽三萬歲。一會說經千三億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thiên tam ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 1.003 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十八億。三會五億。皆得道證。

Nhị hội tam thập bát ức. Tam hội ngũ ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 38 triệu. Hội thứ 3 có 5 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立九萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập cửu vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 9 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

師子步如來所生土地。城名清白氏。

Sư Tử Bộ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thanh-bạch-thị.

Sư Tử Bộ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thanh Bạch Thị.

其佛光明照千三百二十里。君子種父名若干塵。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu thiên tam bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Nhược-can-trần.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 660 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Nhược Can Trần.

母字妙藥。子曰不陀留。侍者曰意行。

Mẫu tự Diệu-dược. Tử viết Bất-đà-lưu. Thị giả viết Ý-hành.

Tên mẹ là Diệu Dược. Con trai tên là Bất Đà Lưu. Người giúp việc tên là Ý Hành.

上首智慧弟子曰多豐。神足弟子曰與護。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Đa-phong. Thần-túc Đệ-tử viết Dữ-hộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Đa Phong. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Dữ Hộ.

佛在世時人壽萬八千歲。一會說經百七十八萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách thất thập bát vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 178 vạn Đệ Tử tập trung.

二會百二十萬。三會百四十萬。皆得道證。

Nhị hội bách nhị thập vạn. Tam hội bách tứ thập vạn. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 120 vạn. Hội thứ 3 có 140 vạn. Đều chứng được Đạo.

正法存立七億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập thất ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 7 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

神樹如來所生土地。城名上閻浮。

Thần Thọ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thượng-diêm-phù.

Thần Thọ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thượng Diêm Phù.

其佛光明照億里。君子種父名樹王。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu ức lý. Quân tử chủng phụ danh Thọ-vương.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 500 nghìn km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thọ Vương.

母字意英。子曰愛俗。侍者曰施曜。

Mẫu tự Ý-anh. Tử viết Ái-tục. Thị giả viết Thí-diệu.

Tên mẹ là Ý Anh. Con trai tên là Ái Tục. Người giúp việc tên là Thí Diệu.

上首智慧弟子名藥解。神足弟子曰二財。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử danh Dược-giải. Thần-túc Đệ-tử viết Nhị-tài.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Dược Giải. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nhị Tài.

佛在世時人壽萬八千歲。一會說經四十八億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ thập bát ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 48 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三百五十億。三會三百三十億。皆得道證。

Nhị hội tam bách ngũ thập ức. Tam hội tam bách tam thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 350 triệu. Hội thứ 3 có 330 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立七十萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập thất thập vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 70 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

輒勝如來所生土地。城名藥氏。

Triếp Thắng Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Dược-thị.

Triếp Thắng Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Dược Thị.

其佛光明照三百六十里。君子種父名見敬。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách lục thập lý. Quân tử chủng phụ danh Kiến-kính.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 180 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Kiến Kính.

母字財施。子曰勇施。侍者曰法與。

Mẫu tự Tài-thí. Tử viết Dũng-thí. Thị giả viết Pháp-dữ.

Tên mẹ là Tài Thí. Con trai tên là Dũng Thí. Người giúp việc tên là Pháp Dữ.

上首智慧弟子曰了相。神足弟子曰大根名聞。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Liễu-tướng. Thần-túc Đệ-tử viết Đại-căn danh-văn.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Liễu Tướng. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Đại căn Danh văn.

佛在世時人壽八萬歲。一會說經七十六億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập lục ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 76 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十四億。三會七十二億。皆得道證。

Nhị hội thất thập tứ ức. Tam hội thất thập nhị ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 74 triệu. Hội thứ 3 có 72 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立六百千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập lục bách thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 600 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

智慧如來所生土地。城名賢施。

Trí Tuệ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Hiền-thí.

Trí Tuệ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Hiền Thí.

其佛光明照四百四十里。君子種父名釋施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách tứ thập lý. Quân tử chủng phụ danh Thích-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 220 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Thích Thí.

母字蜜威。子曰梵天。侍者曰法稱。

Mẫu tự Mật-uy. Tử viết Phạm-thiên. Thị giả viết Pháp-xung.

Tên mẹ là Mật Uy. Con trai tên là Phạm Thiên. Người giúp việc tên là Pháp Xung.

上首智慧弟子曰根意。神足弟子曰尊氏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Căn-ý. Thần-túc Đệ-tử viết Tôn-thí.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Căn Ý. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Tôn Thí.

佛在世時人壽三千歲。一會說經四十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 40 triệu Đệ Tử tập trung.

二會三十億。三會二十億。皆得道證。

Nhị hội tam thập ức. Tam hội nhị thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 30 triệu. Hội thứ 3 có 20 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立一萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập nhất vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

善住如來所生土地。城名閑威。

Thiện Trụ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Nhân-uy.

Thiện Trụ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Nhân Uy.

其佛光明照四百里。梵志種父名護無害。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Phạm-chí chủng phụ danh Hộ-vô-hại.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Hộ Vô Hại.

母字樂音。子曰具或。侍者曰覺嫉。

Mẫu tự Nhạc-âm. Tử viết Cụ-hoặc. Thị giả viết Giác-tật.

Tên mẹ là Nhạc Âm. Con trai tên là Cụ Hoặc. Người giúp việc tên là Giác Tật.

上首智慧弟子曰上與。神足弟子曰執鎧。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thượng-dữ. Thần-túc Đệ-tử viết Cháp-khải.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thượng Dữ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Cháp Khải.

佛在世時人壽五百萬歲。一會說經四萬六千弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ bách vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh tứ vạn lục thiên Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 500 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 4 vạn 6 nghìn Đệ Tử tập trung.

二會二萬五千。三會四萬三千。皆得道證。

Nhị hội nhị vạn ngũ thiên. Tam hội tứ vạn tam thiên. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 2 vạn 5 nghìn. Hội thứ 3 có 4 vạn 3 nghìn. Đều chứng được Đạo.

正法存立八萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập bát vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

虛空如來所生土地。城名愛居。

Hư Không Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Ái-cư.

Hư Không Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Ái Cư.

其佛光明照百二十里。君子種父名根施。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Căn-thí.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Căn Thí.

母字天豪。子曰水天。侍者曰智結。

Mẫu tự Thiên-hào. Tử viết Thủy-Thiên. Thị giả viết Trí-kết.

Tên mẹ là Thiên Hào. Con trai tên là Thủy Thiên. Người giúp việc tên là Trí Kết.

上首智慧弟子曰上意。神足弟子曰法首。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Thượng-ý. Thần-túc Đệ-tử viết Pháp-thủ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Thượng Ý. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Pháp Thủ.

佛在世時人壽千歲。一會說經九十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 90 triệu Đệ Tử tập trung.

二會八十億。三會七十億。皆得道證。

Nhị hội bát thập ức. Tam hội thất thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 80 triệu. Hội thứ 3 có 70 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立萬二千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập vạn nhị thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn 2 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

無量覺如來所生土地。城名善蓋。

Vô Lượng Giác Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-cái.

Vô Lượng Giác Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Cái.

其佛光明照三百八十里。梵志種父名生明眼。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Sinh-minh-nhãn.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 190 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Sinh Minh Nhãn.

母字龍施。子曰妙好。侍者曰賢天。

Mẫu tự Long-thí. Tử viết Diệu-hảo. Thị giả viết Hiền-thiên.

Tên mẹ là Long Thí. Con trai tên là Diệu Hảo. Người giúp việc tên là Hiền Thiên.

上首智慧弟子曰心音。神足弟子曰大枝步。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Tâm-âm. Thần-túc Đệ-tử viết Đại-chi-bộ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Tâm Âm. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Đại Chi Bộ.

佛在世時人壽億歲。一會說經七十億。

Phật tại thế thời nhân thọ ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 70 triệu.

二會五十億。三會四十億。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập ức. Tam hội tứ thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 50 triệu. Hội thứ 3 có 40. Đều chứng được Đạo.

正法存立六十億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập lục thập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 60 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

善顏如來所生土地。城名威氏。

Thiện Nhan Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Uy-thị.

Thiện Nhan Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Uy Thị

其佛光明照五百二十里。君子種父名樂音。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu ngũ bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Nhạc-âm.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 260 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Nhạc Âm.

母字樂氏。子曰所在吉。侍者曰上與。

Mẫu tự Lạc-thị. Tử viết Sở-tại-cát. Thị giả viết Thượng-dữ.

Tên mẹ là Lạc Thị. Con trai tên là Sở Tại Cát. Người giúp việc tên là Thượng Dữ.

上首智慧弟子曰福慧。神足弟子曰無懼。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Phúc-tuệ. Thần-túc Đệ-tử viết Vô-cụ.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Phúc Tuệ. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Vô Cụ.

佛在世時人壽三千歲。一會說經七億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ tam thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh thất thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 3 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 7 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九億。三會十億。皆得道證。

Nhị hội cửu ức. Tam hội thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 9 triệu. Hội thứ 3 có 10 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立萬六千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập vạn lục thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn 6 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

聖慧如來所生土地。城名善清白。

Thánh Tuệ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thiện-thanh-bạch.

Thánh Tuệ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thiện Thanh Bạch.

其佛光明照五百六十里。梵志種父名伊師檀。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu ngũ bách lục thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Y-sư-đàn.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 280 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Y Sư Đàn.

母字離塵。子曰勇猛。侍者曰名阿難。

Mẫu tự Ly-trần. Tử viết Dũng-mãnh. Thị giả viết danh A-nan.

Tên mẹ là Ly Trần. Con trai tên là Dũng Mãnh. Người giúp việc tên là A Nan.

上首智慧弟子曰意行。神足弟子曰須達。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Ý-hạnh. Thân-túc Đệ-tử viết Tu-đạt.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Ý Hạnh. Đệ Tử Thân thông biến hóa tên là Tu Đạt.

佛在世時人壽二萬八千歲。一會說經二十二億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhị vạn bát thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh nhị thập nhị ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 2 vạn 8 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 22 triệu Đệ Tử tập trung.

二會二十一億。三會二十億。皆得道證。

Nhị hội nhị thập nhất ức. Tam hội nhị thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 21 triệu. Hội thứ 3 có 20 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立六萬歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập lục vạn tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 6 vạn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

光明如來所生土地。城名琉璃光。

Quang Minh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Lưu-ly-quang.

Quang Minh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Lưu Ly Quang.

其佛光明照三千三百二十里。君子種父名愛敬。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam thiên tam bách nhị thập lý. Quân tử chủng phụ danh Ái-kính.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 1.660 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Ái Kính.

母字意樂。子曰愛光。侍者曰園觀。

Mẫu tự Ý-lạc. Tử viết Ái-quang. Thị giả viết Viên-quan.

Tên mẹ là Ý Lạc. Con trai tên là Ái Quang. Người giúp việc tên là Viên Quan.

上首智慧弟子曰樂愛。神足弟子曰調友。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nhạc-ái. Thân-túc Đệ-tử viết Điều-hữu.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nhạc Ái. Đệ Tử Thân thông biến hóa tên là Điều Hữu.

佛在世時人壽萬歲。一會說經八十二億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập nhị ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 82 triệu Đệ Tử tập trung.

二會八十七億。三會八十六億。皆得道證。

Nhị hội bát thập thất ức. Tam hội bát thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 87 triệu. Hội thứ 3 có 86 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立三千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập tam thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 nghìn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

堅誓如來所生土地。城名日遊。

Kiên Thệ Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Nhật-du.

Kiên Thệ Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Nhật Du.

其佛光明照四十里。梵志種父名天愛。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Thiên-ái.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Thiên Ái.

母字善意音。子曰尊寶。侍者曰柔音。

Mẫu tự Thiện-ý-âm. Tử viết Tôn-bảo. Thị giả viết Nhu-âm.

Tên mẹ là Thiện Ý Âm. Con trai tên là Tôn Bảo. Người giúp việc tên là Nhu Âm.

上首智慧弟子曰言施。神足弟子曰柔軟。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Ngôn-thí. Thần-túc Đệ-tử viết Nhu-nhuyễn.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Ngôn Thí. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nhu Nhuyễn.

佛在世時人壽一億歲。一會說經百億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhất ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bách ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 100 triệu Đệ Tử tập trung.

二會九十七億。三會九十五億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập thất ức. Tam hội cửu thập ngũ ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 97 triệu. Hội thứ 3 có 95 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立四十億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập tứ thập ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 40 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

吉祥如來所生土地。城名母愛。

Cát Tường Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Mẫu-ái.

Cát Tường Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Mẫu Ái.

其佛光明照二百八十里。梵志種父名錦王。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu nhị bách bát thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Cẩm-vương.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 140 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Cẩm Vương.

母字華元。子曰無量手。侍者曰養友。

Mẫu tự Hoa-nguyên. Tử viết Vô-lượng-thủ. Thị giả viết Dưỡng-hữu.

Tên mẹ là Hoa Nguyên. Con trai tên là Vô Lượng Thủ. Người giúp việc tên là Dưỡng Hữu.

上首智慧弟子曰法事。神足弟子曰勝友。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Pháp-sự. Thần-túc Đệ-tử viết Thắng-hữu.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Pháp Sự. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thắng Hữu.

佛在世時人壽五萬歲。一會說經五十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ vạn tuế. Nhất hội thuyết Kinh ngũ thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 5 vạn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 50 triệu Đệ Tử tập trung.

二會八十二億。三會八十六億。皆得道證。

Nhị hội bát thập nhị ức. Tam hội bát thập lục ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 82 triệu. Hội thứ 3 có 86 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立億歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập ức tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 triệu năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

誠英如來所生土地。城名愛響。

Thành Anh Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Ái-hương.

Thành Anh Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Ái Hương.

其佛光明照四十里。梵志種父名福外。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Phúc-ngoại.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 20 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Phúc Ngoại.

母字賢氏。子曰愛名稱。侍者曰尊友。

Mẫu tự Hiền-thị. Tử viết Ái-danh-xung. Thị giả viết Tôn-hữu.

Tên mẹ là Hiền Thị. Con trai tên là Ái Danh Xung. Người giúp việc tên là Tôn Hữu.

上首智慧弟子曰月賢。神足弟子曰樹目。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nguyệt-hiền. Thần-túc Đệ-tử viết Thụ-mục.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nguyệt Hiền. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Thụ Mục.

佛在世時人壽一億歲。一會說經八十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhất ức tuế. Nhất hội thuyết Kinh bát thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 triệu năm. Hội đầu tiên nói Kinh 80 triệu Đệ Tử tập trung.

二會七十億。三會六十億。皆得道證。

Nhị hội thất thập ức. Tam hội lục thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 70 triệu. Hội thứ 3 có 60 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立八億歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập bát ức tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 8 triệu năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.

青蓮如來所生土地。城名甚華威。

Thanh Liên Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Thâm-hoa-uy.

Thanh Liên Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Thâm Hoa Uy.

其佛光明照四百八十里。君子種父名總持。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách bát thập lý. Quân tử chủng phụ danh Tổng-trì.
Quang sáng của Phật đó chiếu soi 240 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Tổng Trì.
母字忻施。子曰功福。侍者曰難勝。

Mẫu tự Hân-thí. Tử viết Công-phúc. Thị giả viết Nan-thắng.

Tên mẹ là Hân Thí. Con trai tên là Công Phúc. Người giúp việc tên là Nan Thắng.
上首智慧弟子曰樂法。神足弟子曰藥氏。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Lạc-pháp. Thần-túc Đệ-tử viết Dược-thị.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Lạc Pháp. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Dược Thị.
佛在世時人壽五百歲。一會說經十萬弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ ngũ bách tuế. Nhất hội thuyết Kinh thập vạn Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 500 năm. Hội đầu tiên nói Kinh 10 vạn Đệ Tử tập trung.
二會九萬九千。三會九萬八千。皆得道證。

Nhị hội cửu vạn cửu thiên. Tam hội cửu vạn bát thiên. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 9 vạn 9 nghìn. Hội thứ 3 có 9 vạn 8 nghìn. Đều chứng được Đạo.
正法存立萬五千歲。舍利并合興一大寺。

Chính-Pháp tồn lập vạn ngũ thiên tuế. Xá-lợi tịnh hợp hưng nhất đại Tự.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 1 vạn 5 nghìn năm. Xá Lợi toàn thân hưng khởi dựng 1 Chùa lớn.
鉤鑠如來所生土地。域名集賢。

Câu Tỏa Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Tập-hiền.

Câu Tỏa Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Tập Hiền.

其佛光明照三百里。君子種父名愛目。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tam bách lý. Quân tử chủng phụ danh Ái-mục.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 150 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Ái Mục.
母字施善志。子曰仁賢。侍者曰明珠結。

Mẫu tự Thí-thiện-chí. Tử viết Nhân-hiền. Thị giả viết Minh-châu-kết.

Tên mẹ là Thí Thiện Chí. Con trai tên là Nhân Hiền. Người giúp việc tên là Minh Châu Kết.
上首智慧弟子曰學友。神足弟子曰若干月。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Học-hữu. Thần-túc Đệ-tử viết Nhược-can-nguyệt.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Học Hữu. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Nhược Can Nguyệt.
佛在世時人壽一萬二千歲。一會說經六十億弟子集。

Phật tại thế thời nhân thọ nhất vạn nhị thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh lục thập ức Đệ-tử tập.

Khi Phật ở đời người thọ 1 vạn 2 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 60 triệu Đệ Tử tập trung.
二會五十億。三會九十億。皆得道證。

Nhị hội ngũ thập ức. Tam hội cửu thập ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 50 triệu. Hội thứ 3 có 90 triệu. Đều chứng được Đạo.
正法存立三萬歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập tam vạn tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 3 vạn năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

安氏如來所生土地。城名意樂。

An Thị Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Ý-lạc.

An Thị Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Ý Lạc.

其佛光明照百二十里。梵志種父名無量寶。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu bách nhị thập lý. Phạm-chí chủng phụ danh Vô-lượng-bảo.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 60 km. Cha giòng dõi Phạm Chí tên là Vô Lượng Bảo.

母字豐盛氏。子曰地施尊。侍者曰堅強。

Mẫu tự Phong-thịnh-thị. Tử viết Địa-thí-tôn. Thị giả viết Kiên-cường.

Tên mẹ là Phong Thịnh Thị. Con trai tên là Địa Thí Tôn. Người giúp việc tên là Kiên Cường.

上首智慧弟子曰月曜。神足弟子曰師子。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Nguyệt-diệu. Thần-túc Đệ-tử viết Sư-tử.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Nguyệt Diệu. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Sư Tử.

佛在世時人壽八萬四千歲。一會說經九十六億弟子眾。

Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn tứ thiên tuế. Nhất hội thuyết Kinh cửu thập lục ức Đệ-tử chúng.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn 4 nghìn năm. Hội đầu tiên nói Kinh 96 triệu Đệ Tử Chúng.

二會九十四億。三會九十二億。皆得道證。

Nhị hội cửu thập tứ ức. Tam hội cửu thập nhị ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 94 triệu. Hội thứ 3 có 92 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立亦八萬四千歲。舍利普流遍布十方。

Chính-Pháp tồn lập diệc bát vạn tứ thiên tuế. Xá-lợi phổ lưu biến bố Thập phương.

Chính Pháp lập dựng tồn tại cũng 8 vạn 4 năm. Xá Lợi đều lưu truyền phân bố biến tỏa ở 10 phương.

慧業如來所生土地。城名福富。

Tuệ Nghiệp Như Lai sở sinh thổ địa. Thành danh Phúc-phú.

Tuệ Nghiệp Như Lai được sinh ở Đất nước. Thành tên là Phúc Phú.

其佛光明照四百里。君子種父名無憂。

Kỳ Phật Quang-minh chiếu tứ bách lý. Quân tử chủng phụ danh Vô-ưu.

Quang sáng của Phật đó chiếu soi 200 km. Cha giòng dõi Quân Tử tên là Vô Ưu.

母字愛海。子曰和善覺。侍者曰善施。

Mẫu tự Ái-hải. Tử viết Hòa-thiện-giác. Thị giả viết Thiện-thí.

Tên mẹ là Ái Hải. Con trai tên là Hòa Thiện Giác. Người giúp việc tên là Thiện Thí.

上首智慧弟子曰現在聖。神足弟子曰福愛。

Thượng thủ Trí-tuệ Đệ-tử viết Hiện-tại-thánh. Thần-túc Đệ-tử viết Phúc-ái.

Đệ Tử Trí tuệ hàng đầu tên là Hiện Tại Thánh. Đệ Tử Thần thông biến hóa tên là Phúc Ái.

其佛在世時人壽八萬姪歲。一會聖聚不可計億。

Kỳ Phật tại thế thời nhân thọ bát vạn cai tuế. Nhất hội Thánh tụ bất khả kế ức.

Khi Phật ở đời người thọ 8 vạn vạn vạn năm. Hội đầu tiên các Thánh tụ tập không thể tính đếm.

二會八百億。三會七百億。皆得道證。

Nhị hội bát bách ức. Tam hội thất bách ức. Giai đắc Đạo chứng.

Hội thứ hai có 800 triệu. Hội thứ 3 có 700 triệu. Đều chứng được Đạo.

正法存立五億。佛散舍利如布醫藥。

Chính-Pháp tồn lập ngũ ức. Phật tán Xá-lợi như bố y dược.

Chính Pháp lập dựng tồn tại 5 triệu năm. Xá Lợi vụn rời của Phật như phân bố thuốc bệnh.

爾時安住巍巍難逮。若有聞名百一。斯等不久成佛正覺。

Nhĩ thời an trụ nguy nguy nan đãi. Nhược hữu văn danh bách nhất. Tư đẳng bất cửu thành Phật Chính-giác.

Khi đó ở yên ôn uy nghi khó bắt lấy. Nếu nghe được 100 tên hiệu. Những người đó không lâu được thành Phật Chính Giác.

況復供奉是千如來。諸弟子學不足言耳。

Huống phục cung phụng thị thiên Như Lai. Chư Đệ-tử học bất túc ngôn nhĩ.

Huống chi lại cung kính nghìn Phật Như Lai đó. Các Đệ Tử học nghe nói chưa đủ.

諸菩薩等逮不退轉無所從生法忍一生補處。

Chư Bồ-tát đẳng đãi Bất-thoái-chuyển vô sở tông sinh Pháp-nhẫn, Nhất-sinh-bổ-xứ.

Các Bồ Tát cũng bắt được Không thoái lui, Pháp Nhẫn không có theo sinh, Một lần sinh thành Phật.

度脫十方不可稱計。

Độ thoát Thập phương bất khả xưng kế.

Độ thoát 10 Phương không thể tính đếm.

賢劫經卷第七

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ thất.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 7.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tánh Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

=====

HIEN KIEP KINH Q8

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiễn Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiễn Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 11/2010.

=====

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 賢劫經, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

Taisho Tripitaka Vol. 14, No. 425 Hiền Kiếp Kinh, CBETA Chinese Electronic Tripitaka V1.14, Normalized Version

賢劫經卷第八

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ bát.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 8.

西晉月氏三藏竺法護譯

Tây Tấn nguyệt thị Tam Tạng Trúc Pháp Hộ dịch.

千佛發意品第二十二

Thiên Phật phát ý phẩm đệ nhị thập nhị.

Phẩm thứ 22 Nghìn Phật phát ý.

喜王菩薩。復白佛言。善哉世尊。唯垂愍哀。

Hi-vương Bồ-tát phục bạch Phật ngôn : Thiện tai ! Thế Tôn ! Duy thùy mẫn ai.

Hi Vương Bồ-tát phục bạch Phật nói rằng : Thiện tai ! Thế Tôn ! Xin rủ lòng thương xót.

說此劫中千佛本末。昔始作行得為菩薩時。

Thuyết thử Kiếp trung thiên Phật bản mạt. Tích thùy tác hạnh đắc vi Bồ-tát thời.

Nói nguồn ngọn của nghìn Phật trong Kiếp Hiền này. Xưa kia làm các Hạnh khi được là Bồ Tát.

在何佛所初發道意。積功累德每生自剋供養諸佛。

Tại hà Phật sở sơ phát Đạo ý. Tích công lũy Đức mỗi sinh tự khắc cúng dưỡng chư Phật.

Ở nơi Phật nào đầu tiên phát ý Đạo. Tích công lũy Đức mỗi một lần sinh tự có thể cúng dưỡng các Phật.

自致正覺度脫一切。佛告喜王菩薩！

Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết. Phật cáo Hi-vương Bồ-tát !

Tự đem tới Chính Giác độ thoát tất cả. Phật bảo Hi Vương Bồ-tát !

諦聽！諦聽善思念之。當為汝說發意本末。

Đề thính ! Đề thính thiện tư niệm chi ! Đương vì Nhữ thuyết phát ý bản mạt.

Nghe tuệ ! Nghe tuệ tư duy tuệ tu tuệ ! Đương vì Ngài nói nguồn ngọn phát ý.

喜王菩薩與諸大眾受教而聽。佛言：

Hi-vương Bồ-tát dữ chư Đại Chúng thụ giáo nhi thính. Phật ngôn :

Hỉ Vương Bồ-tát cùng với các Đại Chúng nhận lời chỉ dạy và nghe. Phật nói rằng :

拘留孫佛本宿命時。見月意如來。心中亘然如冥觀明。

Câu Lưu Tôn Phật bản túc mệnh thời. Kiến Nguyệt Ý Như Lai. Tâm trung tuyên nhiên như minh đổ minh.

Câu Lưu Tôn Phật vốn do thời Kiếp trước. Nhìn thấy Nguyệt Ý Như Lai. Trong tâm thông suốt như tối nhìn thấy sáng.

知道無上三界最尊。則求寶蓋貢上其佛。

Tri Đạo Vô-thượng Tam-giới tối tôn. Tắc cầu Bảo-cái công thượng kỳ Phật.

Biết Đạo Bình Đẳng là tôn quý tối cao của 3 Cõi giới. Chắc là tìm lọng báu dâng lên Phật đó.

初發道意精進不懈。自致正覺度脫一切。

Sơ phát Đạo ý Tinh-tiến bất giải. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Phát ý Đạo đầu tiên Tinh tiến không lười nhác. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

鉤那含佛本宿命時。見師子如來。貢上寶璣及須漫花。

Câu Na Hàm Phật bản túc mệnh thời kiến Sư Tử Như Lai. Công thượng Bảo-anh cập Tu-mạn hoa.

Câu Na Hàm Phật vốn do thời Kiếp trước. Nhìn thấy Sư Tử Như Lai. Dâng lên ngọc quý cùng với hoa Tu mạn.

因初發道心積功累德。自致正覺度脫一切。

Nhân sơ phát Đạo tâm tích công lũy Đức. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Nhân do đầu tiên phát tâm Đạo tích lũy công Đức. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

其迦葉佛本宿命時。生梵志家作幼童子。

Kỳ Ca Diệp Phật bản túc mệnh thời. Sinh Phạm-chí gia tác ấu Đồng tử.

Kỳ Ca Diệp Phật vốn do thời Kiếp trước. Sinh làm con thơ của gia đình Phạm chí.

見思夷最如來心中解悅。脫身所著妙好寶帶貢上其佛。

Kiến Tư Di Tồi Như Lai tâm trung giải duyệt. Thoát thân sở trước diệu hảo Bảo-đới công thượng kỳ Phật.

Nhìn thấy Tư Di Tồi Như Lai trong tâm thoải mái vui thích. Tháo khăn quý báu vi diệu được mang trên người dâng lên Phật đó.

初發道意行菩薩法不中懈廢。自致正覺度脫一切。

Sơ phát Đạo ý hành Bồ-tát Pháp bất trung giải phế. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Đầu tiên phát ý Đạo thực hành Pháp Bồ Tát không ở trong đó lười nhác phá bỏ. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

佛言：今我成佛號釋迦文。本宿命時作良醫師。

Phật ngôn : Kim Ngã thành Phật hiệu Thích Ca Văn. Bản túc mệnh thời tác lương y sư.

Phật nói rằng : Ta nay thành Phật tên hiệu Thích Ca Văn. Vốn do thời Kiếp trước làm thầy thuốc.

主治人病得醫功夫寶物衣具。見往古佛與吾同號亦字能仁如來。

Chủ trị nhân bệnh đác y công phu bảo vật y cụ. Kiến Vãng Cổ Phật dữ Ngô Đồng Hiệu diệt tự Năng Nhân Như Lai.

Chủ yếu chữa trị người bệnh được công phu vật báu dụng cụ của nghề thuốc. Nhìn thấy Vãng Cổ Phật cùng với Ngô Đồng Hiệu cũng có tên là Năng Nhân Như Lai.

知之至尊因持衣物貢上其佛。初發道意行四等心。

Tri chí chí Tôn nhân trì y vật công thượng kỳ Phật. Sơ phát Đạo ý hành Tứ-đẳng tâm.

Biết được bậc tôn quý lớn nhân đó cầm vật của ngành y dâng lên Phật đó. Đầu tiên phát ý Đạo thực hành 4 Tâm Bình đẳng.

四恩六度空無相願。不中取證逮得無所從生法忍。

Tứ ân Lục-độ Không Vô-tướng-nguyện. Bất trung thủ chứng đãi đắc vô sở tòng sinh Pháp-nhẫn. Bốn Ân, 6 Ba La Mật, Rỗng không, không có hình tướng, không có nguyện. Không ở trong cầm giữ chứng nghiệm, bắt được không có theo Pháp Nhẫn sinh.

見定光佛示現受決。欲濟一切三界眾生。自致正覺度脫一切。

Kiến Định Quang Phật thị hiện thụ quyết. Dục tế nhất thiết Tam-giới chúng sinh. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Gặp được Định Quang Phật hiện ra quyết định chuyển bậc thành Phật. Muốn cứu giúp tất cả chúng sinh của 3 Cõi giới. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

慈氏如來本宿命時。作轉輪聖王。

Từ Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tác Chuyển-luân Thánh Vương.

Từ Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Làm Chuyển-luân Thánh Vương.

見佛名逮無極。因發道心請佛聖眾供以甘饈。

Kiến Phật danh Đãi Vô Cực. Nhân phát Đạo tâm thỉnh Phật Thánh chúng cúng dĩ cam thiện.

Nhìn thấy Phật tên hiệu là Đãi Vô Cực. Nhân do phát Đạo tâm mời Phật chúng Thánh cúng dường bằng cỗ tiệc ngon ngọt.

貢上光寶以施一切。所在仁慈愍諸不逮。

Cống thượng Quang-bảo dĩ thí nhất thiết. Sở tại nhân Từ mẫn chư bất đãi.

Dâng lên báu vật sáng dùng để bố thí cho tất cả. Khắp nơi nhân từ thương xót và không bắt lấy.

周旋生死如恒河沙劫不以為劬。自致至佛度脫一切。

Chu toàn sinh tử như Hằng-hà sa Kiếp bất dĩ vi cù. Tự trí Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Sinh chết quay vòng, Kiếp số như cát sông Hằng không lấy làm cực nhọc. Đắt Phật tự đem tới độ thoát tất cả.

值其上壽人命八萬四千歲時。

Trực kỳ thượng thọ nhân mệnh bát vạn tứ thiên tuế thời.

Người thời thọ mệnh cao đáng giá 8 vạn 4 nghìn tuổi.

師子如來本宿命時從初發心。

Sư Tử Như Lai bản túc mệnh thời tòng sơ phát tâm.

Sư Tử Như Lai vốn do thời Kiếp trước từ ban đầu phát tâm.

佛名晃昱音因其發心。以五寸五納衣奉上其佛。

Phật danh Hoảng Dục Âm nhân kỳ phát tâm. Dĩ ngũ thốn ngũ nạp y phụng thượng kỳ Phật.
Tên hiệu của Phật là Hoảng Dục Âm nhân do Ngài phát tâm. Dùng áo 5 tấc 5 thu nạp cung kính dâng lên Phật.

供事世尊行菩薩法。自致成佛。

Cung sự Thế Tôn hành Bồ-tát Pháp. Tự trí thành Phật.

Cung kính việc Thế Tôn thực hành Pháp Bồ Tát. Tự đem tới thành Phật.

光焰如來本宿命時。曾作賈客入海獲致琦珍。

Quang Diệm Như Lai bản túc mệnh thời. Tăng tác cổ khách nhập hải hoạch trí kỳ trân.

Quang Diệm Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Từng làm thương nhân nhập vào biển thu hoạch châu ngọc quý.

從無量光佛所初發道心。時見世尊心中忻然。

Tông Vô Lượng Quang Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời kiến Thế Tôn tâm trung hãn nhiên.

Đi theo ở nơi Vô Lượng Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Lúc nhìn thấy Thế Tôn trong tâm rất dũng mãnh.

以明月珠貢上其佛。因其道心行菩薩法。自致成佛度脫一切。

Dĩ Minh-nguyệt châu cống thượng kỳ Phật. Nhân kỳ Đạo tâm hành Bồ-tát Pháp. Tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Dùng châu quý Minh nguyệt dâng lên Phật đó. Nhân do tâm Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát. Tự đem tới thành Đất Phật độ thoát tất cả.

牟尼如來本宿命時。從悅意如來初發道心。

Mâu Ni Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Duyệt Ý Như Lai sơ phát Đạo tâm.

Mâu Ni Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Duyệt Ý Như Lai đầu tiên phát tâm Đạo.

時作凡人財富無量。見佛心開。

Thời tác Phàm nhân tài phú vô lượng. Kiến Phật tâm khai.

Lúc đó là người phàm trần tiền tài giàu có vô lượng. Nhìn thấy Phật tâm khai sáng.

珠投飾蓋貢上其佛。因其道心行菩薩法。

Châu hiệu sức cái cống thượng kỳ Phật. Nhân kỳ Đạo tâm hành Bồ-tát Pháp.

Lọng trang sức châu ngọc dâng lên Phật. Nhân do tâm Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát.

心中願言：以是功德歸流十方皆見覆護。

Tâm trung nguyện ngôn : Dĩ thị Công-đức quy lưu Thập phương giai kiến phúc hộ.

Nguyện ở trong tâm nói rằng : Dem công Đức đó trở về lưu chuyển 10 phương đều được che chở bảo vệ.

精進不懈自致正覺度脫一切。

Tinh-tiến bất giải tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Tinh tiến không lười nghỉ Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

善目如來本宿命時。從奇妙佛初發道心。

Thiện Mục Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Kỳ Diệu Phật sơ phát Đạo tâm.

Thiện Mục Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Kỳ Diệu Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

于時見佛心中霍然貢上華香。因其道意行菩薩法。

Vu thời kiến Phật tâm trung hoắc nhiên công thượng hoa hương. Nhân kỳ Đạo ý hành Bồ-tát Pháp.

Khi nhìn thấy Phật trong tâm bỗng nhiên dâng lên hương hoa. Nhân do ý Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát.

奉四等心四恩四辯六度無極。愍傷十方致最正覺。

Phụng Tứ-đẳng tâm Tứ-ân Tứ-biện Lục-độ vô cực. Mẫn thương Thập phương trí Tối Chính-giác. Cung kính 4 tâm Bình đẳng, 4 Ân, 4 tài hùng biện, 6 Pháp Tối Niết Bàn. Thương xót 10 phương đem tới Tối Chính Giác.

度脫一切危厄眾生蒙濟弘安。

Độ thoát nhất thiết nguy ách chúng sinh mong tế hoằng an.

Độ thoát tất cả nguy ách, chúng sinh được cứu độ yên ổn lớn.

善宿如來本宿命時。從安悅如來初發道心。

Thiện Tú Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng An Duyệt Như Lai sơ phát Đạo tâm.

Thiện Tú Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo An Duyệt Như Lai đầu tiên phát tâm Đạo.

時為長者見佛歡悅。貢上玃珞妙好重閣。供養其佛。

Thời vi Trưởng-giả kiến Phật hoan duyệt. Công thượng giáo lạc diệu hảo trùng các. Cúng dường kỳ Phật.

Lúc đó là Trưởng giả nhìn thấy Phật vui mừng dưng mẫn. Dâng lên chuỗi ngọc, lâu nhiều tầng vi diệu. Cúng dường Phật đó.

因其道意行菩薩法。欲度十方自致成佛度脫一切。

Nhân kỳ Đạo ý hành Bồ-tát Pháp. Dục độ Thập phương tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Nhân do ý Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát. Muốn độ thoát 10 phương tự đem tới thành Đát Phật độ thoát tất cả.

華氏如來本宿命時。見導御佛初發道心。

Hoa Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Kiến Đạo Ngự Phật sơ phát Đạo tâm.

Hoa Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Nhìn thấy Đạo Ngự Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時本貧厄因其發心知三界空。便脫死人衣貢上其佛。

Thời bản bần ách nhân kỳ phát tâm tri Tam-giới Không. Tiện thoát tử nhân y công thượng kỳ Phật.

Lúc đó vốn do vận hạn nghèo khó, nhân do Ngài phát tâm biết 3 Cõi giới Rỗng không. Liền lấy áo của người chết dâng lên Phật đó.

奉菩薩法欲度脫眾生。富以七財使諸眾生莫致貧厄。

Phụng Bồ-tát Pháp dục độ thoát chúng sinh. Phú dĩ thất tài sử chư chúng sinh mạc trí bần ách.

Cung kính Pháp Bồ Tát muốn độ thoát chúng sinh. Giàu có dùng 7 báu tài vật giúp cho các chúng sinh không còn đem tới vận hạn nghèo khó.

十方覆護。自致成佛度脫一切。

Thập phương phúc hộ. Tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Che chở bảo vệ 10 phương. Tự đem tới thành Đất Phật độ thoát tất cả.

第二華氏如來至真等正覺。本宿命時。從超越首佛初發道心。

Đệ nhị Hoa Thị Như Lai chí Chân-đẳng Chính-giác. Bản túc mệnh thời. Tông Siêu Việt Thủ Phật sơ phát Đạo tâm.

Hoa Thị Như Lai thứ hai tới Chân Đẳng Chính Giác. Vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Siêu Việt Thủ Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

持洗口柳枝一枚貢上其佛。因其道意行菩薩法。

Trì tẩy khẩu liễu chi nhất mai công thượng kỳ Phật. Nhân kỳ Đạo ý hành Bồ-tát Pháp.

Cầm một cành dương liễu rửa sạch dâng lên Phật đó. Nhân do ý Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát.

度脫眾生自致正覺。救眾危厄三界之難也。

Độ thoát chúng sinh tự trí Chính-giác. Cứu chúng nguy ách Tam-giới chi nạn dã.

Độ thoát chúng sinh Chính Giác tự đem tới. Cứu các nguy ách cùng hoạn nạn của 3 Cõi giới.

道師如來本宿命時。見至誠佛從初發道心。

Đạo Sư Như Lai bản túc mệnh thời. Kiến Chí Thành Phật tông sơ phát Đạo tâm.

Đạo Sư Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Nhìn thấy đi theo Chí Thành Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作凡人。以身所有好床坐具及赤栴檀。

Thời tác Phàm nhân dĩ thân sở hữu hảo sàng tọa cụ xích Chiên-đàn.

Lúc làm người Phàm do thân có được đồ ngồi giường ngủ tốt đẹp cùng với Chiên Đàn đỏ.

貢上其佛。因其道心行菩薩法。欲濟十方自致得佛度脫一切。

Cống thượng kỳ Phật nhân kỳ Đạo tâm hành Bồ-tát Pháp. Dục tế Thập phương tự trí đắc Phật độ thoát nhất thiết.

Dâng lên Phật đó. Nhân do tâm Đạo của Ngài thực hành Pháp Bồ Tát. Muốn cứu giúp 10 phương, tự đem tới được thành Phật độ thoát tất cả.

大多如來本宿命時。從供稱佛初發道心。

Đại Đa Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Cung Xung Phật sơ phát Đạo tâm.

Đại Đa Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Cung Xung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時欲入城見佛出城。因為稽首歸命供養。貢上至心而奉好竹。

Thời dục nhập thành kiến Phật xuất thành. Nhân vi khể thủ quy mệnh cúng dưỡng. Công thượng chí tâm nhi phụng hảo trúc.

Lúc muốn đi vào thành nhìn thấy Phật ra khỏi thành. Nhân do phục đỉnh lễ cúng dưỡng đi theo Phật. Dâng lên tâm lớn mà cung kính tốt đẹp như cây trúc.

心自念言：使諸眾生行直如竹莫有邪志。

Tâm tự niệm ngôn : Sử chư chúng sinh hành trực như trúc mạc hữu tà chí.

Tâm tự suy nghĩ nói rằng : Giúp các chúng sinh thực hành ngay thẳng như cây trúc không có ý chí sai trái.

由是之故常遇三寶。自致正覺救濟十方。

Do thị chi cố thường ngộ Tam-Bảo. Tự trí Chính-giác cứu tế Thập phương.

Do điều đó thường gặp Phật Pháp Tăng. Chính Giác tự đem tới cứu giúp 10 phương.

大力如來本宿命時。從師意佛所初發道心。

Đại Lực Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Sư Ý Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đại Lực Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Sư Ý Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時生香家作子。賣眾好香。見佛入城心中大悅。

Thời sinh hương gia tác tử. Mọi chúng hảo hương. Kiến Phật nhập thành tâm trung đại duyệt.

Lúc sinh là con của gia đình làm hương. Bán các loại hương tốt. Nhìn thấy Phật đi vào thành trong tâm rất phấn khởi.

貢上其佛木檻澡罐。手執美香殊異雜薰。隨尊侍衛。

Cống thượng kỳ Phật mộc檻 táo quán. Thủ chấp mỹ hương thù dị tạp huân. Tùy Tôn thị vệ.

Dâng lên Phật đó cái gáo tắm bằng gỗ quý. Tay cầm hương thơm mùi thơm pha trộn đặc biệt khác lạ. Đi theo Thế Tôn trợ giúp bảo vệ.

願一切眾生悉入道門。因是自致得成正覺度脫一切。

Nguyện nhất thiết chúng sinh tất nhập Đạo môn. Nhân thị tự trí đắc thành Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Nguyện cho tất cả chúng sinh biết nhập vào môn Đạo. Nhân điều đó tự đem tới được thành Chính Giác độ thoát tất cả.

星宿王如來本宿命時。從施意佛初發道心。

Tinh Tú Vương Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thích Ý Phật sơ phát Đạo tâm.

Tinh Tú Vương Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Thích Ý Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時在其國貧無所有。為人客作放牛使令。

Thời tại kỳ quốc bần vô sở hữu. Vi nhân khách tác phóng ngưu sử linh.

Thời ở nước đó nghèo khó không có. Vì làm người ngoài giúp việc thả trâu.

見佛欣然。以時節花貢上其佛。

Kiến Phật hân nhiên. Dĩ thời tiết hoa cống thượng kỳ Phật.

Nhìn thấy Phật rất hân hoan. Đem hoa thời tiết dâng lên Phật đó.

行菩薩道精進不懈。自致正覺度脫一切。

Hành Bồ-tát Đạo Tinh-tiến bất giải. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Thực hành Đạo Bồ Tát Tinh tiến không lười nghỉ. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

修藥如來本宿命時。從微妙香佛初發道心。

Tu Dược Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vi Diệu Hương Phật sơ phát Đạo tâm.

Tu Dược Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Vi Diệu Hương Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作御師見佛世尊。供順歸命無上大聖。

Thời tác ngự sư kiến Phật Thế Tôn. Cung thuận quy mệnh Vô-thượng Đại Thánh.

Lúc là người chỉ huy nhìn thấy Phật Thế Tôn. Cùng thuận đi theo Đại Thánh Bình Đẳng.

以卑遜心與佛談言。以是之故除三界難。自致成佛一切蒙恩。

Dĩ ti tổn tâm dữ Phật đàm ngôn. Dĩ thị chi cố trừ Tam-giới nạn. Tự trí thành Phật nhất thiết môn ân.

Dùng tâm khiêm tốn nhỏ bé chuyện trò cùng với Phật. Do việc đó trừ diệt nạn ách của 3 Cõi giới. Tự đem tới thành Phật tất cả được ân.

名稱英如來本宿命時。從燈電佛初發道心。

Danh Xung Anh Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Đăng Điện Phật sơ phát Đạo tâm.

Danh Xung Anh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Đăng Điện Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

見佛說法則以幢幡上其如來。即夜然燈夙夜勤修。

Kiến Phật thuyết Pháp tắc dĩ tràng phan thượng kỳ Như Lai. Tức dạ nhiên đăng túc dạ cần tu.

Nhìn thấy Phật nói Pháp chắc là dùng cờ phan dâng lên Như Lai. Tức thời đêm đốt đèn sớm tối thực hành chuyên cần.

自致成佛度脫三界之難五趣之患。皆恃福慶靡不得安。

Tự trí thành Phật độ thoát Tam-giới chi nạn ngũ thú chi hoạn. Giai thị Phúc khánh mị bất đắc an.

Tự đem tới thành Phật độ thoát ách nạn của 3 Cõi giới, hoạn nạn của 5 Đạo : Người, A Tu La, Địa ngục, Quỷ đói, Súc sinh. Đề dựa vào Phúc tất cả đều được yên ổn.

英妙如來本宿命時。從蓮華佛初發道心。

Anh Diệu Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Liên Hoa Phật sơ phát Đạo tâm.

Anh Diệu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Liên Hoa Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

其身爾時適行犁種。見佛歡喜捨犁牛去稽首佛足。

Kỳ thân nhĩ thời thích hành lê chủng. Kiến Phật hoan hỉ xả lê ngưu khứ khê thủ Phật túc.

Thân ngài khi đó đang cày ruộng. Nhìn thấy Phật vui mừng buông bỏ trâu cày ruộng tới phụng đầu kính lễ Phật xong.

以解脫華供養上佛。願使眾生犁道德田自致得佛。

Dĩ Giải-thoát hoa cúng dưỡng thượng Phật. Nguyên sử chúng sinh lê Đạo đức điền tự trí đắc Phật.

Dùng hoa Giải thoát cúng dưỡng dâng lên Phật. Nguyên giúp chúng dân cày Phúc Đạo Đức, tự đem tới được thành Phật.

由是遵行四等四恩三脫六度。便成正覺度脫一切。

Do thị tuân hành Tứ-đẳng Tứ-ân Tam-thoát Lục-độ. Tiện thành Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Bởi do tuân theo thực hành 4 tâm Bình đẳng, 4 Ân, 3 Giải thoát, 6 Ba La Mật. Liền thành Chính Giác độ thoát tất cả.

大光如來本宿命時。從大錠光佛初發道心。

Đại Quang Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Đại Đỉnh Quang Phật sơ phát Đạo tâm.

Đại Quang Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Đại Đỉnh Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時在其國最為貧厄。人行曠野見佛僧眾。

Thời tại kỳ quốc tối vi bản ách. Nhập hành khoáng dã kiến Phật Tăng chúng.

Khi ở tại nước đó rất nghèo khó tai ách. Đi tới nơi hoang vắng nhìn thấy Phật chúng Tăng.
以錢上佛供養至尊。在曠野中燒香然燈。

Dĩ tiền thượng Phật cúng dường chí Tôn. Tại khoáng dã trung thiêu hương nhiên đăng.
Dùng tiền dâng lên Phật cúng dường rất tôn kính. Ở nơi hoang dã thắp hương đốt đèn.
願三界眾生心空意淨由如曠野。三世普明無三毒冥。

Nguyện Tam-giới chúng sinh tâm Không ý tịnh do như khoáng dã. Tam-thế phổ minh vô Tam-độc minh.

Nguyện cho chúng sinh của 3 Cõi giới, tâm Rỗng không ý Thanh tịnh giống như nơi hoang dã.
Sáng khắp cả 3 Đồi không có Tham Sân Si u tối.

故自致得佛度脫一切。

Cố tự trí đắc Phật độ thoát nhất thiết.

Do tự đem tới được Đát Phật độ thoát tất cả.

解陰如來本宿命時。從梵音佛初發道心。

Giải Âm Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Phạm Âm Phật sơ phát Đạo tâm.

Giải Âm Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Phạm Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作皮師貢上其佛妙好履屣。願使一切近致車乘。

Thời tác bì sư cống thượng kỳ Phật diệu hảo lý ti. Nguyện sử nhất thiết cận trí xa thừa.

Khi làm nghề da dâng lên Phật đó giày dép tốt vi diệu. Nguyện giúp tất cả gần gũi đem tới cỗ xe.
然後皆成五通之馳。由是功德自致成佛度脫一切。

Nhiên hậu giai thành Ngũ-thông chi trì. Do thị Công-đức tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.
Đương nhiên sau đó đều thành 5 Thần thông mà đi nhanh. Do công Đức đó tự đem tới thành Đát Phật độ thoát tất cả.

照明如來本宿命時。從離慢意佛初發道心。

Chiếu Minh Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Ly Mạn Ý Phật sơ phát Đạo tâm.

Chiếu Minh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Ly Mạn Ý Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作轉輪聖王。以八萬四千行樹。

Thời tác Chuyển-luân Thánh Vương. Dĩ bát vạn tứ thiên hàng thụ.

Khi làm Chuyển-luân Thánh Vương. Dùng 8 vạn 4 nghìn hàng cây.

貢上施佛使造精舍。經行其中精進不懈。

Cống thượng thí Phật sử tạo Tịnh-xá. Kinh hành kỳ trung Tinh-tiến bất giải.

Dâng lên cúng thí Phật giúp tạo dựng Tịnh Xá. Qua lại ở trong đó Tinh tiến không lười nghĩ.
自致成佛度脫一切。

Tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Tự đem tới thành Phật độ thoát tất cả.

日藏如來本宿命時。從無量成佛所初發道心。

Nhật Tạng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Thành Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Nhật Tạng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Thành Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為大性梵志作子。以拘翼華貢上其佛。

Thời vi đại tính Phạm-chí tác tử. Dĩ Câu-dục hoa công thượng kỳ Phật.

Khi được làm con trai của họ lớn Phạm chí. Dùng hoa Câu dục dâng lên Phật đó.

緣是之故自致正覺度脫一切。

Duyên thị chi cố, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Do duyên hợp lý, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

月氏如來本宿命時。從名稱葉佛所初發道心。

Nguyệt Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Danh Xung Diệp Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Nguyệt Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Danh Xung Diệp Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為金師家作子。以好寶杖貢上其佛。

Thời vi kim sư gia tác tử. Dĩ hảo bảo trượng công thượng kỳ Phật.

Khi được làm con trai gia đình chế tác vàng. Dùng gậy báu tốt dâng lên Phật đó.

由是之故自致正覺度脫一切。

Do thị chi cố tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Cổ do việc đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

光曜如來本宿命時。從無量明佛初發道心。

Quang Diệu Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Minh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Quang Diệu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Vô Lượng Minh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時生其國最為貪匱輩。負草行欲於市賣。

Thời sinh kỳ quốc tối vi tham quĩ bối. Phụ thảo hành dục ư thị mại.

Khi sinh nước đó rất là thích xe hòm. Gánh vác cỏ muốn đi tới chợ bán.

見佛欣然無以貢上。以草奉佛願使功德歸流十方。

Kiến Phật hân nhiên vô dĩ công thượng. Dĩ thảo phụng Phật nguyện sử Công-đức quy lưu Thập phương.

Nhìn thấy Phật rất vui mừng không có gì dâng lên. Dùng cỏ dâng lên Phật nguyện đem công Đức theo trở về lưu chuyển 10 phương.

自致成佛度脫一切。

Tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Tự đem tới thành Đất Phật độ thoát tất cả.

善照如來本宿命時。從悅意成佛所初發道心。

Thiện Chiếu Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Duyệt Ý Thành Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thiện Chiếu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Duyệt Ý Thành Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作園監見佛欣然。以思夷華貢上至尊。

Thời tác viên giám kiến Phật hân nhiên. Dĩ Tư-di hoa công thượng chí Tôn.

Lúc làm trông coi vườn nhìn thấy Phật rất vui mừng. Dùng hoa Tư di dâng lên bậc Tôn quý lớn.

行菩薩法心自念言：使諸眾生心軟如華。

Hành Bồ-tát Pháp tâm tự niệm ngôn : Sử chur chúng sinh tâm nhuyễn như hoa.

Thực hành Pháp Bồ Tát tâm tự suy nghĩ nói rằng : Giúp các chúng sinh tâm mềm mại như hoa.

因從精進自致成佛度脫一切。

Nhân tòng Tinh-tiến, tự trí thành Phật thổ độ thoát nhất thiết.

Nhân do từ đó Tinh tiến, tự đem tới thành Đất Phật độ thoát tất cả.

無憂如來本宿命時。從離意稱佛所初發道心。

Vô Ưu Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Ly Ý Xưng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Vô Ưu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Ly Ý Xưng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時生尊者家為長者子。取最上華以散佛上。

Thời sinh tôn giả gia vi Trưởng-giả tử. Thủ tối thượng hoa dĩ tán Phật thượng.

Lúc sinh là con trai của Trưởng giả trong gia đình tôn quý. Đem hoa quý nhất dùng rắc lên trên Phật.

慕求大道無上正真。緣是之故自致正覺度脫一切。

Mộ cầu Đại Đạo Vô-thượng Chính-chân. Duyên thị chi cố, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Ngưỡng mộ cầu Đạo Lớn Bình Đẳng Chân Chính. Do duyên hợp lý, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

威神如來本宿命時。從德鎧佛所初發道心。

Uy Thần Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Đức Khải Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Uy Thần Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Đức Khải Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作長者子以明月珠及紅蓮華貢上其佛。

Thời tác Trưởng-giả tử dĩ Minh-nguyệt châu cập hồng Liên hoa cống thượng kỳ Phật.

Khi làm con trai của Trưởng giả dùng châu Minh nguyệt cùng với hoa sen hồng dâng lên Phật đó.

精進不懈自致正覺。度脫三界五趣之患。

Tinh-tiến bất giải, tự trí Chính-giác. Độ thoát Tam-giới ngũ thú chi hoạn.

Tinh tiến không lười nghỉ, Chính Giác tự đem tới. Độ thoát hoạn nạn của 5 Đạo ở 3 Cõi giới.

焰光如來本宿命時。從善見佛所初發道心。

Diệm Quang Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thiện Kiến Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Diệm Quang Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Kiến Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作賈客數入大海。以赤栴檀好床臥具貢上其佛。

Thời tác cô khách sác nhập đại hải. Dĩ xích Chiên đàn hảo sàng ngọa cụ cống thượng kỳ Phật.

Khi làm thương gia thường nhập vào biển lớn. Đem đồ ngủ tốt bằng Chiên đàn đỏ dâng lên Phật đó.

因行菩薩道自致成佛。度脫三世生死之厄。

Nhân hành Bồ-tát Đạo tự trí thành Phật. Độ thoát Tam-thế sinh tử chi ách.

Nhân do thực hành Đạo Bồ Tát tự đem tới thành Phật. Độ thoát tai ách sinh chết của 3 Đời.

執華如來本宿命時。從悅意威佛所初發道心。

Chấp Hoa Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Duyệt Ý Uy Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Chấp Hoa Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Duyệt Ý Uy Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

生彼世時為長者子。以身好衣用乳浣之。

Sinh bỉ thế thời vi Trưởng-giả tử. Dĩ thân hảo y dụng nhũ hoán chi.

Khi sinh ở Đồi đó là con trai của Trưởng giả. Lấy áo tốt của bản thân dùng sữa rửa trẻ sơ sinh.

燒好名香貢上其佛。欲令功德歸流十方一切蒙濟。

Thiêu hảo danh hương cống thượng kỳ Phật. Dục linh Công-đức quy lưu Thập phương nhất thiết mông tế.

Thắp hương tốt nổi tiếng dâng lên Phật đó. Muốn giúp cho công Đức theo trở về lưu chuyển 10 phương tất cả được cứu giúp.

緣是之故自致正覺度脫一切。

Duyên thị chi cố, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Do duyên hợp lý, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

勳光佛如來本宿命時。從不藏威佛所初發道心。

Huân Quang Phật Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Bất Tạng Uy Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Huân Quang Phật Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Bất Tạng Uy Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作凡人。見佛悅豫稽首歸命。

Thời tác Phàm nhân kiến Phật duyệt dự khể thủ quy mệnh.

Khi làm người phàm trần nhìn thấy Phật vui mừng phục đầu đỉnh lễ theo trở về.

則以明鏡眾珍琦寶貢上其佛行菩薩法。

Tắc dĩ minh kính chúng trân kỳ bảo cống thượng kỳ Phật hành Bồ-tát Pháp.

Chắc là dùng gương sáng các báu vật kỳ lạ dâng lên Phật đó thực hành Pháp Bồ Tát.

緣是之故自致正覺度脫一切。

Duyên thị chi cố, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Do duyên hợp lý, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

現義如來本宿命時。從無量音佛所初發道心。

Hiện Nghĩa Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Vô Lượng Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Hiện Nghĩa Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

往昔世時作轉輪聖王。見佛至尊無上大道。

Vãng tích thế thời tác Chuyển-luân Thánh Vương. Kiến Phật chí tôn Vô-thượng Đại-Đạo.

Thời Đồi xa xưa làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nhìn thấy Phật được tôn kính Đạo lớn Bình Đẳng.

以若干校珞重閣精舍貢上其佛。

Dĩ nhược can hiệu lạc trùng các Tịnh-xá cống thượng kỳ Phật.

Dùng rất nhiều Tịnh Xá lâu gác chuỗi ngọc dâng lên Phật đó.

願使眾生德猶虛空。緣致正覺度脫一切。

Nguyện sử chúng sinh Đức do hư không. Duyên trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Nguyện khiến cho Đức của chúng sinh giống như khoảng không. Duyên đem tới Chính Giác độ thoát tất cả.

錠曜如來本宿命時。從明娛樂佛所初發道心。

Đĩnh Diệu Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Minh Ngu Lạc Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đĩnh Diệu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Minh Ngu Lạc Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

在彼世時香家作子。採眾華香以上聖尊。

Tại bỉ thế thời hương gia tác tử. Thải chúng hoa hương dĩ thượng Thánh-Tôn.

Thời ở Đời đó là con trai trong gia đình làm hương. Thu lượm các loại hương hoa đem dâng lên Phật.

伏心制意與其家室六十億眷屬俱供養其佛。

Phục tâm chế ý dữ kỳ gia thất lục thập ức quyến thuộc câu cúng dưỡng kỳ Phật.

Tâm thuận phục điều khiến ý cùng với gia đình của Ngài 60 triệu quyến thuộc đều cúng dưỡng Phật đó.

諮受道法行菩薩法。自致正覺度脫一切。

Tư thụ Đạo Pháp hành Bồ-tát Pháp. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Thăm hỏi thu nhận Đạo Pháp thực hành Pháp Bồ Tát. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

光威如來本宿命時。從普稱佛所初發道心。

Quang Uy Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Phổ Xung Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Quang Uy Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Phổ Xung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作仙人居在山中。以好白氎布經行處貢上其佛。

Thời tác Tiên nhân cư tại sơn trung. Dĩ hảo bạch chiêm bố kinh hành xứ cống thượng kỳ Phật.

Lúc làm người Tiên sống ở trong núi. Dùng vải dạ trắng tốt đẹp, phân phát ở nơi qua lại dâng lên Phật đó.

知之甚尊行菩薩法。自致正覺度脫一切。

Tri chi thậm tôn hành Bồ-tát Pháp. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Biết và rất tôn kính thực hành Pháp Bồ Tát. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

醫氏如來本宿命時。從離種佛初發道心。

Y Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Ly Chung Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Y Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Ly Chung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為醫家作子。以持丸藥眾香華物貢上其佛。

Thời vi y gia tác tử. Dĩ trì hoàn dược chúng hương hoa vật cống thượng kỳ Phật.

Lúc được làm con trai trong gia đình thầy thuốc. Do cầm thuốc viên các vật hương hoa dâng lên Phật đó.

願一切眾生除三毒病。緣是興意行菩薩法。

Nguyện nhất thiết chúng sinh trừ Tam độc bệnh. Duyên thị hưng ý hành Bồ-tát Pháp.

Nguyện cho tất cả chúng sinh trừ bệnh Tham Sân Si. Duyên hợp lý ý hưng thịnh thực hành Đạo Bồ Tát.

自致正覺度脫一切。

Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

善樂如來本宿命時。從其柔順佛初發道心。

Thiện Lạc Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Kỳ Nhu Thuận Phật sơ phát Đạo tâm.

Thiện Lạc Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Kỳ Nhu Thuận Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為油家子。以油然燈貢上其佛。

Thời vi du gia tử. Dĩ du nhiên đăng công thượng kỳ Phật.

Khi là con trai của gia đình bán dầu. Dùng dầu đốt đèn dâng lên Phật đó.

願令十方各蒙道明。緣是之故自致正覺救濟一切。

Nguyện linh Thập phương các môn Đạo minh. Duyên thị chi cố tự trí Chính-giác cứu tế nhất thiết.

Nguyện giúp cho 10 phương họ được Đạo sáng. Do duyên hợp lý, Chính Giác tự đem tới cứu giúp tất cả.

興盛如來本宿命時。從廣普稱佛所初發道心。

Hưng Thịnh Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Quảng Phổ Xưng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Hưng Thịnh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Quảng Phổ Xưng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

貢上其佛細好白(疊*毛)。布經行處勸助所施。

Cống thượng kỳ Phật tế hảo bạch điệp. Bồ kinh hành xứ khuyến trợ sở thí.

Dâng lên Phật đó giấy trắng tốt mịn đẹp. Phân phát ở nơi qua lại khuyến trợ giúp cho Bồ thí.

因是興意奉菩薩行。愍念群生自致正覺度脫一切。

Nhân thị hưng ý phụng Bồ-tát hạnh. Mẫn niệm quần sinh tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Nhân do đó ý hưng vượng, cung kính hạnh Bồ Tát. Thương nhớ chúng sinh Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

醫所如來本宿命時。從離垢佛初發道心。

Y Sở Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Ly Cấu Phật sơ phát Đạo tâm.

Y Sở Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Ly Cấu Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

生在醫家學醫弟子。見佛欣喜。貢上其佛若干丸藥。

Sinh tại y gia học y đệ-tử. Kiến Phật hân hỉ. Công thượng kỳ Phật nhược can hoàn dược.

Sinh ở gia đình thầy thuốc là Đệ tử học nghề thuốc. Nhìn thấy Phật rất vui mừng. Dâng lên Phật đó rất nhiều thuốc viên.

緣行開士自致正覺度脫一切。

Duyên hành Khai-sĩ tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên thực hành Đạo Bồ Tát, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

頂髻施如來本宿命時。從普現佛初發道心。

Đỉnh Kế Thí Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Phổ Hiện Phật sơ phát Đạo tâm.

Đỉnh Kế Thí Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Phổ Hiện Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作綽飾瓔珞家子。貢上其佛御乘將護及寶瓔珞。

Thời tác hiệu sức anh lạc gia tử. Công thượng kỳ Phật ngự thừa tương hộ cập bảo anh lạc.

Khi làm con trai của gia đình làm chuỗi ngọc trang sức. Dâng lên Phật đó xe quý nhận bảo vệ cùng với chuỗi ngọc quý.

供養奉事行菩薩法精進不懈。自致正覺度脫一切。

Cúng dưỡng phụng sự hành Bồ-tát Pháp Tinh-tiến bất giải. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Cúng dưỡng cung kính việc, thực hành Pháp Bồ Tát Tinh tiến không lười nghỉ. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅固如來本宿命時。從莫能勝佛初發道心。

Kiên Cố Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Mạc Năng Thắng Phật sơ phát Đạo tâm.

Kiên Cố Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Mạc Năng Thắng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作轉輪聖王。見佛世尊。八萬四千七寶床席坐具机筵貢上其佛。

Thời tác Chuyển-luân Thánh Vương. Kiến Phật Thế Tôn. Bát vạn tứ thiên thất bảo sàng tịch tọa cụ cơ diên công thượng kỳ Phật.

Khi làm Chuyển Luân Thánh Vương. Nhìn thấy Phật Thế Tôn. Tám vạn 4 nghìn giường chiếu chỗ ngồi dụng cụ ghế chiếu bằng 7 báu dâng lên Phật đó.

因興道意行菩薩法。自致正覺度脫一切。

Nhân hưng Đạo ý hành Bồ-tát Pháp. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Nhân do ý Đạo hưng thịnh thực hành Pháp Bồ Tát. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

首威如來本宿命時。從威王光佛所初發道心。

Thủ Uy Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Uy Vương Quang Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thủ Uy Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Uy Vương Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

曾為賈客入大海中。以明月珠貢上其佛。

Tằng vi cổ khách nhập đại hải trung. Dĩ Minh-nguyệt châu công thượng kỳ Phật.

Từng là thương nhân nhập vào trong biển lớn. Dùng châu Minh nguyệt dâng lên Phật đó.

斯珠光明照四十里。緣是精進自致正覺無上大道度脫一切。

Tư châu Quang-minh chiếu tứ thập lý. Duyên thị Tinh-tiến tự trí Chính-giác Vô-thượng Đại-Đạo độ thoát nhất thiết.

Quang sáng của châu này chiếu soi 20 km. Duyên hợp lý Tinh tiến, Chính Giác Bình Đẳng Đạo lớn tự đem tới độ thoát tất cả.

難勝如來本宿命時。從堅步越佛初發道心。

Nan Thắng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Kiên Bộ Việt Phật sơ phát Đạo tâm.

Nan Thắng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Kiên Bộ Việt Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時主載財見佛欣然。以楊柳枝貢上其佛洗口及齒。

Thời chủ tài tài kiến Phật hân nhiên. Dĩ Dương-liễu chi công thượng kỳ Phật tẩy khẩu cập xỉ.
Khi chủ chuyên tài vật nhìn thấy Phật rất vui mừng. Dùng cành dương liễu dâng lên Phật đó rửa miệng cùng với răng.

緣是淨行自致正覺度脫一切。

Duyên thị Tịnh hạnh tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên hợp lý hạnh Thanh tịnh, Chính giác tự đem tới độ thoát tất cả.

德幢如來本宿命時。從柔稱佛所初發道心。

Đức Tràng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Nhu Xung Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đức Tràng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nhu Xung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

貢上其佛水器大釜。以用洗浴身垢消除令體汗清淨。

Cống thượng kỳ Phật thủy khí đại phủ. Dĩ dụng tẩy dục thân cấu tiêu trừ linh thể hãn Thanh tịnh.
Dâng lên Phật đó đồ đựng nước, rìu lớn. Dùng để tắm rửa thân bản tiêu trừ làm cho cơ thể thoát mọi hôi Thanh tịnh.

造立光明普行施德。自致正覺度脫一切。

Tạo lập Quang-minh phổ hành thí Đức. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Tạo dựng Quang sáng, thực hành Đức Bồ thí khắp cả. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

閑靜如來本宿命時。從無上佛所初發道心。

Nhàn Tĩnh Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Thượng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Nhàn Tĩnh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Thượng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

其人時作寶瓔珞師家子。莊嚴瓔珞貢上其佛。

Kỳ nhân thời tác bảo anh lạc sư gia tử. Trang nghiêm anh lạc cống thượng kỳ Phật.

Khi người đó là con trai của gia đình người làm chuỗi ngọc quý. Chuỗi ngọc trang nghiêm dâng lên Phật đó.

以紫金色履屣床香布施奉上。願一切眾生皆得定意。

Dĩ tử kim sắc lý tử sàng hương bồ thí phụng thượng. Nguyên nhất thiết chúng sinh giai đắc Định ý.

Dùng giày dép màu sắc vàng tía giường hương bồ thí cung kính dâng lên. Nguyên cho tất cả chúng sinh đều được Định ý.

緣是之故自致正覺度脫一切。

Duyên thị chi cố tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Do Duyên hợp lý, Chính giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅重如來本宿命時。從大清悅佛發道心。

Kiên Trọng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Đại Thanh Duyệt Phật phát Đạo tâm.

Kiên Trọng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Đại Thanh Duyệt Phật phát tâm Đạo.

供養其佛清白細(疊*毛)。溫其浴室洗浴聖眾及奉雜香。

Cúng dưỡng kỳ Phật thanh bạch tế điệp. Ôn kỳ dục thất tẩy dục Thánh chúng cập phụng tạp hương.

Cúng dường Phật đố giấy mịn trắng Thanh tịnh. Phòng tắm nước nóng tắm rửa chúng Thánh Tăng cùng với dâng cúng nhiều loại hương.

緣興道意行菩薩道。自致正覺救濟十方。

Duyên hưng Đạo ý hành Bồ-tát Đạo. Tự trí Chính-giác cứu tế Thập phương.

Duyên ý Đạo hưng vượng thực hành Đạo Bồ Tát. Chính Giác tự đem tới cứu giúp 10 phương.

梵音如來本宿命時。從柔音佛所初發道心。

Phạm Âm Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Nhu Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Phạm Âm Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nhu Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為國王監放牧羊。時梵音佛始成正覺在野澤中。

Thời vi Quốc Vương giám phóng mục dương. Thời Phạm Âm Phật thủy thành Chính-giác tại dã trạch trung.

Khi làm Quốc Vương giám sát người chăn thả dê. Lúc đó Phạm Âm Phật xa xưa thành Chính Giác ở tại nơi đầm hoang vắng.

見其如來心懷悅豫。分所服麩半奉如來。

Kiến kỳ Như Lai tâm hoài duyệt dự. Phần sở phục xiêu bán phụng Như Lai.

Nhìn thấy Như Lai đố tâm mong nhớ phần chấn. Phân nửa quần áo bánh có được cung kính cúng dường Như Lai.

緣行菩薩無上大道精進不懈。自致正覺度脫一切。

Duyên hành Bồ-tát Vô-thượng Đại-Đạo Tinh-tiến bất giải. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên thực hành Bồ Tát Bình Đẳng Đạo lớn Tinh tiến không lười nghĩ. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅強如來本宿命時。從無動步佛所。

Kiên Cường Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Động Bộ Phật sở.

Kiên Cường Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Động Bộ Phật.

以手撮最雜寶珍琦供散其佛。作大導師家子因施發意。

Dĩ thủ toát tối tạp bảo trân kỳ cúng tán kỳ Phật. Tác đại đạo sư gia tử nhân thí phát ý.

Dùng tay tóm các châu báu kỳ lạ quý nhất cúng rắc lên Phật đố. Làm con trai của gia đình Đạo sư lớn nhân do Bồ thí phát ý.

緣斯功德自致正覺度脫一切。

Duyên tư Công-đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên công Đức đố, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

極上欣如來本宿命時。從無量清淨佛所初發道心。

Cực Thượng Hân Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Thanh Tịnh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Cực Thượng Hân Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為王太子。王名娛樂在沙竭國。

Thời vi Vương Thái-tử. Vương danh Ngu-lạc tại Sa-kiệt quốc .

Khi là Thái Tử của Vua. Vua tên là Ngũ Lạc ở nước Sa Kiệt.

佛成正覺振其光明普照十方。緣行菩薩自致正覺度脫一切。

Phật thành Chính-giác chấn kỳ Quang-minh phổ chiếu Thập phương. Duyên hành Bồ-tát tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Phật thành Chính-giác Quang sáng đó chấn động chiếu soi khắp cả 10 phương. Duyên thực hành Bồ Tát, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

興光如來本宿命時。從威首光佛初發道心。

Hưng Quang Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Uy Thủ Quang Phật sơ phát Đạo tâm.

Hưng Quang Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Uy Thủ Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作轉輪聖王。以好衣服琦珍異寶。貢上其佛福施一切。

Thời tác Chuyển-luân Thánh Vương. Dĩ hảo y phục kỳ trân dị bảo. Công thượng kỳ Phật Phúc thí nhất thiết.

Khi làm Chuyển Luân Thánh Vương. Dùng quần áo tốt đẹp châu báu kỳ lạ vật báu khác lạ. Dâng lên Phật đó Phúc Bố thí tất cả.

緣是精進自致正覺無上大道度脫一切。

Duyên thị Tinh-tiến tự trí Chính-giác Vô-thượng Đại-Đạo độ thoát nhất thiết.

Duyên hợp lý Tinh tiến, Chính Giác Bình Đẳng Đạo lớn tự đem tới độ thoát tất cả.

大明山如來本宿命時。從往道佛所初發道心。

Đại Minh Sơn Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Vãng Đạo Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đại Minh Sơn Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vãng Đạo Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

以無憂華貢上其佛。積功累德每生自剋。

Dĩ Vô-ưu hoa công thượng kỳ Phật. Tích công lũy Đức mỗi sinh tự khắc.

Dùng hoa Vô ưu dâng lên Phật đó. Tích công lũy Đức mỗi lần sinh tự định thời hạn.

以大慈悲愍念一切。自致正覺度脫一切。

Dĩ Đại Từ Bi mẫn niệm nhất thiết. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng Đại Từ Bi thương nhớ tất cả. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

金剛如來本宿命時。從堅固佛所。

Kim Cương Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Kiên Cố Phật sở.

Kim Cương Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Kiên Cố Phật.

生忉利天作天帝釋。以天意華縵陀勒華。

Sinh Đạo-lợi Thiên tác Thiên-đế Thích. Dĩ Thiên-ý hoa Man-đà-lặc hoa.

Sinh ở Trời Đạo Lợi làm Ngọc Hoàng thượng đế. Dùng hoa Thiên ý hoa Man đà lặc.

雨下紛紛貢散其佛。緣是行道自致正覺度脫一切。

Vú hạ phân phân công tán kỳ Phật. Duyên thị hành Đạo tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Rắc lá lá rơi xuống dâng lên Phật đó. Duyên hợp lý thực hành Đạo, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

憶識如來本宿命時。從愛解脫佛所初發道心。

Ức Thức Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Ái Giải Thoát Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Ức Thức Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Ái Giải Thoát Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

用紫金寶珠瓔珞蓋用貢上佛。

Dụng tử kim bảo châu anh lạc cái dụng công thượng Phật.

Sử dụng lọng chuỗi ngọc châu báu sắc vàng tía đem dâng lên Phật.

供散佛身而發道意。自致正覺度脫一切。

Cúng tán Phật thân nhi phát Đạo ý. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Cúng rắc lên thân Phật mà phát ý Đạo. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

無畏如來本宿命時。從不恐佛所初發道心。

Vô Úy Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Bất Khủng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Vô Úy Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Bất Khủng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

作性(怡-台+龍)悞而喜戲笑。

Tác tính long lệ nhi hỉ hí tiếu.

Làm tính bi thương mà vui vẻ cười đùa.

以作伎樂擊鼓歌歎供養樂佛。自致正覺度脫一切。

Dĩ tác kĩ nhạc kích cổ ca tán cúng dưỡng nhạo Phật. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Do làm kĩ nhạc đánh trống ca ngợi cúng dưỡng ham thích Phật. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

寶氏如來本宿命時。從無量音佛所初發道心。時作大臣。

Bảo Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác đại thần.

Bảo Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi làm đại thần.

以好華香貢上其佛。緣行菩薩自致正覺度脫一切。

Dĩ hảo hoa hương công thượng kỳ Phật. Duyên hành Bồ-tát, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng hoa quý đẹp dâng lên Phật đó. Duyên thực hành Bồ Tát, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

蓮華目如來本宿命時。從普觀佛所初發道心。

Liên Hoa Mục Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Phổ Quan Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Liên Hoa Mục Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Phổ Quan Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

以自己身所著寶帶床臥貢奉用上如來。

Dĩ tự kỷ thân sở trước bảo đới sàng ngọa công phụng dụng thượng Như Lai.

Dùng khăn báu được tự bản thân mang theo giường ngủ cung kính dâng lên Như Lai.

欲令一切眾生功德。自致正覺度脫一切。

Dục linh nhất thiết chúng sinh Công-đức. Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Muốn giúp cho công Đức của tất cả chúng sinh. Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

力將如來本宿命時。從大御佛所初發道心。

Lục Tướng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Đại Ngự Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Lục Tướng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Đại Ngự Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作醫王。持一阿摩勒果貢上其佛。

Thời tác y Vương. Trì nhất A-ma-lặc quả công thượng kỳ Phật.

Khi làm Vua nghề thuốc. Cầm một quả A ma lặc dâng lên Phật đó.

緣其成行自致正覺度脫一切。

Duyên kỳ thành hạnh, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên được thành hạnh, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

華光如來本宿命時。從一切威佛所初發道心。時作金師。

Hoa Quang Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Nhất Thiết Uy Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác kim sư.

Hoa Quang Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nhất Thiết Uy Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi là người làm kim hoàn.

以寶華飾貢上其佛。緣斯具行自致正覺度脫一切。

Dĩ bảo hoa sức công thượng kỳ Phật. Duyên tư cụ hạnh, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng hoa báu trang sức dâng lên Phật đó. Duyên hạnh đầy đủ đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

愛伏如來本宿命時。從誨供佛所初發道心。

Ái Phục Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Hối Cúng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Ái Phục Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Hối Cúng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

曾作博戲家子。以好香鑪貢上其佛。

Tằng tác bác hí gia tử. Dĩ hảo hương lư công thượng kỳ Phật.

Tùng là con trai của gia đình đùa cợt uyên bác. Dùng lư hương báu dâng lên Phật đó.

緣斯積行自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích hạnh tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên tích lũy hạnh đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

大威如來本宿命時。從照曜首佛所初發道心。

Đại Uy Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Chiếu Diệu Thủ Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đại Uy Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Chiếu Diệu Thủ Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作尊者子。以好衣服貢上其佛。

Thời tác Tôn-Giả tử. Dĩ hảo y phục công thượng kỳ Phật.

Khi làm con trai của Tôn giả. Dùng quần áo tốt đẹp dâng lên Phật đó.

緣斯積行自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích hạnh, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên tích lũy hạnh đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

梵氏如來本宿命時。從頌宣尊佛所初發道心。

Phạm Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Ban Tuyên Tôn Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Phạm Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Ban Tuyên Tôn Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作大官。今以石蜜甘蔗錫貢上其佛。

Thời tác Đại quan. Linh dĩ thạch mật cam giá đường công thượng kỳ Phật.

Khi làm quan lớn. Dùng một tạ mật mía kẹo mạch nha dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

無量曜如來本宿命時。從淨光明佛所初發道心。

Vô Lượng Diệu Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Tịnh Quang Minh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Vô Lượng Diệu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Tịnh Quang Minh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為他賈作。以有好蓋貢上其佛。

Thời vì tha cảo tác. Dĩ hữu hảo cái công thượng kỳ Phật.

Khi vì người khác làm buôn bán. Dùng lọng tốt đẹp dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

龍施如來本宿命時。從師子頻申佛所初發道心。

Long Thí Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Sư Tử Tần Thân Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Long Thí Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Sư Tử Tần Thân Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為髻華師家作子。以華寶器貢上其佛。

Thời vì kế hoa sư gia tác tử. Dĩ hoa bảo khí công thượng kỳ Phật.

Khi là con trai gia đình làm tết tóc. Dùng hoa khí cụ báu dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅步如來本宿命時。從離意勝佛所初發道心。

Kiên Bộ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Ly Ý Thắng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Kiên Bộ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Ly Ý Thắng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為珠師家生作子。以寶珠瓔珞床席坐具貢上其佛。

Thời vì châu sư gia sinh tác tử. Dĩ bảo châu anh lạc sàng tịch tọa cụ công thượng kỳ Phật.

Khi được gia đình làm châu ngọc sinh làm con trai. Dùng chuỗi ngọc châu quý giường chiếu dụng cụ để ngồi dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

不虛見如來本宿命時。從善見佛所初發道心。

Bất Hư Kiến Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thiện Kiến Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Bất Hư Kiến Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Kiến Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時家作醫師療生治病。以好雜藥貢上聖眾使治眾病。

Thời gia tác y sư liệu sinh trị bệnh. Dĩ hảo tạp dược cống thượng Thánh chúng sử trị chúng bệnh.

Khi gia đình làm nghề thuốc chữa bệnh sinh sống. Dùng các loại thuốc tốt dâng lên các Thánh dùng chữa các bệnh.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

精進施如來本宿命時。從度無量佛所初發道心。

Tinh Tiến Thí Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Độ Vô Lượng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Tinh Tiến Thí Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Độ Vô Lượng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作轉輪聖王。興起精舍樓閣房室其數百千。

Thời tác Chuyển-luân Thánh Vương. Hưng khởi Tịnh-xá lâu các phòng thất, kỳ số bách thiên.

Khi làm Chuyển Luân Thánh Vương. Khởi dựng nhiều Tịnh Xá lâu gác phòng ở, số lượng đó có trăm nghìn.

以赤梅檀以為眾床布好坐具貢上其佛。

Dĩ xích Chiên-đàn dĩ vi chúng sàng bố hảo tọa cụ cống thượng kỳ Phật.

Lấy Chiên đàn đỏ dùng làm các giường ngủ phân phát đồ để ngồi tốt đẹp dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

賢力如來本宿命時。從名聞光佛所初發道心。時作凡人。

Hiền Lực Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Danh Văn Quang Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác Phàm nhân.

Hiền Lực Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Danh Văn Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi làm người Phàm trần.

以百味供貢進其佛及與聖眾。而常飯食十姪弟子。

Dĩ bách vị cúng cống tiến kỳ Phật cập dĩ Thánh chúng. Nhi thường phạn thực thập cai đệ-tử.

Dùng trăm vị cúng dâng lên Phật đó cùng với các Thánh. Mà thường 10 vạn vạn đệ tử ăn cơm.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

欣樂如來本宿命時。從弘稱佛所初發道心。

Hân Lạc Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Hoằng Xung Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Hân Lạc Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Hoằng Xung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為豪貴長者梵志作子。以真珠校飾妙好(弗*毛)及琦異扇貢上其佛。

Thời vi hào quý Trưởng-giá Phạm-chí tác tử. Dĩ trân châu hiệu sức diêu hảo (phất *mao)cập kỳ dị phiến công thượng kỳ Phật.

Khi được làm con trai gia đình Phạm chí Trưởng giả quý giá. Dùng châu báu chế tác trang trí đẹp vi diêu cùng với quạt quý khác lạ dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

無退沒如來本宿命時。從寂根佛所初發道心。時作使者。

Vô Thoái Một Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Tịch Căn Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác sử giả

Vô Thoái Một Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Tịch Căn Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi làm sứ giả.

以五比羅果貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Dĩ ngũ Tỉ-la quả công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng 5 quả Tỉ la dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

師子幢如來本宿命時。從清和音佛所初發道心。

Sư Tử Tràng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thanh Hòa Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Sư Tử Tràng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thanh Hòa Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作凡人將犁耕田。以一呵摩勒果貢上其佛。

Thời tác Phàm nhân tương lê canh điền. Dĩ nhất Ha-ma-nặc quả công thượng kỳ Phật.

Khi làm người Phàm trần chỉ cày ruộng. Dùng một quả Ha ma nặc dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

勝知如來本宿命時。從無能毀轉法輪佛所初發道心。

Thắng Tri Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Năng Hủy Chuyển Pháp Luân Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thắng Tri Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Năng Hủy Chuyển Pháp Luân Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作履屣師。以呵梨勒果貢上其佛。

Thời tác lý ti sư. Dĩ Ha-lê-lặc quả công thượng kỳ Phật.

Khi là người làm dày dếp. Dùng quả Ha lê lặc dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức, Tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

法氏如來本宿命時。從無量響佛所初發道心。

Pháp Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Hưởng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Pháp Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Hưởng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作力士。求以好幢貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Thời tác lực sĩ. Cầu dĩ hảo tràng công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Khi làm lực sĩ. Tìm đem tràng phan tốt dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

喜王如來本宿命時。從降念佛所初發道心。時作香師。

Hỉ Vương Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Hàng Niệm Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác hương sư.

Hỉ Vương Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Hàng Niệm Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi là người làm hương.

以好雜香貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Dĩ hảo tạp hương công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng nhiều hương tốt dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

妙御如來本宿命時。從神足威佛所初發道心。

Diệu Ngự Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thần Túc Uy Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Diệu Ngự Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thần Túc Uy Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為幼童。以三品果貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Thời vi ấu đồng, dĩ tam phẩm quả công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Khi là trẻ thơ, lấy quả 3 phẩm dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

愛英如來本宿命時。從功勳王佛所初發道心。

Ái Anh Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Công Huân Vương Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Ái Anh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Công Huân Vương Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為國王明智太子。以華貢佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Thời vi Quốc Vương Minh-trí Thái-tử. Dĩ hoa cúng Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Khi là Thái Tử của Quốc Vương Minh Trí. Dùng hoa dâng lên Phật. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

妙天如來本宿命時。從歎度無極佛所初發道心。

Diệu Thiên Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thán Độ Vô Cực Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Diệu Thiên Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thán Độ Vô Cực Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作賈客。貢上甘美蜜鉢。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Thời tác cô khách. Công thượng cam mỹ mật bát. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Khi làm thương nhân. Dâng lên bát mật ngon ngọt. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

多勳如來本宿命時。從大力佛所初發道心。

Đa Huân Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Đại Lực Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đa Huân Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Đại Lực Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為國貧人。貢上其佛一丈六尺經行之處。

Thời vi quốc bần nhân. Công thượng kỳ Phật nhất trượng lục xích kinh hành chi xứ.

Khi là người nghèo khó của Đất nước. Dâng lên Phật đó 1 cây gậy 6 thước dùng cho đi lại.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

眾香手如來本宿命時。從曜妙淨佛所初發道心。

Chúng Hương Thủ Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Diệu Diệu Tịnh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Chúng Hương Thủ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Diệu Diệu Tịnh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時為賣香家子。因香水灑其世尊經行之處。

Thời vi mại hương gia tử. Nhân hương thủy sái kỳ Thế Tôn kinh hành chi xứ.

Khi là con trai của gia đình bán hương. Nhân do phun nước hoa lên Thế Tôn đó ở nơi đi lại.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

順觀如來本宿命時。從見無罣礙佛所初發道心。

Thuận Quan Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Kiến Vô Quải Ngại Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thuận Quan Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Kiến Vô Quải Ngại Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時在山居。以好繒(疊*毛)作校飾蓋貢上其佛。

Thời tại sơn cư. Dĩ hảo tăng điệp tác hiệu sức cái công thượng kỳ Phật.

Khi sống ở trên núi. Dùng lụa tốt đẹp làm lọng trang sức tỉ mỉ dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

兩音如來本宿命時。從師子步佛初發道心。時作陶師。

Vũ Âm Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Sư Tử Bộ Phật sơ phát Đạo tâm. Thời tác đào sư.

Vũ Âm Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Sư Tử Bộ Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi làm thợ đồ gốm.

而以澡罐貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Nhi dĩ táo quán công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Mà dùng gáo tắm dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

善思如來本宿命時。從普觀佛所初發道心。

Thiện Tư Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Phổ Quan Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thiện Tư Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Phổ Quan Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

作採華家子。以一蓮華貢上其佛。

Tác hái hoa gia tử. Dĩ nhất Liên hoa công thượng kỳ Phật.

Làm con trai gia đình hái hoa. Dùng một bông hoa Sen dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

快意如來本宿命時。從施超度佛所初發道心。

Khoái Ý Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thí Siêu Độ Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Khoái Ý Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thí Siêu Độ Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作尊者子。須曼華鬘貢上其佛。

Thời tác Tôn-Giả tử. Tu-mạn hoa man công thượng kỳ Phật.

Khi làm con trai của Tôn giả. Tựa hoa Tu man dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

離垢如來本宿命時。從善見佛所初發道心。時夜臥精舍。

Ly Cấu Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thiện Kiến Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời dạ ngoạ

Tịnh-xá.

Ly Cấu Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Kiến Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

Ban đêm ngủ ở trong Tịnh Xá.

貢上其佛拭手手巾。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Công thượng kỳ Phật thức thủ thủ cân. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dâng lên Phật đó khăn tay lau tay. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

名聞如來本宿命時。從善哉像佛所初發道心。染家作子。

Danh Văn Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thiện Tai Tượng Phật sở sơ phát Đạo tâm. Nhiệm gia tác tử.

Danh Văn Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Tai Tượng Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Làm con trai gia đình họ Nhiệm.

盛訶醯勒取滿手華供散佛上。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Thịnh Ha-hề-lặc thủ mãn thủ hoa cúng tán Phật thượng. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Cầm nhiều hoa Ha hề lặc đầy trên tay cúng rắc lên trên Phật. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

大稱如來本宿命時。從意稱佛所初發道心。

Đại Xưng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Ý Xưng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Đại Xưng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Ý Xưng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時在其國最為窮匱。以拘須摩好柔妙華貢上其佛。

Thời tại kỳ quốc tối vi cùng quĩ. Dĩ Câu-tu-ma hảo nhu diệu hoa cống thượng kỳ Phật.

Khi ở nước đó rất là thiếu thốn. Dùng hoa vi diệu mềm đẹp Câu tu ma dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

明珠髻如來本宿命時。從寶淨佛所初發道心。時作幼童。

Minh Châu Kế Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Bảo Tịnh Phật sở sơ phát Đạo tâm. Thời tác ấu đồng.

Minh Châu Kế Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Bảo Tịnh Phật đầu tiên phát tâm Đạo. Khi làm thiếu niên.

以滿手雜香供散其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Dĩ mãn thủ tạp hương cúng tán kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng nhiều loại hương đầy trên tay cúng rắc lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅強如來本宿命時。從熾盛光佛所初發道心。

Kiên Cường Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Sí Thịnh Quang Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Kiên Cường Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Sí Thịnh Quang Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作天上神妙天子。以天好扇貢上其佛。

Thời tác Thiên thượng Thần diệu Thiên-tử. Dĩ Thiên hảo phiến cống thượng kỳ Phật.

Khi làm Thần diệu Thiên Tử ở trên Trời. Dùng quạt tốt trên Trời dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

師子步如來本宿命時。從度超越佛所初發道心。

Sư Tử Bộ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Độ Siêu Việt Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Sư Tử Bộ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Độ Siêu Việt Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

曾為蓋師。盛陽暑時貢上其佛蓋及履屣。

Tăng vi cái sư. Thịnh dương thử thời cống thượng kỳ Phật cái cập lý tì.

Từng là người làm lọng. Khi Trời nóng phát mạnh dâng lên Phật đó lọng cùng với dày dép.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

神樹如來本宿命時。從寶淨佛所初發道心。

Thần Thụ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Bảo Tịnh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thần Thụ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Bảo Tịnh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作牧羊人於野牧羊。在途路見佛欣然。

Thời tác mục dương nhân ư dã mục dương. Tại đồ lộ kiến Phật hân nhiên.

Khi làm người chăn dê ở nơi hoang dã thả dê. Ở trên đường đi nhìn thấy Phật rất vui mừng.

即取樹皮貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Tức thủ thụ bì cống thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Tức thì cầm lấy vỏ cây dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

輒勝如來本宿命時。從決了覺佛所初發道心。

Triếp Thắng Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Quyết Liễu Giác Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Triếp Thắng Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Quyết Liễu Giác Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

曾作牧羊人。以取好鉢盛滿中乳貢上其佛。

Tăng tác mục dương nhân. Dĩ thủ hảo bát thịnh mãn trung nhũ cống thượng kỳ Phật.

Từng làm người chăn dê. Do lấy bát đẹp ở trong chứa đầy sữa dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

智積如來本宿命時。從慧英佛所初發道心。

Trí Tích Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Tuệ Anh Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Trí Tích Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Tuệ Anh Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作凡夫。布設法座一日供養佛比丘眾。

Thời tác Phàm phu. Bố thiết Pháp tòa nhất nhật cúng dưỡng Phật Tì-kheo chúng.

Khi làm người Phàm trần. Phân bố xây dựng tòa Pháp hàng ngày cúng dưỡng Phật Chúng Tì Kheo.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

善住如來本宿命時。從動覺佛所初發道心。

Thiện Trụ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Động Giác Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thiện Trụ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Động Giác Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

曾為治皮家作子。貢上其佛滿一抱毛。

Tăng vi trì bì gia tác tử. Công thượng kỳ Phật mãn nhất bão mao.

Tùng là con trai của gia đình thuộc gia. Dâng lên Phật đó một ôm đầy lông.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

虛空如來本宿命時。從行意佛所初發道心。

Hư Không Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Hạnh Ý Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Hư Không Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Hạnh Ý Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作客作人。以美水漿貢上其佛。

Thời tác khách tác nhân. Dĩ mỹ thủy tương công thượng kỳ Phật.

Khi làm người tiếp khách. Dùng nước tương ngon dâng lên Phật đó.

斷所作務己所食具上佛供養。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Đoạn sở tác vụ kỷ sở thực cụ thượng Phật cúng dưỡng. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Cắt bỏ được làm phục vụ bản thân được đầy đủ thức ăn cúng dưỡng dâng lên Phật. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

有承樂如來本宿命時。從善根佛所初發道心。

Hữu Thừa Lạc Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thiện Căn Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Hữu Thừa Lạc Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Căn Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

貢上其佛施服上尊。下黑良衣不用細(疊*毛)。

Cống thượng kỳ Phật thí phục thượng tôn. Hạ hắc lương y bất dụng tế điệp.

Dâng lên Phật đó quần áo may tốt đẹp nhất. Bên dưới áo tốt màu đen không sử dụng lông nhỏ.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

無量覺如來本宿命時。從威音佛所初發道心。

Vô Lượng Giác Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Uy Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Vô Lượng Giác Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Uy Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

在其方面貢上其佛所可坐樹。

Tại kỳ phương diện cống thượng kỳ Phật sở khả tọa thụ.

Sống ở nơi nào dâng lên Phật đó có được cây đề ngồi.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

善顏如來本宿命時。從光音佛所初發道心。

Thiện Nhan Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Quang Âm Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thiện Nhan Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Quang Âm Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時採眾果以青蓮華五莖貢上其佛。

Thời hái chúng quả dĩ thanh liên hoa ngũ hành công thượng kỳ Phật.

Khi hái các loại quả dùng 5 cành hoa Sen xanh dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

聖慧如來本宿命時。從善住佛所初發道心。

Thánh Tuệ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Thiện Trụ Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Thánh Tuệ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Trụ Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時作比丘處在閑居。淨除其佛所經行處。

Thời tác Tỳ-kheo xử tại nhàn cư. Tịnh trừ kỳ Phật sở kinh hành xứ.

Khi làm Tỳ Kheo ở nơi vắng vẻ. Làm sạch thêm nơi qua lại nơi ở của Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

光明佛如來本宿命時。從無量威佛所初發道心。

Quang Minh Phật Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Vô Lượng Uy Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Quang Minh Phật Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Vô Lượng Uy Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

居在城市直百千價坐具床褥貢上其佛。

Cư tại thành thị trực bách thiên giá tọa cụ sàng nhục công thượng kỳ Phật.

Sống ở nơi thành thị làm trăm nghìn đệm giường, đồ để ngồi quý giá dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

堅誓如來本宿命時。從緣思佛所初發道心。

Kiên Thệ Như Lai bản túc mệnh thời. Tông Duyên Tư Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Kiên Thệ Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Duyên Tư Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

作華鬘師以華貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Tác hoa man sư dĩ hoa công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Làm nghề chăm sóc hoa dùng hoa dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

吉祥如來本宿命時。從閑稱佛所初發道心。

Cát Tường Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Nhân Xung Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Cát Tường Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nhân Xung Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時負薪行道值風雨。因入精舍見佛弟子。

Thời phụ tân hành Đạo trị phong vũ. Nhân nhập Tịnh-xá kiến Phật đệ-tử.

Khi vác củi đi trên đợc gặp mưa gió. Nhân do vào trong nơi Tịnh Xá nhìn thấy Đệ tử của Phật.

以殊勝華貢上其佛。緣斯積德自致正覺度脫一切。

Dĩ thù thắng hoa công thượng kỳ Phật. Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Dùng hoa Thù thắng dâng lên Phật đó. Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

誠英如來本宿命時。從勳華如來初發道心。

Thành Anh Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Huân Hoa Như Lai sơ phát Đạo tâm.

Thành Anh Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo Huân Hoa Như Lai đầu tiên phát tâm Đạo.

時適洗浴以已發心。貢上其佛好香手自施與。

Thời thích tẩy dục dĩ dĩ phát tâm. Công thượng kỳ Phật hảo hương thủ tự thí dĩ.

Lúc thích hợp tắm rửa do đã phát tâm. Dâng lên Phật đó hương thơm tốt tự tay dâng cúng.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

青蓮華如來本宿命時。從妙華光如來所初發道心。

Thanh Liên Hoa Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Diệu Hoa Quang Như Lai sở sơ phát Đạo tâm.

Thanh Liên Hoa Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Diệu Hoa Quang Như Lai đầu tiên phát tâm Đạo.

時生尊者家作子。聰明勇慧。以紅蓮華貢上其佛。

Thời sinh Tôn-Giả gia tác tử. Thông minh dũng tuệ. Dĩ hồng Liên hoa công thượng kỳ Phật.

Khi sinh làm con trai gia đình Tôn giả. Thông minh dũng mãnh Trí tuệ. Dùng hoa Sen hồng dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

鉤鑠如來本宿命時。從難勝佛所初發道心。

Câu Tỏa Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Nan Thắng Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Câu Tỏa Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nan Thắng Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時主香市眾事販賣。以赤梅檀塗佛經行地。

Thời chủ hương thị chúng sự phiến mai. Dĩ xích Chiên-đàn đồ Phật kinh hành địa.

Khi chủ hương cân nhắc các việc mua bán. Dùng Chiên đàn đồ quyết lên nơi đất Phật qua lại.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

安氏如來本宿命時。從軟嚮佛所初發道心。

An Thị Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Nhuyễn Hương Phật sở sơ phát Đạo tâm.

An Thị Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Nhuyễn Hương Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

時國王遣行作使者。以三法衣與眾眷屬貢上其佛。

Thời Quốc-vương khiển hành tác sứ giả. Dĩ tam Pháp y dữ chúng quyến thuộc cống thượng kỳ Phật.

Khi Quốc Vương sai khiển làm sứ giả. Dùng ba áo Pháp cùng với các quyến thuộc dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

慧業如來本宿命時。從善見佛所初發道心。

Tuệ Nghiệp Như Lai bản túc mệnh thời. Tòng Thiện Kiến Phật sở sơ phát Đạo tâm.

Tuệ Nghiệp Như Lai vốn do thời Kiếp trước. Đi theo ở nơi Thiện Kiến Phật đầu tiên phát tâm Đạo.

與大眾俱以大幢蓋。和心同意貢上其佛。

Dữ Đại Chúng câu dĩ đại tràng cái. Hòa tâm đồng ý cống thượng kỳ Phật.

Tham gia cùng với Đại Chúng dùng lọng tràng phan lớn. Tâm hòa ý như nhau dâng lên Phật đó.

緣斯積德自致正覺度脫一切。

Duyên tư tích Đức tự trí Chính-giác độ thoát nhất thiết.

Duyên Đức tích lũy đó, Chính Giác tự đem tới độ thoát tất cả.

爾時世尊粗舉千佛都較本末。使諸一切大會集眾。

Nhĩ thời Thế Tôn thô cử thiên Phật đô giác bản mạt. Sữ chư nhất thiết đại hội tập chúng.

Khi đó Thế Tôn đơn cử sơ qua nghìn Phật đều rõ ràng nguồn ngọn. Giúp cho tất cả chúng sinh tập trung trong hội.

知其至要欲歎其德。因而頌曰。

Tri kỳ chí yếu dục tán kỳ Đức. Nhân nhi tụng viết :

Biết điều cốt yếu lớn đó, muốn ca ngợi công Đức của Phật. Nhân đây mà đọc bài tụng :

在諸佛所建立福祚

Tại chư Phật sở kiến lập Phúc-tộ.
Tại nơi Phật ở xây dựng ngôi Phúc.
所修行功少不足言
Sở thực hành công thiếu bất túc ngôn.
Công thực hành được ít không đủ nói.
而獲報應果實如是
Nhi hoạch báo ứng quả thực như thị.
Mà nhận báo ứng quả thực như thế.
何所明知不發道心
Hà sở minh tri bất phát Đạo tâm.
Sao biết được sáng không phát tâm Đạo.
虛空尚可盡度其際
Hư không thượng khả tận độ kỳ tế.
Khoảng không còn qua hết bờ của nó.
其大海水亦可計量
Kỳ đại hải thủy diệc khả kế lượng.
Nước biển lớn đó cũng thể tính lượng.
少少信喜樂向佛所
Thiểu thiểu tín hỉ lạc hướng Phật sở.
Tin ít ỏi vui hưởng về nơi Phật.
其德之報無能限量
Kỳ Đức chi báo vô năng hạn lượng.
Báo của Đức đó không thể hạn lượng.
不墮八難不值蔽礙
Bất đọa bát nạn bất trị tế ngại.
Không đọa 8 nạn không gặp che ngại.
緣斯乃致無為安樂
Duyên tư nãi trí Vô-vi an lạc.
Duyên đó đem tới Vô-vi an lạc
是故遇佛最勝福田
Thị cố ngộ Phật tối thắng Phúc điền.
Vì thế gặp Phật Phúc Đức tối cao.
恭恪奉事行無放逸
Cung khác phụng sự hành vô phóng dật.
Cung kính làm việc không phóng túng.
今我現在若滅度後
Kim Ngã Hiện-tại nhược Diệt-độ hậu.
Ta nay ở Đồi hay sau Tạ thế.

取佛舍利猶如芥子
Thủ Phật Xá-lợi do như giới tử.
Cầm Xá Lợi Phật như hạt cải.
信尊懷喜若供奉者
Tín tôn hoài hỉ nhược cung phụng giả.
Tin kính nhớ vui hay cung kính hành.
其福無底德不可思
Kỳ Phúc vô để Đức bất khả tư.
Phúc đó không đáy Đức không suy bàn.
虛空之界及眾生界
Hư không chi giới cập chúng sinh giới.
Thế giới khoáng không cùng thế giới Chúng.
發一切智心施佛德
Phát nhất thiết trí tâm thí Phật Đức.
Phát tâm tất cả Trí cho Phật Đức.
有斯四法誰敢底邊
Hữu tư Tứ-Pháp thùi cảm để biên.
Nếu 4 Pháp đó ai dám tới bờ đáy.
唯佛獨智無能盡限
Duy Phật độc Trí vô năng tận hạn.
Chỉ một Trí Phật không thể tận cùng.
猶如貧匱虛乏窮厄
Do như bản quỹ hư phạp cùng ách.
Như nghèo thiếu hồng tai ách khốn cùng.
喜得大藏周四十里
Hỉ đắc đại tạng châu tứ thập lý.
Vui được kho lớn dài rộng 20 km.
若發道心其德如是
Nhợc phát Đạo tâm kỳ Đức như thị.
Nếu phát tâm Đạo Đức đó như thế.
所住救濟一切眾生
Sở trụ cứu tế nhất thiết chúng sinh.
Nếu ở lại cứu tất cả chúng sinh.
其十力尊以八娛樂
Kỳ Thập-lực tôn dĩ bát ngu lạc.
Mười lực quý đó dùng 8 vui đùa.
斯以恩加五百佛護

Tur dĩ ân gia ngũ bách Phật hộ.
Họ dùng tăng ân 5 trăm Phật giúp.
曾見八萬上首諸佛
Tăng kiến bát vạn thượng thủ chư Phật.
Tùng gặp 8 vạn các Phật hàng đầu.
佛以頒宣四可悅義
Phật dĩ ban tuyên tứ khả duyệt nghĩa.
Phật dùng 4 nghĩa vui vẻ nói đọc.
曉了分別八十四義
Hiểu liễu phân biệt bát thập tứ nghĩa.
Hiểu rõ phân biệt tám mươi tư nghĩa.
乃至六萬諸法之門
Nãi chí lục vạn chư Pháp chi môn.
Thậm chí 6 vạn các loại môn Pháp.
敷演七十六慧道地
Phu diễn thất thập lục tuệ Đạo địa.
Phô diễn 7 mươi 6 Bạc Đạo tuệ.
佛以解暢十八諸行
Phật dĩ giải sướng thập bát chư hành.
Phật vì thông suốt tám mươi các Hành.
其十吉祥意五方便
Kỳ thập cát tường ý ngũ Phương-tiện.
Mười cát tường đó ý 5 Phương tiện.
斯十行本變百一億
Tur thập hành bản biến bách nhất ức.
Mười hành gốc đó biến trăm một triệu.
諸緣覺等所不能逮
Chư Duyên-giác đẳng sở bất năng đãi.
Các vị Duyên Giác không thể bắt kịp.
何況倚音眾聲聞黨
Hà hưởng ý âm chúng Thanh-văn đảng.
Hưởng chi các Thanh Văn nhờ âm thanh.
其餘諸相眾好八十
Kỳ dư chư tướng chúng hảo bát thập.
Các Tướng khác đó 8 mươi chúng Hảo.
諸佛威儀功勳所達
Chư Phật uy nghi công huân sở đạt.
Các Phật uy nghi công trạng thành đạt.

不可窮極無以為喻
Bất khả cùng cực vô dĩ vi dụ.
Không thể tới cùng không vì nói rõ.
是故名佛不可思議
Thị cố danh Phật bất khả tư nghị.
Vì thế tên Phật không thể suy bàn.
若有發心最尊佛道
Nhược hữu phát tâm tối tôn Phật Đạo.
Nếu có phát tâm Đạo Phật kính nhất.
雖處世間永安之業
Tuy xử Thế gian vĩnh an chi nghiệp.
Tuy ở Thế gian Nghiệp vĩnh viễn yên.
既遊方俗為大財富
Ký du phương tục vi đại tài phú.
Đã tới đời tục được giàu có lớn.
所至無倚無所繫屬
Sở chí vô ỷ vô sở hệ thuộc.
Tới được không nhờ không đâu lệ thuộc.
降伏眾魔逮得甘露
Hàng phục chúng Ma đãi đắc Cam-lộ
Hàng phục các Ma bắt được Giới tịnh.
以七寶業濟飽眾厄
Dĩ thất bảo nghiệp tế bão chúng ách.
Dùng nghiệp 7 báu cứu nhiều tai ách.
願在世間必過度俗
Nguyện tại Thế-gian tất quá độ Tục.
Nguyện ở Thế gian ắt vượt qua Tục.
猶如大雨普潤天下
Do như đại vũ phổ nhuận Thiên hạ.
Giống như mưa lớn thấm khắp Thiên hạ.
雖復遭苦無數百千
Tuy phục tao khổ vô số bách thiên.
Tuy lại gặp Khổ vô số trăm nghìn.
不久當成功勳威德
Bất cử đương thành công huân uy Đức.
Không lâu đang thành công trạng uy Đức.
一切世間皆歸斯無

Nhất thiết Thê-gian giai quy tư vô.

Tất cả Thê gian trở về Không có.

是以行道勿以為勞

Thị dĩ hành Đạo vật dĩ vi lao.

Vì thế hành Đạo đừng cho là mệt.

皆能含忍眾苦之患

Giai năng hàm nhẫn chúng khổ chi hoạn.

Đều năng Nhẫn hết các khổ hoạn nạn.

若以罪報墮於惡趣

Nhược dĩ tội báo đọa u ác thú.

Nếu do tội báo đọa xuống Đạo ác.

承功勳德必生天上

Thừa công huân Đức tất sinh Thiên thượng.

Nhờ Đức công trạng ắt sinh lên Trời.

何所明智與愚諍訟

Hà sở minh Trí dữ ngu tranh tụng.

Vì được Trí sáng cùng ngu đấu kiện.

無明迷惑知慧志安

Vô-minh mê hoặc tri tuệ chí an.

Ngu tối mê hoặc biết Tuệ chí yên.

智致道果癡不覺之

Trí trí Đạo quả si bất giác chi.

Trí được quả Đạo ngu không cảm giác

是故行道悉以忍之

Thị cố hành Đạo tất dĩ nhẫn chi.

Vì thế hành Đạo biết dùng Nhẫn nhục.

愚喜諍亂智無所訟

Ngu hỉ tránh loạn Trí vô sở tụng.

Vui ngu đấu loạn Trí không đấu kiện.

由斯棄捐眾不應業

Do tư khí quyên chúng bất ưng nghiệp.

Do dứt bỏ nó các Nghiệp không theo.

修其精修智明之行

Tu kỳ tinh tu Trí minh chi hành.

Sửa nó chăm thực hành Trí tuệ sáng.

以能捨斯不倚利養

Dĩ năng xả tư bất ỷ lợi dưỡng.

Do năng bỏ nó không nhờ lợi dưỡng.

常當勤修奉此三昧

Thường đương cần tu phụng thờ Tam-muội.

Thường cần phải kính tu Tam Muội này.

一一思念諸佛道德

Nhất nhất tư niệm chư Phật Đạo Đức.

Mỗi một nghĩ nhớ các Đức Đạo Phật.

忍無央數億劫難

Nhẫn vô ương số ức cai Kiếp nạn.

Nhẫn vô lượng triệu vạn vạn Kiếp nạn.

佛之功勳不可思議

Phật chi công huân bất khả tư nghị.

Công trạng của Phật không thể nghĩ bàn.

雖更眾苦固習道慧

Tuy cánh chúng khổ cố tập Đạo tuệ.

Tuy thêm các khổ cố học Đạo tuệ.

以忍為鎧及行定意

Dĩ Nhẫn vi khải cập hành Định ý.

Lấy Nhẫn làm giáp cùng hành Định ý.

立精進幢樂種禁戒

Lập Tinh-tiến tràng nhạc chúng Cấm-giới.

Lập cờ Tinh tiến, nhạc trờng Giới cấm.

智慧為藥力無等倫

Trí tuệ vi dược lực vô đẳng luân.

Trí tuệ là thuốc lực không sánh bằng.

降伏眾魔逮甘露果

Hàng phục chúng Ma đăi Cam-lộ quả.

Hàng phục các Ma bắt được quả Giới tịnh.

慈氏徒黨奉行道友

Từ Thị đồ đảng phụng hành Đạo hữu.

Học trò Từ Thị kính hạnh bạn Đạo.

勸度無極無所毀壞

Khuyến độ vô cực vô sở hủy hoại.

Khuyên Tới Niết Bàn không bị hủy hoại

行空室宅憐怕為食

Hành Không thất trách đàm phạ vi thực.

Hành ở phòng Rỗng lo sợ là ăn.

所習行業一切智德

Sở tập hành nghiệp nhất thiết Trí Đức.
Tập quán hành nghiệp tất cả Trí Đức.
是故常志無放逸行
Thị cố thường chí vô phóng dật hành.
Vì thế chí thường không hành phóng túng.
決解奉訓如上所教
Quyết giải phụng huấn như thượng sở giáo.
Kính giải quyết được lời dạy như trên.
猶如鴈鳴毀散雲雨
Do như nhạn minh hủy tán vân vũ.
Giống như nhạn kêu phá tan trận mưa.
當得普智勢不得久
Đương đắc phổ trí thế bất đắc cửu.
Đang được Trí rộng thế không được lâu.

歎古品第二十三

Thán cổ phẩm đệ nhị thập tam.
Phẩm thứ 23 Ca ngợi thời cổ.

於時佛復告喜王菩薩。乃往過去久遠世時。

Ư thời Phật phục cáo Hi-vương Bồ-tát. Nãi vãng Quá-khứ cửu viễn thế thời.

Khi đó Phật lại cáo Hi Vương Bồ-tát. Quay lại thời Quá khứ xa xưa.

有佛號無量精進如來至真等正覺明行成為善逝世間解無上士

Hữu Phật hiệu Vô Lượng Tinh-tiến Như Lai chí chân đẳng Chính-giác Minh Hạnh thành vi
Thiện-Thệ Thế-gian-giải Vô-thượng-Sĩ.

**Có Phật tên hiệu Vô Lượng Tinh-tiến Như Lai tới Chân Đẳng Chính Giác Hạnh sáng thành công
là Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ.**

道法御天人師號佛世尊。

Đạo Pháp ngự Thiên Nhân Sư hiệu Phật Thế Tôn.

Đạo Pháp điều khiển Thầy của Trời Người tên hiệu là Thế Tôn.

為百千億諸弟子眾天龍鬼神說是定意。

Vị bách thiên ức chư đệ-tử chúng Thiên Long Quỷ Thần thuyết thị Định-ý.

Vì trăm nghìn triệu các Đệ Tử các Trời Rồng Quỷ Thần nói Định ý đó.

時有國王王名德華。聞佛所說是定意義。

Thời hữu Quốc-vương Vương danh Đức-hoa. Văn Phật sở thuyết thị Định-ý nghĩa.

Thời có Quốc Vương tên hiệu Đức Hoa. Nghe được Phật nói nghĩa của Định ý đó.

告其八萬四千諸后嫫女及其千子。

Cáo kỳ bát vạn tứ thiên chư hậu cung nữ cập kỳ thiên Tử.

Bảo 8 vạn 4 nghìn các hậu cung nữ cùng với nghìn con trai của Ngài.

是深要定難可分別。斯義所趣甚多巍巍。

Thị thâm yếu Định nan khả phân biệt. Tư nghĩa sở thú thậm đa nguy nguy.

Định quan trọng thâm sâu đó khó có thể phân biệt. Hướng nghĩa của nó rất nhiều uy nghi.

而不可逮既不可了。雖不能行當求開解。

Nhi bất khả đãi ký bất khả liễu. Tuy bất năng hành đương cầu khai giải.

Mà không thể tóm bắt đã không thể biết rõ. Tuy không thể thực hành cần cầu khai sáng.

唯口誓願心思本行當勸斯定。佛之所演甚快無量。

Duy khẩu thệ nguyện tâm tư bản hành đương khuyến tư Định. Phật chi sở diễn thậm khoái vô lượng.

Tuy miệng thệ nguyện tâm tư duy vốn dĩ thực hành cần khuyên tu Định đó. Diễn thuyết của Phật rất hay vô lượng.

一切等心咸共勸助。世尊所講甚善甚善。

Nhất thiết đẳng tâm hàm cộng khuyến trợ. Thế Tôn sở giảng thậm thiện thậm thiện.

Tất cả tâm Bình đẳng đều cùng khuyên trợ giúp. Lời giảng của Thế Tôn rất thiện rất thiện.

以是勸助超八十劫生死之難。

Dĩ thị khuyến trợ siêu bát thập Kiếp sinh tử chi nạn.

Dùng nó khuyên trợ giúp vượt qua nạn sinh chết của 80 Kiếp.

在於居家逮得總持。名曰事業。

Tại cư gia đãi đắc Tổng-trì. Danh viết Sự-nghiệp.

Sống ở tại gia đình bắt giữ được toàn thể. Tên là Sự Nghiệp.

無復疑結皆共篤信如佛所說。以斯德本值見三姪諸佛世尊。

Vô phục nghi kết giai cộng đốc tín như Phật sở thuyết. Dĩ tư Đức bản trực kiến tam cai chư Phật Thế Tôn.

Không trở lại nghi hoặc kết buộc đều cùng hết lòng tin như Phật có nói. Dùng Đức vốn có đó, trực tiếp gặp 3 vạn vạn các Phật Thế Tôn.

皆從諸佛逮此三昧。不墮惡趣勤苦之路三惱之患。

Giai tông chư Phật đãi thử Tam-muội. Bất đọa ác thú cần khổ chi lộ tam não chi hoạn.

Đều đi theo các Phật bắt được Tam Muội đó. Không đọa xuống Đạo ác Đạo lao Khổ 3 Phiền não và hoạn nạn.

不遭八難無閑之厄。因是行業逮成無上正真之道為最正覺。

Bất tao bát nạn vô nhàn chi ách. Nhân thị hành nghiệp đãi thành Vô-thượng Chính-chân chi Đạo vi Tồi Chính-giác.

Không gặp 8 nạn bận rộn tai ách. Nhân do thực hành nghiệp đó cầm chắc thành công Đạo Bình Đẳng Chân Chính là Tồi Chính Giác.

方當成佛道度脫十方莫不蒙濟。於喜王意所趣云何。

Phương đương thành Phật Đạo độ thoát Thập phương mạc bất mônng tế. Ư Hỷ-vương ý sở thú vân hà.

Nơi đang thành Đạo Phật độ thoát 10 phương đều được cứu giúp. Với Hi Vương ý tứ ra sao ?

爾時德華王豈異人乎？莫造斯觀！所以者何。

Nhĩ thời Đức-hoa Vương khởi dị nhân hồ ? Mạc tạo tư quan ! Sở dĩ giả hà ?

Thời đó Vương Đức Hoa là người nào vậy ? Không phải tạo ra quan sát đó ! Có là sao ?

見今現在無量光如來是也。其王千子。

Kiến kim Hiện-tại Vô Lượng Quang Như Lai thị dã. Kỳ Vương thiên Tử.

Nay nhìn thấy đúng là Hiện tại Vô Lượng Quang Như Lai. Nghìn con trai của Vương đó.

今賢劫中千佛興者是也。勸助斯定神足威德巍巍如是。

Kim Hiền Kiếp trung thiên Phật hưng giả thị dã. Khuyến trợ tư Định Thần túc Uy đức nguy nguy như thị.

Nay chính là Nghìn Phật hưng thịnh trong Kiếp Hiền. Khuyến trợ giúp Định đó, Thần thông biến hóa Uy đức cao ngất như thế.

何況諷誦奉行習持如上法教。佛復告喜王菩薩！

Hà huống phúng tụng phụng hành tập trì như thượng Pháp giáo. Phật phục cáo Hi-vương Bồ-tát !

Huống chi đọc to tụng cung kính thi hành tập luyện giữ giáo Pháp như trên. Phật lại bảo Hi Vương Bồ-tát !

乃往過去無央數劫。時有佛號樂無量施。

Nãi vãng Quá-khứ vô ương số Kiếp. Thời hữu Phật hiệu Lạc Vô Lượng Thí.

Trở lại thời Quá khứ vô lượng số Kiếp. Thời có Phật tên hiệu Lạc Vô Lượng Thí.

與十姪眾眷屬圍遶而為說法。

Dữ thập cai chúng quyến thuộc vi nhiểu nhi vi thuyết Pháp.

Cùng với 10 vạn vạn các quyến thuộc vây quanh mà vì nói Pháp.

其紫金光在所照曜。斯光所照入赤梅檀。

Kỳ tử kim quang tại sở chiếu diệu. Tư quang sở chiếu nhập xích Chiên-đàn.

Quang vàng tía đỏ chiếu sáng nơi ở. Được Quang đó chiếu nhập vào Chiên đàn đỏ.

木檻美香展轉相勳普周十方。因已精勤慈愍一切。

Mộc檻 mật mỹ hương triển chuyển tương huân phổ châu Thập phương. Nhân kỹ tinh cần từ mẫn nhất thiết.

Hương gỗ mật tốt lưu chuyển cùng thơm khắp cả vòng quanh 10 phương. Nhân do bản thân tinh thông chuyên cần, tâm từ thương xót tất cả.

奉清白行致是功報。時轉輪王名曰擇明。

Phụng thanh bạch hành trí thị công báo. Thời Chuyển-luân Vương danh viết Trạch-minh.

Cung kính thực hành thanh bạch đem tới báo ứng công Đức đó. Thời tên của Chuyển Luân Vương là Trạch Minh

以是比像供養之具。奉行平等正覺。

Dĩ thị tỉ tượng cúng dưỡng chi cụ. Phụng hành Bình-đẳng Chính-giác.

Dùng Tượng vượt trội đó cúng dưỡng đầy đủ. Cung kính thực hành Bình đẳng Chính Giác.

普悉并周一切聖眾。一一精舍皆與給使。

Phổ tất tinh châu nhất thiết Thánh chúng. Nhất nhất Tịnh - xá giai dữ cấp sử.

Vòng quanh biết khắp cả tất cả các Thánh. Mỗi một nơi ở thanh tịnh ban cho sử dụng.

彼亦咸聞是三昧定意。因行斯業并悉普周。

Bỉ diệc hàm văn thị Tam-muội Định-ý. Nhân hành tư nghiệp tịnh tất phổ châu.

Họ cũng nghe toàn bộ Tam Muội Định đó. Nhân do hành nghiệp đó biết hầu hết khắp cả vòng quanh.

一切正法佛所宣布。亦共一心咨受要義。

Nhất thiết Chính-Pháp Phật sở tuyên bố. Diệc cộng nhất tâm tư thụ yếu nghĩa.

Tất cả Pháp đúng được Phật tuyên bố. Cũng cùng nhất tâm bàn luận thu nhận nghĩa trọng yếu.

時佛侍者名曰無損智。博聞最上不失佛意。

Thời Phật thị giả danh viết Vô-tôn-trí. Bác văn tối thượng bất thất Phật ý.

Khi người trợ giúp của Phật tên là Vô Tôn Trí. Uyên bác nghe cao nhất không mất ý của Phật.

隨時之宜不違繩墨。其佛應時告彼侍者。

Tùy thời chi nghi bất vi thàng mặc. Kỳ Phật ứng thời cáo bỉ thị giả.

Thuận thời thích hợp không ngược lại mực thước. Phật đó thuận thời bảo người trợ giúp đó.

佛曉了解是三昧定。如吾本學此三昧法不可居家。

Phật hiểu liễu giải thị Tam-muội Định. Như Ngô bản học thử Tam-muội Pháp bất khả cư gia.

Phật hiểu biết rõ Tam Muội Định đó. Như Ta vốn dĩ học Pháp Tam Muội này không thể ở gia đình.

能分別暢斯義甚遠。時轉輪王聞此至教心自念言：

Năng phân biệt sướng tư nghĩa thậm viễn. Thời Chuyển-luân Vương văn thử chí giáo tâm tự niệm ngôn：

Có thể phân biệt thông suốt, nghĩa đó rất thâm sâu xa thẳm. Khi là Vua Chuyển Luân nghe giáo lý lớn này, tâm tự suy nghĩ nói rằng：

在國穢濁出乃清淨。寧可棄國除去鬚髮捨家捐業。

Tại quốc uế trọc xuất nãi thanh tịnh. Ninh khả khí quốc trừ khứ tu phát xả gia quyên nghiệp.

Ở Đất nước trọc uế vừa mới phát ra Thanh tịnh. Chắc chắn cần bỏ buông Đất nước cắt trừ râu tóc rời gia đình quên sự nghiệp.

服著袈裟行作沙門。釋濁就清乃應佛教。

Phục trước Ca-sa hành tác Sa-môn. Thích trọc tự thanh nãi ứng Phật giáo.

Mặc áo Già Sa thực hành làm Sa Môn. Bỏ ô trọc gần Thanh tịnh mới thuận theo giáo lý của Phật.

輒如所計棄國捨城不貪四方。除去鬚髮被法袈裟行作沙門。

Triếp như sở kế khí quốc xả thành bất tham tứ phương. Trừ khứ tu phát bị Pháp Ca-sa hành tác Sa-môn.

Liên theo như tính kế buông bỏ Đất nước rời bỏ cung thành không tham 4 phương. Cắt bỏ râu tóc mặc áo Pháp Già Sa thực hành làm Sa Môn.

及與千子八萬大臣八萬四千諸后嫪女。皆從出家悉作沙門。

Cập dữ thiên tử bát vạn Đại-thần bát vạn tứ thiên chư hậu cung nữ. Giai tông xuất gia tất tác Sa-môn.

Cùng với một nghìn con trai, 8 vạn Đại thần 8 vạn 4 nghìn các cung nữ hậu cung. Đều đi theo xuất gia tất cả làm Sa Môn.

咸往詣佛稽首足下。長跪叉手諮問世尊此三昧定。時佛知心性。

Hàm vãng nghệ Phật khê thủ túc hạ. Trường quy xoa thủ tư vấn Thế Tôn thử Tam-muội Định. Thời Phật tri tâm tính.

Toàn bộ đi tới nơi Phật phục đất đỉnh lễ đầy đủ. Quý lâu chấp tay thăm hỏi Thế Tôn Tam Muội Định này. Lúc đó Phật biết tâm tính.

以是三昧具足七日廣為解說。斯等聞之展轉相謂：

Dĩ thị Tam-muội cụ túc thất nhật quảng vi giải thuyết. Tư đẳng văn chi triển chuyển tương vị. Dùng Tam Muội đó giảng giải rộng khắp trọn vẹn 7 ngày. Họ nghe xong truyền rộng ra cùng nhau cho là :

是三昧法甚難見聞。我等寧可好諦書寫此三昧定。

Thị Tam-muội Pháp thậm nan kiến văn. Ngã đẳng ninh khả hảo đế thư tả thử Tam-muội Định. Pháp Tam muội đó rất khó được nghe thấy. Chúng ta chắc chắn có thể ghi chép chân thực Tam muội Định này.

持諷誦學為人具說。咸共書寫供養奉事。

Trì phúng tụng học vi nhân cụ thuyết. Hàm cộng thư tả cúng dưỡng phụng sự.

Giữ đọc to tụng học vì người nói đầy đủ. Toàn bộ cùng nhau viết chép cúng dưỡng cung kính công việc.

各執經卷少能諷誦。壽終之後皆共和同。

Các chấp Kinh quyển thiểu năng phúng tụng. Thọ chung chi hậu giai cộng hòa đồng.

Họ cầm giữ sách Kinh, ít người có thể đọc to tụng. Sau khi bỏ mệnh đều cùng nhau hòa đồng. 見六十姪諸佛正覺。各諸佛所聞是三昧。

Kiến lục thập cai chư Phật Chính-giác. Các chư Phật sở văn thị Tam-muội.

Nhìn thấy 60 vạn vạn các Phật Chính Giác. Họ ở nơi các Phật nghe Tam Muội đó.

皆棄捐家出作沙門普得斯定。以是德本悉當得佛。

Giai khí quyên gia xuất tác Sa-môn phổ đắc tư Định. Dĩ thị Đức bản tất đương đắc Phật.

Đều buông bỏ gia đình Xuất gia làm Sa môn khắp tất cả được Định này. Dùng Đức vốn có đó biết đang được thành Phật.

如本所誓不違正願。佛言：喜王！

Như bản sở thệ bất vi chính nguyện. Phật ngôn : Hi-vương !

Được như thệ nguyện cũ không ngược lại nguyện chính. Phật nói rằng : Hi Vương.

欲知爾時普廣意轉輪聖王。則定光如來是也。

Dục tri nhĩ thời Phổ-quảng -ý Chuyển-luân Thánh Vương. Tắc Định Quang Như Lai thị dã.

Muốn biết thời đó Phổ Quảng Ý Chuyển Luân Thánh Vương. Chắc là cũng là Định Quang Như Lai

其佛侍者名曰無損智比丘者。維衛佛是也。

Kỳ Phật thị giả danh viết Vô-quyên-trí Tì-kheo giả. Duy Vệ Phật thị dã.

Người giúp việc Phật đó tên là Vô Quyên Trí Tì Kheo. Cũng chính là Duy Vệ Phật.

其王千子。是賢劫中過千佛已。六十五劫當斷無佛。

Kỳ Vương thiên tử. Thị Hiền Kiếp trung quá thiên Phật dĩ. Lục thập ngũ Kiếp đương đoạn vô Phật.

Một nghìn con trai của Vương đó. Đã là nghìn Phật trải qua trong Kiếp Hiền đó. 65 Kiếp đang cắt bỏ không có Phật.

然後有劫號大名稱。皆同斯劫成最正覺。

Nhiên hậu hữu Kiếp hiệu Đại Danh Xung. Giai đồng tư Kiếp thành Tối Chính-giác.

Sau đó có Kiếp tên hiệu là Đại Danh Xung. Đều cùng như Kiếp đó thành Tối Chính Giác.

其彼世時八萬大臣。在大名稱劫而復學道。

Kỳ bỉ thế thời bát vạn Đại thần. Tại Đại Danh Xung Kiếp nhi phục học Đạo.

Tám vạn Đại thần ở thời của Vương đó. Ở tại Kiếp Đại Danh Xung mà trở lại học Đạo Phật.

過是劫已中間斷絕。竟八十劫都無佛興。

Quá thị Kiếp dĩ trung gian đoạn tuyệt. Cánh bát thập Kiếp đô vô Phật hưng.

Đã trải qua Kiếp đó trong khoảng thời gian cắt bỏ. Lại thêm 80 Kiếp đều không có Phật hiện ra Đời.

然後有劫名喻星宿。其八萬大臣於斯劫中成最正覺。

Nhiên hậu hữu Kiếp danh Dụ Tinh Tú. Kỳ bát vạn Đại thần ư tư Kiếp trung thành tối Chính-giác.

Sau đó có Kiếp tên là Dụ Tinh Tú. Tám vạn Đại thần đó ở trong giữa Kiếp đó thành Tối Chính Giác.

過星宿劫中間斷絕。竟三百劫中久無佛興。

Quá Tinh Tú Kiếp trung gian đoạn tuyệt. Cánh tam bách Kiếp trung cửu vô Phật hưng.

Trải qua Kiếp Tinh Tú trong khoảng thời gian cắt bỏ. Lại thêm trong 300 Kiếp lâu dài không có Phật xuất hiện ở Đời.

然後有劫名重清淨。此轉輪聖王后妃嫫女八萬四千。

Nhiên hậu hữu Kiếp danh Trọng Thanh Tịnh. Thủ Chuyển-luân Thánh Vương hậu phi cung nữ bát vạn tứ thiên.

Sau đó có Kiếp tên hiệu Trọng Thanh Tịnh. Tám vạn 4 nghìn hậu phi cung nữ của Chuyển Luân Thánh Vương này.

當於其劫成最正覺各各異號。佛言：喜王！

Đương ư kỳ Kiếp thành Tối Chính-giác các các dị hiệu. Phật ngôn : Hỉ-vương !

Đang ở trong Kiếp đó thành Tối Chính Giác từng người tên hiệu khác nhau. Phật nói rằng : Hỉ Vương !

斯三昧定果報無極巍巍如是。是故喜王！

Tư Tam-muội Định quả báo vô cực nguy nguy như thị. Thị cố Hỉ-vương !

Quả báo của Tam muội Định đó không hết uy nghi như thế. Vì thế Hỉ Vương !

今佛囑累一切菩薩。若有菩薩志性仁和。

Kim Phật chúc lũy nhất thiết Bồ-tát. Nhược hữu Bồ-tát chí tính nhân hòa.

Nay Phật để lại cho tất cả Bồ Tát. Nếu có Bồ Tát ý chí tính nhân hòa.

心無所慕不貪身命。唯念當求是三昧定。

Tâm vô sở mộ bất tham thân mệnh. Duy niệm đương cầu thị Tam-muội Định.

Tâm không quyến luyến không tham thân mệnh. Chỉ nhớ cần cầu Tam Muội Định đó.

若有菩薩至欲速成無上正真之道為最正覺。

Nược hữu Bồ-tát chí dục tốc thành Vô-thượng Chính-chân chi Đạo vi Tối Chính-giác.

Nếu có Bồ Tát muốn nhanh tới thành Đạo Bình Đẳng Chân Chính là Tối Chính Giác.

當勤精進學斯三昧定意。受持諷誦一心奉行。

Đương cần Tinh-tiến học tư Tam-muội Định ý. Thụ trì phúng tụng nhất tâm phụng hành.

Nên chuyên cần Tinh tiến học Tam Muội Định ý đó. Nhận giữ đọc tụng nhất tâm cung kính thực hành.

為他人說廣解其義。佛於是頌曰：

Vì tha nhân thuyết quảng giải kỳ nghĩa. Phật u thị tụng viết：

Vì người khác nói giảng giải rộng khắp nghĩa đó. Phật nói ở bài tụng đó.

欲志求道義 逮得佛正覺

Dục chí cầu Đạo nghĩa. Đãi đắc Phật Chính-giác.

Chí muốn cầu Nghĩa Đạo. Bất được Phật Chính Giác.

當慕勤學此 天中天尊業

Đương mộ cần học thử. Thiên trung Thiên Tôn Nghiệp.

Cần chuyên ham học nó. Nghiệp Phật Trời giữa Trời.

其餘諸學業 無有如斯利

Kỳ dư chư học Nghiệp. Vô hữu như tư lợi.

Các Nghiệp học khác đó. Không có bằng lợi đó.

唯當立正住 修正誠道行

Duy đương lập chính trụ. Tu chính thành Đạo hạnh.

Chỉ cần lập ở đúng. Tu đúng thành Đạo hạnh.

若信樂此德 所生處不變

Nược tín nhạo thử Đức. Sở sinh xứ bất biến.

Nếu tin ham Đức này. Nơi được sinh không đổi.

所誓願若斯 得其福報應

Sở thệ nguyện nhược tư. Đắc kỳ Phúc báo ứng.

Được thệ nguyện như thế. Được theo Phúc báo đó.

是故奉和心 不懷諛諂意

Thị cố phụng hòa tâm. Bất hoài du siểm ý.

Vì thế tâm hòa kính. Ý không nghĩ siểm nịnh.

勤修專精行 如中所言教

Cần tu chuyên tinh hành. Như trung sở ngôn giáo.

Cố thực hành chuyên tinh. Dạy như trong đợc nói.

佛所諮嗟斯諸勝 若有欲觀此神聖

Phật sở tư ta tư chư thắng. Nhực hữu dục đồ thử Thần Thánh.

Đợc Phật hỏi thương các hơn đó. Nếu muốn gặp đợc Thần Thánh này.

廣欲布教法之訓 當習斯教如前行

Quảng dục bố giáo Pháp chi huấn. Đương tập tư giáo như tiền hạnh.

Muốn ban bố rộng luyện giáo Pháp. Cần luyện giáo đó như hạnh trước.

若能勸助德具足 若復執持諷誦讀

Nhực năng khuyến trợ Đức cụ túc. Nhực phục chấp trì phúng tụng đọc.

Nếu năng khuyến giúp đầy đủ Đức. Nếu lại cầm giữ đọc tụng học.

眾生不能盡思際 何況聞之能奉行

Chúng sinh bất năng tận tư tế. Hà huống văn chi năng phụng hành.

Chúng sinh không thể nghĩ hết biên. Huống chi nghe đợc năng kính hành.

有分別說化他意 御行晃曜所志道

Hữu phân biệt thuyết hóa tha ý. Ngự hành hoảng diệu sở chí Đạo.

Nếu phân biệt nói hóa ý khác. Kính hành thoảng qua nhớ đợc Đạo.

逮致相好諸佛法 則當逮得是三昧

Đãi trí Tướng-Hảo chư Phật Pháp. Tác đưng đãi đắc thị Tam-muội.

Đem tới Tướng Hảo các Pháp Phật. Chắc cần bắt đợc Tam Muội đó.

消除罪釁因降魔 消滅諸見愛盡然

Tiêu trừ tội hần nhân hàng Ma. Tiêu diệt chư kiến ái tận nhiên.

Tiêu trừ tội tranh đấu do Ma thua. Tiêu diệt hết tận các thấy yêu.

娛樂清淨諸佛土 行斯三昧不難致

Ngụ lạc Thanh tịnh chư Phật thổ. Hành tư Tam-muội bất nan trí.

Vui đùa Thanh tịnh các Đất Phật. Hành Tam Muội đó đợc không khó.

輒獲解脫成具光 總持一切所治業

Triếp hoạch Giải-thoát thành cụ quang. Tổng trì nhất thiết sở trì nghiệp.

Liên đợc Giải thoát thành đủ Quang. Tổng thể tất cả Nghiệp đợc sửa.

則成所願逮正覺 住斯定意皆報辦

Tác thành sở nguyện đãi Chính-giác. Trụ tư Định ý giai báo biện.

Chắc ý nguyện thành bắt Chính Giác. Ở trong Định ý đều báo đủ.

佛已嘆此說其教 汝等造行是餘法

Phật dĩ tán thử thuyết kỳ giáo. Nhữ đẳng tạo hành thị dư Pháp.

Phật đã khen nó dạy lời đó. Các Ngài tạo hành Pháp khác đó.

來世之時勿懷恨 言我違失一切智

Lai thể chi thời vật hoài hận. Ngôn ngữ vi thất nhất thiết Trí.

Khi tới Đòi sau đừng nghĩ hận. Nói tôi ngược lại mất hết Trí.

今所諮嗟度無極 若有慕求慧印道

Kim sở tư ta độ vô cực. Nhược hữu mộ cầu Tuệ ấn Đạo.

Nay được hỏi thương Tới Niết Bàn. Nếu có mong cầu Đạo Trí Tuệ.

若遇不能行斯義 倚著身者無聖明

Nhược ngộ bất năng hành tư nghĩa. Ý trước thân giả vô Thánh-minh.

Nếu gặp không thể hành nghĩa này. Dựa nhờ thân giả không Trí Thánh.

將來末俗返義人 消滅諸法長惡趣

Tương-lai mặt tục phản nghĩa nhân. Tiêu diệt chư Pháp trường ác thú.

Tương lai Tục hết người phản nghĩa. Tiêu diệt các Pháp Đạo ác tăng.

大智之士以用憂 常畏眾塵無放逸

Đại Trí chi sĩ dĩ dụng ưu. Thường úy chúng trần vô phóng dật.

Chí Sĩ Trí lớn do vì lo. Thường sợ các Trần không phóng túng.

佛復告喜王！若有菩薩千劫之中奉六度無極捨權方便。

Phật phục cáo Hỷ-vương ! Nhược hữu Bồ-tát thiên Kiếp chi trung phụng Lục-độ vô cực, xả quyền Phương-tiện.

Phật lại bảo Hỷ Vương ! Nếu có Bồ Tát ở trong nghìn Kiếp cung kính 6 Pháp Tới Niết Bàn. buông bỏ quyền Phương tiện.

不如一時聞是三昧正定以用勸助。昔古已來所立福慶。

Bất như nhất thời văn thị Tam-muội Chính-định dĩ dụng khuyến trợ. Tích cổ dĩ lai sở lập Phúc khánh.

Không bằng phút chốc nghe Tam Muội Chính Định dùng để khuyến giúp. Xa xưa tới nay lập được Phúc yên vui.

比斯經典所建功祚。百倍千倍萬倍巨億萬倍無以為喻。

Tỉ tư Kinh điển sở kiến công tộ. Bách bội thiên bội vạn bội cự ức vạn bội vô dĩ vi dụ.

So với Kinh này làm được công Phúc. Trăm lần nghìn lần vạn lần lớn vạn triệu lần không lấy làm bàn bàn luận.

所以者何？斯經至要去來今佛之所由生。

Sở dĩ giả hà ? Tư Kinh chí yếu Khứ-Lai-Kim Phật chi sở do sinh.

Cớ là sao ? Kinh này trọng yếu lớn được do sinh Phật thời Quá khứ Hiện tại Tương lai.

大目阿彌陀阿闍如來。賢劫千佛三世無限。

Đại Mục, A Di Đà, A Súc Như Lai. Hiền Kiếp thiên Phật Tam-thế vô hạn.

Đại Mục, A Di Đà, A Súc Như Lai. Nghìn Phật Kiếp Hiền 3 Đời vô hạn.

皆由是定自致成佛。猶如虛空含受一切。

Giai do thị định tự trí thành Phật. Do như hư không hàm thụ nhất thiết.

Đều do Định đó tự đem tới thành Phật. Giống như Không không bao dung nhận tất cả.

萬種所有十方三界有無諸形。斯定如是。

Vạn chủng sở hữu Thập phương Tam-giới hữu vô chư hình. Tư Định như thị.

Được vạn chủng loại Có, 10 phương 3 Cõi giới, Có không có các hình. Định đó như thế.

無上正真含苞大道。開化黎庶皆入法身。

Vô-thượng Chính-chân hàm bao Đại Đạo. Khai hóa lê thứ giai nhập Pháp thân.

Bình Đẳng Chân Chính chứa đựng bao bọc Đạo lớn. Khai hóa dân nghèo đều nhập vào Thân Pháp.

佛說是經時不可計菩薩。聞之亘然皆得立不退轉地。

Phật thuyết thị Kinh thời bất khả kể Bồ-tát. Văn chi tuyên nhiên giai đắc lập Bất-thoái-chuyển địa.

Lúc Phật nói Kinh đó không thể tính được số Bồ Tát. Nghe đọc như thế đều tạo lập được Bạc Không thoái lui.

無央數人悉發無上正真道意。十方會者皆咸蒙恩。

Vô ương số nhân tất phát Vô-thượng Chính-chân Đạo ý. Thập phương hội giả giai hàm mông ân.

Vô lượng số người biết phát ý Đạo Bình Đẳng Chân Chính. Hội Pháp 10 phương tất cả đều được ân.

八十億載諸天人眾離垢諸法眼生。是諸天人聞佛所說。

Bát thập ức tải chư Thiên nhân dân viễn trần ly cấu chư Pháp-nhãn sinh. Thị chư Thiên nhân văn Phật sở thuyết.

80 triệu các người Trời xa rời Phiền não sinh các Pháp Bồ Tát. Các người Trời đó nghe được Phật nói.

善心生焉道意明矣。散華周遍三千大千世界以覆佛上。

Thiện tâm sinh yên Đạo ý minh hĩ. Tán hoa chu biến Tam-thiên Đại-thiên Thế-giới dĩ phúc Phật thượng.

Tâm thiện sinh yên ôn ý Đạo sáng tỏ. Rắc hoa biến tỏa ra vòng quanh khắp Ba nghìn Đại thiên Thế giới dùng che lên trên Phật.

此三千世界六反震動。天住虛空鼓百千伎。

Thử Tam-thiên Thế giới lục phản chấn động. Thiên trụ hư không cổ bách thiên kỹ.

Ba nghìn Đại thiên Thế giới này 6 loại chấn động. Trời ở trong khoảng không gõ trăm nghìn kĩ nhạc.

以娛樂佛及諸大眾。喜王菩薩等三十億人。

Dĩ ngu lạc Phật cập chư Đại Chúng. Hỷ-vương Bồ-tát đẳng tam thập ức nhân.

Do vui sướng Phật cùng với các Đại Chúng. Hỷ Vương Bồ Tát cùng với 30 triệu người.

普皆一時得是三昧。時天帝釋前白佛言：

Phổ giai nhất thời đắc thị Tam-muội. Thời Thiên-đế Thích tiền bạch Phật ngôn：

Khắp cả đều cùng một lúc được Tam Muội đó. Lúc Ngọc hoàng Thượng đế ở phía trước bạch Phật nói rằng：

快哉法化其義至深妙哉難及。從古至今未曾見聞如是真義。

Khoái tai Pháp hóa kỳ nghĩa chí thâm diệu tai nan cập. Tòng cổ chí kim vị tăng kiến văn như thị chân nghĩa.

Vui thay Pháp hóa ra nghĩa đó rất thâm sâu vi diệu khó theo kịp. Từ xưa tới nay chưa từng nghe thấy nghĩa chân thực như thế.

諸度無極種種別異。品品所宣靡不盡暢。

Chư độ vô cực chủng chủng biệt dị. Phẩm phẩm sở tuyên mị bất tận sướng.

Các Pháp Tối Niết Bàn đủ loại phân biệt khác lạ. Từng phẩm được đọc thông suốt tới tận cùng. 內外表裏法教所開。三毒五陰十二牽連。

Nội ngoại biểu lý Pháp giáo sở khai. Tam-độc Ngũ-âm thập nhị khiên liên.

Biểu hiện trong ngoài giáo Pháp được sáng rõ. Ba độc 5 Uẩn 12 Liên lụy.

四大六衰諸蔽睡眠靡不忽除。宣示四等四恩六度無極。

Tứ-Đại lục suy chư tế thụy miên mị bất hốt trừ. Tuyên thị Tứ-đẳng Tứ-ân Lục-độ vô cực.

Bốn Đại 6 suy bại các che phủ ngủ mê bỗng nhiên diệt trừ tất cả. Nói hiện ra 4 Bình đẳng, 4 ân, 6 Pháp Tối Niết Bàn.

空無相願大慈大哀。善權方便敷演道化。

Không Vô-tướng-nguyện Đại Từ đại ai. Thiện quyền Phương-tiện phu diễn Đạo hóa.

Rỗng không, Không có hình tướng, Không có Nguyện Đại Từ Đại Bi. Thiện quyền Phương-tiện phô diễn biến hóa Đạo.

以消眾生八萬四千眾結塵勞。尋輒滅除四魔為伏。

Dĩ tiêu chúng sinh bát vạn tứ thiên chúng kết trần lao. Tầm triếp diệt trừ, Tứ-Ma vi phục.

Dùng để tiêu tan 8 vạn 4 nghìn các Phiền não kết buộc của chúng sinh. Tìm thấy liền diệt trừ, 4 Ma bị hàng phục.

真道法藥療三界病。三達之船載度十方。

Chân Đạo Pháp-dược liệu Tam-giới bệnh. Tam đạt chi thuyền tải độ Thập phương.

Thuốc Pháp của Đạo Chân Chính chữa trị bệnh của Ba Cõi giới. Thuyền của 3 thông suốt chở vượt qua tới 10 phương.

去來今佛之所由生。歎諸過去無央數佛。

Khứ-Lai-Kim Phật chi sở do sinh. Thán chư Quá-khứ vô ương số Phật.

Phật Quá khứ Hiện tại Tương lai được do sinh. Ca ngợi vô số các Phật Quá khứ

始元諸尊發意以來。積行至真自致成佛。

Thủy nguyên chư Tôn phát ý dĩ lai. Tích hạnh chí chân tự trí thành Phật.

Xa xưa các Tôn Đức phát ý tới nay. Tích hạnh tới Chân chính tự đem tới thành Phật.

化諸當來菩薩所行。千佛本末發意成佛。

Hóa chư đương lai Bồ-tát sở hành. Thiên Phật bản mạt phát ý thành Phật.

Hóa ra hạnh của các Bồ Tát thời Tương lai. Nguồn ngọn nghìn Phật phát ý thành Phật.

國土父母諸子侍者左右上首眾。所學教弟子。

Quốc thổ phụ mẫu chư tử thị giả tả hữu thượng thủ chúng. Sở học giáo đệ-tử.

Đất nước cha mẹ các con, người giúp việc chúng sinh đứng hàng đầu hai bên phải trái. Đệ tử được học giáo lý.

吾等聞之如冥覩明。若有學是賢劫三昧經典之要。

Ngô đẳng văn chi như minh đồ minh. Nhược hữu học thị Hiền Kiếp Tam-muội Kinh điển chi yếu.

Chúng con nghe được như tối gặp được sáng. Nếu có học Kinh điển trọng yếu của Tam Muội Kiếp Hiền đó.

吾與官屬往營護之。當令心安意定不忘。

Ngô dữ quan thuộc vãng doanh hộ chi. Đương linh tâm an ý định bất vong.

Con cùng với quan viên quyền thuộc vãng tới doanh trại bảo vệ. Cần giúp cho tâm yên ổn ý định không quên mất.

在其左右而宿衛之。勅眾邪鬼自然消除。

Tại kỳ tả hữu nhi tú vệ chi. Sắc chúng tà Quỷ tự nhiên tiêu trừ.

Ở bên phải bên trái hộ mà bảo vệ yên ổn. Lệnh cho các chúng Tà Ma Quỷ tự nhiên tiêu trừ.

令諸學士恣意精修長得安隱。佛言：善哉！天帝！

Linh chư học-sĩ tứ ý tinh tu trường đắc an ổn. Phật ngôn : Thiện tai ! Thiên đế !

Giúp cho người học ý thoải mái tinh thông thực hành được tăng trưởng yên ổn. Phật nói rằng : Thiện thay ! Ngọc đế !

吾代爾喜乃欲助衛無上大道。

Ngô đại nhĩ hĩ nãi dục trợ vệ Vô-thượng Đại Đạo.

Ta thay mặt hộ vui mừng lại muốn trợ giúp bảo vệ Bình Đẳng Đạo lớn.

去來今佛之所由生。除權方便六度無極三十七品。

Khứ-Lai-Kim Phật chi sở do sinh. Trừ quyền Phương-tiện Lục-độ vô cực tam thập thất phẩm.

Phật Quá khứ Hiện tại Tương lai được do sinh. Ngoài quyền Phương tiện, 6 Pháp Tới Niết Bàn, 37 phẩm trợ Đạo Pháp.

一切諸法所不能逮。其學斯法超越生死疾成正覺。

Nhất thiết chư Pháp sở bất năng đãi. Kỳ học tư Pháp siêu việt sinh tử tột thành Chính-giác.

Tất cả các Pháp không thể theo kịp được. Nếu học Pháp này vượt qua sinh chết nhanh thành Chính Giác.

爾時四天王。前白佛言：我等！世尊！

Nhĩ thời Tứ Thiên Vương, tiền bạch Phật ngôn : Ngã đẳng ! Thế Tôn.

Khi đó 4 Thiên Vương ở phía trước bạch Phật nói rằng : Chúng con ! Thế Tôn!

放捨天上自然之樂。往詣法師而擁護之。

Phóng xả Thiên thượng tự nhiên chi lạc. Vãng nghệ Pháp sư nhi ủng hộ chi.

Buông bỏ vui sướng tự nhiên ở trên Trời. Vãng tới nơi Thầy Pháp mà ủng hộ.

百由旬外令無伺求得其便者。使護法師廣布道化。

Bách Do-tuần ngoại linh vô tư cầu đắc kỳ tiện giả. Sử hộ Pháp sư quảng bố Đạo hóa.

Ngoài 2 nghìn km giúp cho không có người rình mò tìm được Phương tiện của họ. Giúp bảo vệ thầy Pháp tuyên bố rộng khắp Đạo Pháp.

古大聖教永得久存。令賢劫中千佛本末周流十方。

Cổ Đại Thánh giáo vĩnh đắc cửu tồn. Linh Hiền Kiếp trung thiên Phật bản mạt châu lưu Thập phương.

Giáo Pháp của Đại Thánh cổ xưa vĩnh viễn trường tồn. Giúp cho ngọn nguồn của nghìn Phật trong Kiếp Hiền lưu truyền khắp 10 phương.

諸當來學聞之慕及從是得成。

Chư đương lai học văn chi mộ cập tòng thị đắc thành.

Tương lai học nghe ngưỡng mộ cùng với theo đó được thành công.

使此三昧而不斷絕。興隆三寶一切蒙濟。

Sử thử Tam-muội nhi bất đoạn tuyệt. Hưng long Tam-Bảo nhất thiết mônng tế.

Làm cho Tam Muội này mà không đoạn tuyệt. Tam Bảo hưng thịnh tất cả được cứu giúp.

囑累品第二十四

Chúc lữ phẩm đệ nhị thập tứ.

Phẩm thứ 24 Di chúc để lại.

爾時世尊告賢者阿難！受斯本法古今諸佛之所由生也

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Hiền-giả A-nan ! Thụ tư bản Pháp cổ kim chư Phật chi sở do sinh dã.

Khi đó Phật bảo Hiền giả A Nan ! Nhận Pháp cơ bản đó từ xưa đến nay các Phật được do sinh ra.

人命難得。經道難值。佛世難遇。

Nhân mệnh nan đắc. Kinh Đạo nan trực. Phật thế nan ngộ.

Mệnh người khó được. Kinh Đạo khó trực tiếp gặp. Phật ở Đời khó gặp.

所以知難。千佛過已六十五劫世無有佛。

Sở dĩ tri nan. Thiên Phật quá dĩ lục thập ngũ Kiếp thế vô hữu Phật.

Sở dĩ khó biết. Đã trải qua nghìn Phật, 65 Kiếp Đời không có Phật.

中間曠絕。過大稱劫八十劫中亦復無佛。

Trung gian khoáng tuyệt. Quá Đại Xung Kiếp bát thập Kiếp trung diệc phục vô Phật.

Giữa thời gian hết dễ chịu. Qua Kiếp Đại Danh Xung trong 80 Kiếp cũng không có Phật.

過星宿劫經三百劫。玄斷法教佛不復興。

Quá Tinh Tú Kiếp kinh tam bách Kiếp. Huyền đoạn Pháp giáo Phật bất phục hưng.

Qua Kiếp Tinh Tú trải qua 300 Kiếp. Giáo Pháp dứt đoạn đến tối, Phật không trở lại hưng thịnh.

至淨光劫乃當有佛。是故知之佛世難值世人可傷。

Chí Tịnh Quang Kiếp nãi đương hữu Phật. Thị cố tri chi Phật thế nan trực thế nhân khả thương.

Tối Kiếp Tịnh Quang mới lại đang có Phật. Vì thế biết được Phật ở Đời trực tiếp khó gặp người đời cần thương xót.

投在盲冥不識道教。流墮生死輪轉無際。

Đầu tại manh minh bất thức Đạo giáo. Lưu đọa sinh tử luân chuyển vô tế.

Đâm đầu vào mù tối không thức tỉnh Đạo giáo. Lưu chuyển đọa vào vòng luân chuyển sinh chết không có giới hạn.

若在地獄燒炙毒痛。不可復計億載年歲。

Nhược tại Địa-ngục thiêu chích độc thống. Bất khả phục kế ức tái niên tuế.

Nếu tại Địa ngục đốt nướng đau khổ độc. Không thể tính quay trở về chuyển qua triệu năm tuổi.

餓鬼飢渴窮乏甚困。生死不得苦惱焦然。不可計數脫出無期。

Nga-quỷ cơ khát cùng phạp thậm khốn. Sinh tử bất đắc khổ não tiêu nhiên. Bất khả kế số thoát xuất vô kỳ.

Quý đói đói khát cùng cực rất khốn khó. Sinh chết không được, khổ não thiêu đốt. Không thể tính số không có kỳ hạn thoát ra.

畜生禽獸轉相食噉。受斯毒害動有劫數。從冥入冥從苦入苦。

Súc-sinh cầm thú chuyển tương thực đạm. Thụ tư độc hại động hữu Kiếp số. Tông minh nhập minh tông khổ nhập khổ.

Súc sinh cầm thú chuyển sang ăn thịt lẫn nhau. Nhận độc hại đó động có số Kiếp. Theo tối nhập vào tối theo khổ nhập vào khổ.

出於地獄復入餓鬼。出於餓鬼復入畜生。

Xuất ư Địa-ngục phục nhập Nga-quỷ. Xuất ư Nga-quỷ phục nhập Súc-sinh.

Ra khỏi Địa ngục lại nhập vào Quý đói. Ra khỏi Quý đói lại nhập vào Súc sinh.

地蟲屎蟲草蟲螟蟲。一一說之不可終極。

Địa trùng thí trùng thảo trùng minh trùng. Nhất nhất thuyết chi bất khả chung cực.

Trùng trong đất trùng trong phân trùng trên cây trùng sâu keo. Mỗi một lời nói không thể cuối cùng hết.

痛不可言甚可憐傷。佛出世間皆為斯類。

Thống bất khả ngôn thậm khả lân thương. Phật xuất Thế gian giai vị tư loại.

Khổ không thể nói rất là thương xót. Phật xuất hiện ở Thế gian đều vì loại đó.

開示語之不肯信受。放心蕩逸如盲投冥。

Khai thị ngữ chi bất khăng tín thụ. Phóng tâm đặng dật như manh đầu minh.

Khai sáng hiện ra lời nói không quyết định tin nhận. Tâm buông thả phóng túng như mù đâm đầu vào tối.

如狂溺水。猶迷趣谷不見眾難。

Như cuồng nịch thủy. Do mê thú cốc bất kiến chúng nạn.

Như điên cuồng chìm trong nước. Như mê muội hướng vào trong hang, không nhìn thấy các nạn.

佛以大慈顯揚大道。頒宣諸度八萬四千。

Phật dĩ Đại Từ hiển dương Đại-Đạo. Ban tuyên chư Độ bát vạn tứ thiên.

Phật dùng Đại Từ hiện ra Đạo lớn. Tuyên bố các Pháp Tối Niết Bàn 8 vạn 4 nghìn.

以無量法以化眾生。八萬四千眾結之患。四魔之難。

Dĩ vô lượng Pháp dĩ hóa chúng sinh. Bát vạn tứ thiên chúng kết chi hoạn. Tứ-Ma chi nạn.

Dùng vô lượng Pháp đem giáo hóa chúng sinh. Tám vạn 4 nghìn các oán kết hoạn nạn. Hoạn nạn của 4 Ma.

皆為降伏。不計吾我。使發無上正真道意行菩薩法。

Giai vi hàng phục. Bất kể ngô ngã. Sử phát Vô-thượng Chính-chân Đạo ý hành Bồ-tát Pháp.

Đều bị hàng phục. Không tính kẻ tôi ta. Khiến cho phát ý Đạo Bình Đẳng Chính Chân thực hành Pháp Bồ Tát.

濟生死苦無三惡趣。自度脫彼無三界患。

Tế sinh tử khổ vô tam Ác-thú. Tự độ thoát bị vô Tam-giới hoạn.

Cứu giúp Khổ sinh chết không có 3 Đạo ác. Tự độ thoát họ không có 3 Cõi giới hoạn nạn.

然後來世諸學四輩。聞菩薩法知之為快。

Nhiên hậu lai thế chư học tứ bối. Văn Bồ-tát Pháp tri chi vi khoái.

Sau đó đời sắp tới các Học Thanh Văn 4 Chúng đệ tử. Nghe Pháp Bồ Tát biết vì vui thích.

不能諷誦抱著心懷。喜雜句說。

Bất năng phúng tụng bảo trước tâm hoài. Hỉ tạp cú thuyết.

Không thể đọc tụng, tâm ôm ấp nương nhờ hoài nghi. Vui nói câu hỗn tạp.

不志深妙空法之義。聞至深慧巨然無際。

Bất chí thâm diệu Không Pháp chi nghĩa. Văn chí thâm tuệ tuyên nhiên vô tế.

Không chí tâm thâm sâu nghĩa Pháp Rỗng không vì diệu. Nghe tới tuệ thâm sâu nói như thế không có giới hạn.

又興所習以為第一。有聞大道謂不緒聽。

Hựu hưng sở tập dĩ vi đệ nhất. Hữu văn Đại-Đạo vị bất tự thính.

Mới lại hưng khởi tu tập vì là bậc nhất. Nếu nghe Đạo lớn gọi là không nghe.

欲得易解說其罪福。攀緣稱說倚俗神仙世典雜言。

Dục đắc dị giải thuyết kỳ tội phúc. Phan duyên xưng thuyết ý tục Thần Tiên thế điển tạp ngôn.

Muốn được dễ hiểu nói tội Phúc đó. Nói đọc Duyên lời kéo dựa vào Thần Tiên, đời tục lời nói hỗn loạn chuyện cũ ở Đời.

謂之至妙咸共學聽。歡喜無量以自忻慶。

Vị chi chí diệu hàm cộng học thính. Hoan hỉ vô lượng dĩ tự hân khánh.

Gọi là rất vi diệu toàn bộ cùng nhau nghe học. Vui mừng vô lượng do tự vui mừng phần khởi.

荷宿功福聞講深法反復解義。名言復重而不可知。

Hà tú công Phúc văn giảng thâm Pháp phản phục giải nghĩa. Danh ngôn phục trọng nhi bất khả tri.

Gánh vác công Phúc Kiếp trước, nghe giảng Pháp thâm sâu trở lại giảng giải nghĩa. Tên là Nói lại điểm quan trọng mà không có thể biết.

便睡眠寐或臥不聽。正法滅盡皆由是矣。

Tiền thụy miên寐 hoặc ngoạ bất thính. Chính-Pháp diệt tận giai do thị hĩ.

Liên ngủ say hoặc nằm không nghe. Chính Pháp mất hết đều do điều đó.

佛言：我往過去無數劫時。

Phật ngôn : Ngã vãng Quá-khứ vô số Kiếp thời.

Phật nói rằng : Ta vãng tới vô số Kiếp thời Quá khứ.

喜雜句說妄想倚住。六度無極不能自達通致大道。

Hỉ tạp cú thuyết vọng tưởng ý trụ. Lục-độ vô cực bất năng tự đạt thông trí Đại-Đạo.

Nói câu hỗn loạn vui vẻ ảo tưởng dựa vào ở lại. 6 Pháp Tới Niết Bàn không thể tự thông tỏ đem tới Đạo lớn.

至定光佛乃了亘然。捨眾妄想心無所著。

Chí Định Quang Phật nãi liễu tuyên nhiên. Xả chúng vọng tưởng tâm vô sở trước.

Tới Định Quang Phật mới hiểu rõ nói đọc như thế. Buông bỏ các ảo tưởng tâm không có nương nhờ.

乃能逮得無所從生法忍。為定光佛所見授決。

Nãi năng逮 đắc vô sở tông sinh Pháp-nhẫn. Vi Định Quang Phật sở kiến thụ quyết.

Mới có thể bắt được Pháp nhẫn không từ đâu sinh. Được Định Quang Phật nhìn thấy quyết định truyền thụ.

解三世空。以無礙法尋覩於今五濁之世。

Giải Tam-thế Không. Dĩ vô ngại Pháp tầm đồ ư kim Ngũ-tục chi thế.

Hiểu 3 Đời Rỗng không. Dùng Pháp không có trở ngại tìm gặp tới nay đời 5 tục ác.

多逆少順罪不可計。在於末世示現佛身。

Đa nghịch thiểu thuận tội bất khả kể. Tại ư mạt thế thị hiện Phật thân.

Nghịch nhiều thuận ít tội không thể tính được. Ở trong thời vận hết hiện ra thân Phật.

度餘濁俗使行道法。濟三界難悉令永安。

Độ dư tục tục sử hành Đạo Pháp. Tế Tam-giới nạn tất linh vĩnh an.

Vượt qua đời tục ô tục khác giúp thực hành Đạo Pháp. Cứu độ hoạn nạn của 3 Cõi giới giúp cho tất cả vĩnh viễn yên ổn.

佛告阿難！受是過去諸佛學業。

Phật cáo A-nan ! Thụ thị Quá-khứ chư Phật học Nghiệp.

Phật bảo A Nan ! Nhận Nghiệp học của các Phật thời Qua khứ đó.

當來現在諸度無極八千四百變為八萬四千。

Đương-lai Hiện-tại chư Độ-vô-cực bát thiên tứ bách biến vi bát vạn tứ thiên.

Hiện tại Sắp tới các Pháp Tới Niết bàn 8 nghìn 4 trăm biến thành 8 vạn 4 nghìn.

及其賢劫千佛本末宿命所行。從初發心至成佛道。

Cập kỳ Hiền Kiếp thiên Phật bản mạt túc mệnh sở hành. Tông sơ phát tâm chí thành Phật Đạo.

Cùng với thực hành được nguồn ngọn Kiếp trước của nghìn Phật của Kiếp Hiền. Từ đầu tiên phát tâm tới thành Đạo Phật.

國土壽命父母妻子。上尊弟子得度人數。

Quốc thổ thọ mệnh phụ mẫu thê tử. Thượng tôn đệ-tử đắc độ nhân số.

Đất nước thọ mệnh cha mẹ vợ con. Bậc trên đệ tử số người được độ thoát.

所當開化猶如種樹下子在土。視不可知人不見之。

Sở đương khai hóa do như chủng thụ hạ tử tại thổ. Thị bất khả tri nhân bất kiến chi.

Cần được khai hóa giống như trồng cây, bên dưới hạt ở trong đất. Nhìn không thể biết, người không thể thấy được.

又本其子稍稍生長。因成大樹甚高巍巍。

Hựu bản kỳ tử sảo sảo sinh trưởng. Nhân thành đại thụ thậm cao nguy nguy.

Mới lại hạt đó vốn dĩ dần dần sinh trưởng. Nhân do thành cây lớn, rất cao lớn uy nghi.

然後大樹廣有所覆。枝葉華實多所饒益遠近眾人。

Nhiên hậu đại thụ quảng hữu sở phúc. Chi diệp hoa thực đa sở nhiêu ích viển cận chúng nhân.

Sau đó cây lan rộng ra có được che phủ. Cành lá hoa quả được nhiều lợi ích cho chúng sinh gần xa.

菩薩如是從初發心已來。

Bồ-tát như thị tòng sơ phát tâm dĩ lai.

Bồ Tát như thế từ ban đầu phát tâm tới nay.

種少少福積功累德。遂至無限諸度無極。

Chúng thiểu thiểu Phúc tích công lũy Đức. Toại chí vô hạn chư Độ-vô-cực.

Trồng chút ít Phúc tích lũy công Đức. Toại chí không có giới hạn các Pháp tới Niết Bàn.

自致成佛度脫一切。賢者阿難！受持諷誦為他人說。

Tự trí thành Phật độ thoát nhất thiết. Hiền-giả A-nan ! Thọ trì phúng tụng vì tha nhân thuyết.

Tự đem tới thành Phật độ thoát tất cả. Hiền giả A Nan ! Nhận giữ đọc tụng vì người khác nói.

將來菩薩所當奉行。若於千劫行六度無極無善權方便。

Tương-lai Bồ-tát sở đương phụng hành. Nhược ưu thiên Kiếp hành Lục-độ vô cực vô thiện quyền Phương-tiện.

Bồ Tát thời Tương lai đang được cung kính thực hành. Nếu với nghìn Kiếp thực hành Pháp tới Niết Bàn không có thiện quyền Phương tiện.

不如聞是經典之要福多於彼。

Bất như văn thị Kinh điển chi yếu Phúc đa ưu bỉ.

Không bằng nghe yếu lĩnh của Kinh điển đó Phúc nhiều hơn nó.

何況至心受持諷誦。宣示同學四輩一心奉行。福不可喻。

Hà huống chí tâm thụ trì phúng tụng. Tuyên thị đồng học tứ bối nhất tâm phụng hành. Phúc bất khả dụ.

Huống chí chí tâm nhận giữ đọc tụng. Đọc hiện ra cùng nhau học, 4 Chúng Đệ tử nhất tâm cung kính thực hành. Phúc không thể nói được.

慇懃書寫勿失一字。所以者何？

Ân cần thư tả vật thật nhất tự. Sở dĩ giả hà ?

Ân cần ghi chép đừng mất một chữ. Có là sao ?

去來今佛之所由生。宣示同學普流十方。

Khứ-Lai-Kim Phật chi sở do sinh. Tuyên thị đồng học phổ lưu Thập phương.

Phật Quá khứ Tương lai Hiện tại được do sinh. Đọc hiện ra cùng học lưu truyền khắp cả 10 phương.

一切蒙慈乃報佛恩。阿難白佛。

Nhất thiết mông từ nãi báo Phật ân. A-nan bạch Phật.

Tất cả được tâm Từ liền báo ân của Phật. A Nan bạch Phật.

唯奉當受宣布示語一切此名何經？以何奉持？佛告阿難！

Duy phụng đương thụ tuyên bố thị ngữ nhất thiết thử danh hà Kinh ? Dĩ hà phụng trì ? Phật cáo A-nan !

Chỉ có cần cung kính nhận tuyên bố hiện ra nói tất cả điều này, Kinh tên là gì ? Dùng cái gì cung kính giữ ? Phật bảo A Nan !

是名賢劫三昧千佛本末決諸法本三昧正定。

Thị danh Hiền Kiếp Tam-muội thiên Phật bản mạt, quyết chư Pháp bản Tam-muội Chính-định.

Tên đó là Nguồn ngọn nghìn Phật Kiếp Hiền Tam Muội, quyết định các Pháp Tam Muội Chính Định vốn có.

當受奉行。宣布八極上下無極。佛說如是。

Đương thụ phụng hành. Tuyên bố bát cực thượng hạ vô cực. Phật thuyết như thị.

Cần nhận cung kính thực hành. Tuyên bố 8 cao nhất trên dưới không có cao nhất. Phật nói như thế.

喜王菩薩一切開士諸聲聞等。天龍鬼神阿須倫世間人民。

Hỉ-vương Bồ-tát nhất thiết Khai-sĩ chư Thanh-văn đẳng. Thiên Long Quỷ Thần A-tu-luân Thế-gian nhân dân.

Hỉ Vương Bồ Tát tất cả Khai sĩ các Thanh văn. Trời Rồng Quỷ Thần A Tu La Thế gian Trời Người.

聞佛所說莫不歡喜作禮而去。

Văn Phật sở thuyết mạc bất hoan hỉ tác lễ nhi khứ.

Nghe được Phật nói tất cả đều vui mừng làm lễ mà ra đi.

賢劫經卷第八

Hiền Kiếp Kinh quyển đệ bát.

Kinh Kiếp Hiền quyển thứ 8.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiến Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiến Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 11/2010.

=====